

Đặc Sản

BÌNH ĐỊNH

**XUÂN
NHÂM THÌN
2012**

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA



SENTER FOOD

DAI HUNG SUPERMARKET

COMPLETE AMERICAN, MEXICAN AND ORIENTAL FOOD

- Senter Food chúng tôi có lò chiên cá, làm sạch, làm trắng cá Bông Lau mà không tính tiền để phục vụ khách hàng.
- Bãi đậu xe an toàn, dễ ra vào.

3975 SENTER ROAD at HELLYER AVE
SAN JOSE, CA 95111

(408) 227-8881

恭
禧
發
財



CHÚC
MỪNG
NĂM
MỚI

Cung Chúc Tân Xuân

COMPLETE AMERICAN, MEXICAN AND ORIENTAL FOOD

- Senter Food chúng tôi có lò chiên cá, làm sạch, làm trắng cá Bông Lau mà không tính tiền.
- Bãi đậu xe an toàn, dễ ra vào.
- Hàng hoá đầy đủ và tươi tốt, giá rẻ hơn các nơi khác.

*Muốn tiết kiệm nhiều,
xin ghé qua Senter Seafood*

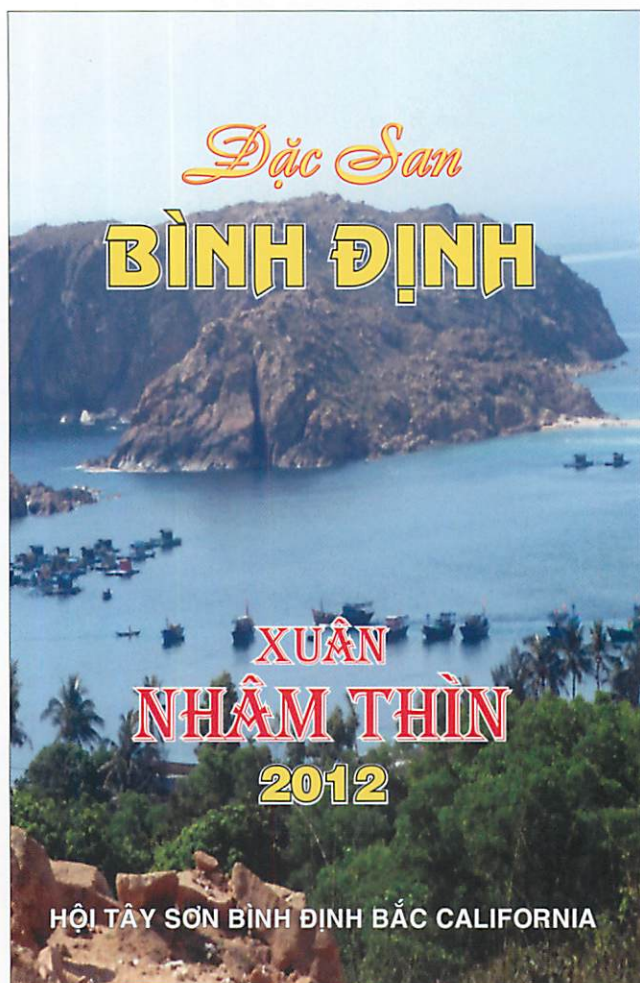
Mở cửa 7 ngày trong tuần (365 ngày): từ 8:00AM - 8:00PM

Nhân dịp Xuân về, toàn thể nhân viên và gia đình Senter Food trân trọng kính chúc Quý Khách một năm tràn đầy sức khoẻ, an khang và thịnh vượng

Hội Tây Sơn Bình Định
Bắc Cali

Trần Trọng Kính Biếu





Hình bìa Đặc San 2012

- Đảo Hòn Khô ở thôn Hải Đông, xã Nhơn Hải (Phương Mai cũ), thành phố Quy Nhơn.

- Anh của Khổng Xuân Hiền

* Những hình ảnh dùng minh họa cho đặc san này được lấy từ internet nhằm mục đích giúp cho đặc san được sống động và phong phú. Rất tiếc là không xin phép được các tác giả.

Ngoài ra, trong việc trình bày cũng không sao tránh khỏi những sơ sót nhất là lỗi đánh máy, Ban Biên Tập đặc san xin quý độc giả vui lòng thông cảm cho.



ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

Xuân Nhâm Thìn

CHỦ TRƯỞNG

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI

BAN THỰC HIỆN

TRƯƠNG TOẠI, ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG, NGUYỄN BÁ THƯ,
ĐẶNG ĐỨC BÍCH, ĐƯỜNG ANH ĐỒNG, QUÁCH TỬ,
NGUYỄN ĐIỀU

CỘNG TÁC

Bảo Tố - Bạch Tâm - Bette Gau (Bell) - BH - Bích Ly - BN - Bích Thanh
- Biển Thuộc - Bùi Đắc Bảo - Bùi Đắc Khải - Bùi Thế Trường - Bùi Thúc Kháng
- Bùi Trọng Khuê - Bướm Trắng - Chu Hà - Cù Hòa Phong - Cù Mộc Nguyễn Kim
Ba - D. Nguyễn - Du Sơn Lăng Tử - Đào Đức Chương - Đào Vinh Tuấn - Đắc Đăng
- Đặng Đức Bích - Đặng Hiếu Kính - Đặng Mỹ Dung - Đặng Ngọc Anh - Đặng Phú
Phong - Đặng Quý Địch - Đặng Thiên Sơn - Đặng Vinh Mai - Đình Chính - Đoàn
Bình Viên - Đỗ Hồng Châu - Đỗ Thu Ba - Đỗ Hùng - Đước Nhà Nam - Đường Anh
Đồng - Giác Lương Tuệ Đàm Tử - Hà Quế Linh - Hà Thúc Hùng - HSH - Hạo Nhiên
Nguyễn Tấn Ích - Hoa Trạng Nguyên - Hoài Hương NTT - Hoàng Thế Diễm - Hồ Sĩ
Duy - Huỳnh Thị Kim Oanh - Ts Huy Lực Bùi Tiên Khôi - Huy Phương - Huyền Vũ
- Ls John P. Lê Phong - Không Đạt - Lam Giang - Lam Nguyên - Lãng Hồ Nguyễn
Khắc Kham - Lâm Phú - Lê Chu - Lê Công Thành - Lê Đình - Lê Hùng - Lê Lana
- Lê Minh Trí - Lê Nguyễn - Lê Phương Nguyễn - Lê Tấn Phước - Lê Thị Bạch Liên
- Lê Văn Ba - Lê Văn Huyền - Linh Vàng - Lý Minh Đạo - Lưu Trung Tử - Mai Xuân
Lực - Mang Đức Long - Mạnh Linh Diệp Kỳ Mãnh - Minh Tâm - Minh Tân Phạm
Hà Hải - Minh Thi - Mộng Bình Sơn - Mỹ Vân - Nhất Dạ - Nhật Hạnh - Ngọc Anh
(Virginia) - Ngọc Anh (California) - Ngô Đình Phùng - Nguyễn An Phong - Nguyễn
Bá Thư - Nguyễn Bường - Nguyễn Công Hoàng - Nguyễn Công Lượng - Nguyễn Điều
- Nguyễn Hòa - Nguyễn Hoài Niệm - Nguyễn Hòe - Nguyễn Hùng - Nguyễn Hữu
Thời - Nguyễn Mạnh An Dân - Nguyễn Ngọc An - Nguyễn Phan Ngọc An - Nguyễn
Quý Đại - Nguyễn Tâm Linh - Ts Nguyễn Thanh Liêm - Nguyễn Thế Giác - Nguyễn
Thế Thiệu - Nguyễn Thị Thọ - Nguyễn Thiện Trường - Nguyễn Thịnh - Người Họ
Bùi - Người Tây Sơn - Bs Nguyễn Trác Hiếu - Ts Nguyễn Văn Canh - TĐ Nguyễn
Việt Nho - Phạm Ngọc Hải - Phạm Từ Sơn - Phạm Tước - Phan Bá Trác - Phan
Tấn Thiện - Phan Thanh Hùng - Phan Tường Niệm - Phan Văn Hàm - Phố Đào
Nguyễn - Phù Ly - Phú Xuân - Quách Tử - Quế Lan - Tạ Chí Đại Trường - Tạ Chí
Thân - Tạ Chí Đại Trường - Tạ Chương Ánh - Tạ Chương Trí - Tam Bình - Tâm
Hội - Tâm Triều - Thạch Khê - Ts Thái Công Tụng - Thái Sinh - Thái Tấu - Thanh
Huyền - Thanh Hư - Thảo Chương (Trần Quốc Việt) - Thiên Tâm - Thiên Tử - Thục
Diễm - Tiểu Sơn - Thư Trang - Trác Như - Trang Xuyên - Trần Anh Lan - Ts Trần
Anh Tuấn - Trần Cẩm Tú - Bs Trần Đình Đệ - Trần Đình Mười - Trần Đình Thông
- Trần Minh Triết - Bs Trần Như Luận - Ts Trần Văn Đạt - Tri Ta - Triều Phong
- Triệu Phổ - Trosset Hồng Mai Cassandra - Trúc Chi - Trúc Nhi - Ts Trương Gia
Ban - Bs Trương Gia Trinh - Trương Hồng Ân - Ns Trương Hồng Liên - Trương
Giovanna Thu Long - Trương Toại - Trương Trường Thịnh - Trường An - Từ Lê Ngô
- TV (Tacoma) - Ueyehara Trương Amanda - Ueyehara Trương Ariana - Uyên Thông
- Việt Bằng - Việt Thao - Vinh Xuyên - Võ Bá Hà - Võ Thanh Văn - Võ Ngọc Uyên
- Võ Trứ - Vũ Gia Sắc - Vũ Ngọc Bích - Vương Nhân - Xuân Diễm - Xuân Hòa
- YTH Nguyễn Thy Tử.

Vô cùng nhớ ơn, thương tiếc quý thành viên Ban Chấp Hành Hội Tây Sơn Bình
Định Bắc California, cùng các Văn Thi Hữu Biên Tập và Cộng Tác với Đặc San Bình
Định Bắc Cali đã quá vãng: Giáo Sư Lãng Hồ Nguyễn Khắc Kham, Đặng Vinh Mai,
Thục Diễm, Võ Bá Trác.

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

2077 Wendover Ln., San Jose, CA 95121

Tel: (408) 387-3784

Giấy phép hoạt động số 254047 ngày 19-6-2003/CA

CỐ VẤN

Bs. Cai Văn Dung	Ông Tony Đình
Ông Trương Toại	Ông Nguyễn Bá Thư
Ông Đào Đức Chương	Ông Đặng Đức Bích
Ông Đoàn Hữu Đức	Ông Đường Anh Đồng
Ông Bảo Tố	Ông Nguyễn Mai
Ông Nguyễn Diêu	Ông Đỗ Hùng
Ông Cao Văn Phổ	

HỘI TRƯỞNG TIỀN NHIỆM

Bác sĩ Cai Văn Dung (1997 - 2003)

Ông Tony Đình (2003 - 2011)

BAN CHẤP HÀNH

Hội Trưởng: Ông Phan Thanh Hùng

Phó Hội Trưởng Nội Vụ: Ông Trương Thế Phiệt

Phó Hội Trưởng Ngoại Vụ: Ông Nguyễn Cẩm Mậu

Tổng Thư Ký: Ông Võ Hân

Phó Tổng Thư Ký: Bà Nancy Nguyễn

Thủ Quỹ: Ông Nguyễn Mỹ

BAN GIÁM SÁT

Ông Quách Tứ, Ông Đặng Đức Thông

CÁC ỦY VIÊN

- Ban Văn Nghệ: Ông Bảo Tố, Ông Nguyễn Hòa.
- Ban Khánh Tiết: Ô.Ô Phan Thái, Nguyễn Thường, Phan Minh Lượng.
- Ban Thông Tin, Báo Chí: Ô.Ô. Trương Toại, Đào Đức Chương, Nguyễn Bá Thư, Đặng Đức Bích, Đường Anh Đồng, Quách Tứ, Nguyễn Diêu.
- Ban Tiếp Tân: Quý Bà Kim Định, Hồ Ái Hoa, Đặng Thi Kim Cúc, Nguyễn Thị Để, Bà Nguyễn Cẩm Mậu, Trần Thị Ngũ.

ĐẠI DIỆN CÁC VÙNG

Đại Diện vùng Stockton: Ông Lê Đức Hưng

Đại Diện vùng Hayward: Ông Đỗ Hùng

Đại Diện Vùng San Jose: Ô.Ô. Cao Văn Phổ, Nguyễn Hoàng,

Là thư Xuân

Kính thưa Quý vị Trưởng Thượng,
Kính thưa Quý Quan Khách,
Kính thưa Quý Đồng Hương Bình Định,



T rước thêm năm mới, tôi rất hân hạnh được đại diện Ban Chấp Hành Hội Tây Sơn Bình Định trân trọng kính chúc toàn thể Quý vị và gia đình một Năm Mới an lành, sức khỏe và tràn đầy hạnh phúc.

Cứ mỗi độ Xuân về, lòng người ly hương không khỏi ngậm ngùi tưởng nhớ về quê hương xa xôi vạn dặm, ở xa tít bên kia bờ Thái Bình Dương. Nơi đó còn có mồ mả ông bà, cha mẹ, nơi đó còn giữ lại biết bao nhiêu kỷ niệm, hoài bão của thời niên thiếu. Thế mà chúng ta đành đoạn dứt áo ra đi, vì chúng ta không thể sống chung với người Cộng Sản. Thời gian 37 năm kể từ khi quê hương bị bức tử, ngồi bình tâm nghĩ lại, việc bỏ nước ra đi bằng cách này hay cách khác là một quyết định khôn ngoan. Dù rằng biết ra đi là chúng ta mất tất cả, phải làm lại từ đầu bằng con số không. Nhưng khi đến được bến bờ tự do, sống dưới sự bao dung của dân tộc Hoa Kỳ, với một thời gian kỷ lục người Việt Tỵ Nạn nói chung và dân Bình Định nói riêng đã hiện ngang chen vai sát cánh với người bản xứ và cùng các sắc dân bạn xây dựng, đóng góp vào sự phát triển của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Chúng ta, thế hệ thứ nhất của người Việt Nam lánh nạn Cộng Sản tại các quốc gia Tự do trên thế giới. Cũng chính chúng ta là những chiến sĩ của Thế Giới Tự Do chiến đấu chống chế độ Cộng Sản. Chúng ta đã bị phản bội, đã bị bán đứng chứ chúng ta không hề thua cuộc. Chúng ta vẫn tiếp tục kiên cường chiến đấu anh dũng trong các trại tù Cộng Sản trong tình trạng hết sức bất lợi, nhưng cuối cùng chúng ta đã chiến thắng. Chúng chẳng có thể giết chúng ta được, buộc phải thả chúng ta ra và để chúng ta ra đi theo sự sắp xếp của Hoa Kỳ. Ở xứ người, chúng ta vẫn theo đuổi việc chiến đấu với bạo quyền Cộng Sản vì tự do và nhân quyền cho đồng bào ta tại quê nhà. Chắc người Cộng Sản đã bỏ ra biết bao công sức, bao nhiêu tiền bạc nhưng vẫn không thể làm lung lay được tinh thần yêu chuộng tự do của người tỵ nạn. Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ vẫn hiện ngang tung bay trên bầu trời ở những nơi có người Việt sinh sống. Đây là một vinh dự, một tự hào của người Việt Tự Do.

Nhìn về quê hương, chính quyền do đảng Cộng Sản lãnh đạo đã

đưa đất nước thật lùi qua việc làm tan vỡ nền tảng gia đình, đạo đức suy đồi, văn hoá đồi trụy, giáo dục băng hoại. Sau 37 năm sống dưới sự cai trị hà khắc của chính quyền Cộng Sản, người dân chắc có đủ thời giờ để so sánh thể chế dân chủ tự do dù rất non trẻ của thời Việt Nam Cộng Hòa và thời Cộng Sản hiện tại. Chỉ trừ người Cộng Sản và những kẻ làm giàu nhờ dựa vào đám tư bản đồ nhiều quyền thế, còn hầu hết người dân đều tiếc nuối chế độ Cộng Hòa. Một điểm nổi bật của chính quyền hiện tại là rất ác với dân và hèn với Trung quốc. Chúng đã ngang nhiên dâng cống đất đai và sông biển của cha ông dày công xây dựng cho ngoại bang để lấy thế chống lưng hầu cho bè lũ chúng có sức mạnh để tiếp tục vơ vét tài nguyên của dân tộc ta.

Thế thì chúng ta phải làm gì? Có lẽ ai trong chúng ta cũng có câu trả lời. Hãy đem những câu trả lời riêng rẽ đó gộp lại thành một câu trả lời chung. Mong lắm thay!

Sự tranh đấu cho tự do, dân chủ và nhân quyền của Cộng Đồng Việt Nam Tỵ Nạn Cộng Sản là niềm hy vọng cho đồng bào trong nước. Chúng ta đoàn kết là chúng ta có thêm sức mạnh. Nếu thời cơ chưa cho phép chúng ta làm nên đại sự thì ít ra tiếng nói của chúng ta cũng có sức mạnh làm chính quyền Cộng Sản bớt “ác” với dân mình.

Trong tinh thần đó, chúng tôi xin được phép Quý vị cho chúng tôi xin được nói lời cảm ơn đến Quý Ông Hội Trưởng và Quý Ban Chấp Hành tiên nhiệm đã có công bồi đắp và xây dựng một Hội Bình Định đoàn kết, có tinh thần Quốc Gia vững chắc và có tiếng nói trong Cộng đồng người Việt vùng San Jose.

Chúng tôi sẽ tiếp tục công tác của Hội dựa vào tinh thần nội qui của Hội, cùng các hội bạn cố gắng phục vụ Đồng Hương Tỵ Nạn Cộng Sản trong khả năng cho phép. Chúng ta sẽ là một thành viên của tập thể Người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản tại Hoa Kỳ.

Chúng tôi xin được cảm ơn tinh thần đóng góp bài vở rất tích cực của các Văn Thi Hữu gần xa cũng như sự đóng góp công sức của tất cả quý vị trong Ban Báo Chí để tờ Đặc San sinh sắc, có giá trị có thể đến tay Quý vị độc giả như là một món quà đầu xuân. Chúng tôi chân thành cảm ơn Quý Đồng Hương, Quý Thân Hữu đã nhiều năm tham gia, ủng hộ các sinh hoạt của Hội như các tiệc Tân niên, Tất niên, các buổi picnic hè. Chúng tôi cũng không quên cảm ơn sự yểm trợ tài chánh của Quý vị Mạnh thường quân, quý vị Chủ nhân của các cơ sở thương mại, các văn phòng Luật sư, Bác sĩ, các cơ sở tài chánh, thuế khóa đã ủng hộ chúng tôi.

Một lần nữa xin đại diện Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali kính chúc toàn thể Quý vị và gia quyến AN KHANG, THỊNH VƯỢNG VÀ HẠNH PHÚC.

HỘI TRƯỞNG
PHAN THANH HÙNG

Thư Cảm Tạ



T hấm thoát đã 10 năm trôi qua, 10 năm, tôi được hân hạnh gặp gỡ, hàn huyên và trao đổi với quý đồng hương những niềm vui, nỗi buồn của cuộc đời tỵ nạn, nơi đất khách quê người. Và nhất là, nhiều năm qua, tôi được cơ hội sinh hoạt, làm việc với quý Anh Chị trong Ban Chấp Hành Hội Tây Sơn Bình Định.

Kính thưa Các Bậc Trưởng Thượng, Quý Anh Chị, Quý Đồng Hương kính mến và thân thương,

Ba mươi bảy năm trôi qua, mỗi lần Tết đến, đốt nén hương dâng lên bàn thờ Ông Bà, Tổ Tiên, chúng ta lại bùi ngùi, xót xa nhớ về quê nhà, nhớ đến những nắm mồ của Ông Bà, Cha Mẹ và những người thân. Và xót thương cho những người còn ở lại, kém may mắn hơn mình.

Thoát khỏi chế độ Cộng Sản là một sự lựa chọn “dứt khoát”, là một sự liều chết ra đi vì lý tưởng tự do. Nhưng hồi ơi! Có bao nhiêu người được may mắn như mình. Người ta thường nói: “nếu đi được thì cật dền cũng đi”, thật là đau thương, thật là khùng khiếp!

Bây giờ, hơn 15 năm trôi qua, quý Đồng Hương Bình Định thân thương đã tìm đến với nhau, sinh hoạt với nhau qua Hội Tây Sơn Bình Định từ năm 1997 đến nay. Trong tình thương, giúp đỡ và chia sẻ lẫn nhau, trong tình thân của những “người con” xa rời “Quê Mẹ”. Và còn gì vui hơn, sung sướng hơn, khi chúng ta nhìn thấy thế hệ thứ 2, thứ 3 sinh sôi, nảy nở nhanh chóng, đã và đang trưởng thành. Xin chúc mừng cho Quý Gia đình đã có thế hệ thứ 3 ở nơi đây. Chúng ta được định cư ở đây, không phải là một “sự lựa chọn”, nhưng là một sự “bất đắc dĩ”. Nhưng may mắn thay cho chúng ta, nơi đây lại là một miền “đất hứa”. Vì chúng ta được “Tự Do”, và Con, Cháu chúng ta được học hành, hiểu biết, trở nên người hữu ích cho Gia đình, Cộng đồng và Xã hội. Chúng ta đã và đang chia sẻ những niềm vui và sung sướng. Chúng ta cũng đã đang chia sẻ những nỗi buồn và sự tiếc thương như sự ra đi đột ngột của anh Đặng Vĩnh Mai, và anh Võ Bá Trác trong Ban Chấp Hành, cũng như sự ra đi vĩnh viễn của Quý Đồng Hương Bình Định trong nhiều năm qua.

Với tình thương và sự ước mong được chia sẻ những niềm vui, nỗi buồn cho nhau. Hy vọng rằng trong những tháng, năm sắp tới, Đồng Hương Bình Định sẽ tìm đến nhau, sinh hoạt với nhau qua Hội Tây Sơn Bình Định mỗi ngày được đông đảo và phát triển hơn.

Nhân dịp ra mắt Tân Ban Chấp Hành Hội Tây Sơn Bình Định năm nay, tôi xin chân thành cảm ơn sâu xa:

- Ban Cố Vấn: đã có những lời khuyên, góp ý và hướng dẫn.
- Quý Vị trong Ban Chấp Hành: đã cộng tác và làm việc sát cánh với tôi trong nhiều năm qua.
- Quý Vị trong Ban Kế Hoạch và Phát Triển.
- Quý Vị trong Ban Giao Tế Xã Hội và Tiếp Tân.
- Quý Vị trong Ban Thanh Thiếu Niên và Văn Nghệ.
- Quý Vị trong Ban Biên Tập đã thực hiện Đặc San Bình Định đều đặn hằng năm và cống hiến những bài văn, thơ nói lên những nét đặc thù của Quê Hương Bình Định, một món ăn tinh thần vô giá cho thế hệ trẻ hiện tại và tương lai.
- Quý Văn Thi Hữu xa gần đã đóng góp bài vở rất hay và nhiều ý nghĩa cho Đặc San.

- Quý Đồng Hương Bình Định: đã hợp tác, tham dự và ủng hộ chúng tôi trong những buổi Dạ Tiệc cũng như những buổi Picnic Hè với Giải “Hè Khuyến Học”.

- Chúng tôi cũng không thể nào quên được các Bạc Trưởng Thượng, Quý Niên Trưởng, Quý Vị Đại Diện Các Hội Đoàn, Đoàn Thể, các bạn bè, thân hữu đã luôn luôn hợp tác, ủng hộ và chia sẻ những sinh hoạt của Hội chúng tôi trong nhiều năm qua.

- Và sau cùng, trước thềm năm mới, Năm Nhâm Thìn, chúng tôi mong và hy vọng rằng: Quý Đồng Hương Bình Định cũng như Quý vị trong cộng đồng tị nạn, sẽ tiếp tục sinh hoạt, ủng hộ Tân Ban Chấp Hành để duy trì sự đoàn kết cũng như sự hợp tác chặt chẽ để cùng nhau phát triển Cộng Đồng Tỵ Nạn Cộng Sản mỗi ngày một lớn mạnh hơn. Và hy vọng rằng, một ngày không xa, chúng ta sẽ trở về lại quê hương, noi gương và theo vết chân của Hoàng Đế Quang Trung Nguyễn Huệ.

Nhân dịp đầu năm Nhâm Thìn, chúng tôi chân thành kính chúc Các Bạc Trưởng Thượng, Quý Niên Trưởng, Quý Đồng Hương cùng Gia Quyển, Quý Bạn Bè, Thân Hữu một Năm Mới được nhiều Sức Khỏe, Hạnh Phúc và Thịnh Vượng.

Trân trọng kính chào,

Tony Dinh

Mục Lục

Lá thư Xuân của Ông Hội Trưởng	Phan Thanh Hùng	6
Lá cảm tạ của Ông Cựu Hội Trưởng	Tony Dinh.....	8
Mục lục		10
Bản Điều Lệ Thành Lập Hội.....	Tây Sơn BÐ Bắc Cali.....	13
Thư ngỏ của Ban Báo Chí Hội TSBD	Nguyễn Bá Thư	20
Sớ Táo Quân (thơ).....	Nguyễn Thế Giác.....	22
Văn tế Vua Quang Trung	Nguyễn Công Lượng	25
Những dòng cảm khái	Thư Trang.....	28
Lễ Tết cổ truyền Việt Nam.....	Đào Đức Chương.....	29
Tình sử một anh hùng danh tướng (thơ)... ..	Võ Thạnh Văn	42
Những năm Thìn trong lịch sử	Trác Như.....	45
Trang sử bi hùng (thơ)	Nguyễn Công Hoàng	61
Vườn cây mùa mất nước (thơ)	Lê Phương Nguyên	61
Hoa thủy tiên.....	Ngọc Anh	62
Đón Xuân nhớ anh (thơ).....	Tạ Chương Trĩ.....	75
Chuyện kể chờ Xuân về.....	Bùi Thúc Khán.....	76
Góp lời lạn mạn chờ Xuân (thơ)	Trác Như.....	86
Chính tà trong trang sử Việt (thơ)	Thư Trang.....	87
Đón Xuân xứ người.....	Linh Vang.....	88
Ca dao Bình Định	Triều Phong Đặng Đức Bích.....	96
Những chuyện xa xưa	Trúc Tiên.....	107
Lối cũ vườn xưa (thơ).....	Tạ Chương Trĩ.....	113
Bình Định quê tôi (thơ).....	Nguyễn Diêu.....	113
Hoa lài nở rộ (thơ).....	Người Tây Sơn	113
Chim mía Phú Phong	Nguyễn Diêu.....	114
Nhớ Qui Nhơn (thơ)	Bích Thanh.....	116
Trường Sư Phạm Qui Nhơn	Đào Đức Chương.....	118
Thơ đề ảnh xưa ảnh nay (thơ).....	Thiên Tâm.....	129
Lời tỏ tình trẻ muộn (thơ).....	Thiên Tâm	129
Nỗi buồn quê hương (thơ).....	Lê Nguyễn.....	130

Tim em (thơ).....	Lê Nguyễn.....	130
Cảm tưởng về Hàn Mặc Tử.....	BS. Trần Đình Đệ	131
Núi Thơm và những ngày tôi luyện.....	Nguyễn Ngọc An	133
Nước Nhóc.....	Nguyễn Hoài Niệm	138
Bình Định quê tôi (thơ).....	Bạch Tâm.....	141
Một ngày gia lễ.....	Trúc Nhi	142
Thương về Tam Quan (thơ).....	Trần Anh Lan	148
Mẹ chồng tôi.....	YTH-Nguyễn Thy Tư.....	149
Quê tôi (thơ).....	Nguyễn Ngọc An	163
Giải tỏa Phù Mỹ 74	Hà Quốc Linh	164
Mãnh sứ về trời	Diệu Tấn Nguyễn Tinh Vệ	169
Cánh chim viễn xứ (thơ)	Quách Tứ	171
Người Bình Định tại Dallas	Phan Bá Trác	172
Bình Định (thơ)	Vũ Gia Sắc	186
Cách mạng Hoa Lài (thơ)	Đỗ Hùng	186
Qui Nhơn, Bình Định trong thơ Trần Hoài Thư - Nguyễn Mạnh An Dân		187
Đây Thị Nại (thơ)	Thạch Khê	194
Món ăn quê hương (thơ)	Nguyễn Diêu	194
Con Bà Tướng	Tạ Chí Thân	195
Bình Định thân thương (thơ)	Mai Khê	197
Lạc bước chân quen (nhạc và lời)	Ngô Tín	198
Hồi ức về một thời xa vắng (thơ)	Hồ Sĩ Duy	199
30-4-75 Ngày bức tử Quân Lực VNCH	Đặng Thiên Sơn	201
Hoài cảm (thơ)	Tạ Chương Ánh	219
Lưu luyến (thơ)	Minh Tân Phạm Hà Hải	219
Việt Nam Cộng Hòa Muôn Năm	Bảo Tố & Triệu Phổ	220
The Eastern Sea and Security in South	Prof. Nguyễn Văn Canh	222
Cuộc cờ giao hữu (thơ)	Tri Tạ	240
Chơi cờ (thơ).....	Mỹ Vân.....	240
Đánh cờ tướng (thơ).....	Người Tây Sơn.....	241
Đấu cờ (thơ)	T.V. (Tacoma)	241
Cuộc cờ thành bại (thơ).....	D. Nguyễn.....	241

Thiên thư định phận	TĐ Nguyễn Việt Nho	242
Tấm ảnh ngày xưa (thơ)	Nguyễn Phan Ngọc An	257
Văn hóa Đồng Nai – Cửu Long	Prof. Nguyễn Thanh Liêm	258
Thất tuần hoài cảm (thơ)	Mộng Bình Sơn	285
Đường bút (thơ)	Việt Thao	285
Chùa Hương ngày xưa cũ	Ngọc Anh Trần Đình Độ	286
Chiều thu (thơ)	Hoài Hương Nguyễn Thị Thọ	292
Ru đêm (thơ)	Hoài Hương Nguyễn Thị Thọ	292
Tem Sédang	Prof. Trần Anh Tuấn	293
Con rồng trong dân gian	Nguyễn Quý Đại	307
Phóng sự bằng hình Hội Xuân Tân Mão 2011		317
Phóng sự bằng hình hoạt động của BCH nhiệm kỳ 2011-2015		326
Thư Cảm Tạ		334
Nỗi nhớ tuổi thơ (thơ)	Thư Trang	336
Lời cầu nguyện trên rừng	BS. Nguyễn Trác Hiếu	337
Đình phù vân (thơ)	Vĩnh Tuấn	341
Hãy dừng (thơ).....	Vĩnh Tuấn	341
Chán đời (thơ).....	Trần Minh Triết	342
Ngậm ngùi (thơ).....	Trần Minh Triết	342
Cơn bão cuối mùa	Hạo Nhiên Nguyễn Tấn Ích	343
Hoài mơ (thơ)	Đỗ Hùng	353
Xuân nhớ (thơ)	Mỹ Vân	353
Ý nghĩa của Little Saigon-San Jose	Đoàn Bình Viên	354
Nơi một thửa mùa Xuân (thơ)	Việt Bằng	360
Có một giấc mơ (thơ)	Nguyễn Hòa	361
Lạc mất mùa Xuân	Nguyễn Phan Ngọc An	362
Trở về (thơ)	Nguyễn Đình Hình	369
Giang hồ hiểm ác	Thịnh Nguyễn	370
America was chanting (thơ).....	Thảo Chương Trần Quốc Việt	375
Người trí thức Việt Nam và danh từ chính trị - Hà Thúc Hùng		377
Danh sách đồng hương Bình Định Bắc CA		381
Tổng kết thu chi trong năm 2011		389

BẢN ĐIỀU LỆ THÀNH LẬP HỘI

*(Điều chỉnh lần thứ hai theo bản điều lệ thứ hai,
ban hành ngày 01/08/2003 do Hội trưởng Tony Đinh ký)*

CHƯƠNG 1 - TỔNG QUÁT

Điều 1. Mục đích:

Đề cao và thắt chặt tình đoàn kết, tương thân tương trợ giữa đồng hương Bình Định hiện đang sống tại vùng Bắc Cali, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, tuổi tác.

Điều 2 - Tôn Chỉ:

Hoạt động của Hội nhằm phát huy tình đồng hương, ái hữu trong cộng đồng người Việt tỵ nạn Cộng Sản tại hải ngoại. Hội đồng hương Tây Sơn Bình Định Bắc California là một Hội đoàn bất vụ lợi, có lập trường quốc gia vững chắc, tham gia với các Hội đoàn bạn có chung lập trường, không chấp nhận cộng sản dưới bất cứ hình thức nào.

Điều 3 - Danh xưng:

Danh xưng của Hội là:

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

Điều 4 - Trụ sở:

Trụ sở của Hội đặt tại địa điểm:

2077 Wendover Lane, San Jose, CA 95121

Điện thoại: (408) 387-3784

CHƯƠNG II. HỘI VIÊN VÀ THÂN HỮU

Điều 1. Thành phần Hội viên:

Tất cả đồng hương đang sinh sống tại miền Bắc California, đủ điều kiện được xếp vào các thành phần Hội viên sau đây:

1. Hội viên chính thức: có ghi danh, có sinh hoạt, và có đóng niên liễm.

2. Hội viên danh dự: gồm quý vị đã đóng góp nhân lực, tài lực xuất sắc cho Hội; kể cả quý thân hữu.

Điều 2. Điều kiện gia nhập Hội:

1. Hội viên phải trên 18 tuổi.

2. Phải Hội đủ một trong các điều kiện sau:

a. Những người sinh trưởng tại Bình Định

b. Những người có cha, mẹ, vợ hoặc chồng sinh trưởng tại Bình Định.

c. Những người không thuộc hai thành phần trên nhưng đã làm việc hoặc sinh sống tại Bình Định.

d. Chấp nhận và thi hành đúng với tôn chỉ ghi ở Chương I, Điều 2 của bản điều lệ thành lập Hội này.

Điều 3. Thân hữu:

1. Những người không đủ tiêu chuẩn Hội viên nhưng có cảm tình và muốn tham gia thì được chấp nhận.

2. Thân hữu không có quyền tham gia ứng cử và bầu cử cũng như các cuộc bỏ phiếu khác.

Điều 4. Quyền lợi và nhiệm vụ:

1. Hội viên và thân hữu đều được mời tham gia các sinh hoạt chung và sự giúp đỡ của Hội trong trường hợp gặp khó khăn.

2. Hội rất hoan nghênh mọi sáng kiến, ý kiến xây dựng và sự đóng góp nhân lực, tài lực một cách tự nguyện của Hội viên và thân hữu.

3. Hội viên chính thức phải duy trì sinh hoạt và đóng niên liễm.

CHƯƠNG III. TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH.

Điều 1. Nguyên tắc chung: Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California được tổ chức và điều hành theo nguyên tắc dân chủ và tự nguyện; gồm có các Ban, các Cố Vấn, và các Đại Diện.

Điều 2. Ban Chấp Hành:

1. Khoản 1 - Hội trưởng:

- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, điều hành và phát triển dựa trên đường lối, tôn chỉ và mục tiêu của Hội.

- Triệu tập và chủ tọa các phiên họp.

- Duyệt ký các văn thư và quyết định liên quan đến hoạt động của Hội.

- Thay mặt Hội hoặc chỉ định đại diện tham dự các sinh hoạt ngoài Hội khi có giấy mời.

2. Khoản 2 - Phó Hội trưởng nội vụ

- Phụ tá Hội trưởng trong việc điều hành Hội.

- Triệu tập và chủ tọa các phiên họp trong trường hợp Hội Trưởng vắng mặt.

- Nếu Hội Trưởng không thể tiếp tục phần vụ vì bất cứ lý do gì, Phó Hội Trưởng nội vụ đương nhiên thay thế quyền Hội Trưởng đến khi hết nhiệm kỳ.

- Thi hành công tác do Hội Trưởng giao phó.

3. Khoản 3 - Phó Hội trưởng ngoại vụ:

- Liên lạc ngoại giao với các Hội đoàn bạn và các Hội Bình Định ở tiểu bang khác.

- Triệu tập và chủ tọa các phiên họp trong trường hợp Hội trưởng và phó Hội trưởng nội vụ vắng mặt.

- Thi hành các công tác ngoại vụ do Hội trưởng giao phó

4. Khoản 4 - Tổng thư ký:

- Lưu giữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến Hội.

- Soạn thảo chương trình nghị sự và ghi biên bản các buổi họp định kỳ, bất thường.

- Duyệt ký các văn thư và các quyết định nếu được Hội trưởng uỷ nhiệm.

- Tuỳ theo nhu cầu công tác, có thể có một phó tổng thư ký giúp việc.

5. Khoản 5 - Thủ quỹ:

- Quản thủ ngân quỹ và tài sản của Hội.

- Thiết lập hệ thống sổ sách kế toán, tài chính.

- Thu niên liễm Hội viên và cấp biên nhận.

- Báo cáo tài chánh theo định kỳ hằng năm hoặc theo Ban Chấp Hành yêu cầu.

- Được lưu giữ một số hiện kim là \$100.00 và số còn lại phải ký thác vào ngân hàng.

- Mọi chi tiêu trên \$100.00 phải có sự đồng ý của Hội trưởng hoặc có sự chấp thuận trước của Ban Chấp Hành.

- Tuỳ theo nhu cầu công tác có thể có một phó thủ quỹ giúp việc.

6. Khoản 6 -Thành phần các ban:

- *Tiết 1: Ban thông tin, báo chí*

- Lập bản tin hoặc đặc san theo định kỳ hay trong các sinh hoạt lớn của Hội.

- Thông tin, liên lạc trong nội bộ Hội hoặc các cơ quan thông tin báo chí Việt ngữ địa phương khi cần.

- Tiết 2 - Ban kế hoạch và phát triển

- Nghiên cứu các kế hoạch để phát triển Hội và gia tăng Hội viên.

- Thuyết trình các kế hoạch mới trước Ban Chấp Hành và các buổi họp mở rộng của Hội.

- Theo dõi và nhắc nhở việc thực hiện kế hoạch của các ban liên hệ khi đã chấp thuận

- Tiết 3 - Ban văn nghệ và tiếp tân:

- Phụ trách tiếp tân trong các sinh hoạt lớn của Hội

- Tổ chức các buổi văn nghệ giúp vui hoặc gây quỹ cho Hội.

- Tiết 4 - ban giao tế xã Hội:

- Tổ chức thăm viếng và giúp đỡ gia đình Hội viên khi gặp khó khăn hoặc trong các dịp Quan-Hôn-Tang-Tế

- Giao tiếp với các Hội ái hữu bạn và tổ chức xã Hội khác để phát huy thanh thế và lợi ích của Hội

- Tổ chức các buổi khuyến học hằng năm để khuyến khích học vấn các con em trong gia đình Hội viên.

- Tiết 5: Ban thanh thiếu niên:

- Đoàn ngũ hoá thanh thiếu niên thuộc gia đình Hội viên để yểm trợ các công tác của Hội.

- Hướng dẫn thể dục, thể thao, võ thuật cho các gia đình Hội viên.

- Chịu trách nhiệm kỹ thuật trong các buổi thi đấu thể thao, du ngoạn hoặc sinh hoạt ngoài trời.

7. Khoản 7 - điều bổ sung:

- Thành phần các ban có thể thay đổi theo nhu cầu hoạt động.

- Một Hội viên có thể tham gia trong nhiều ban khác nhau tùy theo khả năng và tinh thần làm việc.

- Mỗi ban có một trưởng ban và một hay nhiều nhân viên giúp việc.

Điều 3 - Ban Giám Sát:

Khoản 1 - thành phần:

Ban Giám Sát gồm có ba (03) vị do Đại Hội bầu ra cùng kỳ với Ban Chấp Hành.

Khoản 2- nhiệm vụ:

- Thành viên Ban Giám Sát có quyền tham dự bất cứ phiên họp nào của Ban Chấp Hành.
- Theo dõi, đôn đốc, và giám sát đường lối làm việc của Ban Chấp Hành.
- Kiểm soát việc thu, chi tài chánh và sử dụng tài sản của Hội.
- Giám sát các cuộc bầu cử trong Hội.

Khoản 3 - Nhiệm kỳ:

Nhiệm kỳ của Ban Giám Sát cùng nhiệm kỳ với Ban Chấp Hành.

CHƯƠNG IV - CỐ VẤN.

Điều 1:

- Cố vấn có từ 4 đến 6 vị thuộc về chuyên viên và thân hào, nhân sĩ; có đủ năng lực và tinh thần hoạt động xây dựng Hội.- Hội trưởng Ban Chấp Hành sẽ mời các cố vấn dưới sự đồng thuận của Ban Chấp Hành.

Điều 2:

- Nhiệm kỳ cố vấn cùng nhiệm kỳ với Ban Chấp Hành.

Điều 3:

- Các cố vấn có nhiệm vụ Tư vấn cho Ban Chấp Hành trong các công tác chung của Hội. Đóng góp ý kiến để Ban Chấp Hành hoạt động, nhằm xây dựng Hội ngày càng tốt đẹp và phát triển.

CHƯƠNG V - BẦU CỬ VÀ NHIỆM KỲ.

Điều 1 - Bầu cử:

1. Tất cả Hội viên chính thức đều có quyền ứng cử và bầu cử vào Ban Chấp Hành.
2. Quyền tái ứng cử, đề cử và tình nguyện đều được hoan nghênh. Không giới hạn số lần nhiệm kỳ của Ban Chấp Hành.
3. Bầu cử theo thể thức dân chủ, trực tiếp, liên danh từ 3 đến 5 người. Kết quả tính theo tỉ lệ số Hội viên tham gia bầu cử. Nếu hai người đồng phiếu, ai lớn tuổi hơn sẽ đắc cử.

Điều 2 - Nhiệm kỳ:

Nhiệm kỳ Ban Chấp Hành, cố vấn là bốn (04) năm.

Điều 3 - Ban Chấp Hành, Ban Giám Sát, ban cố vấn và các đại diện vùng có nhiệm vụ thành lập Ban bầu cử tân Ban Chấp Hành trước khi mãn nhiệm kỳ sáu (06) tháng. Kết quả bầu cử tân Ban Chấp Hành chậm nhất là một (01) tháng trước ngày mãn nhiệm của Ban Chấp Hành đương nhiệm.

Điều 4 - Ban Chấp Hành đương nhiệm phải bàn giao cho tân Ban Chấp Hành trong vòng một tháng sau ngày có kết quả bầu cử trong một buổi lễ bàn giao do ban bầu cử tổ chức.

CHƯƠNG VI - CÁC ĐẠI DIỆN VÙNG.

Tùy theo nhu cầu hoạt động, các đại diện sẽ được chọn để đại diện Ban Chấp Hành tại các địa phương để duy trì các hoạt động với Hội.

CHƯƠNG VII - KỶ LUẬT VÀ KHEN THƯỞNG.

Điều 1 - Kỷ luật:1.

Tùy theo mức độ vi phạm vào điều lệ và nội quy của Hội, thành viên Ban Chấp Hành có thể bị khai trừ.2. Một Hội đồng gồm Ban Chấp Hành, Ban Giám Sát được thành lập để cứu xét trường hợp vi phạm.

Điều 2 - Khen thưởng:

Bất cứ Hội viên, thân hữu, hày thành viên Ban Chấp Hành có công trạng đặc biệt vào hoạt động của Hội, đồng hương, cộng đồng, học đường sẽ được khen thưởng dưới nhiều hình thức.

Hình thức khen thưởng gồm có:

- a. Ghi danh vào sổ vàng của Hội.
- b. Trao bằng tưởng lục hoặc giấy khen.
- c. Trao quà hoặc hiện kim có kèm giấy khen hoặc tưởng lục.
- d. Từ mục tưởng lục trở lên, sẽ được long trọng trao trong dịp tất niên hoặc picnic Hè hằng năm.

CHƯƠNG VIII - BÃI NHIỆM VÀ TỪ NHIỆM.

Điều 1 - Bãi nhiệm:

Bất cứ thành viên nào của Ban Chấp Hành; kể cả Hội trưởng nếu vi phạm trộm trọng điều lệ, nội quy của Hội đều bị bãi nhiệm.

Điều 2 - Từ nhiệm:

Thành viên Ban Chấp Hành, ngoại trừ Hội trưởng, muốn xin

từ nhiệm phải làm đơn, ghi rõ lý do và gửi đến Ban Chấp Hành.

Điều 3 - cứu xét:

- Quyết định bãi nhiệm do một Hội đồng cứu xét. Hội đồng này gồm có: Ban Chấp Hành, Ban Giám Sát và các cố vấn.
- Quyết định từ nhiệm do Ban Chấp Hành cứu xét.
- Quyết định bãi nhiệm, từ nhiệm phải ban hành chậm nhất là một tháng kể từ ngày xảy ra vi phạm hay nhận đơn từ nhiệm.

CHƯƠNG IX - TU CHÍNH.

Điều 1 - nhất thiết không được Tu chính điều 1 và điều 2 của Chương I. mỗi điều, khoản khác của bản điều lệ này có thể được tu chính theo đề nghị của ít nhất 15 Hội viên chính thức hoặc 5 thành viên Ban Chấp Hành.

Điều 2 - Ban tu chính điều lệ do Ban Chấp Hành thành lập bản dự thảo phải đệ trình ra đại Hội để góp ý, biểu quyết theo đa số các thành viên tham dự.

CHƯƠNG X - GIẢI TÁN HỘI

Điều 1 - Hội có thể giải tán theo quyết định của chính quyền Hoa Kỳ hoặc 2/3 tổng số Hội viên chính thức và thành viên Ban Chấp Hành yêu cầu.

Điều 2 - Phương cách giải tán và thanh lý tài sản của Hội sẽ do một uỷ ban của Hội viên quyết định với tỷ số 2/3 tổng số Hội viên chính thức.

CHƯƠNG XI - ĐIỀU KHOẢN LINH TINH.

Điều 1 - Tài sản của Hội gồm hiện vật, hiện kim do Hội tạo ra hoặc do sự biếu tặng vô tư của các Mạnh Thường Quân.

Điều 2 - Ban Chấp Hành có quyền tham khảo ý kiến với các chuyên viên trong và ngoài Hội trên mọi lĩnh vực có lợi ích cho Hội.

Điều 3 - Số thành viên Ban Chấp Hành, Ban Giám Sát và cố vấn có thể điền khuyết sau nếu chưa đủ túc số ấn định lúc bầu cử.

Điều 4 - Bản điều lệ này được phổ biến rộng rãi trong đồng hương Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California.

San Jose, ngày 21 tháng 01 năm 2011

Hội Trưởng Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California.

Phan Thanh Hùng

Thư Ngỏ

của Ban Báo Chí

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH



Một mùa Xuân nữa lại về đem đến cho Đất Trời ấm áp, cỏ cây, hoa lá nảy lộc, đơm bông. Vạn vật và con người trên khắp cùng thế giới cùng hứa hẹn một năm mới an lành, vui tươi, chứa chan hy vọng !

Đặc san Xuân Nhâm Thìn của Hội Tây Sơn Bình Định hân hoan tái ngộ, kính biểu đến quý vị quan khách, đồng hương và độc giả xa gần trong ngày hội ngộ Tân Niên Mồng 7 Tháng Giêng Năm Nhâm Thìn (29-01-2012).

Trong mười số báo các năm qua, ban biên tập đã nhận được nhiều thư khen tặng, email, điện thoại khích lệ, cùng những ý kiến đóng góp của quý vị thức giả xa gần gửi về. Đó là những cảm tình trân quý mà quý vị đã dành cho chúng tôi.

Năm nay đã đánh dấu mười bốn năm hoạt động của Hội Tây Sơn Bình Định. Trong hiện tình của Ban Chấp Hành mới. Đặc san lại trở về nguyên thủy "Nhóm Thực Hiện" trong niềm vui hoà hợp cùng chung đóng góp và xây dựng: Vẫn những bài viết chuyên đề về văn học, nghệ thuật, lịch sử, chính trị, biên khảo, tùy bút, truyện ngắn, văn, thơ, nhạc cổ gắng giới thiệu văn hoá đặc thù Bình Định xuyên qua những phong tục, tập quán địa phương, những di tích lịch sử còn ghi dấu anh

linh những bậc hào kiệt, anh thư của quê hương Bình Định đã vang danh trong lịch sử Việt Nam.

Ban Biên Tập chúng tôi xin cảm ơn Ban Chấp Hành, Ban Cố Vấn đã động viên, khuyến khích chúng tôi trong việc thực hiện Đặc San này. Chúng tôi cũng xin phép cảm ơn quý vị mạnh thường quân, quý vị doanh gia, quý vị Bác Sĩ, Luật Sư, đã ủng hộ tài chánh qua việc biếu tặng, đăng quảng cáo giúp chúng tôi có thể chi phí về in ấn cho Đặc San. Chúng tôi cũng xin được nói lời chân thành cảm ơn đến Quý vị thức giả, nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ xa gần đã gửi đến những bài viết thật hay, thật phong phú và có giá trị. Sự ưu ái của quý vị văn thi hữu đã nói lên lòng thương mến mà quý vị đã dành cho đất Tây Sơn. Một lần nữa chúng tôi cũng ước mong sự đóng góp của các bạn trẻ qua các bài viết bằng Việt ngữ hay Anh ngữ để tờ báo thêm trẻ trung và đa dạng.

Kể từ số báo năm 2012, Đặc San Tây Sơn Bình Định có mở một email riêng cho Ban Biên Tập để Quý vị có thể trực tiếp gửi bài viết về cho Đặc San cùng các góp ý tạo nhịp cầu liên lạc giữa thân hữu, độc giả và Ban Biên Tập.

Email đó là: TaysonBinhDinh2012@yahoo.com.

Mặc dầu đã cố gắng hết sức cho Đặc San thêm hoàn mỹ về mọi mặt nhưng Ban Biên Tập chúng tôi cũng không tránh khỏi những thiếu sót, lỗi lầm. Chúng tôi xin trân trọng đón nhận mọi ý kiến xây dựng để ngày càng hoàn chỉnh hơn hầu phục vụ đồng hương và độc giả. Vì khuôn khổ Đặc San có giới hạn nên xin gát lại một số sáng tác và sẽ đăng trong các số báo kế tiếp.

Trước thềm Xuân Nhâm Thìn 2012, chúng tôi xin kính chúc liệt quý vị cùng gia đình một năm mới khương an, hạnh phúc và thịnh vượng.

Trân trọng

TM Nhóm thực biện

NGUYỄN BÁ THƯ



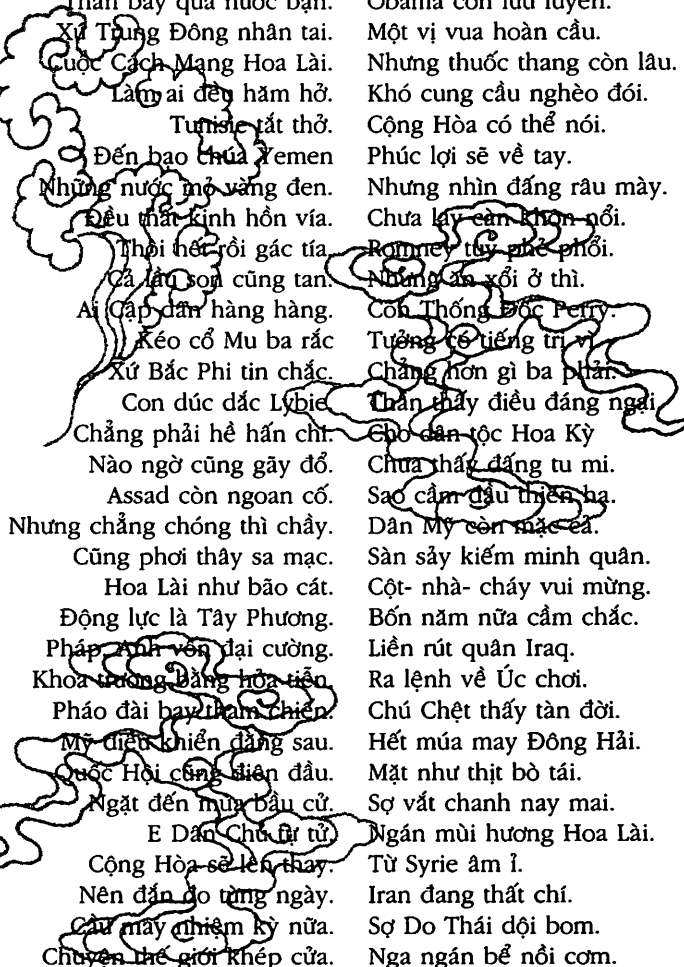


Số Táo Quân

*Thần Táo Quân Nguyễn Thế Giác yết
kiến Ngọc Hoàng Thượng Đế*

Muôn tâu Thánh Thượng.
Thần Táo Quân Tây Sơn.
Xin đạo đạt nguồn cơn
Về trần gian quốc biển.
Thần chu du bốn biển.
Đi cùng khắp năm châu.
Bước chân đến nơi đâu.
Nghe người dân xứ đó.
Cõi hồng trần bến trọ.
Cuộc sống Ngọc Hoàng ban.
Ai quyền quý cao sang.
Ai bần hàn khổ cực.
Ai cố tâm lao碌.
Cũng có ngày vinh quang.
Thần quyết chí dăng đàn.
Cho nhân gian mặc cả.
Khởi đi từ Châu Á.
Bay đến xứ Phù Tang.
Thấy quốc thái dân an.
Không chút gì tất bật.
Mặc dù trận động đất.
Làm thế giới kinh hồn.
Cả thành phố vùi chôn.

Dưới cơ trời tàn phá.
Thật vô cùng nghiệt ngã.
Xe cộ đổ xuống sông.
Mồ hôi trộn máu hồng.
Trôi ra sông ra bể.
Lò nguyên tử ngao nghệ.
Hà Bá cũng chẳng tha.
Chất phóng xạ tuôn ra.
Mướn cha ai ben mảng.
Dân Nhật đầu cổ ngán.
Chết sống cũng nơ pas.
Thật lòng dạ người ta
Sao mà nhân đạo thế!
Cứu người là bất kể.
Dù tính mạng của mình.
Gương dân Nhật hy sinh.
Hẳn nhiên nhiều dĩ lễ.
Chẳng cần đến duyên cớ.
Làm hết thiên chức thôi.
Cho nên xứ mặt trời.
Là con rồng số một.
Thế giới đều sừng sốt.
Riêng thần phải gặt đầu.



Cũng khen tặng một câu.
 Người kiên gan Nhật Bản.
 Thần bay qua nước bạn.
 Xuống Trung Đông nhân tai.
 Cuộc Cách Mạng Hoa Lài.
 Làm ai đều hăm hờ.
 Tunisie bắt thờ.
 Đến bao Chúa Yemen
 Những nước mở vầng đèn.
 Đầu mắt kính hôn vía.
 Thời hết rồi gác tía.
 Gà lâu sơn cũng tan.
 Ai Cập dẫn hàng hàng.
 Kéo cổ Mu ba rúc
 Xứ Bắc Phi tin chắc.
 Con dục đặc Lybie
 Chẳng phải hề hấn chi.
 Nào ngờ cũng gây đổ.
 Assad còn ngoan cố.
 Nhưng chẳng chóng thì chầy.
 Cũng phơi thầy sa mạc.
 Hoa Lài như bão cát.
 Động lực là Tây Phương.
 Pháp Anh vốn đại cường.
 Khoa trương bằng hỏa tiễn.
 Pháo đài bay tham chiến.
 Mỹ điều khiển đằng sau.
 Quốc Hội cũng điên đầu.
 Ngặt đến mùa bầu cử.
 E Dân Chủ từ từ
 Cộng Hòa sẽ lên thay.
 Nền dân do từng ngày.
 Cầu mây nhiệm kỳ nữa.
 Chuyện thế giới khép cửa.
 Con cọp giấy ngủ vui.
 Có mắt cũng như đui.
 Có tai cũng như điếc.
 Điều kinh tế cần thiết.
 Chạy tìm việc cho dân.
 Obama thi ân.
 Nào” heo ke heo kiết”.
 Cộng Hòa không cần biết.
 Đá một cú nốc ao.
 Hạ Viện đã lộn nhào.
 Mong phá rào Thượng Viện.
 Obama còn lưu luyến.
 Một vị vua hoàn cầu.
 Nhưng thuốc thang còn lâu.
 Khó cung cầu nghèo đói.
 Cộng Hòa có thể nói.
 Phúc lợi sẽ về tay.
 Nhưng nhìn đấng râu mày.
 Chưa lấy cần khôn nỏi.
 Romney tùy tiện phổi.
 Những án xối ở thì.
 Con Thống Đốc Perry.
 Tướng cố tiếng trị vì.
 Chẳng hơn gì ba phải.
 Chưa thấy điều đáng ngại
 Cho dân tộc Hoa Kỳ
 Chưa thấy đấng tu mi.
 Sao cầm đầu thiên hạ.
 Dân Mỹ còn mặc cả.
 Sàn sảy kiếm minh quân.
 Cột- nhà- cháy vui mừng.
 Bốn năm nữa cầm chắc.
 Liền rút quân Iraq.
 Ra lệnh về Úc chơi.
 Chú Chết thấy tàn đời.
 Hết mùa may Đông Hải.
 Mặt như thịt bò tái.
 Sợ vắt chanh nay mai.
 Ngán mùi hương Hoa Lài.
 Từ Syrie âm ỉ.
 Iran đang thất chí.
 Sợ Do Thái dội bom.
 Nga ngán bể nổi cơn.
 Đứng đằng sau thọc lét.
 Cõi Trung Đông Giá rét.
 Sớm muộn cũng đến Tàu.
 Thần ao ước mau mau.
 Trừng phạt lũ Đại Hán.
 Kéo dân thần đồ thán.
 Bắc Thuộc lẫn thứ ba.
 Nhà Nước là đại gia.
 Dân đình đóng cái khố.

Hết ngàn năm đó hộ. Trí thức thấy đại họa.
 Còn chưa chịu buông tha. Dâng kiếp nghi lên vua.
 Cướp mất cõi Trường Sa. Tất cả đều te tua.
 Cái lưỡi bò ghê gớm. Nhà Nước cho xô khám.
 Dân đánh cá tán dờm. Nguyễn Tấn Dũng hắc ám.
 Tàu hải giám đến gần. Cả bầu oanh ngu si.
 Ban cho một hồng ân. Việt Nam chẳng còn chi.
 Là mò tôm đáy biển. Dân tình ngày khánh kiệt.
 Xin Ngọc Hoàng lên tiếng. Hỡi anh hùng hảo kiệt.
 Cho phi lữ ngừng tay. Sao ngoảnh mặt làm ngo.
 Nếu ức hiếp lâu ngày. Nửa thế kỷ đợi chờ.
 Biển Đông cũng dậy sóng. Có một ngày cứu mạng.
 Hải ngoại giòng máu nóng. Cho dân bớt khổ thân.
 Có ngăn gì Tàu phù. Hải ngoại sẽ hồi hương.
 Dù yên giấc ngàn thu. Đem tất cả tình thương.
 Cũng đánh cho một trận. Về dựng xây quê mẹ.
 Đùng bày trò gây hấn. Thần Táo Quân Nguyễn Huệ.
 Quang Trung vẫn còn đây. Mang chiếu chỉ Tây Sơn.
 Lưỡng Quảng suýt về tay. Trình ngài rõ nguồn cơn.
 Người Anh Hùng Áo Vải. Vì quê thần đại nạn.
 Chuyện năm xưa xếp lại. E rằng sẽ bom đạn.
 Cả mấy vạn hùng binh. Chiến tranh dễ như chơi.
 Chạy về Tàu thất kinh. Tư Bản Đổ chờ thời.
 Gò Đống Đa còn đó. Hốt thêm cái cú chót.
 Cộng Sản sợ sốt vó. Năm nay thần thiếu sót.
 Ngán quan thấy động binh. Không nói nhiều năm châu.
 Muốn thất vía hồn kinh. Sợ Ngọc Hoàng điên đảo.
 Dâng Nam Quan cái rột. Còn chướng tai gai mắt.
 Thế mà vẫn hoảng hốt. Cõi hồng trần quá quắt.
 Cúng hai tay Trường Sa. Xin ngài đừng bận tâm.
 Bầy Giặc là món quà. Thần ráp bo lối lằm.
 Nhà Nước ta cống hỉ. Năm Nhâm Thìn đầy đủ.
 Tây Nguyên lại âm ỉ. Công việc thần tuấn thủ.
 Đổ xít đảo khơi khơi. Xách cặp lại về trời.
 Mỗi hương cúng cả rồi. Thánh Thượng thấy mỗi nơi.
 E dân mình khổ sống. Xin hạ hồi phân giải.
 Thái Tử Nguyễn Phú Trọng. Lượng trời như Đổng Hải.
 Sang triều cống Bắc Phương. Cao trọng tựa Thất Sơn.
 Tưởng lấy như thắng cương. Chúc Thánh Thượng khõe hơn.
 Nhưng thấy đều trời quớt. Lo trị vì dương thế.

Thần Táo Quân
 phụng soạn.



Văn tế

VUA QUANG TRUNG

Kỷ Niệm 223 Năm Chiến Thắng Đống Đa

Nguyễn Công Lượng

Đất tằm dung cỏ cây muôn thức, nuôi đời tị nạn sung túc biết đường bao.

Nơi cổ hương dân chúng bốn phương, sống kiếp nô lệ đói nghèo sao kể xiết.

Nhìn về biển Đông nay sóng dậy can qua, Đảng Cộng chơi trò cưỡi dăng đất biển.

Chạnh niềm non nước thuở Thanh triều xâm lược, Tây Sơn quyết tâm giữ vững sơn hà.

Nhớ đáng anh hùng xưa:

Thao lược có thừa.

Kinh luân gồm đủ.

Anh hùng quán số.

Thông tuệ khác thường.

Gặp buổi Trịnh Nguyễn phân tranh chia nhau cương vực, giềng mối rối ren đổ nát.

Là thời quan quân lộng quyền đục khoét tài nguyên, dân chúng lâm than cơ cực.

Bác giông vó ngựa, da hổ bọc giáo gươm,

Nam trở vĩ bào, mặt rồng soi dung sắc.

*Trừ tà lừng lẫy bốn phương, mở bờ cõi lâu đời chưa thống nhất.
Giữ trị sửa sang trăm việc, dựng cơ đồ dài hạn đã kinh bang.*

*Cây muốn lặng,
Gió chẳng ngừng.*

*Lợi dụng lời cầu xin của phường bán nước, quân Thanh đem binh
xâm lấn cõi bờ.*

*Đáp ứng lòng mong chờ từ dân trăm họ, Tây Sơn quyết ra tay diệt sói
trừ lang.*

*Giặc thế mạnh, binh đông, tướng dữ,
Ta khí hùng, trí sáng, gan bền.*

*Chỉ mười ngày đồn giặc đều tan,
Vui hai Tết quân binh rạng rỡ.*

*Khúc khai hoàn vang dội khắp sơn xuyên,
Hồn chiến sĩ khắc ghi tình non nước.*

*Lại cũng từ loài cây cầu công rắn, rước quân Xiêm, giặc tới tận Vĩnh
Long, Định Tường,*

*Gặp phải ngay tay sẵn chước bắt hùm, dả một trận, địch rút khỏi
Rạch Gầm, Soài Mút.*

*Bốn phương dăng địch, khắp nơi an hưởng thái bình,
Một bụng yêu thương, dân chúng đều vui chiêm ngưỡng.*

*Mở cửa rộng chấn chỉnh triều cương,
Hợp người tài tham gia chính sự.*

*Hoa tư gặp kỳ lệnh đàn, khúc quân thiều, nối ngũ xứng nguyên
âm,*

*Xuân lâu dài lâu cỏ giáp, nơi thêm vàng, tỏ chín tầng sắc nguyệt.
Lòng đã quyết mở mang đất nước, xây cao xã tắc vững bền,
Chỉ những toan giao bảo lãnh bang, phát huy văn hóa sáng lạng.*

Nhưng than ôi !

*Chỉ cả chưa thành, trời sao đành gọi,
Mộng đẹp còn vương, đất nở lòng kêu.*

*Trời Quy Nhơn mây phủ mịt mù,
Biển Thuận Hóa sương rơi lạnh lẽo.*

*Cơ nghiệp nước nhà thiếu tay sắp xếp,
Tiền đồ Tổ Quốc vắng kẻ trông nom.*

Cảnh núi sông lặt lại nạn phân tranh,

Vận non nước chửa qua cơn bĩ cực
Nay đảng Cộng chủ trương tham những cướp bóc tài sản nhân dân
Nền dân Việt vùng lên đấu tranh đòi quyền tự do dân chủ
Hà Nội hoảng hồn cầu viện ngoại bang, đem cống tài nguyên đất
biển,
Bắc Kinh được trốn tỵ kế đồ quân, giả dạng khai thác Bauxit.
Cao nguyên: Tân Rai, Nhơn Cơ dịch án ngữ,
Hải đảo: Hoàng Sa, Trường Sa giặc chiếm cứ.
An ninh quốc phòng bị đe dọa
Thế thái nhân tình đang đảo điên

Chúng tôi nay :

Vì giặc vô thần, Cộng Sản đang gieo rắc độc tài chuyên chế, phá bỏ
cả truyền thống dân tộc
Dù đời tị nạn, Quốc Gia phải đòi hỏi dân chủ tự do, xây dựng lại kỷ
cương đất nước..
Sách lịch sử mở ra xem lại, giòng giòng chữ gấm quỳên lời hoa,
Gương vĩ nhân nhìn rõ soi chung, ảnh ảnh hào hùng lưu kỳ tích.
Xấu hổ quốc thù chửa trả được,
Tự hào tranh đấu vẫn kiên trì.
Lẽ tuân hoàn trời đất mãi vẫn xoay,
Ách chuyên chế bạo quyền mau sụp đổ.

Chung gọi ơn xuân,
Kính dâng lễ bạc.
Lời cầu xin thấu đến chín tầng không,
Lòng thành kính chờ mong ơn chứng giám.

Phục duy
Thượng bửu

Nguyễn Công Lượng
(Phụng Soạn)



Những dòng cảm khái nhân ngày kỷ niệm

CHIẾN THẮNG ĐÔNG ĐÀ CỦA ĐẠI ĐẾ QUANG TRUNG

Mồng 5 tháng Giêng Tết KỶ DẬU

*C*ó những dòng chữ tự trái tim thơ ngây bùng vỡ, khi cấp sách đến trường học đâm chữ ê, a. Đất nước ta từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau xa tít.

Đất nước ta có dãy Trường sơn từ Bắc xuống Nam, ngọn cao hùng vĩ. Rừng bạt ngàn bao la đôi suối, ôm dòng lúa xanh bát ngát ba miền Nam -Trung- Bắc.

Đất nước ta ngửa mặt trông ra biển Đông Nam Hải, vùng hồng chói lọi, ngọn triều dâng con sóng vỗ bờ, biển cuồn cuộn khi kinh ngư dậy sóng.

Đất nước tôi của giống nòi Lạc Việt, bốn ngàn năm văn hiến rõ ràng. Biết bao anh hùng mở mang cương thổ giữ nước lâu bền. Liệt oanh, oanh liệt, bẻ gãy Nguyên, Mông cường bạo rồi Minh Thanh xếp giáo chạy dài.

Thế mà, đã ba mươi mấy năm qua, con dân nước Việt vẫn sống trong rên xiết lầm than, chỉ có bọn cầm quyền và đảng của chúng giàu sang, cướp đoạt hết đất đai tài nguyên dân tộc, hiến dâng đất tổ cho bọn cường khấu Bắc kinh.

Mãi đến mùa Xuân nầy, khi soi bóng mình trong gương tủi hổ, đất trời như sập đổ ! “ Mất nước rồi sao” Nước mắt chực tuôn trào, để rơi đi dòng ô nhục của thân trai chí cả, dù chiếc thân già, đã “gãy súng bẩy mươi lăm” nhưng dạ vẫn hờn căm, ôm lòng son sắc.

Nguyện cầu hồn thiêng sông núi, phù trợ cho cháu con hậu duệ của Đại Đế Quang Trung, cùng những anh hùng dân tộc, khắp năm châu bốn biển, họp với quốc nội vùng lên lớp lớp người người trừ phường bán nước cầu vinh, đập nát mưu đồ của kẻ thù phương Bắc, cắt lưỡi bò ngang ngược thọc xuống Biển Đông nước Việt, thu hồi về Bản Giốc, Nam Quan. Lấy lại Hoàng sa để rửa hờn cho đấng tướng Ngụy văn Thà cùng năm mươi hai liệt sĩ vị quốc vong thân.

THỨ TRANG

Tháng 10-2011



Lễ Tết cổ truyền Việt Nam

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Tết là ngày lễ lớn định kỳ hằng năm tính theo âm lịch, có cúng lễ, ăn uống, vui chơi, hội hè theo truyền thống dân tộc. Nước ta có 11 cái Tết vào các tháng Giêng, Ba, Năm, Bảy, Tám, Chín, Mười, Chạp, và trọng đại nhất là Tết Nguyên Đán tức Tết Đầu Năm còn gọi là Tết Cả.

TẾT NGUYÊN ĐÁN



H 1: Mai kiểng bày bán trong dịp Tết Nguyên Đán
Ảnh từ cuongde.org

Theo ngữ nghĩa, “nguyên” là bắt đầu, khởi đầu; “đán” là sớm, buổi sáng sớm; vậy “nguyên đán” là ngày đầu năm, như chữ nguyên nhật.

Tết Nguyên Đán bắt đầu từ lúc Giao thừa (giữa giờ Tý, tức 12 giờ khuya) bước sang ngày mồng Một tháng Giêng và đến mồng Bảy mới chấm dứt. Ngày nay, cuộc sống không còn thư thả nữa, thời hạn Tết rút lại chỉ còn ba ngày, hết mồng Ba là mãn.

Giao thừa là lễ Tống Cựu Nghinh Tân, có lệ đốt pháo để tan âm khí, trừ tà, xua đuổi mọi buồn phiền và đem lại sự giòn giã vui vẻ cho năm mới. Lễ này còn gọi là cúng Hành Khiển, thường lập bàn hương án trước sân nhà với đủ phẩm vật, nhưng vẫn là “lễ quý hồ thành, bất quý hồ đa”. Tiếp theo là cúng đầu năm ở bàn thờ gia tiên, rồi đến lễ Xuất hành, đi về hướng tốt để lấy hên cho trọn một năm mới. Người ta còn hái lộc, tức là bẻ một nhánh cây nhỏ đem về nhà, tin rằng sẽ đem lại sự thành đạt tốt đẹp quanh năm. Có nơi, xin lộc bằng cách lấy nén hương đốt lễ nơi đền, chùa, đình, miếu, đem về nhà, và tin rằng đóm lửa sẽ mang lại vận đỏ cho gia đình. Ngoài ra, còn có tục Xông nhà, chọn một thành viên nhẹ vía nhất trong gia đình, dặn họ rời nhà trước khi trừ tịch, đợi cúng Giao thừa xong mới trở về; hoặc kén một người hàng xóm đến đập đất giùm để lấy hên.

Tết Nguyên Đán còn là dịp sum họp gia đình và thăm viếng dòng họ. Đối với người chết, trên bàn thờ đèn hương không ngớt để đón mừng tổ tiên về thăm con cháu. Đối với người sống, dù ở đâu cũng về đoàn tụ với gia đình, vì Tết xa nhà là điều bất hạnh. Đối với bà con xóm làng, nhân ngày Tết họ thăm viếng và chúc tụng nhau, vì đây là dịp đông đủ nhất. Ca dao đã phân định chương trình thăm viếng:

Mồng Một thì ở nhà cha,

Mồng Hai nhà mẹ, mồng Ba nhà thầy.

Và sau khi cúng đưa ông bà vào chiều mồng Ba, hoặc sáng mồng Bốn thì coi như văn Tết.

Tết Nguyên Đán, có lệ chưng hoa kiểng trong nhà, nếu không thì cũng sắm một bình hoa. Ở Miền Nam thường là hoa mai, Miền Bắc là hoa đào.

TẾT KHAI HẠ

Mồng Bảy tháng Giêng là ngày Khai Hạ. Theo sách Phương Sóc Chiêm Thú thì 8 ngày đầu năm, mỗi ngày tượng trưng cho một loại: mồng 1 ứng vào gà, mồng 2 là chó, mồng 3 là heo, mồng 4 là dê, mồng 5 là trâu, mồng 6 là ngựa, mồng 7 là người, mồng 8 là lúa. Ngày nào nắng ráo, trong sáng thì giống loại thuộc ngày ấy sẽ được tốt đẹp suốt năm. Vậy mồng 7 tháng Giêng là Nhân nhật, từ ấy mọi công việc hằng ngày đều trở lại bình thường và cây nêu [1] trồng trong dịp Tết cũng hạ xuống, nên còn gọi là Tết Khai Hạ. Theo tục lệ xưa, khi trồng nêu hay lúc hạ nêu đều có cúng chè xôi, ca dao còn ghi lại

*Cu kêu ba tiếng cu kêu
Cho mau tới Tết dựng nêu ăn chè
Ăn chè trở lại ăn xôi,
Còn ba đòn bánh tét để dành hạ nêu.*



H 2 : Cây nêu ngày Tết, dựng tại chùa, ảnh từ Wikipedia.

TẾT THƯỢNG NGUYÊN

Rằm tháng Giêng là ngày vía của Đức Phật Tổ A-Di-Đà (Amitab-hã) nên Tết Thượng Nguyên thường tổ chức tại chùa, không riêng gì thiện nam tín nữ mà cả dân chúng đều viếng lễ rất đông, đã thành tục lệ truyền thống. Tục ngữ có câu:

Lễ Phật quanh năm

Không bằng ngày rằm tháng Giêng.

Đêm Rằm tháng Giêng còn gọi là Nguyên Tiêu, đêm đầu tiên có trăng tròn của một năm. Thời tiết vào xuân, cây cỏ xanh tươi, ngày trời trong, đêm trăng sáng, thích hợp cho việc du xuân ngoạn cảnh: “Tháng Giêng là tháng ăn chơi” và Nguyễn Du trong Đoạn Trường Tân Thanh có câu:

Cửa hàng buôn bán cho may,

Đêm đêm Hàn Thực, ngày ngày Nguyễn Tiêu.

Ngày Rằm tháng Giêng còn là ngày vía Thiên Quan, người ta làm lễ cúng sao. Dân chúng tin rằng mọi người đều có một vị sao thủ mạng trong một năm, bước sang năm mới, đổi vị sao khác. Trong chu kỳ 9 năm ứng vào 9 vị sao gồm: Thái Dương, Thái Âm, Mộc Đức, Hỏa Đức, Thổ Đức, Kim Đức, Thủy Đức, La Hầu, Kế Đố. Nếu năm trúng phải vị sao xấu như : “Nam sao La Hầu, nữ sao Kế Đố” thì cúng giải trừ. Đàn ông gặp sao La Hầu là xấu nhất, lễ cúng quay về hướng chánh Bắc, có bài vị “Thiên Cung Thần Thủ La Hầu Tinh Quân” và thắp 9 ngọn nến. Đàn bà, xấu nhất là sao Kế Đố, đặt bàn cúng quay về hướng chánh Tây, viết bài vị “Thiên Vỹ Cung Phan Kế Đố Tinh Quân” và thắp 20 ngọn nến.

Tết Thượng Nguyên, ngoài việc lễ Phật, giải sao hạn, nhà nhà đều cúng Gia tiên, Thổ công và Thần tài.

TẾT HÀN THỰC

Mồng Ba tháng Ba là Tết Hàn Thực, tức Tết dùng thức ăn nguội lạnh. Đó là tục lệ ở bên Tàu, do tích Giới Tử Thôi đời Xuân Thu, vào năm 654 trước Tây lịch, tại nước Tấn có loạn, Công tử [2] Trùng Nhĩ và bề tôi trốn ra nước ngoài, nhiều lúc phải ăn rau dại trừ cơm. Giới Tử Thôi lén cắt thịt đùi của mình để Trùng Nhĩ ăn cho có sức. Khi phục quốc, Trùng Nhĩ trở thành Tấn Văn Công và trọng thưởng những người có công, nhưng vô tình quên bằng Giới Tử Thôi. Sau, vua nhớ lại, cho người đi mời, thì Giới Tử Thôi đã cống mẹ vào ẩn trong núi Miên Sơn. Chúa Công tìm không ra, sai người đốt núi, hy vọng sẽ gặp được ân nhân, không ngờ Giới Tử Thôi cùng mẹ chịu chết cháy, không ra. Chúa rất thương xót, cho lập miếu thờ và cấm dân hằng năm vào mồng Ba tháng Ba không được dùng lửa, để nhớ lại ngày mẹ con Giới Tử Thôi chết.

Ở Việt Nam, cũng có Tết Hàn Thực, nhưng được biến cải theo phong hóa nước nhà. Dân ta ăn Tết Hàn Thực là để nhớ đến tấm gương trung nghĩa của Giới Tử Thôi, nhưng không kiêng lửa, cũng không ăn đồ nguội lạnh. Nhà nhà nấu chè trôi nước, còn gọi là xôi nước, để cúng gia tiên.

Những viên xôi nước bằng bột nếp màu trắng, giống như những cái trứng, nổi trong dung dịch nước đường. Gọi nhắc dân tộc ta là dòng dõi Con Rồng Cháu Tiên, bởi Lạc Long Quân lấy con gái vua Đế Lai tên là Âu Cơ, đẻ ra một cái bọc có 100 trứng, nở ra 100 con trai. Ca dao đã ghi lại sự tích truyền thuyết này:

Sau vua Đế Lai

Gả cho Công chúa,

*Dáng như phượng múa
Đẹp như bài thơ,
Tên là Âu Cơ,
Thuộc dòng Tiên Thánh.
Vai kẻ gối sánh
Được mấy năm tròn,
Hạ sinh bọc con,
Chứa đầy trăm trứng.
Mùa xuân mới bĩnh,
Thì ôi lạ thay!
Trứng Rồng nở ngay,
Trăm trai tuần tú.*



*H 3: Đền Hạ ở Vinh Phúc, ảnh Nguyễn Huy Trệc, 1993.
Tục truyền nơi đây bà Âu Cơ đẻ ra cái Bọc Trăm Trứng*

Một hôm vua bảo Âu Cơ rằng: “Ta là giống Rồng, nàng là giống Tiên, thủy hỏa khắc nhau, chung hợp thật khó”. Bèn chia con, từ biệt nhau, nửa theo mẹ về núi, nửa theo cha xuống biển, và phong cho con trưởng (không rõ tên húy) làm vua đầu tiên nước Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu (huyện Bạch Hạc, phủ Tam Đới, trấn Sơn Tây, năm 1899 lập tỉnh Vĩnh Yên, nay sáp nhập với Phúc Yên thành Vĩnh Phúc), xưng là Lạc Vương quen gọi là Hùng Vương [3], nối ngôi 18 đời [4]. Trong ca dao đã ghi lại cuộc chia ly đầy bịn rịn:

Một chiều trời động,

Sóng biển gầm gào,
 Rừng cây xôn xao,
 Cảm điều chia rẽ.
 Lạc Long cận kề
 Nói với Bà Âu:
 Rằng ta ở lâu
 Với nàng không được.
 Ta, Rồng thuộc nước
 Nàng, Tiên thuộc non
 Đành chia trăm con,
 Mỗi người một nửa.
 Âu Cơ lệ ứa,
 Yên lặng đưa chồng,
 Cùng lũ con Rồng,
 Theo cha xuống bể.
 Đoạn rời gạt lệ,
 Đưa các con Bà,
 Lướt gió bốn ba,
 Lên vùng rừng rú,
 Đến mùa nước lũ
 Thì Bà Âu Cơ,
 Bẻ lá đề thơ,
 Gửi về biển rộng [5].

Theo truyền thuyết trên, chúng ta thuộc dòng dõi Con Rồng Cháu Tiên, ca dao phản ánh niềm tự hào dân tộc:

*Trứng rồng lại nở ra rồng,
 Liu diu lại nở ra dòng liu diu.*

TẾT THANH MINH

Thanh minh là cái Tết vào độ ấy bầu trời trong trẻo và sáng sủa. Tết Thanh Minh không có ngày nhất định, tùy năm, trời sục trong khoảng từ giữa tháng 2 đến giữa tháng 3 âm lịch và luôn luôn nằm trong ngày 4 hoặc 5 tháng 4 Dương lịch. Thử nêu vài Tết Thanh Minh ở những năm gần đây, nhằm vào:

- Ngày 30 tháng 2 năm Canh Thìn, tức ngày 4- 4- 2000, sau Xuân phân 14 ngày.

- Ngày 12 tháng 3 năm Tân Tỵ, tức ngày 5- 4- 2001, sau Xuân phân 16 ngày.

- Ngày 23 tháng 2 năm Nhâm Ngọ, tức ngày 5- 4- 2002, sau Xuân phân 15 ngày.

- Mồng 4 tháng 3 năm Quý Mùi, tức ngày 5- 4- 2003, sau Xuân phân 15 ngày.

- Ngày 15 tháng 2 năm Giáp Thân, tức ngày 4- 4- 2004, sau Xuân phân 15 ngày.

- Ngày 27 tháng 2 năm Ất Dậu, tức ngày 4- 4- 2005, sau Xuân phân 16 ngày.

- Mồng 8 tháng 3 năm Bính Tuất, tức ngày 5- 4- 2006, sau Xuân phân 15 ngày.

- Ngày 18 tháng 2 năm Đinh Hợi, tức ngày 5- 4- 2007, sau Xuân phân 15 ngày.

- Ngày 28 tháng 2 năm Mậu Tý, tức ngày 4- 4- 2008, sau Xuân phân 15 ngày.

- Mồng 9 tháng 3 năm Kỷ Sửu, tức ngày 4- 4- 2009, sau Xuân phân 15 ngày.

- Ngày 21 tháng 2 năm Canh Dần, tức ngày 5- 4- 2010, sau Xuân phân 15 ngày.

- Mồng 3 tháng 3 năm Tân Mão, tức ngày 5- 4- 2011, sau Xuân phân 15 ngày.

- Và năm nhâm thìn, Tết Thanh Minh sẽ vào ngày 14 tháng 3, tức ngày 4- 4- 2012, sau Xuân phân 15 ngày.

Tết Thanh Minh cách tiết Lập Xuân (ngày 4 tháng 2 Dương lịch) khoảng 60 ngày. Và Tết Thanh Minh, rơi vào khoảng từ giữa tháng Hai (tháng Mẹo) đến tháng Ba (tháng Thìn) Âm lịch. Thi hào Nguyễn Du đã tính lịch rất kỹ để viết về ý nghĩa của lễ tết này qua vãn thơ bất hủ:

*Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
Thanh Minh trong tiết tháng Ba,
Lệ là tảo mộ, hội là Đạp Thanh.
(Đoạn Trường Tân Thanh)*

Có thể nói Tết Thanh Minh là ngày của mộ mả. Mọi người đi viếng mộ gia tiên, nếu cần tu bổ, nhân ngày ấy khởi công. Nếu muốn cải táng, hay xây mộ cũng đợi dịp này, khởi cần coi ngày tốt xấu. Có nhiều nơi dùng ngày Tết Thanh Minh để tảo mộ cho tất cả những

nấm mồ vô chủ, quen gọi là mả lạn hay mả cô hồn. Việc làm này do các chức sắc trong làng đôn đốc dân chúng tham gia. Nhờ nghĩa cử đó, những mồ mả vô thừa nhận, vẫn được tồn tại với thời gian. Xong lễ viếng mộ, mọi người về nhà cúng ông bà. Nơi đình làng cũng tổ chức lễ tế cho tất cả những người đã khuất mà không có thân nhân thừa tự.

TẾT ĐOAN NGỌ

Mồng Năm tháng Năm gọi là Tết Đoan Ngọ, hay Trùng Ngũ. Theo nghĩa “đoan” là mở đầu, “ngọ” là giữa trưa, tức là bắt đầu giữa trưa. Còn gọi là Tết Đoan Dương, nghĩa là bắt đầu lúc khí dương đang lên. Ý nói, Tết này đánh dấu sự chuyển mùa, trời bắt đầu nắng gắt nóng bức, bệnh thời khí cũng trở dậy hoành hành. Vì vậy, ngày mồng Năm tháng Năm có các tục lệ:

- Lễ cầu an, cúng tế tại đình miếu, đền chùa, xin thần linh tiêu trừ tật bệnh. Mọi nhà cũng sắm lễ cúng Gia tiên, cúng Thổ công, cầu xin gia hộ. Ngoài các lễ vật, món chè bánh canh cổ truyền, không thể thiếu trong ngày Tết Đoan Ngọ. Nhà khá giả, còn có món rượu nếp cũng được phổ biến.

- Hái lá làm thuốc vào giờ ngọ từ 11 đến 13 giờ. Dân chúng lùng sục các bờ bụi hái lộc, đem về rửa sạch, phơi trong mát cho khô, sao khử thổ; để dành sắc nước uống mỗi khi bị nhức đầu, sổ mũi, xây xẩm, cảm cúm. Tục ngữ có câu: “Trốn như rắn mồng Năm” để nói lên việc mọi người đồng loạt tìm hái lá thuốc, rắn rết sống ở các bụi rậm thấy động phải chạy trốn hết.

- Treo chùm lá ngải cứu trước cửa nhà để khử gió độc và trừ tà, phòng ngừa đau ốm.

- Nấu các lá có mùi thơm như sả, chanh, ngò, húng, bạc hà, khuyneh diệp... lấy nước tắm trừ độc, giải cảm.

- Làm phép dọa chặt cây để mùa sau sẽ cho hoa quả.

Ngoài những tập tục phòng bệnh, còn có lệ sêu, tức là trong thời gian đợi cưới gặp phải ngày Đoan Ngọ, nhà trai phải sắm lễ vật đến biếu nhà gái. Trong dân gian có câu: “Một năm sêu tết hai lần” để nhắc nhở đạo con rể đối với nhạc gia. Với thầy dạy chữ, dạy nghề, dạy võ, thầy chữa bệnh, thầy địa lý, người ban ơn cũng nhân Tết Đoan Ngọ đem biếu lễ vật để tỏ lòng tạ ơn.

Trong ca dao cũng nhắc nhở đến lễ tết này:

*Tháng Tư đong đậu nấu chè,
Ấn Tết Đoan Ngọ trở về Tháng Năm.*

TẾT TRUNG NGUYÊN

Rằm tháng Bảy là Tết Trung Nguyên, còn gọi lễ Vu Lan, phiên âm từ tiếng Phạn, đọc thành Ô- lam- bà- nã (Ullambana), nghĩa là cứu nạn treo ngược. Do sự tích ngài Mục Liên (Maudgalyāyana), một trong Thập đại đệ tử của Đức Phật Thích Ca, và là người con nổi tiếng chí hiếu, đã đem lòng thành cứu mẹ bị mắc đọa ở địa ngục.

Vu Lan là ngày “xá tội vong nhân” những vong hồn ở địa ngục đều được thả ra, vì thế các chùa làm chay chẩn tế và cầu kinh Vu Lan. Còn các nhà cũng sắm cỗ bàn chay cúng gia tiên và đốt giấy tiền vàng bạc cùng đồ mã. Ở làng xã có lệ cúng cháo cho cô hồn tại đình, miếu; các tư gia cũng theo lệ ấy.

Trong ca dao, cũng nói đến ý nghĩa của lễ tết này:

Tháng Sáu buồn nhân bán trăm,

Tháng Bảy hôm Rằm, xá tội vong nhân.

TẾT TRUNG THU

Tết giữa mùa thu vào Rằm tháng Tám nên gọi là Tết Trung Thu, còn gọi Tết Nhi đồng, vì người ta làm nhiều đồ chơi và lồng đèn đủ kiểu dáng để bán cho trẻ em. Vào độ này thời tiết đã dịu bớt, nhưng chưa vào mùa mưa. Trăng rằm tháng Tám thường trong sáng và đẹp hơn các tháng khác. Dân chúng hưởng Tết Trung Thu qua truyền thống sau đây:

Tục rước đèn của trẻ em, mỗi đứa xách một lồng đèn trong có thắp nến hay dầu, kết hàng một thành đoàn dài, vừa đi vừa hát rất vui.

Tết Trung Thu rước đèn đi chơi

Em rước đèn đi khắp phố phường

Lòng vui sướng với đèn trong tay

Em múa ca trong ánh trăng rằm

Đèn ông sao với đèn cá chép

Đèn thiên nga với đèn bướm bướm

Em rước đèn này đến cung trăng

Đèn xanh lơ với đèn tím tím

Đèn xanh lam với đèn trắng trắng

Trong ánh đèn rực rỡ muôn màu.

(Bài hát Rước Đèn Tháng Tám)

- Tục thường trăng, người ta trải chiếu giữa sân, bày mâm cỗ, ngồi uống rượu ngắm trăng, hoặc ăn bánh Trung Thu uống nước trà, cuộc vui đàm đạo đến khuya mới dứt, nên còn gọi là Tết Trăng Trăng.



H 4: Tết Trung Thu, bày bán các loại đèn lồng.
Ảnh từ Wikipedia

Những nơi dân cư đông đúc, các đoàn múa lân, múa rồng đi quanh phố xá, tềo lèo lấy thưởng.

- Có nhiều nơi tổ chức thi làm cỗ và bánh Trung Thu, hoặc thi lồng đèn đẹp. Có nơi bày cuộc hát trống quân mang tính dân gian, đôi bên nam nữ hát đối đáp rất vui. Nhiều khi gặp những câu đố bí hiểm gay go, cần phải nhờ thầy đề thông chữ nghĩa và tài ứng đối mới giải quyết được. Có những câu hát thông thường như:

*Trống quân, trống quýt, trống còi,
Ta chẳng lấy nó, nó đòi lấy ta,
Thình thùng thình.
Trống quân anh đánh nhịp ba,
Lúc vào nhịp bảy, lúc ra nhịp mười,
Thình thùng thình...*

TẾT TRÙNG CỬU

Mồng Chín tháng Chín là Tết Trùng Cửu, còn gọi là Tết Trùng Dương. Theo Phan Kế Bính [6], nguồn gốc tết này từ bên Tàu, ông viết: “Nguyên từ đời nhà Hán, có người Hoàn Cảnh theo học người Phí Tràn Phòng. Tràn Phòng một bữa bảo Hoàn Cảnh rằng: mồng 9 tháng 9 nhà anh có nạn to, nên cho người nhà mỗi người may một cái túi lụa, đựng hoa thù du, buộc trên cánh tay, rồi lên chỗ cao mà uống rượu cúc, thì tiêu được nạn ấy. Hoàn Cảnh nghe lời thầy, quả nhiên bữa đó người không việc gì, mà gà chó ở nhà thì chết cả”. Do

tích ấy, cứ đến ngày Trùng Cửu, người Tàu rủ nhau lên núi hái hoa thù du đem về thờ tại nhà, và tin rằng sẽ trừ được tai họa bất ngờ.

Ở Việt Nam, trước kia, các thi văn sĩ cũng có lệ ăn Tết Trùng Cửu, nhưng với ý nghĩa khác. Ngày ấy, họ rủ nhau lên núi nhưng không hái hoa như Tàu, mà để thưởng ngoạn, rồi cùng nhau uống rượu, ngâm thơ, tức cảnh, xướng họa.

TẾT TRÙNG THẬP

Mồng Mười tháng Mười có Tết Trùng Thập. Theo sách cổ của Đông Y, trong một năm, đến ngày 10 tháng 10, dược tính của các cây thuốc lên cao nhất vì thời điểm đó mới kết được sắc tử thời (Xuân, Hạ, Thu, Đông) và tích tụ đầy đủ khí âm dương, nên dùng chữa bệnh công hiệu nhất. Có thể nói ngày Trùng Thập là cái Tết của giới Đông Y. Họ cúng lễ và sắm Tết linh đình, nên còn gọi là Tết Thầy Thuốc.

Ngoài dân gian cũng ăn Tết, nhưng với ý nghĩa khác, quen gọi Tết Cơm Mới, có tên chữ Thường Tân, nghĩa là nếm của mới vật đầu mùa. Vì vậy, họ dùng những sản vật thu hoạch ở đầu mùa để cúng tạ thần linh, lễ gia tiên và làm quà biếu cho bậc trên hay người đã thi ân cho mình; nên có thể nói, ngày Trùng Thập là Tết Tạ Ôn của Việt Nam.

Nhiều nơi lại tổ chức Tết này vào ngày Rằm tháng Mười, nên gọi là Tết Hạ Nguyên để đối với Tết Thượng Nguyên nhằm ngày Rằm tháng Giêng.

Riêng dân chúng vùng Thanh Trì, tỉnh Hà Đông (nay là huyện ngoại thành Hà Nội) ăn Tết Cơm Mới vào ngày 21 tháng Mười, lúc đó vừa xong mùa gặt. Tục lễ sêu trong dịp Tết Cơm Mới thường có các sản vật như: gạo đầu mùa, chim ngói [7] và trái hồng.

TẾT TÁO QUÂN

Hai mươi ba tháng Chạp là Tết Ông Táo. Theo truyền thuyết, ngày xưa có hai vợ chồng thương yêu nhau, nhưng vì nghèo quá nên đành chia tay, để người vợ lấy chồng khác, sống sung túc hơn. Một hôm, nhà giàu nọ làm lễ cúng đốt vàng mã ở ngoài sân, có người ăn mày vào xin, người vợ nhận ra chồng cũ, bèn cho nhiều gạo thóc tiền bạc. Người chồng sinh nghi vặn hỏi, người vợ ức quá đâm đầu vào bếp mà chết. Thương tình vợ cũ, người ăn xin nhảy vào bếp lửa chết nốt. Ngọc Hoàng thương cảm tình nghĩa của ba người, nên phong cho họ làm vua bếp, ca dao có câu:

Thế gian một vợ một chồng,

Chẳng như vua bếp hai Ông một Bà.

Trong Lão Giáo có nói: ngày 23 tháng Chạp hàng năm, Táo Quân lên trời, tâu với Ngọc Hoàng việc làm thiện ác của thế gian suốt một năm qua. Vì vậy, ta có tục cúng tiễn đưa Táo quân châu Trời vào giờ Dậu (từ 5 giờ chiều đến 7 giờ tối). Lễ cúng, ngoài thức ăn còn có chè xôi, hoa quả, rim mít, bánh tét. Và trong lễ cúng, phải có bộ đồ cho Ông Táo bằng giấy, gồm: 3 mũ, 3 áo, sớ tâu Ngọc Hoàng và hình vẽ con cá chép để cỡi lên trời. Đến ngày 30 tháng Chạp (ngày 29, nếu tháng thiếu) cũng vào giờ Dậu, lại cúng lễ rước Ông Táo trở về trần gian, tiếp tục phận sự vua bếp. Lần này, cũng có bộ áo mũ cho ba vị, cúng xong đem đốt. Trong văn chương, các giai phẩm Xuân hay các tạp chí số phát hành vào dịp Nguyên Đán, thường có bài sớ Táo Quân.

Tóm lại, nước ta có nhiều lễ Tết, hầu hết có ngày nhất định, ngoại trừ Tết Thanh Minh. Còn Tết Trùng Thập, tuy được ấn định ngày, nhưng không thống nhất trên toàn quốc. Dù cho một số lễ Tết du nhập từ Trung Hoa, nhưng ta không bao giờ rập khuôn, mà đã biến đổi hẳn cho phù hợp với dân tộc tính và phong hóa Việt Nam.

Có người cho rằng, ngày xưa, lễ Tết của ta quá nhiều, choán hết thì giờ làm việc (Tháng Giêng ăn Tết ở nhà), lại tổ chức ăn uống linh đình (Có đói cũng ngày Tết, có hết cũng ngày mùa) làm hao hụt kinh tế gia đình. Xét cho cùng, dân nước ta sống về nghề nông, lại không có lệ nghỉ vào cuối tuần như các nước Tây phương, làm việc cực nhọc, ăn uống đạm bạc. Cần có những ngày lễ Tết để nghỉ ngơi, giải trí, và sắm cỗ bàn trước là để cúng gia tiên, tạ ơn thần thánh, sau là có dịp sum họp bà con ăn uống bồi bổ sức khỏe, bù lại những ngày mùa làm lụng vất vả. Hơn nữa, những lễ Tết lớn đều rơi vào dịp cây cấy xong, hoặc mùa gặt đã chấm dứt, không cản trở việc sản xuất. Ngày nay, Tết Nguyên Đán và Trung Thu được coi là lớn nhất trong một năm, không khí Tết kéo dài trong nhiều ngày. Kế đến, Tết Thượng Nguyên và Trung Nguyên được tổ chức trong các đền chùa với đông người tham dự. Thứ nữa là Tết Thanh Minh, Đọan Ngọ, Táo Quân, Hạ Nguyên một số người còn nhớ đến. Các Tết khác như Khai Hạ với tục dựng nêu, Hàn Thực nấu chè xôi nước, và nhất là Trùng Cửu lên núi uống rượu ngâm thơ hầu như không còn nữa.

San Jose, 11- 11- 2011

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

[1] Cây nêu, Tết Nguyên Đán ở giữa sân trước nhà có trồng nêu, là một cây tre thẳng, trảy nhánh, còn chừa phần lá ở gần đọt, dưới chòm lá có treo lá cờ đuôi nheo dài, cái nhánh và một giỏ

môm đựng bánh mứt, đôi khi còn có lá phướn. Dưới gốc cây nêu, rắc với trắng bình cung tên để trừ ma quỷ.

[2] Con trai trưởng của vua nước chư hầu gọi là Thế tử, các con trai kế (thứ nam) đều gọi là Công tử. Con thứ mà được vua cha chọn nối ngôi, cũng gọi là Thế tử.

[3] Theo Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố phải chép là Lạc Vương mới đúng; Đại Việt Sử Ký Toàn Thư cũng chép: “Lạc tướng hậu ngoa vi Hùng tướng” nghĩa là Lạc tướng sau làm Hùng tướng (Việt Sử Tân Biên, quyển 1, trang 75- 76).

[4] Theo Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, trang 25: Họ Hồng Bàng làm vua nước Văn Lang truyền ngôi được 18 đời, nếu kể từ Kinh Dương Vương đến vị Hùng Vương cuối cùng, cả thảy là 20 ông vua. Nhưng theo Trịnh Văn Thanh, Thành Ngữ Điển Tích Danh Nhân Từ Điển (Gia Định, Tác giả xuất bản, 1966), quyển 1, trang 534: Nếu kể Hùng Vương Đệ Nhất húy là Lộc Tục, hiệu Kinh Dương Vương và Hùng Vương Đệ Nhị húy là Hùng Hiền, tức Lạc Long Quân, hiệu Sùng Lãm thì mới đủ 18 vị vua Hùng.

[5] Kim Vũ sưu tầm và dịch; Việt Nam Những Áng Thơ Tuyệt Tác, song ngữ Việt Anh (Không đề nơi, tác giả xuất bản, 2003); phần một: Truyền Thống Thơ Dân Gian, trang 14 và 16. Trích đoạn ca dao từ câu “Ngày xưa xưa lắm” đến câu “Gửi về biển rộng...”

[6] Phan Kế Bính; Việt Nam Phong Tục (Sài gòn, Phong trào Văn Hóa xuất bản, 1970); trang 46.

[7] Chim ngói là giống chim cùng họ với bồ câu nhưng nhỏ hơn, lông màu nâu nhạt, sống thành đàn, ăn hạt lúa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHAN KẾ BÌNH; Việt Nam Phong Tục; Sài gòn, Phong Trào Văn Hóa xuất bản, 1970.

THANH LAN và VŨ NGỌC THÀNH; Nhân Vật Đông Châu; Sài Gòn, Trung Tâm Học Liệu xuất bản, 1968.

TOAN ÁNH; Nếp Cũ, Tín Ngưỡng Việt Nam, Quyển hạ; Sài Gòn, nxb TH/HCM, 1992.

TRẦN ĐỘ chủ biên; Văn Hóa Việt Nam; Hà Nội, Ban Văn Hóa Văn Nghệ Trung Ương xuất bản, 1989.





Tình Sử Một Anh Hùng Danh Tướng

VÕ THẠNH VĂN

(1) Dũng mãnh tựa lời hổ
Tướng lệnh như chuông đồng
Hô quân rền sấm nổ
Giặc cỏ khiếp oai rồng

(2) Chàng tài hoa trác lạc
Võ nghệ tuyệt cao cường
Tùy quyền biến sát phạt
Quân cơ khó liệu lường

(3) Trẩy quân thế nghiêng nước
Rải uy vũ mưa tuôn
Danh oai cuộn mù chước
Công hân mã thác cuồng

(4) Tể tướng kiếm như thánh
Nguyên nhung gươm tựa thần
Cờ soái chế biên trấn
Cục diện tự xoay vần

(5) Mộ quân đất Bình Định
Đấy nghiệp huyện Tây Sơn
Tuyển tướng nghiêm quân lệnh
Cát cứ đồn Qui Nhơn

(6) Thống binh ngậm chấn địa
Lược thao triển an bang
Oanh liệt Đường Quan,
Triệu Nhu nhuộm ví Trương, Hàn

(7) Hành quân phép Tôn Tử
Vũ bảo phạt Nam Kỳ

Lục Tíng điều quân lữ
Máu giặc nhuộm nhung y

(8) Binh cơ đạt thần tốc
Ra thảo tội Bắc Hà
Quân tràn như trút giốc
Xung trận khải hoàn ca

(9) Một triều cương thái thịnh
Trong Nam đuổi Nguyễn thần
Ngoài Bắc diệt chúa Trịnh
Toàn cõi chiếu an dân

(10) Rạng kỳ tài tướng sụy
Vua phong Uy Quốc Công
Hàm Phò Mã Đô Úy
Sánh duyên lành Ngọc Hân

(11) Vua Lê yêu tài lạ
Mẫu Hậu mến đức nhân
Xe duyên cho công chúa
Cùng Long Nhung Tướng Quân

(12) Vua Lê nuôi mộng lớn
Võ về bạc hiện lương
Chàng trượng phu hảo hán
Giữ giềng mối cương thường

(13) Nàng, cành vàng lá ngọc
Chàng, bách chiến tướng quân
Anh hùng, tâm đức hợp
Thuyền quyền, tài sắc cân

(14) Nàng, thiên hương diễm lệ
 Chàng, lương đống tôi thần
 Nàng, mẫu nghi thiên hạ
 Chàng, thống chế ba quân

(15) Chàng, anh hùng áo vải
 Nàng, tiên chúa Bắc Hà
 Giang san liền một dải
 Máu chung mạch chan hòa

(16) Chàng, hào kiệt Bình Định
 Nàng, thuyền quyền Hà Thành
 Chàng, một ngày đại định
 Nàng, mơ buổi tình xanh

(17) Chàng, lấp sông xẻ núi
 Gom thiên hạ một nhà
 Nàng, tình chung một mối
 Đẹp lộng gấm tâng hoa

(18) Nàng, ra đi vì hiếu
 Chàng, đưa đón vì duyên
 Nàng, hy sinh vì nước
 Chàng, trần quý chính chuyên

(19) Chàng đưa nàng về Huế
 Nàng dầm đĩa giọt châu
 Đành vâng lời Mẫu Hậu
 Gạt lệ xuống thuyền lâu

(20) Dinh chàng oai một cõi
 Đất chàng trấn một phương
 Mộng hải hồ chưa mối
 Chí tang bồng triết vương

(21) Mười vạn quân tinh nhuệ
 Đóng chặt thành Phú Xuân
 Con dân thấm ân huệ
 Tướng sĩ đượm lòng nhân

(22) Giặc Thanh hai mươi vạn
 Từ Lương Quảng tràn sang
 Chàng lập kế tảo mạn
 Bỏ trống Thăng Long thành

(23) Khinh địch, giặc háo hức
 Kéo vào chiếm đế đô
 Ngày ngày cướp mặc sức
 Đêm đêm giết tha hồ

(24) Ăn Tết sớm – phá lệ
 Cuối mùa đông Mậu Thân
 Xuân Kỷ Dậu phát thế
 Chàng Tiết Chế khao quân

(25) Quân chàng ngậm tâm chặt
 Đêm trừ tịch xuất chinh
 Chiến mã cổ tháo lạt
 Từ Thừa Thiên khởi binh

(26) Ngựa vượt sông Giản Thủy
 Voi qua huyện Phú Xuyên
 Phấn chấn lòng tướng sĩ
 Khơi hận nước – hịch truyền

(27) Voi chàng uống cạn suối
 Ngựa chàng dẫm sập đồi
 Ba quân lòng một mối
 Thù chung hận đầy voi

(28) Thế quân âm âm thác
 Sức nước vỡ vỡ băng
 Nhọn trời: đao, dáo, mác
 Sĩ tốt đạp chìm trăng

(29) Thuyền chàng vượt biển cả
 Buồm chàng lộng trùng khơi
 Chí sôi trào sóng vỗ
 Kinh ngạc bật tâm hơi

(30) Pháo công thành núi lở
 Trống thúc quân sập trời
 Chiêng thu quân doanh vỡ
 Thương, chùy, kích... sáng ngời

(31) Lòng quân dân sóng vỗ
 Mông Ba thu Hà Hồi
 Thế nước như sấm nổ
 Mông Năm đoạt Ngọc Hồi

(32) Quân chàng chí hực lửa
Gạch nát, hể, ngói tan
Thảo mãng gan mật vữa
Phá cửa thành chạy tràn

(33) Quân chàng thừa đánh rắn
Đạp phẳng trại Đống Đa
Nhi Đống khiếp oai chấn
Tự chặt đầu làm ma

(34) Sĩ Nghị - chủ tướng giặc
Rợn tiếng rùng đầu lâu
Khiếp lệnh truyền "Trảm tặc!"
Cước ngựa trốn về Tàu

(35) Xác giặc phơi bãi rạ
Tướng giặc lủi hang chồn
Thấy chất chồng như rạ
Trăm năm chưa hoàn hồn

(36) Chưa kịp lau kiếm báu
Chàng ngự trên bành rồng
Chiến bào còn đẫm máu
Nhưng y thuốc súng nổ

(37) Giang san tràn khí thế
Thượng tướng, khao lạo quân
Chàng ban sư về Huế
Lo võ về nguyên huân

(38) Chàng về với Công Chúa
Sợ ân ái cách chia
Phòng loạn đơm hương quế
Tình muôn thuở khắc bia

(39) Ôn đức chàng kỳ vĩ
Quê hương cảm nghĩa dày
Chàng chiêu hiền nạp sĩ
Bái La Sơn làm thầy

(40) Người anh hùng áo vải
Nhân, trí, dũng phi thường
Giặc Thanh Triều kinh hãi
Nguyễn Huệ Bắc Bình Vương

(41) Chàng lên ngôi Cửu Ngũ
Nam Bắc một nhà chung
Vua hiền, tôi lương phủ
Đại Đế Nguyễn Quang Trung

(42) Nhưng, anh hùng mỹ nữ
Đời chỉ thấy tóc xanh
Giai nhân cùng danh tướng
Hoa đương độ lìa cành

(43) Chàng đi như núi lở
Chàng về tựa sóng tràn
Băng tan liền ngọc vỡ
Hợp tan sao đoạn đàn

(44) Chàng đi không già biệt
Để ngõ gác ba quân
Hoàng Hậu "Ai Tư Văn"
Bá quan khóc bẽ bàng

(45) Tiếc anh hùng đoản mệnh
Khấp triều nội bành hoàng
Thương khôi nguyên yếu phận
Non nước phủ màu tang

(46) Hận tài hoa uống tử
Hoàng Hậu ngắt tình chung
Trăm phi tần, cung nữ
Đoạn thực thủ tiết, trung

(47) Thần dân ngập nước mắt
Cung đình đứng ngẩn ngơ
Ngự Bình buồn chất ngắt
Hương Giang rử đôi bờ

(48) Quê Hương giờ góa bụa
Khóc Hoàng Đế băng hà
Ngày Lạc Hồng quang phục
Vuốt khỏi tầm - bay xa

Phù Hư Dật Sĩ
VÕ THẠNH VĂN

Những năm Nhâm Thìn trong lịch sử nước ta

TRÁC NHƯ

HỌ HỒNG BÀNG (2879-258 TRƯỚC TÂY LỊCH)

Vua Đế Minh đi tuần thú phương Nam, đến núi Ngũ Lĩnh (thuộc tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc bây giờ) gặp một nàng tiên, lấy nhau sanh một người con trai tên là Lộc Tục. Vua Đế Minh truyền ngôi cho con trưởng là Đế Nghi làm vua phương Bắc, và phong cho Lộc Tục làm vua phương Nam, xưng là Kinh Dương Vương, quốc hiệu là Xích Quỷ. Bờ cõi nước Xích Quỷ lúc bấy giờ, phía Bắc giáp Động Đình Hồ (tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc), phía Nam giáp nước Hồ Tôn (Chiêm Thành), phía Tây giáp Ba Thục (tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc), phía Đông giáp biển Nam Hải. Kinh Dương Vương làm vua nước Xích Quỷ vào quãng năm Nhâm Tuất (2879 trước Tây lịch) và lấy Long Nữ là con gái Động Đình Quân sinh ra Sùng Lãm, nối ngôi làm vua xưng là Lạc Long Quân.

Lạc Long Quân lấy nàng Âu Cơ, con gái vua Đế Lai, sinh một trăm người con. Lạc Long Quân bảo Âu Cơ rằng:

“Ta là giống Rồng, nhà người là giống Tiên, ăn ở với nhau không được. Nay người đem 50 con lên núi, còn ta đem 50 con xuống biển Nam Hải”.

Lạc Long Quân phong cho người con trưởng sang làm vua nước Văn Lang, xưng là Hùng Vương, đóng đô ở Phong Châu (vùng huyện Bạch Hạc, tỉnh Sơn Tây ngày nay)

Văn Lang chia nước làm 15 bộ: Văn Lang, Châu Diên, Phúc Lộc, Tân Hưng, Vũ Định, Vũ Ninh, Lục Hải, Ninh Hải, Dương Tuyền, Giao Chỉ, Cửu Chân, Hoài Hoan, Cửu Đức, Việt Thường và Bình Văn.

Họ Hồng Bàng, từ Kinh Dương Vương (cùng thời với Đế Nghi) truyền đến đời Hùng Vương (ngang với đời Noãn Vương nhà Chu năm thứ 57, 258 tr. TL) là hết.

NHÀ THỤC (257-207 TR.TL)

Thục Phán chiếm được nước Văn Lang rồi, cải quốc hiệu là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê (nay thuộc huyện Đông Anh). Xây thành Cổ Loa.

NHÀ TRIỆU (207-111 Tr. TL)

NƯỚC TA BỊ TÀU ĐỒ HỘ LẦN THỨ NHẤT (111 tr.TL-39 sau TL)

NHÀ TÂY HÁN hoặc TIỀN HÁN(206Tr. TL-6 S. TL)

TRUNG NỮ VƯƠNG KHOẢ NGHĨA (40tr.TL-04sau TL).

NƯỚC TA BỊ TÀU ĐỒ HỘ LẦN THỨ HAI (43-544)

NHÀ ĐÔNG HÁN, hay HẬU HÁN(23-220)

Đời Tam Quốc(220-265), nước Tàu chia làm 3: Bắc Ngụy, Tây Thục và Đông Ngô (222-280).

BÀ TRIỆU (TRIỆU THỊ CHINH) KHỞI NGHĨA NĂM MẬU THÌN (248).

NHÀ TẤN (265-420)

THỜI KỲ TỰ CHỦ (544-602)

NHÀ TIỀN LÝ (544-602)

Lý Nam Đế (544-548)

Lý Bôn là người tài kiêm văn võ, thấy nước mình trong thì quan lại Tàu làm khổ, ngoài thì người Lâm Ấp cướp phá, bèn cùng nghĩa dũng nổi lên đánh đuổi Thứ Sử Giao Châu là Tiêu Tư về Tàu, rồi chiếm giữ thành Long Biên, tự xưng là Nam Việt Đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, niên hiệu là Thiên Đức.

Sau, nhà Lương sai Trần Bá Tiên sang đánh. Lý Nam Đế thua bèn giao binh quyền cho Tả Tướng Quân Triệu Quang Phục chống nhau với nhà Lương rồi trở về đóng ở động Khuất Liêu và mất ở đấy.

Triệu Việt Vương (549-571)

Triệu Quang Phục theo Lý Nam Đế lập được nhiều chiến công, nay đem quân chống cự với nhà Lương ít lâu, thấy thế lực quân Tàu còn mạnh bèn rút về chỗ đầm lầy Dạ Trạch. Khi hay tin Lý Nam Đế mất mới xưng là Việt Vương và đánh lấy lại thành Long Biên.

Lúc Lý Nam Đế thất thế chạy về Khuất Liêu thì người anh họ là Lý Thiên Bảo và người cùng họ là Lý Phật Tử chạy sang Lào. Đến năm thứ 7(555) đời Triệu Việt Vương, Thiên Bảo mất, không có con, binh quyền về tay Phật Tử. Năm Đinh Sửu (557) Phật Tử đem quân về chống với Triệu Việt Vương. Đánh nhau mấy trận không được, Phật Tử xin chia đất giãng hòa. Triệu Việt Vương nghĩ tình họ Lý, cũng chia đất cho, lại gả con gái cho Phật Tử để tỏ tình hòa hiếu với nhau, nhưng Phật Tử vẫn có ý muốn thôn tính.

Hậu Lý Nam Đế (571-602)

Lý Phật Tử lấy được Long Biên rồi, xưng đế hiệu, đóng đô ở Phong Châu (nay thuộc huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên).

Thế rồi, năm Nhâm Tuất, Tùy Văn Đế sai tướng Lưu Phương sang đánh Nam Việt. Lý Phật Tử xin hàng. Từ đấy nước ta lại bị người Tàu cai trị 336 năm nữa.

NƯỚC TA BỊ TÀU ĐỔ HỘ LẦN THỨ BA (603-939)

NHÀ TÙY (589-617)

NHÀ ĐUỜNG(618-907)

MAI HẮC ĐẾ khởi nghĩa(722)

BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG khởi nghĩa (791)

THỜI KỲ TỰ CHỦ

NHÀ NGÔ (939-965)

Thập nhị Sứ Quân (945-967)

NHÀ ĐÌNH (968-980)

NHÀ TIỀN LÊ (980-1009)

Lê Đại Hành:

Các niên hiệu

Thiên Phúc (980-988), Hưng Thống (989-993) và Ứng Thiên (994-1009)

1. Năm Nhâm Thìn (992), Hưng Thống thứ 4.

Vua sai Phụ Quốc là Ngô Tử An đem 3 vạn người đi mở đường bộ từ ranh giới cửa biển phía Nam đến châu Địa Lý (tên châu của Chiêm Thành, sau khi sát nhập vào lãnh thổ nhà Lý, đổi gọi là châu Lâm Bình năm 1075. Nay là phần đất huyện Lệ Ninh, tỉnh Quảng Bình)

NHÀ LÝ (1010-1125)

Lý Thái Tổ(1010-1028)

Lý Thái Tôn (1028-1054)

Các niên hiệu:

Thiên Thành (1028-1033), Thông Thụy (1034-1038), Càn Phù Hữu Đạo(1039-1041), Minh Đạo(1042-1043) Thiên Cảm Thánh Vũ(1044-1048),Sùng Hưng Đại Bảo(1049-1054).

2. Năm Nhâm Thìn (1052), Sùng Hưng Đại Bảo thứ 4.

Nùng Trí Cao xưng là Nhân Huệ Hoàng Đế, đặt quốc hiệu là Đại Nam, sang đánh nhà Tống, phá trại Hoàn Sơn, vây hãm các châu Ung, Hoàn, Quý, Đằng, Ngô, Khang, Đoan, Củng, Tầm thuộc hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây, rồi vây thành Quảng Châu; lại vào Ung Châu, giết tướng tá nhà Tống hơn 3 nghìn người, bắt sống dân chúng hàng vạn. Đi đến đâu đốt trại đến đấy.

Vua tôi nhà Tống lấy làm lo. Khu Mật Sứ Địch Thanh dâng biểu xin đi đánh. Vua Tống sai Địch Thanh làm Tuyên Huy Sứ Đô Đại Đê Cũ, tổng quyền tiết việt đi đánh Trí Cao.

Lý Thánh Tôn (1054-1072)

Lý Nhân Tôn (1072-1127)

Các niên hiệu:

Thái Ninh (1072-1075), Anh Vũ Chiêu Thắng (1076-1084), Quảng Hữu (1085-1091), Hội Phong (1092-1100), Long Phù (1101-1109), Hội Tường Đại Khánh (1110-1119), Thiên Phù Duệ Vũ (1120-1126), Thiên Phù Khánh Thọ

3. Năm Nhâm Thìn (1112), Hội Tường Đại Khánh thứ 3.

Vua Lý Nhân Tôn đã nhiều tuổi mà chưa có con trai nối dõi, xuống chiếu chọn con của tôn thất để lập làm con nối. Em vua là Sùng Hiền Hầu cũng chưa có con trai. Gặp lúc nhà sư Từ Đạo Hạnh đến chơi nhà, Hầu mới đem việc cầu tự ra hỏi. Đạo Hạnh dặn rằng: “ Khi Phu nhân sắp ngày sinh hãy báo cho tôi biết để cầu sơn thần”. Ba năm sau Phu nhân sanh con trai là Lý Dương Hoán.

Lý Thần Tôn (1128-1138)

Lý Anh Tôn (1138-1175)

Các niên hiệu: Thiệu Minh (1138-1139), Đại Định (1140-1162), Chính Long Bảo Ứng (1163-1173), Thiên Cảm Chí Bảo (1174-1175).

4. Năm Nhâm Thìn (1172), niên hiệu Chính Long Bảo Ứng năm thứ 9.

Vua đi tuần các hải đảo ở địa giới, và vẽ bản đồ, ghi chép phong vật các nơi.

Lý Cao Tôn (1176-1210)



Lý Huệ Tôn(1211-1225)

Lý Chiêu Hoàng(1225)

NHÀ TRẦN (1225-1400)

Trần Thái Tôn (1226-1277)

Các niên hiệu: Kiến Trung(1225-1237), Thiên Ứng Chính Bình(1238-1350), Nguyên Phong(1251-1258)

5. Năm Nhâm Thìn (1232), niên hiệu Kiến Trung năm thứ 8.

Thi Thái Học Sinh. Đổ Đệ Nhất Giáp là: Trương Hanh, Lưu Diễm; Đệ Nhị Giáp là Đặng Diển, Trịnh Phẫu; Đệ Tam Giáp là Trần Chu Phổ.

Trần Thánh Tôn (1258-1278)

Trần Nhân Tôn (1279-1293)

Ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm.

Các niên hiệu:

Thiệu Bảo(1279-1284),TrùngHung(1285-1293)

6. Năm Nhâm Thìn(1292), niên hiệu Trùng Hưng thứ 8.

.Phí Mãnh là An Phủ Diển Châu, giữ chức chưa bao lâu, có tiếng đồn là tham ô. Vua triệu về đánh trượng, rồi sai đi trấn trị lại. Sau Phí Mãnh sửa đổi tánh tình được tiếng là thanh liêm, công bằng. Người Diển Châu vì thế có câu rằng:

“Diển Châu An Phủ thanh như thủy”. Nghĩa là: Quan An Phủ Diển Châu lòng sạch trong tựa như nước.

.Vua từng ngự chơi bên ngoài, giữa đường, hễ gặp gia đồng của Vương Hầu thì thường hay gọi chúng mà hỏi:

“Chú mày ở đâu?”, rồi răn cấm các vệ sĩ của vua không được hét đuổi chúng. Đến khi về cung, bảo tả hữu rằng:

“Ngày thường thì có thị vệ tả hữu, khi quốc gia lâm hoạn nạn thì chỉ có bọn chúng có mặt”

Vua nói thế vì cảm mến đám gia đồng của Vương Hầu đi theo bảo vệ nhà vua hồi bị giặc Nguyên vây khốn phải chạy ra khỏi kinh thành.

Trần Anh Tôn(1293-1314)

Trần Minh Tôn(1314-1329)

Trần Hiến Tôn(1329-1341)

Trần Dụ Tôn(1341-1369)

Các niên hiệu: Thiệu Phong(1341-1357), Đại Trị(1358-1369)

7. Năm Nhâm Thìn (1352), niên hiệu Thiệu Phong năm thứ 12.

Trước đây, khi chúa Chiêm Thành là Chế A Nan còn sống thì con trai là Chế Mỗ làm Bố Điền (tức Đại Vương), con rể là Trà Hòa Bố Để làm Bố Để (tức là Tế Tướng). Bố Để nói câu gì, bàn kế gì cũng được chúa Chiêm nghe theo; nhân thế hấn kết bè đảng với Chế Mỗ. Khi nào Chế Mỗ bị vua cha khiển trách, Bố Để thường cứu gỡ cho. Người trong nước vì thế mà có lòng khác, không hết lòng theo về Chế Mỗ nữa. Đến khi Chế A Nan chết, Bố Để liền đuổi Chế Mỗ đi mà tự lập làm vua.

Mùa Xuân, tháng 3, Chế Mỗ chạy sang nước ta, dâng 1 con voi trắng, 1 con ngựa trắng, 1 con kiến lớn (dài 1 thước 9 tấc) và các cống vật, xin đánh Trà Hòa Bố Để mà lập y làm vua.

Trần Nghệ Tôn (1370-1372)

Trần Duệ Tôn (1372-1377)

Trần Phế Đế (1377-1388)

Trần Thuận Tôn (1388-1398)

Trần Thiếu Đế (1398-1400)

NHÀ HỒ (1400-1407)

Hồ Hán Thương (1401-1407)

NHÀ HẬU TRẦN (1407-1413)

8. Năm Nhâm Thìn (1412), Hậu Trần, Trùng Quang thứ 4; Tống, Vĩnh Lạc thứ 10.

Mùa Hạ, tháng 6, Trương Phụ và Mộc Thạnh nhà Minh đem quân đánh vào hành tại ở Nghệ An, gặp Nguyễn Súy, Nguyễn Cảnh Dị, Đặng Dung ở Mô Độ. Dung đánh nhau với Phụ chưa phân thắng bại thì Súy và Cảnh Dị không tiếp sức với Dung lại vượt biển chạy, Hồ Bối bỏ thuyền lên bờ. Dung thế cô không có cứu viện bèn đi thuyền nhẹ vượt biển trốn đi.

Mùa Thu, tháng 7, nhà Minh sai Tổng Binh Hàn Quan đeo ấn Chinh Nam sang trấn giữ.

Bọn Trương Phụ lại vào cướp hành tại ở Nghệ An; Thanh Hóa, Diễn Châu bị công hãm.

Mùa Đông, tháng 12, vua Minh sắc dụ rằng:

“Giao Chỉ xưa là đất của Trung Quốc, nay đã lại như cũ.”

NHÀ LÊ (1428-1788)

Lê Thái Tổ (1428-1433)

Lê Thái Tôn (1434-1442)

Lê Nhân Tôn (1443-1459)

Lê Thánh Tôn (1460-1497)

Các niên hiệu: Quang Thuận (1460-1497), Hồng Đức(1470-1497)

9. Năm Nhâm Thìn (1472), Hồng Đức năm thứ 3; Minh, Thành Hóa năm thứ 8.

.Thi Hội, định phép thi, nhà vua ngự ra hiên tự ra đề văn sách.

.Định lệ tư cách của Tiến Sĩ:

Đệ Nhất Giáp Tiến Sĩ Cấp Đệ, Đệ Nhất Danh: Chánh Lục Phẩm, 8 tước;

Đệ Nhất Giáp Tiến Sĩ Cấp Đệ, Đệ Nhị Danh: Tông Lục Phẩm, 7 tước;

Đệ Nhất Giáp Tiến Sĩ Cấp Đệ, Đệ Tam Danh: Chánh Thất Phẩm, 6 tước.

Đệ Nhị Giáp Tiến Sĩ Xuất Thân: Tông Thất Phẩm, 5 tước.

Đệ Tam Giáp Đồng Tiến Sĩ Xuất Thân: Chánh Bát Phẩm, 4 tước.

Lê Hiến Tôn (1497-1504)

Lê Túc Tôn (1504)

Lê Uy Mục (1505-1509)

Lê Tương Dực (1510-1516)

Lê Chiêu Tôn và Lê Cung Hoàng (1516-1527)

NHÀ MẠC

Thái Tổ Mạc Đăng Dung (1527-1529)

Thái Tôn Mạc Đăng Doanh (1530-1540)

Niên hiệu: Đại Chính.

NHÀ LÊ TRUNG HÙNG (1533-1788)

Hữu Vệ Điện Tiền Tướng Quân An Thành Hầu là Nguyễn Kim dưới triều Lê, khi Mạc Đăng Dung tiếm nghịch ông dẫn con em trốn sang Ai Lao.

Năm 1532 Nguyễn Kim lập con thứ vua Lê Chiêu Tôn là Hoàng Tử Ninh lên ngôi ở Ai Lao tức là Lê Trang Tôn.

10. Năm Nhâm Thìn (1532), Mạc, Đại Chính năm thứ 3; Minh, Gia Tĩnh 11.

Tháng 12, cựa thần nhà Lê là An Thành Hầu Nguyễn Kim tôn lập con Lê Chiêu Tôn là Ninh lên làm vua, tức là vua Lê Trang Tôn, niên hiệu Nguyên Hòa. Vua phong Kim làm Thái Sư Hưng Quốc Công. Mọi việc quân dân, lớn nhỏ đều giao cho Kim trông coi, ngày đêm lo việc khôi phục.

Nguyễn Kim gả con gái là Nguyễn Thị Ngọc Bảo cho Trịnh Kiểm.

Nguyễn Kim bị thuốc độc chết, binh quyền về tay Trịnh Kiểm.

Năm 1556 vua Trung Tôn mất, không có con. Trịnh Kiểm lập Duy Bang là cháu 4 đời của Lam Quốc Công Lê Trừ là anh ruột Lê Thái Tổ, tức là Lê Anh Tôn(1556-1573)

Năm 1570 Đuan Quận Công Nguyễn Hoàng là con thứ Nguyễn Kim, kiêm lĩnh 2 xứ Thuận Hóa và Quảng Nam. Trịnh Kiểm chết, binh quyền về tay con thứ là Trịnh Tùng.

Năm 1573, Trịnh Tùng giết vua Lê Anh Tôn lập con thứ của nhà vua tên là Duy Đàm lên làm vua tức là Lê Thế Tôn(1573-1599)

Lê Thế Tôn (1573-1599)

Niên hiệu: Gia Thái(1573-1577), Quang Hưng(1578-1599)

11.Năm Nhâm Thìn (1592), Quang Hưng thứ 15; Mạc, Hồng Ninh thứ 2.

Tháng Giêng, Tiết Chế Trịnh Tùng tiến quân đánh Mạc, Mạc Mậu Hợp bỏ thành Thăng Long chạy, lấy lại đất Đông Đô, dứt được họ Mạc từ đây.

Năm 1593, Đuan Quốc Công Nguyễn Hoàng từ Thuận Hóa vào châu được phong làm Thái Úy Đuan Quốc Công cầm quân đánh giặc miền Đông Nam. Tám năm sau Nguyễn Hoàng tự đem quân bản bộ về Thuận Hóa.

Năm 1619 Trịnh Tùng giết vua Thế Tôn và lập Hoàng Tử Duy Kỳ lên ngôi, tức là vua Thần Tôn.

Lê Thần Tôn (1644-1643)

Năm 1643 nhường ngôi cho Thái Tử Duy Hựu lên làm vua tức là Lê Chân Tôn.

Lê Chân Tôn (1644-1649).

Chân Tôn mất không có con. Trịnh Tráng lại rước Thần Tôn Thái Thượng Hoàng lên làm vua lần thứ hai.

Lê Thần Tôn (1649-1662)

Niên hiệu:Khánh Đức(1649-1652), Thịnh Đức(1653-1657), Vinh

Thọ(1658-1661), Vạn Khánh(1662).

12. Năm Nhâm Thìn (1652), Khánh Đức năm thứ 4; Minh, Vinh Lịch 7; Thanh, Thuận Trị 9.

Đàng Ngoài:

Trịnh Tráng gia phong cho con là Tạc làm Nguyên Soái, giữ chính quyền trong nước, tước Tây Định Vương.

Đàng Trong:

Chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần (1649-1687).

Chúa chăm lo việc chính trị, không chuộng việc yến tiệc vui chơi. Bấy giờ có người con hát Nghệ An tên là Thị Thừa, nhan sắc xinh đẹp, được tiến vào cung. Chúa nhân xem sách Quốc Ngữ, đến chuyện vua Ngô yêu Tây Thi, chúa tỉnh ngộ, tức thì sai Thị Thừa mang áo ngự cho Chuông Dinh Nguyễn Phúc Kiều có để thư trong dải áo ấy, ngầm sai Kiều bỏ thuốc độc giết Thị Thừa đi.

Lê Huyền Tôn (1663-1672)

Lê Gia Tôn(1672-1675)

Lê Hy Tôn (1676-1705)

Lê Dụ Tôn (1706-1729)

Niên hiệu:Vinh Thịnh(1706-1719), Bảo Thái(1720-1729)

13. Năm Nhâm Thìn (1712), Vinh Thịnh thứ 8; Thanh, Khang Hy thứ 51.

Đàng Ngoài:

Trịnh Căn mất năm Kỷ Sửu (1709); con nối nghiệp là An Đô Vương Trịnh Cương (1709-1729). Hạ lệnh cấm Đạo Gia Tô:

Người nào có biết người theo Đạo Gia Tô, được tố cáo và được thưởng tiền; người theo đạo ấy sẽ phải cắt tóc trên đỉnh đầu, thích vào mặt 4 chữ “ Học Hoa Lang Đạo”

Đàng Trong:

Nguyễn Phúc Chu (1692-1725) lấy hết nước Chiêm Thành, và lấy đất Gia Định, Hà Tiên của Chân Lạp.

Dựng phủ mới ở Bắc Vọng.

Lê Ý Tôn (1735-1739)

Lê Hiến Tôn (1740-1786)

Đàng Trong:

Chúa Tiên Nguyễn Hoàng(1558-1613)

Chúa Sãi Nguyễn Phước Nguyên(1613-1635)

Chúa Thượng Nguyễn Phước Lan(1635-1648)

Chúa Hiền Nguyễn Phước Tần(1648-1687)

Chúa Nghĩa Phước Trấn(1687-1691)

Chúa Nguyễn Phước Chu(1691-1725)

Chúa Nguyễn Phước Chú(172-1738)

Chúa Nguyễn Phước Khoát(1738-1765).

Chúa Nguyễn Phước Khoát bắt đầu xưng Vương năm 1765.

Nguyễn Phước Thuần(1765-1777)

14. Năm Nhâm Thìn (1772), Lê Cảnh Hưng thứ 33; Thanh, Càn Long thứ 37)

Đàng Ngoài:

Trịnh Doanh mất năm Đinh Hợi(1767), con nối nghiệp là Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm(1767-1782).

Thượng Thư Bộ Lại Trần Huy Mật bị giáng xuống làm Thượng Thư Bộ Công vì Trịnh Sâm ghét Mật được vua quý trọng gả cho Công Chúa.

Theo quan chế triều Lê, phẩm trật và bổng lộc Bộ Công kém hơn Bộ Lại.

Đàng Trong:

Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát mất năm Ất Dậu(1765), con là Định Vương Nguyễn Phúc Thuần(1765-1777).

Năm 1771, Mạc Thiên Tứ Tổng Trấn Hà Tiên được tin Xiêm La định ngày xâm lấn bèn xin Gia Định viện binh. Điều Khiển Gia Định là Nguyễn Phúc Khôi không cho quân đến cứu. Thành Hà Tiên bị hãm, rồi bị tan vỡ. Chúa cách chức Khôi xuống làm Cai Đội và sai Chương Cơ Nguyễn Phúc Đàm làm Khâm Sai Chánh Thống Suất Đốc Chiến, đem quân sang đánh quân Xiêm, tiến đến Nam Vang phá được quân Xiêm. Vua Xiêm xin giảng hòa.

NHÀ TÂY SƠN (1788-1802)

NHÀ NGUYỄN (1802-1945)

Niên hiệu Gia Long (1802-1819)

Niên hiệu Minh Mệnh (1820-1840)

15. Năm Nhâm Thìn (1832), Minh Mệnh thứ 13; Thanh, Quang Đạo thứ 11.

Năm 1831 chia tỉnh hạt từ Bắc Quảng Nam trở ra Bắc; năm nay,

1832 chia tỉnh hạt từ Quảng Nam trở vào Nam.

Dùng Nguyễn Tổng Đốc Sơn-Hung-Tuyên Lê Đại Cương làm Tổng Đốc An-Hà kiêm lãnh ấn “Bảo Hộ Chân Lạp Quốc”.

Năm trước cho Tham Tri lãnh Tào Hình Bắc Thành Lê Đại Cương (người thôn Luật Chánh, tỉnh Bình Định) thăng Thự Binh Bộ Thượng Thư làm Tổng Đốc Sơn-Hung-Tuyên. Bấy giờ có dân hạt Sơn Tây đem việc tham tang đưa đơn kiện, được triệu về kinh. Vua giao cho Hộ Đốc là Hồ Hợi xét, nhưng không có tang chứng gì.

Vua liền vời Lê Đại Cương vào ra mắt, và dụ rằng:

“Người làm việc nhanh nhẹn giỏi giang, đã hiểu biết rõ. Trước đây có đơn tiểu dân kiện bậy, ta cũng tin rằng chắc người không có việc ấy; nhưng pháp luật là phép công, chẳng tư vị ai, nên ta sai Hồ Hợi xét ngay. Nay đã xét ra đơn ấy là vu khống, tâm tích của người đã tỏ rõ.

Đại thần vì nước, nên hết sức làm việc nên làm, chớ vì cơ điều toa, ngang ngành của kẻ xấu, mà cho rằng đường làm quan lắm chỗ gặp ghênh, rồi đem lòng chán ngán trùn lại, một mực dựa dẫm hùn theo thì chẳng hóa ra phụ ơn nhà nước lắm sao?”.

Vua bèn sai bộ Hình truyền chỉ rửa oan việc đó cho rõ ràng. Sau đó bổ Cương làm chức ấy.

Lại cho rằng Hợi xét rõ được vụ án ấy, không có cong queo dong túng, rất khen và dụ rằng:

“Việc này ta khen ở chỗ là chỉ giữ pháp luật cho được công bằng chứ không vì cơ cốt để cứu gỡ cho quan lại. Từ nay, nên một niềm trung trực, giữ phép công, phá bỏ tình riêng, chớ thấy lần này được khen rồi có khi giữ ý kiến quan lại bênh nhau, thì phụ lòng ta ý thác, và cũng không thể trốn khỏi sự soi xét của ta được”.

Đại Cương đến trước bệ, bái biệt. Vua gọi đến trước mặt dụ rằng:

“ An Giang là tỉnh mới đặt, trong thì trấn thủ, võ về nước Phiên, ngoài thì khống chế nước Xiêm, sự thể rất quan trọng. Người nay cai trị đất ấy, phạm những việc quân, dân trọng đại cùng thành trì và kho tàng đều nên hết sức lo liệu để phụ phỉ ý ta mong người làm được thành công”.

Niên hiệu Thiệu Trị (1841-1848)

Năm 1847 hai tàu chiến của Pháp đến bắn chìm 2 tàu của ta ở cửa biển Đà Nẵng rồi bỏ đi.

Niên hiệu Tự Đức (1848-1883)

Năm 1856 là năm Tự Đức thứ 9, quân Pháp mang tàu tên Catinat

vào cửa Nẵng bắn phá rồi bỏ đi

Năm 1858 (Tự Đức th ứ 11), Liên quân Pháp- Y Pha Nho chở quân đến cửa Đà Nẵng.

Năm 1859 (Tự Đức thứ 12) quân Pháp đánh phá Gia Định.

Hòa Ước năm Nhâm Tuất (1862) nước ta phải nhường đứt 3 tỉnh Biên Hòa, Gia Định và Định Tường cho Pháp.

Năm 1867, quân Pháp kéo quân đ ến định đánh lấy 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Tổng Đốc Phan Thanh Giản biết thế không chống nổi, bèn giao nộp thành trì cho Pháp rồi uống thuốc độc mà tự tận.

Hòa Ước năm Giáp Tuất (1874)

Niên hiệu Hiệp Hòa(1883)

Niên hiệu Kiến Phước(1884)

Niên hiệu Hàm Nghi(1664-1888)

Niên hiệu Đồng Khánh((1885-1889)

Niên hiệu Thành Thái (1889-1907)

16. Năm Nhâm Thìn (1892), Thành Thái thứ 4.

. Tháng 1, Toàn Quyền Đông Dương ra nghị định tất cả các tù nhân bị án tù từ 2 năm trở lên đều phải giam giữ tại Côn Đảo.

. Tháng 8, Thủ Lãnh nghĩa quân vùng sông Đà là Đốc Ngữ bị nội phản ám hại tại căn cứ Kha Cụt, thuộc huyện Thanh Sơn, tỉnh Hưng Hóa.

. Tháng 10, Nhà Khoa Bảng yêu nước Tống Duy Tân bị xử chém tại thị xã Thanh Hóa.

Niên hiệu Duy Tân (1907-1916)

Niên hiệu Khải Định (1916-1925)

Niên hiệu Bảo Đại (1926-1945)

SAU NĂM 1945

17. Năm Nhâm Thìn (1952).

a. Việt Minh và Pháp:

Việt Minh mở chiến dịch Hoà Bình.

Hoà Bình là một thị trấn nhỏ cách Hà Nội chừng 80 cây số về phía Nam. Về đường giao thông, tiếp tế, Pháp có thể sử dụng đường thuộc địa Số Sáu từ Hà Nội đến Hoà Bình; đường thủy thì có sông Đà chạy từ Trung Hà thuộc địa phận Sơn Tây đến Hoà Bình. Phi trường Gia Lâm và Bạch Mai cách Hoà Bình chưa đầy 100 cây số.

ở đây chừng 10 Tiểu Đoàn chiếm đóng hơn 100 vị trí, trong đó có một số cứ điểm quan trọng như Nghĩa Lộ, Lai Châu, Sơn La, Vạn Yên, Mộc Châu. Địa hình rất hiểm trở, thích hợp cho Bộ Binh tác chiến du kích lại rất khó khăn cho các đồn bót tiếp ứng nhau. Nói chung, Việt Minh nắm được nhiều lợi thế chiến thuật còn về mặt tiếp vận gặp trở ngại lớn vì dân thuộc sắc tộc Thái, sống thưa thớt nằm dưới quyền kiểm soát, không yểm trợ cho họ như các khu vực khác.

Cũng như ở mặt trận Hoà Bình, Việt Minh chừng 3 Đại Đoàn đánh vào mặt trận Tây Bắc, 2 Đại Đoàn đánh vào châu thổ sông Hồng.

Tháng 10, đêm Mồng 10, các Đại Đoàn 308, 312, 316 và Trung Đoàn 148 cùng với dân công khoảng 30,000 người từ Phú Thọ, Yên Bái dùng thuyền vượt sông Thao sang vùng chiến trường.

Tháng 10, ngày 14, Việt Minh mở đợt I của chiến dịch: Đại Đoàn 316 và 312 đánh chiếm 2 vị trí nằm ở vành đai ngoài của phân khu Nghĩa Lộ; Đại Đoàn 308 bao vây thị trấn Nghĩa Lộ do 1 Tiểu Đoàn Pháp trấn đóng ở đó.

Tháng 10, ngày 16, Pháp thả Tiểu Đoàn VI Dù xuống Tú Lệ cách Nghĩa Lộ 16 cây số về phía Tây Bắc để yểm trợ cho các đơn vị Pháp rút về phía sông Đà.

Tháng 10, chiều ngày 16, hai vị trí Nghĩa Lộ Đồi và Nghĩa Lộ Phố thất thủ, Bộ Chỉ Huy Phân Khu Nghĩa Lộ của Pháp bị bắt, toàn thể phòng tuyến ở phía Đông sông Đà bị rời rã.

Pháp tăng cường các cứ điểm chính Lai Châu, Mộc Châu, Na Sản đồng thời mở cuộc hành quân Lorraine đe dọa căn cứ tiếp vận của Việt Minh ở Bắc Việt với hy vọng giải tỏa sự tấn công vào Tây Bắc của họ.

Tháng 10, ngày 29, Pháp dùng khoảng 30,000.00 quân gồm 4 Liên Đoàn Bộ Binh Lưu Động, 1 Liên Đoàn Nhảy Dù, 1 Liên Đoàn Thiết Giáp, 2 Hải Đoàn Xung Phong, yểm trợ bởi 2 Tiểu Đoàn Công Binh, từ Sơn Tây vượt sông Hồng tiến về hướng Tây Bắc, khám phá được nhiều kho tiếp liệu đáng kể, kể cả bắt được 2 chiếc xe Motolova chế tạo tại Nga.

Tháng 11, ngày 14, tướng Salan ra lệnh triệt thoái khỏi vùng hành quân, vì vào thời điểm đó, Việt Minh đã tiến tới sông Đà, sắp sửa nuốt nốt phần còn lại của lực lượng Pháp ở vùng Tây Bắc Bắc Việt.

Tháng 11, ngày 17, lực lượng triệt thoái Pháp sa vào một cuộc phục kích quy mô của Trung Đoàn 36, thuộc Đại Đoàn 308 ở thung lũng Chân Mộng. Cuộc chiến kéo dài 18 tiếng đồng hồ gây cho Pháp chết 56, bị thương 125, mất tích 133, hàng chục xe bị phá huỷ.

Tháng 11, ngày 14, năm 1951, tướng De Lattre điều khoảng 20 Tiểu Đoàn tiến chiếm Hoà Bình và đóng quân, chia làm 3 phân khu: Hoà Bình, Xuân Mai và Sông Đà.

Sau khi tiến chiếm Hoà Bình mấy ngày thì tướng De Lattre về Pháp trị bệnh ung thư tiền liệt tuyến và mất ngày 18 tháng 1 năm 1952, tướng Raoul Salan làm phó cho tướng De Lattre tạm thời lên thay.

Việt Minh mở chiến dịch Hoà Bình, chia làm 2 đợt: đợt I tập trung đánh đường sông, đợt II tập trung đánh đường bộ.

Đợt I: năm 1951

Trong đợt I từ đêm 9 tháng 12 năm 1951 đến ngày 13 tháng 12 năm 1951, Ba Đại Đoàn 304, 308, 312 chủ lực trong 6 trận đánh quan trọng, làm cho Pháp khó khăn trong việc tiếp tế cho các đơn vị hành quân. Chiến thuật biển người là lối đánh lấy thịt đè vũ khí, số thương vong của Việt Minh rất cao. Chỉ trong trận đánh đêm 9 tháng 12 năm 1951, Trung Đoàn 88 của Đại Đoàn 308 tấn công Tu Vũ, một cứ điểm tại phía Tây sông Đà, 2 Đại Đội lính Ma-Rốc bố trí thành 3 điểm tựa cho nhau. Cuộc giao tranh rất ác liệt, Trung Đoàn 88 Việt Minh phải rút lui trước khi trời sáng, để lại chiến địa khoảng 400 xác chết.

Đợt II: năm 1952.

Tháng 1, ngày 7, với sự yểm trợ triệt để về mọi mặt của Trung Cộng, Việt Minh đánh đường Số Sáu, vây hãm thị xã Hoà Bình bằng chiến thuật biển người, mặc dù diệt được 1 Đại Đội và thiệt hại 1 Đại Đội khác của Tiểu Đoàn Lê Dương, nhưng phải bỏ lại tại trận 700 xác chết. Tuy nhiên vào giữa tháng 1, đường Số Sáu giữa Hoà Bình và Xuân Mai coi như không sử dụng được nữa. Tướng Salan áp dụng kế hoạch nghi binh: dùng 12 Tiểu Đoàn Bộ Binh và 3 Pháo Đoàn giải toả áp lực của Việt Minh vào đường Số Sáu, sau 11 ngày tổn nhiều mồ hôi và máu mới khai thông một đoạn đường 40 cây số.

Tháng 2, ngày 22, Pháp rút khỏi thị xã Hoà Bình. Đã có 2 trận đụng độ ác liệt, một ở Xóm Keo, một ở đèo Kem. Pháp phải bắn hết 30,000.00 viên đạn và không quân Pháp phải tận dụng mọi phương tiện để yểm trợ.

Trong trận Hoà Bình tổn thất đôi bên rất nặng nề, Pháp bị thương vong 5,000 còn thương vong của Việt Minh qua các cuộc tấn công biển người, ít nhất sự mất mát thương vong cũng bằng con số đó.

. Việt Minh mở Chiến Dịch tấn công vùng Tây Bắc Bắc Việt.

Tây Bắc là một vùng chiến lược quan trọng đối với Pháp, vừa uy hiếp Việt Bắc của Việt Minh, vừa bảo vệ Thượng Lào. Quân trú phòng

Cuộc hành quân Lorraine coi như bị thất bại: nó không giải toả được áp lực Việt Minh vùng Tây Bắc; còn về chiến lợi phẩm không bù được sự thương vong hơn 1,000. quân và hao tổn nhiều phương tiện.

Tháng 11, ngày 15,16 Việt Minh mở đợt II chiến dịch Tây Bắc. Các Đại Đoàn 308, 312, 316 vượt sông Đà.

Tháng 11, ngày 18, lực lượng chủ lực này bắt đầu nổ súng đánh và diệt 3 vị trí cấp Tiểu Đoàn Pháp trong đó có cứ điểm Mộc Châu là quan trọng nhất; Bắc Sơn và Lai Châu cũng bị uy bức.

Tháng 11, ngày 21, tàn quân Pháp ở các nơi đã bị bức rút, tập trung về Na Sản, nằm trên đường Số 41 cách Sơn La 20 cây số về phía Nam, bố trí thành một tập hợp cứ điểm với 21 vị trí do một lực lượng từ 8 đến 10 Tiểu Đoàn trấn giữ có 5 Pháo đội 105 ly yểm trợ.

Tháng 11, ngày 23, Việt Minh tung 1 Trung Đoàn tấn công các vị trí vòng ngoài Na Sản nhưng thất bại.

Tháng 11, đêm 30, Việt Minh tấn công lần thứ hai cũng thất bại.

Tháng 12, đêm 1, Việt Minh tung 2 Trung Đoàn tấn công tiếp.

Chiến sự ở Na Sản rất gay go, các tiền đồn của Pháp có khi bị đánh 5 lần trong một đêm. Cuối cùng Việt Minh thôi tấn công sau khi bị thương vong từ 6,000. đến 7,000, người. Thấy đánh không chắc thắng, chiến dịch Tây Bắc đã kết thúc ngày 10, tháng 12 năm 1952.

b. Tình trạng một cố đỗi trong của người Việt không Cộng Sản:

. Những thanh niên Tiểu Tư Sản theo tiếng gọi của non sông, cầm súng trong hàng ngũ Việt Minh chống thực dân Pháp từ những ngày đầu kháng chiến, lập nhiều chiến công. Kể từ mùa Thu năm 1952, từ Liên Khu V trở ra, nhiều vụ đấu tố nhắm vào thành phần trên, nhiều người bị xử bắn vì bị mắc vào vòng ràng của guồng máy chiến lược đấu tranh của người Bôn-Sơ-Vích:

Giai đoạn một: Lấy độc lập làm mỗi. Dùng Tiểu Tư Sản mị quần chúng.

Giai đoạn hai: Lấy kháng chiến làm mỗi. Dùng Tiểu Tư Sản nắm quần chúng.

Giai đoạn ba: Lấy quyền lợi làm mỗi. Dùng quần chúng tiêu diệt Tiểu Tư Sản.

. Quân Đội Quốc Gia Việt Nam Phát Triển gay go.

Phải gay go trải qua 3 giai đoạn(Sơ khởi hỗn tạp:1946-1950; Chính thức thành hình:1950-1952; Phát triển:1953-1954).

Tháng 2, 1952, Hội nghị Việt-Pháp tại Đà Lạt quyết định tăng Quân Đội Quốc Gia Việt Nam lên 170,000.00 người gồm 120,000.00 quân chính quy, 50,000.00 quân phụ lục.

Tháng 6, ngày 1, Bộ Tổng Tham Mưu Quân Đội Quốc Gia được thành lập. Trung Tá Nguyễn Văn Hinh, nguyên là Sĩ Quan Không Quân Pháp đang lúc làm Đồng Lý Võ Phòng cho Quốc Trưởng Bảo Đại được đặc cách thăng Thiếu Tướng và bổ dụng làm Tổng Tham Mưu Trưởng.

Trên danh nghĩa, Tổng Tham Mưu Quân Đội Quốc Gia Việt Nam có toàn quyền đối với các đơn vị Việt Nam, nhưng trên thực tế, việc điều động và sử dụng hoàn toàn nằm trong tay Bộ Tư Lệnh Quân Đội Viễn Chinh Pháp ở Đông Dương cho đến khi có Hiệp Định Genève vào tháng 7-1954. Quyền hạn của Bộ Tổng Tham Mưu Quân Đội Quốc Gia Việt Nam chỉ thu hẹp trong phạm vi tổ chức, huấn luyện và quản lý mà thôi.

Tháng 7, ngày 1, 4 Quân Khu được thành lập:

- Đệ Nhất Quân Khu: Bao gồm lãnh thổ Nam Việt;
- Đệ Nhị Quân Khu: Bao gồm lãnh thổ Trung Việt;
- Đệ Tam Quân Khu: Bao gồm lãnh thổ Bắc Việt;
- Đệ Tứ Quân Khu: Bao gồm lãnh thổ Cao Nguyên Trung Phần Việt Nam.

Trong năm 1952, Pháp bắt đầu chuyển giao thẩm quyền lãnh thổ và hành quân ở một số khu vực cho Quân Đội Quốc Gia Việt Nam, khởi đầu là Tiểu Khu Hưng Yên, thuộc Đệ Tan Quân Khu.

Tính đến cuối năm 1952, Quân Đội Quốc Gia Việt Nam có chừng 147,000., trong đó có 94,200. là lực lượng chính quy, 53,280. là Phụ Lục quân. Lực lượng này tổ chức thành:

* 59 Tiểu Đoàn Bộ Binh, 6 Chi Đoàn Thám Thính Xa, 1 Tiểu Đoàn Pháo Binh và 8 Pháo Đội Biệt Lập,

* 6 Đại Đội Công Binh Chiến Đấu, 6 Đại Đội Vận Tải, 6 đại Đội Truyền Tin, 3 Đoàn Tuần Giang, 8 Trung Đoàn Vệ Binh, và 494 Đại Đội Phụ Lục Quân.

* Không Quân và Hải Quân cũng bắt đầu thành hình với sự thiết lập ở Nha Trang trường Không Quân tháng 4, trường Hải Quân tháng 7.

18. Năm Nhâm Thìn (2012): Chờ xem!

TRÁC NHƯ

Trang sử bi hùng

*Khí thiêng trời đất tụ non Tây
Phạt Bắc, bình Nam giữ nước này
Gò Đống, xương thù phơi nội cỏ
Rạch Gầm, xác giặc giạt chân mây
Sao mờ, mệnh yếu, anh hùng khuất
Nghiep mất, nhà tan, vận nước thay
Trang sử bi hùng ai đọc đến
Dấu lòng gang thép, cũng cau mày.*

NGUYỄN CÔNG HOÀNG



Vườn cây mùa mất nước

*Nước không còn, khốn đốn vườn cây,
Nắng giài mênh mông, nắng đoạ dày;
Thương khóm trúc ngà, vàng trước gió,
Hận hàng phượng vĩ, đỏ trên mây;
Quyên kêu tức tưởi đau hồn mộng;
Vết bót tung bưng rách cả tai.
Giữ nước không xong; gìn giữ đất,
Tấc lòng thiên cổ động nơi đây.*

Diễn trang *Lộc Xuân* 9-3-2009

LÊ PHƯƠNG NGUYỄN



Hoa Thủy Tiên

Ngọc Anh

Ông cẩn thận đặt mấy cái dao mỏng, nhiều cỡ và chiếc nhíp nhọn nhỏ nơi góc bên này của mặt bàn kê sát cửa sổ nhìn ra khu vườn được trồng nhiều loại cây do ông dày công chăm sóc từ vài năm trở lại đây như quỳnh, hồng, lan, táo tàu, nhãn.... Những củ thủy tiên mập tròn hay chẻ nhánh do ông cẩn thận chọn lựa nằm trên chiếc khay sơn mài màu đen chữ nhật có hình trúc mai và những chú chim nhỏ được khảm bằng xà cừ nằm góc kia của mặt bàn. Mấy năm nay, vào cuối tháng mười một, khi ánh mặt trời như chùng xuống làm bầu trời u u, những ngọn gió bắc quất mạnh vào những cành cây trụi lá và lá vàng lão đảo quần quại trên mặt đất, là lúc ông tìm đến ngôi tiệm quen thuộc nằm trên đường Broadway trong khu phố Tàu Los Angeles để mang về những củ thủy tiên có hình dáng củ hành hương lên mộng nhưng lớn bằng nửa củ hành tây với lớp vỏ mỏng màu nâu sậm.

Những củ thủy tiên và giò thủy tiên gắn liền với hình ảnh của ba ông, nên dường như chúng ảnh hưởng đến sinh hoạt của gia đình ông nhiều hơn ông tưởng. Tuổi nhỏ của ông cũng có những ngày cuối năm buồn bã như thế trong căn gác nằm ngay phía trên ngôi tiệm chạp phô mà mẹ ông

một mình bương chải để nuôi đàn con và một ông chồng bệnh hoạn, mặc dầu bên ngoài căn gác mặt trời vẫn sáng chói và đời sống của nhiều người vẫn nhộn nhịp tiếp diễn. Giữa cái nóng như lửa của buổi trưa Sài Gòn căn gác vẫn đóng kín cửa, khiến căn phòng vừa nóng vừa ngột ngạt, ba của ông đã lặng lẽ ngồi trên sàn để gọt những củ thủy tiên nằm trong chiếc mẹt đặt trước mặt. Một công việc mà theo ông thật vô bổ vì nếu ba có ngồi gọt hàng tháng thì với thể chất yếu đuối do bệnh hoạn mang lại, ba cũng không thể gọt đủ số lượng để mẹ có thể bán cho khách kiếm lời, nên việc gọt thủy tiên của ba chủ yếu là để ngắm những chùm hoa không đủ đẹp so với hồng, cúc... Những bông hoa nhỏ xíu với sáu cánh trắng và chiếc nhụy vàng có đời sống ngắn ngủi kéo dài chỉ hơn chục ngày rồi tàn úa... Nhưng ý nghĩ riêng tư của ông không làm thay đổi được những gì xảy ra trong căn phòng nhỏ có ba ở trong đó, vì đã nhiều năm, từ ngày ông đủ lớn để có chút hiểu biết đến giờ vẫn tiếp tục nhìn thấy hình ảnh người đàn ông gầy gò mân mê trong tay những củ thủy tiên. Đã nhiều lần ông thắc mắc không biết những củ thủy tiên này có mãnh lực nào ngoài việc đặt trên bàn thờ tổ tiên ngày tết, chưng bày cho đẹp nhà và tặng bạn bè mà ba phải chịu khó thực hiện công việc vừa tốn kém, vừa tỉ mỉ và chiếm quá nhiều thì giờ, trong khi ba cần nghỉ ngơi và đỡ bớt chi phí mua thủy tiên để dành cho những sinh hoạt của gia đình và tiền thuốc thang cho ba mà mẹ đã phải hằng ngày lo lắng. Có lần ông đã hỏi mẹ:

- Tại sao ba gọt mấy củ thủy tiên đó làm gì hả mẹ?

- Tại ba con thích.

- Nhưng tốn tiền mà có được gì đâu.

- Sao con biết không được gì! Nhìn hoa đẹp con không thích sao? Nhưng thôi đi chỗ khác chơi cho mẹ bán hàng.

Mùa đông năm ông lên mười một tuổi, trước tết khoảng một tháng, ba cũng ở ngay căn phòng đó. Bên dưới hoạt động buôn bán của mẹ ông vẫn nhộn nhịp tiếp diễn, thì khoảng không gian bao quanh căn phòng im ắng hơn vì tiếng người nói chuyện, tiếng chân bước lên cầu thang khê khàng hơn và ngay cả bước đi của những phần tử trong gia đình vào phòng thường là những cái nhón gót. Buổi sáng đó ba đã yếu lắm rồi, bước chân của ba đã nhẹ tênh và cần người giúp, có thể vì lý do này ông đã ở nhà thay vì chạy chơi với lũ bạn cùng xóm. Dường như ông linh tính tai họa sắp sửa xảy ra trong gia đình. Ông hết xuống nhà rồi lại quanh quẩn bên giường ba như để đợi chờ những sai biểu quen thuộc “con bung giùm ba chậu này để sát cửa sổ”, “con đưa chậu kia ra ngoài nắng”. Nhưng những củ thủy tiên vẫn còn nguyên vẹn nằm phơi mình trong chiếc mẹt tre. Lúc ông đang loanh quanh chung quanh giường ba, chịu đựng cái

nóng để thay chị người làm vừa rời khỏi phòng xuống dưới nhà giúp mẹ, thì nghe có tiếng gọi khẽ:

- Con còn đó không? Giúp đỡ ba đây.

Hình ảnh của ba trong giây phút ấy còn hiện rõ trong trí nhớ của ông. Mặt ba hóp vào. Ba mặc bộ đồ lụa mỏng màu ngà chảy sát người làm nổi bật mấy chiếc xương sườn của một thân người ốm đến độ không khác gì bộ xương di động. Và ông, một thằng con trai nhỏ thó với chiều cao chỉ ngang vai ba, một tay ôm ngang hông ba, tay kia giữ một bàn tay của ba kéo gác lên vai mình, dìu ba đi mà có cảm tưởng đang dìu đứa trẻ. Dường như trọng lượng trong người ba đã biến gần hết và việc ngồi dậy là một cố gắng hết sức phi thường của ba. Sau khi được đặt ngồi vững vàng trước chiếc mẹt, ba cất giọng thì thào:

- Con lấy cho ba cái dao.

Nhắc đến cái dao, ông biết là ba muốn mấy chiếc tằm dù để trên chiếc kệ gần đó. Những cây tằm bằng sắt được rút ra từ chiếc dù hư có chiều dài suýt soát chiếc đũa, mấy năm trước đã được ba ngồi hàng giờ mài đi dũa lại trên phiến đá mài màu xám xịt sờ vào nhám xạm, giờ đã biến thành mấy lưỡi dao sắc và mỏng như lưỡi lam. Ông ngồi xuống lừa những củ thủy tiên trong chiếc mẹt về phía ba rồi ngồi bệt trên sàn nhà chờ đợi. Ba ngồi nhìn những củ thủy tiên được một lúc, không hiểu vì đang suy nghĩ điều gì hay vì mệt nên chưa thể tái tạo đời sống khác cho chúng. Mồ hôi lấm tấm trên mặt ông, nhưng ông vẫn kiên nhẫn ngồi đợi chờ câu nói cuối cùng sau những sai bảo, “con xuống dưới nhà xem mẹ cần phụ gì không”, mà mãi về sau này ông cũng không hiểu vì sao thằng con trai ở tuổi còn ham chơi có thể chịu khó ngồi yên được như thế. Ba ngồi đó mắt nhắm mắt mở nhìn vào những củ thủy tiên. Với dáng ngồi và khuôn mặt của ba ngày hôm đó, trong thời gian dài ông đã không ngừng đặt câu hỏi, lúc đó ba đã có những suy nghĩ gì, tiếc cho đời sống ngắn ngủi của mình? Buồn vì không thể hoàn tất được những gì muốn hoàn tất? Lo lắng cho người thân còn ở lại? Và cái điều khiến ông bị ám ảnh nhiều nhất là những củ thủy tiên có sức quyến rũ đến mức nào khiến một người bệnh hoạn gần chết như ba dùng hơi tàn của mình cố gắng ngồi dậy với manh nha hoàn tất việc gọt chúng. Khi ba vừa quyết định cầm củ thủy tiên lên gọt. Ông thấy bàn tay run run của ba gơ ra vừa chạm chiếc mẹt thì thân người gục ngã theo đà nghiêng lúc với tay định lấy củ thủy tiên. Ông chồm lại đỡ ba và hốt hoảng la lớn, “ba, ba.. Mẹ ơi! Ba...ba xỉu...”. Có nhiều tiếng sấm sập chạy lên cầu thang... Đó là lần cuối cùng ba có thể chỗi dậy. Ba nằm liệt giường thêm hai ngày nữa thì mất.

Sau đám táng của ba trở về nhà nơi căn phòng có chiếc bàn

thờ với đủ hình ảnh những người đã khuất trong gia tộc giờ này có thêm bức hình của ba. Những củ thủy tiên chưa gọt đã được sắp vào chiếc khay nhỏ đặt trên bàn thờ ngay trước bức ảnh. Mẹ sụt sùi trước bàn thờ làm lũ con cũng òa khóc theo. Chị người làm thì đứng xơ rở quanh đó cố đưa ra lời khuyên nhủ:

- Xin bà nín khóc không thôi các em thấy bà khóc cũng lại khóc.

Mẹ rấm rức thêm một lúc rồi ngưng, nhưng vẫn tiếp tục rũ người trước bàn thờ. Không khí trong nhà thật u ám. Nhìn đôi mắt của ba trong hình chùng như đang nhìn xuống những củ thủy tiên trước bức hình, đầu ông loé lên ý nghĩ chính những củ thủy tiên là nguyên nhân gây ra cái chết của ba. Ông ghét thủy tiên từ đó.

Mặc cho sự ghét thương loài thủy tiên trong lòng ông, những năm tiếp theo sau, thời gian cuối năm trên bàn thờ bao giờ cũng có những củ thủy tiên mới chưa được gọt và đôi giò thủy tiên có những chiếc lá thon, dài màu xanh biếc và những cành hoa éo lả với những chiếc hoa nhỏ xoè sáu cánh trắng. Ông vẫn thấy những chùm hoa đó quá đơn sơ, không lấy gì làm đẹp và tiếp tục có ác cảm với loại hoa thủy tiên.

- Sao mẹ không mua hoa khác cúng ba. Tuy đoán biết câu trả lời của mẹ, ông vẫn muốn đặt câu hỏi. Có thể do tiềm thức thúc đẩy với hy vọng có được câu trả lời thoả đáng để trả lời câu hỏi vẫn nằm lặng lẽ trong bộ óc của ông nhiều năm trời, tại sao ba có thể say mê việc gọt thủy tiên đến độ gần chết mà vẫn không muốn rời xa nó. Câu trả lời của mẹ vẫn tương tự như câu trả lời từ những năm trước.

- Tại ba con thích.

- Hàng năm ông vẫn thấy câu trả lời của mẹ chưa thật sự trả lời điều gì.

Thời gian của không gian bên ngoài như những cơn sóng tiếp tục chạy đuổi, ngọn này lấp lên ngọn khác tràn vào bờ cố bôi xoá những gì thuộc về quá khứ. Thời gian bên trong ngôi nhà mẹ tuy có lãng đãng hơn nhưng vẫn theo lẽ lối bất di bất dịch của năm của tháng, cũng âm thầm biến đổi từng khuôn mặt, từng làn da, từng mái tóc của những phần tử trong gia đình. Tóc mẹ đã lấm tấm bạc. Ông và lũ em đã trưởng thành, người đã ra riêng, người còn ở lại, biến gia đình nhỏ bé trước kia của mẹ thành một đại gia đình đông đủ trong những ngày lễ lạc với dâu, rể và những đứa cháu lần lượt ra đời. Có điều thời gian vẫn phải chào thua ý tưởng bất di bất dịch trong lòng mẹ. Mỗi năm, vào tháng cuối năm dẫu bận buôn bán cách mấy mẹ vẫn bỏ thì giờ để lựa những củ thủy tiên thật mập, thật tốt và hai giò thủy tiên nở thật nhiều hoa mang về nhà. Những củ thủy tiên không được

ai gọt nằm đó cạnh hai chậu có những chùm hoa ngạt một mùi hương trên chiếc bàn thờ. Khi hai chậu hoa thủy tiên đã tàn úa, được mang vất bỏ, thì những củ thủy tiên vẫn tiếp tục nằm trong chiếc mâm thêm nhiều tháng trời cho đến khi teo lại, nhỏ xíu như củ hành hương bị héo đợi chờ để được thay thế bằng những củ mới, mập mạnh hơn. Có lẽ những củ thủy tiên và những chậu thủy tiên vẫn tiếp tục trở lại đây không biết đến bao giờ nếu không xảy ra những biến cố thật lớn làm đảo lộn sinh hoạt của nhiều gia đình trong đó có gia đình ông.

Tháng tư năm đó, mặc cho mọi người nhốn nháo lo toan chuyện bỏ chạy, mẹ ông vẫn thế, vẫn ngày qua ngày quanh quẩn trong tiệm chạp phô, hết gói ký gạo lại qua ký đường, làm như thế giới bên ngoài kia không dính dáng gì đến bà. Ông từ mặt trận trở về tạt ngang nhà cho mẹ biết tình hình nguy cấp gia đình phải di tản. Mẹ một mặt khư khư với ngôi căn phòng có chiếc bàn thờ lúc nào cũng thơm tất khối hương, mặt khác thúc giục mọi người ra đi đừng lo gì đến mẹ. Mẹ bảo:



- Mẹ già rồi, có đi chỉ bận bước chân của các con, chưa kể bàn thờ không ai lo. Con và các em là lính tráng không đi không được. - Mẹ chép miệng, - Giá ba chúng mày còn sống cũng phải đi thôi, bỏ chúng một lần thì không cách gì lại sống với chúng được nữa...

Lo lắng cho tình hình trước mắt, ông không để ý đến những chi tiết khác trong câu nói của mẹ mà chộp ngay một phần của câu nói ấy:

- Mẹ bảo ba còn sống cũng phải đi. Thế tại sao mẹ không chịu

đi.

- Ba khác, mẹ khác. Ba vì chán chúng mới trở về với thân tàn ma dại. Còn mẹ đâu cách mạng cách miết gì. Mẹ không ở lại thì mồ mả của ba với ông bà ai lo, rồi bàn thờ, chưa kể còn ngôi tiệm này. Các con cứ yên trí ra đi, chùng nào yên nơi yên chỗ cho mẹ hay rồi mẹ tính lại.

Mặc cho anh em thúc giục mẹ vẫn nhất quyết không chịu rời bỏ ngôi nhà. Biết không thể thuyết phục được mẹ, buộc lòng tất cả con cháu phải rời bỏ mẹ, ngoại trừ cô em gái chưa lập gia đình tình

nguyện ở lại đỡ đần mẹ. Về sau này khi đưa mẹ và em gái sang được Mỹ, mẹ cho biết kể từ cái tết năm đó nhà chẳng những thiếu những củ thủy tiên mà còn thiếu rất nhiều thứ. Ngoài đường người buôn bán uể oải. Ngôi tiệm của mẹ cũng không khá gì hơn với những vụ đánh tư sản mại bản, đổi tiền và kiểm kê tài sản.

Còn gia đình ông, một thế giới hoàn toàn khác biệt mở trước mặt. Từ vợ chồng ông cho đến mấy đứa con, chỉ trừ đứa út chưa được một tuổi mới khỏi vật lộn với mớ chữ nghĩa tiếng Anh. Mặc dầu ông và vợ đã được trang bị một ít vốn Anh văn, thì vẫn là thứ tiếng Anh bập bẹ, chẳng phải giọng Ăng Lê mà cũng không phải giọng Mỹ, Mỹ nói ông không hiểu, ông nói Mỹ cũng không hiểu. Cả nhà buộc phải kéo nhau đến trường bắt đầu học nghe và nói. Hết chuyện học chữ, đến học nghề, rồi đi làm. Năm đầu ở Mỹ, gia đình ông đón nhận cái tết tẻ nhạt. Và cũng là lần đầu tiên trong đời, ông thấy trách nhiệm của ông thật nặng nề đối với những gì thuộc về quá khứ. Ông nhớ mẹ, nhớ em, rồi trước mặt ông như hiện rõ các bức ảnh từ ba đến ông bà ngoại, ông bà nội... nằm trên bàn thờ có chiếc lư đồng, đôi chân nến cũng bằng đồng, đôi giò thủy tiên, những củ thủy tiên và những tấm nhang trơ gốc đỏ lẫn giữa những cây nhang còn đang bốc khói...

Ông may mắn thấu lượm được những hình ảnh thân thiết đó vào đầu, là rường cột gia đình, còn thấy bơ vơ, trống trải vào những ngày cuối năm trên xứ lạ. Như thế vợ và nhất là các con ông, đầu óc còn đơn sơ sẽ biết bám víu vào đâu khi gặp phải những hoang mang giữa đời sống có những phong tục hoàn toàn khác biệt với quê hương mà gia đình ông mới rời bỏ! Lúc này ông mới hiểu rõ tại sao mẹ lại tha thiết với những bức ảnh, những ngày giỗ chạp, những củ thủy tiên, giò thủy tiên và chiếc bàn thờ đến nỗi quyết định ở lại khi các con tha thiết muốn mẹ đi với chúng. Ông lo nghĩ nhiều đến các con của ông, lo sợ đầu óc của chúng còn non nớt thiếu phán đoán chính xác, thiếu sự kiên định, điều này sẽ làm cho chúng khó duy trì được truyền thống của gia tộc. Cây có cội, nước có nguồn, truyền thống giống như tôn giáo chính là những bám víu cần thiết làm quân bằng đời sống tâm linh của các con ông, những đứa trẻ có màu da vàng, khác với màu trắng và màu đen của dân tộc bản xứ. Nếu ông không duy trì cho các con những gì được xem là truyền thống thì biết đâu chừng giây phút nào đó con cái sẽ trách ngược lại ông vì ông đã làm chúng mất đi bản sắc và bản ngã vốn là đa phần động lực chi phối hành vi, tình cảm, ý tưởng của con các con ông sau này.

Xét lại bản thân mình, cái điều làm ông sợ nhất là mất đi bản chất con người thật của mình, vì lẽ đó ông đã bỏ chạy, bỏ cả người mẹ ông hằng thương mến, bỏ cả đứa em gái ông cần bảo bọc và bỏ luôn bàn thờ tổ tiên lúc nào cũng thắm đỏ với những cây nhang, những ngọn đèn, những chậu hoa... Trong khi đó thế giới ông đang

hiện hữu lại hoàn toàn xa lạ đối với ông, và một khi không nắm vững được phong tục, tập quán, về những suy nghĩ của những con người trong xã hội ông đang ở, thì ông không thể xác định được dưới làn da, ngôn ngữ, tánh tình khác biệt của người Mỹ đối với các con ông, liệu các con ông cần học điều gì ở người Mỹ và điều gì cần giữ lại cho mình.

Ông thấy nhu cầu thiết lập bàn thờ gia tộc thật cấp bách. Vài ngày trước cái tết thứ nhì ở Mỹ ông đi mua gỗ, mua đinh lo hì hục đóng cho bằng được chiếc kệ, bài vị rồi cẩn thận sơn phết, kẻ tên người đã khuất trong gia tộc mà ông còn nhớ được để ít ra tuy thiếu mất những tấm ảnh, gia đình ông cũng có được chiếc bài vị để tỏ chút lòng thành đối với tổ tiên giòng họ. Lần đầu tiên ở Mỹ, lúc ông sỳ sụp lạy trước bàn thờ để tạo tấm gương tốt cho các con, thì những giọt nước mắt đã ứa trên khóe mắt. Ông nhớ mẹ, nhớ em và ba của ông và ông tha thiết muốn được nhìn lại chiếc bàn thờ trong ngôi nhà của mẹ với mùi hương toả rộng, với chi tiết ông từng cho là hết sức vô lý như những củ thủy tiên và những chậu hoa thủy tiên quen thuộc ngày ba ông còn sống và những năm sau khi ba ông đã qua đời, những chi tiết đó nào ngờ trong giây phút này lại ảnh hưởng tâm hồn ông nặng nề. Một vài câu ông hỏi ba, từng mảnh chấp nối bất chợt trở lại:

- Ba cất củ thủy tiên như vậy nó có đau không ba? - Ông nhớ có lần ông đã hỏi ba như vậy.

- Đau chứ con.

- Thế tại sao ba lại cất nó?

- Ba đang hoàn thiện đời sống cho chúng. Như con người trần tục của chúng ta, nhiều khi muốn hoàn thiện một điều gì, chúng ta phải chấp nhận những thử thách mà thử thách thì luôn luôn để lại trên người những vết hằn cũng giống như những củ thủy tiên này. Chính sự nhức nhối của vết hằn mới làm cho trái tim phát ra nhịp đập thương yêu...

-Ba nói gì con không hiểu? Nếu ba không cất nó, không lẽ nó không nở hoa sao ba?

Chúng có thể mọc tốt và cũng có thể không, gặp đất tốt may ra sẽ nở được những cánh hoa đẹp, gặp đất xấu củ sẽ chết hay chỉ nở ra những bông hoa èo uột. Trong khi ba đưa những lát dao vào củ, thì ba biết chắc khoảng thời gian nào hoa sẽ nở, và đoán được kết quả của những đoá hoa như thế nào..

Những câu trả lời của ba đạo đó thật khó hiểu. Những năm sau khi trưởng thành tuy những câu giải thích của ba vẫn còn nằm trong

tiềm thức, lâu lâu có dịp trỗi lên trong giấy lát, nhưng không ở lại được lâu vì đời sống quanh ông và chính bản thân ông luôn luôn có những biến động khiến ông không còn đủ thì giờ cho những đào sâu, thắc mắc; trong khi thế giới của ba vào lúc đó là cái thế giới tĩnh của tâm linh, hay nếu có biến động thì cũng chỉ là những biến động của tư tưởng để giải toả thêm những thắc mắc, cái thế giới ông ít có thì giờ dành cho nó.

Ở Mỹ trên mười năm ông mới bảo lãnh được mẹ và em gái sang Mỹ đoàn tụ. Ngày mẹ sang, mẹ mang theo hầu như tất cả những gì trên bàn thờ mà mẹ có thể mang đi được. Những tấm hình và ngay cả những chân đèn mà theo lời mẹ kể trong vài năm đầu của chính quyền mới đã có lúc mẹ phải nghĩ đến chuyện bán đi do việc buôn bán khó khăn và những khó dễ của chính quyền khiến gia đình trở nên túng quẫn, khi những chân đèn, lư đồng hết còn công dụng vì sự sợ hãi mẹ đã thâu nhỏ bàn thờ chỉ còn bức hình của ba và ông bà nội ngoại, ngay cả bát nhang bằng đồng cũng được mẹ thay thế bằng loại đất sét nung, để rồi những gì không thể phơi bày trên bàn thờ mẹ đã gói lại cất giấu kỹ lưỡng. Cũng may lúc đó vừa vận ông và các em của ông đã có thể gửi về những đồng đô Mỹ, nên mẹ còn giữ được những đồ vật kỷ niệm trên bàn thờ để chờ ngày cho chúng được phơi bày trên một bàn thờ rộng lớn như thời tuổi trẻ của ông với đầy đủ hình ảnh người thân trong gia tộc tại Mỹ.

Chiếc bàn thờ giờ có mẹ đã hoàn toàn đổi khác. Cái kệ nhỏ do ông đóng lấy đã được thay thế bằng chiếc tủ thờ khảm xà cừ. Những bức hình của người thân đã chêm chệ trên đầu tủ cạnh cặp chân đèn bằng đồng và những cây nến đỏ, bát nhang cùng một thứ kim loại với những chân nhang cũng màu đỏ, chiếc lư hương khá lớn cũng bằng đồng đỏ nằm giữa bàn thờ mà trong những ngày giỗ chạp đều ngập khói hương. Bàn thờ nhà ông trông gần giống bàn thờ nơi ngôi nhà của mẹ nếu có thêm chiếc mâm tròn nằm bên dưới bức hình của ba chứa đựng những củ thủy tiên hoặc tươi nếu gần dịp tết, hoặc héo nếu vào khoảng giữa năm. Mấy năm liền ông cũng có ý tìm kiếm nhưng vài lần tìm không thấy đã làm thui chột ý định tìm lại những củ thủy tiên quen thuộc. Ngay lúc này nhìn khuôn mặt mẹ trầm ngâm đứng trước bức ảnh của ba cùng với đầy đủ hình ảnh những khuôn mặt đã khuất trong giòng họ và tất cả những đồ vật cũ được dùng trong việc thờ phụng trước bàn thờ, ông biết cần phải cố gắng tìm ra được những củ thủy tiên cho mẹ. Cuối năm đó ông đã bỏ nhiều thì giờ lùng tòi tại nhiều chỗ bán cây kiểng, cuối cùng thì tìm được những củ thủy tiên bản xứ. Thấy mẹ đang lăm râm cầu nguyện trước bàn thờ, ông đến gần lấy ra một củ thủy tiên Mỹ trao cho mẹ trước khi đưa mẹ nguyên chiếc bịch giấy màu nâu chứa đựng tất cả số củ thủy tiên loại người Mỹ thường trồng mà ông đã mua:

- Con tìm mãi nhưng chỉ có loại này, trông cũng giống loại thủy tiên ta phải không mẹ?

Mẹ cầm củ thủy tiên trên tay mà nước mắt rưng rưng:

- Giống lắm con ạ. Cả chục năm rồi mẹ mới được dịp cầm lại chúng. Năm nay ba các con chắc vui khi về ăn tết.

- Sao ba lại thích thủy tiên đến thế hả mẹ? - Ông nhớ đã lặp câu hỏi này nhiều lần nhưng chưa nhận được câu trả lời thoả đáng.

- Ba con thường có những đam mê lạnh mạnh. Nhưng đam mê đến thế thì buộc phải thất vọng. Có lần mẹ đã hỏi ba, nhưng câu trả lời của ba tối nghĩa. Bận buôn bán đồng ra đồng vào mẹ không có nhiều thì giờ suy nghĩ, nào ngờ chúng vào trong người mẹ lúc nào không hay. Những năm sau này khi các con ở Mỹ, một mình mẹ và em con ở lại giữa ngôi nhà thiếu hẳn tiếng nói cười, cộng thêm những thử thách mới và những thiếu thốn, bàn thờ phải thu nhỏ lại và dẹp vào nơi kín đáo, đồ cúng thì không đủ, tết nhất mà mâm trái cây lỏng chỏng, thủy tiên thì chắc chắn là không tìm đâu ra, mẹ chỉ còn biết ngồi tiếc cho những ngày gia đình đông đủ và lúc đó mới có giờ ôn lại những gì thuộc về quá khứ... - Mẹ ngừng lại kéo vạt áo lên chạm vào đôi mắt đang rướm những giọt nước mắt, - Đạo đó vì chiều chồng nên cứ gần Tết là mẹ dọn mấy bà bán hàng dành sẵn thủy tiên cho ba, làm thế mà thành thói quen không có không được, nhất là thói quen lại trở thành một phần của lễ nghi trong việc cúng giỗ ở nhà ta chẳng hạn.

- Nhưng con vẫn in trí ba đã chết vì những củ thủy tiên, con ngỡ mẹ phải ghét loại thủy tiên mới phải. Phải chi ba đừng nhờ con đỡ xuống giường thì đâu đến nỗi....

- Con nói thế là tại con chưa hiểu. - Mắt mẹ nhắm lại trong giây lát, như cố moi ra những gì thuộc về quá khứ, rồi mở mắt nói tiếp, - Đạo ba trở về nhà sau những năm dài theo kháng chiến, trong người ba đã mang đủ thứ bệnh nhưng ba là người năng động nên khi cả gia đình di cư vào Nam, ba vẫn cố gắng giúp mẹ tạo dựng lên căn tiệm. Ngôi tiệm bắt đầu phát đạt thì ba kiệt sức. Nhờ từng nhìn thấy ông nội gọt thủy tiên và biết ba cũng biết gọt do ông nội chỉ dạy, biết tánh ba làm việc gì thì hết sức đam mê và muốn ba dưỡng bệnh nhưng không màng đi cầm gác còn hữu dụng, mẹ đã mang về nhà những củ thủy tiên vào dịp gần tết. Thế là ba con đam mê việc chơi thủy tiên. Mỗi lần gọt được chậu hoa nào đặc biệt với hình dáng khác thường như chim, thuyền, bình trà chẳng hạn, ba con vừa vui, vừa hãnh diện và niềm vui đó lây sang cả nhà. Con có bao giờ để ý là tuy trong nhà mình có người bệnh nặng, nơi phòng ba tuy im ắng nhưng không khí có bao giờ nặng nề không?

Nghe mẹ hỏi ông mới để ý. Ba bị bệnh, đôi lúc trong nhà có những gò bó nhưng phải công nhận mẹ đã cho anh em ông có được tuổi thơ hồn nhiên và riêng ba, ngoại trừ đưa ra những lời sai biểu vào thời gian gần tết dành cho những củ thủy tiên, cũng ít la rầy nhờ đó anh em ông có được những giây phút thoải mái.

- Như thế mẹ cho là nhờ những củ thủy tiên, nên mặc dầu bệnh nặng ba vẫn nhìn đời bằng ánh mắt lạc quan, có phải thế không mẹ?

- Đúng đấy con ạ! Ba bảo thủy tiên cũng giống như con người. Mình uốn nắn củ thủy tiên và thủy tiên cũng uốn nắn con người mình. Gọt thủy tiên là một nghệ thuật, muốn đạt đến nghệ thuật cao, con người phải chịu đựng và kiên nhẫn. Ba đã áp dụng điều đó cho ba. Căn bệnh làm ba đau đớn, nhưng hiếm khi mẹ nghe ba mở lời than vãn.

Mẹ ngưng nói, đôi mắt rơi vào khoảng không như thể tìm lại điều gì đã mất. Không muốn phá tan luồng suy tư của mẹ, ông ngồi yên chờ đợi. Vài phút sau định thần trở lại mẹ tiếp tục câu chuyện:

- Ngay cả việc dạy dỗ các con cũng vậy. Mẹ đã học hỏi nơi ba rất nhiều. Ba từng bảo với mẹ, dạy con đòi hỏi sự kiên nhẫn vượt bực vì tuy quyền làm cha mẹ rất lớn, có thể dùng roi vọt để buộc con cái tuân phục mình, nhưng thay vào đó con cái có thể sợ mà không phục, và làm thế việc dạy con hết là nghệ thuật. Ba còn bảo con cái cũng giống những củ thủy tiên, nếu biết cắt đúng chỗ, cắt đường cắt ở bên này thì lá sẽ cong ở bên này, cắt bên kia thì lá sẽ cong lại ở phía kia, biết bỏ đi những búp lá thừa thì những củ thủy tiên sẽ mọc lên những chùm hoa mập mạnh, xinh đẹp, ngược lại nếu cắt phạm hay cắt không đúng chỗ sẽ làm cho chúng èo uột hay chết yếu...Nhờ những lời nói đó của ba mẹ đã thắng nhiều cơn nóng giận trong lúc dạy các con nên người...

Ngẫm nghĩ lại ông thấy mẹ nói đúng. Thở ba còn sống, ba chưa bao giờ dùng roi vọt để dạy dỗ anh em ông. Ngay mẹ cũng thế, mẹ thường dành thì giờ để nói phải trái với con cái hơn là đánh đập hay dùng những lời mắng nhiếc. Lâm vào hoàn cảnh cha mất sớm, tuy đôi lúc anh em ông thấy buồn tủi, nhưng vẫn có được những ngày tuổi nhỏ hạnh phúc dưới sự bảo bọc của mẹ.

- Nhưng chẳng lẽ ba mê say những củ thủy tiên đến độ quên đi sức khoẻ yếu kém của mình?

- Mẹ từng có ý nghĩ như con. Nhưng nghĩ cho cùng ba con thế mà đúng. Bởi muốn hoàn tất tác phẩm nhiều khi cần sự say mê. Thiếu đi điều đó, gặp trở ngại người ta hay bỏ cuộc. Hơn nữa khi con người có sự hiểu biết rõ ràng một việc gì thì với lòng tin vào thành

quả đạt được, người ta sẽ hăng hái hoàn tất công việc. Ba con hiểu rõ cách gọt thủy tiên, từ việc lấy đi màng bao phủ đài hoa để giúp hoa nở rộ hơn, đến việc đặt chậu hoa ngoài nắng bao lâu để lá có được chiều dài vừa phải tạo nên nét chấm phá giúp hoa thêm rực rỡ, và đối với chum rễ, ba cũng biết làm sao cho chúng giữ được độ trắng và dài, vì rễ càng trắng và càng dài sẽ giúp chậu hoa thêm đẹp.

- Con vẫn thấy ba đã cố gắng quá độ, con không quên được hình ảnh của ba vào ngày hôm đó.

- Con không hiểu hành động của ba cũng đúng thôi. Chính mẹ cũng không hiểu. Như mẹ đã nói với con là mãi về sau này khi không còn việc gì để làm, mẹ bỏ nhiều thì giờ để suy nghĩ mới thấy việc gọt thủy tiên của ba hoàn toàn hữu lý và mẹ thấy việc cúng ba bằng những củ thủy tiên và hoa thủy tiên thêm ý nghĩa. Mẹ hiểu con luôn luôn mang ý nghĩ chính những củ thủy tiên đã giết ba. Mẹ lại nghĩ khác, lúc bất lực nhất và gần chỗ tuyệt vọng nhất, sự say mê sẽ vực con người dậy, vì đó là động lực giúp hoàn tất công việc vốn là thành quả để con người mang cảm giác hữu dụng. Nhờ may mắn ba của con đã có những đam mê đơn giản để quên bớt những cơn đau, những lúc tuyệt vọng. Con nên nhớ khả năng tạo dựng đời sống giúp con người hăng hái kéo dài cuộc sống...

- Có phải mẹ cho rằng ba đã hạnh phúc cho đến giờ phút cuối cùng của cuộc đời?

- Mẹ nghĩ như vậy. Ý nghĩ làm người hữu dụng đã tạo sự say mê khiến ba bị gục ngã bên những củ thủy tiên và như thế mẹ cho là ba đã chết lúc hạnh phúc nhất. Ba hạnh phúc thì mẹ không bị cắn rứt với cảm giác chưa làm tròn hết bổn phận đối với ba, và đó cũng chính là niềm an ủi cho mẹ để mẹ có đủ can đảm nuôi dạy các con cho đến ngày khôn lớn. Mỗi lần nhìn những củ thủy tiên trên bàn thờ mẹ lại liên tưởng đến ba, đến khuôn mặt rạng rỡ khi hoàn thành những chậu thủy tiên xinh đẹp, lòng mẹ lại dấy lên niềm an ủi. Bây giờ thì con hiểu tại sao mẹ luôn luôn muốn có những củ thủy tiên trên bàn thờ nhà ta... - Mẹ ngưng lại nhìn ông trong giây lát rồi tiếp lời, - Con có biết là mẹ đã suy nghĩ rất nhiều khi nhận được tờ giấy bảo lãnh của con không?

- Tại sao vậy mẹ?

- Không muốn suy nghĩ mẹ cũng bắt buộc phải suy nghĩ. Mẹ đặt câu hỏi cho mẹ, một bà già bảy mươi, tay chân yếu đuối không đủ sức làm điều hữu ích cho con cái và cuộc đời tại sao còn hăng hái sống và sang đoàn tụ với các con cháu để có thể trở thành sự phiền nhiễu cho con cháu sau này? Có lúc mẹ đã muốn em con sang đây còn mẹ thì ở lại. Cuối cùng mẹ quyết định đi theo em con vì nhìn thấy sự

hiện diện của mẹ quanh các con không phải là điều vô ích. Sự có mặt của mẹ cũng giống như sợi dây nối giữa anh em của các con, giữa những đứa cháu của mẹ với nhau và giữa quá khứ với hiện tại...

- Từ trước đến giờ ông vẫn yêu mẹ và phục mẹ là người đảm đang và sâu sắc, ngồi nói chuyện với mẹ trên xứ Mỹ này, trải qua hơn mười năm không gặp lại mẹ, nghe từng lời nói của mẹ ông mới thấy chiều sâu trong tâm hồn mẹ sâu hơn trí tưởng của ông. Đúng thế, mẹ không còn nhiều sức lực để giúp đỡ con cái ngoài những việc vặt vãnh như nhổ ít cỏ ngoài sân, quét ít cọng rác vương vãi đầy đó trong nhà, nhưng có mặt mẹ không khí gia đình như bừng dậy, hàng tuần hết đứa em này đến thăm mẹ, đứa em kia ghé đón mẹ, các con ông cũng về nhà nhiều hơn và trong những ngày lễ lớn gia đình luôn luôn quây quần. Như vậy rõ ràng mẹ là chất xúc tác, qua mẹ tình thân mới có dịp thể hiện rõ ràng hơn giữa anh em của ông và con cái và như thế sự hiện diện của mẹ nào khác gì những tượng Phật, tượng Chúa trong chùa chiền hay thánh đường, một trung gian hoàn toàn vật chất nhưng đối với trí tưởng của con người thì những hình ảnh đó trở nên sống động khác gì hình ảnh của thượng đế. Cũng giống những củ thủy tiên, nó là vật xúc tác khiến một người bệnh hoạn như ba giữ được niềm tin yêu cho đến giờ phút cuối cuộc đời, giúp cho người đàn bà yêu chồng nhìn thấy hình ảnh của chồng như sống động qua những củ thủy tiên nằm trên bàn thờ để có thêm nghị lực đi tiếp đoạn được đời hầu lo chu toàn bốn phận đối với đàn con của mình. Chẳng trách mẹ đã tha thiết với những củ thủy tiên và giò thủy tiên đến thế. Ông tự hỏi, ông đã thấu hiểu phần nào cuộc đời như ba mẹ ông đã hiểu đời sống của con người qua những hành động như việc gọt thủy tiên của ba hay chưa?

Sau đó vài năm ông tìm được ở chợ Tàu Los Angeles những củ thủy tiên và những giò thủy tiên giống những củ và những giò thủy tiên trên bàn thờ thuở còn ở Việt Nam. Ông hớn hờ khoe với mẹ:

- Giống như thủy tiên ở nhà mình dạo đó phải không mẹ. Con nhất định đúng là loại thủy tiên Việt Nam. Có điều mấy giò thủy tiên này hơi đất.

- Đúng đấy, mẹ từng nghĩ xứ Mỹ thứ gì chả có. - Mẹ nhìn chậu thủy tiên rồi ngáp ngừng, - giá con biết gọt thủy tiên như ba thì hay biết mấy...

Nhiều lần ông nghĩ đến chuyện học gọt những củ thủy tiên, nhưng với công việc làm thường ngày và những bận rộn như bất tận ở xứ Mỹ nên chưa có dịp học gọt thủy tiên như ý mẹ mong muốn. Tuy nhiên năm nào ông cũng lên khu chợ Tàu mua về những củ và những giò thủy tiên cho mẹ.

Những đứa con ông đã lớn. Đứa ra trường, đứa có vợ, có chồng lần lượt rời khỏi nhà. Mẹ ông cũng mất sau đó vài năm. Trong nhà chỉ còn vồn vẹn hai vợ chồng ông. Không phải chăm sóc mẹ, không còn lo cho các con, lại gần đến tuổi nghỉ hưu ông thấy đời ông như mất dần ý nghĩa. Ngày tết đầu giỗ mẹ, ông nhớ mẹ da diết và quyết định gọt giò thủy tiên đầu tiên để cúng mẹ. Giò thủy tiên có một cành hoa độc nhất và những chiếc lá thì cao nghệu. Trông nó không mấy đẹp so với giò thủy tiên mua ngoài chợ, nhưng trong ông trỗi lên niềm hãnh diện và thích thú với ý nghĩ chính bàn tay ông đã biến dạng củ thủy tiên xấu xí thành chậu hoa có hương và chút ít sắc để dâng mẹ.

Ông vẫn tiếp tục vào căn tiệm không mấy lớn nằm trên đường Broadway của ông già Tàu biết nói tiếng Việt để mua những củ thủy tiên. Ông đã quen tay với việc gọt thủy tiên, biết đặt để những củ thủy tiên đã cắt vào trong nước như thế nào để tạo nên hình dáng vừa ý. Cắt độ một cm bên trên chỗ mọc rễ. Cắt độ một phần ba đến hai phần năm nơi góc cạnh của mầm lá để tạo hình dáng vừa ý, nhưng phải cẩn thận không khéo cắt trúng mầm hoa thì hỏng. Mỗi ngày phải thay nước và phải nhớ thay bằng nước lọc... Do kinh nghiệm học hỏi, ông không còn phải vất bỏ những củ đã lỡ tay gọt hư, hầu hết củ thủy tiên do ông cắt đều nở hoa, dẫu thế số lượng củ thủy tiên ông mua chẳng những không giảm mà có chiều gia tăng. Gọt để đặt trên bàn thờ cúng ba mẹ và tổ tiên, gọt cho con cái để chúng có thứ chưng trong ngày tết và gọt tặng bạn bè. Dẫu gì thủy tiên đã được ông xem là vật xúc tác giữa tâm hồn và thể xác. Việc gọt thủy tiên chính thực là nghệ thuật. Nhờ gọt thủy tiên ông nhìn thấy công việc uốn nắn những đứa con nên người là nghệ thuật như bao nghệ thuật khác đối với bậc cha mẹ. Nhờ sự táy máy với chúng ông có được món quà tặng bạn để thắt chặt thêm tình bạn bè và đó cũng là nghệ thuật duy trì tình bạn giúp ông đỡ bị cô đơn ở tuổi xế chiều. Ông thấy tuổi già của ông chẳng khác gì chậu thủy tiên đã hoàn toàn nở rộ toả hết nét đẹp của loài hoa mang sáu cánh trắng và một ngày không xa khi bị héo rũ vẫn mang cảm giác đã hoàn tất mục đích nào đó.

Ba ông đã để lại cho mẹ và ông những kỷ niệm êm đềm, những bài học hữu ích, dẫu cuộc sống ba hết sức ngăn ngủi, ba đã hoàn tất cuộc sống một cách hữu ích và tốt đẹp. Đời sống của mẹ dài hơn, mẹ đã tròn bổn phận thay ba nuôi dạy con cái nên người, tạo gạch nối chặc chẽ trong tình huynh đệ giữa anh em ông, như thế mẹ cũng đã hoàn mỹ cuộc đời của mẹ. Bây giờ đến lượt ông, dường như ông thấy mình cũng đang dẫm đúng con đường của ba mẹ, rồi một ngày nào ông cũng có thể xoa tay thoải mãn bởi nhìn thấy trong môi trường tương đối nào đó đã hoàn tất cuộc đời của mình một cách trọn vẹn.

Ngọc Anh

Đàn Xuân nhớ anh

" Em bước làm làm,
Anh tròn tâm tâm "



Đàn xúc làm sao khi gặp anh.
Quang thời thơ ấu cứ vậy quanh.
Que hương xa tít, chân trời bạc.
Xì số mũi mù, ngọn sóng xanh.
Không lường như về nơi xóm nhỏ.
Nước ao thấy lại mái nhà tranh.
Ơi! Ông thắm thia đời lưu lạc.
Đời đời! Vạn nào suốt nắng hươm.

Đời đời! Vạn nào suốt nắng hươm.
Ông nhậu đòan từ phải không anh?
Ông sông trong vạt dầy thơ mộng.
Rồi cái trảng tình sông luện vảnh.
Trước ngõ hai hàng tre trở lá.
Đâu đòng bên phía lúa còn xanh.
Que hương nhớ lại thời thơ dại!
Thơang hiện trong lời gọi bóng hình.

Tạ chông Trĩ

Chuyện kể chờ xuân về



BÙI THỨC KHÁNH

1- NHÂN VẬT TÀI DANH.

Đầu năm 2011, một nhân vật tài danh của Cộng Đồng Việt Nam vừa qua đời tại Houston, Texas (Hoa Kỳ). Đó là nhà thơ, nhà văn, nhà tư tưởng... Phạm Công Thiện.

Trước năm 1975, chúng tôi có nghe danh nhân vật trên, và đặc biệt là được đọc những bài viết của ông về nhà thơ Quách Tấn, nhà thơ tài hoa của quê hương Tây Sơn Bình Định.

a) Bài “Hương Đi Của Nhà Thơ Quách Tấn”, viết tại Mỹ Tho ngày 29-7-1959, ông nhận định và đánh giá các thi phẩm cũng như thi tài của nhà thơ

- “Trước hết, “Một Tấm Lòng”, là tập thơ đầu tay của thi nhân, tuy nhiên thơ cũng đã trác luyện. Hầu hết những bài thơ trong thi tập đều đẹp tuy chưa đọc đáo lắm. Thơ trong “Một Tấm Lòng” rất bình dị, tự nhiên.

Đến tập “Mùa Cổ Điển” quả thật toàn rất hoa hải đường, hoa thực dược, hoa trà my... người chơi hoa liệt vào hàng danh hoa...

Quách Tấn là người có thiên tài. Những bước đi của ông tiên tiến, chậm mà vững. Thơ nào ông cũng thành công.”

b) Bài “Trách Nhiệm Của Tuổi Trẻ Việt Nam Với Quách Tấn”, viết tại Đại Học Vạn Hạnh Sài Gòn ngày 29-7-1970. Chúng tôi xin trích những đoạn, những câu rất là...Phạm Công Thiện.

- “Tần Đà chấm dứt thế kỷ 19, và Quách Tấn là thi hào vĩ đại nhất ở thế kỷ 20. Cho mãi đến năm 1970 này, chưa thấy ai đủ sức mạnh tâm linh đứng ngang hàng Quách Tấn.

- Trước năm 1932, cảm thức tâm linh Việt Nam đã bị Tàu đục khoét cho đến độ tan rã. Chỉ có Tần Đà là người cuối cùng cứu vớt lại. Sau năm 1932 chỉ còn Quách Tấn cứng đầu đi tới và tàn bạo khinh miệt tất cả những cuồng phong từ Tây Phương thổi tới.

- Đang lúc cả một thời đại đắm đuối ngu xuẩn chạy theo Tây Phương từ Thơ Mới đến Thơ Tự Do, chỉ có một người điểu nhiên bất động, đứng lại với quê hương: Quách Tấn.

- Hôm nay tôi không muốn nói thể thơ mà thôi, tôi muốn nói cả hồn thơ. Có ai cảm nhận hồn thơ dân tộc như Quách Tấn? Có ai cảm dưỡng hào khí của “Thiên Tông Việt Nam” như Quách Tấn? Quách Tấn xứng đáng là kẻ nối dòng của Không Lộ Thiền Sư, Vạn Hạnh Thiền Sư, Ngô Ấn Thiền Sư và tất cả những Thiền Sư Thi Sĩ đã nuôi dưỡng linh hồn của cả một dân tộc, linh hồn của một Lý Thường Kiệt đánh Tống và Trần Hưng Đạo đánh Nguyên.

- Sau Nguyễn Du, sau Tần Đà chỉ còn có Quách Tấn. Và Quách Tấn còn hơn cả Nguyễn Du và Tần Đà vì chính Quách Tấn đã chịu thảm kịch bi đát nhất gấp trăm ngàn lần Nguyễn Du và Tần Đà. Nguyễn Du chỉ chịu đựng cảm thức tan nát của Trung Hoa. Tần Đà chỉ chịu đựng cảm thức tan nát của Trung Hoa và Tây Phương. Còn Quách Tấn lại chịu đựng cảm thức tan nát của Trung Hoa, Tây Phương cận đại và Tây Phương hiện đại, Tây Phương của Hippies và nồn mửa.

- Quách Tấn là một Phật tử trọn vẹn, đã thu tóm tất cả những thơ mộng của Phật giáo vào trong cuộc đời trầm lặng của mình. Quách Tấn đã đi ngược lại tất cả phong trào thời thượng.

- Tất cả thi sĩ Việt Nam từ tiền chiến cho đến bây giờ đều là một lũ hèn, họ chạy theo ngoại bang bằng cách này hay cách khác. Quách Tấn là người duy nhất can đảm, lì lợm, sống chết với những gì còn lại với quê hương.

- Đang khi đó một lũ vong bốn đua đòi chạy theo xác chết của Tây Phương từ đám thơ mới tiền chiến ở Việt Nam cho đến đám thơ tự do ở Miền Nam, tất cả đám thi sĩ hèn mọn đều là những kẻ tiếp tay cho Tây Phương tàn phá Việt Nam.

- Những gì tôi nói hôm nay về Quách Tấn, tôi (PCT) nói với cả

thăm quyền của một kẻ hiểu biết Tây Phương nhiều nhất- Tôi không muốn nói nhiều, tôi xin để lại trách nhiệm cho thanh niên Việt Nam hiện nay, trách nhiệm của những đứa con dân tộc đối với một thiên tài can đảm đã chịu đựng một mình, nuôi dưỡng một mình tất cả di sản tâm linh cao cả nhất của quê hương.”

Trong tác phẩm “Nghĩ Về Thơ”, phần bàn về cái ngông trong thơ, tác giả Nguyễn Hưng Quốc có viết:

“Phạm Công Thiện cực ngông trong văn xuôi nhưng lại hiền lành biết mấy trong thơ:

*Mua chiều thứ bảy tôi về muộn,
Cây khế đổi cao trở hết bông?”*

2. CỨ LẶNG MÀ ĐI.

Tại tù cải tạo Z30D Rừng Lá, Hàm Tân (Thuận Hải) một buổi chiều của ngày áp Tết. Người đi thăm nuôi thân nhân là tù cải tạo đông đúc, rộn rịp. Vì đông người thăm nên mỗi lượt thăm chỉ diễn ra trong vòng 5 đến 10 phút. Người được thăm vội vã thu vén mang quà cáp theo tên cai tù trở vào trại với nỗi buồn nặng trĩu trong lòng. Người đi thăm chẳng khác gì hơn, cũng buồn bã, nặng nề lê bước ra đường mòn để đi đến quốc lộ đón xe về thành phố hay vùng ngoại biên. Bên nào cũng cứ đi chừng vài ba bước thì dừng lại hoặc ngoái lại nhìn người thân trong niềm lưu luyến, xót xa, héo hắt.

Những cây buồn bên đường rừng, mỗi khi gió thổi phát ra tiếng kêu lắc rắc, xạc xào như gieo thêm cái buồn xa vắng hoang liêu...!

Cụ Lạc - một người cao tuổi - và tôi, kẻ ngồi người đứng ở chái nhà kho của trại, cùng lặng lẽ nhìn sang phía nhà thăm nuôi, dõi trông và ghi nhận cảnh chia tay bùi ngùi của người đi thăm và người được thăm. Bất giác cụ Lạc thốt lên:

*Cứ lặng rồi đi rồi khuất bóng,
Rừng mơ biu bắt lá mơ rơi.*

Tôi nhìn cụ:

Hay lắm! Cụ còn nhớ bài thơ đó sao?

Cụ Lạc cười khì khì:

Trước kia tối tối nghe mấy đứa con học và đọc bài đó nên nay còn nhớ mấy câu. Anh thuộc nhiều thơ, đọc lại cả bài cho già nghe đi.

Đây là *Cô Hái Mơ*, một trong những bài thơ hay của nhà thơ

Nguyễn Bình:

*Thơ thần đường chiều một khách thơ.
Say nhìn xa rặng núi xanh lơ;
Khí trời lặng lẽ và trong trẻo,
Thấp thoáng rừng mơ cô hái mơ.*

*Hỡi cô con gái hái mơ già,
Cô chữa về ư? Đường thì xa;
Mà ánh trời hôm dần một tắt,
Hay cô ở lại về cùng ta!*

*Nhà ta ở dưới gốc cây dương,
Cách động Hương Sơn nửa dặm đường;
Có suối nước trong tuôn róc rách,
Có hoa bên suối ngát đưa hương.*

*Cô hái mơ ơi!
Chẳng trả lời nhau lấy một lời!
Cứ lặng rồi đi rồi khuất bóng,
Rừng mơ hiu hắt lá mơ rơi!...*

Bài thơ có hai nhân vật: một khách thơ và một cô hái mơ. Cả hai đều nhạt nhoà hình bóng. Khách thơ thì “say nhìn xa”, còn cô gái chỉ “thấp thoáng”. Vang lên trong khung cảnh tịch mịch và trong trẻo ấy là những lời độc thoại thì thầm của khách thơ. Những lời độc thoại bộc lộ niềm khao khát yêu thương đến tội nghiệp. Hai câu:

*“Cô chữa về ư? Đường thì xa,
Mà ánh chiều hôm dần một tắt.”*

nghe hiu hắt như một tiếng thở dài lặng lẽ. Khách thơ chỉ tỏ tình một cách âm thầm, còn người con gái thì vẫn xa xăm, thấp thoáng trong rừng mơ, có nghe gì đâu:

“Cứ lặng rồi đi, rồi khuất bóng,”

Có đến hai chữ “rời” trong một câu thơ; mỗi chữ “rời” là một niềm thất vọng buốt nhói. Nhà thơ gọi theo:

“Cô hái mơ ơi!”

Chỉ có bốn chữ, hơn nửa câu thơ, tiếng gọi tắt ngấm nửa vời, như một cảm giác bẽ bàng đột ngột, một tuyệt vọng ập đến bất ngờ.

Trả lời khách chỉ có:

“Rừng mơ biu bắt lá mơ rơi!”

Người tù già là cụ Lạc đã mượn được câu thơ của Nguyễn Bính nói lên nỗi xúc động tột cùng của lòng mình trước cảnh viếng thăm và chia tay lưu luyến, buồn tủi của những người đồng cảnh. Đoạn trường ai có qua cầu mới hay!

3. MỘT CHIỀU CUỐI THU.



ăm đó, có lẽ là cuối Thu 1987.

Đọc tin trên báo, một buổi chiều tôi đến trụ sở Hội Trí Thức Thành Phố ở đường Nguyễn Thông, quận 3, Sài Gòn dự buổi nói chuyện về cố nhạc sĩ Hoàng Quý do nhạc sĩ Tô Vũ tên thật là Hoàng Phú, tổ chức.

Hoàng Quý là một trong những nhạc sĩ tiên phong của nền tân nhạc Việt Nam đầu thập niên 1940, tác giả những bản nhạc như “Bạch Đằng Giang”, “Hoa Lu.”... và ca khúc nổi tiếng “Cô Láng Giếng”. Ông đã qua đời trước 1945.

Tô Vũ là em ruột Hoàng Quý, tác giả tình khúc “Em Đến Thăm Anh Một Chiều Mưa”, “Tạ Từ”... Sau năm 1975, Tô Vũ đặc trách Viện Nghiên Cứu Âm Nhạc Miền Nam(?) trụ sở tại đường Trần Quý Khoách, phường Tân Định, Sài Gòn.

Mở đầu buổi họp mặt, nhạc sĩ Tô Vũ nói đôi nét về nhạc sĩ Hoàng Quý và quá trình sáng tác âm nhạc của người quá cố.

Tô Vũ nói, “Cô Láng Giếng” có Lời 1 và Lời 2.

Lời 1 do Hoàng Quý viết với các câu mở đầu: *“Hôm nay trời Xuân bao tươi thắm. Dừng bước phiêu linh về thăm nhà. Chân bước trên đường đầy hoa đào rơi. Tôi đã bình dung nét ai đang cười...”*

Lời 2 do Hoàng Phú viết, nội dung buồn với hình ảnh cô láng giếng đi về nhà chồng:

“Trước ngõ vào thôn vang tiếng pháo. Chân bước phân vân lòng ngập ngừng. Tai lắng nghe tiếng người nói cười xôn xao. Tôi biết người ta đón em từng bình...”

Tiếp theo, các ca sĩ tham dự đã lên sân khấu trình bày bản “Cô Láng Giếng” và một vài nhạc phẩm khác, gợi niềm nhớ nhung dĩ vãng trong lòng khách dự nghe.

Trước đó, khi buổi nói chuyện sắp bắt đầu, có một người từ cửa

trước đi vào, mặc đồ xám kiểu bộ đội, đội nón vải, có vẻ ốm o, gầy mòn. Nhìn qua tôi nhận biết người ấy không là cựu binh nón cối thì cũng là cán bộ tập kết.

Ông ta đi thẳng lên sân khấu gặp nhạc sĩ Tô Vũ nói mấy câu gì đó. Chờ lúc giàn nhạc ngưng tiếng, Tô Vũ giới thiệu với cử tọa người khách mới đến là nhạc sĩ Tô Hải, bạn thân của cố nhạc sĩ Hoàng Quý, đã cùng hoạt động trong ban nhạc ở thành phố Hải Phòng đầu những năm 1940.

Tô Hải đứng trước di ảnh Hoàng Quý nói mấy lời tưởng niệm, rồi... bật khóc.

Lúc đó lòng tôi phân vân không biết Tô Hải khóc thật, khóc với niềm xúc động chân tình hay là cái khóc của một “nghệ sĩ nhân dân”, một người Cộng Sản, mang nặng kịch tính và thuật trình diễn. Tôi nghĩ đến câu Kiều: “Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa”!

Thực ra, chúng tôi đã nghe danh nhạc sĩ Tô Hải từ năm 1951. Ngày nghỉ hè của năm học đó đã đến, lẽ ra chúng tôi phải về quê với tâm trạng:

“Sung sướng quá giờ cuối cùng đã hết,

Đoàn trai non hơn bỏ rủ nhau về”

(Thơ Xuân Tâm)

Thế mà chúng tôi phải ở nán lại mấy hôm để tìm chép bản nhạc “Nụ Cười Sơn Cước” của nhạc sĩ Tô Hải mới được phổ biến ở các trường Trung Học trong tỉnh chừng mười ngày qua.

Ở tuổi chúng tôi thời ấy nhiều người đàn hát nhạc phẩm “Nụ Cười Sơn Cước: *“Tôi nhớ mãi một mùa Xuân chia phôi mây mờ giăng xuống núi đồi và trong lòng mơ hơn ngoài trời...”*

Bây giờ nhìn lại tận mặt tác giả, lòng tôi còn ngỡ ngàng, xa lạ với “người bên kia chiến tuyến”, không thể nào quên mình đã trải qua gần mười năm tù cải tạo trong chế độ Cộng Sản sau tháng 4/1975.

Thời gian trôi qua... Năm 2009 được biết nhà xuất bản Tiếng Quê Hương ở Virginia, Hoa Kỳ ấn hành cuốn “Hồi Ký Của Một Thằng Hèn”, tác giả là nhạc sĩ Tô Hải. Háo hức muốn đọc cuốn hồi ký trên để nhận định đúng mức người nhạc sĩ đặc biệt đó, tôi đã gửi thư cho nhà xuất bản đặt mua sách trước khi sách ra mắt ở Nam California.

Được biết hiện nay ở tuổi 85, Tô Hải sống tại Sài Gòn, bệnh tật, di chuyển khó khăn nhưng vẫn làm việc, nằm bên computer và là blooger già nhất nước tiếp tục kêu gọi sự thức tỉnh từ bỏ chế độ Cộng Sản để tìm lại sự sống cho người dân đã bị hủy hoại từ mùa Thu năm 1945.

4- CÂU THƠ NGÀY CŨ.

*M*ỗi lần viếng một cảnh chùa nào đó, tôi thường nhớ đến bài thơ Đường luật (Thất ngôn bát cú) của Bà Huyện Thanh Quan:

CHÙA TRẤN BẮC

*Trấn Bắc hành cung cỏ dãi dầu,
Khách đi qua đó chạnh niềm đau.
Mấy tòa sen rớt mùi hương ngự,
Năm thức mây phong nếp áo châu.
Sóng lớp phé hưng coi đã rộn,
Chuông hồi kim cổ lắng càng mau.
Người xưa, cảnh cũ, nào đâu tá?
Khéo ngăn ngợ thay lũ trọc đầu!*

Chùa Trấn Bắc, tên một ngôi chùa ở bờ phía Đông Hồ Tây thành Hà Nội. Nguyên tên là chùa An Quốc (安國) xây dựng từ đời nhà Trần. Đến năm Vĩnh Tộ thứ 10 (1628) đời vua Lê Thần Tông, làm lại, đổi tên là chùa Trấn Quốc (鎮國). Năm Dương Hòa thứ 5 (1639), chúa Trịnh (Trịnh Tráng) sửa sang rộng thêm, lại đổi tên là chùa Trấn Bắc (鎮). Vua Lê, chúa Trịnh thường ngự tới đó để thưởng sen, ngắm cảnh.

Với bài thơ trên, Bà Huyện Thanh Quan đã đạt một nghệ thuật rất cao là chỗ đổi vị trí của hai chữ mà làm cho cặp luận hàm xúc vô cùng:

*Sóng lớp phé hưng coi đã rộn,
Chuông hồi kim cổ lắng càng mau.*

Bà không viết: “Lớp sóng....”

“Hồi chuông...”

Vì như vậy, ta đọc xuôi một hơi hiểu liền, chẳng cần suy nghĩ gì nữa. Bà đảo chữ “LỚP” và chữ “HỒI” mà ý nghĩa hóa tế nhị hơn.

“Sóng lớp” thì ta có thể hiểu là từng lớp, từng lớp một hoặc liên tiếp hết lớp này đến lớp khác, mà “chuông hồi” cũng có thể có hai nghĩa như vậy. Lại thêm, hai tiếng sóng và chuông nhờ vậy được nổi bật lên. Ở đây sự tế nhị không do thuật ghi những nét đơn sơ mà do cách dùng chữ, tuy có vẻ đẽo gọt nhưng cũng đã đạt được mục đích là gợi nhiều ý. Cái tài gợi bằng vài nét đơn sơ là chỗ sở trường của thi sĩ phương Đông, nhất là thi sĩ đời Đường.

Tóm lại, bài Đường luật Chùa Trấn Bắc là một bài thơ hay sử dụng thuật đảo ngữ độc đáo, ý nghĩa sâu lắng, không kém mà có

phần hơn những bài thơ quen thuộc khác của cùng một tác giả.

Dù vậy, thú thật, khi đọc câu kết (câu 8), chúng ta không khỏi có sự suy nghĩ về lòng kỳ thị của người xưa, của các bậc Nho giáo! Có phải vì “lấn cấn” ở ba chữ “lũ trọc đầu” mà bài thơ Chùa Trấn Bắc ít được nhắc nhở, ít được đưa vào các sách giảng văn như những bài Thăng Long Thành Hoài Cổ, Chiều Hóm Nhớ Nhà, Qua Đèo Ngang...

Đôi lúc ngâm nga bài thơ trên, chúng tôi âm thầm đổi ba chữ lấn cấn đó bằng ba chữ khác, dĩ nhiên là không đúng ý tác giả nhưng nghe xuôi tai hơn:

*Ngày xưa cảnh cũ nào đầu tá,
Cũng xót xa cho khách bạc đầu!*

(Hay là Sao khỏi bằng khuônng khách bạc đầu)

Trong thi phẩm “Một Tấm Lòng” của nhà thơ Quách Tấn có bài vịnh cảnh Djing (Lâm Đồng), có hai câu:

*“Lạ nước người Nam da mét mét,
Quen gùi lũ Mọi cật khom khom”.*

Có người khen hai câu trên tả đúng thực cảnh nên xem đó là hai câu thơ hay. Thời bấy giờ người mình hay dùng chữ “Mọi” chỉ cho sắc dân thiểu số miền núi cho nên đó cũng là chuyện của thơ của thời đại, của lịch sử, ta không thể trách cứ tác giả. Nếu bây giờ thì ta dễ dàng đổi chữ khác, chẳng hạn:

Quen gùi dân Thượng cật khom khom.

Nói cho vui vậy chớ ai dám sửa thơ của các vị tiền bối tài danh. Ngay như thời điểm này, với những “nhà thơ đồng hương”, cũng mấy ai muốn góp ý góp lời vì...phiên hà lắm!

* * *

Thời tiền chiến, giai đoạn 1930-1945, “Thơ Tự Do” theo lối “vô thể” còn giữ vẫn, vừa vẫn bằng vừa vẫn trắc.

Thời Kháng Chiến chống Pháp, người cổ súy cho loại thơ không có vần ổn ào nhất là Nguyễn Đình Thi. Bài thơ “Đêm Mít-ting” của Nguyễn Đình Thi viết năm 1948 là bài thơ khá tiêu biểu cho loại thơ không vần:

*“...ngàn sao phơi phơi bay,
Đạt dào mắt không thấy nữa.
Dưới kia Hà Nội nhìn lên
Phố phường nín thở
Những lễ đường mòn cũ*

*Lành lạnh mưa phùn
Hà Nội
Một mình buồn xé ruột
Ngày ngày buồn thức dậy
Quay mặt đi đâu ngày hôm nay
Còn đến bao giờ bao giờ
Đêm nay trời sao sáng bạch
Cháy trùm đất nước...*

Trong cuộc tranh luận văn nghệ được tổ chức tại Việt Bắc tháng 9-1949, bài “Đêm Mít-ting” của Nguyễn Đình Thi bị nhiều cán bộ Văn Nghệ Cộng Sản công kích là: cái sáng kiến làm thơ không vẫn thiếu tính đại chúng và tính dân tộc.”

Lại có chuyện về mấy câu thơ không vẫn của Nguyễn Đình Thi:

*“Chiều nhạt nhạt về nơi nào xa lắm
Ngây ngất sương mây
Lối mòn không dấu chân
Ta nghe ta hát một mình”*

(Đường Núi 1948)

Trường Chinh (lãnh tụ Cộng Sản - nhà thơ Sông Hồng) đọc mấy câu trên rồi nói:

Thơ gì mà như sỏi xát vào tai!

Nguyễn Đình Thi lo ngại, bỏ làm thơ không vẫn nên sau này thơ của ông Thi dù là tự do vẫn ăm ắp vẫn.

Nhà thơ Quang Dũng của Miền Bắc tên thật là Bùi Đình Diệm (1921-1988) tác giả các bài thơ nổi tiếng như “Tây Tiến”, “Đôi Mắt Người Sơn Tây”, “Đôi Bờ”.

Quang Dũng có những câu thơ:

*“Mắt trông gửi mộng qua biên giới,
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.”*

(Tây Tiến)

*“Thoáng hiện em về trong đáy cốc,
Nói cười như chuyện một đêm mơ.”*

(Đôi Bờ)

Nghe nói, Tố Hữu(trùm văn nghệ Cộng Sản) đọc những câu thơ

trên rồi hỏi thuộc hạ:

Dáng kiêu thơm là gì? Có phải là nhớ mấy con đi ở Hà Nội phải không?...

Đàn em Tố Hữu dựa vào lời trên, viết bài đả kích Quảng Dũng dữ dội, rất thậm tệ, không ngóc đầu nổi.

Xưa nay ai cũng yêu thương quê hương mình và xem quê hương là nơi đẹp nhất. Thế mà có người xa cách quê hương rất nhiều năm, khi trở về vẫn đứng đưng và còn dè bủ quê hương mình. Người đó là Tố Hữu.

Thiên hạ dựa vào mấy câu thơ Tố Hữu viết khoảng 1945 để phê phán như trên:

*“Tôi nện gót trên đường phố Huế,
Dừng đưng không một cảm tình chi.
Không gian sặc sụa mùi ô uế,
Mà nước sông Hương cuốn mãi đi.”*

Bốn câu trên nằm trong bài “Dừng Đưng” (gồm 7 khổ, thơ 7 chữ 4 câu) tặng tác giả Huế Đẹp Và Thơ...

*Một mùa Xuân mới lại về.
Mỗi năm mỗi tuổi, mỗi già.*

Người xưa bảo: Lão lai tài lực tận cho nên phải biết “lão già an chi”, và tôi đã viết:

*Đời đã trải qua nhiều lận đận,
Bây giờ mong lão già an chi.
Khuây buồn lếu láo đôi chung rượu,
Vợ nhớ ngâm nga mấy vận thi.
Thế sự thăng trầm thôi bởi đến,
Cơ trời chuyển bóa hãy chờ đi.
Xa xôi bằng hữu thua thăm viếng,
Một tấm tình xưa bất khả di.*

Trước thềm năm mới, kính chúc quý đồng hương, thân hữu an khang, hạnh phúc và lạc quan yêu đời.

California chiều Thu 2011

Bùi Thúc Khán

Góp lời lan mạn chờ Xuân

Chờ Xuân chuyện kể mộng lung,
 Biết đem tâm sự tỏ cùng ai đây?
 Vãn chương vũ trụ tràn đầy,
 Uổng công vác thuốc ngăn dài cạn sâu.
 Hài nhi lãng liu ban đầu,
 Nghêu ngao nhịp gõ sừng trâu đường về.
 Nhịp chày giã gạo canh khuya
 Dưới trăng míc ánh vàng hoe một mình.
 Phút linh ẩn hiện bên mànhi,
 Phun châu nhả ngọc lung linh nhịp nhàng.
 Đường khuya đậm nhạt lá cành,
 Đeo heo hun hút nổi mình gieo neo.
 Đường đời khúc khuỷu quanh queo,
 Tơ lòng vương vấn bấy nhiêu can trường.
 Mây vẫn nặng dài bên nường,
 Chiều Xuân man mác lồng gương trăng Hè.
 Tĩnh bình thác nhạc sơn khê,
 Lãng lãng tiếng sáo chiều quê hện hò.
 Quạnh hiu khản giọng kêu đồ,
 Đền trời leo lét tỏ mờ hắt hiu.
 Sương đêm lạnh buốt cô liêu,
 Không gian lặng ngắt sao trời lững lờ.
 Kiếp tầm đan bện hỗn tơ,
 Bâng khuâng chiếc lá vật vờ phương nao?
 Thi văn là nghĩa thế nào?
 Tiếng rung khiến động, tiếng xao khiến tràn.
 Búa đao bữa dọc chém ngang,
 Đã đau khúc ruột lại oan hiềm hổ.
 Góp lời gởi bạn ta xưa,
 Sáu mươi năm lẻ bây giờ còn đây.

TRẠC NHƯ



CHÍNH TÀ trong TRANG SỬ VIỆT



*Chiến sự đao binh, biệt chính tà. (2)
Mười huynh chia cắt phật lìa xa. (3)
Tâm tư khắc khoải sầu vong quốc.
Tuyệt lạnh quê người nhớ đất cha.
Trang sử bi hùng chung quốc tổ. (4)
Thư trung tiết nghĩa hiên sơn hà.
Nhơn tình thể thái chua an ổn.
Công đức vun trồng ấy phận ta.*

THỨ TRANG

Tháng 10-2011

CHÚ THÍCH:

(1) Chữ đầu mỗi câu là tên của tám người bạn thân của bốn gia đình HO mỗi sáng cùng tập thể dục trên sân vận động đường số 10, thành phố San Jose, California.

(2) Sau hai cuộc chiến VN (1945-1954) và (1958-1975) đã phân biệt Quốc Gia (bên chính) và Cộng Sản (bên tà)

(3) Anh em cùng (một nhà, một nước) phải chia cắt bởi hoà ước Genève 1954 và hiệp ước Paris 1973

(4) Sử sách VN biết bao anh hùng chống ngoại xâm: Trưng, Triệu, Lý thường Kiệt, Hưng Đạo Vương, Lê Lợi, Quang Trung hoặc tuấn tiết như Phan thanh Giản, Nguyễn khoa Nam, Lê văn Hưng, Phạm văn Phú, Lê nguyên Vỹ, Trần văn Hai Người Cộng Sản họ cũng nhận có Tổ quốc VN (chung quốc tổ) nhưng tổ quốc của họ là tổ quốc XHCN (yêu tổ quốc là yêu XHCN !). Họ cũng có vô số anh hùng (Ra ngõ là gặp anh hùng !).



Đón Xuân Xuế Người

LINH VANG

*D*ang dắt con bé bước nhanh, Hương chợt dừng lại, đưa hai tay kéo cổ áo ấm của con bé lên cao. Hai má nó đỏ hồng, dễ thương. Nó thở thê:

-Mẹ lạnh không? Con không lạnh.

Hương ra vẻ nghiêm nghị:

-Không lạnh cũng phải che kín người, không thôi ồm!

Bữa đó là một chiều gần cuối năm, bầu trời xanh ngắt màu mực, gió thổi lạnh cóng. Hương đậu xe khá xa, vì kiếm không được chỗ gần, ở bãi đậu trước tiệm sách Tân Văn, rồi hai mẹ con lại đi hết dãy phố mới đến siêu thị Á Đông, vào đó định mua ít trái cây, bánh mứt, nhang đèn để cúng đêm 30. Một trái bưởi, một trái thơm, những cam quýt. Cũng không quên một trái đu đủ để mong năm mới tiền vô cũng vừa đủ như năm rồi. Hay khá hơn càng tốt, vì năm nay Hương có thêm bé Ái.

Ái là con của một người bạn thân của Hương, quen biết khoảng năm năm. Khi Hương biết mẹ con Thanh thì Ái vừa được hai tuổi, ba bé là ai, không ai biết, Thanh cũng chẳng nói, chỉ thấy hai mẹ con họ sớm hôm với nhau. Ái lớn lên giữa đám bạn gái của mẹ, gặp ai nó cũng kêu là mẹ. Mẹ Thảo, mẹ Hương, mẹ Ngọc ... Sáu tháng trước, Thanh gặp tai nạn xe cộ hiểm nghèo và trong lúc hấp hối ở bệnh viện đã trăng trối là muốn Hương nuôi dưỡng bé Ái, vì Thanh không có cha mẹ, bà con quyến thuộc nào ở Mỹ, mà trong đám bạn thì Thanh tin tưởng nơi Hương nhiều nhất, biết là Hương thế nào cũng nuôi được con mình. Thêm nữa, bé Ái rất quyến luyến Hương, vì lâu nay

Hương cũng gằn gùi, sẵn sóc, thương yêu nó. Về ở với Hương, bé Ái sẽ không bị cú sốc mạnh vừa mất mẹ vừa phải đi ở với người lạ.

Vậy là bỗng chốc Hương trở thành bà mẹ độc thân. Mọi thứ trách nhiệm nuôi một đứa nhỏ bất ngờ đổ lên người, Hương đành vừa học vừa hành. Đưa con bé đi học, tối về kéo con bé vô tắm rửa, lo ăn uống xong là bắt con bé ngồi vào bàn cho Hương kèm học, rồi tối dỗ con bé ngủ. Hương đang một thân một mình, 26 tuổi, còn ở thời kỳ mơ mộng, hò hẹn, yêu đương, tuy chưa có người yêu, ăn ngủ tương đối chưa lo lắm cho ngày mai, bây giờ vô khuôn khổ một bà mẹ biết lo toan, một cách kỳ diệu. Cũng không phải là không có những lần bối rối, lo lắng, như cái lần con bé vướng bệnh trái rạ, nhưng Hương cứ vái Thanh về giúp, phải làm sao đây Thanh? Rồi sau đó mọi việc lại êm xuôi. Đường đời của hai mẹ con Hương còn dài, còn nhiều trắc trở, Hương cũng biết thế. Chỉ biết cầu nguyện Bê Trên và Thanh.

Trong tiệm thực phẩm, đang loay hoay lựa thơm, muốn một trái thật tốt tươi để chưng, Hương không hay có người đến gần, cho tới khi người đó vỗ nhẹ vai Hương và lên tiếng vui vẻ:

-Giỏi quá ta! Mẹ con nhà mi năm nay tính ăn Tết như thế nào đấy mà mua sắm nhiều thế!

Biết ngay là Thảo, Hương quay lại, trả lời:

-Thì cũng bánh mứt, chả nem như người ta thế thôi. Mình không làm được thì phải đi mua người ta làm sẵn, chứ có gì đâu.

-Ta hỏi thế vì mấy hôm nay gọi cho mẹ con mi hoài mà không được, định rủ mẹ con mi theo ta "về quê" ăn Tết luôn cho vui. Bây giờ gặp được ở đây thì hên quá!

-Tao tưởng ai cũng là dân tị nạn làm gì có quê mà về, chẳng lẽ về VN mà gấn chiều 30 mới rủ? Chấn chấn là không kịp rồi!

-Không đâu! Ta nói về quê là về nhà ông bà già ta ở Vancouver đó. Mi biết Vancouver mà, cách đây một trăm dặm, ba má ta ở dưới đó, ta đi học rồi kiếm việc làm ở trên này, chứ "quê" là ở Vancouver đó. Nghe rõ chưa! Đừng mua sắm những gì mà mi không thể để được lâu, vì mình sẽ đi chơi cũng ba, bốn bữa.

Hương phì cười:

-Mi nói như là tao đã bằng lòng rồi!

-Ừ! Không bằng lòng thì cũng không được, vì không đi thì ta sẽ bất cóc.

Bé Ái này giờ đứng xơ rớ chờ Thảo có hỏi han tới mình hay không, cũng như bé chưa có dịp được mở miệng, bé hơi buồn, bây

giờ bé ngược mắt nhìn cả hai, thắc mắc:

- Mẹ mình bắt cóc?

Hương luôn luôn dặn chừng con ra đường không nói chuyện với người lạ, không nhận bánh kẹo ai cho, không đi theo ai, coi chừng bị mẹ mình bắt cóc đem đi bán. Nên bây giờ nghe bắt cóc là con bé nghĩ ngay tới mẹ mình. Hương hài lòng khi thấy con bé nhớ lời Hương dặn.

Thảo xoa nhẹ đầu con bé, cười nói:

- Không, con ơi! Mẹ Thảo sẽ bắt cóc con đó mà! Không có mẹ mình nào đâu.

- Mẹ Thảo bắt thì con không sợ. Con sẽ đi theo mẹ Thảo.

Rồi nó ngược nhìn Hương hỏi:

-Mẹ bằng lòng há mẹ?

Hương và Thảo đều cười vì câu nói của bé Ái.

Thế là năm nay mẹ con Hương đi ăn Tết xa nhà. Bé Ái không quên hỏi Hương, nhà mẹ Thảo có con nít không mẹ? Hương bảo con, nếu

gia đình của bác Thùy có về chơi thì sẽ có bạn ngang lứa để chơi với con. Con bé nghe nói vậy thì vui lắm, cứ nôn nóng chờ đi. Nó cẩn thận sắp xếp vài bộ áo quần nó thích nhất trong một cái túi mà nó thường đeo nơi lưng, cũng không quên nhét vào đó một con gấu bông nhỏ mềm mại.

Hương ngó thấy Ái mang theo gấu bông, mới la con:

- Con mang theo làm chi vậy? Chỉ đi có mấy ngày. Nặng quá! Mang còng cái lưng, rồi không lớn nổi. Không kéo được cái phéc-



mơ-tuya kia kia!

Bé Ái nũng nịu, xin:

- Mẹ ơi! Không có con GiGi để ôm, con sẽ khó ngủ lắm đó mẹ à. Mẹ để con mang đi nha mẹ!

Ngày cuối năm, gia đình Thảo thật là đầm ấm. Các anh chị về đông đủ. Ba của Thảo mất lâu rồi, nhiều năm trước 75, nên Hương không biết ông. Mẹ của Thảo lèo lái, bán buôn, quán xuyên lo gia đình. Tháng tư, năm 75, may mắn một người anh thứ là sĩ quan Hải Quân đưa được cả gia đình xuống tàu qua Mỹ. Dần dần các con lớn lập gia đình, mẹ Thảo bớt gánh nặng, bây giờ bà để cho các con quyết định mọi việc quan trọng. Còn bà thì vui với đám cháu nhỏ. Cuối tuần thì đi chùa lễ Phật và cũng là để gặp gỡ các cụ trò chuyện cho vui.

Loay hoay một tuần trước đó, bà đã bắt đầu làm đủ thứ mứt, bà nói một năm chỉ có một ngày Tết, bày cái này cái nọ làm cho vui. Hương rất thích ăn mứt gừng do bà làm. Thảo phải chờ mẹ nàng qua tận Portland để lựa mua gừng non. Năm nào bà cũng gói cho Hương một mớ và kêu Thảo đi gửi bưu điện để Hương nhận vài ngày trước Tết. Hương nghĩ bên nhà giờ này mẹ mình cũng lui cui làm những thứ này. Hương cười thầm nhớ là Hương ghét cái món mứt bí lắm lặn. Mẹ Thảo có năm cũng gửi cho Hương một cái bánh chưng hay một đòn bánh tét nữa. Hương thật thấy cảm động.

Tối nay, trên một cái bàn dài, bà đang chỉ bọn Hương cách vo bánh cam. Hương ngồi lẩn mè, bà dặn phải thấm tí nước cho mè dính, không thì khi chiên mè rớt hết trong dầu, Thảo chêm thêm lời mẹ, để lại bánh như ông sư trọc lóc-Thảo nói nhỏ, vì sợ bà la. Bà cứ dặn chừng:

- Thấm nước ít thôi. Nè nè phải vỗ nhẹ cho mè dính vào bột. Có mè nhiều mới ngon. Mà nhẹ thôi, coi chừng làm méo mấy cái bánh của tôi...Vây là chưa lấy chồng được! (Tội nghiệp! Ý bác bảo vì làm không được bánh cam?) Hương biết không? Cái thời bác về làm dâu, sợ mẹ chồng, chị chồng, em chồng, rồi ông chú, bà thím...Mà mấy người im thin thỉn mới sợ, chừng họ nói, là mình có thể mất chồng!

Cái mặt Hương tưởng như hết hồn, xanh lè. Thảo xít lại gần Hương cười nói nhỏ bên tai bạn:

- Mi đừng lo! Đó là cái thời của các cụ, 60 năm về trước. Cứ để cụ nói. Cụ vẫn hay hù đám con gái của cụ như vậy. Mà hai bà chị của ta cũng lấy chồng được đấy thôi!

Hương đâu có sợ chuyện không lấy được chồng, mà vì Hương

vụng về quá, sợ nặn bánh không đẹp, bị cụ la quở cho.

Bà có con cháu nội mười tuổi, vừa thoáng thấy cháu mở tủ lạnh lấy nước ngọt, bà vội nói:

- Hôm nào phải dạy con Ti Ti làm bánh cam. Lớn rồi! Cứ nhong nhong thế kia!

Anh Thù, con trai của bà và là bố của Ti Ti, anh thực tế chứ không hẳn là bênh con nên nói:

- Má ơi! Tội nó mà xếp được mấy cái áo, hút được bụi cái nhà phụ mình là giỏi lắm rồi. Học mấy cái thứ này chỉ cho mắc công.

Ti Ti sà vào lòng bà nội, nịnh nọt:

- Con sẽ học. Mà sẽ làm đẹp hơn cả nội nữa đó!

Bà cười mắng yêu cháu:

- Cha mà! Cô chỉ giỏi nói thôi!

Ti Ti cười rúc rích:

- Con cũng giỏi ăn nữa, nội ơi.

Thảo nói với Hương:

- Ôn ào quá há? Mẹ con mi vui không? Ta mong năm nào mình cũng tụ tập đầy đủ như thế này. Rồi thì ăn. Những ngày lễ lộc, cứ nấu, cứ ăn, cả ngày đêm như thế. Nói chuyện cả đêm, vì đám ngồi sòng sẽ ngồi cả đêm!

- Vui quá chứ! Cảm ơn mi.

Chị Dung vợ anh Thù nói:

- Nghe Thảo với Hương xưng mày tao, mi ta làm chị nhớ thời đi học ghê!

Hương tinh nghịch nhắc:

- Nghe nói hồi xưa chị là học trò của anh Thù?

- Ừ, ông dạy Lý Hóa Đệ nhị.

- Dạy toán Lý Hóa mà cua học trò được hay thiệt! Thường thì mấy cô mê mấy thầy trẻ dạy Việt văn hay Triết, chứ!

Anh Thái, anh rể của Thảo, chưa có vợ cũng như chưa có người yêu, anh hiền và nhát quá, anh nói như phân bì:

- Đi dạy thì tha hồ chọn. Thầy giáo là thần tượng mà, mấy thằng con trai ngang lớp bị coi như con nít, nên thầy giáo chọn ai chẳng được!

Thảo bĩu môi:

- Anh ơi, cũng phải trẻ, đẹp trai, giăng bài mê ly nữa. Chớ mấy ông thầy Sử Địa, Vạn Vật, ai thèm!

Anh Thùy giải thích:

- Đệ nhị ban Vạn Vật, môn chính là phải thèm chớ!

Hương hỏi chị Dung:

- Ảnh tán chị làm sao vậy hả chị?

Anh Thùy nhanh miệng trả lời giùm vợ:

- Bỏ thư tình vào sách rồi cho bà mượn.

Chị quay sang làm bộ hứ chồng:

- Nói bậy hà! Anh nhát như thỏ đế...Nhát nhưng khôn! Anh về nói má anh đi hỏi má em, nhớ chưa?

Hương các cứ hỏi lại:

- Má anh đi hỏi má chị?

- Ừ! Để má chị gả chị cho ảnh đó! Hương à, má ảnh có cửa hàng ở đường Thoại Ngọc Hầu, má chị đi chợ ở đó nhiều nên quen. Sui gia rồi cũng đâu có tính rẽ đâu nà! Rồi lại háy chồng: Má em bả lằm to!

Người lớn ai cũng cười rộ, trừ một người. Bà mẹ chồng ngồi ngay đó, chắc tai bà bị lãng rồi, nên không nghe câu nói đùa của nàng dâu? Thật sự thì gia đình này có một không khí rất ấm cúng, vui vẻ. Người mẹ xưa nay không phải là người khó tính, vì gốc bán buôn tiếp xúc nhiều bên ngoài, nên bà cũng đâu có ở nhà hoài mà bắt lỗi phải người này người nọ. Có mấy cái món ăn xưa, ở xứ người, bà cứ kêu đám con, cháu phải học là vì bà nhớ quê hương, nhớ ông bà, họ hàng còn bên VN, cứ nghĩ khi chúng học làm những món này thì chúng sẽ không quên gốc gác cội nguồn của mình. Chứ bà đâu nghĩ thời thế đã khác, xứ này thời giờ chẳng có, nhu cầu ăn những món ăn Việt đôi khi cũng chẳng cần thiết. Mà rồi có muốn ăn thì ra chợ, ra tiệm mà mua, tiện hơn. Bây giờ người Việt đã đông, muốn gì mà chẳng có. Như cái món bánh rán mà hôm nay bà cố công dạy mọi người làm.

Dù sao, những ngày cuối năm, khi gia đình đoàn tụ, mà bày ra bánh trái làm thì cũng vui thôi.

Mẹ Thảo dịu dàng âu yếm nói với Hương:

- Tết nhứt mà không về thăm gia đình được, chắc chắn là cháu sẽ buồn trong mấy ngày Tết. Bác thật mừng khi thấy cháu chịu về đây ăn Tết với gia đình của bác. Cháu cứ tự nhiên như là đang ở nhà của cháu, là bác mừng lắm.

Hương nghe bà nói thế, cảm động muốn ứa nước mắt, đôi lúc cố làm như là mạnh mẽ, cứng rắn lắm, nhưng bản chất vẫn yếu đuối, dễ tủi thân. Hương cũng cảm ơn bà đã đón mẹ con Hương vào nhà như con cháu của bà. Gia đình của Hương vẫn còn ở bên Việt Nam. Hương đi vượt biên với gia đình ông bác, nhưng gia đình ông đã dọn về Cali nắng ấm. Hương thoáng nhìn thấy bé Ái đang đùa giỡn với các con của anh Thù và chị Dung. Nét mặt con bé tươi tỉnh. Thấy con đang vui, Hương cũng vui trong lòng. Đây là cái Tết đầu tiên mà con bé thiếu vắng mẹ ruột của nó, nhưng xem chừng mọi việc cũng tốt đẹp. Hương cảm ơn Trời Phật đã cho Hương một đứa con kháu khỉnh, ngoan hiền như bé Ái.

Một số ngồi coi băng chương trình nhạc đón Xuân. Sau đó trong nhà cũng đủ tay để mà lập một sòng bài đánh chén-mẹ Thảo rất thích cái mục này! Tiếng cười tiếng nói tranh nhau lẫn trong tiếng nhạc ồn ào. Đám nhỏ ngồi không yên, cũng lao xao cùng nhà. Chúng cũng có trò chơi riêng của chúng.

Mùa đông mà thời tiết năm nay khá ấm áp so với mọi năm, chỉ hơi lạnh lạnh, khoác một cái áo len lên người là đủ. Cây cỏ đã đâm chồi. Nhất là những cây hoa anh đào. Hương và Thái đang chuẩn bị đi bộ một vòng trong xóm, cũng vừa ra khỏi cửa. Thảo ngấm nhìn theo dáng hai người qua khung kính cửa sổ, rồi cười thầm với “mưu đồ” của mình. Giới thiệu Hương cho anh Thái của mình là phải quá. Hai người sẽ xứng đôi. Thái hơn Hương hai tuổi. Anh thích thơ văn và cũng thích con nít. Hương làm thơ. Tâm hồn hai người sẽ đồng điệu. Bé Ái đang ở cái tuổi rất dễ thương, dễ dạy. Bé sẽ có một mái ấm gia đình, có đủ cha lẫn mẹ, để chăm sóc nuôi nấng bé. Thảo miên man nghĩ cứ như là cô bé bán sữa. Không biết chuyện có thành hay không? Thảo khẩn Trời Phật mong là nó sẽ thành. Có đâu Việt thì má cũng sẽ vui nữa. Má không phải lo con trai má rước một cô vợ Mỹ về nhà. Má thường bảo rể Mỹ đâu Mỹ nói tiếng Mỹ, má không hiểu được!

Thảo biện hộ cho việc tạo cơ hội cho anh nàng và Hương gặp nhau. Mà chẳng nói với ai trước, ý là hai nhân vật chính trong cuộc. Ôi chao! Mong là mình mát tay! Người ta thường bảo ở đời có bốn cái ngu: Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu. Thảo phì cười, mình không ngại mang tiếng ngu đâu. Ờ, ở thời buổi nào thì cũng cần mai mối mà.

Thấm thoát mà đã hơn mười năm, kể từ cái đêm giao thừa ấy. Hương và Thái đã lấy nhau vào mùa hè năm sau. Hương sinh được hai con trai, cách nhau một tuổi, khôi ngô tuấn tú. Ái đã sắp sửa vào đại học, cô bé ngoan và học rất giỏi. Ái cũng xinh xắn lắm, đi ngoài

đường gặp người lạ cũng như người quen, ai cũng khen là Ái xinh như mẹ. Cả hai mẹ con đều sung sướng với lời khen ấy, vì từng ấy năm có nhau, họ đã như là mẹ con ruột thịt thật rồi. Ái cũng thường nói với Thái, ba là người cha đáng yêu, đáng kính nhất của con-vì Thái cũng chịu các con lắm.

Tụi nhỏ biết nói với nhau. Cái gì xin mẹ không được thì đi xin ba. Ba thì lúc nào cũng ừ!

Hương nghe được, cười thâm trong bụng. Các con khôn ơi là khôn!

Bà mẹ già cột trụ gia đình năm nay đã già lắm rồi, bà lại hơi mắc bệnh mất trí nhớ, con cháu ở gần có đứa bà còn chẳng nhớ, nói chi chuyện Việt Nam xa xôi, nên bà cũng không còn nhớ mà bắt chúng phải biết làm bánh trái của quê nhà nữa. Nhưng năm nào cũng để nhớ đêm giao thừa xưa, Hương hay bày cái mực làm bánh rán để các con cùng nặn bánh cho vui. Kể cả hai cậu con trai Tuấn và Tú. Nàng vẫn thường nói với chúng:

- Năm đó cũng dịp làm bánh này mà mẹ với ba quen nhau, rồi lấy nhau. Các con không cần phải làm cho khéo đâu. Chủ ý là gia đình mình sum họp vui vẻ.

Thường thì dịp Tết nhứt nhà của Hương và Thái rất nhộn nhịp, đông đảo vì cũng có các anh chị ở gần đưa gia đình của họ tới chung vui. Rồi đám cháu trai cháu gái cũng ngồi vào bàn nặn bánh, cười đùa trên nhau đốp chất như pháo nổ. Ngay cả Thảo dù lấy chồng ở tiểu bang xa, năm nào Thảo cũng ráng về. Có khi về với chồng, có khi về một mình, có khi về mà có đem theo một đứa con. Về thăm mẹ và thăm đại gia đình. Mẹ thì mỗi năm mỗi già yếu đi, còn đại gia đình thì mỗi năm mỗi thêm người, mỗi lớn ra.

Hương lại nói với các con nàng, một câu nói quen thuộc:

- Các con biết không? Mình có được một gia đình như ngày nay là nhờ công của cô Thảo.

Chúng đều biết vậy, và lần nào cũng cười khúc khích với nhau. Cô con gái cưng còn chọc mẹ:

- Cô Thảo hỏi con, mẹ còn làm thơ không? Con nói mẹ lấy ba rồi hạnh phúc tràn trề, mẹ không làm thơ được nữa!

Năm nay, mọi người lại họp mặt. Hương thấp nén nhang trên bàn thờ Tổ Tiên. Truyền thống gia đình vẫn tiếp nối...Đón xuân xứ người vẫn rất là ấm áp.

LINH VANG

Ca dao Bình Định

Triều Phong Đặng Đức Bích

Bình Định là một tỉnh lớn, dân số đông và là cái nôi Văn hóa của Dân tộc Việt Nam.

Bình Định nổi tiếng không những có anh hùng Quang Trung Nguyễn Huệ bách chiến bách thắng, phá tan quân Thanh ở phía Bắc, đánh bại quân Xiêm ở phía Nam; Bình Định còn là một địa danh nổi tiếng khắp nước Việt Nam về võ thuật, mà ngay cả đàn bà, con gái vẫn biết côn, quyền, qua câu ca dao:

*Ai về Bình Định mà coi
Con gái Bình Định cầm
roi đi quyền*

Nhiều sản phẩm nổi tiếng ở Bình Định, khi thăm viếng chúng ta thường mua làm quà để tặng cho nhau, những đặc sản đẹp, cổ truyền, biểu tượng tấm lòng chung thủy của người con gái:

*Bình Định nón Gò Găng
Bún Song thần An Thái
Lụa Đậu tư Nhơn Ngãi
Xoài Tượng chín Hưng Long
Mặc ai mơ táo ước hồng
Tình quê em giữ một lòng trước sau*



*Cô gái Bình Định đi đường quyền
Tiên Long Võ Đạo Bình Định*

Đôi trái gái quen nhau lâu ngày, chàng từ giã nàng về thăm quê nhà, nhưng qua kỳ hẹn không thấy trở lại, nàng vừa hái dâu vừa đếm từng lá dâu, tính từng ngày xa cách:

*Anh về Bình Định chi lâu
Bỏ em ở lại hái dâu một mình
Thương chi cho uống công tình
Nấu về xú Nấu bỏ mình bơ vơ*
Hoặc:

*Anh về Bồ Dịch, Giếng Vuông
No cơm ấm chiếu luôn tuần bỏ em*

Ngày xưa ở Việt Nam, đàn bà con gái đều biết làm bếp, nấu cơm. Mấy câu ca dao sau đây trêu chọc, đùa giỡn cho vui:

*Tiếng đồn con gái Phú Trung
Nấu cơm không chín mở vung xem hoài
Tiếng đồn con gái Phú Tài
Nấu cơm không chín đốt hoài cơm khê
Nhưng chồng em lại không chê
Khên em khéo nấu cơm khê thơm nhà*

Trai gái đối đáp nhau dưới ánh trăng thanh ngày mùa, trong đêm trăng giã gạo, hoặc các cô vừa cấy lúa vừa hát hò và đặt câu hỏi đến người nam:

*Tiếng đồn anh hay chữ
Tài ngang Cử, Tú
Lại đây em hỏi một vài câu
Ngọt ngay nước chảy dưới cầu
Gọi cầu Nước Mặn có bởi đâu hỏi chàng?*

Hoặc:

*Tiếng đồn anh hay chữ
Thường đọc sách kinh thi
Hỏi anh ông Văn Vương đi cưới bà Hậu Phi năm nào?*

Hay

*Tới đây không hát thì hò
Không phải con cò ngóng cổ mà nghe*

Hoặc

*Tưởng rằng đó địch cùng đây
Hay đâu đó giết ông thầy sau lưng*

Nhiều điệp ngữ “một mai”, “chiều chiều” được lặp đi lặp lại trong ca dao Bình Định:

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều

Nhớ người lữ thứ khăn điều vắt vai

Hoặc



Biển Quy Nhơn, Bình Định

Chiều chiều én lượn trường mây

Cảm thương Chú Lía bị vây trong thành

Hay

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều

Nhớ nồi cơm nguội nhớ niêu nước chè

Và điệp khúc một mai:

Một mai ai chớ bỏ ai

Bỏ ai thì bỏ chị Hai xin đừng

Hoặc:

Một mai mai một ngó chừng

Ngó trường trường rậm ngó rừng rừng cao

Hay:

Một mai nước lớn đò trôi

Cây khô lá rụng bậu ngồi chờ ai

Bậu ngồi chờ củ chờ khoai

Chờ cam chờ quýt chờ xoài cà lăm

Phong cảnh và địa danh nhiều nơi ở Bình Định đã ăn sâu vào lòng người dân, với những câu ca dao mời gọi:

Bình Định có hòn Vọng Phu

Có đầm Thị Nai có Cù Lao Xanh

Em về Bình Định cùng anh

Được ăn bí đỏ nấu canh nước dứa

Hoặc:

Về thăm Bình Định quê tôi

Để ăn nếp mới nấu xôi nước dứa

Bồng Sơn, Tam Quan là xứ dứa Bình Định, dứa nhiều đến nỗi



Rừng Dừa Bồng Sơn - Tam Quan

không thể nào tươi nổi:

Công đâu công uống công thừa

Công đâu gánh nước tưới dứa Tam Quan

Công đâu công uống công hoang

Công đâu gánh nước Tam Quan tưới dứa

Ai về Bình Định ban trưa

Dùng chân uống bát nước dứa Tam Quan

Hoặc:

Lấy chồng Phù Mỹ ăn dưa

Lấy chồng Dương Liễu đập xơ dừa mới tay

Bình Định có nhiều tháp đẹp như Tháp Đôi, Tháp Cảnh Tiên, có Cầu Đôi nước chảy hai dòng, có đèo An Khê mịt mù mây phủ:

Cầu Đôi đứng cạnh Tháp Đôi

Đôi ta đẹp lứa đẹp đôi trên đời

Hoặc:

Nước trên nguồn chảy tuôn ra biển

Cảm thương người một kiếng hai quê

Cầu Đôi liền lối đi về

Mịt mù mây phủ An Khê, Phú Tài

Câu ca dao dưới đây nhiều người đã nghe và thuộc lòng từ khi còn nhỏ, mãi đến lúc tuổi về chiều vẫn nhớ rành rành:

Mẹ ơi đừng đánh con đau

Để con bắt ốc hái rau mẹ nhờ

Bắt ốc, ốc lủi vô bờ

Hái rau, rau héo mẹ nhờ gì đâu

Hoặc:

Chim quyen ăn trái nhãn lông

Cá kia quen chấu vợ chồng quen hơi

Hay

Đêm nằm gối gấm không êm

Gối lụa không mềm bằng gối tay anh

Đập đá, Gò Găng là những địa danh thường được nhắc tới trong ca dao Bình Định:

Anh về Đập Đá đưa dò

Trước đưa quan khách sau dò ý em

Hoặc:

Anh về Đập Đá quê cha

Gò Găng quê mẹ Phú Đa quê nàng

Hay:

Em về Đập Đá, Gò Găng

Không về Phù Mỹ sợ ăn củ mì

Hoặc:

Gò Găng có chợ có đình

Người quen thấy mặt thần linh chứng lời

Phú Phong, Gò Găng, An Thái là những nơi Sản xuất nón lá, dệt lụa, dệt lanh nổi tiếng:

Lụa Phú Phong nên duyên chồng vợ

Nón Gò Găng khắp chợ mền thương

Áo bông quần lụa vấn vương

Nghiêng nghiêng chiếc nón gió sương bên chàng

Hoặc:

Anh về Bình Định thăm nhà

Tháng hai trở lại tháng ba cưới nàng

Cưới nàng đôi nón Gò Găng

Xấp lãnh An Thái một khăn trầu nguồn

Gò Bồi, Cách Thử, Vũng Nôm là những nơi cung cấp nhiều cá, tôm, ai đi qua cũng nhớ đến mùi nước mắm:



Sản xuất nón lá Gò Găng, Bình Định

*Gò Bồi có nước mắm com
Ai đi cũng nhớ cá tôm Gò Bồi*

Hoặc:

*Anh về dưới giã chiều hôm
Gánh phân đổ ruộng gió nổi bay lên*

Hay:

*Anh về qua cửa Đê-Zi
Nghe mùi chả cá chần đi không đành*

Hoặc:

Chợ Thành chợ Dã

Chợ Dinh bán chả

Chợ Huyện bán nem

Chợ gồm đồ gồm

Phủ Hội đồ đàn

Tiệm đường ghé chợ Cảnh Hàng

Mua thêm chiếc võng cho nàng ru con

Măng le trên nguồn, cá chuồn dưới vũng, là những đặc sản trao đổi nhau giữa miền cao rừng núi và miền biển:

Ai về nhớ với nậu nguồn

Măng le gửi xuống cá chuồn gửi lên

Hoặc:

Em về dưới chợ Kỳ Sơn

Mua tôm mua cá đên ơn mẹ già

Sông Côn, Lại Giang là đề tài của nhiều sử tích, là nguồn cung cấp nước cho cánh đồng Bình Định, tô thêm duyên sắc, sự chịu đựng đợi chờ của người con gái:

Nước Lại Giang menh mang mùa nắng

Giòng sông Côn lai láng mùa mưa

Đã cam thảng đợi năm chờ

Duyên em đục chịu trong nhờ quản bao

Hoặc:

Nước chảy xuôi con cá buôi lội ngược

Nước chảy ngược con cá mược lội ngang

Thuyền em đậu bến Lại Giang

Sao thuyền anh lại ngược dăng Kim Sơn

Hay anh đem dạ giận hờn

Để cho em chịu cô đơn một mình

Đi lên nguồn nước uống càng trong, xuống gần biển càng nhiều
tôm nhiều cá:

Muốn ăn đi xuống, muốn uống đi lên

Quán Ngỗng Gò Chim, Cầu Chàm Đập Đá

Vũng Nồm nhiều cá, Vũng Bắc nhiều tôm

Chợ chiều bán cơm, chợ mai bán gạo

Người con gái bán nước trà xanh tại chợ Quán Mới thôn Lộc
Thuận, nổi tiếng là gái đẹp với mái tóc huyền và nụ cười duyên, làm
dừng bước khách giang hồ, chạnh lòng người lữ thứ:

Đi đâu vội vã anh ơi

Ghé chợ Quán Mới anh xơi chén trà

Hỏi thăm cha mẹ có nhà

Trước là thăm Bác sau là thăm em

Hoặc:

Chỉ điều sao khéo vấn vương

Gặp nhau một thuở mà thương suốt đời

Chợ Dinh, chợ chiều cũng thường được nhắc đến qua các câu
ca dao:

Chợ Dinh bán nón quan hai

Bộ tua quan một bộ quai năm tiền

Hoặc:

Ngó lên hòn tháp Chợ Dinh

Biết ai có tưởng đến mình hay không

Hay:

Chợ chiều nhiều kẻ ế chanh

Nhiều con gái quá nên anh chàng ràng

Chàng ràng bắt cá hai tay

Cá kia sẩy mất chim bay về rừng

Đôi khi người con gái phải xử trí khéo léo để tiện lợi đôi đàng:

Giếng sâu nhiều mạch giếng trong

Em đây không phải con dòng họ Phan

Cũng vì chút nghĩa duyên chàng

Cho nên em phải lập đàng xuống lên

Tính nét đứng đắn của phái nữ làm phía nam nể trọng:

Ngó lên cây mít ít trái nhiều xơ

Con gái lẳng lơ trai kia bậy bạ
 Con gái đàng hoàng trai nọ dám dâu
 Có những câu ca dao trong dân gian trách cứ nhau:
 Giếng sâu thăm thẳm
 Con chim trên cao nó đổ tằm tằm
 Nghĩa non anh tích để ngàn năm
 Lẽ gì sớm viếng tối thăm duyên chàng
 Nào ai ngờ bụng em ở dở dang



Cánh cò bay lượn trên ruộng lúa non

Sao mê xứ khác không phụ phàng đến ta đâu
 Hỡi nào anh nói em trao
 Anh chờ em đợi tòng cao bá tòn
 Thôi em ở vậy dương gian
 Chồng em em giữ chứ nghĩa chàng em đừng quên

Hoặc:

Củ lang Đồng Phó
 Đậu phộng Hà Nhung
 Chồng bòn vợ mót đổ chung một gùi
 Chẳng qua duyên nợ sứt sùi
 Anh giận anh đá cái gùi anh đi

Hình ảnh trò Ba, người học trò đi học xa, phẳng phất trong ca dao:

*Trò Ba đi học trường xa
Cơm canh ai nấu cửa nhà ai coi
Cửa nhà thời có cô Ba
Trầu cau cô Bốn rượu trà cô Năm
Chìa khóa giao lại cô Sáu cầm
Giang Sơn cô Bảy giữ tảo tần cô Tám lo*

Tình yêu trai gái đôi khi kín đáo, yêu nhau tha thiết mà không dám tỏ tình:

*Thương anh chẳng dám nói ra
Mỗi chiều đi dạo vườn hoa một mình*

Hoặc:

*Nhà anh thành vách khó dòm
Thương anh em khóc đổ lờm con người*

Hay:



Tháp Đôi Quy Nhơn, Bình Định

*Ai về nhắn với ông câu
Cá ăn không giết để lâu mất mối
Vợ chồng phải làm hòa với nhau để tạo hạnh phúc gia đình :
Vợ giận thì chồng cười mơn
Hai tay vuốt nựng giận bòn làm chi*

Hoặc:

*Chồng giận thì vợ làm thịnh
Vợ giận chồng bới rằng mình giận ai
Vợ rằng giận trúc giận mai*

Vợ chồng ai có giận ai bao giờ

Bình Định và Quảng Ngãi thường tranh chức Thủ khoa tại các kỳ thi mở tại trường thi Bình Định, qua các câu ca dao sau đây:

Tiệc công Quảng Ngãi đường xa

Để cho Bình Định thủ khoa ba lần

Hoặc:

Tiệc công Bình Định xây thành

Để cho Quảng Ngãi vô danh thủ khoa

Ngày xưa, trai Bình Định ra Huế thi, khi về mời gọi gái Huế theo chàng, đến nơi có biển đông sóng vỗ, có Tháp Chàm ghi sử tích anh hùng hào kiệt:

Mãng vui Hương thủy, Ngự bình

Ai vô Bình Định với mình thì vô

Chẳng sang chẳng lịch bằng đất kinh đô

Nhưng Bình Định không đồng khô cỏ cháy

Ba dòng sông chảy, bảy dãy non cao

Biển đông sóng vỗ dạt dào

Tháp xưa làm bút ghi tiếng anh hào vào mây xanh

Qua ca dao, chúng ta đã nghe một số câu đố phải nữ hỏi phái nam và bây giờ chúng ta nghe nam hỏi nữ:

Tiếng đồn chị hay chữ

Gái Bình Định có tài

Vậy chúng tôi hỏi chị

Con hư tại mẹ là sai

Chồng hư hỏi chị tại ai chị nói giùm?

Ca dao Bình Định gồm nhiều thể loại khác nhau, được truyền tụng trong dân gian qua nhiều thế hệ. Tôi sưu tập một số câu ca dao trên đây do sự truyền khẩu của bạn bè và người quen quê quán Bình Định, xin cống hiến quý vị để nhớ lại quê hương xứ sở của chúng ta, nằm bên kia bờ Đại dương, nửa vòng quay trái đất:

Ca dao Bình Định thật hay

Câu thơ như giọt rượu cay ấm lòng

Quê hương trái đất nửa vòng

Ngày thương đêm nhớ như mong mẹ về

Triều Phong Đặng Đức Bích

Lời giới thiệu về bài “*Những Chuyện Xa Xưa*”

Cụ Đào Tấn người thôn Vinh Thạnh, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, là một danh nhân cao khiết, cả nước đều biết tiếng tâm và ngưỡng mộ. Sách vở viết về cụ rất nhiều, nhưng chưa từng được thấy bài NHỮNG CHUYỆN XA XƯA của Nữ Sĩ Đào Trúc Tiên là Trưởng Nữ của Đào Công. Chúng tôi trân trọng giới thiệu bài viết trên đến cùng các quý vị thân hữu, đồng hương xa gần thưởng thức.

B. B. T

Những Chuyện Xa Xưa

TRÚC TIÊN



Trong khi thanh nhàn, mẹ kể lại những chuyện xưa, hồi còn Quân-chủ và Phong-kiến. Lúc Ông Ngoại ngồi Tổng Đốc An-Tĩnh lần thứ nhất, mẹ mới 2 tuổi; mãi đến 7 tuổi Ông Ngoại mới được có Chỉ về triều sung chức Binh Bộ Thượng Thư, nhưng Ông còn dâng sớ xin về quê hương tỉnh-thân (thăm Bà Cố) nhân hạ-thọ Bà Cố 80 tuổi.

Về Bình Định, ở Vinh Thạnh 1 tháng, lo làm lễ chúc thọ cho Bà Cố. Trước hết thông báo cho thân thuộc xa gần tề tựu, và sắm sửa phẩm vật khế mẫn các khoản đầy đủ, gia môn trang trí cho huy hoàng tôn nghiêm. Thiết một chiếc sập cần trải nệm gấm, rước Bà Cố ngồi, và một chiếc bàn phủ khăn thêu để khay rượu “Tứ tửu trường xuân” (rượu của vua ban), và một mâm phẩm vật quý giá, lại một chiếc ghế dài sơn thếp, để cặp ngựa voi; đó là của ông Đề Niên, đồng chí của ông Đề Thám. Ông Niên bị đố hộ Pháp bắt được, định xử án tử hình, song Ông Ngoại hết lời biện bác che chở và bảo đảm cho ông Niên khỏi tội. Rồi ông Niên đem cặp ngựa voi của ông ấy sẵn được, để cảm tạ và kỷ niệm tấm lòng công bình nghĩa khí của Ông Ngoại. Vì lẽ đó nên chỉ Ông Ngoại mới đem dâng cho Bà Cố, để tỏ lòng đợ ơn Bà Cố đã giáo dục Ông Ngoại, nên Ông Ngoại mới có được đức độ đó.

Thế rồi, Ông Bà Ngoại mặc lễ phục đứng lên dâng rượu và dâng phẩm vật, chúc mừng Bà Cố; các con cháu từ thân đến sơ, toàn thị

y phục chỉnh tề, đứng xếp hàng theo thứ tự, đồng thanh chúc tụng, để tỏ ý nghĩa vui mừng kính cẩn. Lễ mừng xong, yến tiệc khoản đãi trong thân lân hương tộc. Lại xây chầu hát bội ba ngày đêm. Ngày đầu tiên là các con cháu hoá trang đóng tuồng ra sân khấu, trình diễn rất vụng về, bỡ ngỡ, để cho Bà Cố vui cười. Qua ngày thứ hai, thứ ba, thì chọn chính danh ca nghệ sĩ, những lớp tuồng thật đặc sắc rất hay, như Tây Du, Tam Tạng sang Thiên Trúc cầu kinh, thì Tam Tạng cỡi ngựa thiệt; như Triệu Tử Long đoạt Á Đẩu, thì lấy nước mương vào đám ruộng to trước nhà làm sông để thả thuyền xuống mà diễn tuồng, v.v... Ông Ngoại thì nghèo, nhưng chẳng biết làm sao cho phải tấm tình đối với đức sinh thành trong muôn một, mới đưa ra những cuộc vui cho lạ mắt cho Bà Cố vui. Sau một tháng hoàn tất, mới ân khẩn mời rước Bà Cố ra Huế để phụng dưỡng trong lúc vãng niên. Hành trình từ Qui Nhơn đi tàu thủy tới Tourane, phải sang tàu nhỏ mới tới Huế.

Ông Ngoại về Huế, nhận chức Thượng Thư Bộ Binh. Ông và mấy cậu ở tại Bộ; Bà Ngoại, mẹ và mấy dì nhỏ ở vườn Mai Viên; lại dựng riêng một biệt thự tiện nghi đầy đủ nô tỳ để Bà Cố ở, vì Bà Cố tu, có phụng Phật. Mặc dù Bà Cố ở riêng, nhưng Bà Ngoại và tụi cháu vẫn thường vấn an thị thiện. Như thế được 4 năm, vừa Bà Cố từ trần. Ông Ngoại rất ai bi thống thiết, để sau 2 tháng mới cử hành tang lễ, thật long trọng tôn nghiêm. Đức Từ Dũ, Trang Ý, và vua Thành Thái sắc tử gấm, vóc, bạc vàng và kim bội, khắc chữ "Mỹ Thục". Ông Ngoại xin về cư tang 3 năm, nhưng vừa mới một năm thì đã có chiếu chỉ đoạt tình. Đức Thành Thái cử Ông Ngoại đi Tổng Đốc Nam-Nghĩa. Vào Quảng Nam được 8 tháng, lại có sắc chỉ thiên chuyển ra Tổng Đốc An-Tĩnh lần thứ hai. Giã từ Nam-Nghĩa, khởi hành từ bến sông Vĩnh Điện, tới nghỉ lại huyện Hoà Vang. Ông Huyện sở tại đưa con hát tới hát hầu mừng một đêm. Sáng mai lên đường, bằng đường bộ ra Huế. Ông Bà, các Cô, Cậu đi võng, người tùy tùng đi cán và ngựa, theo đoàn hành trang.

Đường từ Quảng Nam ra Huế, có những nơi gọi là "Đèo Cụt", nơi thì " Bãi Dài", những "Đò Tuần", v.v... nên chi Ông Ngoại có những câu thơ chơi để cười:

*Đèo Cụt qua rồi đến Bãi Dài,
So đi tỉnh lại nhọc và bai;
Xinh xoàng ba chén đêm nay nghỉ,
Đệ Nhất Hùng Sơn để đến mai.*

Sáng mai lại lên đường, vừa qua Ải Vân, tức là Đệ Nhất Hùng Sơn, lại có bài thơ:

QUÁ HẢI VÂN QUAN

*Hải Vân quan thượng ngo phong vi,
Tế vụ hàn yên bạn khách y,
Hố hấp vạn sơn thanh lãnh khí
Trường an gia cận bảo huê quy.*

Mẹ tạm dịch:

*Gió nhẹ ban trưa giữa Hải Vân,
Sa mù vướng lạnh áo hành nhân,
Thở hơi trong mát muôn trùng núi,
Mang hết nguồn xuân về Huế gần.*

Về tới Huế thăm lại gia viên, vui mừng quá, ở lại 10 hôm, bà con kẻ xa người gần tới đón đưa thăm hỏi, thật là rộn rịp.

Lúc đó vào khoảng tháng 12, năm Mậu Tuất, Thành Thái năm thứ 10. Sau 10 hôm lại tạm biệt núi Ngự sông Hương, để đăng trình hướng Bắc. Cũng vồng, cán, ngựa, hành lý, gia nhân, v.v...

Lần này chỉ đi bộ ước 2 tiếng đồng hồ, tới An Hoà còn địa phận Huế, Ông Ngoại lại muốn đi đường thủy để phong lưu ngắm cảnh giang hồ. Thuê đò từ bến sông Tam Giang, tục gọi là đò nhà Hồ, ba ngày đêm mới tới tỉnh Quảng Bình. Trong lúc ba ngày đêm đi đò cũng nhiều chuyện vui:

Thuê 6 chiếc đò có mui, to đại hạng, kết thành đôi đi song song ba cặp, thênh thang giữa trời rộng sông dài. Đông đã tàn, Xuân sắp tới, màu trời rất đẹp. Vào đêm trăng đã khuya, chị em rủ nhau ra chơi trăng: ánh trăng dợn theo làn sóng nhẹ lung linh, xinh quá, một vẻ đẹp cao đài, thanh tịnh, và nghe mấy cô lái đò hát những câu tâm sự, như:

*“Thương anh thì cũng muốn vô,
Sợ trường nhà Hồ sợ phá Tam giang”*

những:

*“Tới đây đất nước lạ lòng,
Con chim kêu cũng ngại, con cá vẫy vùng cũng kinh”, v.v...*

Giọng hát mái-đẩy thanh bai, lên bổng xuống trầm hay lắm, mình nghe say mê, mà chỉ vui cười, chứ không xúc động gì hết. Nhắc lại những thời thơ ấu vô tư càng nhớ thương cha mẹ non cao biển cả, làm sao phải được lòng con. Có lúc đò ghé vào Bến Chợ cho các người mua thức ăn; mình thì chỉ mua mía, khoai, ổi để xuống đò nằm nhai cho vui miệng thôi.

Một hôm, đò đậu nghỉ bến Tam-Giang, xảy có mấy chiếc xuống nhỏ của kẻ cướp rượt tới tính chuyện ăn cướp. Kịp thời mấy người đội hầu của mình đưa súng ra bắn chỉ thiên, bọn cướp mới tháo lui chạy mất, mà mình còn run như cây sậy, buồn cười quá.

Tam Giang là một ngọn sông có “phá”. Phá là giữa giòng sông sâu nổi lên nhiều sóng dữ dội, họ thường bị đắm đò chỗ đó, rất nguy hiểm. Trái lại sông rất đẹp nên chi Ông Ngoại có bài thơ:

QUÁ TAM GIANG

*Giang vân viễn cận thủy đình đình,
Ngạn khúc thôn tà, tuế hựu canh;
Ái tuyết Tam Giang phong vũ dạ,
Câu đương quy phóng nhứt phàm khinh.*

Mẹ tạm dịch:

*Làn mây dọn nước bóng xa gần,
Xóm uốn quanh bờ, đã đổi Xuân;
Đẹp tuyệt Tam Giang mưa gió tới,
Thuyền về gió nhẹ lướt ung dung.*

Tới tỉnh Quảng Bình, lại rời thuyền lên đường bộ, 7 ngày nữa mới tới tỉnh Hà Tĩnh. Hành trình trong 7 ngày này cũng lắm chuyện vui đẹp, những đèo cao hố sâu, khe cả khe con, khe nước nóng, đá nhảy, v.v..., nhiều rừng rậm âm u, những đường quê khúc khuỷu, ngày đi đêm nghỉ, thỉnh thoảng lại có chuyến đò sang ngang.

Mỗi khi mình vào quán trọ, phải thuê cho được ba, bốn gian mới đủ chỗ, bởi gia quyến đông, hành lý nhiều. Và, phải tính đường đi cho đúng cung-đất, nếu lỡ cung-đất thì không có quán xá nhà cửa mà nghỉ. Mỗi khi tới quán trọ nghỉ, là cả vùng đó họ kéo nhau từng đoàn vây quanh tụi mình, họ coi như con quái vật vậy, rồi trầm trở chỉ trỏ, coi cho đến mình bày mâm bát ra ăn cơm nữa, kỳ quá!

Gần tới tỉnh Hà Tĩnh, có Đèo Ngang (Hoành Sơn). Phải xuống võng để lên đèo. Đèo

Ngang cũng một cảnh thiên nhiên, cũng xinh; nghe chim kêu vượn hú hơi buồn, nên chi thơ Bà Huyện Thanh Quan đã tả. Khi qua Đèo Ngang, trời mưa chưa dứt hẳn, lại ửng lên một áng mây cầu vồng ngũ sắc rất đẹp, Ông Ngoại có bài thơ:

QUÁ HOÀNH SƠN

*Hoành quan quan hạ tiểu khe hoành,
Lục thọ từng âm hữu thủy thanh;
Ngũ sắc hồng kiều sơn bán lạc,
inh trung đới vũ hoa nan thành.*

Mẹ tạm dịch:

*Đèo Ngang trông xuống có khe ngang,
Xanh nghít muôn cây rợp bóng tàn;
Núi ngậm nửa vành mây ngũ sắc,
Bút nào tả được cảnh không gian.*

Tới tỉnh Hà Tĩnh có đội ngũ tỉnh tòa đưa trống cờ tới rước. Sông Bến Thủy là địa đầu tỉnh Nghệ An, họ đã chực sẵn chiếc thuyền bông to tướng như một gian nhà, trang hoàng lịch sự. Quanh bến sông đó, họ có bán nhiều quà bánh, mà tụi mình đói bụng quá, không dám mua ăn, sợ mất nghiêm đi, may có người lính cũ quen, nói:

Thưa cô! Bánh gai Bến Thủy ngon nức tiếng, các cô mua xơi thử xem. Mình cũng cho mua, nhưng chưa dám xơi thử, về đến nhà mới xơi thì ngon thật, lại tiếc! Từ Bến Thủy về tới tỉnh đường, thiên hạ chen nhau đi coi đông như hội. Vì cuộc rước tân-quan rất nghi vệ, Ông Ngoại ngồi kiệu, Bà Ngoại nằm võng, tụi mình lại được ngồi xe kéo. Những lúc đó chỉ thấy vui thôi, không vấn vương lo nghĩ gì cả. Về đến nhà, người quen thuộc cũ tới mừng rỡ ân cần. Mình đường xa mới về, hành lý đang dang nghinh ngang bề bộn, nhờ họ sẵn lòng, xếp đặt

đâu đó cả. Ông Ngoại mới tới hai năm đầu, công vụ đang bận rộn; qua hai năm sau mới thư thả, rồi Ông mới sáng tác mấy thứ tuồng hát, và huấn luyện ca công, là một việc tiêu khiển cho Ông ngoài giờ làm việc. Tuy Ông Ngoại cư xử phải theo thời, chứ tâm tư vẫn nhiều uất hận, có chí khí không thi thố được, nên chỉ những bản tuồng của Ngoại phần nhiều như ngổ tâm sự vào văn chương.

Ông Ngoại ở Nghệ An được 4 năm, vừa có sắc phong Vinh Quang Tử Tước, lại có Chiếu Chỉ về Huế, thăng Thái Tử Thiếu Bảo Hiệp Biện Đại Học Sĩ, sung Cơ Mật Viện Đại Thân lãnh Công Bộ Thượng Thư. Nghe tin về Huế, mẹ mừng quá. Lại chính trang thượng lộ, một dịp vui cho mình nữa, hành trình cũng vào tháng Chạp. Tuy vui mừng thật, song ở đã lâu, có bạn bè quen biết, nhiều mỹ cảm, nên chi cuộc khứ lưu còn quyến luyến. Kỳ này, hành trình như kỳ trước, chỉ lớn khôn hơn, và lịch sự hơn. vẫn vông, cán, ngựa, đi đường bộ tới tỉnh Quảng Bình, lại thuê đò về sông Hương,...tới sông Hương nhằm ngày 30 Tết. Lúc đó mẹ 15 tuổi. Mẹ còn nhớ: trong chiếc thuyền khoang rộng rãi, trải chiếu hoa rực rỡ, đoàn viên cả gia đình, thật hân hoan vô tư lự.

Bến sông Hương chiều 30 Tết, quang cảnh rộn rịp lạ lùng, đèn lồng gương giăng khắp ghe thuyền sáng rực, dọn xuống mặt nước lóng lánh như muôn nghìn hạt minh châu, người trong thuyền xôn xao lo dăng lễ cúng thượng-tiêu, hương trầm nghi ngút. Gặp buổi trời mưa hoa cải, nên chi mình còn nán lại. Ông Bà Ngoại đang ngồi đối ẩm, trông ra sông thấy mưa rơi lách tách giọt xuống mặt nước sông Hương, làm xao động cả muôn nghìn hạt minh châu lóng lánh, vừa xa xa vọng lại tiếng chuông chùa. Ông Ngoại liền ngâm lên mấy chữ:

*Diệu Đế thần chung,
Hương Giang dạ vũ.*

Mẹ dịch chơi:

*Mưa đêm giọt xuống sông Hương,
Chuông mai Diệu Đế nhớ thương thuở nào.*

Tạnh mưa rồi, mình mới đài đê xe giá về nhà Mai Viên, cảnh cũ người quen, vui mừng quá! Sáng ngày Mừng Một Tết, Ông Ngoại vào triều bái mạng. Ông Ngoại ngồi Bộ Công được 2 năm, nhân gặp chuyện bất bình, Ngoại dâng sớ xin trí sĩ quy hương. Đức Thành Thái khuyên Ngoại lưu lại, nhưng Ngoại khẩn khoản xin về, muốn ân Thánh Thượng, xin hẹn lại một ngày khác sẽ lai triều bệ kiến. Đức Thành Thái đối với Ông Ngoại, tuy nghĩa quân thần, mà tình tương đắc. Lúc bái biệt Hoàng ân, vua, tôi không cảm được nước mắt...

Khởi hành từ Tháng Ba năm Giáp Thìn, Thành Thái thứ 16, được giấy công-tải đi Tàu thủy hạng nhứt 10 người, gia nhân hạng ba, 15 người, hành lý miễn phí. Đức Thành Thái ban cấp hưu bổng cho Ông Ngoại bằng 4 mẫu ruộng (Lộc-diễn). Về Bình Định, Vinh Thạnh, ý cảm hoàn hương, cũng khá phong lưu, cũng ăn mừng phần huỳnh phong tặng tứ đại, cũng hát bội, khoảng đái thân lân.

Ông Ngoại, một người phong lưu giản dị, ưa vui thích những thú lâm tuyền viên dã; Bà Ngoại thì dễ thương lắm, hiền hậu, rất quý con trọng chồng, đối với cơ thiếp thì quảng đại bao dung, chỉ có ân mà không có oai, cho nên mẹ cũng nhờ tấm gương đức độ đó, ảnh hưởng cho mẹ được phần nào trong muôn một.

Lúc này, Ông Ngoại 60 tuổi, Ngoại đang khoẻ lắm. Ngoại đi chơi tới núi Hoàng Mai, thấy một rừng mai đầy mai đua nở, Ngoại vui mừng, lại xem sơn thủy hữu tình, Ngoại liền chọn núi đó làm nơi an tịnh nghìn thu. Ngoại thảo liền bốn câu thơ:

*Nhân hưởng mai phong bốc thọ viên,
Thạch đầu cao cử tiểu vô ngôn;
Mai sơn tha nhứt tàng mai cốt,
Hảo bá mai hoa tác mộng hồn.*

Nghĩa là: Nhân lúc rảnh, lên núi mai tìm đất mộ, những tảng đá cao cất đầu cười mà không nói, nửa ngày sau núi mai này sẽ dấu giữ ông Mai, lấy hoa mai làm mộng, thích đẹp biết bao nhiêu! Ông Ngoại thích hoa mai, cho nên hiệu Ngoại là Mộng Mai và Mai Tăng.

Hưởng thọ 63 tuổi, Ông Ngoại từ trần vào NGÀY RẼM THÁNG BẢY, TIẾT TRUNG NGUYÊN, đến ngày 24 tháng 9 cử hành tang lễ, có Khâm Sai sắc lệnh Hoàng Đế, tử tế theo lễ công thần. Điều văn bò heo, trà rượu. Bài điều văn dài lắm, kể công cán trung nghĩa, liêm khiết của Ông. Mẹ chỉ nhớ một câu: “Nhứt diên tử tế, cửu tuyền hữu tri! Ai tai!” Thật buồn thảm. Lối đó ông Tôn Thất Đạm làm Tổng Đốc Bình Định, có câu đối hay lắm; mẹ chỉ nhớ một câu: “*Hà như hổ kim tịch thu tình tiêu sái Tiểu Linh Phong*”

(Tiểu Linh Phong là biệt hiệu của Ông Ngoại ở Huế)

Tang lễ, Tỉnh, Toà, Phủ, Huyện đủ cả. Ông Công Sứ Qui Nhơn đưa lên 100 lính Kỳ Binh, mặc áo trắng, thắt băng đen, để đi hầu theo linh xa đưa tới núi Hoàng Mai, để cho ngài thiên thu an lạc. Lúc đó mẹ 20 tuổi. Ông Ngoại mất đi, mẹ đau đớn tiếc thương vô hạn. Như Ông Ngoại là một bậc tài hoa cao khiết, phải lẫn lộn một cuộc đời bất đắc chí, thật đau xót, ba mươi năm hoạn hải ba đào, chung cuộc cũng vùi sâu vào lòng đất.

Chuyện mẹ kể trên đây là hoàn cảnh đoàn viên của mẹ đã sống trong 18 tuổi, đến cuối năm 18 tuổi, mẹ đã về với Ba của các con, lại một hoàn cảnh khác, như các con đã biết.

Mẹ viết đây tại nhà Duy Tân, ngày 20/4/1969 tức là ngày Mừng 4 tháng 3 năm Kỷ Dậu./.

Mẹ: **ĐÀO TRÚC TIÊN**

Lối cũ vườn xưa

Thần thờ đêm bước thời gian trôi.
 Góp nhặt đường xưa mây dậm rồi.
 Hời lá, lá buồn ngơ ngác rụng.
 Nhìn hoa, hoa tút hững hờ rơi.
 Bướm ong lặng lẽ xa vườn mộng.
 Oanh yến chao nghiêng cuối nẻo trời.
 Ta lại về đây thăm chốn cũ.
 Nào hay lối ấy phủ rêu đầy.
 Tạ chương Tĩ



Bình Định quê tôi

Quê tôi Bình-định bắc Tam quan.
 Nhớ đến miền dừa đẹp nhất làng.
 Về lại Bình- Khê nơi lịch sử.
 Đi thăm Phù-cát núi Bà hang.
 Qui-nhơn, Phước-lý ra hòn yện.
 Ghềnh-ráng, Qui-hòa viếng mộ Hàn.
 Đất võ anh hùng nam nữ có.
 Mai-Bùi, Trần, Võ Nguyễn danh vang /.
 Nguyễn Diêu

Hoa lái nở rộ

Hoa lái nở rộ khắp Đông-Tây.
 Bay tới Á-Châu sẽ có ngày.
 Trung quốc giết mình ngăn gió nhập.
 Việt nam hoảng hốt cản hương lây.
 Thiên đường Mác-Bác cần lời xuống.
 Chủ nghĩa độc tài ắt phải thay.
 Sớm muộn toàn dân đồng nổi dậy.
 Tự do nước Việt chóng thì chảy /.
 Người Tây Sơn.



Chim mía Phú Phong

Nguyễn Diêu

Muốn ăn chim mía lên Phú Phong, muốn ăn nem chua xuống Chợ Huyện, đó là hai đặc sản ngon có tiếng ở Bình Định trước 75. Hiện nay nghe nói vẫn còn bán chim mía ở Phú Phong, nhưng thật ra không phải là chim mía mà là giống chim khác như sáo sậu, én hoặc có khi là vịt con mới nở vài tuần họ chặt chân, cắt mỏ, bôi phẩm khén dòn giả chim mía.

Chim mía là tên đặc riêng ở Phú Phong, vì giống chim này ngủ ở đọt cây mía, và làm tổ trên đó, người ta bắt nó cũng trên đọt cây mía. Đứng ra giống chim này gọi là chim áo già, chúng sống từng bầy nhỏ vài chục con, có khi họp lại lên đến đôi ba trăm hoặc cả ngàn con. Sắc lông giống chim sẻ, con trống (cồ) trên đầu có chùm lông màu vàng nghệ, thân hình nhỏ hơn chim sẻ. Chúng ăn sâu bọ lúc cây lúa sắp trở bông nên có lợi cho nhà nông, nhưng cái lợi cũng có cái hại là khi bông lúa ngậm sữa, thì chim này hút hết sữa non do đó bông lúa lép. Nông dân phải khổ sở khi đám ruộng trở trước phải đi đuổi chim bằng cách gõ phèn la, bẹo hình nộm, đặt chong chóng gió để chim sợ không dám đến.

Dụng cụ dùng để bắt chim mía gồm có cái giỏ, miền biển gọi là cái dĩa để kéo cá, đan bằng lưới hình chóp nón, lớn nhỏ tùy người sử dụng. Hai cây sào bằng tre đục nhỏ cứng dài khoảng 5-6 mét. Muốn bắt chim ban ngày người ta phải theo dõi quan sát chim ăn ở vùng ruộng nào và về chiều mặt trời gần lặn chúng nó bay vô vùng mía nào, rồi chúng chuyển tập trung ở đâu. Đến tối người ta đến đám mía đó vạch một lối đi trống ngăn cách giữa đám mía này với đám khác, hai người cầm sào đứng tại đây, dựng sào căn lưới ra hình chữ nhật, phía trên đầu sào chồm về phía trước khoản 45 độ vì khi chim cất cánh bay lên dễ dàng úp lưới xuống bắt trọn bộ. Cái rún lưới phải quay về phía ngược gió vì chim lúc nào ngủ cũng quay đầu về hướng ngược chiều gió tránh khỏi xù lông. Cái rún gió cột dây dừa một người

kéo cần dài ra. Hai người đuổi chim ở phía sau xa bẫy chim, dùng đất ném nếu chim còn cách xa, hoặc dùng dây dừa, người bên này người bên kia kéo trên đọt mía kêu sột sệt từ từ đi tới gần bẫy chim khi nghe tiếng động, chim kêu riu rít hình như rủ nhau chuyển từ đọt mía này đến đọt mía khác mà đi tới, đặc biệt chúng không bay vọt cao mà chỉ chuyển nhảy gần bên nhau, như có sự hỗ trợ lẫn nhau.

Khi chim đến gần kề chỗ hai người căng lưới thì hai người kéo dây dừa kéo nhanh đến khoản trống chúng hoảng sợ nên vừa bay lên, nhanh như chớp hai cây sào ập lại, bẫy chim sẽ mắc vào lưới, chân chim bấu vào lưới nên rất khó gỡ ra, nên người ta phải bóp đầu hoặc dùng cây đập chết mới lấy ra được. Xong xuôi đem về nhà thì đã quá nửa đêm, dùng nước sôi nhỏ lông và lấy ruột ra, dùng cây ghim lụi từng con từ đít xuyên bụng đến cái điều, mỗi ghim mười con, rồi đem hơ lửa cho cháy các lông còn sót, tờ mờ sáng đem ra chợ bán.

Những tiệm ăn mua chim về rửa lại, xong cho gia vị ướp chim cho thấm trước khi cho vào chảo dầu để khén. Thịt chim ngon một phần do đầu bếp biết cách gia vị cộng với thịt, xương, loại chim này rất giòn nên ăn nhai cả xương nghe rùm rậm. Lúc bấy giờ tại Phú Phong có rất nhiều tiệm bán chim mía, nhưng chỉ có hai tiệm hiệu Mỹ Châu và Ba Huế là ngon nhất vì họ biết cách ướp gia vị và biết cách khén giòn, nhất là không để thịt chim cũ xào đi xào lại thịt sẽ bị bũn.

Để thưởng thức cái ngon của chim mía, thực khách phải ăn như thế này: Tay cầm hai chân chim (dùng dùng dũa) chấm cái đầu chim vào đĩa muối tiêu chanh ớt, cắn cái đầu nhai nghe kêu cái bụp đó là óc chim bung ra, càng nhai càng béo, nên uống một ngụm rượu để mới thấy là đã. Tiếp theo cắn phần mình nơi hai cánh chim, phần này thịt nhiều nên rất ngon ngọt, cuối cùng là phần đuôi nơi có bụng, xương đuôi rất giòn nhai kỹ không sợ mắc cổ, đôi lúc nhai bị vị hơi nhân nhẩn (hơi đắng) đó là ăn trúng cái mề còn sót trong bụng, vì chim quá nhỏ nên người ta chỉ khoét nơi đít kéo ruột ra không có mổ bụng nên còn sót cái mề. Ăn chim mía phải nhai cả xương uống rượu để mới đúng điệu, nếu uống bia no bụng và bị lạnh không thú vị chút nào.

Nghề bắt chim mía xuất phát đầu tiên có lẽ ở thôn Thủ Thiện xã Bình Nghi, Bình Khê do ông Hương Bộ Bích tức thân phụ anh Đình Tuấn, Thiếu tá Phi công QLVNCH hiện cư ngụ tại Houston, TX. Nghe tin quê nhà nói giống chim này hình như không còn nữa, vì người ta bắt sạch sẽ không còn con nào sanh sản, nhất là không trồng mía mà trồng những cây theo chỉ thị của HTX nông nghiệp, nên chim không thấy bay về làm tổ như những năm trước 75./.

Nguyễn Diêu

Nhớ Qui Nhơn

Qui Nhơn ơi ! giờ đây đã xa rồi .
 Nhớ về em, trong nỗi nhớ xa xôi.
 Buồn man mác, gợn về trong hồn vắng
 Đời mưa gió, chẳng nhạt mùi cay đắng
 Nét phong sương càng đượm về phong trần
 Những vui buồn, chông chắt theo tháng năm
 Như vầng trăng xưa, sáng trang thơ Hàn Mặc Tử

Qui Nhơn ơi ! biết chẳng chiều lữ thú.
 Có một người, mãi nhớ thuở xa xăm.
 Nhớ tháp Chàm xưa, nhớ biển ngàn trùng.
 Rào rạt mãi, bao đêm ngày sóng vỗ.
 Nhớ Phương Mai, những sáng hồng rực rỡ
 Cát vàng tươi và sóng biển lung linh
 Bước em về, theo nắng lụa mộng mênh
 Mùa thu mới sang, lá vàng bở ngỡ
 Thương hoa phượng xác xơ trên hè phố.
 Trời đêm mưa Ngâu, ướt lốt em về .

Qui Nhơn ơi ! chiều nao gió lè thê
 Ta nhớ mái tóc thê bay lã lướt
 Tà áo ai, trong mắt nhìn mơ ước
 Có bay về nơi rực sáng tương lai.
 Hoa có còn tươi và lá có xanh hoài.
 Nút vẫn thắm, những mùa xuân xanh biếc ?
 Những tháng ngày, dẫu xa xôi biển biệt.
 Niềm nhớ thương, vẫn sống mãi trong lòng

Qui Nhơn ơi ! tôi thương nhớ vô cùng
 Thương ánh mắt, nụ cười và giọng người " xứ Nẫu "
 Quên sao được, cả một thời thơ ấu
 Bên bạn bè, trường cũ với thầy xưa.
 Thuở ấy êm đềm, đời tựa trong mơ.
 Giấc mơ đẹp của linh hồn bằng ngọc.
 Nhớ Hè xưa, chia ly buồn muôn khóc.
 Tiếng ve sầu, càng thêm gợn lòng đau.
 Qui Nhơn lặng buồn, Qui Nhơn của tôi.
 Trong tâm lặng mà nghẹn ngào thổn thức

Từ nơi xa, viết trang thơ hồi ức,
 Nhớ Qui Nhơn và nhớ cả đất trời
 Biển muôn trùng và sóng vẫn ngàn khơi
 Sóng vẫn gọi trong tôi bao thao thức
 Những nỗi lo âu, những niềm rạo rức
 Những yêu thầm và vụng nhớ xa xôi
 Và tất cả những gì... sao khó nói quá đi thời
 Của quê cũ, triều dâng bao lớp lớp

Bao cuộc phê hưng, bao đời nối tiếp,
 Qui Nhơn đau, lòng tôi lắm nghen ngào
 Giấc mộng vàng, vừa là nỗi khát khao.
 Tôi dâng tặng Qui Nhơn tôi, thân mến
 Ai về Qui Nhơn, xin cho gửi đến,
 Qui Nhơn mãi còn trong trái tim tôi
 Bao sắt son, cùng thương nhớ bởi hồi
 Bao mơ ước có một ngày rạng rỡ .
 Cho tôi gửi cả niềm thương nỗi nhớ,
 Về quê tôi, miền xa thẳm cuối trời
 Cùng mùa thương và trăm vạn tiếng cười
 Về nơi ấy, Qui Nhơn tôi yêu mến

BÍCH THẠNH
 (Tháng 6 - 1965)

Phượng Mai: ngọn núi phía Đông thành phố Qui Nhơn





Trước sân Trường Sư Phạm Qui Nhơn (1967- 1968)
Ảnh từ Đặc San Sư Phạm Qui Nhơn, 2009.

TRƯỜNG SƯ PHẠM QUI NHƠN

ĐÀO ĐỨC CHƯỜNG

Trước tháng Tư năm 1975, từ bến xe Qui Nhơn băng qua đường Gia Long, theo đại lộ Võ Tánh, đi về phía biển, cuối cùng gặp đường Nguyễn Huệ, rẽ mặt về hướng Tây Nam. Con đường Nguyễn Huệ chạy dọc theo bờ biển, bên trái là xóm dân chài Khu Hai, bên mặt có Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa Qui Nhơn, rồi qua khúc quanh Eo Nín Thở, đến ngã ba Nguyễn Huệ và Nguyễn Hữu Lộc, ở góc đường phía Tây là Cơ sở Quân Sự. Vẫn trên con đường Nguyễn Huệ, từ đây, bên trái là bãi Thùỵ Dương; bên phải, đi một quãng nữa, sẽ gặp Trường Trung Học Vi Nhân, rồi Trường Sư Phạm Qui Nhơn, kế đến là Trường Trung Học Kỹ Thuật, tiếp theo có Quán Y Viện và kho Y Dược 720 của Quân Đoàn 2. Nơi đây, qua khỏi ngã ba, là khu vực Gềnh Ráng, nếu vẫn tiếp tục đi trên đường Nguyễn Huệ, bên phải là phía hông của Trung Tâm Huấn Luyện Nhân Dân Tự Vệ của ông Võ Trấp, nằm dựa lưng vào núi Vũng Chua. Và bên trái, nhìn lên chân đồi là mộ Hàn Mạc Tử.

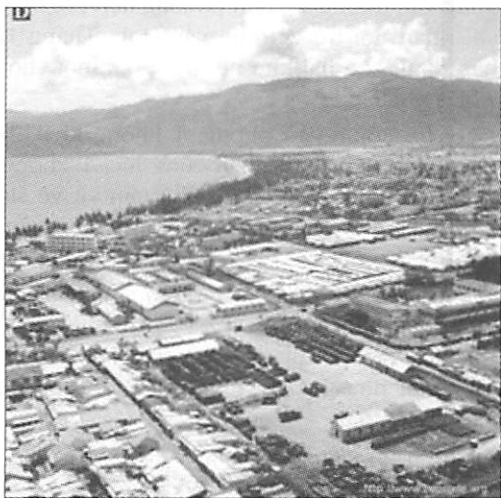
TRƯỜNG SƯ PHẠM QUI NHƠN

Có thể nói Trường Sư Phạm Qui Nhơn là trường cao cấp nhất tại Qui Nhơn thời bấy giờ. Nhiệm vụ chính là đào tạo Giáo chức ngạch Giáo Học Bổ Túc cho các tỉnh Miền Trung. Ngoài ra, theo Trần Đình Thái [1], Trường còn giữ vai trò mở những khóa Tu nghiệp vào dịp ba tháng nghỉ hè, cho Giáo viên Tiểu học tại các Ty Tiểu Học thuộc Vùng I và Vùng II.

I - Quá trình thành lập:

Trường Sư Phạm Qui Nhơn thành lập bởi Nghị định số 701- GD/

BC/NĐ, ký ngày 10- 5- 1962, của Bộ Quốc Gia Giáo Dục Việt Nam Cộng Hòa [2]. Trường được xây cất trên thửa đất rộng ở Khu Sáu, mặt tiền ngó ra biển Đông và giáp đường Nguyễn Huệ. Theo Trần Đình Thái, Ai Có Về Qui Nhơn [3], đồ án với kinh phí 20 triệu [4] xây cất trong 18 tháng mới xong, và khánh thành ngày 3 tháng 10 năm 1962. Cơ sở gồm hai dãy lầu với đầy đủ phòng học, giảng đường, thư viện, phòng âm nhạc, câu lạc bộ, trung tâm Y tế và chỗ ở cho một số viên chức nhà trường.



H 1: Một góc Qui Nhon, chụp năm 1966, từ Bệnh viện Thánh Gia nhìn về Ghềnh Ráng và núi Vũng Chua. Ảnh tài liệu của Khổng Xuân Hiền, trong Cuongde.org

Tháng 12 năm 1967, trường xây cất thêm khu nội trú với kinh phí 737.761 Mỹ Kim và 11.320.754 đồng Việt Nam [5], gồm hai dãy lầu 3 tầng, một cho nam giáo sinh và một cho nữ giáo sinh, cách biệt nhau.

II - Quy chế nhập học:

Muốn vào học Trường Sư Phạm Qui Nhon phải có bằng Tú tài 1 trở lên, tuổi từ 18 đến 26, tình trạng Hợp lệ Quân dịch (cho Nam ứng viên), và qua kỳ thi tuyển.

Thí sinh trúng tuyển phải làm giấy cam kết phục vụ cho ngành giáo dục ít nhất là 10 năm, sau khi tốt nghiệp. Khóa học trong hai năm, tốt nghiệp với ngạch Giáo Học Bổ Túc.

Giai đoạn đầu (1962- 1969), Trường thu nhận giáo sinh tất cả các tỉnh Miền Trung từ Quảng Trị đến Phan Thiết. Từ các niên khóa

1969- 1975, Trường chỉ thu nhận giáo sinh 5 tỉnh gồm Quảng Tín, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Phú Bổn. Và niên khóa 1972- 1973, Trường có khoảng gần 1000 giáo sinh, tính cả học viên năm thứ nhất với năm thứ hai.

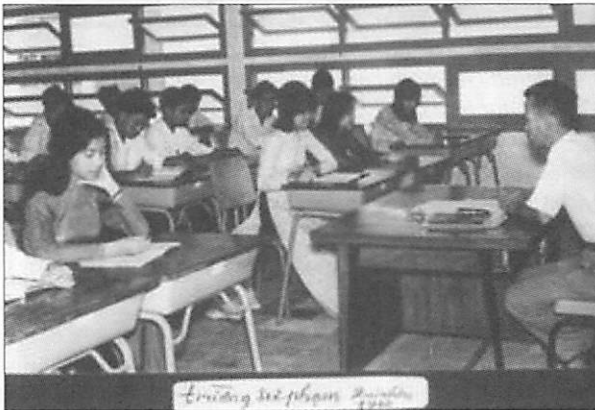
III - Vấn đề nội trú:

Sư Phạm Qui Nhơn thu nhận giáo sinh cho tất cả các tỉnh Miền Trung, nên ngay từ niên khóa đầu, nhà Trường đã nghĩ đến việc nội trú cho những giáo sinh từ xa đến. Nhưng lần xây dựng đợt đầu (1961), chú trọng vào trường sở, nên phương tiện nội trú còn hạn chế, nhà trường chỉ nhận nội trú cho nữ giáo sinh. Tháng 12 năm 1967, xây cất đợt hai, dành cho hai khu nội trú, gồm một cho nam và một cho nữ, cách biệt nhau.

Mỗi khu nội trú có: 1 Văn phòng, 1 Phòng khách khá rộng rãi đủ cho các Giáo sinh tiếp thân nhân cùng lúc, 1 Phòng phát thuốc, 1 Nhà giặt, 1 Nhà ủ quần áo, 7 Khu nhà tắm và vệ sinh, 6 Đơn vị cư trú dành cho Quản đốc và Giám thị, Khu công viên và sân chơi cho giáo sinh.

Niên khóa 1968- 1969, có 393 nữ giáo sinh nội trú. Kể từ niên khóa 1969- 1970, hai khu nội trú mới hoàn thành, có thể chứa 392 nam và 312 nữ. Cứ 4 giáo sinh ở một phòng riêng, với đầy đủ tiện nghi cho từng người như giường, nệm, tủ gương, bàn ghế, kệ sách v.v... [6].

IV - Chương trình giáo khoa:



H 3: Trong giờ dạy của Thầy Dương Minh Ninh.
Ảnh từ Cuongde.org

Khóa trình năm thứ nhất [7], phân phối số giờ học trong một tuần, gồm các môn chuyên nghiệp như: Sư phạm Lý thuyết 4 giờ, Sư phạm Chuyên biệt 2 giờ, Giáo dục Cộng đồng 4 giờ, Tâm lý Giáo dục 2 giờ,

Luân lý Chức nghiệp 1 giờ, Giáo dục Y tế (Y tế Học đường) 1 giờ, Hoạt động Thanh niên 1 giờ, Dụng cụ Giáo khoa 2 giờ, Canh nông 2 giờ, Thủ công 1 giờ, Thể dục 2 giờ, Âm nhạc 1 giờ. Ngoài ra, còn các môn nâng cao trình độ học vấn như: Quốc văn 2 giờ, Sinh ngữ 2 giờ, Toán học ứng dụng 2 giờ, Hội họa 1 giờ. Tổng cộng, giáo sinh phải học mỗi tuần 30 giờ.

Khóa trình năm thứ hai [8], gồm các môn: Sư phạm Thực hành 8 giờ, Quản trị và Thanh tra Học đường 2 giờ, Giao tế Xã hội 1 giờ, Kinh tế Chính trị 2 giờ, Giáo dục Cộng đồng 4 giờ, Các vấn đề Giáo dục 2 giờ, Thể dục 2 giờ, Hoạt động Thanh niên 1 giờ, Giáo dục Phụ nữ (cho nữ giáo sinh) 2 giờ, Ngành mộc (cho nam giáo sinh) 2 giờ. Ngoài ra cũng học môn Quốc văn 2 giờ, Sinh ngữ 2 giờ, Âm nhạc 1 giờ, Hội họa 1 giờ, để trau dồi trình độ văn hóa. Tổng cộng 30 giờ mỗi tuần.

V - Vấn đề thực tập:



H 4: Giáo sinh đi thực tập Giáo dục Cộng đồng.
Ảnh từ Đặc San Sư Phạm Qui Nhon, 2009.

Với Trường Sư Phạm Qui Nhon, năm thứ nhất nặng về Sư phạm Lý thuyết, sang năm thứ hai chương trình đào tạo đặt trọng tâm vào Sư phạm Thực hành, 8 giờ mỗi tuần. Ba khóa đầu (1662- 1965), chưa lập Trường Sư Phạm Thực Hành, giáo sinh phải thực tập lưu động ở các trường Tiểu học gần với Trường Sư Phạm. Từ khóa Bốn, giáo sinh thực tập giảng dạy ở Trường Sư Phạm Thực Hành.

Theo Giáo sư Đặng Văn Bồn [9], do nhu cầu phát triển mạnh và nhanh của nền Giáo Dục Cộng Đồng, ngay từ năm thứ nhất và cả

năm thứ 2 của Trường Sư Phạm Qui Nhơn, môn này cũng được chú trọng hàng đầu, với 4 giờ 1 tuần. Và trong kỳ thi tốt nghiệp, cũng chiếm hệ số cao nhất. Ở năm thứ nhất, giáo sinh được thực hiện đường lối Giáo Dục Cộng Đồng, bằng cách về các vùng nông thôn thực tập Nghiên Cứu Địa Phương, dưới dạng cắm trại. Nội quy sinh hoạt, giống hệt như trại các đoàn thể Hướng Đạo, Phật Tử, Thanh Sinh Công.

Nếu năm thứ nhất, giáo sinh thực tập môn Giáo dục Cộng đồng



H 5: Giáo sinh tập trung tại sân Trường, trước giờ đi thăm Trại Phong Qui Hòa.

Ảnh từ Đặc San Sư Phạm Qui Nhơn, 2009.

bằng những Trại Nghiên Cứu Địa Phương. Từ đó, tiếp cận với Cộng Đồng, phát hiện được những nhu cầu của dân chúng cần cải thiện như: nước uống trong lành, bài trừ sán lãi, giáo dục tráng niên... Năm thứ hai, đặt kế hoạch giải quyết những nhu cầu ấy, bằng cách tổ chức các hoạt động xã hội. Chẳng hạn như mở đêm văn nghệ dân gian, thu hút quần chúng đến xem. Nhân đó, phổ biến cách thức cải thiện đời sống của họ. Việc làm này gọi là “Thực hiện chủ điểm giáo dục”.

Ngoài ra, Trường Sư Phạm Qui Nhơn còn tổ chức những lần thực tập môn Giao tế Xã hội, như viếng thăm Trại Phong Qui Hòa, các cơ sở từ thiện...

Sau hai năm học, giáo sinh phải qua kỳ thi tốt nghiệp, căn cứ trên số điểm tổng kết, giáo sinh theo thứ tự ưu tiên chọn nhiệm sở trong các tỉnh thuộc khu vực Trường Sư Phạm Qui Nhơn. Xem ra, chương trình đào tạo ngạch Giáo Học Bổ Túc, không chỉ là một thầy giáo thuần túy dưới mái học đường, mà còn mang sứ mạng tiếp cận với quần chúng thực hiện Giáo Dục Cộng Đồng.

VI - Ban Giám Đốc:

Từ năm 1962 đến 1975, trường Sư Phạm Qui Nhơn, mở được 13 khóa, trải qua ba đời Hiệu trưởng. Đầu tiên là Đinh Thành Chương, kế nhiệm Nguyễn Trọng Lương và vị Hiệu trưởng sau cùng là Trần Văn Mẫn. Trường cũng có bốn đời Giám học: đầu tiên là Cao Minh Khải, rồi đến Trần Văn Mẫn (lên làm Hiệu trưởng), kế tiếp là Lê Minh Tâm, sau cùng là Võ Sum (có Phụ tá Giám học là Dương Quang Phùng). Các vị Tổng Giám thị có: Đinh Thành Chương, Nguyễn Trọng Lương, Trần Văn Mẫn, Nguyễn Khâm, Đặng Ngọc Tuấn, Đặng Văn Bồn, Phan Minh Ba, Đoàn Việt Tuyền, Đặng Văn Tháo. Ngoài ra, Trường còn có bốn vị Quản đốc Nội trú: Nguyễn Dũ, Lê Thị Hậu, Công Tăng Tôn Nữ Nghi Trinh, Nguyễn Thị Đinh [10].

VII - Thành phần Ban Giảng Huấn:



H 6: Mời các Thầy Cô tham dự buổi tiệc liên hoan tại Trường.

Ảnh từ Cuong de.org

Trong 13 năm hoạt động của Trường Sư Phạm Qui Nhơn, số giáo sư thay đổi tùy theo sự phát triển của Trường. Vì vậy danh sách này liệt kê không đầy đủ, chỉ mang tính cách tương đối, và tính vào thời điểm những năm cuối thập niên 1960 và đầu thập niên 1970.

01/ Thầy Võ Đình Ái dạy môn Thể dục.

02/ Thầy Lê Văn Ba dạy môn Quốc Văn.

03/ Thầy Nguyễn Văn Ba dạy môn Hoạt động Thanh niên.

04/ Thầy Phan Minh Ba dạy hai môn: Hoạt động Thanh niên và Thể dục.

05/ Thầy Đinh Thành Bài dạy hai môn: Sư phạm Thực hành, Vấn đề Giáo dục Học đường.

- 06/ Thầy Đặng Văn Bốn dạy hai môn: Giáo dục Cộng đồng, Dụng cụ Giáo khoa và Thính thị.
- 07/ Thầy Võ Thành Công dạy môn Tâm lý Giáo dục.
- 08/ Thầy Hồ Văn Cứ dạy môn Hoạt động Thanh niên.
- 09/ Thầy Hồ Sĩ Duy dạy môn Quốc Văn.
- 10/ Thầy Đức dạy môn Karate (Môn võ tự vệ của Nhật Bản).
- 11/ Cô Lê Thị Mộng Hòa dạy môn Hội họa.
- 12/ Thầy Phạm Sĩ Học dạy môn Vận dụng Khoa học.
- 13/ Cô Nguyễn Thị Kim Hưng dạy môn Canh nông.
- 14/ Thầy Song Nhi Hoàng Hy dạy môn Âm nhạc.
- 15/ Thầy Kellog dạy môn Anh văn.
- 16/ Thầy Phạm Xuân Khuyến dạy môn Anh văn.
- 17/ Thầy Lương Thế Kiệt, Hiệu Trưởng Trường Sư Phạm Thực Hành, dạy môn Sư phạm Thực hành.
- 18/ Thầy Đinh Kim dạy hai môn: Sư phạm Thực hành và Quốc văn.
- 19/ Cô Langley dạy môn Anh văn.
- 20/ Thầy Lê Ngọc Linh dạy môn Quốc Văn và Ngữ pháp.
- 21/ Thầy Nguyễn Trọng Lương dạy hai môn Anh văn và Toán học Ứng dụng.
- 22/ Thầy Trần Văn Mẫn dạy hai môn: Giao tế Xã hội và Anh văn.
- 23/ Thầy Dương Minh Ninh dạy môn Âm nhạc.
- 24/ Thầy Nguyễn Văn Nở dạy môn Tâm lý Giáo dục.
- 25/ Thầy Dương Quang Phùng dạy môn Quốc Văn.
- 26/ Thầy Võ Sum dạy hai môn: Giao tế Xã hội và Pháp văn.
- 27/ Thầy Tôn Thất Tạ dạy môn Pháp văn.
- 28/ Thầy Nguyễn Trí Tài dạy môn Anh văn.
- 29/ Thầy Lê Minh Tâm dạy môn Quốc Văn.
- 30/ Thầy Đoàn Nhật Tấn dạy các môn: Sư phạm Lý thuyết, Sư phạm Thực hành, Giao tế Xã hội.
- 31/ Thầy Đặng Văn Thảo dạy hai môn: Giáo dục Cộng đồng, Dụng cụ Giáo khoa và Thính thị.
- 32/ Thầy Phan Thâm dạy môn Hội họa.
- 33/ Thầy Bùi Thường dạy hai môn Hội họa, Thủ công.
- 34/ Thầy Nguyễn Kim Tính dạy môn Giáo dục Cộng đồng.
- 35/ Thầy Lê Văn Toàn dạy hai môn: Sư phạm Lý thuyết, Quản trị và Thanh tra Học đường.

36/ Thầy Nguyễn Văn Tôn dạy môn Kinh tế Chính trị.

37/ Thầy Nguyễn Xuân Triêm dạy môn Thể dục.

38/ Thầy Tôn Thất Tuấn dạy hai môn Sư phạm Thực hành và Pháp văn.

39/ Thầy Trần Quý Tuệ dạy môn Sư phạm Thực hành.

40/ Quý Thầy Trường Sư Phạm Thực Hành dạy hai môn Sư phạm Thực hành và Thể dục [11].

TRƯỜNG SƯ PHẠM THỰC HÀNH

Nếu Qui Nhơn không có Trường Sư Phạm, dĩ nhiên không bao giờ thành lập Trường Sư Phạm Thực Hành. Nhưng nếu chỉ mở Trường Sư Phạm Qui Nhơn, mà không có Trường Sư Phạm Thực Hành kèm theo, thì việc đào tạo viên chức ngạch Giáo Học Bổ Túc chưa trọn vẹn. Vì vậy, khi nói đến Trường Sư Phạm Qui Nhơn, chúng ta không quên nhắc đến Trường Sư Phạm Thực Hành.

Ngoài trường được xây cất tại Khu 6, kinh phí 500.000 đồng, do



H 7: Thầy dạy và Giáo sinh chụp ảnh kỷ niệm trước khi mãn khóa.

Ảnh từ Cuongde.org

Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu tặng, lúc ra thăm Qui Nhơn [12]. Cơ sở này là hai dãy nhà trệt, hình chữ L, gồm 9 phòng, nằm đối diện với trường Tiểu Học Đồng Tiến và phía hông mặt giáp đường Nguyễn Thái Học. Trường được mang tên là Sư Phạm Thực Hành và bắt đầu hoạt động từ niên khóa 1965- 1966. Tính đến niên khóa 1972- 1973, Trường có 12 lớp (2 mẫu giáo, 10 tiểu học) với 480 học sinh. Lương Thế Kiệt làm Hiệu trưởng từ đầu đến năm 1975.

Đây là trường tiểu học kiểu mẫu dành cho Giáo sinh Trường Sư

Phạm (kể từ khóa 4) thực tập. Phòng học rộng rãi, mỗi lớp 40 học sinh, bàn học cá nhân, học cụ đầy đủ, có cả một thư viện. Ngoài ra, Trường có một sân chơi rất rộng, đủ tiện nghi, đáp ứng nhu cầu về môn Thể dục và Hoạt động Thanh Niên. Như vậy, Trường Sư Phạm Thực Hành vừa dạy học sinh từ mẫu giáo đến tiểu học, vừa đào tạo giáo sinh. Ngoài ra, hằng năm trong ba tháng hè, còn dùng trường này để tu nghiệp giáo viên từ các nơi gửi về. Nghiệp vụ này cũng do Trường Sư Phạm đảm trách.

Tóm lại, Trường thu nhận học sinh cấp 1 và giảng dạy chương trình Tiểu học, nhưng mục đích chính là dành cho giáo sinh thực tập và luyện tay nghề. Giờ thực tập của mỗi Giáo sinh, có Thầy dạy ở Trường Sư Phạm đến hướng dẫn và chấm điểm, có Giáo viên phụ trách lớp dự khán phê bình, có các Giáo sinh cùng lớp dự thính để học hỏi. Vì vậy, cũng có thể coi là trường Cao đẳng, đào tạo thầy giáo ngạch Giáo Học Bổ Túc.

THAY LỜI KẾT

Năm 1962, Trường Sư Phạm đến với Qui Nhơn thắm duyên tình nghĩa. Qui Nhơn phát triển nhanh chóng nhờ có Trường Sư Phạm, ngôi trường duy nhất đào tạo Giáo Học Bổ Túc của Miền Trung (thời bấy giờ), thành lập với kinh phí khổng lồ và kiến trúc hiện đại. Trường lại thu nhận Giáo sinh từ tỉnh Quảng Trị đến Phan Thiết, nên được cả Miền Trung chú ý đến, vì hằng năm con em họ, về đây ứng thí vào ngành Sư Phạm. Lại nữa, Giáo sinh có dịp biết nhiều đến một vùng “đất lành chim đậu” qua hai năm học. Cũng không ít Giáo sinh khác tỉnh đã tính chuyện vàng đá với người địa phương và lập nghiệp tại Qui Nhơn.

Ngược lại, Trường Sư Phạm cũng được vinh hạnh tọa lạc trên Miền Đất Võ Tây Sơn Tam Kiệt [13], vùng đất địa linh nhân kiệt. Chính nơi bờ biển Qui Nhơn, Trần Khắc Chung giải cứu Huyền Trân Công Chúa, thoát cuộc hỏa đàn. Đầm Thị Nại còn để lại trang quân sử những trận hải chiến trời long đất lở giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh. Một Vùng Đất có Chú Lía [14], chọc trời khuấy nước, một Á Vương, đúng hơn là một “Tù Hải” của phủ Qui Nhơn. Một Vùng Đất có Mai Nguyên Soái [15] hào hùng, lãnh tụ Cẩn Vương của Bình Định. Một Vùng Đất có Danh Nhân Văn Hóa Đào Tấn [16] là một Nhà thơ, Nhà lý luận sân khấu, Nhà viết tuồng lỗi lạc. Chưa hết, nơi đây, còn có “Bàn Thành Tứ Hữu”, bốn nhà thơ nổi tiếng [17] của tiền bán thế kỷ 20.

Và trên hết, phủ Qui Nhơn có Thành Hoàng Đế oai hùng, một thời vang bóng. Vùng Đất sản sinh ra những tướng lãnh Tây Sơn kỳ tài [18], với đạo quân thần tốc, đánh Nam dẹp Bắc, thống nhất đất nước (1786), tiêu diệt 2 vạn quân Xiêm (1784) và 20 vạn quân Thanh (1789) trong một thời gian ngắn kỷ lục.



H 8: Trường Sư Phạm Qui Nhơn, chụp từ cổng vào (1967- 1968).

Ảnh trong Đặc San Sư Phạm Qui Nhơn, 2009.

San Jose, ngày 15- 7- 2011.

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

[1] Trần Đình Thái; *Ai Có Về Qui Nhơn (Sài Gòn, Tủ Sách Đẹp Quê Hương* xuất bản, 1973); trang 55.

[2] Đoàn Thêm; *Hai Mươi Năm Qua, Việc Từng Ngày (1945- 1964)*, tái bản ở Hải Ngoại; trang 321.

[3] Trần Đình Thái; *Ai Có Về Qui Nhơn*; trang 55.

[4] Trần Vũ Mỹ Trân; *Đôi Nét về Trường Sư Phạm Qui Nhơn*; “*Đặc San Sư Phạm Qui Nhơn*”, 2009, trang 370 và 371: *Kinh phí xây cất Trường Sư Phạm Qui Nhơn là 19.389.199 đồng Việt Nam.*

[5, 6, 7, 8] Trần Đình Thái, sách đã dẫn, từ trang 55 đến 57.

[9] Đặng Văn Bồn; *Nhìn Về Một Khung Trời*; “*Đặc San Sư Phạm Qui Nhơn*”, 2009; trang 5- 10.

[10, 11] Đặng Văn Bồn *sưu tập; Cơ Cấu Trường Sư Phạm Qui Nhơn; “Đặc San Sư Phạm Qui Nhơn*”, 2008; trang 14- 16. Và Nguyễn N. Nghĩa, *cựu Giáo sinh SPQN, khóa 6; email RBC4Career@aol.com (Wed, July 13, 2011, 11:33:49 PM);* trang 1.

[12] Trần Vũ Mỹ Trân, *Đôi Nét về Trường Sư Phạm Qui Nhơn*, trang 374, chép: “...do Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu tặng một triệu đồng khi đến thăm Qui Nhơn...”. Trần Đình Thái, *Ai Có Về Qui Nhơn*, trang 57, ghi là “... kinh phí nửa triệu đồng do Ông Phan Khắc Sửu, lúc đó là Quốc Trưởng

VNCH, tặng.”

[13] Tây Sơn Tam Kiệt: Nguyễn Nhạc (?- 1793), Nguyễn Huệ (1753-1792), Nguyễn Lữ (?- 1788), người ấp Kiên Mỹ, xã Bình Thành; nay thuộc thị trấn Phú Phong.

[14] Chú Lúa, tên là Võ Văn Doan, sống vào thời Chúa Nguyễn, người huyện Phù Ly, nay là Phù Mỹ. Một tướng cướp có lương tâm, lấy của nhà giàu, chia làm ba phần đều nhau: phần để lại cho khổ chủ, phần đem về sơn trại, phần còn lại phân phát cho dân nghèo.

[15] Mai Nguyên Soái, tức Mai Xuân Thường (1860- 1887), người thôn Phú Lạc, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn.

[16] Đào Tấn (1845- 1907), người thôn Vinh Thạnh, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước. Nói đến nhân tài của tỉnh nhà, người đời thường nhắc: “Bình Định có hai ông vua: Quang Trung vua võ, Đào Tấn vua văn”.

[17] Bàn Thành Tứ Hũu: Chế Lan Viên (1920- 1989), Hàn Mặc Tử (1912- 1940), Quách Tấn (1910- 1992), Yến Lan (1916- 1998).

[18] Các tướng Tây Sơn người Bình Định, tiêu biểu có: Đô Đốc Đặng Văn Long, tự là Tử Vân, người huyện Tuy Viễn, phủ Quy Nhơn, nay là tỉnh Bình Định. Nguyễn Văn Dũng (?- 1835), người xã Bình Phú, quận Bình Khê; nay là xã Tây Phú, huyện Tây Sơn. Trần Quang Diệu (?- 1802), người xã Ân Tín, huyện Hoài Ân. Bùi Thị Xuân (?- 1802), người thôn Xuân Hòa, xã Bình Phú, nay là xã Tây Xuân, huyện Bình Khê.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ĐOÀN THÊM; Hai Mươi Năm Qua, Việc từng ngày (1945- 1964); tái bản tại Hải ngoại, không ghi rõ sơ xuất bản.

- NHIỀU TÁC GIẢ; Đặc San Trường Sư Phạm Quy Nhơn; xuất bản tại Nam California, do Hội Ái Hữu Sư Phạm Quy Nhơn California – Hoa Kỳ thực hiện, 2009.

- TRẦN ĐÌNH THÁI; Ai Có Về Quy Nhơn; Sài Gòn, Tủ Sách Đẹp Quê Hương xuất bản, 1973.

- PHÒNG VẤN QUA ĐIỆN THOẠI:

Ngày 17- 5- 2011, phỏng vấn bà Nguyễn N. Nghĩa, cựu SPQN khóa 6, nay là Chủ tịch Hội Ái Hữu Trường Sư Phạm Quy Nhơn, hiện ở Huntington Beach, Nam CA.

Ngày 22- 5- 2011, phỏng vấn ông Tạ Chí Thân, cựu Học sinh Trường Sư Phạm Thực Hành, hiện ở Chatsworth, Nam CA.

Ngày 9- 7- 2011, phỏng vấn ông Nguyễn Cẩm Khoáng, Hiệu trưởng Trường Tiểu Học Nguyễn Công Trứ Quy Nhơn (gần Trường Sư Phạm), hiện ở Irvine, Nam California.

Ngày 10- 7- 2011, phỏng vấn Tạ Chương Ánh, khóa 1 Sư Phạm Quy Nhơn, dạy Trường Sư Phạm Thực Hành và sau chuyển ngạch giữ chức Phụ tá Giám học Trường Trung Học Tỉnh Hạc Tuy Phước, hiện ở Fontana, Nam California.

Thơ về ảnh xưa ảnh nay

Ngắm ảnh ngày xưa thấy trẻ queo (1)
 Ba mươi năm lẻ thoát bay vèo
 Trẻ con đều lớn, đầu luôn ngẩng
 Bè bạn cùng già, mắt cứ nheo
 Lên cụ không đành, chân vẫn nhẩy
 Về hưu chẳng nở, bút chưa treo
 Tà tà Chủ nhật còn ra phố
 Ngồi quán, mua hàng, chuyện dề dẹo (2)

Thiên Tâm

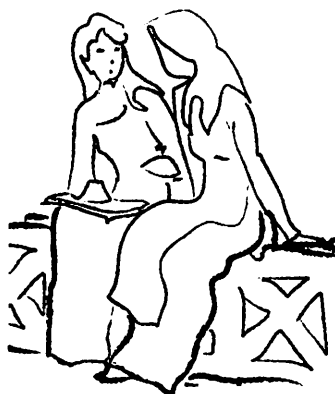
9-12-2011

(1) Trẻ queo là tiếng đặc thù của miền Nam có nghĩa trẻ măng, trẻ bần, trẻ trung.

(2) Dề dẹo là tiếng đặc thù của miền Nam có nghĩa nói không ngớt một cách vui vẻ.

Lời thơ tình trẻ muộn

(Viết theo tâm sự của ai đó)



Ngày xưa chung lớp chung trường
 Thấy em má đỏ môi hồng ... anh si
 Mỗi lần ngắm dáng em đi
 Nghe như trời đất mê ly bàng hoàng !
 Tháng Tư năm ấy phũ phàng
 Duyên ta phứt chốc lỡ làng nước mây !
 Em thời trời dạt trời Tây
 Còn anh đất Mỹ lạc bảy thờ than
 Thương em một kiếp hồng nhan
 Tri âm vắng vẻ canh tàn tha hương
 Đêm dài sóng vỗ trùng dương
 Bao nhiêu năm vẫn yêu thương dạt dào !
 Mây xanh bay tận trời cao
 Vườn cam chín đỏ ngọt ngào đợi mong
 Xuân nẩy khấn nguyện hết lòng
 Sao cho gặp lại bóng hồng năm xưa ...

Thiên Tâm

6-8-2011

Nỗi buồn quê hương

Nửa đêm nhìn ánh trăng mờ
Một đời phiêu bạt tôi chờ đón em
Đêm đi để lại trăng rằm
Trong mơ để lại êm đềm giấc xuân
Phát chăng trời chẳng cho gần
Tôi về tìm lại từ phần xa xưa
Từ phần lây lất trong mưa
Tôi qua phố thị buồn trưa trưa buồn
Tôi đi từ biển lên nguồn
Mang trong tâm khảm nỗi buồn quê hương

Lê Nguyễn

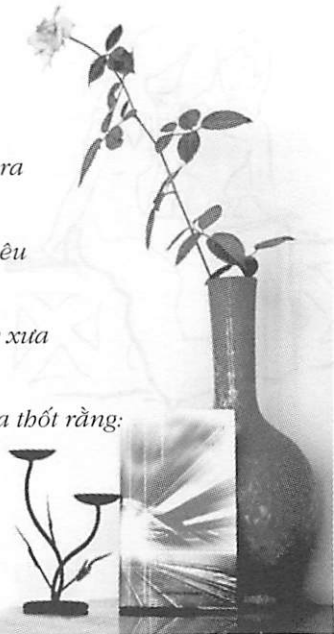
(Tháng 12/2011)

Tìm Em

Anh về Tam Quan tìm em
Anh đi dưới bóng dừa tìm không ra
Vườn A Sầu nở đầy hoa
Nhớ khi mới gặp quen mà chưa yêu
Đêm Gia Hựu trăng sáng nhiều
Mà anh cứ ngỡ Nắng Chiều ngày xưa
Tìm em sớm nắng chiều mưa
Loanh quanh không gặp nên thưa thốt rằng:
“Giã từ nghe nhé Tam Quan
Anh về trở lại Houston anh tìm”

Lê Nguyễn

(Tháng 5/2011)



*Cảm tưởng
về Hàn Mặc Tử:*

Bệnh và thơ

BS. TRẦN ĐÌNH ĐỆ



*S*hật là một ngạc nhiên cảm động khi đồng nghiệp Lê Văn Lân ngỡ ý muốn tôi viết vài lời cảm tưởng về tập “Hàn Mặc Tử: Bệnh và Thơ”

Vốn là một y sĩ tâm thường, mộc mạc, quá trực tính, hay làm mất lòng nhiều người, không biết nói hay, không biết viết văn, nhưng thâm tâm tôi rất quý trọng những thiên tài về văn thơ, âm nhạc, hội họa, v.v..., bởi tôi nghĩ rằng tài ấy chỉ có phước lớn mới được trời cho hưởng, và họ phải trải qua rất nhiều cố gắng, chịu đựng, chuyên cần mới tạo ra những tác phẩm tuyệt vời tô thắm cuộc đời nhiều đau khổ của thế gian. Nhà xuất bản “Quê Mẹ” có nói: “Hàn Mặc Tử là một thiên tài bất hạnh”. Tuy nhiên chúng ta hằng tự an ủi rằng lúc sinh thời anh đã viết xuống được những lời thơ nồng nàn say đắm đầy hương vị của nhạc, hoa, hoa, trăng, gió, và trong những năm bị cơn bệnh ngặt nghèo hành hạ thì anh có thể kể hết niềm đau đớn với Đấng Chí Tôn, và đem tài năng ra ca ngợi những biển ảo phi thường của Hoá Công, và lìa đời khi vừa tròn 28 tuổi, thân xác gởi vào ngọn đồi nhỏ ở thắng cảnh Gành Ráng, Qui Nhơn, thì sau đó biết bao nhiêu thi sĩ tài ba, văn nhân nổi tiếng đã trang trọng viết nhiều lời trang trọng ngọt ngào đầy xúc cảm. Và nay anh Lê Văn Lân đem tâm hồn y-sĩ của anh pha vào tâm hồn văn thơ của anh tìm cách trình bày mối liên hệ mật thiết giữa những trạng thái của chứng bệnh nan y và những vần thơ lạ lùng bí hiểm đầy thu hút đam mê của Hàn Mặc Tử. Anh Lê Văn Lân tìm những tài liệu y khoa, những hồ sơ bệnh lý, anh công phu góp nhặt trong thơ Hàn Mặc Tử những chữ gợi nhớ đến hình ảnh đau đớn của một người bị bệnh hành, những động từ khiến ta liên tưởng đến một bệnh nhân can đảm phi thường, dù đau đớn tận cùng mà cũng thốt ra những lời thơ tuyệt diệu, không vì bệnh tật mà thiếu rèn dũa tài năng. Nhiều người trong chúng ta biết rằng anh Lê Văn Lân là một y-sĩ lành nghề, mà cũng là một nhà văn nghiêm chỉnh.

Anh viết nhiều bài văn khá thú vị:

“Tuyệt thú ăn mắm đồng của miền Nam nước Việt”, “Cảm nghĩ về một bức thư tình”, “Thủy sản của quê hương miền Nam Việt Nam” v.v... và anh cũng có nhiều bài thơ hay hay, phần nhiều là để tỏ lòng ngưỡng mộ người vợ tào khang. Bởi quê anh ở Bát Tràng, Bắc Ninh, nên câu hò:

*“Anh về gánh gạch Bát Tràng,
Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân”*

hẳn có nhiều ảnh hưởng cho anh.

Lần này anh viết về *“Hàn Mặc Tử: Bệnh và Thơ”* thì anh nhớ nhiều tới những người yêu thơ Hàn Mặc Tử, muốn giúp hiểu thêm về bệnh lý Hàn Mặc Tử, hồng thán phức thêm nhà thơ lớn đã khắc phục được phần đau đớn thể xác che dấu nỗi cô đơn muôn thuở mà nhẹ nhàng đưa chúng ta theo mấy vần thơ lạ bay lên Trăng, lên Sao, lượn cùng Mây, Gió, và biết đâu nhờ hiểu thêm như vậy, ta lại được thêm ánh sáng Đức Tin.

*“...Trời hôm nay bình an như nguyệt bạch,
Đường trăng xa, ánh sáng tuyệt vời bay..,
Đây là hương quý-trọng thấm trong mây
Ngời phép lạ của đức tin kiều diễm.
Câu tàn tạ, không khen long cả phiếm:
Bút Xuân Thu mùa nhạc đến vừa khi
Khắp mười phương điểm lạ trở hoài nghi:
Cây bằng gấm, và lòng sông bằng ngọc:
Và đầu hôm một vì sao liền mọc
Ở phương Nam mẫu nhiệm biết ngần mô!”*

Cảm ơn anh Lê Văn Lân đem niềm hi vọng là Thiên Tài vẫn là Thiên Tài.

*“ Ta hiểu chi trong áng gió nhiệm mầu
Những hạt lệ của trích- tiên đầy đoạ.”*

TRẦN ĐÌNH ĐỆ

Núi Thơm và những ngày tôi luyện



Nguyễn Ngọc An

*Anh hùng tên vẫn còn đây!
Tai nghe trống trận những ngày chiến chinh.
Kiếm cung nung chí anh hùng,
Bắc Nam rung chuyển theo từng bước chân.*

Chiều nay, võ sư Đinh Văn Nhung dùng cơm sớm, ông ăn mặc chỉnh tề trong bộ quốc phục màu xanh, nổi bật trên mặt vải hình những con công đang khoe bộ lông sặc sỡ. Đây là bộ quốc phục võ sư thường mặc để dự các buổi tiệc long trọng tại kinh thành Thăng Long trước đây. Chiếc khăn đóng cũng màu xanh, giữ mái tóc ngược về phía sau, để lộ vầng trán cao và rộng, vì vậy trông võ sư rất phương phi, tuấn tú.

Trời gần chạng vạng tối, võ sư bước ra sân trước. Con ngựa ô của ông được một môn sinh dẫn ra, với đầy đủ yên cương cho hai người. Nguyễn Huệ đã chờ sẵn ở đó, cúi đầu chào võ sư một cách kính cẩn. Võ sư bước lên ngựa, Nguyễn Huệ ngồi sau.

Hôm nay võ sư xuống nhà phú hộ Sang gần chợ Gò Chàm để mượn con ngựa cho Nguyễn Huệ luyện tập. Võ sư đã quen biết phú hộ nhiều năm trước, từ lúc ông mở trường dạy võ và đã dạy cho con trai phú hộ. Hai người thường lui tới thăm viếng nhau nên họ trở thành đôi bạn thân thiết. Nhà phú hộ có ba con ngựa: con ngựa màu khôi nay đã lớn tuổi, đi chậm chạp, dùng để đi quanh quán trong làng, con ngựa ô thì quá mập, chậm chạp nên phú hộ cỡi nó đi thăm viếng bạn bè trong làng, ngoài huyện. Mới đây ông mua thêm con

bạch mã rất đắt tiền. Ông thường khoe với bạn bè, đây là một con chiến mã. Con bạch mã còn trẻ, thân hình rất nở nang, gọn gàng, chân dài và vóc dáng to, cao. Ngựa có thể phi nước đại từ đằm Thị Nại về chợ Gò Chàm không cần nghỉ ngơi, khi ông mua nó cỡi về nhà. Tuy nhiên nó cũng thường trở chứng, từng ném chủ cũ xuống đất mấy lần, và đá con ông chủ gãy xương đùi, vì vậy nó mới về tay phú hộ. Phú hộ là người sành ngựa, nhưng ông cũng ngại con bạch mã, nên ít khi cỡi nó.

Hai thầy trò vừa đến cổng nhà phú hộ, con bạch mã trong chuồng đã hí vang khi thấy ngựa lạ đến. Nó đi lui tới trong chuồng, cố tìm đường thoát ra ngoài. Phú hộ gấp quyển sách đang đọc dở xuống bàn, đứng dậy chào khách. Hai người chuyện trò rất tương đắc. Võ sư vào đề ngay mục đích ông xuống đây. Phú hộ vui vẻ gạt đầu, hai tay sửa lại chiếc khăn đóng bị lệch:

- Võ sư mượn con ngựa nào? Ngựa chiến thì đã có con bạch mã, nhàn tản có con ngựa ô, đi vật, con ngựa xám.

- Thưa ngài phú hộ, tôi cần con ngựa chiến để luyện tập môn sinh này.

Phú hộ nhìn Nguyễn Huệ. Ông chú ý đến thiếu niên này. Con người ấy toát lên nét cao quý của bậc đế vương mà ông cảm nhận được. Võ sư biết ý của phú hộ, tiếp lời:

- Đây là thiếu niên, đức tỏa sáng như vầng nhật nguyệt, tài lấp được biển Đông, người mà tôi hằng ấp ủ và kỳ vọng đó ngài!

Phú hộ gạt đầu, rồi yên lặng. Ông thoáng nghĩ đến đứa con gái xinh đẹp của mình cũng vừa đến tuổi cập kê, rồi thôi...

Gia nhân đã dọn cơm xong trên chiếc phản gỗ ở tây phòng, hai tay chấp lại, kính cẩn mời phú hộ. Ba người ngồi dùng cơm. Hôm nay phú hộ vui lắm, vì được tiếp đón thượng khách, và biết đâu một ngày kia con gái ông... Ở nhà dưới, tiếng người con gái bảo gia nhân tiếp thêm thức ăn cho khách.

Sau bữa cơm, trăng mười sáu đã lên cao, phú hộ bảo gia nhân đưa con bạch mã ra cổng trước với đầy đủ bộ yên cương quý giá của ông. Nguyễn Huệ cúi đầu chào tạm biệt rồi ôm chầm lấy đầu con ngựa áp sát vào lòng, tay vỗ nhẹ cổ nó. Con vật đứng yên để được môn trôn.

Hai thầy trò lên ngựa. Phú hộ nhìn theo. Hai thầy trò khuất dần ở cuối cánh đồng trước nhà.

Sáng hôm sau, Nguyễn Huệ thức dậy sớm, cho con bạch mã ăn uống đầy đủ và chuẩn bị yên cương. Bài học hôm nay là cỡi ngựa vượt qua mọi địa hình. Nguyễn Huệ đã cỡi ngựa nhiều lần, từ lúc lên

Tây Sơn Thượng cùng anh mua trâu, chàng mượn ngựa người Thượng chở trâu về Kiên Mỹ, khi nước sông Côn lên cao, chảy mạnh như thác lũ vào mùa bão lụt, thuyền không thể vượt qua. Ngựa người Thượng tuy nhỏ, nhưng rất dẻo dai khi đi đường núi với nhiều đèo, dốc.

Võ sư tay cầm kiếm, miệng hét to, đồng dạt ra lệnh. Nguyễn Huệ căng cương ngựa, chạy quanh núi An Chánh, vượt qua bao nhiêu đồi dốc cao, những bờ đá gập ghềnh, những khe núi cạn nước vào mùa khô, tay phải cầm thanh kiếm như trong tư thế chiến đấu thực sự. Võ sư chạy trước, cố siết cương cho ngựa phóng thật nhanh, nhưng khi quay lại, Nguyễn Huệ chỉ cách đằng sau trong gang tấc. Khi võ sư chạy sau, phứt chốc con bạch mã đã mất hút trong rừng cây, để lại sau lưng những đám bụi mù.

Ngày kế tiếp, võ sư dạy môn côn trên ngựa. Nguyễn Huệ đã hiểu nó nhuần nhuyễn cả về võ lý và áp dụng một cách tài tình trên sàn đấu, không ai có thể chống cự nổi. Võ sư quần thảo Nguyễn Huệ trên một vùng núi, lúc tiến, lúc lùi, lúc trái, lúc phải. Tiếng hai cây côn va chạm vào nhau, tiếng la hét của hai thầy trò khi ra đòn, tiếng hí của hai con ngựa, làm khuấy động một khoảng không gian rộng lớn. Bất ngờ, võ sư làm kẻ chiến bại, cho ngựa phóng nhanh về phía sau, Nguyễn Huệ thúc ngựa đuổi theo, bất ngờ võ sư cho ngựa quay đầu, Nguyễn Huệ lơi cương rồi rẽ phải. Khi ngựa võ sư chạy qua trước mặt, Nguyễn Huệ ghì chặt hai chân vào mình ngựa, hai tay cầm côn, đập nhẹ vào mông con ngựa của võ sư. Con vật đá cao hai chân hậu rồi phóng tới trước nhanh như tên bắn. Nguyễn Huệ hét to, cho ngựa đuổi theo. Võ sư thúc ngựa phóng qua vách đá cao, hai tay cầm côn chờ sẵn. Nguyễn Huệ lan roi, tạo thành bức tường thép để bảo vệ người và ngựa, rồi phóng lên, đứng bên cạnh võ sư. Hai thầy trò cười to vang cả núi rừng.

Ngày Nguyễn Huệ tập bắn cung thật đáng ghi nhớ! Cây cung thật nặng, dây cung rất căng, Nguyễn Huệ lấy hết sức để kéo dây cung. Võ sư giảng giải thật kỹ cho môn này và Nguyễn Huệ đã ghi nhớ nằm lòng. Nguyễn Huệ áp mạnh hai chân vào mình ngựa, thân hơi ngã về sau để lấy đà. Người bắn cung giỏi phải biết biến mục tiêu động thành tĩnh. Khi đã lên cung, siết cương ngựa, cho ngựa chạy thật nhanh để thu ngắn khoảng cách với địch rồi bắn ngay, trước khi lấy kiếm làm thành bức tường thép bảo vệ mình. Nguyễn Huệ phi ngựa, giương cung bắn con chim đang đậu trên cành cây cao, con chim trúng tên rơi xuống, vướng vào cành cây. Với mũi tên thứ hai, con chim rơi xuống đất. Võ sư khâm phụ tài bắn cung của Nguyễn Huệ, nhưng ông không đắc ý mấy, bởi lẽ tầm bắn trong chiến đấu không phải là mục tiêu trên cao, mà là kẻ địch trước mặt, ngang tầm với người cỡi ngựa. Võ sư cỡi ngựa đi trước, bắn tên găm vào những

thân cây, Nguyễn Huệ chạy theo sau, bấn vào những mũi tên ấy. Hai mũi tên, một của thầy, một của trò đều trúng vào một tiêu điểm. Võ sư không còn lời nào đủ để khen ngợi môn sinh của mình.

Núi An Chánh và những xóm làng hẻo lánh quanh nó lâu nay vắng vẻ, im lìm, với những người dân cùng khổ, quanh năm suốt tháng sống bằng nghề làm lâm rưng, rẫy hay ruộng đồng. Những ngày gần đây, người ta thấy có hai người, một già, một trẻ, hằng ngày cỡi ngựa lên núi. Họ đoán, đây là những người giàu có đến săn bắn thú rừng, nhưng sau đó, họ mới hiểu ra võ sư Đình Văn Nhung dạy võ cho đệ tử Nguyễn Huệ. Từ ngày ấy xóm làng bỗng vui hẳn lên.

Núi An Chánh nằm ở tả ngạn sông Côn. Đây là ngọn núi thấp, sườn núi thoải thoải, nhưng nó cũng có những bờ đá cao, sườn dốc rất khó đi qua. Những con đường mòn lên rẫy rộng chỉ đủ cho một người đi, lách mình qua những đám lau sậy, cây cối um tùm, uốn lượn theo địa hình để tránh những tảng đá lớn hay những cây to. Trên sườn đồi, dân địa phương khai hoang những mảnh đất nhỏ để làm rẫy trồng hoa màu, phụ ăn trong những năm mất mùa đói kém. Giữa rẫy còn lại vài cây to làm chòi canh trên cao để xua đuổi heo rừng. Quanh rẫy, người ta dựng hàng rào gai chắc chắn. Cổng có hai tấm líp gai đóng kín lối vào, vậy mà heo rừng thường ủi sập hàng rào để xông vào rẫy phá hoại hoa màu. Nóc chòi tranh được lợp bằng vài tấm tranh sắn. Sàn chòi được lót bằng những thân cây nhỏ làm nơi ăn nghỉ. Mấy cái mõ được treo lủng lẳng quanh chòi. Vài cây đuốc được gác trên cành cây và một đồng đá cỡ bằng nắm tay được chất trên sàn. Khi heo rừng vào phá hoa màu, người ta đánh mõ, đốt đuốc để xua đuổi, nhưng heo đói rất lì lợm, không sợ một ai, nó còn phá mì ở ngay dưới chân chòi canh. Những hòn đá ném trúng heo con, chúng kêu chí chọi, lúc ấy heo mẹ học to để trấn an các con. Dưới chòi canh, đồng lửa cháy âm ỉ suốt ngày đêm.

Năm ngoái lũ lụt, năm nay trời lại nắng hạn, mất mùa nên người dân chăm chút rẫy để vượt qua cơn đói kém. Hằng ngày họ đến đây chăm sóc từng gốc mì, từng dây bầu, trái bí. Cuộc sống của họ là những chuỗi ngày tăm tối của ngàn năm trước. Ngàn năm sau, cuộc sống của con người cũng như thế nếu còn bọn tham quan ô lại hoành hành. Ban ngày, tiếng trống, mõ thúc giục người dân đi nộp sưu thuế, Nhiều người bị còng tay, dẫn về phủ huyện vì không còn gì để nộp. Ban đêm, tiếng mõ và những ngọn đuốc sáng báo động có một vụ trộm cướp đâu đó ở thôn trong.

Những ngày tháng sau, Nguyễn Huệ lên núi tập một mình, ôn những bài đã học. Nguyễn Huệ như đang bay bồng trong gió, trong những làn sóng cây rừng rung động. Tiếng chân ngựa, tiếng gió rít, tiếng vun vút của đường kiếm, cây côn, tiếng xé gió của mũi tên làm cho Nguyễn Huệ suy nghĩ đến những nỗi bất hạnh của người

dân ở đây, ở cùng khắp đất nước, với gông cùm và tiếng rên siết. Chân ngựa sải dài trên những vách đá, Nguyễn Huệ thấy lòng mình mở rộng, như ngọn núi An Chánh này, như con sông Côn kia.

Vài tiếng hú của người làm rẫy gọi nhau xuống núi. Nguyễn Huệ dừng ngựa, chào hỏi mọi người, những con người đen đũi, gầy ốm, rách nát tả tơi. Trong nhiều tháng trời, Nguyễn Huệ đã quần thảo với con bạch mã trên núi một cách say mê trong sự ngưỡng mộ của dân làng.

Một hôm, phú hộ lên thăm võ sư, nhân tiện để xem Nguyễn Huệ luyện tập với con bạch mã. Ông say mê nhìn Nguyễn Huệ khi ra đòn, khi thu côn, khi tránh né, khi phòng thủ, trong khi con bạch mã cũng bị cuốn hút trong cuộc chiến đấu cùng chủ. Võ sư lên tiếng trong tiếng dồn dập của chân con bạch mã, c ùng tiếng la hét của Nguyễn Huệ;

- Kim ,cổ chỉ có một!!!

Trong bữa cơm chiều, phú hộ khen Nguyễn Huệ không tiếc lời:

- Ta chưa thấy ai giỏi như cháu. ta tặng cháu con bạch mã, gọi là chút lòng ngưỡng mộ đối với một thiên tài.

- Thấy trò tôi xin đa tạ phú hộ, võ sư mở lời trong sự cảm động.

Nguyễn Huệ hứa sẽ không làm phụ lòng ân nhân.

Sau mấy tháng đi thăm bạn bè khắp nơi, nay thầy giáo Hiến đã về lại An Thái. Tối hôm đó, võ sư sang thăm. Hai người nói chuyện thâu đêm.

- Côn, kiếm của Nguyễn Huệ thế nào rồi? thầy giáo Hiến hỏi.

- Kim, cổ không ai sánh kịp. Võ sư đáp.

- Vậy nay thời cơ đã đến.T hầy giáo Hiến nói.

- Thầy giáo đã bàn với Nguyễn Nhạc chưa?

- Rồi, tối hôm qua. Tối mai Nguyễn Nhạc hẹn gặp hai em tại cầu Bến Trầu.

Võ sư thấy mình như trẻ lại. Lòng võ sư rộn lên như tiếng chân ngựa phi trong cơn binh lửa thời niên thiếu.

Ngày dựng cờ khởi nghĩa của ba anh em Tây Sơn, người dân địa phương lấy tên của Nguyễn Huệ thời thơ ấu, Thơm, đặt tên cho ngọn núi An Chánh.

Nguyễn Ngọc An

[annnguyenqn@yahoo.com]

Los Angeles 2011



Nước Nhóc

Nguyễn hoài Niệm

Kim-sơn là một làng miền núi thuộc huyện Hoài-an, tỉnh Bình-định. Trước tháng 4/75 chẳng có một người quốc gia nào dám bén chân đến vùng này, họa hoàng một đôi lần có bóng quân đội VNCH đi thoáng qua rồi hút mất.

Đến sau ngày 30/4/75 nơi đây tập trung đủ mặt bá quan văn võ, từ cấp nhỏ nhất là liên gia, ấp trưởng, ấp bộ cho đến trưởng Ty, trưởng Sở các ngành trong tỉnh đều có mặt, trừ Tỉnh Trưởng Quận Trưởng vắng mặt. Người thì mang balô, người thì gánh hai cục gạo sát cây đòn gánh đi theo người đội mũ tai bèo để vào trường nhận lớp học mới gọi là học tập cải tạo. Tôi cũng là học viên trong đoàn này.

Mỗi tuần mỗi tháng đều có học viên mới đưa vào, do đó trường không đủ sức chứa, nên nhà trường mở thêm trường thứ hai gọi là trường Ông Ô, trường Ông Quán. Để bảo vệ học viên, nhà trường cho rào hàng rào xung quanh ba bốn lớp, nào là thép gai, cây vạt nhọn trên đầu, còn cẩn thận hơn nữa bắt đào hào sâu ngoài hàng rào cắm chông nhọn hoắt, chỉ chừa một lối ra vô gọi là cổng gát, có một đội binh thay nhau đứng canh chừng.

Từ Kim-sơn đi lên Cao nguyên có một con đường tự phát đi dọc theo mé núi và dốc cũng khá dài đi mất gần một ngày mới hết dốc. Khi xuống dốc là đồng bằng giáp với một con suối chảy nhập

vào đầu sông Côn. Nơi đây gọi là Nước Nhóc, đất đai rất tốt bụi mì có củ to bằng con heo con, nên người ta lập một trại sản xuất ở đây. Từ Nước Nhóc đi tiếp về hướng Tây cứ theo dốc núi mà leo thì tới làng Dân tộc gọi là làng O- Ba (chữ O không phải số không). Trời đất qui3 thần! không biết đứa nào dạy anh em mà họ gọi học viên chúng tôi là Địch!

Nghỉ chân tạm một chút rồi đi tiếp non nửa ngày thì tới trường Cao cấp tức K18 Khu nầy rừng núi âm u không thấy mặt trời, ngã 3 giáp ranh ba tỉnh Kontum, Quảng Ngãi, và Bình định. Đến nơi, thấy một số học viên đến từ lúc chưa đến ngày 30/4 đã có mặt.

Khi hai tỉnh Bình-định và Quảng-ngãi nhập lại thành một tỉnh gọi là tỉnh Nghĩa-Bình. Ở Quảng Ngãi không có trường cao cấp hay sao mà ngoài ấy chuyển học viên vô trường Kim sơn quá đông. Sĩ số đội lên hơn hai ngàn vì vậy nhà trường phải phân tán đi nơi khác, một số đưa lên Cao nguyên Gia-trung, một số đưa đi Nước Nhóc, còn số ít đưa đi An trường.

Nói về mấy bà vợ của mấy ông học viên, ở nhà đồ càng nóng gọng không biết chồng mình học hành thế nào? Thi tốt nghiệp không đậu hay sao mà đã ba bốn tháng không thấy về. Lúc ra đi nghe nói chỉ đem theo gạo ăn có hai tuần lễ, ở lâu vậy lấy gì mà ăn? Càng chờ càng tấm hơi, hồi ra mới biết là học tập chưa "tốt" nên phải ở lại chùng nào "tốt" mới được về.

Mấy bà mới rủ nhau tìm đường đi thăm , đồng thời chuẩn bị đồ ăn tiếp tế, nào là bánh trắng, bột đường, mắm ruốt kho khô. Chờ đến ngày cuối tháng mới được phép thăm, vì vậy họ cùng đi một lúc thành một đoàn đông, người thì đi bộ từ Cầu Vọi Bồng sơn đến Kim sơn hơn 30 km, người thì thuê xe thổ chở nhưng đến con sông ngã hai xe không qua được, nên phải lội bộ một đoạn khoản 4 km mới đến nơi.

Đứng trước cổng trường mấy bà mới bật ngửa hơi oi! Ôm mặt khóc, thấy người đi qua lại trong vòng rào như người ở hành tinh khác. Người gát cổng cầm súng quát tháo. Các bà "nằm" (làm) gì đến đây đông thế? Dạ, chúng tôi đến đây xin gặp thăm chồng.

Bà tên gì? Dạ tôi tên Nguyễn thị Đẹt.

Chồng tên gì? Dạ tên Hồ Địch.

Bà nầy láo, Hồ nào Địch. Bà giám xét xược gọi Bác Hồ là Địch. Lại đằng kia ngồi.

Trời đất ơi! Tên chồng tôi do cha mẹ đặt chứ tôi mới đặt đâu mà nói xét xược Bác Hồ?

Bà tên gì ? Dạ, tôi tên Trần thị Hoàn.

Chồng tên gì? Dạ, tên ông là Phạm Luật, cũng là xất xược.

Địa chỉ ở đâu? Dạ ở xã Mỹ thắng, huyện Phù mỹ, tỉnh Bình định.

Này, này, tôi nói cho bà biết, ai nói bà là Mỹ thắng, Mỹ thua Mỹ cút rồi. Từ nay không được dùng chữ Mỹ thắng nữa nghe chưa? Phải đổi thành Mỹ thua hiểu chưa.? Nếu còn dùng chữ Mỹ thắng là bỏ tù rõ.

Khi được gặp mặt chồng bà vợ kể hết tự sự và bảo từ nay họ đã đổi chữ Mỹ thắng rồi, ông chồng tin ngum ngum, nên các giấy tờ tự khai đều ghi xã Mỹ thua.

Còn chị này tên gì, nói mau kéo hết giờ. Dạ, tên Đỗ thị Lạc.

Chồng tên gì? Dạ, tên Trần Thám.

Làm nghề gì? Dạ làm nghề hớt tóc. Nghề hớt tóc làm gì có ở đây? Còn làm gì nữa khác không? Dạ ảnh XDNT chỉ hớt tóc chứ không có cầm súng ống gì hết.

À, Tên này mới là quan trọng. Đi lấy tin tức của ta, bằng cách giả vờ hớt tóc, để dò hỏi trẻ em, những người già cả nhẹ dạ, lấy tin về báo cáo. Cái tội này gấp mấy lần cầm súng.

Còn chị tên gì? Dạ, Em tên Nguyễn thị Xuôi.

Chồng tên gì? Dạ, Nguyễn đức Cận. À, tên Cận đúng là người cận thị chứ gì? Dạ đúng rồi.

Anh ta đưa đi Nước Nhóc rồi.

Chị Nguyễn thị Xuôi lãng ùng ra khóc nức nở, kêu trời hời trời

Chồng tôi chỉ là Ấp bộ mà sao đưa ra ngoại quốc học, chữ nghĩa mù mờ ra ngoại quốc biết làm sao đây? Mà Nước Nhóc ở Á châu, Âu châu, Mỹ châu, Phi châu? Lâu nay đâu có nghe nói đến tên của nước này ?

Tội nghiệp cho chị Xuôi lúc ấy, rồi sau ba năm 2 tháng được gặp lại chồng. Và nay chị Xuôi hết xuôi mà gặp may đã định cư tại Hoa Kỳ.

Còn anh Phạm Luật thì sao? Anh cả tin những gì Nó nói, thành thử cái giấy ra trại của anh ghi địa chỉ xã Mỹ thua, còn giấy khai sanh rành rành là xã Mỹ thắng, nên anh đành ở lại làm công dân hạng 2 XHCN, mặc dù anh đã trải qua 2 móc mỗi móc ba năm bóc lịch./.

Nguyễn hoài Niệm

Đông 2011

Bình Định quê tôi

Lâu lắm rồi! Chưa về thăm Bình Định
Đời ly hương thăm thẳm vạn trùng dương.
Ôm kỷ niệm, chắc chiu niềm thương nhớ
Ôi bờ tre, mái rạ, những con đường...

Bao ngày tháng sáng chiều đi qua đó,
Sách vở học trò phảng phất mùi hương.
Tăng Bạt Hổ, Ngô Chi Lan, Cường Để...
Em và tôi cùng các bạn đến trường.

Trang sử sáng ngời Quang Trung Đại Đế
Bùi Thị Xuân nữ tướng rạng danh vang.
Chế Lan Viên, Yến Lan, Hàn Mặc Tử
Sánh vai cùng Quách Tấn bút nghiên vàng.

Nghĩa Cần Vương, anh hùng Mai Xuân Thưởng
Duy Từ, Đào Tấn rực ngọn hải đăng.
Đỗ Bàn, Thập Tháp, Trường Thi Văn Võ
Gái An Vinh, trai An Thái ai'đàng.

Biển Qui Nhơn, đừa Tam Quan rợp mái
Chùa Linh Phong chuông vọng, Tháp Cảnh Liên,
Dòng Sông Côn mưa nguồn tuôn thác đổ
Núi Ông Bình, Ông Nhạc khí hùng thiêng.

Mũi Ân Phương Mai yến sào đặc sản,
Chim mía Phú Phong, An Thái song thăng,
Chình Trà Ổ ngon khúc sông Châu Trúc
Bánh ít lá gai, nón ngựa Gò Găng...

Chuyện dài lắm, tạm dừng đây, Bạn nhé
Thời vàng son, trang sử mãi còn ghi.
Dù xa cách, mang theo Hồn Quê Cũ
Lệ đầm buồn, kẻ ở nhớ người đi.

California, thu 2011
Đêm buồn viễn xứ
BẠCH TÂM



Một ngày gia lễ



Trúc Nhi

Mấy năm trước đây, chúng tôi có dịp về thăm quê hương sau hơn ba mươi năm xa xứ. Cảnh cũ người xưa không còn như mình mong ước. Chúng tôi chủ tâm về thăm phần mộ ông bà. Nơi đây cây hoang cỏ dại um tùm, che kín nấm mộ và mọc lan tràn ra cả mặt bia. Bỗng vợ tôi lên tiếng: “Sao mộ ông mình có những hai tấm bia, cái dựng sát tường mộ và cái xây ở bình phong vậy anh?”. Tôi đáp: “Cái thứ nhất xây từ ngày làm mộ sau đám tang. Cái thứ hai mới được xây sau này, khi ông bà mình được chính phủ Nam triều truy tặng phẩm hàm, nên nhà mình phải lập bia mới để khắc thêm phẩm hàm chức tước mới vào. Đây là một phước lớn, rất vinh dự cho gia đình.”

Nhân nhắc đến chuyện này, lòng tôi bàng hoàng nhớ đến chuyện ngày xưa khi ba tôi và hai ông chú bàn nhau tổ chức cuộc lễ Phần Huỳnh do sắc chiếu nhà vua ban thưởng. Tôi nhớ lại là giữa năm 1932, gia đình tôi có tổ chức một ngày lễ lớn gọi là Phần Huỳnh. Lúc đó tôi lên 9 tuổi, rất háo hức theo dõi mọi sự sắp đặt của gia đình. Mẹ tôi giải thích cho anh em tôi hiểu, “phần” là đốt, “huỳnh” là vàng tức là lễ đốt tờ sắc màu vàng của nhà vua ban xuống để phong tặng phẩm hàm cho người quá cố. Việc phong tặng này là thủ tục truyền thống của nền quân chủ nước ta muốn tưởng thưởng phong tặng phẩm tước cho phụ mẫu hay tổ phụ, tổ mẫu của các quan chức triều đình có phẩm trật cao. Phụ mẫu còn sống gọi là phong tặng. Phụ mẫu đã qua đời gọi là truy tặng. Phẩm tước cao thấp tùy thuộc theo

chức vị cao thấp của người con quan chức, phong tặng nhị đại hay tam đại dựa vào bằng thủ tục của lễ nghi.

Nguyên thuở ấy, chú ruột tôi là cụ Đ.T. Đôn đang giữ chức Bố Chánh sứ ở tỉnh Hà Tĩnh (trung bộ Việt Nam) vừa được chính phủ Nam triều hoán chuyển về làm Bố Chánh ở Bình Định, do chính sách dùng người địa phương về làm việc ở địa phương mình để trấn an sỹ khí trong tỉnh nhà khi thời cuộc cần đến. Lúc đó, đảng cộng sản Đông Dương đang manh nha lan tràn nơi nơi.

Ba tôi và hai ông chú mới bàn nhau chọn ngày tháng để thiết lễ Phần Huỳnh, truy tặng phẩm tước cho Ông Bà. Khu vườn lớn của nhà từ đường được dọn dẹp sửa sang, hàng rào quanh được chữa lại ngay thẳng, cất thêm rạp lớn ngoài sân để đủ chỗ mời quan khách tham dự lễ. Nhà trong, gian thờ chính được lau chùi bóng láng, treo đèn kết hoa, nghi môn, quần bàn đồ xanh lấp lánh kim tuyến ngũ sắc thật rực rỡ. Nhà dưới gồm nhà ngang, nhà cầu, nhà bếp được nới rộng cho đủ chỗ làm việc tiệc tùng. Phía ngoài, xây lò nấu, lò nướng, chuẩn bị cho việc ẩm thực linh đình. Nào heo, nào gà, nào dê, nào ngỗng, trái cây, cau trầu, rau dưa đủ thứ, tất cả chõng chất hiệp lại như một khu chợ nhỏ. Tôi theo dòm ngó từng nơi, lòng rất hào hứng thích thú trước cái quang cảnh mới lạ ấy. Trai bạn giúp việc tề tựu đông đủ, túc trực mỗi ngày. Các nhà bà con nội ngoại xa gần cũng đến hiệp sức lo cho ngày lễ lớn có đông người dự.

Mẹ tôi và chị tôi bận bịu trăm việc, quên cả chúng tôi còn nhỏ. Hai em tôi bé lắm. Riêng tôi có vẻ sai dùng được, nên đã được cha mẹ tôi sắp đặt lãnh việc thay ba tôi đi đến nhà các gia đình bà con lớn để đem giấy mời dự lễ. Thế là một buổi sáng, tôi được xin nghỉ học, ăn mặc chỉnh tề, áo dài cẩm châu đen, quần vải tàu bay trắng, chân mang dày vải, lên nằm gọn trên chiếc võng mai do hai người trai vườn gánh đi đến các nhà bà con ở xa.

Ba tôi dặn dò từng câu thưa hỏi, từng cử chỉ cung cách như người lớn. Nào phải lễ phép, rụt rè, không được táo bạo như lúc chơi với bạn bè; nào đi thưa, về trình v.v... Mẹ tôi cho bồi cơm theo cho hai người khiêng võng, cho tiền qua đò đủ trả cho người và võng, cộng thêm chút uống nước ở các quán bên đường.

Chuyến đi cũng khá xa, vì gia đình các vị đó ở mãi tận miền bắc phủ Tuy Phước và giáp giới phủ An Nhơn, dự định khứ hồi phải hai ngày đường. Tôi còn nhớ một việc xảy ra làm tôi lo sợ, về sau nghĩ đến thật buồn cười. Số là sau khi đi được hơn mười cây số, hai ông bạn gánh võng ghé vào một quán cóc bên đường. Bà lão và cô gái lớn ra đón mời các thứ. Quán hàng của bà có treo nhiều nải chuối, bánh ú, bánh gói v.v... Trong thùng gương có bánh in, bánh cốm; trên mặt quả đàn có bánh bèo chén, bánh bò lỏ, khoai lang luộc v.v...Bụng

đói, chân chồn, hai người cầm lòng không đậu bèn ngồi vào bàn ăn uống no nê và dùng cạn ngay chút tiền đem theo. Lúc rời quán ra đi, gặp liền bến sông phải qua đò... Hai ông xem lại thì thấy thiếu tiền cho hai chuyến đi và về. Làm sao đây, hai ông quay lại dọa tôi:

“Chuyến này anh Bé phải lội nước qua sông với tụi tôi rồi. Hết tiền trả đò, mình phải lội nước tới ngực, anh Bé ơi!” Tôi nghe họ nói, rụng rời. Tôi vốn rất sợ nước, sông lại sâu, vừa gió vừa lạnh, lại thêm sợ dính ướt bộ đồ vía của tôi! Cũng may, họ chỉ nói dọa tôi thôi, thực ra họ biết dòng sông không sâu lắm, họ cũng cố áo quần, giở cao đòn vông rồi từ từ lần bước xuống bến sông. Tôi vẫn mằm trên vông, mặt nước sông sát bên lưng. Tôi nằm co rúm, không dám nhúc nhích, cử động, bấu vào mai vông. Thật là một thử thách bất ngờ. Qua sông được an toàn rồi, tôi mới hủ vía! Định bụng khi về nhà sẽ mách lại cho mẹ tôi hay tự sự!

Lúc chúng tôi đến làng Lộc Thuận thì trời ngả về chiều. Ngôi làng có lũy tre xanh bao bọc hiện ra với nét đặc biệt của những thôn trang trù phú. Từng dãy hàng rào ngay thẳng, cất xén hay cột nẹp kỹ lưỡng bằng những nuột lạt cất chắc chắn, như để bảo vệ an toàn những ngôi nhà cổ bên trong, có cổng xây, mái lợp ngói. Đưa vào sân trước, thường có một “nhà ngõ” chắc chắn, trông rất chỉnh đốn đàng hoàng... Đứng từ nhà ngõ nhìn ra, cánh đồng lúa xanh rì dợn sóng dịu dàng, trải rộng dài tận chân trời bát ngát; lác đác trên không từng đám mây hồng trời lơ lững với đàn cò trắng bay cao, tất cả vẽ nên một bức tranh thanh bình, êm dịu, không bút nào tả xiết! Giờ đây, hơn nửa thế kỷ trôi qua; còn đâu nữa sự lắng dịu êm ả của buổi chiều tà, nét mộc mạc thân yêu của xóm làng quê yên lặng, trong đó những gia đình hiền hòa chất phác đang xây đắp một nếp sống chất phác hiền hòa. Còn đâu nữa những mảnh tình vụn vặt mà bà con lối xóm xa gần chia sẻ với nhau qua những cơn ầm, lạnh, nải chuối đưa qua, rổ mì gửi lại. Có lúc một nhà có việc, cả xóm quan tâm, tới lui giúp đỡ, thể hiện một cách hồn nhiên mối tình tương thân tương trợ ... Thời cuộc đổi thay, họ cũng trải qua những chuỗi dài thử thách với lòng người biến dạng, ganh tị, lọc lừa. Khắp nơi nơi, người ta gặp những thủ đoạn xấu xa, những toan tính bất lương mà chủ tâm là tranh giành quyền lợi, tranh giành ảnh hưởng ...

Bữa cơm tối dọn ra chỉ riêng mình tôi một mình một bóng ngồi vào mâm cơm. Tôi hơi rụt rè, mắc cỡ, vì lỡ nhớ phía sau cánh cửa vào bếp, tôi nhận thấy có bóng nhiều người đứng nhìn tôi đang ăn. Món ăn quê làm gấp như rau luộc chấm tương, chả trứng chiên với củ hành hương tím, cá rô rán dầm nước mắm tỏi, toàn những món thích khẩu ở nhà ... Lúc đi ngủ, Bà cụ chỉ tôi lên nhà trên, có một chiếc vông êm và một bộ phản gỗ, trải chiếu hoa. Ba giàn thờ cổ kính với các bộ tam sơn, ngũ sự sang trọng tô điểm cho gian phòng với một

nét uy-nghĩ, u tịch. Suốt ngày mệt mỏi, tôi cố ngủ, nhưng không sao nhắm mắt được. Mới sắp vào cõi mộng thì bỗng tiếng chuông thánh thót của chiếc đồng hồ xưa treo tường đổ lên chín tiếng. Tôi cố ngủ lại, mắt vẫn trao tráo, tiếng đưa tích tắc đều đều vang nhẹ của quả lắc như tạo ra một bầu không khí xa xăm, sâu thẳm. Trong tôi, những hình ảnh mờ ảo, những kỷ niệm con con giữ tôi tỉnh táo cho đến mãi gần sáng mới ngủ thiếp được. Cứ mỗi lần gần ngủ thì chuông lại đổ, như muốn đánh thức tôi dậy; đó là kinh nghiệm đầu tiên của đứa bé 9 tuổi lúc đi xa nhà phải ở qua đêm nơi một nhà lạ. Mãi về sau, cảnh tượng ấy mỗi lần nghĩ đến vẫn cho tôi một cảm tưởng mênh mang, khó quên.

Qua đến làng Tư Cung, nơi một ông chú bà con cô cậu với ba tôi là một quan huyện hồi hưu, tôi được đưa vào chào. Ông chú vắng nhà, chỉ có bà thím đang bị cơn suyễn hành hạ. Tôi cố mạnh dạn bước vào căn phòng bà. Phòng tối om, tràn cả người hầu và cả mùi dầu gió như dầu khuynh diệp, hòa với hơi than nồng tỏa khắp nhà. Bà ngồi tựa trên giường, trùm một tấm mền lớn, hình như đang xông thì phải. Tôi lên tiếng chào thưa, rồi đọc rõ những lời ba tôi đã dạy. Xong phận sự, tôi ra về, còn ghé qua vài nhà khác. Nhà vừa



ghé là một dinh cơ rộng rãi, sân lớn, vườn xanh chuối, cau rậm rịt, có hàng rào tre đan chắc chắn với nhà ngõ trông rất bề thế. Lại có chuồng trâu lớn, hơi nồng nặc xông ra từ ba bốn con trâu khổng lồ. Thật đó là một cảnh nhà địa chủ sung túc, an bình, là một cảnh nhà mộng ước mà không phải ai cũng có được. Thời bấy giờ, gia cảnh như thế là nhà có phước lớn; nhưng chỉ khoảng hơn 10 năm sau, gia cảnh đó trở thành một đối tượng tai hại, một thảm họa trong phong trào Việt Minh nổi dậy từ tháng 8 năm 1945!

Ngày trở về, lúc vãng chúng tôi đi ngang qua trường làng gặp đúng giờ ra chơi, các bạn cùng lớp rất tinh quái hùa nhau chạy ra

vén màn võng và chỉ trở cười cợt, làm tôi thật bối rối, thẹn thò! Âu cũng là tâm trạng chung của trẻ con thời ấy, hay bị mặc cảm nhút nhát thẹn thùng!

Rồi ngày lễ lớn đến gần.

Ngay trước mặt nhà từ đường là một sân rộng bằng đất sét láng, dùng để phơi lúa hạt lúc gặt về. Nay nhà có việc, ba tôi đã cho sắp đặt cát một rạp lớn gọi là “nhà tạm” để thiết trí trang nghiêm cho buổi lễ chính.

Một buổi chiều, tôi theo ba tôi đi thăm mộ ông bà ở làng bên. Mang theo một lư hương đồng và một cái tráp đựng sắc chiếu của nhà vua ban tặng, ba tôi thành tâm thắp hương khấn vái trước bia mộ, nét mặt hiện rõ vẻ u buồn xúc động. Hình ảnh ấy ghi tạc mãi trong tôi và khi khôn lớn, tôi mới hiểu thấm thía ý nghĩa của tinh thần gia tộc cổ truyền trong nền văn hoá của dân tộc ta.

Hiệp lực với chúng tôi, ba tôi đã lên tỉnh yết kiến và long trọng mời quan thủ hiến về dự lễ như một thượng khách, theo ngày giờ và theo nghi thức đã định. Rạp đã dựng xong thành một nhà tạm lớn, mái tranh mới cất gọn ngay thẳng. Phía trong mái được căng che bằng vải cây trắng tinh, trông rất chỉnh đốn. Những đoạn vải trắng này do gia đình tôi đã điều đình thương lượng cùng mấy nhà buôn vải lớn ở tỉnh lỵ để họ bằng lòng cho mượn đủ số vải để căng làm đẹp cho trần nhà. Chị cả tôi tuy mới vừa quá tuổi trăng tròn đã tỏ ra rất đảm đang, lanh lợi, phụ trách góp phần đắc lực vào việc trang trí nghi môn, quần bàn, sắp xếp ghế bàn, chén bát v.v... Nhân nói đến bàn ghế, tôi rất buồn cười mà nhớ đến một “giai thoại” nhỏ đã khiến cho mọi người lúng túng trong khi sắp đặt bàn ghế buổi lễ. Nguyên nhân là lúc ấy, ông Tổng Đốc Bình Định là cụ Ứng Bàn. Cụ sẽ là thượng khách số một trong buổi lễ. Tục lệ cố hữu của người V.N. ta là tục “cử tên”, tránh gọi thẳng tên của người thân hay tên các bậc trưởng thượng. Người ta thường gọi bằng “thứ” như ông Năm, ông Bảy, hoặc kêu “trại” đi, mục đích vị nể, tôn kính các bậc ấy. Những người giúp việc trong cuộc lễ cũng giữ theo lệ ấy, nên họ không gọi là “bàn” mà nói “trại” ra là “ghế”. Bảo kê bàn chỗ nấy chỗ nọ thì họ bảo kê “ghế” chỗ nấy chỗ kia, gây ra sự lúng túng lẫn lộn cho việc sắp xếp! May là cái tục ấy thịnh hành cách đây tám chín mươi năm về trước nay không còn nữa!

Quang cảnh trong ngoài thật rộn rịp, lạ mắt đối với tôi. Tôi lảng vảng theo nhìn từng công việc, lòng rất háo hức, chờ đợi một cơ hội lớn...

Rồi cái ngày chờ đợi bấy lâu đã đến. Sáng sớm tinh sương, hai bên đường cái trước nhà tôi đã thấy cờ xí rục rờ do người làng cầm

đóng, chủ ý đón rước quan khách ở phủ và ở tỉnh về dự lễ. Trong nhà, ba tôi cùng mấy ông chú có mặt đã khăn đen áo rộng chỉnh tề, sẵn sàng tiếp rước khách quý.

Khoảng 9 giờ sáng, quan tri phủ H.S. Thăng trình trọng hướng dẫn các quan tỉnh vào nơi hành lễ. Sau phần trà nước tiếp đãi long trọng, buổi lễ bắt đầu. Chú tôi, vai chính của người con thành đạt, trang phục mũ áo đại triều cùng với quan tri phủ địa phương đại diện cho nhà vua cũng áo mũ đại lễ tiến lên trước bàn thờ. Hương trầm ngào ngào, đèn nến sáng choang; bên cạnh đèn tọa đàng, đĩa quả phẩm tinh khiết làm nổi bật một cái hộp dài sơn son thếp vàng. Đó là cái hòm sắc phong chứa tờ giấy vàng do nhà vua ân tứ, ghi rõ họ tên và phẩm tước của người thừa hưởng quá cố.

Bắt đầu, quan tri phủ quỳ gối tuyên đọc tờ chiếu nhà vua, giọng ông nói tiếng Nghệ nghe sang sảng. Tôi hồi hộp nhìn quanh, vừa lạ lùng, vừa xúc động, cố nhớ lại mấy câu đầu:

“Thừa thiên hưng vận,

Hoàng đế chế viết...” tiếp theo là cả tràng dài diễn bằng chữ Hán mà tôi không hiểu và không nhớ nổi. Theo người lớn nói lại thì đại ý bài chiếu của vua là tưởng thưởng công trạng của người con đã phục vụ tốt cho quốc dân, nên các công trạng đó được tưởng lệ bằng sự ân tứ của triều đình về phẩm hàm chức tước cho cha mẹ, ông bà. Theo luật lệ, chức phận của người con càng cao thì phong tặng cho cha mẹ, ông bà càng cao.

Cuộc lễ kết thúc bằng những bàn tiệc linh đình, thức ăn đầy rẫy, rượu chè, bánh trái ngon lành. Người hầu kẻ hạ lăng xăng trong khói thuốc, hơi men tràn ngập. Cuộc vui nào rồi cũng tàn. Không khí sôi động dần dần nhường chỗ cho cảnh dọn dẹp thu gọn chiến trường. Bức tranh này khi nhắc đến đã gọi cho tôi cái hình ảnh rườm rà và phức tạp của tục hương ẩm trong xã hội ta thời bấy giờ.

Về sau là những chuỗi ngày dài mệt mỏi cho bà con ta có phận sự đem về tình trạng xưa tất cả các công việc thiết trí ấy. Đời sống trở lại bình thản đắm chìm trong nỗ lực đấu tranh để sinh tồn. Rồi thế cuộc xoay vần, thay chiều, đổi hướng, những hoài bão tan biến dần, những cố gắng cầu tiến bị phá vỡ, và lòng người bỗng cảm thấy sự trống rỗng hư vô của cuộc sống là thế.

Tôi tự hỏi: “ta có nên dựa vào triết thuyết dịch kinh để hướng dẫn cuộc sống vô thường của ta chăng?”

Trúc Nhi

11/2011

Thương về Tam Quan

Ta vẫn hằng mong ngày trở lại
 Thăm ngôi trường cũ đất quê em
 Thùy dương lá bóng buồn vào hạ
 Che mái tóc thề khi nắng lên
 Ta nhớ làm sao Cửu Lợi thôn
 Đợi ai đùa xóa tóc nghiêng buồn
 Nửa đời dong ruổi thương màu áo
 Trắng lạnh soi dòng lệ đá tuôn
 Tiếng chuông khuya nhớ về Gia Hựu
 Cả chuyện tình em thuở thiếu thời
 Quỳ trước giáo đường: "Con ngoại đạo
 Cứu rồi linh hồn con Chúa ơi!"
 Từ thuở ngàn xưa cuộc bể dâu
 Chiều tương tư nắng nhuộm A Sầu
 Ngọc lan hương ngát cành hoa ép
 Thơm tuổi học trò mãi ngàn sau
 Em có chờ ta về Hoài Sơn
 Thoáng nghe tiếng mõ vọng trong hồn
 Cây Xay chùa cổ lưng chùng núi
 Đá vẫn rêu phong lạnh tử hờn
 Ta đứng Kim Bồng gọi Trường Xuân
 Chòm rừng nước chảy, giếng giếng Trường
 Gành Gà còn đó, hang Dơi cấm
 Em chờ ta ba mươi năm hơn?
 Nhớ quá Tam Quan con tàu cũ
 Biển biệt phương trời vẫn cách xa
 Mè xừng hương thơm đau lòng mẹ
 Con tàu nào không nhớ sản gà?
 Thương Hoài Thanh nhớ về lũy Cát
 Mộ Duy Từ ngồi rạng công danh
 Ngày xưa em bảo anh xe sợi
 Kết cát thành giầy trời hình anh
 Ta gọi tên em dòng Lại Giang
 Lệ em nhỏ xuống nền hai hàng
 "Tiếc thương" tám thẻ bài muôn thưở
 Xin liệm tình em chung áo quan
 Say rượu nhân tình ôm trăng chết
 Chôn sâu vạn cổ đáy sông sâu
 Ta nay thương quá ngày hoang dại
 Người cũ ơi! Đi đâu? Về đâu?



TRẦN ANH LAN



Mẹ chồng tôi

YTH-NGUYỄN THY TÚ

*Anh thương, Cha Mẹ không thương,
Vị như nước chảy, đường mương chửa dào.
(Ca dao)*

Máy mắn cho chúng tôi, nước chảy đến đâu, nơi đó đường mương đã được đào sẵn. Sau khi ra trường, anh về quê Tuy Phước, Bình Định, xin Cha Mẹ cho phép cưới tôi. Cha anh dễ dãi, chấp thuận ngay. Mẹ anh bảo: Con thiệt thà, lấy vợ Bắc, bị ăn hiếp chết!. Nói vậy, nhưng Mẹ anh rất vui. Lâu nay, Mẹ vẫn luôn thúc giục, mong mỗi cho con trai út của mình, người con được sinh ra lúc Mẹ 28 tuổi, Mẹ rất mực yêu thương, sớm yên bề gia thất. Thế là những lần liên lạc, thăm viếng giữa hai gia đình, từ buổi sơ giao, nhanh chóng trở nên thân tình hơn. “Nghỉ thức Thăm nhà”, được diễn ra trong tuần lễ sau đó.

Trước khi vào Sài Gòn chọn nhiệm sở, anh đến chào từ biệt Bố Mẹ tôi. Tôi đưa anh xem quyển sổ, giấy pelure nhiều màu, dành để chép thơ. Trang đầu, tôi ghi sẵn 4 câu:

*“Công danh, chàng hời tham gì,
Về đây cho tuổi xuân thì có nhau
Tóc xanh, mấy chốc bạc đầu
Duyên tình bờ bึง, dạ sâu cô miên”!*

Anh lấy cây viết từ túi áo ngực, ghi tiếp, nét chữ hơi nghiêng nghiêng:

"Công danh xin trả cho đời

Vội cung với kiếm cho người đấu tranh

Về đây, về đây, đã đành

Chỉ xin nương tử, mãi xanh mái đầu."

Anh chọn nhiệm sở là phi đoàn 223 Biên hòa. Những bức tình thư, như con thoi, liên tục qua lại. Anh mới ra trường, làm phi công phụ trong những chuyến bay trực thăng võ trang, yểm trợ tác chiến cho mặt trận bên kia biên giới Campuchia. Chiến trường đang hồi sôi động. Gần đến "ngày ước hẹn", tôi nhận bức điện tín, do bác cai trường đem đến lớp, sau giờ ra chơi: "Anh không về được, cứ tiến hành lễ Vấn Danh".

Đây là Trời muốn gửi thử thách đầu tiên, cho cuộc tình "người yêu là lính"! Biết sao, khi hai bên Cha Mẹ đã thỏa thuận rồi! Tôi đành "xung tên" trong một lễ Vấn Danh thiếu chú rể!

Bốn tháng sau, một bưu kiện lớn đầy thiệp cưới, anh gửi về địa chỉ nhà trường. Tôi trao số thiệp nhà trai. Phần còn lại, tôi chần chừ chưa muốn gửi, dù Bố Mẹ có nhắc nhở. Mẹ chồng tương lai, ở quê xuống, bảo tôi đi sắm nữ trang. Mẹ thật thà, chất phác bảo:

-Nếu Hân không về được, vẫn cứ hành đám cưới như dự định. Cưới xong, Mẹ sẽ đưa con vào Biên Hòa. Tôi bật khóc: - Thưa Bác, nếu anh Hân không có mặt, con sẽ làm đám cưới với ai?

Mẹ đành về không, kể lại với cả nhà: -Thấy con Thơ khóc, tôi chẳng nở ép nữa!

Một tuần trước ngày cưới, anh về, tới trường đón tôi, nửa thương, nửa trách: - Đến nỗi gì, em phải héo hon như thế? Chắc chắn, anh phải có mặt, để làm chú rể chứ? Anh hối hả đem thiệp đi mời, đưa tôi đi lấy áo cưới, chọn nữ trang. Bộ complet màu mận, anh may sẵn trong ấy, đã đem về. Bao nhiêu công việc còn lại, phải "tốc hành" lo cho kịp ngày cưới, hồi, nhập một. (Lính mà)!

Chiều thứ bảy, lễ Hôn phối ở Thánh đường xong, ra nhà hàng đãi tiệc. Qua Chủ nhật, rước dâu về quê. Hai cô bạn cùng trường, làm phụ dâu cho tôi. Chú rể solo, không tìm ra phụ rể! Thật thiếu sót, lấy ai tiếp đón hai cô dâu phụ?

Đám rước dâu đi trên con đường quanh co, men bờ rào đuối, bên dưới là những thửa ruộng, "lúa con gái" xanh bát ngát. Rất hữu tình! Sau nghi thức lễ gia tiên và ra mắt họ hàng. Ăn uống qua loa, chúng tôi (hai cô dâu phụ và cô dâu), lên ra vườn. Thích thú, trầm trồ trước những chùm xoài đựng đầy đất, nằm la liệt như bày heo con. Trái chùm ruột chi chít, trĩu cành. Những quày dừa căng bóng, có đến hàng trăm trái. Mãi đến lúc có người gọi, tiễn nhà gái ra về, ba đứa chúng tôi vội

và chạy vào. (Đoảng ghê chưa!) Có phải ở lại làm dâu đâu, có phải xa lìa Bố Mẹ ngay đâu, có gì phải buồn rầu, khóc lóc? Xế chiều sẽ trở lại Quy Nhơn, về tạm khách sạn 3 ngày, Cha Mẹ chồng không dám cho ở lại ban đêm, sợ không được an toàn cho người con “giặc lái”!

Đám cưới được một tuần, anh phải trở lại đơn vị. Tôi tiếp tục đến trường. Nhớ thương ngập tràn trên những trang thư:

“Chim lia cành thương cây nhớ cội,

Người xa người tội lắm Trời ơi!

Chẳng thà không biết thì thôi,

Biết nhau, mỗi đứa một nơi cũng buồn”!

(Ca dao)

Đâu chỉ là “cũng buồn”. Buồn nẫu ruột, nẫu gan ra đấy chứ! Anh bảo: Lúc chưa cưới em, anh sống không lo nghĩ nhiều. Bây giờ đã làm chồng, mỗi lần đi bay, anh thường băn khoăn, lo lắng: Nếu lỡ có một ngày, anh đi, không trở lại, tội em biết mấy! Anh yêu thương em, nhủ mình hết sức cẩn trọng và dâng lời nguyện cầu mỗi sáng đi bay. Mong sao:

“Tôi sẽ bình yên trở về với đất

Có người yêu dù xa cách muôn trùng

Có Mẹ già bằng nước mắt rưng rưng

Đón những người con giang hồ dăng tử!

(Thơ NMH)

Cô bạn còn độc thân, người Quảng Trị, dạy cùng trường, hỏi tôi: - Tình yêu và hôn nhân khác nhau thế nào? Tôi giỡn giỡn, đáp liền, không suy nghĩ: Tình yêu là một ly kem bảy màu. Hôn nhân như một tô bún bò Huế cay nồng! Rõ thật có “tâm hồn ăn uống”!

Mỗi chiều thứ bảy, tôi đón xe lam về Tuy Phước thăm Cha Mẹ chồng, cách nhà Bố Mẹ tôi chừng 11km. Tôi thường ở lại một đêm, sáng hôm sau, trở về Quy Nhơn. (Chiếc gối nhà Mẹ chồng rất cao, làm tôi khó ngủ, hay là còn một nguyên do nào khác)? Giỏ quà mang đi, đem về, lúc nào cũng nặng trĩu. Mẹ chồng hái cho đủ các loại trái cây trong vườn: xoài, mận, ổi, cà chua, cà dĩa, rau ngót không bao giờ quên, cất cho một bó huế sẽ thơm ngát, trồng trong khoảnh sân trước nhà.

Khi nghe tôi có thai, Mẹ chồng vui lắm. Nhưng anh Hai bảo: -Tụi bay có con chi sớm vậy? Làm tôi hơi buồn lòng! Có thai lúc nào, có biết đâu! “Thời đại” chúng tôi hồi đó, khờ lắm! Sống tự nhiên, chẳng hề “kế hoạch” hay toan tính gì đâu! Mẹ chồng dặn tôi bớt đi lại. Mỗi tuần, Mẹ hoặc Cha chồng xuống thăm, đều đem cho chum ruột rim,

dừa, mận, hay ổi vườn tươi giòn, chua chua, ngọt ngọt. Tuy vậy, tôi còn ăn rất nhiều me, hàng ký me, mua, lúc dạy học về, đi ngang qua chợ.

Nghỉ hè, hai bên Cha Mẹ vui lòng cho tôi vào Biên Hòa, sống với anh trong cư xá độc thân của phi đoàn. Sau, chúng tôi thuê nhà, dọn ra ngoài ở. Sáng sớm, tôi chuẩn bị món điểm tâm cho anh. Tiễn anh đi bay, tôi ở nhà, tỉ mỉ cất may đồ em bé. Vừa làm vừa thăm thĩ cầu nguyện, mong anh được bình an. Áo, mũ, bao tay, giày chiếc nào cũng thêu hoa lá, chim chóc, theo nguyên bộ. Những cái móc be bé treo đầy nhà. Tôi may, thêu, treo lên ngắm nghía, chờ chiều về, khoe với chồng. Có những lần anh về muộn, tôi bồn chồn, đứng ngồi không yên. Bảo anh, anh cười, xòe bàn tay cho tôi xem: -Em đừng lo! Số anh thọ lắm, đường "mạng đạo đời" rõ nét như thế này cơ mà!

Tôi viết thư, kể về những ngày tháng "ra riêng". Hai bên gia đình đều rất vui.

Thấm thoát, gần tới ngày sinh, Mẹ chồng và người anh thứ bốn vào thăm. Trước khi đi, Mẹ chồng dặn dò Mẹ ruột của tôi: - Chị yên tâm, nếu con Thơ sanh, tôi ở lại nuôi, nếu chưa, tôi đón nó về cho chị! Mẹ tôi đang bệnh, chỉ gửi theo cho một món tiền.

Không mua được vé máy bay, vì thai nhi đã lớn. Chúng tôi đạp xe đò về quê. Xe không chạy suốt, nghỉ lại Nha Trang. Nửa đêm, tôi đau bụng lâm râm. Nghĩ là đi đường, ăn uống không cẩn thận, tôi lạng lẽ lấy dầu ra thoa. Nhưng không ổn, cơn đau trở lại từng hồi, đều đặn. Tôi đánh thức Mẹ chồng, đang ngủ cùng giường:

-Mẹ ơi! Con đau bụng này giờ mấy chập rồi!

Mẹ hốt hoảng, vùng dậy, bôi lại mái tóc dài, giục già:

- Đi con, đi tới nhà bảo sanh khám thôi! Cha con Khánh, mau kêu cyclo cho Mẹ!

Bác sĩ ở bảo sanh viện Hồng Phúc nói: - Có dấu hiệu sanh. Đã mở 2 phân. Nhưng con so, có lẽ chuyển bụng hơi lâu!

Trở về khách sạn, anh Bốn nói: - Em muốn ở, anh lo chuyện ở. Muốn về, anh lo chuyện về. Thực tình, việc này, anh không dám quyết định! Mẹ chồng cũng chờ ý kiến của tôi. Tôi "điếc đặc", đâu biết sợ sủng! Chỉ nghĩ đơn giản: đã chủ tâm về quê, chẳng lẽ lại sinh con giữa đường! Nên trả lời nhanh chóng: - Xin anh lo cho em về!

Thế là anh đi trả lại vé, bao một chiếc xe 4 chỗ ngồi, về Quy Nhơn. (Giá tiền năm 71, tôi nhớ, anh phải trả 7.200 đồng). Mờ sáng, xe khởi hành. Anh Bốn ngồi bên tài xế. Mẹ chồng và tôi ngồi băng sau. Tôi mang bầu con so, vốn người "mình dầy", nên bụng rất gọn. Áo đầm dài, bên ngoài, khoác áo len đen. Nét mặt tư lự, người ngoài

sẽ nghĩ là tôi bị ốm, không ai ngờ tôi đang chuyển bụng sinh con! Bác tài nếu biết, chắc chẳng dám chờ một hành khách đặc biệt như thế!

Mẹ chồng kể cho tôi nghe, hết chuyện này sang chuyện khác, Mẹ mong tôi quên cơn đau và hy vọng, sẽ về đến Quy Nhơn, sống sẽ.

10 giờ 30, xe vào tới sân nhà Bố Mẹ tôi. Người chị ruột, là Nữ trợ tá Xã hội, đang ở đấy. Tôi vẫn đau bụng ngằm ngằm, nên không vào nhà, chị vội chờ tôi tới bệnh viện Thánh Gia. Nhập viện xong, Mẹ chồng “bàn giao” cho Mẹ tôi, về quê. Hẹn hôm sau, sẽ xuống thăm.

Tôi mệt rũ người, nước mắt lặng lẽ ứa ra! Mẹ tôi nài ép: -Con cố ăn uống một chút để lấy sức. Nể Mẹ, tôi chỉ nếm qua vài miếng. Tôi nằm, ngược nhìn tượng Chúa chịu nạn, treo trên tường: -Chúa ơi! Sự sống thật huyền nhiệm, nhưng vẫn không thiếu đớn đau! Những cơn đau xé thịt! Bao nhiêu nỗ lực dồn vào việc luyện tập bài thể dục: “Đề không đau”, từ lúc mới có thai, hình như chẳng giúp gì cho tôi! Cũng may, cơn đau ngắt quãng, nếu kéo dài liên tục, làm sao tôi chịu nổi! Vào phòng sanh, tôi mệt lả, có lẽ do chuyển đi đường xa, kém ăn, thiếu ngủ, lại lo buồn vì cảnh: “Đàn ông đi biển có đôi. Đàn bà đi biển, mỗi cô một mình!” Nên càng yếu ớt thêm! Hết ca trực này, đổi ca trực khác, tôi vẫn chưa sanh. Bác sĩ chờ, cô y tá khích lệ: -Cố rặn đi! Đầu tóc em bé đen thùi đây rồi! Tôi nản nỉ: -Em không còn sức lực nào nữa! Xin Bác sĩ cứ mổ xẻ thế nào tùy ý! Bác sĩ cho chích “thuốc giục”. Thời gian nặng nề trôi.

Giờ phút mong đợi nhất đã đến: 21 giờ 30 phút, bé trai chào đời, khóc rất to tiếng! Cô y tá bế cháu đi tắm. Tôi ngoái nhìn theo: đầu bé dài, trọt lớt, chẳng thấy nhúm tóc đen nào!

Ra khỏi phòng sanh, tôi dặn Mẹ, gọi điện tin cho chồng tôi: “Thơ sanh bé Duy, nặng 2.7kg, mẹ tròn, con vuông”. Chúng tôi đã chọn sẵn hai tên, một trai, một gái, nghe tên, anh sẽ hiểu ngay!

Gia đình nhà chồng rất quý con trai. Có lẽ vì lâu nay, các chị dâu sanh con gái hơi nhiều! Biết vậy, khi Cha chồng xuống nhà hỏi thăm. Anh tôi trêu Cự: - Thơ sanh con gái rồi Bác ạ!

Cha thở dài, ngồi phịch xuống ghế. May, cháu Phương Hiền 4 tuổi, nhanh nhẩu:

- Không phải đâu Ông ơi! Cô Thơ sanh con trai mà!

Cha bật cười ha hả: - “Zậy na”! Con em qua mặt con chị rồi! (Chả là chị dâu thứ tư, lấy chồng 10 năm, chỉ sanh hai cô con gái!)

Sáng hôm sau, Mẹ chồng vào bệnh viện, xem mặt cháu nội út. Cô y tá bồng cháu, trao cho Bà nội, lên tiếng “mắng vồn”:

- Cháu cụ la to quá trời, làm các trẻ khác giựt mình, khóc theo!

Mẹ chồng ôm cháu, hôn lấy hôn để, ngồi xuống giường, bảo

tôi:

- Con đừng Rửa Tội, để cho theo bên Nội một đứa!

Tôi nắm bàn tay Mẹ, dịu dàng: - Mẹ đừng lo! Con sẽ dạy dỗ cháu, hết lòng kính nhớ Tổ Tiên, như lòng Mẹ mong ước!

Nét mặt Mẹ vẫn bình an: - Mẹ xuống thăm, đem cho con chục trứng gà so. Có giò heo, đu đủ xanh hái trong vườn. Con nói Bà ngoại cháu hầm, ăn cho có sữa!

- Con cảm ơn Mẹ đã hết lòng thương!

Đầy tháng con, chồng tôi mới xin được phép “Vợ sanh”, trở về. Người chị Nữ trợ tá, lái xe, đưa chúng tôi về quê. Qua cửa Lý Môn (dinh cụ Đào Tấn). Xe bị lún sình, phải lấy mấy tấm ván trong bộ ngựa lót đường, đi vào lối vườn sau. Cả nhà rộn rã tiếng cười. Ai cũng giành bế cháu, ngắm kỹ từ mắt, mũi, miệng, trán, cằm, xem nó giống ai? Các chị dâu và chị chồng la tôi:

- Sao không chịu mang vợ, trùm khăn, nhét bông gòn vào tai?

Anh Bốn cũng cần nhằn: - Vào nhà, sao biết người nào sanh, người nào không?

Tôi cười trừ: -Em sinh cả tháng rồi! Xưa, ở quê Bắc, Mẹ em mới sinh 3 ngày, đã phải lội xuống ruộng, vớt tranh cho Bố em lợp nhà, vì bão đánh bung hết mái nửa kia!

- Ôi, lúc khó nghèo mới đành phải chịu chớ?

- Ủ, cứ ý sức đi em, mai mốt già sẽ biết!

Sau năm ngày vui chơi ở quê nhà, thật êm đềm, hạnh phúc! Chúng tôi phải xuống Quy Nhơn, để anh trở lại đơn vị. Gặp kỳ mưa lụt, nước tràn lên, phủ lấp luôn con đường nhỏ trước nhà. Một đoàn người mang, xách, đưa chúng tôi lên quốc lộ. Mẹ chồng tôi ẵm cháu nội, cuộn tròn trong chiếc khăn bông to tướng. Mẹ giục con trai út:

- Công vợ con lên, đừng để chân nó giẫm nước bạc!

Tôi ôm cổ chồng, nối tiếp đoàn rỗng rần lên đường, lòng vui như trẻ thơ, ghé vào tai anh:

“Bông bông công chồng đi chơi,

Đi đến chỗ lội đánh rơi mất chồng.”

(Ca dao)

Anh nhún một cái: - Rơi nè!

Tôi la lên: - Chết em rồi!

Mẹ chồng quay lại: - Sao đó?

Anh tỉnh bơ: - Dạ, con bước hụt! Không sao mẹ ạ!

- Phải cẩn thận đấy!

Anh về phi đoàn, tiếp tục những chuyến bay hành quân. Tôi còn được nghỉ bảo sản thêm 1 tháng. Hết phép, Bố tôi đưa hai mẹ con vào sau Mẹ chồng nài tôi, để cháu lại cho Mẹ nuôi. Tôi xin Mẹ, cho cháu cùng đi.

Tôi dạy tại Biên Hòa một niên khóa. Vừa lúc phi trường Phù Cát thành lập phi đội trực thăng võ trang. Anh xin chuyển về để gần Cha Mẹ. Tôi, thêm lần nữa, được quyền ưu tiên 1, về theo! Dạy tại trường Nhơn Thành, Gò Găng.

Chúng tôi có thêm một bé gái. Hàng ngày, anh đi bay, phần tôi, đèo bồng, chở hai con nhỏ và cô bé giúp việc 13 tuổi, cùng đến trường, với một giỏ, nào sữa, nào khăn, nào tã lót! Thuở trước, đám học trò quý mền các cô giáo độc thân chúng tôi lắm. Nay, đến lượt tôi, cũng đành chịu mang tiếng: “Con cô đau, cô nghỉ. Chồng cô đau, cô cũng nghỉ! Rồi khi cô đau nữa, khỏi nói luôn!” Nhưng hoàn cảnh bắt buộc. Chúng tôi nào có lỗi gì? Thực sự, Trời thương, chồng con tôi có sức khỏe dồi dào. Chỉ có điều, tôi không thể dạy tốt như trước!

Bỗng, đến một ngày “Đất bằng dậy sóng”: Cuối tháng 4/75. Chúng tôi phải di tản vào Sài Gòn, trong lúc mang bầu người con thứ ba, đã sanh cháu ở bệnh viện Vi Dân, gần nhà. Mẹ chồng thúc giục con cháu đi, nhưng Mẹ nhất quyết bám trụ ở lại mảnh đất quê hương! Sau 30/4, theo đề nghị của tôi, anh đăng ký tại Sài Gòn, chờ “học tập cải tạo”. Bố tôi, lãnh trách nhiệm đưa con gái và 3 đứa cháu ngoại, về quê nội nương náu! Trước khi trở lại Sài Gòn, lo toan việc an cư lạc nghiệp, cho 4 tiểu gia đình nữa, các gia trưởng đều vướng mắc trong thành phần “Ngụy quân, ngụy quyền”!

Cha Mẹ chồng mừng mừng, tủi tủi, ra tận ngõ đón chúng tôi. Cũng trên con đường thơ mộng này, 5 năm trước, Cha Mẹ ra “Rước dâu”. Bây giờ là một đám tàn quân, sa cơ thất thế trở về. Còn tủi buồn, cay đắng nào hơn!

Ngoài ba đứa con tôi, Cha Mẹ chồng còn bỏ công tìm kiếm, gom về 3 cháu nội nữa, con người anh thứ sáu. Anh tử nạn máy bay L19 tại đèo Cù Mông năm 72. Chị dâu theo chồng mới, đi nước ngoài, bỏ lại các con cho người Mẹ kế, ở Nha Trang. Tất cả 6 đứa trẻ thơ: Đứa lớn nhất 5 tuổi, nhỏ nhất vừa tròn 2 tháng! Cô, Di, Chú, Bác, ngỡ ý muốn nuôi giùm các cháu mồ côi. Mẹ không thuận, nói:

- Chừng nào tôi chết hẵng hay! Còn sống, tôi muốn bao bọc hết. Vì Cô yêu, biết Dượng có thương? Chú xót, biết Thím có độ lượng?

Những ngày mới về quê, chiều chiều, com nước xong, tôi bế đứa con trai út, dắt theo một đoàn “rồng rồng” vừa con, vừa cháu, thơ

thần trên con đường hẹp, men theo bờ rào dưới, ra quốc lộ. Ngồi trên thảm cỏ bên vệ đường, nhìn ra cánh đồng lúa mênh mông. Lòng trĩu buồn: Tương lai, rồi sẽ đi về đâu? Cả thôn làng, chắc ai ai cũng phải mũi lòng, ái ngại cho hoàn cảnh khó khăn, nặng gánh của Cha Mẹ chồng tôi lúc đó: Hai mái đầu bạc, phải cưu mang một đám trẻ còn trứng nước. Con dâu lại quá liễu yếu, đào tơ!

Từ bé đến giờ, quen sống ở thành phố, nay về chốn thôn quê, không điện, thiếu tiện nghi, cùng với cõi lòng cay đắng, xót xa nỗi niềm ly tán. Tôi đau buồn quá! Nửa đêm thức giấc, tôi bàng hoàng lo sợ cho cảnh ngộ đời mình. Nhưng rồi, nỗi lo toan cơm áo đời thường, tất bật với đám trẻ con. Tôi thật sự không còn thời giờ để thở! Nhờ vậy, tôi đỡ bớt nghĩ ngợi!

Hàng ngày, Cha Mẹ chồng lo việc ruộng vườn. Tôi quán xuyến việc nhà: Chăm sóc đàn con, cháu, lo cơm nước cho cả nhà, cùng rau cám cho bầy heo nái! Tôi tập quen với việc nấu cơm bằng rơm, rạ. Xách nước từ hố ruộng trước nhà lên, tưới qua rổ xảo cho rau muống, rau cải, xà lách, hành ngò. Đôi khi con khóc, tôi vừa bế con, vừa xách nước để nấu cơm: Tay trái bế con, tay phải bỏ gầu xuống giếng, vục đầy nước. Kéo dây gầu lên, chùng một sải. Tôi đưa chân, đập dây gầu vào thành giếng. Cúi xuống, đưa tay, nắm tiếp phần dây dưới, kéo lên. Cứ thế, cho tới khi cầm được thanh gỗ ở miệng gầu. Cũng may, giếng chỉ sâu độ vài mét.

Xế chiều, một tay tôi bế con nhỏ, vừa cầm “đèn hội vệt”. Tay kia xách lu, đã đổ sẵn: tấm, rau, cám, nước, có thêm một nhúm muối. Hai mẹ con ra hố trấu, nhen lửa, hầm cháo heo. Một lần, cháu loay hoay thế nào, cúi xuống, gặp lúc ngọn đèn bùng lên, bị phồng nhẹ một bên má! Phải chi, kiểm được gỗ, đóng một cái “cũi”. Tôi bỏ con vào đó, làm việc cho an toàn. Nhà vắng bóng người đàn ông, là như thế đó!

Mỗi 5 ngày một lần, tôi giúp Mẹ chồng, chuẩn bị gánh hàng bán phiên chợ Huyện: Lột vỏ những trái dứa khô, cắt, bó rau muống, hái ổi, mận, cà chua, cà dĩa. Có khi, cả những trái bí đỏ, bỏ gân kín lòng thúng. Mẹ chồng đi chợ sớm lắm. Mẹ gánh một gánh. Những thứ nặng, tôi đạp xe, chở lên sau! Tôi còn trèo lên mái nhà, thay một miếng ngói, bằng tấm kính, cho gian nhà ăn được sáng sủa hơn. Việc gì Mẹ chồng hỏi tới, hầu như tôi đều có thể trả lời: Con đã làm xong cả rồi! Mẹ rất hài lòng. Mẹ thường bảo với mọi người: Tôi ở ngoài đồng chỉ có một việc. Con Thơ ở nhà, trăm thứ việc không tên!

Hôm thím Bẩy Đinh sang thăm, Mẹ chồng tôi bảo: Có mặt Thím đây! Xưa rày, ai cũng nói là tôi “sắc dâu”. Nhưng Thím coi: Mẹ con tôi sống với nhau, trong hoàn cảnh khó khăn là vậy. Không hề có chút phiền lòng nào! Tôi thương nó, nó biết ý tôi, kính nể tôi. Thế là

gia đình êm ấm!

Những buổi tối thư thả, Mẹ thường tằm sắn một mớ trâu. Đếm lại từng đôi, cẩn thận. Tôi không hỏi, nhưng biết chắc là nhiều lắm. Dễ đến 20 miếng. Mẹ đi qua các nhà hàng xóm chơi. Ghé chỗ những người đi buôn ở La Hai, Phước Lãnh. Mua về cả thúng củ mì, củ khoai, đường táng. Có khi, Mẹ ủ theo một cái trứng gà nở muện trong túi áo. Đám trẻ hỏi:

-Tiếng gà con ở đâu vậy bác Hai?

Mẹ tỉnh queo: - Gà quế, heo cộ gì đâu?

Xưa nay, tôi quanh quẩn làm việc nhà, rất sợ phải lội xuống bùn. Nhưng, lẽ nào phó mặc việc nặng cho Cha Mẹ già? Dần dà, các con cháu khôn lớn. Tôi xin đi theo, tập tành nghề nông! Ngày xưa, ông Thân Nông, hướng dẫn cho dân Việt làm ruộng. Nay, tôi học công việc đồng áng từ Cha Mẹ chồng mình!



Lần đầu “xuất quân”, là buổi đi tát nước gàu sông, nhổ 2 sào đậu phộng với Cha, ở Miếu Tây. Người trong thôn kháo nhau:

-Xưa rày, tui vẫn nghĩ: Bác Hai thương chỉ nên nói vậy, chớ người mảnh dẻ, yếu ớt cỡ đó, làm được gì? Hôm nay, thấy tận mắt, chỉ tát nước, nhổ đồ với bác trai, thật đáng khen! (Họ đâu biết, tát nước gàu sông, nhất là gặp được sông thấp, cả một sự nhọc nhàn, uyển chuyển, là niềm vui thích của tôi. Tát nước hoài, không thấy mệt)! Đồ nhổ xong, gom về sân nhà. Tối, bà con đem đèn đến lật củ, làm rẽ. Vừa làm, vừa chuyện trò râm ran. Dây lạc loại ra, đem chặt khúc, ủ phân rất tốt.

Tôi theo Mẹ đi nhổ cỏ. Chắc chắn, đã có khi tôi nhổ lầm cây lúa! Ráng cấy lại, bằng không, sẽ vo tròn, lấy chân nhận, giấu xuống bùn! Hôm cắt đám ruộng Vũng trước nhà. Lom khom chán, tôi mỗi lưng, ngồi cật, lết tới, đi như kiểu con vịt, lúctập thể dục hồi còn bé! Cha chồng bảo: -Mỗi lưng, con cứ ngồi. Cha cũng vậy! Chỉ Mẹ chồng mới kiên cường đứng lom khom suốt buổi! Tôi quờ liềm, móc một nắm

cây lúa. Bẻ gập xuống, giục xoẹt một cái. Chỉ sợ trúng tay! Xoẹt xoẹt, ngọt sớt, cũng lạnh cả người! Rất may! “Thánh nhân đãi kẻ khù khờ”! Suốt mùa cấy, tôi được toàn vẹn. Trong lúc “thợ gặt chuyên nghiệp”, vẫn có người bị đứt tay!

Sợ nhất, là khi cắt lúa ruộng nước. Thoáng nhìn thấy bóng dáng con đĩa, tôi đã xanh mặt! Mẹ chồng trấn an:- Đừng sợ, con cứ đi bên cạnh Mẹ, Mẹ lấy bả trâu xúc cho, đĩa rớt ra liền à!

-Ồi! Mẹ ơi! Chờ nó cắn rồi, mới được Mẹ xúc thuốc, chắc con chết mất!

Lần cắt lúa ở đám ruộng Miếu, vừa thấy con đĩa ngoe nguẩy bơi đến. Tôi quá sợ, hét lên, quăng liềm chạy. Rất may, Mẹ đã tìm lại được cái liềm dưới bùn, nếu không, phiền to rồi. Từ đó, Mẹ chỉ cho tôi theo cắt ruộng khô thôi!

Trong niềm chờ đợi chồng đi học tập trở về. Tôi vẫn yên phận với nếp sống nhà quê. Đã tận mắt thấy, đã góp bàn tay trong công việc gieo trồng, thăm thía câu ca:

“Ai ơi bưng bát cơm đầy,

Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần”!

Nhưng, Cha Mẹ chồng bảo, thuở thanh bình, việc làm ruộng cũng thư thả lắm. Gieo cấy xong, chờ lúa chín, thời gian đó rất nhàn nhã. Ngày ngày chỉ ra thăm đồng, thỉnh thoảng tháo nước, vãi phân, chờ mùa gặt. Việc đó nhẹ nhàng, mình người phụ nữ cũng làm được.

Trong cảnh khó khăn, chật vật, không phiên chợ nào, Mẹ quên mua quà cho các cháu. Về đến nhà, vừa đặt gánh xuống, Mẹ lấy ra bọc “kẹo cà”, có khi là một mớ củ môn đã nấu chín, ăn với đường táng. Những bó đậu nành nhỏ nhỏ luộc sẵn, hoặc những trái bắp nếp, nấu đổ nhựa sên sệt...Mẹ chia đều 6 phần, mỗi đứa cháu tới lãnh một phần quà. Những lần nấu chè đặc, hay bánh canh ngọt, Mẹ đều chia như thế. Mẹ không nấu ít đâu, nguyên một xứng to, múc ra chén, xếp thẳng hàng, mỗi hàng 4,5 chén. Ăn chán chè, mãi hôm sau hầy còn. Lâu lâu, chúng thêm ăn bánh xèo, Mẹ bảo:

-Hỏi thím Bẩy bay, có chịu ngồi lò, đúc hay không?

Mẹ chọn gạo, ngâm, xay bột, đặng bột, pha bột bằng nước nóng, với lá hành xắt nhỏ và bột nghệ. Trong khi tôi lo ướp thịt, tôm và nấm (các cháu tìm quanh chân đồng rơm). Khi đã sẵn sàng lò than và hai khuôn đúc. Mẹ chồng tôi điều khiển, cho từng đôi, các cháu vào ăn, ăn nóng cho ngon! Bắt đầu từ cặp bé nhất, được ăn trước. Cha thích ăn bánh xèo guậy (chỉ vừa chín tới, không để se mặt). Mẹ ăn kèm với rau sống, gồm cây cải non, sà lách, lá hành, lá tỏi ...chấm nước rước. Ăn xong, Mẹ ngồi lò, đúc bánh cho tôi. Quả thật sau này, tôi đã đỡ

bánh xèo nhiều lần, cũng như đi ăn trong hàng quán. Chưa bao giờ được ăn lại, những cái bánh xèo ngon như ngày ấy: bột dẻo nhưng ráo. Khi đổ bột vào khuôn, mặt bánh rổ đều những bóng nhỏ, khắp mặt. Không bao giờ bị chai, bị li mặt! Cả nhà ăn hết lượt, tôi còn đúc thêm một ít bánh xèo dòn (trở cả hai mặt). Đổ cho hết thau bột, để sáng mai, ăn bánh xèo nguội.

Cuộc sống tạm ổn định. Chỉ còn khắc khoải một niềm đợi trông, người Cha, người chồng, người con trở về đoàn tụ. Nhưng đã mỗi mồn, 1 năm, 2 năm, 3 năm.. .không biết đến bao giờ? Đã mấy mùa xoài cát, Mẹ vẫn để dành những trái ngon trên cây, đợi người con út. Mặc gió táp, sương sa, chim, dơi gặm khoét, vẫn chưa muốn hái xuống. Phần tôi, mỗi lần nghe tiếng chó sủa, hay tiếng xe honda ngừng trước ngõ, tôi đều đưa mắt nhìn ra, với niềm hy vọng.

Suốt một ngày chờ chực đổi tiền, Cha chồng tôi đuối sức, bị té xe trên đường về. Cha đổ bệnh, nằm luôn từ hôm ấy! Cô y tá đến chuyển nước biển, Cha không cho! Tôi nài nỉ:- Cha ráng chịu khó chữa cho mau khá, con đã viết thư vào trại cải tạo, xin phép cho anh Hân về thăm Cha, Cha lặng lẽ, giơ cánh tay ra, cho y tá tìm “ven”. Nhưng, chẳng chờ nổi nữa, sau một tháng ngã bệnh, Cha chồng tôi đã qua đời. Cha than thở trong cơn hấp hối:

-“Trời ơi! Con người ta về hết, sao- con- tôi- chưa- về”?

Tôi báo tin cho chồng, đang cải tạo ở Gia Ray, cùng với một tờ đơn, đã xin thị thực ở xã, về hoàn cảnh gia đình. Lấy tính mạng của 8 người trong nhà, đứng ra bảo lãnh cho chồng về, giúp tôi nuôi dạy đàn con cháu và phụng dưỡng mẹ già. Nhưng không ai thèm trả lời, trả vốn gì cho tôi!

Sau khi Cha chồng mất, những lần tôi đi dự lễ ở nhà thờ về, Mẹ chồng hỏi:- Con đi nhà thờ, có cầu nguyện cho Cha hay không?

-Người Công Giáo chúng con, cầu nguyện cho linh hồn người đã qua đời hàng ngày, trong mỗi Thánh lễ, Mẹ ạ!

Cha quản nhiệm xứ Công Chánh thấy tôi vấn khăn tang, Ngài ngạc nhiên vì trong Họ Đạo có người qua đời, Ngài không hay biết. Nghe tôi trình bày, Ngài đến nhà, chia buồn với Mẹ chồng tôi, cùng cảm ơn Mẹ, đã rộng lượng cho con cháu, được tự do nuôi dưỡng và thể hiện niềm tin của mình.

Tôi rất khâm phục và biết ơn, tấm lòng quảng đại của Mẹ. Dù trong những ngày tháng khó khăn nhất, 4 mẹ con tôi vẫn đọc kinh, cầu nguyện hằng đêm, ngay dưới mái nhà của Mẹ. Ngày Chúa nhật, Mẹ còn nhắc nhở tôi, cứ để công việc đang làm dở đó, đi dự lễ cho đúng giờ!

Tôi dâu út, Mẹ chồng là dâu trưởng, nên tôi cũng bị cuốn theo

những bận rộn của các ngày kỵ giỗ. Mẹ chồng lo chuẩn bị, hàng tháng trước đó:

Mẹ để dành gạo trên sàng, mỗi phiên chợ gom dần: đậu xanh, bún tàu, nấm mèo, nếp, đường...Chưa kể đến bầy gà vịt, đã nuôi và vỗ béo từ mấy tháng trước. Những con vịt ức thật dày, nấu lên thơm phức! Mấy hôm áp ngày giỗ, hai Mẹ con đã lo rọc lá chuối, phơi, lau, xếp, cắt sẵn. Cùng lúc, xào nhân dừa, đậu xanh. Luộc lá gai, thái nhỏ, quét với bột nếp để làm bánh ít lá gai. Gói hàng trăm cái, để trước cúng, sau làm quà cho mỗi gia đình. Trước đó khoảng 10 ngày, Mẹ còn nhắc tôi, làm một thẩu mắm. Cá cơm, tôi ngắt đầu, rút ruột, ướp muối, chút đường, tỏi, ớt, trắng phau như mắm cá thu xay, để ăn với thịt phay, rau ghém.

Chính ngày giỗ, con cháu, dòng họ, hàng xóm, tề tựu về. Người đi “sáng đường”. Mẹ tôi hân hoan nói thế! Mọi người rộn rã nói cười. Dịp tốt để thăm viếng, gặp gỡ đông đủ! Khi cỗ bàn đã bày biện trên các bàn thờ. Ai nấy lần lượt vào cúng. Câu chuyện vẫn nở như bắp rang, chung quanh một người, đang khẩn vái lâm râm trước bàn thờ. Tôi nghe tiếng anh Bốn sai bầy cháu:

- Mời thím Bảy bay vào cúng!

Tôi chưa kịp chạy lên, Mẹ chồng đã đỡ lời:

- Con Thơ cúng rước hồi hôm rồi!

Sợ tôi luộm thuộm, không quen, nên Mẹ bày cho tôi cúng từ tối hôm trước. Ngày Cha chồng mất, tôi đã nghe, có người tò mò:

- Coi thử chị Bảy, Công giáo, cúng ra sao?

Mẹ chồng tôi rất nhanh nhẹn, tháo vát. Tâm hồn quảng đại bao dung, nhưng không ủy mị. Tôi chưa từng nghe Mẹ than thở hoặc rơi lệ bao giờ! Có lẽ nỗi nhớ thương hai người con trai xa vắng: Một người đã khuất, một người còn đang tù tội. Mẹ thể hiện bằng sự nỗ lực, hy sinh, lo cho các cháu được no đủ, hạnh phúc. Một lần, tôi đau nặng, phải nằm liệt. Mẹ chồng đến, ngồi bên giường, nắm bóp bàn chân lạnh ngắt của tôi. Mắt Mẹ long lanh, ướt:

-Thơ ơi! Nếu có phải chết, Mẹ xin chết thay cho con! Con phải sống, đợi thằng Hân trở về!

Tôi trào nước mắt, gượng ngồi dậy:

- Mẹ ơi! Con yêu quý Mẹ! Con sẽ khỏe để phụ giúp Mẹ, nuôi dưỡng đàn cháu nhỏ, chờ anh Hân về. Anh vẫn nhớ thương và mong sớm về gặp Mẹ!

Cuộc sống vất vả, khó khăn, nhưng tràn đầy yêu thương. Trong trại “cải tạo”, anh viết thư, hẹn ngày trở lại, thay Mẹ, thay em, gánh vác việc nhà, phác vẽ một tương lai đầm ấm.

Bằng đi một thời gian, trong lần thư mới nhất, anh thúc giục chúng tôi, lo “đi kinh tế mới” với cậu Lượng trước đi. Lúc về, anh sẽ đi thẳng tới đó. Khốn nỗi, cậu Lượng ở trên chiến hạm HQ1, đã sang Mỹ từ cuối tháng 4/75. Lúc đó, đang định cư tại Cali! Tôi nghĩ bụng: Anh thật là “Hồn bướm mơ tiên”!

Thế rồi, anh đã trốn trại! Công an trại Gia Rây rào hết các địa chỉ của thân nhân chúng tôi để dò la, tìm kiếm. Cha Mẹ vắng nhà, các cháu sợ lắm. Tôi bảo: Các cháu cứ yên tâm. Chừng nào chú Bảy trốn đi từ nhà mình, mới sợ. Đàng này, chú đi từ trong trại, mình đâu có trách nhiệm gì!

Tôi vừa kịp đem 4 cây vàng vào cho anh đóng tiền vượt biên, lúc trở về, bị Công an khám xét rất kỹ, ngay trên toa hành khách về Diêu Trì. Họ tra hỏi mãi câu: -Chị đi cùng với ai?

- Chẳng với ai cả, mình tôi!

Hành khách trên toa, đổ dồn con mắt, nhìn mớ hành lý của tôi, đang bị lục soát tỉ mỉ, họ xì xầm:

- Coi bộ cô này đâu có phải dân đi buôn?

Vừa về đến nhà, Công an xã mời tôi lên, làm việc với Công an trại giam. Hết lần này tới lần khác. Tôi đi đâu, cũng bị theo dõi, tra hỏi. Họ hứa hẹn, khuyến dụ tôi: Hãy tìm anh Hân về. Trong chương trình tái thiết đất nước, người phi công như anh sẽ được trọng dụng.

- Tôi không tin! Người giáo viên như tôi, nhà nước còn chưa cho đi dạy, nói chi đến một phi công lái trực thăng võ trang?

- Chỉ là giai đoạn đầu thôi. Nếu anh ấy ra nước ngoài, hoặc chị có bước đi bước nữa, tôi nghĩ, chị cũng không có hạnh phúc!

- Hạnh phúc của chúng tôi đã mất, khi con không có cha, vợ chẳng có chồng. Còn điều anh nói: “Bước đi bước nữa”? Chỉ có thể xảy ra, khi anh ấy đã chết thôi! Tôi hỏi thật: - Anh Hân còn sống hay đã chết? Anh cứ nói thẳng đi! Tôi không dám nghi ngờ. Nhưng dư luận đồn âm lên là các anh đã giết chồng tôi rồi! Tôi làm đơn, lấy tính mạng cả nhà ra bảo lãnh, xin cho anh ấy về. Các anh không cho, các anh quản lý. Sao bây giờ lại hỏi tôi? Dù đang đóng kịch, giọng tôi bỗng xúc động nghẹn ngào!

- Chị không được nói thế! Mạng sống con người, đâu phải chuyện chơi! Muốn giết thì giết sao?

Sau lần ấy, tôi không còn bị kêu lên xã để Công an thẩm tra nữa. Có lẽ họ đã về trại Gia Rây rồi. Nhưng, chính quyền địa phương, rõ ràng ra mặt kỳ thị với gia đình tôi. Nhất là với mẹ con tôi. Tôi đi xin thị thực khai sinh cho các con đi học. Họ khó dễ, họ chì chiết tôi! Nào chúng tôi có làm gì nên tội?

Vì tương lai của các cháu, tôi đành xin phép Mẹ, đem các con vào Căn Cứ 3, Đồng Nai. Ở đó, dân tứ xứ qui tụ về, nhập hộ khẩu rất dễ, chỉ cần vài trăm ngàn là xong ngay. Tôi làm rẫy, trồng bắp, đậu xanh. (Dù sao, con giun không đáng sợ bằng con đĩa! Mở một cái quán nhỏ bán tạp hóa. Sau, tôi xin dạy hợp đồng, dạy liên tiếp 2 ca, mỗi ca 2 tiếng. Ở đây đang thiếu phòng ốc và thiếu giáo viên trầm trọng!

Muốn cho vụ trốn trại của anh Hân lắng dịu, đến mấy năm tôi chưa về lại Quy Nhơn. Những người trong thôn hỏi Mẹ: -Lâu rồi chị Bảy không về, chắc chỉ có chồng quá? Hả bác Hai?

Mẹ chồng quả quyết: - Không đâu, con Thơ theo Công giáo mà!

Cám ơn Mẹ đã hiểu lòng con. Vâng, "Sola Mort": Chỉ trừ cái chết! Con vẫn yêu thương, trung tín đợi chờ người con trai út của Mẹ!

Cuối Đông năm 98, nghe tin Mẹ chồng đau nặng. Tôi và con gái về thăm. Mẹ đang nằm tại bệnh viện Thánh Gia. Mẹ vui mừng nói với các bệnh nhân cùng phòng: -Đây là con dâu và cháu nội út!

Mẹ đau thận, mổ rồi, bác sĩ mới phát hiện Mẹ bị ung thư, nên chỉ đặt ống, dẫn nước tiểu ra ngoài. Trông Mẹ tiều tụy, chỉ còn da bọc khung xương! Cả hai Mẹ con, đều không dám nhắc gì đến tin tức của- người- còn- vắng- mặt!

Hai tháng sau, Mẹ chồng tôi qua đời. Những ngày cuối cùng trên giường bệnh, tôi nghe tiếng Mẹ rên rĩ trong cơn đau:

-Trông- con- như- trông- nước- uống! Con- ơi! Hân- ơi!!!

Giờ đây, trên cõi Vĩnh Hằng, Mẹ đã tường mọi sự. Con và các cháu vẫn nhắc hoài những năm tháng sống dưới mái nhà Mẹ, trong vòng tay từ ái của Mẹ.

Di ảnh của Cha Mẹ, tôi làm thành ba bộ, ghi rõ ngày sinh, tháng tử. Giao cho các cháu, mỗi gia đình một bộ. Đặt nơi trang trọng trong nhà, giúp các cháu gần gũi, tưởng nhớ đến công ơn của Ông Bà: Bạc tiền nhân đã hết lòng tận tụy, hy sinh cho chúng!

Riêng lòng tôi tràn ngập đắng cay: Nay các cháu được khôn lớn, nên người, cũng là lúc Cha Mẹ chẳng còn! Ân tình của Ông Bà, Cha Mẹ, nguyện ghi khắc trong tim! Con cháu chỉ còn biết thiết tha cầu nguyện hàng đêm. Cầu mong linh hồn các Ngài được hưởng hạnh phúc ngàn thu. Mẹ ơi! Con vẫn trọn tâm tình yêu mến, biết ơn Mẹ. Dù anh Hân có ra sao chăng nữa! Dù anh ấy vẫn đi biệt biệt không về! Có ai thương con dâu được như Mẹ? NGƯỜI MẸ CHỒNG xứ BÌNH ĐỊNH của tôi!

Ytbnguyen

Quê tôi (1)

Quê tôi đó! nằm bên kia Biển Lặng (2)
Mắt đôi tìm thấy vị mặn bờ môi
Tai vẫn nghe tiếng võng mẹ, lời ru
Cơn ấm lạnh trôi xuôi theo vận nước

Quê tôi đó! những con người khốn khó
Áo sờn vai, cơm không đủ no lòng
Thân gầy gò gồng hai mùa mưa nắng
Đất Côn Quyền lòng dạ giữ thủy chung

Quê tôi đó! gái trai theo trống trận
Kiếm anh hùng, vai nặng gánh giang sơn
Thân bách chiến bốn ngàn năm ghi đậm (3)
Chí quật cường nguyện khôi phục (4) non sông

Nữ Đồ Đốc, phận quân thoa xông trận (5)
Thân ngọc ngà sông núi đúc ngàn năm
Tài thao lược lừng chình nam, bắc phạt
Vận anh hùng hoa lá rũ cờ tang

Quê tôi đó! là trái tim, hơi thở
Hồn quê hương nặng nề gót phiêu bồng
Chân trời ấy dù cách xa vạn dặm
Mây ngàn bay cho gọi chút linh thân.

Nguyễn Ngọc An
(annguyenqn@yahoo.com)
Los Angeles 2004

Ghi chú: (1) Bài này đã được đăng trong ĐS Cường Để - Nữ Trung Học Năm 2010 tại Houston.
(2) Biển Lặng: Thái Bình Dương
(3) Vua Quang Trung
(4) Vua Quang Trung đòi đất Lương Quảng.
(5) Nữ Đồ Đốc Bùi thị Xuân



Giải tỏa Phù Mỹ 74

Hà quế Linh

Lệnh rút quân khẩn cấp, sĩ quan hành quân giao máy cho tôi trực tiếp nhận lệnh từ Đại tá Trung đoàn trưởng lúc 3 giờ chiều. “Toa phải cho con cái tập trung về Bàu cạn, có xe đưa ra ngã ba Trà bá trước 6 giờ chiều, sẽ nhận lệnh.” Tại sao lại có lệnh úp mở, không nói rõ lý do. Chúng tôi đang hành quân trong vùng Thanh-an Thanh-giáo. Đây là khu trù mật thời Ngô đình Diệm, đất đai màu mỡ cây trái xanh tươi nhưng bây giờ điêu tàn hoang phế, cư dân thưa thớt, họ rút về thị xã Pleiku, hay Trà-bá để sinh sống. Sâu về hướng Tây đồi núi trùng điệp, đúng là vùng lý tưởng cho sự hoạt động bành trướng của địch quân. Bạt ngàn những rẫy mì chen với rừng cây tối cứ ngỡ cửa đồng bào Thượng, nhưng hỏi ra là của quân đội Cộng sản.

Với thời gian hạn hẹp chúng tôi phải thu quân khẩn cấp, từng Trung đội Đại đội đang lặn lội trong rừng sâu bám sát phục kích các cuộc di quân từ đường mòn HCM đổ về Pleiku, phải vội vàng tháo gỡ mìn bẫy, phá bỏ các công sự phòng thủ để rút quân. Về đến Trà-bá đoàn công voa đã sắp sẵn. Lữ lực các Tiểu đoàn 1,2/42 cũng hoàn tất cuộc rút quân. Đại tá Trung đoàn trưởng khẩn họp các Tiểu đoàn và ban lệnh. “Chỉ khu Phù mỹ Bình định bị bao vây, Trung đoàn ta có nhiệm vụ giải tỏa áp lực khẩn cấp. Lệnh Tiểu đoàn 3 đi đầu (của tôi) kế đến Tiểu đoàn 2, BCH hậu trạm Tiểu đoàn 1 bao chốt, có thiết giáp hộ tống.”

Sau khi quân đội Đồng minh rút quân, quốc lộ 19 được giao cho

Địa phương quân và Nghĩa quân canh gác các yếu điểm, cầu cống và cũng từ đó mọi hoạt động vận chuyển ban đêm coi như chấm dứt. Với lộ trình dài gần 300km, rừng núi, đèo dốc hiểm trở có thể bị phục kích bất cứ lúc nào. Nhận nhiệm vụ đi đầu, coi như thập tử nhất sinh, Chiến sự căng thẳng khắp nơi, từ Cao nguyên đến đồng bằng, với lối di chuyển ban đêm, xe pháo ồ ạt, đèn xe sáng choang, hạn chế tầm quan sát, không có quân mở đường, thiếu an ninh, chuyển quân như vậy quá nguy hiểm. Kế hoạch này quá liều lĩnh, như canh bạc may rủi nhất chín mười bù. Nếu Trung đoàn 42 bị phục kích sẽ kéo theo Chi khu Phù Mỹ bị xóa sổ. Nghĩ đến những lần đột kích vào mặt khu, len lỏi trong lòng địch, lúc còn ở đơn vị thám kích tôi không sợ mấy, vì xuất nhập bất thần, bí mật đơn vị nhỏ, trang bị nhẹ, dễ len lỏi chắc ăn thì xôi, liệu không xong thì bôn tẩu né tránh, còn nhiều cơ hội sống sót. Lần này rủi nhiều may ít, sau khi bàn bạc với các Đại đội trưởng vạch kế hoạch di chuyển, phân phục kích, hỏa lực yểm trợ lẫn nhau. Giờ khởi hành đã đến chiếc xe jeep chỉ huy giao cho Đại úy Đại đội trưởng đi đầu chia 2 bộ phận chỉ huy phòng khi bất trắc. Phần tôi và truyền tin lên chiếc xe GMC chở quân chạy giữa đoàn xe của Tiểu đoàn. Đây là hình thức nghi binh, rút kinh nghiệm xương máu chiến trường đã dạy, Vì Địch thường đánh vào đầu não BCH, xe jeep là mục tiêu.

Lần mò trong đêm, cuối cùng đoàn xe về đến cầu Bàngi an toàn, hậu cứ An sơn đã chờ tại đây để bổ sung quân số, tiếp tế tiếp liệu rồi trực chỉ đến Chợ Gôm lúc 6 giờ sáng. Đổ quân bên vệ đường lo cơm nước, Đại tá Trung đoàn trưởng khẩn họp các Tiểu đoàn, sĩ quan Ban 2 cho biết tình hình tổng quát. Sư đoàn 3 sao vàng đang bao vây Chi khu Phù Mỹ, sinh hoạt không bình thường, nội bất xuất ngoại bất nhập, đường kính an ninh không quá 1km. Bên kia cầu Phù Mỹ địch đã đóng chốt, làng Diêm Tiêu súng phòng không địch dày đặc, đó là vùng giải phóng hậu cần của địch. Từ một Chi khu rộng lớn nay teo lại như một ấp chiến lược ngoi ngóp, chờ tiếp cứu.

Mùa hè đỏ lửa năm 72 Phù Mỹ là tuyến đầu của tỉnh Bình Định đã kiên cường ngăn chặn làn sóng xua quân lấn chiếm sau khi Bồng sơn Tam quan thất thủ. Một đơn vị đơn độc phải chống trả 3 gọng kiếm tiến quân của địch. Trung đoàn 41 kịp thời chặn đứng các đợt tấn công để bảo vệ vòng đai Chi khu và hậu cứ Trung đoàn với quân số ít ỏi, vì phải tăng phái một Tiểu đoàn cho mặt trận Đakto, Tân cảnh (Tiểu đoàn 1 do Đại úy Đức chỉ huy). Nổi bật nhất Tiểu đoàn 2/41 do Trung tá Võ Ân đã giáng trả cho địch những trận đòn sấm sét phủ đầu khiến chúng tê liệt mất hùng khí, các đơn vị ta tăng cường đánh chúng phải tháo chạy vào mặt khu An lão. Bảy giờ Phù Mỹ thờ phào nhẹ nhõm.

Lần này Trung đoàn 42 chia 3 mũi dù tấn kích, Tiểu đoàn 1 do Thiếu tá Sơn dọc theo trục hỏa xa, Tiểu đoàn 2 do Thiếu tá Chấn chịu trách nhiệm dọc theo quốc lộ, Tiểu đoàn 3 (tôi) yểm trợ và kiểm soát hướng Đông. Từng bước, nhờ lần các chốt tiến về Chi khu. Thiết đoàn 14 với hỏa lực tối đa, đè nát các công sự phòng thủ Nhà Đá một địa danh nghe khiếp đảm, địa thế hiểm nghèo nơi địch thường đặt mìn, phục kích, chặn xe dò, đây là chốt chặn kiên cố nhất, các chiến sĩ 42 mở những đợt tấn công bằng lựu đạn, dành từng tấc đất từng ngôi nhà. Thông lọng riết cổ Chi khu đã được nơi lỏng. Trung đoàn 42 lại ghi thêm một chiến tích vẻ vang sau trận chiến thắng thần thánh tại làng Trung nghĩa Kontum năm 73 diệt gọn F10 sư đoàn CS mới thành lập.

Với lối tiến quân thần tốc, được không quân và thiết giáp yểm trợ đã buộc địch phải tháo chạy., bỏ lại chiến trường những đứa con sinh Bắc tử Nam. Thị trấn Phù Mỹ lại hồi sinh, chợ búa quán xá hoạt động bình thường trở lại, dân chúng hơn hờ vui mừng chào đón các người hùng 42 từ Cao nguyên trở về. Thiếu tá Vinh, Quận trưởng đã ôm chàngng Đại tá Thông tỏ vẻ cảm ơn và cũng không quên thăm hỏi ủy lạo các chiến sĩ đang ghim tay súng phòng thủ vòng đai cho thị trấn. Quốc lộ 1 giao thông được nối lại, chưa hoàn tất nhiệm vụ, trung đoàn 42 còn phải tiến về Diêm-tiêu, đây là điểm trọng yếu địch cố thủ, nên ta phải mở nhiều đợt tấn công mới chiếm lại được. Sư đoàn 3 sao vàng tháo chạy, chúng rút vào đèo Bằng lẳng bỏ sung quân số. Cặp mắt cáo ngày đêm dòm ngó, quyết chụp cho được con gà tơ Phù Mỹ đã 2 lần ôm đầu chạy. Đỉnh đồi 298 là nơi mắt cáo quan sát mọi hoạt động của ta. Để triệt hạ tiểu đoàn 3/42 (của tôi) lại một lần nữa đụng độ, 11 ngày đêm giao chiến, được pháo binh và không quân yểm trợ, bao nhiêu gian khổ bao nhiêu chiến binh ngã xuống cho đồng đội vươn lên quyết hoàn thành nhiệm vụ. Kế hoạch tiến quân với hai đại đội tấn công gọng kềm tiến theo hai sườn đồi, một đại đội yểm trợ cho hai cánh quân đi giữa BCH đi sau một đại đội và vũ khí nặng. Ngày thứ 11 gọng kềm đã siết chặt chỉ còn 50m đến đỉnh đồi, trời tối không thể tấn công thanh toán mục tiêu ban đêm. Hỏa lực phản công địch yếu dần, tôi nghĩ chiến thắng như cầm chắc trong tay, ngày mai lá cờ vàng sẽ ngạo nghễ tung bay trên đỉnh đồi. Chiều hôm ấy tin phòng nhì cho biết đã thấy địch tập trung quân di chuyển về hướng Vinh thành và có ý bỏ đồi 298 vì không chịu nổi hỏa lực pháo binh và không quân, hơn nữa gọng kềm đã siết chặt, không ngờ chúng nghi binh, tối đó chúng quay lại.

Năm giờ sáng tiếng gọi khẩn cấp của Trung úy Đại đội trưởng trừ bị đóng ở ngọn đồi nhỏ gọi đồi độc lập. Ông hỏi có đơn vị nào tiến quân sau lưng đồi không? Tôi hỏi Trung đoàn, liên lạc Chi khu có đơn vị địa phương quân nào hành quân không ? để tránh ngộ nhận.

Chưa kịp xác nhận chúng đã nổ súng tấn công , cối 82 pháo binh nã vào phòng tuyến như mưa, đồng thời 2 cánh quân gọng kìm cũng bị tấn công tới tấp. Cả 3 đại đội bị đánh cùng lúc, BCH tiểu đoàn bị pháo kích. Xin pháo binh yểm trợ chỉ được vài quả thì bị địch phản pháo rất chính xác, pháo binh ta phải thay đổi vị trí liên tục. Cuộc tấn công của địch càng lúc càng mạnh chúng trào ra từ các sườn đồi, khe suối, đẩy hai cánh quân của ta bật ra, phía dưới chân đồi hướng đông chúng tấn công đánh thốc lên đại đội trừ bị. Đơn vị chúng tôi chống trả mãnh liệt để thoát khỏi vòng vây, mọi sự tiếp cứu quân



bạn chưa tới kịp.

Tôi nhận lệnh của trung đoàn, buộc trong vòng 15 phút phải rút toàn bộ ra ngoài khu chiến, cách ranh giới phía đông đường ray xe lửa để không quân sẽ can thiệp tức khắc. Không đầy 20 phút sau phần lực cơ từ Phú Cát, Nha Trang, Phan Rang thay phiên nhau oanh kích. Sau đợt phi pháo tôi được lệnh trở lại chiến trường kiểm chứng, thu hồi những chiến sĩ hy sinh, tìm những binh sĩ bị thương lo tãi thương, xác địch ngổn ngang đầy tử khí. Tôi nghẹn ngào cúi mặt nhận xác Trung úy đại đội trưởng , anh đã phát hiện từ sớm, nhưng không ngờ địch vòng ra sau lưng đánh ngược lên cứ ngỡ quân bạn tăng cường, nên trở tay không kịp. Anh trình diện tôi chưa đầy 24 giờ đã hy sinh. Tôi tiếp nhận anh tại chiến trường trong bữa ăn dưới bờ tre, tôi hỏi chuyện và dò thử khả năng kinh nghiệm tác chiến để đánh giá. Với khuôn mặt trầm buồn anh kể cho tôi nghe thấy tướng số nói gia đình anh phải chết 5 người và đã chết 4 rồi, còn lại chỉ mình anh.

Tôi an ủi và không tin lắm nói cho anh yên lòng khỏi lo sợ, có lẽ cái xui của anh đã hết là từ sư đoàn 9 về đây . Được biết trước đây anh cũng từng làm đại đội trưởng của Tiểu khu Bình Định.

Sau bữa cơm trưa, tiếng súng nổ vang cánh quân trừ bị chạm địch, tôi bắt máy và nhận báo cáo của tr/ư Đại đội trưởng hạ được 3 VC lấy 2 súng và anh có nhắc lại lời hứa của tôi “ khi nào lấy được súng Đại bàng cho em về phép cưới vợ” Để giữ lời hứa buộc lòng cho người thay thế.

Tôi cho anh mới trình diện lên thay, tôi nghĩ đại đội trừ bị hơn nữa cách tôi chừng 300 mét, việc bàn giao nhiệm vụ lúc 3 giờ chiều, không ngờ chuyến đi ấy là chuyến đi vận mệnh đúng như lời tiên tri đã báo trước người thứ 5 trong gia đình. Nếu anh không nói từng làm Đại đội trưởng Tiểu khu Bình Định thì tôi sẽ điều động Tiểu đoàn phó thay thế, chắc anh không đến nổi, thật là xui xẻo và không thoát khỏi số mệnh. Tôi lầm lũi thu gọn chiến trường và rút ra với tâm trạng bại tướng. Ngọn cờ vàng chiến thắng tôi đỉnh ninh sẽ dựng lên trên đỉnh đồi không thực hiện được.

Tôi không thể nhìn lại vị Trung đoàn trưởng , tôi cùng ông chia xẻ nỗi buồn. Ông không phiến trách, ngược lại còn vỗ về tôi, còn đề nghị huy chương chiến thắng. Tôi ngậm ngùi cảm ơn Đại tá và tự nhận thấy không xứng đáng nhận chiếc huy chương này, bởi vì đơn vị tôi có nhiều chiến sĩ hy sinh. Tiểu đoàn tôi được rút về hậu cứ để bổ sung, và tôi được nhận huy chương .

Chiến tranh là xảo trá, tàn bạo, mưu mẹo lường gạt, là chiếc bẫy thú chộp người. Đúng như vậy, Sư đoàn 22 âm thầm áp dụng chiến thuật DỰ HỔ LY SƠN để tiêu diệt con cáo Sư đoàn 3 sao vàng thường phân tán len lỏi trong rừng. Sau khi bị đánh bật khỏi đồng bằng Phù Mỹ, đơn vị tôi lại rủi làm con gà tơ nhỡn nhỡ làm mỗi trước miệng cáo. Nào tôi có hay!! Tan cuộc cáo đập đầu lỗ trán, bò vào mật khu lẩn trốn dưỡng thương, gà cũng què giò gãy cánh lui về hậu cứ bổ sung, an dưỡng. Cứ tính theo tổn thất, đơn vị tôi mất một thì địch mất 3 có nghĩa là ta chiến thắng, và như thế tôi đủ tư cách nhận chiến công.

Mang chiếc huy chương đỏ tòn teng trên ngực áo là mang tất cả máu hồng của đồng đội của tôi đã gục ngã. Tôi trân trọng màu đỏ của máu đồng đội hơn giá trị huy chương để thăng cấp./.

Cali đông 2003

Hà quế Linh



Mãnh sư về trời

Nguyễn Mạnh Tường! Nguyễn Mạnh Tường!
Mãnh sư thiên tài và bi thương
Chỉ mìm cười khi bị khước từ tăng viện
Anh quyết định phải dùng quân bản địa
Bên ta mất ba quận bắc Quy Nhơn
Anh quyết chiến, chí không sờn
Chúng đe chiếm luôn phi trường Phù Cát
Nguyễn Hồng Tuyên lòng như lửa đất
Tình Trường không rành việc điều binh binh
Tiểu Khu thêm những khuôn mặt bàn gậy thư sinh
Sư Đoàn 3 Sao Vàng hùng hổ
Ngập tràn Hoài Ân, Hoài Nhơn, An Lão
Dân chạy về Tuy Phước, An Nhơn
Quê hương Nguyễn Huệ, Hàn Mặc Tử chỉ mảnh treo chuông
Nguyễn Mạnh Tường chỉ huy thân sâu quỷ khốc
Bay trực thăng với đàn em Cẩm Mậu
Đánh gọng kềm trên Núi Bà, Đê Gi
Công anh, văn tài Trần Thúc Vũ từng ghi
Bị bao vây, địch lớp chết, lớp chuẩn ra biển
Tăm tiếng Sao Vàng sớm chiều tan biến
Tiếp đó máy bay Phù Cát chở bom lên cao
Cả Trung Đoàn địch nằm bết thổ như sậy lau

Bình Định vẫn còn, Quy Nhơn bình ổn
 Nhưng Nguyễn Mạnh Tường được gì? Ông Tiểu Khu Phó?
 Vẫn mỉm cười, chịu đựng, xua tay
 Không Bảo Quốc, không thêm trắng hoa mai
 Dù "tướng nhỏ" ngợi khen, tặng mũ
 Do "tướng đàn anh", anh bị quen vùi dập
 Không màng chức vụ, chẳng ham lon
 Anh chăm việc quân và chỉ Vi Dân
 Tên khóa 5 sinh viên Thủ Đức
 Có Lê Văn Hưng, theo thành mà chết
 Niềm oan trái như Tướng Hiếu năm xưa
 Giúp trừ tham nhũng mà chết như đũa
 Tá Tường ra đi buồn hơn Tá Liễu
 Bởi anh còn mối thâm thân tình
 Vợ, hai con chưa thấu nghĩa tử sinh
 Đâu có gì giận hờn ra thăm chưa gặp?
 Anh đi tìm chân lý nơi Chúa, Phật
 Ngộ ra đời cõi tạm, vô thường
 Bỏ lại, bỏ lại hết lon lá, buy chương
 Để còn nhớ bạn bè khi nhắm mắt
 Có đồng đội, có Thọ Đan, Cẩm Mậu
 Anh Tường ơi! Anh rũ áo chẳng cô đơn
 Chúng tôi, khăn tang, nước mắt ẩn trong tim!
 Tên anh lừng lừng trong quân sử
 Tên anh vẫn đời đời sáng chói
 Vĩnh biệt Tường, Bình Định Mãnh Sư!

 Thôi, ngủ đi Anh, ngủ đi Anh!

Diệu Tấn Nguyễn Tịnh Vệ (Kh.5)



Họa thơ

Bài Xướng:

THĂNG LONG THÀNH HOÀI CỔ

Tạo hóa gây chi cuộc hý trường,
Đến nay thắm thoát mấy tình sương.
Dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.
Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt,
Nước còn cau mặt với tang thương.
Ngàn năm gương cũ soi kim cổ,
Cảnh đấy người đây luống đoạn trường.

Bà Huyện Thanh Quan

Bài Hoạ:

CÁNH CHIM VIỄN XỨ

Từ giã không gian bỏ chiến trường,
Quê hương từ đó ngập mù sương.
Bước chân lưu lạc đời viễn xứ,
Non nước muôn trùng cách đại dương.
Vận nước suy vong thân gánh chịu,
Cơ trời dong rũi phận đau thương.
Cánh chim không tổ đời phiêu bạc,
Cổ quốc mù khơi vạn dặm trường.

Quách Tứ



Người Bình Định

tại Dallas, Fort Worth, và Vùng Phụ Cận

PHAN BÁ TRÁC

(Người Bình Định sống rải rác từ Fort Worth, xuống Dallas, và qua các Vùng Phụ Cận. Mọi người vừa mới ngồi lại với nhau trong Hội Ái Hữu Bình Định. Một người khó biết hết nhiều người. Nên những gì tôi viết sau đây có tính cách tiêu biểu, giống như các cơ quan thăm dò (polls) hay phương pháp xác suất. Dùng một phần để tìm hiểu khuynh hướng hay đặc tính của tất cả. Tôi không có ý đề cao cá nhân, gia đình, hay một nhóm nào. Sau này có nhiều dịp và nhiều thời gian hơn để biết rõ, nhiều thành phần hơn và nhiều phương diện khác của Bình Định và Người Bình Định sẽ được trình bày.)

G iữa năm 1975 (khoảng tháng bảy hay tháng tám) có vài ba gia đình người Bình Định đến định cư tại Dallas/Fort Worth. Trong các gia đình này có những cụ già 70, 80, những người trung niên, có các em bé học tiểu học, những em lớn hơn học trung học. Tại sao các cụ và các em đi tị nạn? Các cụ đi theo con cháu và các em là tương lai của gia đình. Những người trung niên mới thật sự tị nạn. Ở lại, cọng sản không tha. Ai cũng nghe và đọc những mẩu chuyện bi thảm, ghê rợn về các trại tù mệnh danh là trại cải tạo.

Những người trung niên luôn luôn đứng mũi chịu sào. Người Bình Định xưa nay ít khi xa gia đình, xa

làng xóm. Đi dẫu rồi cũng lại về. Quê hương đẹp hơn cả (Home, Sweet Home!). Nay ở một đất nước xa lạ, chức tước không còn, tiếng nói không biết, nghề nghiệp, khả năng, và kinh nghiệm trở thành vô dụng. Tôi còn nhớ lại những chuyện cười ra nước mắt. Họ ra đi, tâm tư nặng trĩu. Quê hương đã mất. Nhiều người để lại đằng sau cha mẹ, anh em, không biết nay trời giạt về đâu sau cuộc chiến. Tôi biết một cô gái chưa đầy 20, tị nạn theo chồng và gia đình nhà chồng, không biết trong đời có còn gặp lại cha mẹ và chị em nữa không. Người tị nạn Việt Nam tự nhiên rơi xuống bậc thang cuối cùng trong xã hội mới. Người da đen có sức mạnh, nếu không có khả năng gì đặc biệt. Người Mỹ có số đông để đùm bọc lấy nhau. Nhưng người Bình Định ở Dallas/Fort Worth không còn gì nữa, ngoài trí thông minh, sức chịu đựng bền bỉ, và quyết tâm tiến tới.

Người Bình Định đã sống những ngày cùng khổ trong thời kỳ Việt Minh và chiến tranh. Sau năm 1954, cái gì cũng như bắt đầu xây dựng trở lại trên những đổ nát hoang tàn. Các trường học đào tạo những học sinh ưu tú và cống hiến những con dân hữu dụng cho đất nước. Bình Định cũng là nơi, từ năm 1960 đến 1975, chiến tranh tàn khốc cùng song hành với đào tạo xây dựng. Người Bình Định từng chịu đựng và từng lập lại cuộc đời.

Nay trên đất tạm dung, người Bình Định lại bắt đầu cuộc đời mới với hai bàn tay không. Sau tháng 4 năm 1975, người tị nạn Việt Nam được đưa đến Camp Pendleton, gần San Diego, California, hoặc Fort Chaffee, Arkansas, hay một trại nữa ở Florida. Chính phủ cấp \$300.00 cho mỗi người tị nạn để chi phí lúc ban đầu. Các cơ quan thiện nguyện tìm người bảo trợ và nơi cư trú cho các gia đình. Tại sao là Dallas/Fort Worth? Quá nhiều gia đình đã ra định cư tại California, tiểu bang cống hiến rất nhiều cho người tị nạn về các phương diện công ăn việc làm, giáo dục, y tế, và an sinh xã hội. Các tiểu bang trù phú và phát triển ở Miền Bắc và Miền Đông Bắc quá lạnh lẽo cho người Việt Nam từng sống ở thời tiết miền ôn đới. Texas là một tiểu bang lớn, nhiều tài nguyên, đang trên đường phát triển. Texas giống như Bình Định. Nhiều gia đình đã chọn các thành phố lớn ở Texas (Houston, Dallas/Fort Worth, Austin, San Antonio) làm nơi định cư. Đối với các gia đình khác, định cư ở Dallas có tính cách ngẫu nhiên. Hoa Kỳ là một đất nước hoàn toàn mới cho hầu hết người Việt Nam ngỡ ngàng đến định cư.

Những người Việt Nam đầu tiên đến Dallas/Fort Worth sẵn sàng làm bất cứ việc gì để nuôi sống gia đình và cho con cái vào trường học. Họ không kén chọn và cũng không có điều kiện để kén chọn. Người Hoa Kỳ cũng không đánh giá cao người Việt Nam lúc bấy giờ. Họ nghĩ người Việt Nam không có sức mạnh. Làm gì bây giờ? Họ thương hại và giúp các gia đình Việt Nam, nhất là những gia đình đông con, khỏi chết đói. Tại Dallas/Fort Worth, nhiều người Việt

Nam, từng ở chức vụ điều khiển nơi quê nhà, vào làm công việc tay chân trong các hãng xưởng với giá lương thấp nhất. Nhiều người làm nghề may mặc từ sáng sớm đến khuya để kiếm tiền. Nhiều người vào làm ở các tiệm bán thịt gà. Với người Bình Định tị nạn cũng như những người Việt Nam khác tị nạn ở Dallas/Fort Worth, không có việc gì lương thiện mà kiếm được tiền là xấu cả. Đặc biệt các bà cũng xăng tay áo ra làm việc không kém các ông, mới đủ chi phí cho gia đình. Ở Dallas/Fort Worth người tị nạn Việt Nam không ý lại vào chế độ an sinh xã hội của Hoa Kỳ. Đến đây nhìn lại tôi thật sự cảm động thấy thời gian từ khi những gia đình Bình Định đầu tiên đến Dallas/Fort Worth cho đến ngày nay là một thiên anh hùng ca cho các thế hệ về sau này. Những người Việt Nam tị nạn đầu tiên đã hy sinh tất cả cho con cái được đi học và đã đi một quãng đường dài để được như bây giờ. Người tị nạn Việt Nam không cần tranh đấu như người da đen, cũng không chờ từ thế hệ nầy đến thế hệ khác như người Mỹ. Tiêu chuẩn của người Việt Nam tị nạn ở Dallas/Fort Worth là người lớn phải cần cù làm việc và con cái phải học hành siêng năng không những ở bậc tiểu và trung học, mà vào đại học là tiêu chuẩn cho con em Việt Nam.

Đất lành chim đậu. Những gia đình khác từ các trại tị nạn đến Dallas/Fort Worth theo các gia đình quen biết khác đã ra từ trước. Về sau nầy các gia đình khác đến từ các tiểu bang lạnh giá Miền Bắc và Miền Đông Bắc. Nay đông đảo người Bình Định cư ngụ tại Dallas/Fort Worth và các vùng phụ cận. Nhìn vào thế hệ đầu tiên của người Bình Định, chúng ta cũng thật phấn khởi, không phải chờ đến thế hệ thứ hai hay thứ ba. Dưới bề mặt bình lặng, hài hoà người Bình Định là một sức năng động vô biên.

Ở Dallas/Fort Worth, cụ T. L. là bậc cao niên, nay đã ngấp nghé 90. Trước 1975 cụ từng là quận trưởng và dân biểu quốc hội. Cụ đến định cư tại Dallas năm 1976 cùng với gia đình đã đến từ trước. Con cháu và bà con anh em cụ tại Dallas thật đông. Hình như Dallas có duyên nợ với gia đình cụ hay sao. Dù tuổi già sức yếu cụ luôn luôn vui vẻ tham dự các cuộc họp và sinh hoạt của người Bình Định. Mới năm ngoái, 2010, cụ bà qua đời, làm cho cụ đau lòng khôn xiết. Trong hàng chú bác phải kể cụ V. L., cũng ở tại Dallas/Fort Worth. Năm nay cụ 84 tuổi. Trước năm 1975, cụ làm việc trong ngành cảnh sát quốc gia tại Quy Nhơn. Nếu bạn muốn biết Bình Định/Quy Nhơn từ xa xưa đến giờ, phải hỏi cụ L. Cụ đã sống tại Bình Định/Quy Nhơn và chứng kiến từ thời Pháp Thuộc, qua thời Việt Minh, qua thời Quốc Gia đến năm 1975. Cụ luôn luôn lạc quan, vui vẻ. Cụ cũng là huynh trưởng hướng đạo.

Các sĩ quan và binh sĩ người Bình Định cư ngụ tại Dallas/Fort Worth và các vùng phụ cận nhiều lắm. Người Bình Định chỉ có tướng Lê Văn Kim thuộc cấp tướng. Nhưng đây là trường hợp ngoại

lệ. Những thanh niên tuấn tú bị cầm chân 9 năm trong thời kỳ Việt Minh. Hai sĩ quan đàn anh người Bình Định tại Dallas/ Fort Worth là trung tá L. C. và trung tá N. N. T. Ông L. C. cư ngụ tại Arlington. Ông từng là chủ tịch Hội Liên Quân tại Dallas/Fort Worth. Ông N. N. T. về Dallas/Fort Worth từ Oklahoma City. Các con ông sống rải rác ở Oklahoma City, Murphy, và Houston. Ông thường đi đây đó để thăm con cháu. Chúng tôi có cảm tưởng hai ông (cũng như tướng Lê Văn Kim) là quan văn hơn là quan võ, không biết có đúng không. Có lẽ vì bản chất người Bình Định vốn điềm đạm, cẩn trọng. Hai ông luôn luôn tham gia các sinh hoạt của người Bình Định. Các sĩ quan Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà người Bình Định cư ngụ tại Dallas/Fort Worth đủ tất cả các binh chủng, như không quân, bộ binh, và hải quân. Nhiều, nhiều lắm.

Có hai anh chị là huynh trưởng hướng đạo tại Dallas/Fort Worth. Anh chị vào hướng đạo đã 40 năm, hay hơn nữa, từ lúc còn ở những lớp dưới bậc trung học. Chị là học sinh Trường Nữ Trung Học Quy Nhơn và anh là học sinh Trường Trung Học Cường Để. Anh chị sinh hoạt hướng đạo và trở nên duyên vợ chồng. Tị nạn ở Hoa Kỳ, họ tiếp tục sinh hoạt hướng đạo Họ không thiếu một cuộc họp hay lần cắm trại nào, dầu bề bộn công việc làm và lo cho các con nhỏ. Có lần một người con nói ba má không biết nói gì hơn ngoài chuyện hướng đạo. Trong hướng đạo ở Dallas/Fort Worth, anh chị là trưởng của thiếu đoàn và thanh đoàn.

Người Việt ở Dallas/Fort Worth thường cầm trong tay báo Người Việt Dallas- Fort Worth, là tờ báo của anh T. H. L. Anh T. H. L. ở trong ngành báo chí đã lâu. Báo của anh thay đổi nhiều tên và bây giờ là Người Việt Dallas-Fort Worth. Anh nói cứ viết như mình nghĩ, không khó khăn gì. Chỉ là không khó với anh thôi, chứ không dễ với những người khác. Làm báo, nên anh quen biết nhiều người, nhất là trong giới viết văn. Hàng tuần, bài vở đủ loại qua tay anh. Hiện nay anh L. là chủ tịch Hiệp Hội Truyền Thông Báo Chí DFW. Anh luôn luôn cười xuề xoà dễ chịu. Sao cũng xong. Nhưng không phải công việc luôn luôn suôn sẻ với anh, nhất là trong nghề làm báo. Đôi khi anh cũng phải mất mát nhiều lắm. Anh là tiêu biểu cho người Bình Định, ưa viết văn làm thơ. Tôi có quen thấy T. G. H. là thân phụ anh. Thấy H. là hiệu trưởng trường An Nhơn, trước năm 1975 thấy về làm việc tại Ty Văn Hoá Giáo Dục và Thanh Niên Thể Thao Bình Định/Quy Nhơn.

Có những người Bình Định sang Hoa Kỳ vẫn giữ nghiệp cũ của mình. Như một kỹ sư và một người khác trong ngành giáo dục. Anh kỹ sư tốt nghiệp trường Kỹ Thuật Phú Thọ ngành điện học, ra làm việc tại thành phố Sài Gòn. Anh vượt biên cùng với vợ và 2 con. Anh định cư tại Dallas từ bấy đến giờ. Hiện nay anh là kỹ sư của công ty điện

TXU. Anh giáo sư tốt nghiệp trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn,

dạy học tại trường trung học Cường Để 1962-1973. Năm 1973 anh sang làm việc tại Ty Văn Hoá Giáo Dục và Thanh Niên Thể Thao, đặc trách Văn Hoá Giáo Dục. Cùng với anh Huỳnh Hữu Dụng và anh Lê Hữu Tuyển là bạn thân, các anh quyết tâm xây dựng và phát triển nền giáo dục tỉnh nhà. Nhưng Ý Trời định khác. Năm 1975, anh Huỳnh Hữu Dụng vào tù. Anh Lê Hữu Tuyển đưa gia đình lánh cư vào Nam. Người giáo sư kia ra đi, định cư tại Dallas cùng với vợ và 6 con. Sang Hoa Kỳ, anh tiếp tục học và tốt nghiệp trường UNT (University of North Texas) với bằng Cao Học Văn Chương Pháp và Latinh (Master of Arts). Anh là giáo sư trung học chính ngạch (certified) các môn Pháp, Latinh, Anh Văn chính, Văn Phạm và Luận Văn Anh Ngữ, và Anh Văn Sinh Ngữ Hai ở các Khu Học Chánh Irving, Richardson, và Dallas.

Trong số những người lớn Bình Định sang Hoa Kỳ, có gia đình, vừa đi làm vừa đi học, phải kể anh T. Q. N. (Billy). Nghe hay, nhưng nhiều khê lắm. Đi làm mệt mỗi suốt ngày, về nhà trông nom con cái. Tối lớp ngái ngủ, nghe thầy giảng bài, chép bài, làm bài, sao cho có điểm cao. Thật là một cực hình. Phải có ý chí, nhìn xa hơn để chịu đựng. Anh N. vào hãng làm thợ, ngoi lên làm technician. Sau cùng là kỹ sư đường hoàng. Người Mỹ nhìn lại, ngạc nhiên không ít. Anh N. học 2 năm đầu ở Eastfield College, Dallas County, 2 năm sau học ở UTD (University of Texas at Dallas), Dallas, và Southeastern Oklahoma University, Durant, Oklahoma và đã tốt nghiệp với bằng kỹ sư điện và quản trị. Anh bắt đầu làm việc ở Xerox Corporation. Sau anh làm ở Western Electric (Company) ; công ty phân ra và đổi tên là Southwestern Bell, rồi AT&T Technologies, Inc., rồi Lucent Technologies. Sau đó anh qua ngành địa ốc. Có thể nói anh T. Q. N. là người chịu khó và tháo vát.

Tôi phân vân không biết xếp anh L. K. K. vào nhóm trẻ hay nhóm già. Tóc anh bạc trắng hết, nhưng nhìn kỹ nét mặt anh còn trẻ lắm. Lúc mới qua Mỹ, anh còn độc thân, nhưng nay con lớn đã tốt nghiệp đại học ra đi làm và những người con khác đã lên đại học. Anh đang du học ở Pháp khi gia đình thân phụ anh sang tị nạn ở Dallas. Sau đó anh đoàn tụ với gia đình. Tôi làm việc tay chân ở một hãng với anh, thấy tội nghiệp cho anh. Tôi có vợ con phải lo đã đành; còn anh còn trẻ độc thân, đường công danh đang lên nữa chùng bỏ dở. Nhưng anh vừa đi làm vừa đi học bền bỉ. Anh học xong 2 năm ở Eastfield Community College, Dallas County, lên UTD (University of Texas at Dallas) học hết chương trình computer science và tốt nghiệp với văn bằng Bachelor. Ngày anh ra trường ông bố anh vui mừng khôn tả. Anh ra làm việc cho công ty Rockwell Collins, công ty Fujitsu và các công ty khác. Nay anh góp phần tài năng chuyên môn cho Hội Ái Hữu Bình Định.

Người Việt ở Dallas/Fort Worth không ai xa lạ với anh T. H. T. và

chị N. T.T. Chị N. T. T. từng làm việc trong Cộng Đồng Người Việt. Anh T. H. T. thuộc thế hệ trẻ, tốt nghiệp đại học ở Hoa Kỳ, và ra dẫn thân tham gia vào sinh hoạt cộng đồng người Việt ở Dallas/Fort Worth. Anh từng là chủ tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Dallas, nay vẫn là một thành viên trong ban chấp hành. Sinh hoạt cộng đồng không đơn giản như từ ngoài nhìn vào. Nhiều khi phải có những quyết định khó khăn. Nhiều khi hoàn cảnh đưa đẩy vào những trường hợp mà mình không muốn. Thật sự người sinh hoạt trong cộng đồng mất mát nhiều hơn là được lợi ích gì cho bản thân mình.

Nói về bao nhiêu người Bình Định trên tại Dallas/Fort Worth cũng chưa hết. Hiện nay có người Bình Định làm chủ và điều khiển năm nhà hàng (restaurants) tại Dallas/Fort Worth. Từ trước đến giờ không phải mọi việc đều dễ dàng với họ. Người chồng đã từng ném mùi trại tù cộng sản. Hai vợ chồng vượt biên trên biển cả trong lúc con đầu vừa mới sinh. Ở Hoa Kỳ họ đã làm đủ ngành, đủ nghề, một quãng đường dài, để được như ngày nay. Điều khiển năm nhà hàng không phải dễ dàng. Họ làm việc nhiều lắm. Điều đáng kể nữa, họ thường đóng góp nhiều cho những việc từ thiện trong cộng đồng, như tặng học bổng cho học sinh xuất sắc. Ngoài anh chị ra, có những người Bình Định khác đi vào ngành doanh thương và đã thành công tốt đẹp.

Trên đây là những trường hợp tiêu biểu cho thế hệ đầu tiên người Bình Định. Tôi chắc có nhiều trường hợp khác tôi chưa được biết. Bạn cũng đừng phân vân sao cái gì cũng Bình Định cả. Bình Định là nơi đón tiếp và hội nhập người từ các nơi khác, như Đào Duy Từ, Xuân Diệu, và Hàn Mạc Tử. Ngày nay ở Hoa Kỳ này con cháu bạn có vợ hay chồng là người từ các miền khác là chuyện rất thông thường và bạn vui mừng đón tiếp dâu rể hay cháu dâu cháu rể vào đại gia đình. Tôi đã từng đọc những mẫu chuyện "Về Vang Người Việt". Chúng ta vui mừng và hãnh diện con em người Việt thành công. Đằng sau đó là cha, là mẹ, là anh, là chị, giàu hay không, đã hy sinh tất cả để tạo cho con em có vị thế vững vàng trên đất nước này như bây giờ. Người Bình Định cũng như những người Việt Nam khác. Sau đây tôi xin đề cập thế hệ trẻ con em người Bình Định. Chúng ta cặm cụi làm việc; con em cặm cụi học hành. Thời gian qua nhanh lúc nào không hay, như một phù phép. Những em bé theo cha mẹ tị nạn bây giờ đã 30, 40, và đã có vợ (chồng) con và chức phận trong xã hội.

Có một thời là những ngày vàng son cho những người tốt nghiệp đại học trong ngành kỹ thuật và vi tính. Lúc đó khoảng trước sau 1980 kỹ nghệ thông tin với máy vi tính đang thịnh hành. Các công ty Hoa Kỳ còn giữ việc làm và kỹ thuật lại trong nước. Dallas/Fort Worth là một trong những trung tâm lớn chế tạo máy móc điện tử. Những người trẻ Bình Định vừa mới tốt nghiệp trường đại học ra là tìm được công việc làm ngay với giá lương cao cộng thêm tiền thưởng (bonus). Hoa

Kỳ là một nước có nhiều phát minh nhất. Rất nhiều con em Bình Định làm kỹ sư trong các công ty điện tử. Bậc cha mẹ thấy hình như định cư ở Dallas/Fort Worth là một quyết định tốt.

Anh T. T. và chị T.-T. T. T. có học vài năm trung học ở trường Bryan Adams HS. Trường hợp anh T. và chị T. có một ý nghĩa đặc biệt. Họ là những sinh viên đầu tiên con những người Bình Định tị nạn tại Dallas/Fort Worth ghi tên, học, và tốt nghiệp đại học. Anh T. và chị T. học ở UTA (University of Texas at Arlington) cho gần nhà. Họ chưa dám mạo hiểm đi đâu xa. Họ ra trường với bằng Bachelor of Science in Electrical Engineering, đem lại niềm vui cho gia đình bà con và lòng tự tin cho những học sinh trẻ hơn sẽ vào đại học tiếp theo sau. Hiện giờ Anh T. và chị T. là senior engineers ở công ty Texas Instruments. Từ tình bạn học, họ tiến thêm một bước nữa đổi sang duyên vợ chồng._____Lúc vượt biên sang Hoa Kỳ, anh T. N. còn trẻ, một thân một mình. Anh phải đi làm để mưu sinh. Anh vừa đi làm vừa đi học. Anh đã tốt nghiệp với Văn Bằng Kỹ Sư. Anh là một người trẻ Bình Định tự lập và tiến thân. Anh T. bắt đầu học ở Eastfield College, Dallas County. Anh làm cho công ty AT&T và được trả học phí để học trường SMU (Southern Methodist University), Dallas, và tốt nghiệp với 2 bằng kỹ sư điện (Bachelor và Master). Công ty AT&T chia ra thành Lucent Technologies. Trong lúc làm quản lý kỹ thuật (technical manager), anh thu nhận tất cả các sinh viên Việt Nam làm hè để lấy tiền đi học. Sau Lucent Technologies được bán cho Tyco Electronics. Nay anh là technical consultant cho công ty Rockwell Collins_____Vượt biên sang Hoa Kỳ, T.-L. N. L. còn là học sinh trung học, Bryan Adams HS. Bây giờ cô là director cho công ty Maxim Inc. Một đoạn đường dài đã qua. Cô học 4 năm ngành điện lực ở University of Texas, Austin và ra trường với bằng Kỹ Sư Điện (Bachelor of Science in Electrical Engineering). Được nhận vào công ty Hewlett Packard, Denver, Colorado, nhưng cô muốn ở gần gia đình và về Dallas, làm cho công ty Dallas Semiconductors. Thời gian nầy cô học ở University of Texas at Dallas và tốt nghiệp với bằng Master of Science in Electrical Engineering. Bây giờ cô là senior engineer và director cho công ty Maxim Inc.

Nay tình hình đã thay đổi nhiều. Các nước như Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam, và Mễ Tây Cơ mở cửa đón nhận các công ty Hoa Kỳ. Vì nhu cầu cạnh tranh, các công ty Hoa Kỳ đã và đang đưa các việc làm và một phần kỹ thuật ra các nước khác để có giá thành thấp. Xin lấy vài thí dụ. Chỉ trả vài chục cents một giờ để mướn một người trong đường ráp máy ở Trung Quốc trong khi phải trả 10 dollars một giờ hay hơn nữa cho một người ở Hoa Kỳ. Giá lương trả cho một kỹ sư ở Hoa Kỳ có thể mướn năm kỹ sư tương đương ở Ấn Độ. Ấn Độ, Trung Quốc, kể cả Tân Gia Ba đang tìm mọi cách để nâng cao trình độ các trường đại học cho theo kịp các trường đại học lớn ở Hoa Kỳ, nhất là trong các ngành kỹ thuật, vi tính, và kinh tế tài chánh. Các

công ty Hoa Kỳ cần sản xuất hàng hoá với giá thành thấp để có giá bán thấp, mới cạnh tranh được với những công ty các nước khác. Hiện giờ đang có khuynh hướng toàn cầu hoá kinh tế, thương mại, và tài chính. Tình trạng hiện nay đang làm đau đầu những người trong chính quyền Hoa Kỳ cũng như các thức giả bên ngoài. Họ đang cố tìm một giải đáp. Người dân không có việc làm, nước sẽ nghèo, kinh tế sẽ yếu kém. Đó là nguyên nhân chính gây khủng hoảng cho chính quyền Nga vào cuối thập niên 1980s. Hơn nữa Hoa Kỳ không thể là cường quốc đứng đầu nếu không lãnh đạo về khoa học kỹ thuật. Cho nên các trường tiểu, trung, cũng như đại học ở Hoa Kỳ luôn luôn khuyến khích học sinh và sinh viên học toán, khoa học, và kỹ thuật.

Theo các ước tính trước đây, ở Hoa Kỳ ngành chế tạo thu dụng khoảng 30% số nhân viên làm việc; còn các ngành dịch vụ thu dụng 70%. Các con em người Bình Định ra làm việc nhiều ngành sau khi tốt nghiệp đại học.

Y khoa là một ngành được những người trẻ để ý nhiều. Người Việt Nam thường kính nể giới bác sĩ. Một phần vì các bác sĩ có đời sống sung túc và chắc chắn. Nhưng phần chính, từ xa xưa người Việt Nam có truyền thống quý trọng y sĩ. Một người ngã bệnh, nhất là bệnh nặng, chạy đến thầy thuốc như một vị cứu tinh. Người phương Đông ai cũng biết Hoa Đà, Biển Thuộc là những y sĩ nổi danh vì cứu giúp người. Một sinh viên phải có lòng thương giúp người để được nhận vào một trường y khoa ở Hoa Kỳ. Sinh viên y khoa tốt nghiệp phải đọc lời thề Hippocrates để trở thành bác sĩ. Mọi người, ngay cả tổng thống hay tỷ phú, cũng phải nghe lời bác sĩ. Tôi biết có không ít hơn 10 bác sĩ con em các gia đình người Bình Định tại Dallas/Fort Worth. Con số không khiêm tốn chút nào.

Anh T. H. L. làm việc ở McKinney Regional Cancer Center. Anh là bác sĩ có nhiều bằng chuyên môn. Anh là Kỹ Sư Điện tử University of Texas at Austin; Tiến Sĩ Kỹ Thuật Y Khoa Sinh Vật (PhD Biomedical Engineering) Graduate School, University of Minnesota, Minneapolis; Bác Sĩ Y Khoa trường Y Khoa, University of Minnesota; anh thực tập nội trú residency cho ngành chụp hình quang tuyến (Radiology) và nội trú fellowship ngành chụp hình quang tuyến thần kinh (Neuroradiology) ở University of California, San Francisco.____ Cô T. B. L. đậu bằng Bachelor of Science in Chemistry ở University of Texas at Austin; Bác Sĩ Y Khoa UT Southwestern Medical School, Dallas; thực tập nội trú residency cho ngành y khoa internal medicine và fellowship về máu huyết (Hematology) và ung thư (Oncology) tại UT Southwestern Medical School, Dallas. Cô làm việc tại Bệnh Viện Presbyterian Hospital of Plano.____ Năm 1975, cô C. P. đến định cư với cha mẹ và các em tại Fort Worth. Lúc đó cô còn là học sinh trung học. Cô chuẩn bị cho ngành y khoa và tốt nghiệp với bằng Bachelor tại Southern Methodist University, Dallas. Tiếp theo cô học và tốt nghiệp Bác Sĩ Y

Khoa ở University of Texas Medical School in Houston; thực tập nội trú residency ngành Bác Sĩ Nhi Đồng cũng ở University of Texas in Houston. Hiện nay cô chuyên chữa trị cho các em bé ở Allina Medical Clinic, Minnesota.

Một sinh viên muốn vào y khoa phải cố gắng nhiều lắm. Trước hết phải học những lớp khoa học tiền y khoa và có điểm thật cao. Thi MCAT cũng phải có điểm thật cao. Sau khi tốt nghiệp 4 năm, phải gửi đơn xin tới nhiều trường y khoa để được phỏng vấn. Ngoài khả năng học vấn, người sinh viên còn được xét về những phương diện khác. Hiện nay làm việc trong ngành y tế được xem là may mắn vì không bị đưa ra ngoại quốc như nhiều ngành khác.

Tôi không biết nhiều các nha sĩ gốc Bình Định tại Dallas/Fort Worth. Nha sĩ thường mở phòng chữa răng hơn là làm việc ở các bệnh viện. Ai bị nhức răng cũng không chịu nổi, phải chạy ngay đến nha sĩ. Một bộ răng đẹp, cười duyên dáng cũng là nhờ ơn nha sĩ. Một bộ răng giả cũng phải tốn nhiều tiền. Medicare không trả tiền để chữa răng và các hãng bảo hiểm tư cũng không trả bao nhiêu. Chỉ có răng thối mà nha sĩ cũng nhiều việc làm. Các nha sĩ có thể nhổ răng nếu răng đã quá tệ, chụp hình quang tuyến, trồng răng, nhổ răng khôn, chuyên trị răng bị chảy máu, tẩy răng trắng, niềng răng, sau cùng là làm răng giả. Phiền lắm. Nhưng cái răng cái tóc là gốc con người. Nhìn ai, răng là một trong những cái được thấy trước nhất. Gần đây có nhiều nha sĩ tốt nghiệp làm cho phụ huynh và các nha sĩ mới hơi lo ngại. Thật sự nha sĩ là một trong những giới hái ra tiền. Ngoài bệnh nhân Việt Nam, người Mỹ cũng không ngại đến các nha sĩ Việt Nam và người Mỹ là một thị trường bao la.

Anh T. H. T. và phu nhân mở hai văn phòng nha sĩ chữa các bệnh nhân một ở Walnut Plaza và một ở nơi khác. Cả hai địa điểm đều ở thành phố Garland, Texas. Anh học 4 năm đại học và đậu bằng Bachelor ở University of Texas at Austin. Sau đó anh lên học và tốt nghiệp Nha Sĩ ở Baylor Dentistry College, Dallas. Anh T. T. học và tốt nghiệp với bằng Bachelor ở University of Texas at Austin. Anh học và ra trường với bằng Nha Sĩ ở Baylor Dentistry College, Dallas. Anh hành nghề ở Plano, Texas.

Dược khoa là một ngành y tế liên hệ trực tiếp với y khoa và nha khoa. Ngày xưa ở Việt Nam dược sĩ không phải có mặt tại chỗ. Ngày nay ở các nhà thuốc tây Hoa Kỳ các dược sĩ làm việc luôn luôn phải hiện diện tại chỗ và rất bận rộn. Tiền nào của nấy, vì lương trả cho dược sĩ khá rộng rãi. Ở các nhà thuốc tây Walgreens hay CVS tại Dallas/Fort Worth ta thường thấy các cô dược sĩ Việt Nam bé bé lanh lẹ hay các anh dược sĩ Việt Nam trẻ sẵn sàng chỉ dẫn cho bạn cách dùng thuốc bằng tiếng Anh lanh lẹ hay bằng tiếng Việt đôi khi ngập ngừng. Không sao, bạn là khách hàng và ở Mỹ khách hàng là nhất. Nhà thuốc là trạm cuối của hệ thống y tế, vì bệnh nhân nhận

toa thuốc từ bác sĩ hay nha sĩ cũng phải tới đây. Các dược sĩ gốc các gia đình Bình Định ở Dallas/Fort Worth khoảng 15 người hay hơn nữa. Các dược sĩ có thể làm việc ở các nhà thuốc tây, hay bệnh viện, hay ở các trung tâm gửi thuốc cho khách hàng mua bằng thư (mail order). Có vài người là dược sĩ nghiên cứu hay quản lý nhà thuốc ở bệnh viện.

Anh V. P. là dược sĩ chuyên khoa nghiên cứu cao cấp (senior clinical research pharmacist) ở trường Y Khoa Southwestern Medical School (University of Texas), Dallas. Trước kia anh làm việc ở các nhà thuốc tây và Bệnh Viện lớn Parkland Memorial Hospital, Dallas. Anh tốt nghiệp với bằng Cử Nhân Khoa Học Dược Khoa (Bachelor of Science in Pharmacy), ở University of Houston College of Pharmacy, Houston, Texas; sau đó anh học, tốt nghiệp, và được cấp bằng Tiến Sĩ Dược Khoa (Doctor of Pharmacy) ở University of Florida College of Pharmacy, Gainesville, Florida. Anh ở trong ngành nhiều năm.____ Cô T. N. học và được cấp bằng Tiến Sĩ Dược Khoa ở University of Houston College of Pharmacy, Houston. Cô từng làm việc ở các nhà thuốc tây và bệnh viện. Bây giờ cô là Director of Pharmacy tại Bệnh Viện Healthsouth Rehabilitation Hospital, Plano, Texas. Thật khó khăn cho những bà mẹ trẻ Việt Nam vừa có con nhỏ vừa phải đi làm, như trường hợp cô T. N.

Làm việc trong các ngành kinh tế, tài chính, kế toán, thương mại tương đối mới mẻ cho những người trẻ Bình Định. Tốt nghiệp trong ngành quản trị kinh doanh ở một trường cỡ lớn cũng có thể tìm được việc làm tốt. Người làm việc trong các ngành này tiếp xúc với nhiều người và đối phó với nhiều trường hợp tình tế. Phải nhận xét và quyết định đúng. Phải thuyết phục người khác tin theo và làm lợi cho công ty mình. Sự học và bằng cấp ở trường giúp một phần. Nhưng kinh nghiệm ở thương trường cũng cần thiết và quan trọng. Nói chung, phải hiểu biết và khôn khéo. Người ngoài ít biết về những người làm trong các ngành này.

Cô H.-V. N. là một người trẻ làm việc trong ngành quản trị doanh nghiệp. Cô học tài chính (finance) và thương mại (marketing) ở University of Chicago và tốt nghiệp với bằng Bachelor, và tiếp tục học ở University of Chicago và tốt nghiệp với bằng MBA (Master of Business Administration) (chuyên về finance và marketing). Hiện giờ cô H.-V. là director ở công ty ACS đặc trách về đầu tư và tài chính. Cô là một trường hợp khác của người mẹ còn trẻ, có con nhỏ, và đi làm.____ Cô H.-C. P. học quản trị kinh doanh (business administration) ở University of Texas at Austin và được cấp bằng Bachelor. Cô làm việc cho Zale Corporation, Richmond, và IBM (International Business Machines Corporate). ____Bố mẹ anh A. L. xưa nay vẫn ở Dallas/Fort Worth. Sau khi học hết lớp 10 trường Nolan HS, Fort Worth, anh học lớp 11 và 12 chương trình đặc biệt (special achievement) để lấy giờ đại học

ở UNT (University of North Texas). Anh được nhận vào Stanford University, Palo Alto, California và tốt nghiệp với bằng Bachelor và MBA (Master of Business Administration) ngành ngân hàng (banking) và thương mại (marketing). Hiện nay anh là consultant cho một công ty ở New York City. Anh từng tu nghiệp ở Anh và Pháp._____Anh V. X. H. sinh trong một gia đình tị nạn định cư tại Fort Worth từ năm 1975. Anh là một người trẻ sớm thành công trong ngành quản trị ngân hàng. Anh là Vice President, Branch Manager, Marsh JP Morgan Chase. Anh học và tốt nghiệp với bằng Bachelor (Business Administration, Management) trường University Of Texas at Dallas và làm việc trong ngành ngân hàng từ lúc ra trường đến nay.

Muốn học luật khoa phải có bằng Bachelor nhất là ngành chính trị, văn chương, báo chí, quản trị, và xã hội học. Phải thi LSAT và có điểm cao. Gửi transcript và điểm LSAT cho các trường luật để được phỏng vấn. Một luật sư có thể làm việc trong một tổ hợp luật sư (law firm), mở văn phòng riêng (law office), làm cho một công ty (corporate lawyer), hay làm cho một cơ quan chính quyền. Luật sư là giới am hiểu nhiều nhất về các ngành sinh hoạt trong cộng đồng. Ở Hoa Kỳ, chính trị gia hay các vị dân cử phần nhiều xuất thân là luật sư. Muốn hoạt động và gây ảnh hưởng trong cộng đồng phải hiểu biết luật lệ. Đây là nghề của chàng. Luật sư là tiếng nói của một cộng đồng. Hiện nay ít con em Bình Định là luật sư. Âu cũng là điều thiếu sót!

Anh V. T. N. mở văn phòng luật sư riêng, Jason Noel PC. Anh rất bận rộn. Trước đây anh đã làm việc cho một cơ quan chính quyền và trong một tổ hợp luật sư (law firm). Anh là Tiến Sĩ Luật (J. D.), tốt nghiệp trường Ohio State University, Ohio. Trước khi được nhận vào học luật khoa, anh học và tốt nghiệp với bằng Bachelor Văn Chương ở Columbia University, New York City, thuộc Ivy League là nhóm đại học thượng đẳng ở Miền Đông Bắc Hoa Kỳ._____Anh N. Đ. T. là người rất trẻ, sinh tại Hoa Kỳ sau năm 1975. Anh được nhận vào University of Pennsylvania, Philadelphia, thuộc Ivy League. Anh tốt nghiệp với bằng Bachelor Xã Hội Học. Về Dallas, anh học ở trường SMU (Southern Methodist University) và đậu Bằng Tiến Sĩ Luật Khoa (Doctorate of Law). Nay anh đang làm việc cho Tổ Hợp Luật Sư (law firm) Jones Day.

Cảnh sát là cơ quan chính quyền để duy trì an ninh trật tự. Hằng ngày cảnh sát là giới chức liên hệ trực tiếp với đời sống người dân. Cảnh sát thi hành luật pháp. Ở đâu có rủi ro tai nạn là cảnh sát ở đó ngay. Hằng ngày tin tức loan báo đùng độ giữa cảnh sát và những người phạm pháp; nên những người trẻ Việt Nam cũng như con em người Bình Định ít ai để ý tìm việc trong ngành cảnh sát. Thế nhưng có người con anh bạn tôi nhất định xin vào ngành cảnh sát. Thật sự cảnh sát cũng đem lại nhiều cơ hội tốt cho những người trẻ có chí tiến thân.

Anh T. H. N. H. vượt biên cùng với gia đình và định cư tại Dallas/Fort Worth. Anh học chương trình 4 năm lấy bằng Bachelor ở UTD (University of Texas at Dallas). Anh xin làm việc trong ngành cảnh sát vì hợp với sở thích của anh. Sau khi tốt nghiệp khoá huấn luyện, anh là sĩ quan cảnh sát làm việc ở Mesquite.

Gần đây Việt Nam đã trải qua hai cuộc chiến tranh, 1945-1954 và 1960-1975. Trong suốt lịch sử bốn ngàn năm, đất nước ta luôn luôn phải đương đầu với Trung Quốc để sống còn. Chiến đấu đã ở trong huyết quản người Việt Nam từ ngàn xưa. Có những sĩ quan Việt Nam xuất chúng trong hai cuộc chiến vừa qua. Quân đội quốc gia đã chiến đấu anh dũng. Thắng hay bại còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác. Thời quốc gia có trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt huấn luyện và đào tạo sĩ quan không những về quân sự mà còn về văn hoá, và tư cách và bản lãnh. Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức đào tạo sĩ quan trong thời gian ngắn hơn. Trường West Point (U. S. Military Academy), New York, Naval Academy, Annapolis, Maryland, và các trường quân sự khác là những cơ hội tốt cho các thanh niên ưu tú người Việt Nam (Bình Định) với tư cách là công dân Hoa Kỳ. Ở trong quân đội Hoa Kỳ, không phải chỉ có tác chiến, còn có nhiều ngành yểm trợ có thể đem lại nhiều cơ hội cho những người trẻ.

Đại úy L. T. N. là sĩ quan phi công điều khiển phi cơ chiến đấu (fighter). Anh từng tham trận ở Irak, Pakistan, và Afghanistan. Anh là sĩ quan trẻ, rất trẻ; tôi nhớ như hôm nào anh còn là học sinh tiểu hay trung học về nhà ông bà ngoại, ít ai để ý vì con cháu nhiều quá. Anh học 4 năm và tốt nghiệp với văn bằng Bachelor ở trường Creighton University, Omaha, Nebraska. Anh nhất định làm phi công hải quân (Naval Aviation), đã tốt nghiệp trường OCS (Officer Candidate School) đào tạo sĩ quan phi công hải quân. Nay anh trấn đóng ở Căn Cứ Hải Quân Hawaii. Đại tá nhà sĩ K. N. V. là con em một gia đình Bình Định ở Richardson. Lúc sang Hoa Kỳ anh còn là học sinh trung học trường Garland HS. Anh học 4 năm đầu ở Baylor University, Waco, Texas và ra trường với bằng Bachelor. Anh học nha khoa ở Baylor Dentistry College, Dallas và ra trường với bằng nha sĩ, phục vụ trong quân đội Hoa Kỳ. Anh thực tập ở Mỹ Tây Cơ, phục vụ ở nhiều nơi như Đức Quốc, Đại Hàn, và các nơi khác. Đã lâu tôi không để ý nghe về anh K.; nay nghe lại anh đã lên cấp đại tá và đang phục vụ ở California.

"Phi thương bất phú", là câu nói của người xưa. Những người lớn Bình Định tại Dallas/Fort Worth đã làm thương mại và đã thành công. Sao những con em Bình Định lại không. Hoa Kỳ là đất nước của kỹ nghệ và thương mại. Có nhiều điều kiện và cơ hội để làm thương mại nếu bạn có khả năng và may mắn. Có những con em Bình Định đã bắt đầu lên đường theo chân cô chú bác. Còn sớm quá để nhận định về những con em này, nhưng những bước đầu rất khích lệ. Thì

ra con em Bình Định, dầu hiền hoà, cũng không ngại lên đường mạo hiểm.

Anh Q. P. cùng với người bạn mở tiệm frozen yogurt gần phố Dallas. Bước đầu khó khăn, nhất là phải góp lại một số vốn, không ít. Nay đầu đã vào đó. Vốn vay mượn đã trả hết. Khách hàng tấp nập. Đã có 11 tiệm franchised đã mở từ Allen, qua Plano, Dallas, Arlington, Austin, và South Carolina. Nay anh Q. và người bạn rất bận rộn, vừa trông coi tiệm chính vừa đi lại kiểm soát các tiệm franchised cho đúng theo hợp đồng đã ký kết qua luật sư. M.-H. T. xuất hiện như một hiện tượng kỳ lạ. Cô còn rất trẻ, đã sớm thành công trong kỹ nghệ dinh dưỡng. Cô làm việc ở Seattle, Washington. Cha mẹ cô vẫn ở Richardson. Cô áp dụng sở học vào nghề nghiệp. Cô tốt nghiệp trường Texas Christian University, Fort Worth với bằng Bachelor of Science in Dietetics (ngành dinh dưỡng). Sau đó cô tiếp tục học dinh dưỡng (nutritional science) ở Bastyr University, Seattle, WA, và tốt nghiệp với bằng Master of Science in Nutrition and Dietetics và là Registered Dietician (chuyên viên dinh dưỡng được cấp bằng hành nghề). Hiện nay cô là một trong nhóm 5 người làm chủ và điều khiển doanh nghiệp dinh dưỡng (nutritional business) Zing Bars ở Seattle, Wa. Hơn nữa, cô và Kathleen Putnam chủ trương tạp chí Nutrition Works ở Seattle, WA để giúp ý kiến cho mọi người sống khoẻ, sống an vui.

Những con em người Bình Định trên đây không phải là những nhân vật siêu đẳng. Họ ở trong tầm tay mọi người nếu chịu khó và cố gắng. Tôi đọc đâu đó rằng ở Hoa Kỳ không có siêu nhân và cũng không có anh hùng. Như tổng thống Washington coi mình là một người thường như mọi người; khi trưởng thành ông cưới một quả phụ và khi nhiệm kỳ tổng thống hết ông về nghỉ hưu. Cho nên Hoa Kỳ bền vững và thịnh vượng từ xưa đến bây giờ.

Thế hệ thứ ba, cháu của những người Bình Định tị nạn, được chuẩn bị và đào tạo kỹ càng hơn. "Con hơn cha là nhà có phúc." Mọi người đang cố gắng đưa con cháu lên một bậc. Đi làm về, cha mẹ kiểm soát lại bài vở và dạy thêm các con, cuối tuần cho con học thêm ở trường tư như trường người Trung Hoa ở Richardson. Dạy thêm cho con không khó, vì họ đã học ở các trường tiểu, trung, và đại học Hoa Kỳ. Như người Trung Quốc và người Ấn Độ, họ coi sự học cho con cái là một đầu tư. Các trường tiểu, trung, đại học công và tư ở Hoa Kỳ đem lại nhiều cơ hội cho con em Việt Nam. Nếu cần, có thể vay tiền để trả học phí và các chi phí khác. Lớp cha mẹ thế hệ trẻ hiện nay không rảnh rang chút nào: đi làm, lo cho con học xuất sắc, nhiều người chở con đi tập thể thao, học âm nhạc cuối tuần và ngày thường, và những sinh hoạt khác. Sau cùng nhưng không ít quan trọng, đào tạo cho con em một cá tính vững vàng để sống và thành công trong xã hội đa dạng này.

Việt Nam hay Hoa Kỳ?

Các con em người Bình Định đã học ở các trường tiểu, trung, và đại học Hoa Kỳ. Và bây giờ ra đi làm. Họ nói tiếng Anh lanh lẹ, dễ dàng như tiếng mẹ đẻ. Điều đó cần thiết và quan trọng cho mọi người sống trong cộng đồng Hoa Kỳ và muốn thành công. Học và nói tiếng Việt là điều tốt, đáng khuyến khích. Ngoài gia đình, hội đoàn, chùa, và nhà thờ là những nơi lưu giữ văn hoá và truyền thống Việt Nam và là nơi người Việt Nam ngồi lại với nhau. Ước mong đây là những nơi kết hợp giữa người trẻ và người già và kết hợp mọi người như anh em bà con xa nhà đùm bọc lấy nhau. Có sự hoà hợp kỳ diệu giữa các sắc dân trong cộng đồng Hoa Kỳ. "Unity in Diversity." Các sắc dân, dầu trắng, đen, Mễ, hay Á Châu ở Hoa Kỳ sống hoà hợp và tuân theo luật pháp để được thành công và thịnh vượng. Tuy nhiên, những người cùng một sắc dân, như người Việt Nam, người Trung Quốc, người Ấn Độ, người Đức, người Irish, người Do Thái, người Mễ, người da trắng hay da đen, tự thấy gắn gũi với nhau hơn những người thuộc sắc dân khác. Họ thấy có cái gì gắn bó với nhau.

Việt Nam hay Hoa Kỳ?

Những người tị nạn Bình Định đã ở tại Dallas/Fort Worth 10 năm, 20 năm, hay 30 năm. Phần đông đã nhập tịch để được hưởng những quyền lợi của công dân Hoa Kỳ. Chúng tôi đã sống hơn nửa đời người ở xã hội Việt Nam quốc gia. Tưởng rằng cuộc đời đã ổn định. Nay sang Hoa Kỳ làm lại cuộc đời. Như trình bày trên, người tị nạn Bình Định từng chịu đựng và từng lập lại cuộc đời. Dầu là công dân Hoa Kỳ và sống trên đất Hoa

Kỳ, những người Việt Nam tị nạn thấy mình là người Việt Nam 100%. Bản chất người Việt Nam tị nạn thuộc thế hệ đầu tiên không thay đổi nhiều được. Truyền thống và văn hoá ngàn xưa ở trong cốt tủy người Việt Nam tị nạn. Những kinh nghiệm sống ngày xưa thật sự không phải vô dụng. Nhờ hiểu biết, tự tin, và chịu đựng, nhiều người đã khôi phục vị thế ngày trước hay hơn nữa. Nhờ sự hiểu biết, tự tin, và hy sinh, mọi người đầu tư cho con em để có những chỗ đứng đáng kể trong cộng đồng Hoa Kỳ như ngày nay. Nếu chưa làm được cũng không sao; đời con hay đời cháu bạn sẽ vươn lên trong đất nước cống hiến nhiều cơ hội này. Con em người Bình Định tị nạn ra đời làm nhiều ngành nhiều nghề và thành công tốt đẹp.

Thời giờ không còn dài cho những người Bình Định thuộc thế hệ đầu tiên tị nạn ở Dallas/Fort Worth. Không bao lâu nữa họ sẽ ra đi. Họ sẽ ra đi, tâm hồn bình yên thanh thản vì đã hy sinh và xây dựng cho con cháu được thành công tốt đẹp trên đất nước này.

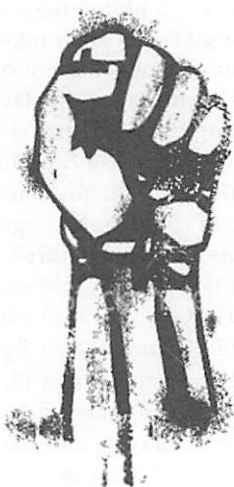
Mùa Xuân Năm 2011

PHAN BÁ TRẮC

Bình Định

ĐẶC sản Quê xưa nghĩa mặn nồng
SAN tình ly xứ mãi chờ trông...
NHÂM về bạn hữu bền gan sắt
THÌN đến anh em vững dạ đồng...
TÂY Bắc một lòng mong phục quốc
SÔNG Nam chung sức dựng non sông
BÌNH an khắp chốn vui đoàn tụ,
ĐỊNH phận Trời ban giống Lạc Hồng.

California Xuân Nhâm Thìn (2012)
VŨ GIA SẮC



Cách Mạng Hoa Lài

Hoa lài nở rộ Trung Đông,
 Mùi hương lan tỏa khắp vùng Châu Phi.
 Mây đưa gió đẩy hương đi,
 Bay đến Châu Á ước gì gần đây.
 Đập tan đảng trị lâu ngày,
 Dẫn đầu hai nước xứ nầy Việt - Trung.
 Cộng thêm vài nước trong vùng,
 Bắc hàn, Lào, Miến chúng cùng giống nhau.
 Hương lài lan tỏa năm châu,
 Giải thể những nước nắm ngai độc tài.
 Thế giới hướng một tương lai,
 Tự do dân chủ độc tài tiêu tan./.

Đỗ Hùng



QUI NHƠN, BÌNH ĐỊNH

trong thơ người lính Trần Hoài Thư

NGUYỄN MẠNH AN DÂN

Sinh ở Đà Lạt, chạy loạn về Nha Trang, học ở Cô Nhi Viện Hòn Chông, 11 tuổi về Thừa Thiên, đi học ở Huế, ở Sài Gòn, đi dạy ở Tam Kỳ, đi lính ở Thủ Đức, đi trận ở Bình Định. “Lý lịch” trông có vẻ giang hồ lãng tử; tuy nhiên thời chinh chiến của thế hệ thanh niên ra đời trên dưới thập niên 1940, an bình suôn sẻ mới là lạ, giang hồ lãng tử là nghề của chàng, có bất thường chẳng là lính tráng cái gì, lại là lính thám kích sinh tử, với một chàng trai cân nặng không quá 40 ký lô lại kè kè đôi kính cận dày 8 độ. Chuyện có vẻ như đùa mà có thật, người có vẻ như hư cấu mà có máu có tim, biết cười biết khóc. Tên người lính trận lãng tử đó là Trần Hoài Thư.

Có thể có nhiều ông lớn thất cà vạt, ngồi xa lông, có thể có nhiều chàng trai bạn đồ trắng thể thao xách vợt tennis kiểu công tử thành phố sẽ cau mày khó chịu hay cười khẩy chế nhạo khi nhìn thấy một người lính râu tóc xồm xoàm, áo quần hành quân lấm lem bê bết, lấm lì ngồi ở cà phê Dung, la cà lui tới nhưng căn phòng “khả nghi” nơi phòng ngủ Thuận An, Chí Thành hay mặt mày đỏ gay cười nói bạt mạng ở câu lạc bộ Gió Khơi, ở quán Hạ Trắng. Có một chút phá phách ngang tàn, có một chút ngạo đời khinh bạc, có một chút ba gai, có một chút - cũng có thể có rất nhiều - u uẩn. Xin lỗi quý vị, xin hãy tự hỏi lại

chính mình và đừng vội phê phán. Người lính đáng trách hay đáng yêu trong những giây phút bốc đồng ngăn ngui giữa những lần hiếm hoi về phố sau những tháng ngày gối đá nằm sương, vào sinh ra tử. Người lính yêu đời, yêu người; người lính cũng hận đời, hận người và sòng phẳng sống thật với lòng mình, không làm dáng đóng trò, không tô son vẽ phấn, chuyện tự nhiên nhưng hiểu theo một cách nào đó cũng có thể là một chuyện dài, chuyện lớn tôi không định nói và có lẽ cũng không đủ chữ nghĩa để nói về những người lính hào hùng nhưng bất hạnh, anh dũng mà oan khiên của chúng ta. Bài viết nhỏ này đơn giản chỉ là những lan mang bất chợt khi tình cờ đọc lại tập thơ với lời đề tặng “những trang thơ đầy ngập Bình Định của tôi” của Trần Hoài Thư, coi như một lời cảm ơn muộn màng của một người Bình Định dành cho một người lính không sinh ra ở đây nhưng đã từng sẵn sàng dùng máu của mình để bảo vệ vùng đất khổ dân nghèo này.

Máu, đúng - máu người, màu đỏ, vị mặn. Máu của người lính Trần Hoài Thư đã đổ ra ngay những giờ phút thiêng liêng của ngày đầu năm Tết Mậu Thân tại cây xăng Ông Tề, khu Năm, cửa ngõ của thành phố khi cùng đơn vị “xuống núi” từ một doanh trại nghèo của Đại Đội 405 thám kích trên đồi Tháp Bánh Ít, băng đêm về giải cứu Qui Nhơn:

*Tôi bỏ em về miền duyên hải
Ngày đầu năm lửa cháy Qui Nhơn
Bỏ đồ vàng trung đội nguy trang
Giàn khổ lắm chiếm từng con phố
Nhớ thằng truyền tin bò qua con lộ
Cõng tôi về băng bó vết thương
Nhớ vô cùng cô gái không quen
Quên cả sợ, mang giùm tôi ly nước
Tôi đã uống vào cơn đau khát
Cả tình yêu chan chứa Qui Nhơn.
(Sợ tóc nhớ nhưng)*

Tình yêu Trần Hoài Thư dành cho Bình Định không chỉ là Qui Nhơn, nơi có những mái tóc dài ở trường Sư phạm, nơi có những cô hàng cà phê môi mắt biết cười, nơi có ngôi nhà ở khu Sáu rộn ràng bằng hữu, người lính Trần Hoài Thư trải đời mình trên từng tấc đất quê hương:

*Bồng Sơn mùa nước dâng sông Lại
Ngày sừng loan trên những mảnh dĩa
Mặt trận đổ theo bia Đệ Đức*

Nghe cận kề lửa hừng Tam Quan

*Bồng Sơn mây ám toàn tin dữ
Chiều chưa buông, quận đóng năm giờ
Giặc chiếm cận sơn người chạy loạn
Còn bên cầu, trợ trợ cây đa*

*Cây đa. Ngàn rễ đâm lòng đất
Như tấm lòng người với Bồng Sơn
Đa bám làng, tôi đi bám đất.
Đất với làng, thương quá quê hương.*
(Cây đa bên cầu)

Thương quá quê hương. Mùa hè đỏ lửa 72, Bồng Sơn, mặt trận bắc Bình Định, rất nhiều người đã đến đây và đã “bám đất”, đã nằm lại nơi này, chỗ bờ bắc giòng sông Lại Giang, nơi có cây đa trong “Đêm Trăng” yên bình của Võ Phiến đã là một bãi chiến trường, là nơi mà một người lính, về sau thành một trong những “bức chân dung trên công viên buồn” ở công trường Quách Thị Trang: Hoàng Lê Cương đã nằm xuống để tạ tình với Bồng Sơn, để trả cái giá danh dự của một người lính đúng nghĩa cho tổ quốc. Trần Hoài Thư cũng đã đến đây, đã quận lòng nhìn những hàng dừa cụt ngọn, đã tê tái khi thấy những cô em hốt hoảng lia xa trường lớp hối hả tản cư, đã đứt ruột nhìn giọt lệ buồn trên mắt người mẹ thời chiến

*Hôm qua tôi dừng chợ Bồng Sơn
Mẹ thằng bạn ôm tôi mà khóc
Tôi nói làm sao qua dòng nước mắt
Thị trấn này vừa mất thằng con*

*Tôi quá buồn ra đứng bờ sông
Sông Lại Giang ráng chiều đỏ sậm
Nhớ nó ngả nhào trên bờ đá xám
Thấy cả ngọn đồi những xác Bắc Nam*

Bồng Sơn buồn, cả đất nước buồn, ai có trái tim cũng buồn nhưng với người lính thì dường như không phải đôi lúc mà là thường xuyên phải dần lòng lại, phải cố dấu đi những nỗi buồn riêng vì những tiếng gọi chung. Tiếng gọi có thể không lớn lao, lộng ngữ kiêu vì nước vì dân gì hết mà tiếng gọi chỉ đơn giản từ ánh mắt trông chờ của những bác dân quê, từ giọng reo vui của một bầy em nhỏ, từ ánh

nhìn trao gửi không lời của một bóng hồng thôn dã, từ những gấn bó sống còn với những thằng em nhỏ nhoi, tội nghiệp trong cùng đơn vị. Người lính phải đi tới, giá nào cũng phải đi tới cho dẫu mỗi lần đi có thể là lần cuối cùng.

*Xe đổ đoàn quân ngoài chợ Huyện
Hàng ngang quân lợi ruộng bằng đồng
Tuy Phước, Tuy Phước, đêm tiếp viện
Ta đã về, về lại quê em*

*Ta đã về, lửa đạn, xẹt ngang
Cây rào cản, vấp đau bầm ống quyển
Đại bàng ơi, xin đừng kêu pháo yểm
Tôi có người yêu, cô giáo trường làng
(Đêm tiếp cứu quận Tuy Phước)*

*Kỳ Sơn đổi trọc chim không đậu
Đại đội đi, một nửa không về
Lớp lớp người nhào lên, ngã gục
Đạn sỏi bờ sỏi đá, u mê*

*Kỳ Sơn cao độ hai trăm thước
Đêm hoảng kinh, đổ tuyết vẫn trắng*

*Kỳ Sơn ơi, Kỳ Sơn Kỳ Sơn
Người chửa về tóc mẹ bạc như sương
Ngày sau ai nhớ cho dòng lệ
Kỳ Sơn ơi, Kỳ Sơn Kỳ Sơn
(Kỳ Sơn)*

“Đại đội đi một nửa không về”. Sợ không? - Sợ. Ốn không? - Ốn lắm. Đừng nói dóc, đừng làm anh hùng rơm. Người lính Trần Hoài Thư đã sống rất thật, rất người, biết sợ và cũng biết vượt qua nỗi sợ hãi vì những gì to tát hơn, ý nghĩa hơn:

*Thì ta ra trận, ta ra trận
Trăm lần thì cũng chuyện rong chơi
Vẫn chuyển bốc quân vào buổi sớm
Vẫn chuyển trở về không buồn vui.*

Người lính miền Nam oằn vai vì nhiệm vụ, ứa lệ cho đồng đội, ứa lệ vì đồng bào, vì mẹ già, vì em thơ, ứa lệ cho thân phận bị uất của chính mình nhưng sẵn sàng chia xẻ với tổ quốc những tai ương, chung chịu với với quê hương mọi bất hạnh với một cõi lòng tràn ngập hào khí, một trái tim vượt thoát, chất ngất thương yêu, không thù hận:

*Ta trở về giáp mặt chiến tranh
Đồi cháy lửa mặt trời nhuộm đỏ
Thau rầu để mừng ta thành lính sửa
Dzô ông thầy! bừu sự có thành em*

*Ta lính miền Nam hề, gốc nho phong
Không chiến tranh cũng thành đốc tờ đốc tiếc
Thời thế đẩy đưa ta thành lính chiến
Mang nỗi buồn như rừng lá khai quang.*

*Ta lính miền Nam hề, vận nước giữa nghiêng
Ta cũng lên đên cùng mặt kiếp
Ta trèo lên hỏi cây rừng có biết
Có một nơi nào hơn ở Việt nam
Có người lính nào bi tráng hơn lính miền Nam?
(Ta lính miền Nam)*

*..Cô hàng ơi cho tôi một ly không
Tôi rót mời một người lính Bắc
Hắn nằm banh thây dưới hầm bí mật
Trên người vẫn còn sót lại bài thơ
Trên đồi cao, mây vẫn xanh lơ
Có con bướm vàng đậu dằng dưới nắng
Tôi với hắn, đâu có gì thống hận
Bài thơ nào cũng viết để yêu em.
(Một ngày không hành quân)*

Người lính, người thơ Trần Hoài Thư đã buồn, đã vui, đã cười, đã khóc, đã muợn phiền tiêu phí, đã kiêu hãnh hiến dâng cả tuổi thanh xuân cho Qui nhơn, Bình Định. Hàng hàng lớp những Nguyễn Văn X, Trần Đình Y, Lê Văn Z cũng đã sống một thời như thế ở Phong Điền,

*Thằng Mỹ lái tàu chơi mất dạy
Hai càng chũa hạ đã bay cao
Ta nhìn xuống thấp, run không nháy
Mày đập ông, ông phải té nhào.*

*Lính cũ chỉ đường ta đánh trận
Quân bò, ta lại chạy khơi khơi
Phen này còn sống về thăm phố
Ghé lại em nuôi. Thường cuộc đời
(Nhảy trực thăng ở Phước Lý)*

Như vậy đó, người lính ốm, cận thị Trần Hoài Thư “Ráng giữ ống chân cho khỏi gãy. Ráng ôm khẩu súng như tình nhân. Cầu cho cặp kính dày không vỡ. Nhớ cột dây thun cho chắc ăn” để làm “ông Thầy” cùng “em út” trong Trung đội - chức vụ nhỏ nhất, trách nhiệm nặng nề nhất và cũng dễ chết nhất trong một đơn vị bộ binh tác chiến- lao tới:

*Băng đồng, băng đồng, đêm hành quân
Người đi ngoi ngóp, nước mênh mông
Về đây Bình Định ma thiên lãnh,
Mỗi địa danh rờn rợn oan hồn*

*Mưa lạnh thêm tu hơi rượu đế
Để quên tim nhảy nhịp lo âu
Giơ tay vuốt mặt lau tròng kính
Giờ G, giờ G sao quá lâu.*

*Trung đội ta những thằng giữ đất
Từ Qui Nhơn, Phù Cát, Phù Ly
Ra Tam Quan qua rừng An Lão
Từ Kỳ Sơn, Phước Lý, An Khê*

*Đồng đội ta những người đã chết
Những Vọng, Nga, Nai, Bình Lò Heo
Những Chấn, Hào, Sơn, Tài Xóc Dĩa
Đàn điều bầu thắm thiết khóc òa
(Trung Đội).*

Đầy Thị Nại

Tôi cảm nhớ thâm yêu trong giấc mộng
Vui mùa trăng, say biển lộng trời thơ
Những năm qua ôn lại chuỗi ngày mơ
Đầy Thị Nại không phai mờ dấu cũ.

Bao kỷ niệm con đường xưa bóng rữ
Nhìn xa khơi nắng phũ rặng dừa xanh
Cánh buồm giăng vượt sóng chạy qua nhanh
Nghe sôi động âm thanh tình cá nước

Tháng năm ấy bên Cầu Đôi mấy lượt
Đón thi nhân lạc bước giữa tình sương
Như mơ màng trong gió thoảng muôn phương
Nhưng nhớ gợi, sắc hương triều ảo ảnh.



Lần gót dạo qua con đường bẽ lánh
Dưới hàng cây vi vút cánh thông reo
Ở nơi đây chung cả một xóm nghèo
Trong mái ấm gặp nhau niềm tri kỷ

Đầy Thị Nại địa danh lòng dững khi
Tình nên thơ và cảnh trí thần tiên
Giữ dùm tôi bao kỷ niệm hoa niên
Cho thấm mãi mối duyên về đất mẹ.

Thạch Khê

Món ăn quê hương

Dừa non Bình-định nhất Tam quan,
Rượu bọ thơm ngon Bàu đá làng.
Chim mía Phú-phong khen đặc biệt.
Nem chua Chợ-huyện tiếng đồn vang.
Bê thui Phú-cát đông người nhậu.
Bánh hời Phú-tài đặc khách hàng.
Đặc sản quê hương miền xứ "Nẫu".
Đến đây thưởng thức rẻ vừa sang /.

Nguyễn Diêu

Cam Lộ, ở Tân Cảnh, Kom Tum, ở Bình Long, Hậu Nghĩa, ở Chương Thiện, U Minh. Thời chiến, buổi nhiều nhưng, trai thời loạn. Có lẽ tất cả đều kiêu hãnh ngẩng cao đầu không hối tiếc về một thời đã qua nhưng chắc chắn sẽ ngậm ngùi khi nhớ lại:

Những thằng bạn buổi hôm nào áo trận

Thoát gò đây: tóc đã điểm hoa râm

Khi gặp lại từ phương này quả đất

Chợt nhìn lên: giờ vàng trán đã nhẵn.

Trong đôi mắt mỗi mê cùng cơm áo

Có chút gì phảng phất của quê hương

Mây Đèo Cả như hôm nào dừng lại

Chiều Pleiku như buổi nọ mù sương

Thấy như thể trời Bồng Sơn mưa đỏ

Chiều cuối năm quân chuyển xuống Đèo Nhong

Đường xe lửa ai ngồi chầm điếu thuốc

Áo tôi dầu che khuất nẻo Cù Mông.

Những thằng bạn buổi hôm nào áo trận

Thoát gò đây, tóc đã điểm hoa sương

Khi gặp lại từ phương trời viễn khách

Chợt nhìn nhau, sao đôi mắt cay nồng.

Trần Hoài Thư! Xin cảm ơn đã đổ máu cho Qui Nhơn, xin cảm ơn đã đổ lệ cho vùng đất khô dân nghèo Bình Định, xin cảm ơn vẫn luôn giữa trong tim “chút gì phảng phất của quê hương”. Buồn phải không? Thôi, vòng vòng kiếm chỗ nào làm ly cà phê chơi, dù chắc gì ly cà phê viễn xứ đủ hấp lực làm quên nỗi buồn quá nồng, quá đậm trong lòng mỗi chúng ta.

Ghé lại Dunkin gọi cốc cà phê

Nhớ bạn, ra ngoài đường đốt thuốc

Một chút cay cay xé nồng đôi mắt

Như khói mù buổi sớm Việt Nam

Cốc xây chừng để lại Qui Nhơn

Chắc sẽ ngụi và đọng thành lệ đá

Nguyễn Mạnh An Dân



CON BÀ TƯỚNG

TẠ CHÍ THÂN

Cả khu này chỉ có hai gia đình: tôi và nó là Việt Nam nên trở thành thân nhau, mặc dù nó trẻ hơn tôi 10 tuổi

Nhiều buổi chiều trong tuần, tôi và nó gặp nhau sau vườn, làm vài chai cùng trò chuyện. Nó khoái nghe tôi kể về những Anh Hùng của lịch sử Việt Nam: Hai bà Trưng, Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Vua Quang Trung Nó chăm chú nghe, mỗi lần đến những đoạn chiến thắng ngoại xâm, nó đều la lên sảng khoái:

- "Người Việt Nam mình "ĐÃ" thiệt"

Rồi tu chai bia ùng ục.

Tối khi tôi kể đến đoạn vua Quang Trung băng hà:

- "Vua Quang Trung trút hơi thở cuối cùng Hôm ấy trời đang nắng, bỗng như tối sầm lại. Mây đen từ phía biển cuộn cuộn theo gió kéo tới. Từng đàn chim trời lữ lượt bay qua nóc cung điện nhà Vua, cùng buông ra những tiếng kêu thê thảm, như than vãn cho vị anh hùng vừa sớm lìa đời.

Vua Quang Trung mới vừa 39 tuổi, lên ngôi chưa đầy năm năm, đã không còn nữa!!!."

Mặt nó chùng xuống, nước mắt chảy dài.Tôi kể tiếp:

- "Rồi Bà Tướng Bùi thị Xuân bị bắt, nhà Nguyễn điệu mẹ con Bà Tướng ra pháp trường cho voi dày Con Bà Tướng sợ quá, khóc thét lện Bà Tướng quát to:

- Con nhà tướng không được khóc.

Con Bà Tướng không la khóc nữa, chịu voi dày mà chết”

Lần này, khuôn mặt no lạnh tanh. Nói ngập ngừng trong vẻ giận dữ:

- "Bà Tướng là người anh hùng thì có thể chứ con Bà Tướng, biết gì mà im lặng chịu voi dày mà chết. Lịch sử Việt Nam mình quá oai hùng nhưng đừng thêu dệt thêm làm mất đi tính chất”

Tôi trầm ngâm.. kể cho nó nghe câu chuyện gần đây thôi, không thêu dệt:

- "Vợ tôi dẫn đưa con gái đầu lòng vừa mới 7 tuổi đi đường bộ băng rừng, trèo đèo, vượt suối gai cào, đá cắt.. con gái tôi cứ khóc thét lên. Mẹ nó nhỏ nhẹ:

- Nếu con khóc như thế này thì mẹ con mình sẽ không gặp được ba!!!

Từ đó, suốt chặng đường đi con gái tôi cứ thui thủi đi tới, cắn răng mà chịu.

Lúc đến nơi, tắm rửa cho nó.. vợ tôi chỉ biết ôm vào lòng mà khóc vì cả người nó bị cào xước khắp nơi. Có chỗ sưng đỏ tấy, có chỗ đã nung mủ độc.

Con tôi mà còn vậy huống gì con Bà Tướng???”

Nó bật lên câu nói như lúc trước:

- "Người Việt Nam mình “ĐÃ” thiệt.”

Nhưng kèm thêm:

- "Mà người Việt Nam mình cũng “ÁC” thiệt Bà Tướng từng theo vua Quang Trung chinh Đông bình Bắc, không chết bởi bọn ngoại xâm mà lại bị chết bởi người Việt Nam mình. Người Việt Nam mình cũng “ÁC” thiệt”

Tự nhiên tôi thấy chung hững Tướng cứ kể chuyện thật về trang sử oai hùng của Việt Nam và những chuyện chung quanh để nó hãnh diện, nó có hãnh diện thật sự nhưng cái suy diễn thực tế của thời đại bây giờ với lớp tuổi trẻ hiện nay, tự nhiên lại đem một vệt đen vào đầu óc nó.

Tôi thấy: “Tôi bậy thiệt!!!”

TẠ CHÍ THÂN

Bình Định thân thương

*Qua vườn dừa Tam Quan biển hát...
Dòng Lại Giang ngan ngọt men lòng
Đa diết Hoài Ân, Hoài Nhơn trông ngắm!
Sông Sơn cầu nghiêng nghiêng bóng
Kương đời Thủ Mỹ... lên, xuống đèo Nhơn
Nghe Thủ Lý động bước ai đi...*

*Mênh mông Thủ Cát... vàng sông Đé Gi
Mơ đình Thuông Thi... vọng Thu hóa đá!
Tuy Viễn xưa bao chùa, tháp hương hoa
Đàn thành hoang dã
Hòn Trung Linh u nhã ru Trời!
Đáy An Nhơn thành thơ
Cầu tương, điệu hò điệu vợi
Núi, đồng phơi phơi...*

*Ngược sông Sơn... Tây Sơn phát khởi
Đàn võ tước nguồn, nắng mới ngàn Mai!
Leo Phù Mông, Đản Cảnh mưa dãi
Về Quy Nhơn biển trời xanh trải
Bình Định ơi, còn mãi thân thương...*

MAI KHÊ



Lạc bước chân quen



Valse Nhạc & Lời : Ngô Tín

Mai ta về qua con phố xưa Chờ nắng lên
Mai ta về con sông lãng quên Bờ cát nằm
cao ươm màu kỷ niệm Một thời mộng mơ
xưa soi mòn dấu tình Hối người mộng mơ
trắng ngày cũ Một trời thương nhớ biết bao giờ
xa tâm với Hối người năm cũ biết ai còn
người Mai ta về còn nhớ không
chăng Mai ta về đường phố thay
em Chiều hồng nghiêng vai nắng soi đường về
tên Sài Gòn không em nắng mưa đợi chờ
Tìm trong ký ức hương yêu cũ Mai ta
Hàng cây im bóng say nổi nhớ Mai ta
về lòng khách bâng khuâng
về lạc bước chân quen

HỒI ỨC

về một thời xa vắng

Tôi muốn viết những vần thơ thương nhớ
Những vần thơ vương vấn chuyện ngày xưa
Đã qua rồi, nhưng tôi vẫn mộng mơ
Tha thiết nhớ về một thời xa vắng.

Tâm tư ấy, đi về bên gối mộng
Mùa thu nào như còn mãi vương hương
Cả hồn người là trăm nhớ ngàn thương
Đem ép lại thành tranh đời dĩ vãng.

Dư âm mãi trải dài theo năm tháng
Thoáng chiều cao, trầm lắng xuống chiều sâu
Buồn chơi vơi như tiếng vạc đêm thâu
Rơi im im, hút chìm đáy giếng cổ.

Khung ngô tre, vật vờ trong ý nhớ
Đếm hoàng hôn...nào thấy bóng người về
Con đường làng, lầy lội bước chân què
Men lối cũ, đến vườn xưa cô quạnh.

Con diều cao giữa bầu trời xanh thắm
Không gian xưa, hun hút dựng trong hồn
Áng mây chiều mãi vương vấn cố thôn
Mái tóc bạc, ẩn nỗi buồn chưa khuất.

Ngôi trường cũ, trang vở nhòe nét mực
Chân ngõ ngàng, đi tìm bóng thầy xưa
Nghe tâm tư thương nhớ tự bao giờ
Hình bóng cũ chưa mờ trong ký ức.

Những ngày xưa hư hư và thực thực
Mảnh hồn nào níu dĩ vãng xa xôi
Cả thời thơ, nuôi tiếc chẳng pha phôi
Gọi thương nhớ dựng lâu đài kỷ niệm.

Ngược thời gian, thả hồn đi tìm kiếm
 Những ngày xưa, ngày xưa của xa mờ
 Mãi nghe lòng xao xuyến mảnh hồ thơ
 Ôi dĩ vãng, giờ chỉ còn vang bóng?!

Tình thấp toáng, bay theo tà áo trắng
 Trãi tóc mây thu xanh nổi đợi chờ
 Thu tựu trường qua lối phố đi về
 Tuổi mười sáu thơm thơm trang sách mới.

Ngôi tháp cổ nghìn xưa còn đứng đợi
 Dầu qua bao bão tố vẫn không sờn
 Đã xa rồi khu phố cổ Quy Nhơn
 Đêm rụng xuống chiếc lá bàng quá khứ.

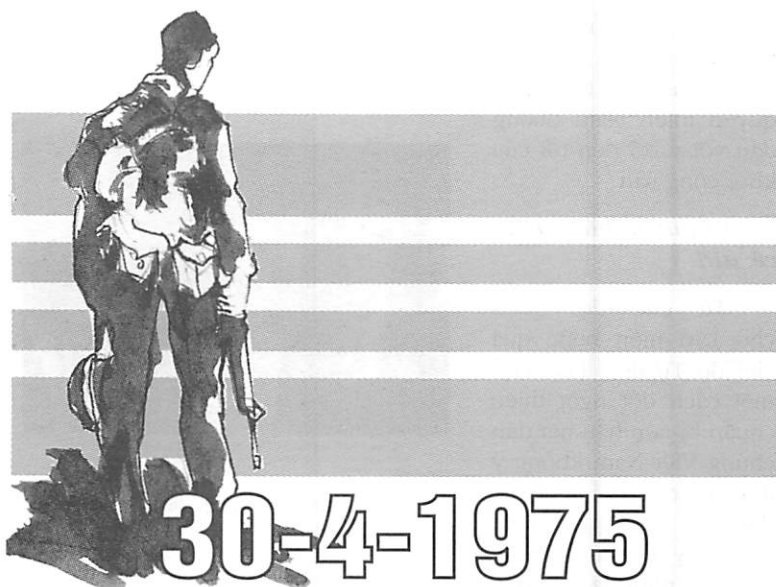
Đôi thi nhân (1) đầu bóng Hàn Mạc Tử
 Trăng lặn rồi, mơ mộng cũng đi hoang!
 Hoàng thành (2) xưa, nay hoang phế, điêu tàn
 Trạng sử cũ ép khô dòng hoài niệm.

Ôi thao thức, nỗi niềm bao thâm kín
 Em gửi gì theo từng chiếc lá bay?!
 Ký ức tuổi thơ vương vấn tháng ngày
 Như chiếc lá tre khô gió thổi vòng vèo mãi

Năm tháng trôi đi chuỗi ngày hoang dại
 Nước hương chạnh thơm, hết tuổi xanh rồi
 Cảm xúc xa xưa đọng lại nổi bồi hồi
 Thương nhớ cũ người ơi, phôi pha nhỉ?!

HỒ SĨ DUY

(1) Địa danh một ngọn đồi thơ Quy Nhơn
 (2) Hoàng thành hay còn gọi là thành Hoàng Đế,
 nơi xưa Nguyễn Nhạc xưng vương.



30-4-1975

**NGÀY BỨC TỬ QUÂN LỰC
VIỆT NAM CỘNG HÒA**

ĐẶNG THIÊN SƠN

Sau Hiệp Định Genève với nghị quyết của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc, những nước nhược tiểu bị cường quốc thống trị lần lượt được trao trả độc lập. Vào thời điểm này, Việt Nam chia thành hai quốc gia. Miền Bắc theo Chủ nghĩa Xã hội. Miền Nam theo Chủ nghĩa Tư bản.

- Để chuẩn bị cho việc nhuộn đỏ thế giới, Liên Xô và Trung cộng dùng Cộng sản Bắc Việt làm tên xung kích tại mặt trận Đông Nam Á .

Tuân theo chỉ thị của quan thầy, tập đoàn cộng sản Bắc Việt xưa quân xâm lăng miền Nam gây nên cảnh máu đổ thịt rơi, nhà tan, cửa nát cho nhân dân hai miền Nam B?c trong suốt 1/4 thế kỷ.

- Để ngăn chặn hiểm họa cộng sản, Hoa Kỳ chọn miền Nam Việt



TT. Ngô ãnh Diệm

Nam làm tiền đồn chống cộng của thế giới tự do. Với tiềm năng kinh tế dồi dào, Hoa Kỳ phát triển lý thuyết tư bản-tự do-dân chủ qua con đường viện trợ kinh tế như một thứ vũ khí, khuyến khích chính quyền miền Nam đương đầu với ý đồ đen tối của khối cộng sản.

Chính nghĩa thuộc về ai?!

Từ chế độ Quân chủ Lập hiến bước qua chế độ Tự do - Dân chủ một cách đột ngột thiếu chuẩn bị nên hầu hết dân chúng Việt Nam không ý thức rõ ràng về mức độ dân chủ theo quan điểm kiểu Tây Phương. Trong khi ấy, nhứt là ở nông thôn mọi người chưa thấy rõ bộ mặt thật của Cộng sản. Cho nên ý thức chống Cộng của họ thật mù mờ. Điều này đã khiến chính phủ Việt Nam Cộng Hòa và Hoa Kỳ gặp nhiều khó khăn không nhỏ trong việc dân chủ hóa Miền Nam. Một nước mà Hoa Kỳ muốn biến thành đồng minh trong thế chiến lược, để ngăn chặn sự bành trướng của chủ nghĩa Cộng Sản.



President John F. Kennedy and his brother Robert with the President's personal military advisor, General Maxwell Taylor, 1961 (who later became Ambassador to Saigon 1964-65).

TT.Kennedy đứng bên trái, Tướng Taylor đứng giữa.

Vì muốn chiến thắng cộng sản và luôn phô trương sức mạnh của mình, Hoa Kỳ thường hay trực tiếp nhúng tay vào nội bộ các quốc gia họ giúp đỡ. Sự kiện này đã bị cộng sản lợi dụng để bóp méo sự thật về cuộc chiến tự vệ, bảo vệ chính nghĩa của quân dân miền Nam. Cộng sản Bắc Việt đã biến cuộc chiến tranh xâm lược của bọn chúng, thành cuộc chiến “Chống Mỹ cứu nước”.

Không muốn tạo điều kiện để CSBV tuyên truyền láo khoét làm sai lạc ý nghĩ cuộc chiến đấu tự vệ của quân dân Miền Nam, Tổng thống Ngô Đình Diệm từ chối -không chấp nhận sự can thiệp trực tiếp của quân đội Hoa Kỳ vào chiến cuộc Việt Nam. Ông chỉ yêu cầu Hoa Kỳ viện trợ kinh tế, vũ khí đạn dược và cố vấn để Việt Nam Cộng Hòa đủ sức bình định nông thôn, tiêu diệt đứa con đẻ của CSBV là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

Quốc Sách Ấp Chiến Lược của TT. Diệm đã làm tê liệt các cơ sở hạ tầng của Việt cộng, khiến chiến thuật “lấy nông thôn bao vây thành thị” của cộng quân gặp nhiều khó khăn

Vĩnh biệt Tổng Thống Ngô đình Diệm.



TT. Diệm bị sát hại

Trong một cuộc họp báo tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn vào năm 1963, Tổng thống Hoa Kỳ John Kennedy đã nói huỵch toẹt với giới truyền thông: “Người Mỹ đến Việt Nam không phải để giúp ông Diệm mà họ có mặt tại Việt Nam là để phục vụ chính quyền lợi của nước Mỹ và cũng để chứng tỏ

cho Liên Xô và Trung Cộng thấy rằng Hoa Kỳ sẵn sàng chống lại các cường quốc cộng sản tại bất cứ chỗ nào trên mặt địa cầu. Nếu anh em ông Diệm không để cho người Mỹ thực hiện ý định của họ thì Hoa Kỳ sẽ tìm kiếm những người Việt Nam khác sẵn sàng đáp ứng quyền lợi của Mỹ”. (Theo The Pentagone Papers, do nhà phát hành The New York Times, năm 1971, trang 190)

Với tinh thần yêu nước cực đoan, thiếu uyển chuyển không muốn quân đội Hoa Kỳ có mặt tại chiến trường VN. Và với sự cố vấn của ông Ngô đình Nhu, lúc ấy, đang lén lút liên lạc với CS Bắc Việt bàn thảo giải pháp Trung Lập Hóa Miền Nam không như ý Hoa Kỳ mong muốn nên Tổng thống Ngô đình Diệm đã bị đảo chính ngày 1 tháng 11 năm 1963.

Nhân chứng bên cạnh TT. Diệm tới giờ phút chót kể lại, thì các tướng đảo chính đã hứa là sẽ bảo đảm an toàn cho ông rời khỏi nước. Nên Tổng thống Diệm chẳng những không ra lệnh kháng cự lại mà còn nói với vị Chỉ huy phó Liên Binh Phòng Vệ Tổng Thống Phủ rằng: “Nếu các anh em đánh, quân đội cả hai đều chết. Thà là giết cộng sản. Nếu ta chiến đấu thì chiến đấu chống cộng sản. Dành đạn mà giết cộng sản”. Đối với cái chết của ông Ngô đình Diệm và người em là ông Ngô đình Nhu, tướng Dương văn Minh, người chỉ huy đảo chính đã công bố là hai anh em ông Diệm tự sát. Tuy nhiên qua phóng ảnh do phóng viên ngoại quốc chụp được người ta thấy TT. Diệm và ông Ngô đình



South Vietnamese using sharpened bamboo stakes to fortify the defenses of a Strategic Hamlet in early 1963. This was part of the US program in the Kennedy years to help villagers defend themselves against the VC guerrillas.

Ấp Chiến Lược

Nhu bị trói thúc ké, trên đầu có nhiều vết đạn và thân thể hai người còn có nhiều vết dao đâm (Việt Nam Thắng Và Bại của Lê quế Lâm, NSM 1993, tr. 342).

Khi TT. Ngô đình Diệm bị lật đổ, Nguyễn hữu Thọ, Chủ tịch MTGPMN mừng rỡ thốt lên: “Người Mỹ đã làm giùm chúng tôi điều mà 9 năm chúng tôi không làm được”. Nguyễn hữu Thọ đã ví cuộc đảo chính và cái chết của TT. Diệm: “Chẳng khác nào quà tặng từ trên trời rơi xuống”.(Theo Richard M. Nixon, No More Vietnams, Arbor House NY, 1985, tr. 72)

“Vĩnh biệt TT. Ngô đình Diệm, người sáng lập nền Cộng Hòa Việt Nam, người quốc gia yêu nước chân thành đến giờ phút cuối”.

Sau khi TT. Ngô đình Diệm bị sát hại, Dương văn Minh lên nắm quyền chuẩn bị cho giai đoạn “Mỹ Hóa chiến tranh”. Tại Mỹ, Bộ trưởng Quốc phòng McNamara đã họp khẩn với các cố vấn của TT. Kennedy tìm biện pháp chiến lược cho vấn đề Việt Nam. Ba ngày sau phiên họp, TT. Kennedy bị ám sát tại Dallas, Texas.

Mỹ hóa chiến tranh Việt Nam.

***Chính trường Miền Nam
rối như tơ vò vì đảo chính liên
miên.**

Tổng thống Ngô đình Diệm chết, Quốc Sách Ấp Chiến Lược bị hủy bỏ. Nhân cơ hội này chiến thuật “lấy nông thôn bao vây thành thị”, của cộng sản được dịp hồi sinh. Tình hình nông thôn trở nên kém an ninh. Trong khi ấy tại thủ đô Sài Gòn rối bời vì nhiều xu hướng chính trị khác nhau của các ông tướng trong Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng. Các tướng thân Pháp thì muốn giải quyết chiến



Tướng Nguyễn Khánh

tranh Việt Nam theo con đường của TT. Pháp De Gaulle đã vạch ra là Trung Lập Hóa Miền Nam. Nhưng Trung Lập Hóa Miền Nam không phải là giải pháp Hoa Kỳ mong muốn, nên ngày 30 tháng 1 năm 1964 Hoa Kỳ đã để tướng Nguyễn Khánh làm cuộc “chỉnh lý” để hất cẳng tất cả các tướng có ý muốn Trung Lập miền Nam ra khỏi quyền lực. Ông Khánh cho ra đời Hiến Chương Vũng Tàu, hạ bệ Dương văn Minh, thăng cấp ào ào cho các sĩ quan trẻ để tạo vây cánh, đồng thời cho các sĩ quan già về vườn.

Do không ý thức và hiểu biết sâu rộng về chính trị. Do không nắm vững khuynh hướng can thiệp vào Việt Nam của Hoa Kỳ. Những nhân vật ông tướng, ông tá thời đó đã thay phiên nhau làm đảo chánh để tranh giành quyền lợi khiến tình hình chính trị càng ngày càng tồi tệ.

Ngày 20 tháng 2 năm 1965, sau khi dẹp tan cuộc đảo chính của các ông Lâm văn Phát, Phạm ngọc Thảo, Huỳnh văn Tồn hai ông Nguyễn chánh Thi -Tư Lệnh Quân Đoàn Giải Phóng Thủ Đô và Nguyễn cao Kỳ -Tư Lệnh Không Quân đã áp lực buộc ông Nguyễn Khánh rời nước lưu vong sang Pháp.

Lợi dụng tình trạng chia rẽ trong Nam, cộng sản Hà Nội gia tăng các hoạt động quân sự. Bọn chúng giết người bất chấp thủ đoạn. Để khủng bố tinh thần người dân, chúng pháo kích bừa bãi vào các khu dân cư, trường học, chợ búa, nhà thương. Tạo nên cảnh chết chóc thê lương cho người vô tội. Đồng thời, liên tiếp mở những trận đánh cấp Tiểu đoàn, Trung Đoàn, Sư Đoàn.

- Quân đội Mỹ đổ bộ vào Việt Nam.

Nghị quyết 288 ký ngày 17/3/1964 của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ đã mở đường cho quân đội Mỹ trực tiếp tham chiến tại VN.

Tháng 5 năm 1965, trước tình



QT. Phan khắc Sửu



South Vietnam's Premier, Nguyen Cao Ky, and (in background) Chief of State, Nguyen Van Thieu, at the Guam conference in March 1967.

Tb.T Nguyễn Cao Kỳ - TT. Nguyễn Văn Thiệu

ình chiến sự ngày càng gia tăng, Quốc trưởng Phan khắc Sửu và Thủ tướng Phan Huy Quát dưới áp lực của các tướng lãnh đành phải bàn giao chính quyền cho quân đội, để kết thúc vai trò lãnh đạo quốc gia trong thời chinh chiến của giới dân sự.

Tướng Nguyễn văn

Thiệu, Tổng trưởng Quốc phòng kiêm Tổng thư ký Hội Đồng Quân Đội Cách Mạng nhận lãnh trách nhiệm với chức vụ Chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, tướng Nguyễn cao Kỳ làm Chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương.

Ngày 19 tháng 6 năm 1965, Nội Các Chiến Tranh của Thiệu tướng Nguyễn cao Kỳ ra đời. Ngày 19/6 còn được chọn là Ngày Quân Lực để đánh dấu sự trưởng thành của quân đội VNCH. Do sự giết dây của Việt cộng, Nội Các Chiến Tranh của ông Kỳ đã bị nhiều thành phần nổi lên phản đối kịch liệt. Phật giáo thì xuống đường từ Sài Gòn ra đến Huế, sinh viên thì biểu tình, Tổng Liên Đoàn Lao Công thì ra tuyên cáo đòi phải có một Nội Các Hòa Bình chứ không phải Nội Các Chiến Tranh v.v... tạo nên tình trạng hết sức hỗn loạn.

Vào năm 1965, dưới áp lực quân sự của cộng sản Bắc Việt ngày càng khốc liệt theo yêu cầu của chính phủ VNCH, Hoa Kỳ cho đổ bộ 4 tiểu đoàn TQLC lên Đà Nẵng. Đây là những đơn vị đầu tiên của Hoa Kỳ có mặt tại chiến trường Việt Nam. Sau đó, do thương lượng được với Trung Cộng, Hoa Kỳ đã ồ ạt đổ thêm quân vào VN với quyết

tâm ngăn chặn tham vọng thôn tính miền Nam của cộng sản Bắc Việt. Số quân nhân Hoa Kỳ tham chiến tại VN lên đến gần nửa triệu người, không kể số quân đồng minh khác như Úc, Tân Tây Lan, Nam Hàn, Thái Lan. Cuộc chiến bắt đầu leo thang.



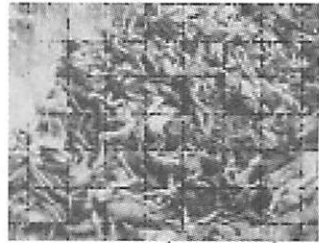
Mao Trạch Đông đã nói với ký giả Mỹ Edgar Snow về sự kiện Mỹ đổ quân vào VN như sau: "Quân Trung quốc sẽ không vượt biên giới của mình để đánh nhau. Đó là điều hoàn toàn rõ ràng, chỉ

khi nào Mỹ tấn công, người Trung quốc mới chiến đấu". (Trong Sự thật về quan hệ VN Trung quốc trong 30 năm qua. Văn kiện của Bộ Ngoại giao Việt cộng, của nhà xuất bản Sự thật Hà Nội 1979 trang 44).

Để chuẩn bị tư tưởng cho cuộc chiến lâu dài, Hồ chí Minh trong diễn văn đọc ngày 17 tháng 7 năm 1966, tại Hà Nội đã nói: "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm hay lâu hơn nữa. Hà nội, Hải phòng và một số xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân VN quyết không sợ. Không có gì quý hơn độc lập tự do. Đến ngày thắng lợi nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn". (Trong Hồ chí Minh, vì độc lập tự do, vì Xã Hội Chủ Nghĩa, của NXB Sự Thật, Hà Nội, 1970, trang 282).

Quân đội cộng sản Bắc Việt đã thua QLVNCH trong trận đọ sức Tết Mậu Thân

Trước năm 1968, với chiến thuật vừa đánh vừa đi đêm với Hoa Kỳ để đợi thời cơ Tổng Tấn Công Miền Nam, Cộng sản Bắc Việt đã âm thầm đưa nhiều sư đoàn chính quy vào chiến trường cao nguyên Nam phần, Quân khu 5 và miền Đông nam phần dưới sự chỉ huy của tướng VC Nguyễn chí Thanh. Tướng Erth G.Wheeler, Chủ tịch Hội Đồng Tham Mưu Trường Liên Quân đã so sánh việc chuẩn bị của cộng quân cho trận đánh sắp diễn ra là: "Cộng sản tung ra một nỗ lực tuyệt vọng rất giống như trận đánh ở rừng Ardenne của Đức hồi thế chiến thứ II" (Big Story của Peter Braestrup, Anchor Press, NY 1978, Vol I, pp 60).



**VC sát hại đồng bào Huế
tết Mậu thân 68**

Sau nhiều chuyến đi đêm, Hoa Kỳ đồng ý án binh bất động để quân đội Bắc Việt thử lửa với Quân lực VNCH trong một trận quyết định mà chiến trường, thời gian do CSBV chọn lựa. Trong điều kiện đi đêm Hoa kỳ đã hứa với Hồ chí Minh, nếu quân của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và bộ đội CSBV thắng được quân của chính phủ VNCH, tức thắng được QLVNCH thì Hoa Kỳ sẽ rút quân để MTGPMN và nhân miền Nam toàn quyền định đoạt thể chế của mình. Còn ngược lại, nếu thua, thì MTGPMN phải hợp tác với chính quyền quốc gia miền Nam, giải quyết chiến tranh bằng con đường hòa bình.

Thế rồi, qua bài thơ chúc tết vào đêm giao thừa năm Mậu Thân, Hồ chí Minh đã mật lệnh Tổng Công Kích Miền Nam. Bài thơ chúc tết của họ Hồ như sau:

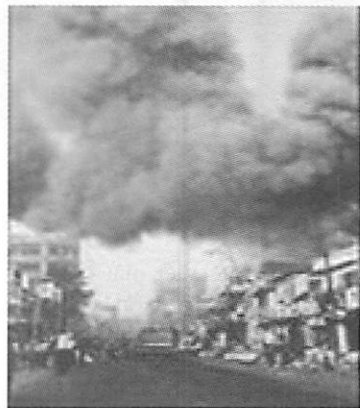
*Xuân này hơn hẳn mấy xuân
qua,*

*Thắng trận tin vui khắp mọi
nhà,*

*Nam Bắc thi đua đánh giặc
Mỹ,*

Tiến lên toàn thắng ắt về ta,

Cộng sản Bắc Việt đã lợi dụng dịp hai bên hưu chiến. Lợi dụng



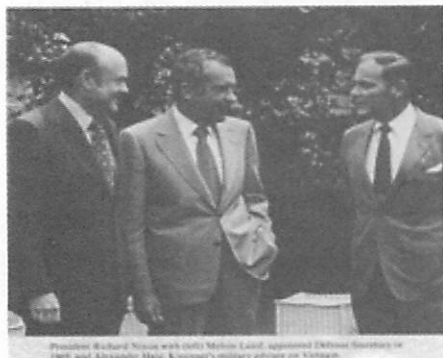
dịch chỉ có 1/2 quân số QLVNCH cắm trại để tấn công Miền Nam. Với cơ hội bất thần này, Hồ chí Minh tin tưởng nắm chắc phần thắng trong tay. QLVNCH sẽ tan rã và chính phủ VNCH sẽ bị lật đổ. Nhưng, những tính toán của Hồ chí Minh đã hoàn toàn sai lầm.

Mặc dù chỉ với quân số 1/2 trong tình trạng cắm trại để giữ gìn an ninh đơn vị, các chiến sĩ QLVNCH với tinh thần chiến đấu dũng cảm, thiện chiến, đã cho bọn cộng phỉ khát máu ném mùi thất bại chua cay. Trên 30 ngàn cộng quân bị QLVNCH loại ra khỏi vòng chiến. Gần như toàn bộ quân du kích và lực lượng địa phương của MTGPMN bị tiêu diệt. Hàng chục ngàn tên cán binh cuồng tính nhút, có kinh nghiệm nhút từ vùng rừng núi nhẩy vào vùng đồng bằng và thôn quê để phơi xác - trả giá cho sự vi phạm hủu chiến một cách trắng trợn trong ba ngày tết thiêng liêng của dân tộc. Tóm lại, qua trận Tổng Công Kích Tết Mậu Thân, Việt cộng đã làm mất cả một thế hệ chiến binh mà chúng đã đào tạo và xây dựng trong nhiều năm.

Quân sử gia Hoa Kỳ, đại tá Dave Palmer trong tác phẩm Summons Of The Trumper nhận xét rằng: "Cuộc tấn công của cộng sản đã mang lại kết quả trái ngược. Binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa đã tỏ ra



Quốc tặc HCM



TT. Richard Nixon (giữa)

có tinh thần và dũng cảm làm ngạc nhiên nhiều người nhứt là các tên lính Bắc Việt. Cộng sản chờ đợi nhân dân nổi dậy tiếp tay với chúng, người dân quả thật có nổi dậy- nhưng để đánh lại quân xâm lược BV". (Việt Nam Thắng và Bại, Lê quý Lâm, Ngọc Thu XB, Sydney 1993, tr 372).

Việt Nam bóa chiến tranh

Sau trận Mậu Thân, cộng sản Bắc Việt mất địa bàn hoạt động tại nông thôn và các tỉnh quanh thủ đô Sài Gòn. Hầu hết các đơn vị Việt cộng phải rút về mặt khu của chúng tại biên giới Việt Miên. Hồ chí Minh vì quá thất vọng không nuốt được miền Nam đã sanh bệnh và trút hơi thở cuối cùng vào ngày 3/9/69, chấm dứt sự nghiệp 'bán nước -hại dân' của kẻ

tội đồ dân tộc.

Sau trận Mậu Thân, Quân Lực VNCH tái chiếm và bình định lại các vùng nông thôn trước đó đã bị Việt Cộng kiểm soát. Tình hình nông thôn sáng sủa hơn với chương trình “Người Cày Có Ruộng”.

Với chủ trương muốn kết thúc cuộc chiến trong hòa bình và danh dự, các màn đi đêm giữa ngoại trưởng Hoa Kỳ Kissinger với CSBV vẫn tiếp tục diễn ra. Để có thời gian chỉnh đốn lại hàng ngũ gần như tan rã sau trận Mậu Thân, CSBV mới chấp nhận vào bàn hội nghị. Tại Hoa Kỳ phong trào phản chiến lan tràn nhiều tiểu bang đã khiến các cuộc thương lượng của Hoa Kỳ gặp nhiều khó khăn. Trước làn sóng phản chiến, TT. Richard Nixon quyết định rút quân, mở đường cho kế hoạch Việt Nam hóa chiến tranh. Với hơn một triệu quân gồm quân đội, cảnh sát, nhân dân tự vệ và với tình hình an ninh khắp nơi tương đối ổn định, TT. Nguyễn văn Thiệu tin tưởng quân dân Miền Nam đủ sức đập tan mộng xâm lược của cộng sản Bắc Việt. Ông Thiệu cho rằng, Bắc Việt đã có dã tâm thôn tính miền Nam, thì CSBV có ngồi vào bàn đàm phán, cũng chỉ là chiến thuật quỳ quái vừa đánh vừa đàm mà thôi. Do đó, chính phủ VNCH chẳng còn con đường nào khác hơn là phải chiến đấu tới cùng để bảo vệ vùng đất tự do. Phải tiêu diệt đến tận cộng sản cuối cùng và phải chiến thắng. Trong khi



Hoa Kỳ muốn rút chân ra khỏi Việt Nam và giải quyết chiến tranh trên bàn hội nghị với 3 điểm:

-Mỹ rút quân khỏi VN.

-Ủy hội quốc tế kiểm soát việc ngưng bắn .

-Tổng tuyển cử tự do có Ủy hội quốc

tế kiểm soát.

Vào tháng 4/1970, để chuẩn bị cho việc rút quân và thực hiện kế hoạch Việt Nam hóa chiến tranh, quân đội Hoa Kỳ phối hợp với QLVNCH tấn công vào căn cứ đóng quân của CSBV tại các mật khu Mỏ Vẹt và Lưỡi Câu trong lãnh thổ Miền. Trong cuộc hành quân này Chiến đoàn 8/Sư đoàn 5 BB và lực lượng Thiết vận xa của QLVNCH gặp nhiều tổn thất tại Snoul, nhưng cuộc hành quân đã cắm chân không cho cộng quân vượt biên đã tạo thuận lợi cho chính quyền



NT. Kissinger

VNCH tiến hành kế hoạch bình định nội địa. Cũng nhằm bảo đảm an toàn cho kế hoạch Việt Nam hóa chiến tranh, QLVNCH mở cuộc hành quân sang Hạ Lào với chiến dịch Lam Sơn 719 đánh thẳng vào bản doanh của Tổng Cục Hậu Cần tiền phương quân đội CSBV với sự tham dự của lực lượng Nhảy dù, Thủy quân lục chiến, Biệt động quân, Thiết giáp, 13 tiểu đoàn Pháo binh và Sư đoàn I bộ binh.



Hành quân Lam Sơn 719 chấm dứt sau 44 ngày quần thảo giữa hai bên. Phần lớn tổn thất của QLVNCH trong chiến dịch Lam Sơn 719 đều do sự pháo kích ngày đêm của cộng quân từ các pháo đài được đặt trong các khe núi. Chiến dịch Lam Sơn 719 không mang lại kết quả như ông Thiệu và Hoa Kỳ mong muốn, nhưng đã cho cộng quân thấy rằng chúng không có những vùng bất khả xâm phạm và tinh thần chiến đấu vì lý tưởng tự do của các chiến sĩ QLVNCH luôn luôn sáng ngời.



HK. đội bom Bắc Việt

Từ việc đổ quân vào chiến trường Việt Nam với quân số kỷ lục dưới thời TT. Johnson đến việc muốn rút quân khỏi miền Nam một cách nhanh chóng vội vàng của Hoa Kỳ khiến Bộ Chính Trị CSBV vừa mừng vừa lúng túng. Sự rút quân của Hoa Kỳ đã làm mất chiều bài Chống Mỹ Cứu

Nước của cộng sản Bắc Việt. Để biện minh cho hành động tiếp tục gây chiến, xâm lăng miền Nam, cộng sản Hà Nội đã lên án kế hoạch Việt Nam hóa chiến tranh. Với bản chất vừa ăn cướp vừa la làng Việt Cộng gọi Việt Nam hóa chiến tranh, là âm mưu thâm độc của Mỹ-Ngụy, vì TT. Nixon đã dùng người Việt Nam chết thay cho binh sĩ Mỹ để tiếp tục duy trì chế độ thực dân mới.

Vào năm 1972, Bắc Việt đã huy



TT. Johnson

động trên hàng chục sư đoàn chính quy, trên 20 trung đoàn độc lập và trên 700 chiến xa mở những cuộc tấn công QLVNCH tới tấp. Chúng mở các mặt trận cấp sư đoàn tại vùng Ashau, A Luối, khu Cửa Việt, Darto, Tân Cảnh. Chúng tấn công Lộc Ninh, An Lộc, Bình Long, Cổ thành Quảng Trị... Trước thái độ hung hãn, háo chiến, vừa đánh vừa đàm và bỏ bàn hội nghị của cộng sản Bắc Việt, tổng thống Nixon đã ra lệnh phong tỏa cảng Hải Phòng và tái oanh tạc Bắc Việt. Ngay buổi chiều hôm bị Hoa Kỳ dội bom, CSBV đã đồng ý trở lại bàn hội nghị tiếp tục đàm phán và hứa sẽ bàn thảo nghiêm chỉnh.

Sau gần 5 năm đàm phán với 204 lần công khai và 24 lần mật đàm giữa Mỹ và cộng sản Bắc Việt để giải quyết cuộc chiến Việt Nam, ngày 27/1/1973 Hiệp định Paris ra đời gồm có chữ ký của Ngoại trưởng Hoa Kỳ William Rogers, Ngoại trưởng cộng sản Bắc Việt Nguyễn duy Trinh, Ngoại trưởng Chính phủ Lâm Thời Cộng hòa Miền Nam Nguyễn thị Bình tức Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, và Ngoại trưởng Việt Nam Cộng Hòa Trần văn Lắm.

Sau khi Hiệp Định Paris được ký kết, ngày 29/3/73, tại Bộ Tư Lệnh MAC-V trong phi trường Tân Sơn Nhứt, 42 quân nhân Mỹ đại diện cho các quân binh chủng từng tham chiến tại VN làm lễ cuốn cờ dưới sự có mặt của Đại sứ Bunker và tướng Weyand, TỰ LỆNH QUÂN LỰC MỸ TẠI VN. Và trong buổi chiều cùng ngày người quân nhân cuối cùng của quân đội Mỹ đã rời Việt Nam dưới sự chứng kiến của Ủy Hội Quốc Tế kiểm soát đình chiến. Thế là vai trò quân sự của Mỹ tại VN đã chấm dứt.

CS Bắc Việt vi phạm Hiệp Định Paris thôn tính VNCH.



The North Vietnamese and American delegations at the peace talks of 1973. Henry Kissinger, (right center) with his aide Winston Lord on his left, faces Le Duc Tho. Photo: RV lap công với Kissinger và Đại Diện Paris 1973

Bắc Việt do Lê đức Thọ cầm đầu họp với Mỹ do Kissinger cầm đầu tại Paris (1973)

Trong bản Hiệp Định Paris ký ngày 27/1/73 có ghi rõ: “Nhằm mục đích tái lập hòa bình ở Việt Nam trên cơ sở tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân Miền Nam Việt Nam góp phần củng cố hòa bình ở Châu Á và thế giới “.

Trong chương 4 điều 10 bản Hiệp Định viết: ‘Hai bên Miền Nam cam kết tôn trọng ngưng bắn và giữ hòa bình ở Miền Nam Việt Nam,

giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng thương lượng và tránh mọi xung đột bằng vũ lực.' Ấy vậy! Mà chỉ vài ngày sau khi ký kết cộng quân đã mở những cuộc tấn công nhắm vào các đơn vị QLVNCH và chiếm nhiều khu vực để lấn quyền kiểm soát buộc lòng QLVNCH phải đánh trả, đã tạo nên tình trạng phi hòa- phi chiến. Chính phủ Nguyễn văn Thiệu đòi CSBV phải rút quân về Bắc -không Liên Hiệp với Chính Phủ Lâm Thời VC -không hợp tác với hành phần thứ ba. Cộng sản Bắc Việt chẳng những không rút quân mà còn gởi thêm vũ khí và chiến cụ tối tân vào Nam bằng đường mòn Hồ chí Minh một cách trắng trợn vì không còn sợ bị phi cơ Mỹ oanh kích.

Việc hòa hợp hòa, giải giữa Việt Nam Cộng Hòa và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam không thành. Chiến tranh lại tiếp diễn. Một phần do thái độ cứng rắn một cách thiếu cận của ông Thiệu. Nhưng phần lớn, là do quyết tâm phải nuốt trọn miền Nam của CSBV theo lệnh của quan thầy Nga -Tàu.

Trước tình trạng Hiệp Định Ba Lê bị vi phạm nghiêm trọng, tháng 6/1973, Kissingers và Lê đức Thọ lại gặp nhau tại Paris tìm biện pháp cải thiện việc thi hành. Nhưng từ đó trở về sau thì việc thi hành Hiệp Định Paris không còn được CSBV quan tâm đến khi biết chắc chắn Hoa Kỳ đã phủ tay.

Đến cuối năm 73, áp lực quân sự của cộng quân mỗi ngày mỗi đè nặng lên VNCH, viện trợ quân sự Hoa Kỳ dành cho VNCH từ 1,126 triệu đô la giảm xuống còn 900 triệu. Tính đến tháng 4/74 thì số đạn đại bác - vũ khí nặng cốt của QLVNCH tồn kho chỉ còn đủ dùng không đầy 60 ngày với điều kiện cuộc chiến không gia tăng cường độ. Và khoảng 35% quân xa, 50% thiết giáp và phi cơ bất khiển dụng vì thiếu phụ tùng thay thế. Trong khi VNCH gặp khó khăn, thì CSBV lại được Nga -Tàu viện trợ tối đa. Cán lực lượng quân sự giữa hai bên đã nghiêng phần bất lợi cho VNCH một cách rõ rệt.

Vào năm 1974, thì chiến cụ và tiếp liệu của QLVNCH đã bắt đầu thiếu thốn. Lợi dụng tình trạng đó, cộng quân gia tăng các hoạt động tấn công, phá hoại, khiến nhiều khu vực VNCH lâm vào tình trạng mất an ninh. Về mặt chính trị thì các phong trào trong nước rần rộ nổi lên tố cáo TT. Thiệu bè phái và tham nhũng. Nhiều đoàn thể, đảng phái, tôn giáo trước đó ủng hộ ông Thiệu cũng lên tiếng phản đối, đồng thời họ kêu gọi hai bên quốc gia cũng như cộng sản hãy ngưng chiến và thi hành Hiệp Định Ba Lê một cách đúng đắn.

Lợi dụng tình hình chính trị rối loạn tại Sài Gòn, cộng quân đã mở trận đánh thăm dò trên quốc lộ 14, cắt đứt con đường nối liền tỉnh Phước Long với Bộ Tư Lệnh ĐĐ 5 BB đóng tại Lai Khê. Sau đó đến ngày 6/1/75, cộng quân huy động 2 sư đoàn cùng với chiếc xa, pháo

binh, súng phòng không đánh chiếm tỉnh Phước Long. Đó là lần đầu tiên cộng sản Bắc Việt chiếm trọn một tỉnh của VNCH kể từ khi phát động chiến tranh xâm lược.

Ngày 8/1/75, trong diễn văn đọc bế mạc đại hội tại Hà Nội, Lê Duẩn công khai tuyên bố thời cơ chiếm miền Nam đã đến vì: “quân

Mỹ đã rút ra rồi, quân đội ta có sẵn trong Nam và cuộc chiến đấu ở miền Nam được thực lực mạnh ở miền Bắc đẩy lên thành sức mạnh cả nước”. (Văn tiến Dũng, Đại Thắng Mùa Xuân, NXB/QĐND, Hà Nội, 1976, tr.39).

Trước việc cộng quân chiếm tỉnh Phước Long, vi phạm trắng trợn

Hiệp Định Ba Lê, chính phủ VNCH lên tiếng phản đối. Nhưng Ủy Hội Quốc tế và Hoa Kỳ vẫn im hơi lặng tiếng. Tổng thống Hoa Kỳ Gerald Ford, người thay thế TT. Nixon sau vụ Watergate vẫn không có phản



TT. Gerald Ford



There is a strong possibility that the North Vietnamese will be unable to maintain their control of the area for long.

As the North Vietnamese advance their position on the front line, the South Vietnamese must be prepared to meet any possible threat to their position.

Vừa đánh vừa đàm, Cộng quân lên lức chuyển chuyển quân vào Nam

ứng gì, trái với lời hứa lúc nhậm chức là không bỏ rơi Việt Nam. Lúc ấy, ông Ford chỉ yêu cầu quốc hội Hoa Kỳ phê chuẩn gấp để viện trợ cho VNCH 300 triệu.

Vào lúc 2 giờ sáng ngày 10/3/1975, cộng quân tấn công Ba Mê Thuộc. Cộng sản Bắc Việt đã dùng 3 sư đoàn chính quy tấn công Bộ Tư Lệnh sư đoàn 23 BB và Bộ chỉ huy Tiểu khu Darlac mở màn cho chiến dịch Tây Nguyên.

Để tìm biện pháp ngăn chặn cuộc

tiến quân của cộng sản Bắc Việt. Ngày 14/3/75, TT. Nguyễn văn Thiệu ra Cam Ranh họp với 4 tướng Tư lệnh 4 Vùng chiến thuật với sự có mặt của 3 cố vấn cật ruột là các tướng Trần thiện Khiêm, Cao văn Viên và Đặng văn Quang. Buổi họp đã đi đến quyết định bỏ ngỏ cao nguyên vì TT. Thiệu cho rằng, trong tình trạng thiếu quân viện QLVNCH không đủ khả năng bảo vệ toàn bộ lãnh thổ nên phải bỏ bớt những vùng kém trù phú, gom lực lượng về bảo vệ vùng duyên hải và đồng bằng. Sau buổi họp, tướng Phạm văn Phú Tư Lệnh Quân Đoàn II nhận chỉ thị lo việc di tản quân dân VNCH khỏi vùng cao nguyên, tướng Phú ủy thác nhiệm vụ lại cho Đại tá Tất vừa được vinh thăng chuẩn tướng. Cuộc di tản do thiếu tổ chức, không có kế hoạch chu đáo đã diễn ra một cách hỗn loạn trên đường bộ. Đoàn người di tản kẹt cứng tại bến phà sông Ba làm mồi cho những trận mưa pháo của quân thù. Rốt cuộc chỉ có 1/6 trong số 260 ngàn dân và 3 tiểu đoàn trong số 8 tiểu đoàn chạy thoát được về vùng duyên hải.

Thừa thắng, cộng quân xua quân chiếm Quảng Trị ngày 19/3/75, dân chúng cố đô Huế hốt hoảng ùn ùn chạy về Đà Nẵng. TT. Thiệu cho rút toàn bộ Sư Đoàn Dù và Lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến về bảo vệ thủ đô vì sợ bị đảo chính. Không đủ lực lượng phòng thủ, tướng Ngô quang Trưởng Tư Lệnh Vùng I Chiến thuật phải lui binh về cố thủ Đà Nẵng. Cuộc thoái quân cũng không kém phần hỗn loạn. Chừng khi tướng Trưởng được lệnh phải trở lại cố thủ Huế thì đã muộn, không dễ dàng, vì gặp khó khăn bởi làn sóng người di tản ào ào như nước chảy đang đổ về phương Nam.



Mất nước tới nơi vẫn còn biểu tình trước Dinh Độc Lập ngày 14/4/75

Ngày 30/3/75, thành phố Đà Nẵng hoàn toàn lọt vào quyền kiểm soát của cộng quân. Việt Nam Cộng Hòa đang trên đà sụp đổ. Năm sư đoàn bộ binh và các lực lượng Không quân, Hải quân, Địa phương quân, Nghĩa quân và nhiều lực lượng Tổng Trừ Bị, tổng cộng gần 300 ngàn quân đã tan rã. Một tỷ đô la vũ khí đạn dược, 16 tỉnh, 5 thành phố lớn của VNCH chỉ trong vòng 15 ngày 1/3 lãnh thổ đã lọt vào tay kẻ thù vì cuộc triệt thoái quân vô tổ chức, thiếu kế hoạch của ông Thiệu và tập đoàn tham mưu bất tài. Với chiến thắng bất ngờ không đổ nhiều xương máu, không tốn nhiều gian khổ, cộng sản Bắc Việt quyết định

mở chiến dịch Hồ chí Minh tiến đánh Sài Gòn sớm hơn kế hoạch chúng dự trù là đến năm 1976.

Tính đến trung tuần tháng 4/75 thì Vùng I và Vùng II chiến thuật, các vùng duyên hải trung phần đã hoàn toàn lọt vào tay cộng quân. Từ cao nguyên Trung phần cộng quân tiến về Sài Gòn. Khi đến phòng tuyến Xuân Lộc quân CSBV phải khựng lại vì chạm phải sức kháng cự mãnh liệt, anh dũng của các chiến sĩ QLVNCH. Phòng tuyến Xuân Lộc đã đứng vững vàng trong suốt một tuần lễ từ 9-15/4/75. Chính tướng Homer Smith, Tùy viên Quân sự sứ quán Hoa Kỳ đã gửi thư cho tướng George S. Brown Chủ tịch Hội Đồng Tham Mưu Trường Liên Quân Hoa Kỳ ca ngợi lòng dũng cảm và ý chí chiến đấu của các quân nhân QLVNCH trong tình thế vô cùng bất lợi về hỏa lực cũng như quân số. (Nguyễn tiến Hưng, Hồ sơ mật Dinh Độc Lập, C&K Promotion, Los Angeles, 1987, tr. 568).

Vào nửa đêm ngày 18/4/75, đại sứ Hoa Kỳ Martin gọi điện thoại báo cho đại sứ Pháp là ông Merillon biết là Hoa Kỳ dứt khoát không nhúng tay vào Việt Nam nữa và nhờ ông Merillon thông báo cho CSBV biết để họ dễ bề hành động. Đại sứ Martin khuyên ông Thiệu nên từ chức ra đi thay vì bị đảo chính. Ông Nguyễn cao Kỳ được nhắc đến ở những giờ phút cuối này, nhưng đại sứ Martin cho biết, vai trò của ông Kỳ không còn cần thiết khi Hoa Kỳ đã quyết định phần thắng dành cho Cộng sản Hà nội. (trong tóm lược Hồi ký Saigon et Moi của Merillon đăng trên bao Hồn Việt).

Ngày 21/4/75, TT. Nguyễn văn Thiệu từ chức, trao quyền lại cho Phó TT. Trần văn Hương theo quy định của hiến pháp, chấm dứt thời kỳ quân đội điều hành quốc gia trong cuộc chiến Quốc-Cộng. Vào chiều ngày 25/4/75, ông Thiệu, ông Khiêm với gia đình và đoàn tùy tùng rời Việt Nam đi Đài Loan an toàn với sự hộ tống trùm CIA Sài Gòn Thomas Polar, tướng Charles Times và đại sứ Martin.

Sau khi nhận chức TT. Trần văn Hương mời Dương văn Minh đứng ra thành lập chính phủ để nói chuyện với phía cộng sản, nhưng Dương văn Minh đòi TT. Hương phải bàn giao trọn quyền tổng thống thì ông ta mới có uy thế nói chuyện với phía bên kia. Tổng thống Hương biết Dương văn Minh là kẻ bất tài, thiếu cận về chính trị nên đã không làm theo ý của ông Minh. Tổng thống Hương đành phải tự giải quyết việc thương thuyết với CSBV, nhưng CSBV trả lời rằng họ chỉ muốn nói chuyện với Dương văn Minh.

Ngày 24 tháng 4/75 tổng thống Pháp D'Estaing gọi điện thoại cho ông Merillon ra lệnh phải giải quyết gấp việc hòa giải giữa Sài Gòn và Hà Nội mà Pháp đang làm vai trò trung gian. Được lệnh TT. Pháp, đại sứ Merillon đã vào Dinh Độc Lập thuyết phục TT. Trần văn Hương

rút lui và bàn giao chức vụ cho Dương văn Minh, nhưng ông Hương không đồng ý. Ông cho biết theo hiến pháp ông sẵn sàng trao quyền lại cho Chủ tịch quốc hội là ông Trần văn Lâm.

Sáng ngày 26/4/75, TT. Trần văn Hương điều trần trước lưỡng viện quốc hội đã đưa ra hai vấn đề:

* -Nếu quốc hội đồng ý, ông sẽ trao quyền cho Dương văn Minh.

-Nếu quốc hội đồng ý ông sẽ chỉ định thành



TT. Trần văn Hương

lập chính phủ thương thuyết với CSBV trong tinh thần hòa giải-hòa hợp để văn hội hòa bình cho đất nước.

Trong ngày điều trần, TT. Hương đã nhấn mạnh: "Nếu cộng sản đưa ra điều kiện của kẻ thắng người cho người bại trận, thì không còn cách gì hơn là nếu được, chúng ta cứ việc chiến đấu đến cùng... Chừng đó dẫu Sài Gòn này có biến thành biển máu, tôi nghĩ rằng người Việt Nam vì thể diện mình không thể nào mà từ chối được, trừ một số người mới chấp nhận cái chuyện đó...VNCH có thể phải chịu một vài điều kiện khó khăn đau đớn, nhưng điều kiện đó không phải là những bước hoàn toàn để đầu hàng. Nếu thương thuyết để đầu hàng thì thương thuyết gì nữa, thà là chết, chiến đấu đến cùng...chớ không thể chấp nhận đầu hàng được". (trong diễn văn của TT. Trần văn Hương đọc trước quốc hội ngày 26/4/75).

Vào ngày 27/4/75 trong lúc quốc hội đang thảo luận nên trao quyền lãnh đạo cho ai thì một phái đoàn gồm có ông Nguyễn văn Hảo Phó thủ tướng, Trần văn Đôn Phó thủ tướng (thay thế ông Nguyễn bá Cẩn Thủ tướng đã bỏ đi hôm trước), và tướng Cao văn Viên đến quốc hội thúc giục biểu quyết trao quyền tổng thống cho ông Dương văn Minh. Cuối cùng quốc hội đã biểu quyết với số phiếu 134 thuận và 2 chống. Chiều ngày 28/4/75, Dương văn Minh lên nhậm chức tổng thống VNCH. Sau khi Dương văn Minh lên nắm quyền, các ông Trần văn Đôn, Cao văn Viên và nhiều tướng lãnh cao cấp khác thuộc Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH mạnh ai nấy tìm đường cao bay xa chạy trong khi các chiến sĩ QLVNCH đang bảo vệ thủ đô, và những phần đất còn lại không hay biết vẫn tiếp tục chiến đấu. Riêng TT. Trần văn Hương mặc dù được Hoa Kỳ đặc biệt cung cấp phương tiện để rời nước nhưng ông từ chối không đi. Ông ở lại đối đầu với VC cho tới giờ phút Sài Gòn thất thủ và mãi mãi.



A North Vietnamese tank crashes through the gates of Saigon's presidential palace on 30 April 1975, signifying the final fall of the city.

Sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, đại sứ Martin và những người Mỹ cuối cùng rời khỏi Việt Nam, bốn quân đoàn cộng sản Bắc Việt từ từ siết chặt vòng vây quanh thủ đô Sài Gòn với những đợt pháo kích vào sân bay Tân Sơn Nhứt, Bộ Tổng Tham Mưu, Dinh Độc Lập.

10 giờ sáng ngày hôm đó, Dương văn Minh lên đài phát thanh kêu gọi toàn thể quân nhân QLVNCH ngưng bắn, nằm yên tại chỗ để bàn giao chính quyền cho chính phủ của MTGPMN. Đến 11 giờ 30, hai xe tăng đầu tiên của CSBV tiến vào ủ sập cổng Dinh Độc Lập.

Xe tăng VC sập hàng rào Dinh Độc Lập. Một tên cộng quân trên xe tăng nhẩy xuống đất hét to: 'Minh lớn đâu? Minh lớn đâu?... ra đây quy xuống'. Khi tên thượng tá VC Bùi văn Tùng bước vào phòng khánh tiết của Dinh Độc Lập, toàn thể nội các của ông Vũ văn Mẫu và ông Dương văn Minh đã có mặt sẵn tại đó. Dương văn Minh đứng dậy nói ngay: "Sáng hôm nay chúng tôi sốt ruột quá. Chúng tôi chờ các ngài đến bàn giao". Bùi văn Tùng trả lời: "Chính quyền của các anh từ trung ương đến cơ sở đã sụp đổ tan tành thì còn có cái gì để bàn giao? Có lẽ nào người ta có thể bàn giao những cái người ta không còn nữa. Các anh đã bại trận và chỉ có đầu hàng vô điều kiện". Sau đó Tùng đưa Dương văn Minh và Vũ văn Mẫu đến đài phát thanh đọc lệnh đầu hàng nguyên văn như sau: "Nhân danh tổng thống Việt Nam Cộng Hòa, tôi đại tướng Dương văn Minh, kêu gọi toàn thể Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa hãy bỏ súng và đầu hàng vô điều kiện với Quân Đội Giải Phóng Miền Nam. Tôi tuyên bố giải tán tất cả các cơ quan chính quyền từ trung ương đến địa phương". (Saigon, the Historic Hours, 1975- VNTVB, Lê quế Lâm, NXB Ngọc Thu, Sydney 93).



Tướng Dương văn Minh

Lời tuyên bố đầu hàng của Dương Văn Minh đã giết chết nền Cộng Hòa Việt Nam và giết chết QLVNCH - một đơn vị thiện chiến - dũng cảm trong lịch sử chiến tranh thế giới.

Năm 1982, khi nhắc đến chiến tranh Việt Nam, học giả Hoa Kỳ Norman Podheretz, người từng lên án Hoa Kỳ tham chiến tại Việt Nam đã nói: “Chế độ tự do ở Miền Nam Việt Nam sụp đổ không phải “trước những du kích quân mặc áo bà ba đen” thực hiện cuộc chiến tranh nổi dậy của nhân dân Miền Nam Việt Nam mà họ đã thua trước một đội quân xâm lăng được trang bị khí giới tối tân. Thua một đạo quân như thế thì không thể nói là Miền Nam Việt Nam tội tệ như nước Pháp đã thua Đức Quốc Xã như hồi năm 1940”. (Norman Podheretz, Why We Were In Vietnam, Simon & Schuster, NY 1982, p.117-Bản dịch Phạm kim Vinh, Nước Mất Việt nam ,Tr.740)

Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa bất tử trong dòng sử Việt.

Mấy chục năm đã trôi qua, kể từ ngày 30 tháng 4 năm 1975, Miền Nam Việt Nam lọt vào tay bạo quyền Việt cộng, họ đã tìm đủ mọi cách để chà đạp lên ý nghĩa cuộc chiến đấu bảo vệ tự do của người lính VNCH. Nhưng chắc chắn bây giờ và cho mãi đến ngàn sau. Họ sẽ không bao giờ đạt thành ý nguyện.

Điều này, được chứng minh hùng hồn qua hiện tượng hàng năm người Việt tha hương khắp mọi nơi trên thế giới đã long trọng tổ chức ngày quốc hận 30 tháng 4, ngày Quân Lực 19/6 để nói lên tinh thần chiến đấu bảo vệ tự do của một dân tộc và một quân lực hào hùng, dũng cảm.

Trong các ngày lễ này quốc kỳ màu vàng ba sọc đỏ của Việt Nam Cộng hòa, quân kỳ của các quân binh chủng trong QLVNCH bay phất phới giữa lòng các thành phố nơi hải ngoại. Tới nay, hình ảnh này đã là một thực tế làm Cộng sản Việt Nam nhức nhối, điên đầu, khó chịu, không vui.

Việt cộng nhức nhối, điên đầu, khó chịu, không vui vì hình ảnh ngày 30 tháng 4 là hình ảnh của sự xâm lăng, chà đạp nhân quyền. Đây cũng là biểu tượng của sự tham lam, nghèo đói, chết chóc, đau khổ, bệnh tật và ngục tù mà cộng sản Bắc Việt đã gieo rắc lên nhân dân hai miền Nam Bắc khi chúng cam tâm hiến đất, dâng biển chịu làm thân trâu, ngựa cho Tàu Cộng sai khiến.

ĐẶNG THIÊN SƠN

(ĐĐ1/Trinh Sát/SĐND/QLVNCH)

Hoài cảm

Kính đáp lễ thơ chú Minh Tân-Phạm Hà Hải

Lần đọc dòng thơ Chú gửi sang,
Tình nhà lai láng lệ đôi hàng!
Nỗi niềm quê mẹ lòng bi thiết,
Chạnh nhớ làng cha dạ vẫn vương.
Cách trở bao năm tình vẫn đơm,
Chan hòa ngày tháng nghĩa vàng son.
Ai về cố lý nhìn phong cảnh,
Nhấn lại hàn huyền chuyện khác thường.

California - 1985

TẠ CHƯỜNG ÁNH

Lưu luyến

Sáu trang thơ cháu, Nghĩa* mang sang,
Giục già tâm tư dệt mấy hàng.
Gởi nhớ, gởi thương tràn thể sự,
Đượm tình, đượm nghĩa mới tơ vương,
Một phen cách trở bao luyến luyến,
Giây phút xạ rời rạng sắt son.
So bóng vườn xưa ươm lối mộng,
"Sân Lai" Ảnh Vũ khúc nghệ thường.

Qui Nhơn - 1985

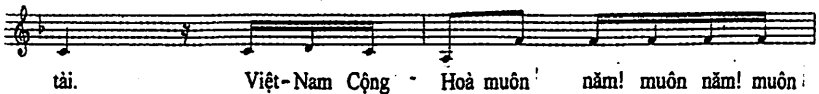
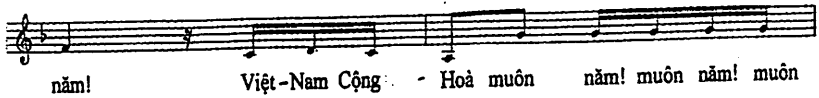
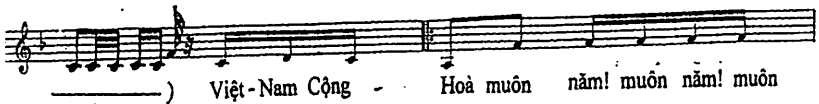
MINH TÂN PHẠM HÀ HẢI

VIỆT NAM CỘNG HOÀ MUÔN NĂM

Tempo di Marcia Sáng tác : Bảo Tô & Triệu Phò



(Nhạc mở đầu _____)



chiến. Đánh cho tan tành bè lũ cộng sản gian
 manh! Giương cao CỜ VÀNG tung bay. Khắp phố
 phường chào đón Cờ Vàng, Quân ta trở về Việt-
 Nam Đem Thanh Bình - Tự Do - Dân Chủ! Giương
 cao Cờ Vàng tung bay, Khắp xóm làng mừng vui chiến
 thắng, Thoát ách xích xiềng cùm gông, Nhớ ơn muôn
 đời Việt - Nam Cộng Hoà!!! (Việt-Nam Cộng-
 ..Hoà. Việt-Nam Cộng-
 Hoà muôn năm! Việt-Nam Cộng Hoà muôn năm! VIỆT-NAM CỘNG -
 HOÀ!

San Jose 9-9-2009

THE EASTERN SEA

AND SECURITY IN SOUTH EAST ASIA*

Prof. NGUYỄN VĂN CANH

Bien Dong or The Eastern Sea

*H*istorically, Bien Dong (the Eastern Sea, also called the South China Sea outside of Vietnam) has been since its nationhood the territorial waters of Vietnam, and is now bursting into a dispute for sovereignty among the People's Republic of China, the Republic of China (Taiwan), Malaysia, the Philippines, Brunei and Vietnam. The Eastern Sea has appeared an important maritime world corner owing to its commercial activities with sea vessels transporting merchandises and raw materials to and from other continents. Consequently, it has become a source of common interests benefited by countries in Europe, North America, and South East Asia. Since the Eastern Sea may potentially turn out to be an economic exploitation of fishery and minerals, it has become a concern of security to a number of countries in the world.

The Eastern Sea is our national heritage. We now have a question to raise: What has built up the dispute, the battle with one another for ownership? In April 1995, the Philippines gave a warning to the People's Republic of China (PRC) about constructing structures and hoisting their national flag on the Mischiefs claimed by the Philippines. China's denial was followed right afterwards by saying that those installations were made available for fishermen to use as temporary shelters when working in the area. Finally, all those installations were demolished by the Philippine naval forces. Such was the most recent encroachment by the PRC in their longtime scheme of transgression at the Eastern Sea inside the territorial waters of Vietnam.

Chinese encroachment on the Hoang Sa (Paracel) archipelago began in 1956 at the time South Vietnam was just in the middle of the building of her Armed Forces, after the departure of the French armed forces (after the Geneva Agreement to partition temporarily Vietnam into North and South). Taking advantage of a vacuum of power, China at this time deployed their troops out to attack and occupy the Tuyen Duc (Amphitrite) cluster in the eastern part of Paracels. In 1974, at the

time of the withdrawal of US armed forces from South Vietnam, when another vacuum of power existed, Chinese troops again attacked and took control of the Nguyet Thiem (Crescent) cluster in the West. This incident has made it known that since then the PRC has got control of the whole archipelago. This act of aggression has been revealed by the very Chinese press when reporting a comment of the then Soviet authorities on the Moscow radio that the Paracel incident committed by the People's Republic of China has met with an extreme adverse response by the world judgment. The PRC's newly published map has also disclosed her scheme of aggression.

Invasion of Spratly or China's activities to assert her sovereignty over the Eastern Sea:

In March 1988, the PRC's naval forces attacked and occupied islands in the southern part of the Spratly archipelago. The Socialist Republic of Vietnam underwent a heavy toll: two boats were sunk, three sailors were killed, 74 were captivated, and soldiers were reported missing. Chinese attacks continued now and then to take one after another; gradually 8 islands were under Chinese control. The last attack was launched in July 1992 to occupy Da Lac (Nan Xun) reef. Then, the Chinese used a trawler supported by naval ships carrying a boundary marker and putting it up on the reef so as to substantiate their sovereignty over the Spratly archipelago. As of to day, 15 of them



Map redrawn and published in June 2006

have been in China's possession.

In 1983, the PRC reprinted a re-marked map accompanied by an announcement to assert her sovereignty over the central area of the Eastern Sea. Again another newly redrawn map was published in June 2006 the boundary of which got close to the coastline of the Philippines in the East, to that of Vietnam in the West, and to that of Malaysia in the South. In Feb. 1992, the PRC National Assembly promulgated a law announcing her sovereignty over the area of the Eastern Sea, and stating that any warships, or vessels on scientific survey mission navigating through this region must have permission of the PRC, or they would be sunk.

Three months later in the same year, the PRC conceded to the Crestone Corporation at Denver, Colorado, USA a contract for oil exploration at the maritime area of 25,000 square kilometers, west of the Paracel archipelago, and the PRC's Navy promised military forces would be used if needed to protect the Crestone's personnel while working in the area. This conceded surface had been accorded earlier for oil exploration to the French Total Company by the Socialist Republic of Vietnam. This Company had dropped the contract after its unsuccessful exploration.

In August 1992, one Chinese vessel on oil survey mission intruded the waters of the Gulf of Tonkin, 112 kilometers far from the seaport of Ba Lat, Vietnam, and another vessel on seismic study tour penetrated deep into the waters near the Haiphong seaport, just 70 nautical miles from the Thai Binh province. These two vessels have gone beyond the maritime demarcation line determined by the Convention 1887 between France and the then China. Together with these aggressive acts, the most recent incident on the Mischief of the Philippines has demonstrated the PRC's ambition to become a hegemonic country in the region.

In July 2007, China's naval ships sunk Vietnamese fishermen's wooden boats near Spratly island, killing one of them.

Every year, she conducted military exercises in the Paracels area forbidding Vietnamese fishermen to come to the area. Last summer,



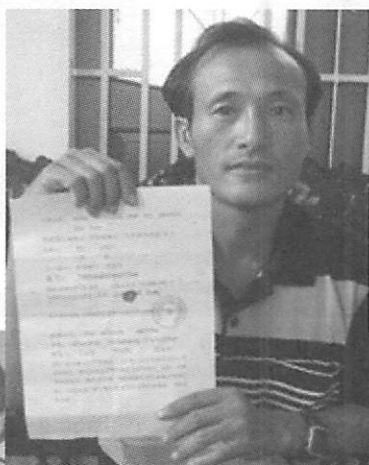
Minute as evidence of penalty

from May 16 to August 1, (2009), an official announcement made it known that an area north of 15th parallel is an absolutely restricted part of the sea under the pretext of protection of maritime resources. Violations could not be tolerated.

To enforce the announcement, on June 16, 2009

Two Vietnamese fishing boats were captured by China's naval forces in the Paracels. The boats belonged to fishermen from Quang Ngai Province with 12 fishermen on board each. While they were fishing in an area near Lincoln Island, a Chinese naval vessel (registration number 309) suddenly appeared and got close to them. Chinese military personnel jumped down to their wooden boats, tied them to their ship, towing them to Woody Island. The next day, the third was taken and also brought to Woody. On June 21, all three captains of the boats were to sign in a minute in Chinese stipulating that they shall pay a penalty of US \$31,000 for encroachment on the Chinese waters. On June 25, 25 fishermen were released with two boats with a message that within ten days the penalty be paid in full and the other fishermen with their boat will be released.

Duong Van Tho shows evidence demanding ransom by China's government

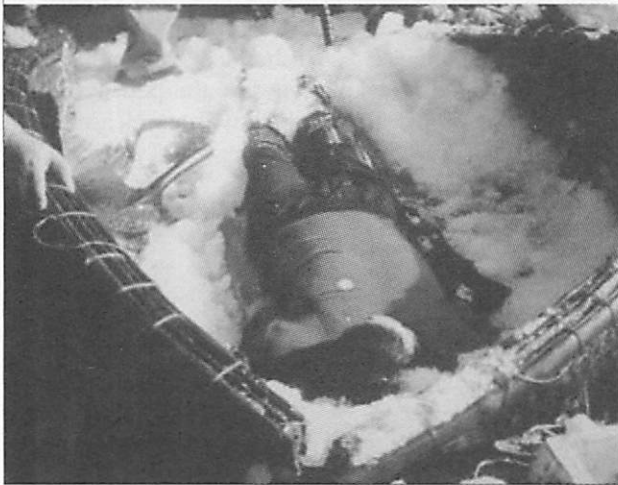


Le Du and his son





Wounded fishermen receiving medical care



Remains of a fisherman killed by Chinese troops carried home in a bamboo basket

On September 26, 09, 17 fishing boats with 200 fishermen were operating in the Paracels area. In the evening, being informed that a strong storm was about to sweep the region, they rushed in Robert Island for protection. Coming close to the shore, the first two boats were fired at by Chinese naval forces. They had to back out. All others dared not get in closer, but anchored at the open sea while ships from Japan, Hong kong, China were allowed to move in safely. The next day, in the afternoon, winds were intensified and high waves came in. Fearing that they would be washed away, all of them rushed in while raising white flags with a hope that some could survive, even others would be killed by Chinese military troops. Finally they were

safe in the port and stayed there for three days and nights. On September 30, the sea was calm. While they were about to sail out, some dozen Chinese troops appeared at the mouth of the port, some with rifles in their hands, others with hammers. They jumped in each of the 17 boats.

In a boat owned by Duong van Tho, Chinese troops points AK rifles to him and members of his crew. Some of them kneeled down, with hands raised up. Others begged for mercy. On this boat, no one was beaten, probably because an officer was present. However, all belongings were hastily taken away, including communication equipment, a ton of fish. As for a GPS, Tho asked for having it back. Without it, he could not find the direction to go at the open sea.. However, he was refused to get it back..

In another boat owned by Le Du, Le Du and his son, both were seriously beaten. They were asked to tell where cell phones, other equipments were hidden. Being tortured hard, his son could not stand and showed that the cell phone was hidden in a rice pot. He was seriously beaten for having told lies while other troops conducted search for other belongings.

The faces of Le Du and his son were swollen and disfigured and the son 's eyes were bleeding. All belongings were taken away.

Briefly, all 17 boats were robbed including foods. Some fishermen became unconscious due to brutal beatings and others were seriously injured.

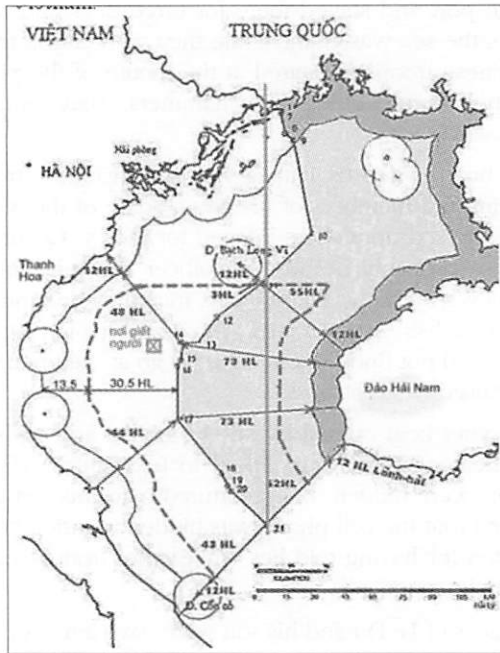
SINKING FISHING BOATS:

-On May 19, 09, a "strange ship" sunk Nguyễn thanh Thu's boat (Registration Number Qng- 95348) in Paracels. All 26 fishermen were forcibly dropped to the sea and the ship left the scene without offer of any help. The victims grasped floats or other things to stay floating. Luckily, fishing boats operating nearby happened to know it and came to rescue.

- On July 15, 09 another "strange ship" hit a Vietnamese boat (Registration number Qng-2203) owned by a fisherman of Quang Ngai, also in Paracels, then left. Other fishing boats came to rescue. All 9 members of the crew were saved, however, 7 of them were wounded..

INCIDENTS IN THE TONKIN BAY:

On January 8, 2005, three Chinese naval vessels rounded up Vietnamese fishing wooden boats in an area west of the boundary fixed by the 2000 treaty. 9 were killed and all others were captured and brought to Hainan island for fishing in an "authorized area". The spot



of what happened was 12 km west of point no 14 of the map attached to the treaty. This means that the area belongs to Vietnam.

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM'S REACTIONS:

1 – Before 1975, the PRC's military occupation of Paracels was composed of two phases: The first attack on Paracels was launched in 1956. The incident took place when Ho Chi Minh controlled North Vietnam following the 1954 Geneva Agreement that temporarily divided the country into North and South. No action by Ho Chi Minh was taken against the Chinese aggression including a single statement to oppose it. Ho Chi Minh was practically submissive in granting the archipelago to the PRC. This act was also shown later in Prime Minister Pham Van Dong's official note on September 14, 1958 to the PRC's Prime Minister Chou en Lai. The PRC's second attack was made on Parcel in 1974 right after the withdrawal of US armed forces from South Vietnam. The Republic of Vietnam's naval forces was deployed out to strongly and heroically resist the Chinese invaders. The battles were fierce and intense. A Chinese destroyer was sunk, another got seriously hurt. A ship of the Naval forces of the Republic was sunk. Some died with the ship, and some 50 troops were captured by the Chinese. It was a surprise that the Chinese invasion met with strong protest from Russia against the Chinese act of aggression toward a he-

gemonic ambition, while North Vietnam kept completely quiet.

2 – 1975- 1991

During the years after Hanoi took over South Vietnam, the PRC's aggression continued to move further south into the Eastern Sea. It was in 1988 Hanoi reacted for the first time in naval battles against Chinese attacks on the islands in Spratlys, but finally several islands were lost to China.

Why Hanoi's reaction changed from "submissive" in the past to now "against" the Chinese attacks? We noticed that an agreement of mutual assistance and cooperation was signed by USSR and Vietnam in 1979. Le Duan the then CPV Secretary-general signed this agreement in which there was a mention saying the two countries will consult each other when one country is invaded. This may translate that the question of security of the two countries also lay in this agreement. And the Socialist Republic of Vietnam would be protected in case of invasion by PRC. One month later, with an army of 135,000 soldiers Vietnam launched an attack on Kampuchea. Russian ships carried Vietnamese troops and military materials to Kampuchea. War costs were provided by the USSR. Vietnam in this period took side with the Russians to stop the Chinese power expansion in the region, and to promote Russian influence in South Eastern Asia and all the way as far as to the Indian Ocean, using Cam Ranh Bay as a starting point.

In 1988, Russia reduced assistance, economic and military as well to Hanoi, i.e. Russia no longer intended to provide sponsorship to Hanoi, China began to take military actions in area south of Spratly. As a consequence, Russia just stood still, watching the Chinese aggression.

The last of the eight islands was taken in July 1992.

3- After 1991:

In September 1990, CPV Secretary General Nguyễn van Linh, Premier Do Muoi and CPV Central Committee Advisor secretly came to China and met with CPC leaders in Cheng Du to ask for re-establishment of diplomatic relationships. It was there the CPV leaders made concessions, including transfer of a part of the territory in Northern border (1999), 11,000 square kilometers in the Tonkin Bay (2000) and the Eastern Sea in exchange for the CPC's support for maintaining socialism in Vietnam.

Regarding territorial concessions including the Eastern Sea, CPV Secretary General Do Muoi with a support of Chief of State Le Duc Anh, No 2 person in the Politburo in June 1992 Central Executive Committee's meeting stated that "socialism is a great interest of the party, and land and sea issues are of no significance. We need to sac-

rifice minor things in exchange for bigger ones.”

For the past few years, the Communist Party of Vietnam has fully exercised its authority to suppress any opposition, including any voice against China's invasion of the Eastern Sea. Even some young people who wore 'blue' or 'green' T-shirts have been imprisoned: "Blue" represents the color of sea, implying that it is China that is invading and occupying Vietnam's Eastern Sea; "Green" means the color of tree, representing the plateau of Central Vietnam where Premier Nguyễn Tấn Dũng and the CPV have made concessions of a large area to the CPC to exploit bauxite to produce aluminum. It is in this area where CPC has been implanting some 20,000 Chinese workers and they will be members of one of many Chinese 5th columns in Vietnam to take over Vietnam in the future.

On September, 30, 2009, the "Electronic News", an official medium of the CPV Central Committee translated and printed an article from the CPC "The World" covering a Chinese military Exercise that took place on August 18, right in the area of the Fiery Cross of Spratlys where Chinese have built at least 5 fortified structures for their troops to protect the southern part of the region. The "Electronic News" is a medium run by Dao Duy Quat, General Editor, a 2nd official in command channel of the Party Central Committee Agitprop. & Education Department. In so doing, the CPV medium becomes a mouthpiece of the CPC in Vietnam and tacitly recognizes China's sovereignty over Spratlys.

And also, it is no surprise that the killings and beatings of Vietnamese fishermen from June to September 2009 by Chinese Naval units have not met with any reactions from the Socialist Republic of Vietnam.

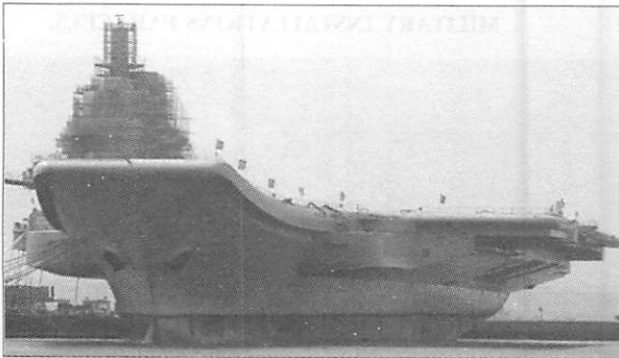
The Chinese scheme of expansion has been carefully calculated and implemented during the past sixty years.

DENG XIAO PING'S SCHEME OF EXPANSIONISM.

Modernization of the Chinese naval forces was one among the Four-Modernization Program that Deng Xiaoping introduced in 1978. In 1991, the PRC bought from Russia 24 SU-27 bombers and 4 transport aircrafts. From the Tiananmen Square incident to 1991 China has spent two billion US dollars to modernize their armed forces. Budget for national defense will increase by 10% every year as it has been reported in the years to come. It had been reported that a negotiation between the PRC and Ukraine was made for a purchase of a carrier, Tbilisi /60,000 tons or Varyag / 67,000 tons. Instead, China bought 4

wrecked carriers from USSR, Ukraine, Australia and has been turning them into carriers.

One of them will come into existence in 2010. The Varyag of this kind can carry 18 SU-27 or 25 Migs-25. China has bought from Iran a technology for fueling in the air so as to widen the flight range of aircrafts from the Eastern Sea as far as to Malaysia. For this purpose a modification to the aircraft H-6 has been completed.



Varyag aircraft carrier



Varyag is equivalent to Russian Kuznetsov

CHINA'S MILITARY BUILD-UPS

The PRC Navy now ranks first in military power in the region with 300,000 soldiers, 900 battle ships, 100 submarines, and 1000 air fighters. Their modernization of naval forces aims at a control of the whole maritime surface in the region. General Zhang Xusan, Deputy to the Commander-in Chief was reported as saying on the China Daily (April 7, 1992) that "our naval forces now are to back up the economic development in the region comprising all the disputed islands of the Spratly chain." Vice Admiral Zhang Lianzhong, commander of the Chinese Naval Forces at the same time made it known on the China News Services that "the Communist Party of China Military Council has put out an order that their naval forces be ready to protect their territorial waters and the neighboring areas; as a consequence, with the economic exploitation at the deep sea, the situation would become more complicated and the struggle to control the sea would become more severe." Together with their aggressive scheme at the Eastern Sea inside the territorial waters of Vietnam, the statements of these Chinese generals have confirmed their ambition of dominance over the region. This is the root of the present dispute in the region.

MILITARY INSTALLATIONS PARACELS:



On the Phu Lam (Woody) island in the Paracels a new runway (expanded from 1 km to 2.600 km), fresh water reservoirs, and barracks for housing soldiers have been constructed. It has been reported that a thousand soldiers are at present stationed on this island. Paracels is now an advance Chinese naval post to move South.



Military headquarter on Duncan island, Paracels



Military installations, including barracks on Woody, Paracels

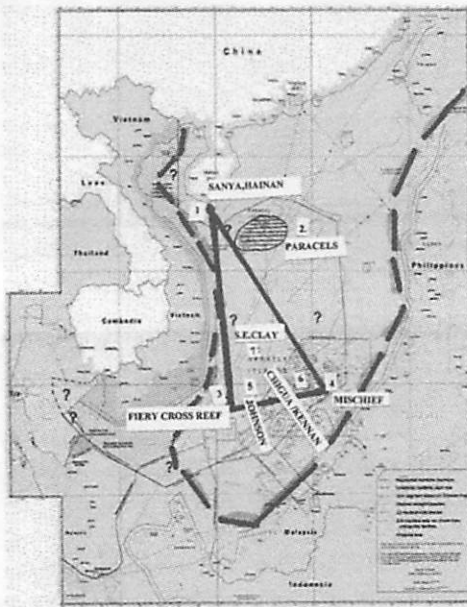


Missiles and laser weapons depots on Rock island, Paracels



Barracks on Pattle island, Paracels.

DEPLOYMENT OF NAVAL FORCES TO CONTROL THE REGION



THE TRIANGLE:

-Top of the triangle: Secret Nuclear Naval base in Hainan (Shansa base) with 3 piers for 6 aircraft carriers to activate 2 Blue Water Fleets, a 800 m pier has been completed, and with a hub large enough to host 20 094 nuclear subs. China has 5 of them available. Within

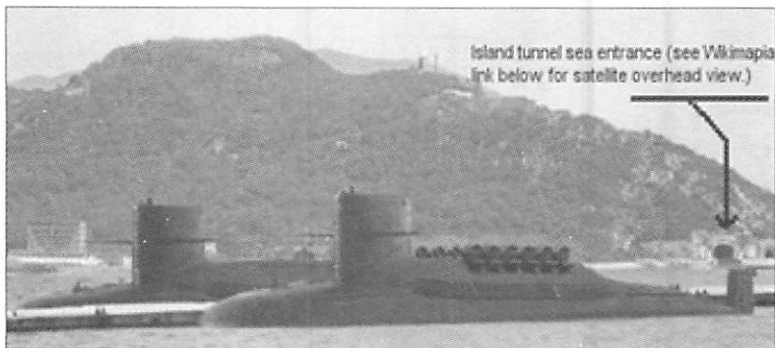
the next five years, she will have 5 others. Each is equipped with 12 10,000 km-range multi-headed nuclear missiles. By its side, military installations have been built on Paracels for the purpose of support

-Point (point A) on the left of the base of the triangle is the Fiery Cross Reef: Five armed concrete buildings have been built on the reef.

-Point (B) on the right of the base of the triangle is the Mischiefs: Four concrete armed concrete buildings have also emerged from the water.

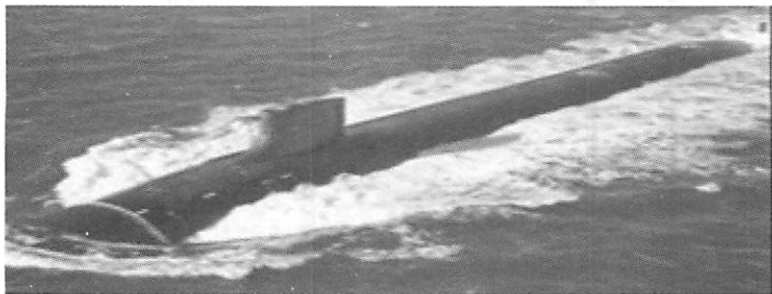


The Secret Naval Base or Shansa Base in Hainan



Island tunnel sea entrance (see Wikipedia link below for satellite overhead view.)

094 Sub equipped with 6 nuclear missiles on each side.



Song-class sub (?) run by German-made engines that operates quietly under the water and is equipped with 1000 km missiles. US satellites can't find it out while it moves under the water.

THE SPRATLYS

Point A: The Fiery Cross:



Headquarter.

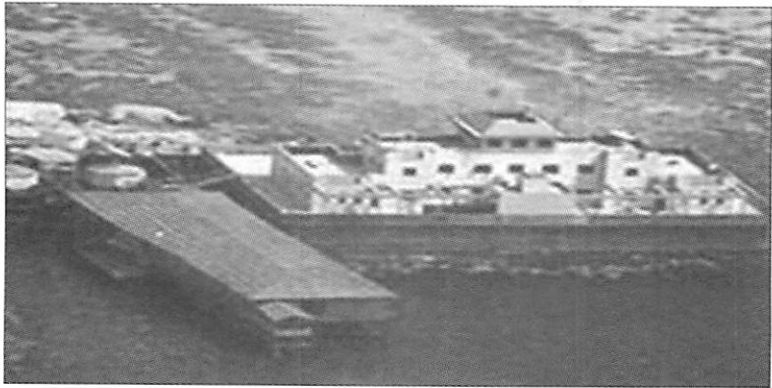


Facility for Supplies



Platform (96m x 116 m) for helicopter use in the far corner. It could be used as a pad to launch missiles to shoot down satellites that guide enemy carriers.

Point B: The Mischiefs



Headquarters and logistic facilities.

Satellite pictures of fortified structures constructed on such other reefs as Chigua, Johnson, Kennan, South East Cay are not included. These reefs lie inside the triangle.

The purpose of Naval forces deployment is “to protect the territorial waters” claimed by China and also “to back up the economic development” as above stated. However, her ambition does not stop there. She intends to expand China territory to South East Asia as proposed by Mao Tse Tung in 1954. Before reaching that goal, Vietnam

EAST-WEST SEA LANE: MALACCA STRAIT



Hành lang lưu thông giữa Đông và Tây qua eo biển Malacca

must be annexed to China. The Communist party of Vietnam (CPV) is little by little working toward that goal. Also, in order to consolidate her power over the Eastern Sea, China need to control the East West sea lane that is the Malacca Strait.

In the long range, China intends to solve her population problem as Tri Hao Diên, Chinese Defense Minister explicitly stated in April 2005 that China territory is just large enough for 500 million people only; and her other 800 million people should be sent to Australia and America.

Briefly, Chinese hegemony is a threat to the region stability. So long as the Chinese Blue Sea Fleet has not been successfully activated, the region enjoys safety. However, when China's navy becomes strong enough, there will be serious problems for countries in the West. The sea lane through Malacca strait will be blocked by Chinese naval forces when they are able and dare to do so, especially with a support of the CPV playing a role of a puppet to carry the CPC's expansionist scheme. At that time, the world would be in trouble.

In conclusion, with the present policy of "entire and full cooperation" as put out by the communist party of China (CPC) over a decade ago, the communist party of Vietnam (CPV) has implemented it gradually, and carefully. The CPC has long planted its faithful Vietnamese agents to hold key positions in a leading body at the top level of the CPV apparatus. A super intelligence or super Secret Service agency, "the General Department 2" has been established to control and direct all state agencies, including Defense and Security Ministries, so as to maintain all activities in compliance with the CPC line of action. Moreover, since 1991, CPC leaders have had a say in appointing such important positions as Secretary General of the CPV; Chief of State and Prime Minister of SRV. As a consequence, concessions of territories on the Northern boundaries and transfer of 11,000 square kilometers of the Tonkin Bay to China in 1999 and 2000 were made easily and smoothly, though at first secretly. SRV dared not have any reaction against the January 8, 2005 killing of 8 Vietnamese fishermen, sinking their wooden boats and capturing others by a Chinese naval patrol unit in an area located at the west side of the new demarcation line of the Tonkin Bay. Moreover, a Chinese patrol ship chased a Vietnamese fishing boat to the shore of Thanh Hoa province before leaving without incident. In July 2007, a Vietnamese fisherman was killed and several others were wounded near Spratly Island while a Vietnamese naval ship stood still watching the event. Recently, SRV police and military personnel were mobilized to suppress and suffocate all anti-2008 Olympic demonstrations after the spokesman of

the Chinese Ministry of Foreign Affairs openly chided Hanoi for not preventing students of Hanoi and Saigon universities from so doing on Dec. 9 and 16, 2007. These are few examples of what has happened since 1991.

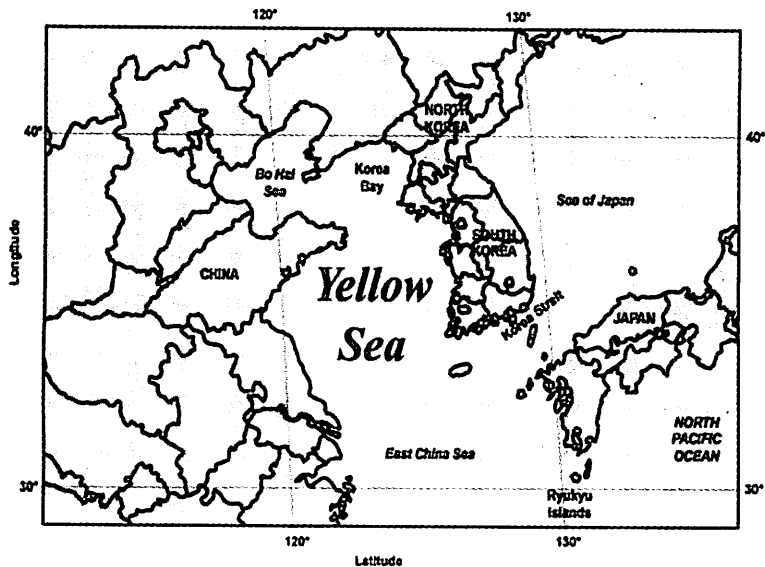
The CPV has been working hard to serve the latter's interests, one of which of course is Chinese expansionism in South East Asia and SRV will be then an advance force in the front line to achieve this objective under the direction of Red China.

Prof. NGUYỄN VĂN CANH

15 November 2009

** An excerpt from Dr Nguyen Van Canh's book: Cong San Tren Dat Viet (Communism on Vietnam's Soil), Chapter XIII, Vol. II., Kien Quoc, (California) 2003, pp. 353-368 ; summarized and translated by Pham Loc. Revised Nov. 15, 09*

** Dr. Nguyen van Canh, a former Visiting Scholar, Hoover Institution on War, Revolution and Peace, Stanford University ; Director, Center For Vietnam Studies, California.*



Thơ Xương họa

Bài xướng: CUỘC CỜ GIAO HỮU

Cờ tướng bày ra đấu trí cùng.
 Người thời bốn bức, kẻ ung dung.
 Đây đưa tay khế, thần căn thẳng.
 Đó bở đùi rung, miệng khoát hùng.
 Trước hét cản bờ, tung phá sĩ.
 Sau cùng giục tốt, tấn vào cung.
 Bạu bè gặp gỡ vui vại ván.
 Thua được màng chi, giải muộn chung/.

Tri Ta

Bài họa 1: CHƠI CỜ

Cuộc cờ thắng bại ván sau cùng.
 Đấu trí tranh tài quyết chẳng dung.
 Tướng sĩ điều binh thêm mãnh liệt.
 Ngựa xe tấp nập thật oai hùng.
 Pháo bỏ sửa soạn chằm ngòi nổ.
 Tốt đã sang sông chiếm nội cung.
 Được nước thành công nền khoái chí.
 Hẹn ngày tái chiến sẽ ngòi chung/.

Mỹ Vân



Bài họa 2: ĐÁNH CỜ TƯỚNG

*Dấu trí với nhau ván cuối cùng.
Bàn cờ khó gỡ chớ ung dung.
Dây đen xuống pháo che dầu tướng.
Đỏ trắng lên bồ đậy mặt hùng.
Giục ngựa thừa cơ xâm cấm địa.
Phi xe sơ hở lẩn vô cung.
Tuy rằng thua cuộc không thua sức.
Biết bí chịu đành nước bí chung./.*
Người Tây Sơn

Bài họa 3: ĐẤU CỜ

*Bàn cờ thế giới hãy xem cùng.
Bao lược so tài khó nổi dung.
Tướng sĩ Trung-hoa thường phách lối.
Ngựa xe Mỹ quốc quá oai hùng.
Pháo bỏ Anh, Đức, lăm le nổ.
Tốt Nhứt sang sông cường chiếm cung.
Pháp, Ấn, hiện nay đồng góp sức.
Tự do ắt thắng thái bình chung./.*
T.V. (Tacoma)

Bài họa 4: CUỘC CỜ THÀNH BẠI

*Cuộc cờ đang diễn quyết chơi cùng.
Người thắng kẻ thua chẳng có dung.
Kéo pháo tấn công xâm cấm địa.
Dẫn bồ cản trở chặn chân hùng.
Ngựa xe què quặt chờ quân viện.
Tướng sĩ rã rời phải cúc cung.
Bên đó thừa cơ đòi khuấy phục.
Thế cờ đành chịu kết hồi chung./.*
D. Nguyễn

Thiên thư

Thiên thư



TỖ NGUYỄN VIỆT NHỎ

Những năm gần đây, Tàu để lộ ý muốn thi hành kế hoạch bành trướng, vẽ đường lưỡi bò trong ý đồ nuốt trọn Nam Hải (1) để tiến lên Hán Hóa toàn cầu theo như kế sách của Từ Hạo Điền, nguyên Bộ Trưởng Quốc Phòng Trung Cộng trình cho Đảng Cộng Sản Trung Quốc vào năm 2005. Trong năm 2010, để đáp lại, Mỹ lên tiếng càng lúc càng mạnh mẽ ủng hộ các nước ĐNÁ để chống lại động thái này, khiến biển Đông dậy sóng, tình hình ngày một căng thẳng, rồi bởi khó biết cục diện sẽ đi về đâu. Tôi lại nhớ đến bài xưa nay được xem như là Hịch Phá Tống của danh tướng Lý Thường Kiệt:

“Nam quốc Sơn Hà Nam đế cư

Tuyệt nhiên định phận tại Thiên Thư

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khanh thủ bại dư”

(Nước Nam đã có vua Nam ở, rành rành định sẵn bởi sách Trời, nếu bay nghịch mệnh xâm phạm đến, nhất thiết sẽ bị đánh tơi bời)

Đọc tới đọc lui bao lần bài trên mà vẫn không thấu triệt ý người xưa: **Thiên Thư là cái gì?** Trời đâu có nói gì, viết gì mà gọi Thư Trời ? **Qua Thiên Thư, Lý Thường Kiệt căn cứ vào cái gì để khẳng định là Tàu sẽ bị tan xác khi xâm lăng Nam quốc?** ... Những bản khoán đó cứ đeo đuổi mãi cho tới một hôm, khi tôi nhớ lời gợi ý của Cụ Trạng Nguyễn Bỉnh Khiêm, rằng: “Đồ Thư một quyển xem ngay mới rành” (2), mới vỡ lẽ và xin được tuần tự giải bày theo các tiết mục:

I. THIÊN THƯ LÀ GÌ?

Hiểu theo lối chữ sao nghĩa vậy thì: **Thiên là Trời và thư là bức thư và như vậy: Thiên Thư là bức thư của Trời. Nhưng, Trời đâu có nói gì, viết gì nên hiểu Thiên Thư là bức thư của Trời là chưa chính!** Thế thì Thiên Thư là gì?: **Nếu y cứ vào tượng do lời gợi ý ra, có nghĩa là đọc bài văn trên theo lối đọc VIỆT DỊCH “bỏ lời lấy tượng” để đi vào Đạo Lý Đông Phương, thì: Thiên Thư là bức thư của Đất Trời.**

Thư của Đất Trời là gì ? Thưa: **Thiên Thư không dùng chữ mà dùng hình đồ với hai dấu hiệu (signs) cũng là biểu tượng (symbols) của Âm Dương Đất (☷) Trời (☰), gọi là Đạo tự Càn Khôn (3) hay “Triết Tự Văn Hóa” (4) để hình thành Thiên Thư tức Kinh Dịch Nguyên Sơ tức Sách Ước huyền thoại (5) với ba trang thư: Hai trang đọc được và trang thứ ba thì trống không, có tượng như bên dưới:**

Trang 1 (Đồ hình):

Hà Đồ Lạc Thư

Rùa Thần

H. Tiên Thiên BQ (được xếp lại để phù hợp với định hương bản đồ hôm nay)

H. Hậu Thiên BQ (được xếp lại để phù hợp với định hướng bản đồ hôm nay)

Trang 2 (Lý Số):

Bát Quái:

64 Quái:

64 quái còn gọi là quẻ Dịch tức “Sách Ước Trinh Nguyên” được xếp trên hình tròn và hình vuông

Trang 3:

Nhìn vào ba trang của “Thiên Thư” hay Sách Ước”, ta thấy được một số gợi ý về đặc tính và ý nghĩa của Thiên Thư Sách Ước:

@ THIÊN THƯ (SÁCH ƯỚC) có cơ cấu dựa vào đồ hình và lý số nên mang tính của một bộ môn khoa toán học khách quan. Nhờ **cơ cấu của sách thông qua lưỡng tính âm dương (Càn Khôn, trắng đen, vuông tròn)**, nếu biết cách “đọc” thì ai cũng sẽ thấy và ghi nhận giống nhau: Những gì Thiên Thư chứng ra giúp ta mạc khải (thấy trực tiếp) sự vật như là chính sự vật. Điều nầy cũng có nghĩa là **Thiên Thư chứng ra sự vật và con đường biến dịch của sự vật (ĐẠO BIẾN DỊCH)** chứ không phải là mô tả hay nói về sự vật; đây

là điều mà các nền văn hóa dựa trên ngôn tự không thể làm được và là cái khác biệt của

Thiên Thư thuộc nền văn hóa vô ngôn, Vô tự và kinh sách “hữu ngôn” thường thấy.

@ Trang không đọc được của Thiên Thư (trống không, chẳng chữ, chẳng hình, chẳng số), nằm trong ý của Đạo Trống: Không có gì nhưng chứa tất cả mọi điều. Nó chính là cái mà Sách Ước bảo: “ước gì được nấy”, tùy ta muốn đi vào lãnh vực nào. Nói khác đi, Thiên Thư bao trùm trên mọi lãnh vực như Kinh Tế, Chính Trị, Quân Sự, Toán Học, Y Học, Lý học, tương lai học, vận dụng vào lãnh vực nào thì trang 3 hiện ra lãnh vực đó.

@ Ba trang hai thực một hư thành lập tỉ số 2/3 Tỉ số này là một huyền số, khi đổi ra lý số sẽ là con Thủy Phong Tĩnh: Tĩnh là cái giếng, là Giếng Việt (Việt Tĩnh), hay nền Văn Hóa Vô Ngôn của dòng Việt (Văn Hóa Cổ Việt). Nói thế cũng có nghĩa là dòng Việt là chủ nhân ông của Thiên Thư hay Sách Ước. Nếu lên điều này là muốn lưu ý mọi người cần “đọc” **Thiên Thư (Sách Ước) theo cách đọc “Sách Vô Ngôn”, nghĩa là hãy để cho sự vật hiển hiện ra như chính sự vật và ta chỉ có ghi nhận, tuyệt đối không để định kiến, tiên kiến chi phối, nghĩa là không chấp trước.**

@ **Thiên Thư không nói về sự vật mà làm cho sự vật nói về chính nó nên, cần ghi nhận: những gì người viết nêu lên ở đây không là chế tác mà chỉ thuật lại những gì thiên thư thể hiện ra.** Bạn cần đọc Thiên Thư theo lối đọc Việt Dịch: “*Bỏ lời lấy tượng, bỏ tượng lấy ý và bỏ ý lấy Đạo*” (Đạo ở đây nên hiểu là con đường biến dịch của sự vật)

Vì là “vô ngôn, vô tự” (sách chỉ dùng đồ hình và lý số nhằm gợi ý, gợi hình của sự vật và sự việc trong sự biến dịch của chúng), nên **nói mãi cũng không nêu hết ý của sách bao hàm, nên ở đây chỉ nêu lên đôi điều căn bản và chỉ vận dụng “Thiên Thư” thu hẹp vào lãnh vực Phong Thủy Chính Trị (Fongsuipolitics), nhằm chỉ ra cái “ĐỊNH PHẬN TẠI THIÊN THƯ”.**

II THIÊN THƯ ĐỊNH PHẬN NHƯ THẾ NÀO?

Xin được nhắc lại: **Thiên Thư định phận qua các đồ hình và các con Lý Số hay Dịch Số** thế nên ta cần “đọc” **Thiên Thư với tinh theo hướng vô ngôn Việt Dịch cần chú mục vào đồ hình và lý số thiên thư chứng ra nhằm đạt Lý Đạo.** Bằng cách đó, ta sẽ nhận ra cái định phận của Thiên Thư:

II.1. Thiên Thư định phận Bắc Nam Với Phần Số Tàu Chệt

Trong Qui Luật “Sinh Bắc Tử Nam”

Sau Big Bang, vũ trụ được hình thành, trời đất và tinh tú đi vào ổn định, từ đó phương hướng Bắc Nam Đông Tây được xác lập và những qui luật bất dịch được xác định, như: Quả Đất quay quanh Mặt Trời và quay quanh mình nó qua trục Bắc Nam của Trái Đất, tạo ra hiện tượng ngày đêm, tối sáng luân phiên nhau. Và, khi Địa Cầu có phương hướng thì quả đất và mọi vật trên nó bắt đầu chịu ảnh hưởng bởi cái thiên địa khí từ những phương hướng nấy, như: Cây cỏ mang tính dương hướng động. Cây, đá trên rừng già, phần thân tiếp xúc với hướng Bắc lâu ngày sẽ có sắc xám xịt, sần sùi. Với con người thì: Người phương Bắc mang tính dương nhiều: lớn con, dũng mãnh, tính tình thì chuộng mạnh mẽ “*Nbát Nam viết hữu, thập nữ viết vô*”, ưa bạo lực, ưa hướng bung ra, bành trướng Còn người phương Nam mang tính hiền hòa, ưa Đạo lý, kiểu: “*Trai làm chi, gái làm chi, đứa nào có nghia có nghi thì hơn*” hay “*Cương nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo*” ...

Điều này được “Thiên Thư Hậu Thiên Bát Quái” chỉ ra qua đồ hình Bát Quái với các con Lý số trên đó:

BẮC

NAM

Hậu Thiên BQ với hướng Bắc Nam được định lại cho phù hợp với định hướng bản đồ

1_ Nhìn vào Bát Quái trên ta thấy: KHẨM/NƯỚC () được thiết trí ở hướng Bắc và LI/LỬA () ở hướng Nam Đồ Hình và điều này nói lên rằng: **Phương BẮC lãnh lẽo, nguy hiểm** (do chịu ảnh hưởng con Khảm/Thủy), **sẽ hun đúc con người ở phương này chuộng lý hơn tình, chọn dương hơn âm**. Ngược lại, **phương NAM chịu ảnh hưởng con LI/Hỏa thì ấm áp: Cái “phong thủy” này khiến con người sống hướng nội, chọn tình hơn lý. Đây chính là phương của người Quân tử: “Nam phương chi cường, quân tử cư chi”**. (Khổng Tử).

2_ Cũng rút từ ý nghĩa của Thủy/Khảm ở phía Bắc, Hỏa/Li ở phương Nam ta còn thấy định phận cho Bắc thường có ưu thế hơn Nam (theo qui luật của Ngũ Hành Tương Khắc) là Thủy Khắc Hỏa: Trên hiện thực được thể hiện qua thực sử, trong sự tranh chấp lãnh thổ người phương Bắc thường khắc chế, lấn lướt người phương Nam. Thật ra, cái ưu thế bắc/Nam cũng mang ý tương đối: Ta vẫn thấy đôi lúc Nam thắng Bắc, nhưng cái thắng này thường là cái thắng nhất thời nhằm kiềm hãm Bắc phương để phương Nam nẩy tiến vào Nam của mình.

3_ Theo Dịch lý thì chẳng có gì hoàn toàn tốt, cũng chẳng có gì hoàn toàn xấu mà trong xấu có tốt, trong tốt có xấu, như đồ hình Thái Cực của Thiên Thư chung ra. Tùy thời vị mà tốt hay xấu nó sẽ hiển lộ ra. Bắc Khâm/Thủy khắc chế Nam Li/Hỏa nhưng Bắc cũng bị chi phối bởi qui luật nữa là luật “*Sinh Bắc tử Nam*” và được dân gian nhắc đến bằng lối truyền miệng: “*Bắc Đẩu giữ số sinh, Nam Tào giữ số tử*”

“*Sinh Bắc*” là gì ? _ Bắc Thiên Thư Hậu Thiên Bát Quái là con Khâm/Thủy. Thủy là nước cũng có nghĩa khởi thủy của sự sống: Có nước là có sự sống và các khoa học gia ngày nay đều có cùng quan điểm này. Nói vậy cũng có nghĩa là: **Phương Bắc là phương phát xuất của nước và cũng có nghĩa là phương sinh ra sự sống và ngắn gọn lại là “Sinh Bắc”!** Con Khâm phương Bắc còn hàm ý là gian ác, quỷ quyệt, nở rộng ra, những điều độc hại, những mối nguy hiểm cũng xuất phát từ phương này.

Còn “*Tử Nam*” là gì ? Phương Nam là phương của con Li và Li có tượng hình của lửa (Trung hư, hay trong trống rỗng), cũng là của hình tượng tan biến: (Như thể vật chất ‘material’ chẳng còn mà chuyển sang thể của năng lượng ‘energy’, như công thức $E=mc^2$ của nhà Bác học vĩ đại của thế kỷ 20, Ông Albert Einstein). Biến mất là “tử”, nên nói: “*Tử Nam*” là trong ý này.

Đó là những điều nghiệm trên lý qua đồ hình, ta cũng có thể làm thí nghiệm vật lý để trực nhận cái qui luật “*Sinh Bắc tử Nam*” bằng cách: Lấy một thỏi nam châm để lên trên một bia cạc tông, đoạn dùng bột sắt rải lên, ta sẽ thấy: các mảnh bột sắt chạy thành hai vòng tạo ra hình số 8 nằm ngang. Thí nghiệm này cho thấy: có một khí lực từ thỏi Nam châm phát ra khiến bột sắt chạy xấp thành vòng.

Với quả Đất: Địa cầu như là thỏi nam châm có hai cực Bắc Nam, khí lực sẽ được sinh từ Bắc rồi chạy vòng sang Nam và biến dạng ở phương này và vòng khí này có tác dụng Phong Thủy ảnh hưởng đến địa chính trị nằm trong qui luật “*Sinh Bắc tử Nam*”, cũng có nghĩa là: **Các chế độ chính trị gian ác, biểu trưng bằng con Khâm phương Bắc** (chỉ Trung Công hôm nay) **lớn mạnh sẽ bành trướng về phương Nam và rồi sẽ bị sụp đổ, tan rã.** Nội dung bài hịch của LTK nằm trong ý nghĩa này.

II.2. Thiên Thư Định Phận Đông Tây Qua Qui Luật Đông Bình Tây Quả

Xung đột Bắc Nam là xung đột về lãnh thổ, ngược lại, xung đột Đông Tây là xung đột về ý thức, về tư tưởng, được chỉ ra bởi Thiên Thư là con Chấn/Lôi (Đông) và con Đoài/Đàm (Tây) trên Bát Quái Hậu Thiên (Xem lại hình trên). Người Tây đến Đông phương ngoài việc làm giàu còn trong ý thức truyền bá tư tưởng:

Tư tưởng tự do kiểu phương Tây, lối sống phương Tây, chủ thuyết phương Tây

Chấn/Lôi và Đoài/Đầm ngoài ý chỉ về tư tưởng, chúng còn ngầm ý chỉ cái khởi xuất (Lôi) và cái thành quả (Đoài) mà niềm tin truyền dòng Việt gọi là “*Đông bình, Tây quả*” qua lời dạy sắp bình hoa và cổ quả trên bàn thờ cúng Ông Bà. Lời truyền “*Đông bình Tây quả*” còn hàm ý là: Tư tưởng xuất phát từ phương Đông sẽ thành đạt ở Tây phương. Điều này nói lên rằng **trong sự tranh chấp Đông Tây, thắng lợi sẽ thuộc về phương Tây** và nếu vận dụng vào chính trị hôm nay thì: **Mỹ sẽ thắng Tàu để đưa nhân loại bước vào kỷ nguyên toàn cầu hóa**. Và, muốn rõ chừng nào xung đột quân sự thực sự xảy ra và chừng nào kết thúc tranh chấp này, ta cần quan sát con Lý số Lôi Thủy Giải.

II.3. Thiên Thư Với Con Lý Số Lôi Thủy Giải

Con Lôi Thủy Giải có được từ chồng hình Thiên Thư Bát Quái (Hậu Thiên chồng lên Tiên Thiên) (6). Giải có nghĩa là làm tan biến, giải tỏa hay giải quyết (ở đây là giải quyết xung đột). Giải có tượng: Chấn/Lôi trên Khảm/Thủy, là hình ảnh của chiến tranh sẽ nổ ở ra ở biển Đông để giải triệt để vấn đề tranh chấp.

Con Lý Số Lôi Thủy Giải gồm 6 hào, mỗi hào cho hai năm: Hào dưới cùng (sơ hào) chỉ Tý Sửu, hào cửu nhị là Dần Mẹo, lục tam là Thìn Tị, cửu tứ là Ngọ Mùi, lục ngũ là Thân Dậu và hào trên cùng là Tuất Hợi. Qua đó Cụ Trọng Nguyễn Bính Khiêm toán ra là:

“Long vĩ xà đầu khởi chiến tranh

Can qua xít xít thủy đao binh

Mã đề dương cước anh hùng tận

Thân đậu niên lai kiến thái bình”

Bốn câu trên không dễ hiểu bởi: Vòng 12 con giáp (Tỉ, Sửu, Thìn, Tị, Ngọ Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi) cứ luân lưu bất tận và sau 12 năm các con giáp lại trở lại thì làm sao biết các con giáp trên đích thực rơi vào năm nào? Đó chính là nan đề để hiểu sấm Trạng khiến thường sự việc xảy ra rồi người ta mới thấy nghiệm ứng sấm Trạng. Theo kinh nghiệm cá nhân, muốn xác định thời gian, cần quan sát và chiêm nghiệm, “nhìn xa và nhìn gần”: Cần quan sát và chiêm nghiệm các dữ kiện trên thiên thư, qua đồ hình và các con Lý số liên hệ (Nhìn xa): Để thấy chu trình biến dịch khiến sự việc chưa xảy ra, ngay cả chưa phát sinh cũng đã hiển lộ trong chu trình biến dịch).

Nhìn gần nhằm để kiểm chứng giúp ta xác định thời gian, ta cũng cần để tâm vào các sự kiện đang diễn biến cũng như nhìn vào

hướng đi của các tác nhân có khả năng chi phối cục diện và theo cách này thì ta thấy tình hình đang biến chuyển rất dồn dập: Tàu càng lúc càng hung hãn, tình hình càng lúc càng căng thẳng. Chiến tranh giữa Tàu Ấn, Tàu Việt hay Tàu Phi có thể nổ ra bất cứ lúc nào không thể thương thảo, dung hòa vì sự mâu thuẫn mang tính sống chết (Do or Die) và được cài vào thế không thể tương nhượng, như là một định phận. Xin điểm qua một số sự kiện xảy ra gần đây:

@ Mỹ và Tây phương hợp tác chặt tay với của Tàu ở Nam Mỹ, Trung Đông và Bắc Phi, là những nơi cung cấp nhiên liệu chính yếu cho Tàu, với kết quả thật ngoạn mục: Các chế độ độc tài được Tàu ngầm hỗ trợ để đổi lấy nhiên liệu liên tiếp sụp đổ, cao trào dân chủ lớn mạnh chưa từng thấy, từng giờ, từng ngày.

@ Mỹ tuyên bố trở lại Thái Bình Dương, cam kết siết chặt ban giao với các đồng minh cũ và mở vòng tay đón nhận đồng minh mới.

@ Sự thật chiến tranh Mỹ Tàu đã xảy ra, Mỹ đã mở ra hai mặt trận: 1) Kinh tế và tài chánh, gọi là công lương, nhằm làm tàu suy yếu, thúc đẩy nội loạn, tan vỡ từ bên trong (implosion). 2) Mặt trận tuyên truyền đánh thẳng vào lòng người, gọi là công tâm, chỉ ra rằng thế giới phải chết vì Tàu "Death by China". Việc "Công đồn", đánh bằng quân sự cũng được các bên liên hệ đang chuẩn bị ráo riết. Cho đến hôm nay, có thể nói, Tàu đang bị vây chặt tứ bề.

@ Còn CSVN, những năm tháng gần đây, Hà Nội không cứng ngắt phụng tùng Tàu như xưa mà đang có chiều hướng "mở rộng hợp tác đa phương" với Tây phương và các nước lân bang, là có ý đang tìm đường thoát ra khỏi cái thòng lọng của Tàu buộc vào từ thời HCM. Nói khác đi, CSVN cũng đang muốn tìm lối phẫn Bắc để nhảy trái sang Tây! Ông Đại sứ Mỹ tại Hà Nội đã tiết lộ, đại khái rằng: "*Tướng Vịnh không dễ nắm cổ, cái đập Tam Hợp (*) có thể sẽ là mục tiêu nhắm tới khi Tàu dồn VN vào thế chẳng đặng đừng*" và chính ngay Tướng Nguyễn Chí Vịnh cũng đã thổ lộ, đại khái: "*VN có thể chống lại mọi kẻ thù, có thể đánh và chiến thắng theo lối riêng của mình*".

@ Ấn Độ, được sự ủng hộ của Mỹ, ra mặt cấu kết với các nước ĐNÁ chống Tàu

@ Miến Điện bỏ Tàu sang Tây phương thỉnh linh làm Tàu không kịp trở tay.

@ Nam Hàn lập quỹ giúp Bắc Hàn chuẩn bị cho kế hoạch thống nhất Bắc Nam theo kiểu nước Đức.

@ Tin mới nhất hôm nay (ngày 2 tháng 11/11) tổ chức võ trang của nhóm Maoist, khoảng chừng 19 ngàn quân, hoạt động ở Népal,

nước nằm kẹt giữa Tàu và Ấn, do Tàu hỗ trợ để phá rối Ấn độ, sẽ giải thể và sẽ được cho phép, một số (6.500 người) sát nhập vào hàng ngũ quân đội quốc gia Népal, số còn lại sẽ được nhận 11.000USD/đầu người để trở lại cuộc sống mới.

@ Một sự thể hiện giúp ta thấy tình thế bắt đầu chuyển ngoặt rõ nét nữa là Giáo Hội Công Giáo Việt Nam, một tổ chức duy nhất có tổ chức chắc chắn, vững mạnh sau nhiều năm im lặng chịu đựng dưới bàn tay sắt của CS, đã bắt đầu lên tiếng qua vụ nhà thờ Thái Hà, được tòa Giám Mục HN chính thức ủng hộ.

Do những diễn biến mang tính quan trọng “ngàn năm một thuở” như vậy nên ta có thể xác định: Tàu đang bị vây chặt, bị dồn vào chân tường nhất định phải phá vòng vây: **Năm ‘Long vĩ, Xà đầu’ thế chiến sẽ phát khởi ở biển Đông phải là thuộc chu kỳ 12 con giáp đang diễn ra, nghĩa là cuối năm 2012 (Thìn) và bắt đầu 2013 (Tí), để rồi đến đầu năm Ngọ (2014), cuối năm Mùi (Dương, Dê 2015) thì Tàu sụp đổ kéo theo các nước theo CS sẽ tiêu tan, thế giới đi vào kiến tạo thái bình (năm Thân 2016 và Dậu 2017).**

II.4. Thiên Thư Với Con Số 6 Trên Lạc Thư

Theo tinh thần huyền thoại thì Lạc Thư là bức thư của Cha Lạc Long Quân gửi lại cho Mẹ Âu Cơ và đấm con theo Mẹ ở lại trị nước, nên còn được xem như là thư của Lạc dân, Lạc tộc. Con 6 được xếp nằm hướng Đông Nam đồ hình (xem hình trên) là con huyền số chứ không là số đếm, vì vậy, muốn hiểu huyền ý của con số hãy đổi nó sang con Lý Số, là con 6 Trạch Địa Tụ. Tụ có tượng hình là cái hồ (Đoài/Trạch) nằm trên Địa/Đất và tượng ý là qui tụ hay nhóm họp (Nước tụ lại trên đất). Qua tượng nầy, vào năm 2004 khi XB quyền VĂN HÓA CỔ VIỆT tôi đã tiên đoán rằng Việt Nam sẽ hợp cùng các nước ĐNA và Tây Phương để đánh Tàu (7), với kết cuộc phần thắng thuộc về Việt và Đồng Minh phương Tây.

II.5. Thiên Thư và Nhân Thư

Tam Tài hay Tam Hoàng là Trời Đất Người (Thiên Địa Nhân) là Ba Ngôi ngang bằng quyện vào nhau như chiếc kiềng ba chân, đây là Đạo Lý cũng là niềm tin không thể lay chuyển của dòng Việt:

“Dù ai nói ngã nói nghiêng

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân”

Trên thực tế, những qui luật của Đất Trời được xem như là tất yếu “định phận” đều nhờ yếu tố “nhân”. Chữ Nhân mang ý là nhưn hay tâm, là cái cái cốt lõi bên trong hay cái nằm giữa (nhân nguyên tử, nhân bánh chưng) và nhân cũng mang lấy nghĩa là con người (ở giữa Trời Đất).

Ba thành Tố Thiên Địa Nhân tuy ba nhưng cũng là một: chúng không thể tách rời ra trong mọi sự và mọi việc. Tam Tài nầy cũng là cái “Chúa Ba Ngôi” (TCG) hay “Phật Tam Thế, Phật Tự Tánh” của Phật Giáo. **Luật biến dịch của Trời Đất đều bị/được chi phối bởi Tam Tài Thiên Địa Nhân khiến mọi sự vật biến đổi theo những qui luật bất biến mang tính khách quan, gọi là Thiên Lý (Cái lý của Đất Trời/Càn Khôn).**

Tiên nhân dòng Việt quan sát những điều thể hiện ra trên mặt đất rồi mô phỏng theo đó mà ghi lại Đạo Biến Dịch bằng dấu hiệu và biểu tượng (sign and symbol) Khôn (☰), Càn (☰) mà hình thành Kinh Dịch nguyên sơ. Điều nầy cũng có nghĩa Thiên Thư chính là Kinh Dịch do Trời Đất thể hiện ra và người đã mô phỏng theo đó mà hình thành theo tiến trình: “Nhân pháp Địa, Địa pháp Thiên, Thiên pháp Đạo, Đạo pháp tự nhiên”

Tóm lại, để hình thành mọi sự, mọi việc không thể thiếu tác nhân “Nhân”: Không gì không qua Nhân mà thành tựu! Trong vũ trụ nhờ Nhân (nhưng, cái nằm bên trong Tam tài thể hiện qua quái số của Bát Quái là hào 2) mà muôn loài, muôn vật tự hóa sinh, trong lãnh vực nhân văn, mọi biến cố, biến động lớn làm thay đổi cục diện đều được “Nhân” trong nghĩa “người ta” hoạch định (plan) cho nó xảy ra như vậy như lời tiết lộ của Tổng Thống Rosewell *“Trong chính trị không có tai nạn “accident”, sự việc xảy ra là người ta đã hoạch định cho nó diễn ra theo lối đó”*

Liên hệ với tình hình thế giới xảy ra gần đây, có thể nói cũng đều nằm trong sự hoạch định của “người ta” và người ta đây là Siêu Quyền Lực, nhằm giải thể mọi hình thức độc tài (Tôn giáo, đảng trị, quân phiệt hay độc tài cá nhân) để hướng dẫn nhân loại đi vào thời đại mới hòa bình và hợp tác phát triển, đúng như Thiên Thư (Thư của Trời Đất) được tiên nhân Việt đúc kết và diễn đạt bằng đồ hình và các con Lý số như vừa làm rõ trong các phần trên.

Nếu không thấy được Thiên Thư định phận, nếu không biết được hướng đi chiến lược mang tính toàn cầu của siêu quyền lực, thì hôm nay chỉ thấy tương lai VN toàn một màu đen: Lãnh đạo hèn nhác cam phận làm kiếp nô tài, dân trí và dân khí thảm hại, biển đất đang bị bán dần, môi sinh đang bị hủy diệt, kinh tế thì suy tàn, văn hóa dân tộc thì gần như bị xóa sổ để thay vào đó nền văn hóa thú chột Duy vật. Ngược lại, nếu “đọc” được Thiên Thư, thấy được Thiên Thư Định Phận thì mới nhận ra tương lai sáng lạng của VN, sẽ được chỉ ra nơi phần kế dưới khi trở lại con 6 năm Đông Nam Lạc Thư và con Khâm năm Bắc đồ hình Hậu Thiên Bát Quái:

III. TƯƠNG LAI NAM QUỐC

III.1. Việt Nam Trung Tâm Phát Triển trong Thế Kỷ 21

Ý sắp được trình bày rút ra từ đâu ? Thưa: Việt Nam là cửa ngõ mở ra Đông Nam Á và Thế giới, có vị thế địa chính trị (Geopolitics) là nơi giao tiếp của các nền văn minh và văn hóa của nhân loại. Trải nghiệm quá khứ sẽ thấy: Các tôn giáo lớn và các thế lực hùng mạnh nhất qua các thời đều có mặt, đụng đầu và được cũng hóa giải tính cực đoan của nó ở nơi đây.

Vì là nơi giao tiếp nên số phần do Đất Trời định phận tùy thời mà thịnh suy. Thời chiến: “*Trâu bò bú nhau rào đậu đỗ*”, “*Trâu bò bú nhau ruối muối chết*”. Thời bình: Sẽ là nơi tiếp nhận giao lưu và phát triển khiến Việt Nam sẽ có được một tương lai rất rục rờ như một số nhà tương lai học hay tôn giáo nhận định:

“Một nước nhỏ nhen trong vạn quốc

Về sau làm chủ mới là kỳ” Cao Đài Giáo

Làm chủ: Làm ra chủ thuyết, đúng hơn là làm sống lại chủ thuyết văn hóa Tiên Rồng Dịch Lý thuộc nền Văn Hóa Vô Ngôn vừa khai triển ở phần trên, nhằm hóa giải những mâu thuẫn tồn đọng từ nhiều ngàn năm cho VN và cho nhân loại như đã làm được vào thời Lý Trần, trên phương diện tôn giáo, với học thuyết Tam Giáo Đồng Nguyên.

Hoặc Kinh Phật Giáo Hòa Hảo mô tả về Hội Long Hoa sẽ được mở ra ở vùng núi Thất Sơn, Nam bộ:

“Long Hoa Hội người kẻ cõi phúc

Chốn trần gian người tục gần tiên”

Chốt lại, do ảnh hưởng bởi cái gọi là phong thủy chính trị (Fonsuipolitics) VN trong tương lai gần (khi Tàu và các nước theo độc tài bị dẹp bỏ), nhân loại bước vào giai đoạn toàn cầu hóa, sẽ là tụ điểm phát triển trên nhiều lãnh vực.

III.2. “Thân Dậu Niên Lai Kiến Thái Bình” hay Phát Triển Cụ Thể Ở VN Sau Chiến Tranh Tàu Mỹ

VN là một tụ điểm quan trọng trên vòng đai Mỹ Âu Á hay Á Châu Thái Bình Dương nên sẽ có nhiều ưu điểm để phát triển thịnh vượng. Ở đây chỉ xin giới hạn trong hai công trình lớn ở thời hậu chiến:

_ Phát triển lưu vực hạ lưu sông Mêkông Nam Bộ:

Trở lại con 6 Trạch Địa Tụ: Con Lý Số Trạch Địa Tụ có cái lý chung ra là hội hợp, kết hợp hay qui tụ, nói lên rồi ra VN sẽ qui tụ cùng các nước ĐNÁ, như đã trình bày trong phần viết về HƯỚNG PHỤC VIỆT QUA LÝ SỐ HÀ LẠC trong quyển VĂN HÓA CỔ VIỆT xb

2004 và vừa được sơ lượt trình bày ở các phần trên. Con 6 Tụy còn trưng ra tượng hình là hình ảnh cái hồ (Trạch) nằm trên đất mềm, đất phù sa nằm phía Đông Nam Đông Dương.

Đây thuộc về vùng Đồng bằng sông Cửu Long, là vựa lúa chẳng những nuôi sống VN mà hằng năm còn xuất khẩu hàng nhiều triệu tấn gạo ra thế giới, nhưng lại đang bị đe dọa nhiễm mặn do sự tăng nhiệt của địa cầu làm nước biển dâng cao và do các cái đập của Trung Cộng xây dựng trên thượng nguồn sông Mêkông làm Hạ lưu cạn nguồn nước ngọt. Để cứu vãng tình trạng bị đất nẩy, qua con Trạch Địa Tụy ta thấy: Rồi đây, sau khi giải quyết chiến tranh xong, thế giới sẽ hỗ trợ VN xây bờ đê chắn mặn ở ngoài biển bao cả mũi Cà Mau từ Vũng Tàu đến vịnh Thái Lan để tạo ra hồ nước ngọt (hình ảnh con Trạch (Đầm, hồ) trên vùng đất thấp là con Địa nằm nội quái Tụy).

Trên hiện thực, kế hoạch xây dựng hồ chứa nước ngọt cũng đã được xúc tiến: Bà Ngoại Trưởng Mỹ có đề ra chương trình kết nghĩa chị em của hai dòng sông Mississippi và Mêkông., Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế đã chuẩn bị cho chương trình nầy. Phía VN, Kỹ sư Ngô thế Vinh đã thiết kế đề án xây dựng đê bao dài 600 km với bề mặt đê 25 m để xe cộ có thể chạy trên đó.

Làm được việc nầy chẳng những cứu môi trường, duy trì sự phát triển nông ngư nghiệp nơi khu vực hạ lưu sông mà còn tạo ra tụ điểm giao lưu kinh tế và phát triển du lịch cho ĐNÁ và Thế giới.

- Phát triển vùng Bắc Bộ:

Ở Bắc bộ với con Khâm/Thủy nằm phía đồ hình Hậu Thiên Bát Quái thiên về lý trí, tài năng, chỉ ra sự phát triển kỹ thuật, công nghệ. Phải chăng việc ông Bill Gates của công ty Microsoft đến đây năm 2010 là để chuẩn bị đầu tư lớn sau thời hậu chiến?

Đến đây vấn đề đặt ra là: tại sao thế giới lại giúp ta trong những chương trình tốn kém nầy? _ Điều quan trọng nhất là để ngăn chặn hữu hiệu và lâu dài sự bành trướng của Bắc phương không gì tốt bằng giúp Việt Nam giàu mạnh làm lực đối trọng với Tàu, thứ đến nhằm giúp người mà lợi cho ta như sẽ được làm rõ ở phần kế dưới:

III.3. Vốn Đầu Tư Và Vấn Đề Viện Trợ

Vòng đai phát triển Á Châu Thái Bình Dương, nơi có dân số hơn 50 % nhân loại, sẽ là trọng điểm phát triển của kinh tế toàn cầu mà Việt Nam nằm và vị thế rất quan trọng, nhưng VN muốn tái thiết, việc đầu tiên là tiền đâu ? VN nghèo đói và rồi đây có thể còn bị chiến tranh tàn phá hơn nữa, thì vốn ở đâu khi mỗi dự án đòi hỏi hàng nhiều chục tỉ Mỹ Kim để thực hiện?

Đối với VN và các nước cần tái thiết sau chiến tranh đây là v/d lớn và nan giải, nhưng đối với siêu quyền lực vốn giúp cho đầu tư công trình chỉ là chuyện nhỏ:

Ta hãy nghĩ đến việc ngân hàng cấp thẻ tín dụng và người thụ hưởng trả góp lãi suất: Thẻ tín dụng chỉ là việc tin dùng (có tin dùng thì ngân hàng mới có lãi), còn tiền người thụ hưởng trả cho ngân hàng là tiền dollar có giá trị thật!

Siêu quyền lực (mà người đại diện là chính phủ Mỹ) viện trợ cho quốc gia nào đó thì tiền viện trợ cũng chỉ là tín dụng (được in ra vô tội vạ) và đồng tiền này trở thành có giá trị thực khi quốc gia được viện trợ tiêu dùng và trả tiền lãi! Điều này có nghĩa là người viện trợ (ở đây là Siêu quyền lực và chính phủ Mỹ) chẳng tốn, chẳng mất gì cả mà chỉ có được và được mà thôi! Được trả cả vốn và lãi và được nước thụ hưởng tiêu thụ hàng hóa của mình khiến nền kinh tế Mỹ phần thịnh, nạn thất nghiệp được giải quyết! Đây là cách làm để tái thiết Âu Châu sau đệ nhị thế chiến của hoạch Marshall hay việc Mỹ giúp Nhật trở nên giàu mạnh sau 1945.

Điều này cũng có nghĩa: **Mỹ càng viện trợ cho các quốc gia cần tái thiết sau chiến tranh thì Mỹ càng giàu, càng giải quyết được nạn thất nghiệp và càng giúp kinh tế thế giới càng phát triển.**

Qua sự kiện OWS (Occupy Wall Street), có thể nói: **Lợi thu về từ Wall Street của tài phiệt siêu quyền lực chỉ là cái lợi nhỏ so trong quá khứ và giúp cho các quốc gia nghèo, các quốc gia bị tàn phá bởi chiến tranh tái thiết, mới là cái lợi lớn!** Qua việc tạo ra phong trào "Chiếm Phố Wall" đám tư bản siêu quyền lực đang muốn tự lột xác để chuyển sang hướng làm ăn mới, chắc chắn là **phong trào "Chiếm Phố Wall" (Occupy Wall Street) không là "tự phát" mà nằm trong sự sắp đặt với nhiều mưu thâm** (Dĩ nhiên trong đó có thâm ý nhằm triệt hạ Tàu nữa).

Vài hàng như vậy đủ cho ta thấy rằng: vốn không còn là vấn đề khi siêu quyền lực muốn giúp, muốn làm.

IV. TÍNH KHẢ TÍN CỦA THIÊN THƯ

III.1. Nền Tảng Khoa Học Của Thiên Thư

Thiên Thư của Đất Trời hình thành theo những qui luật tự nhiên thường hằng của toán và vật lý, chi phối mọi sự việc trong hoàn vũ, và Thiên Thư do con người lập ra (tức Kinh Dịch Vô Ngôn, tức Sách Ước Huyền Thoại dòng Việt) mô phỏng theo của Trời đất mà thiết lập đặt trên nền tảng các đồ hình và các con Lý số. Điều này mang lấy nghĩa: Thiên Thư đáng tin cậy bởi Thiên thư không là triết thuyết hay chủ thuyết do trí tưởng của con người

dựng nên mà là Minh Triết làm cho sự vật, sự việc tự thể hiện ra. Sự sai lạc nếu có không do từ Thiên Thư mà là do sự ghi nhận (hay chiêm nghiệm, bốc chiêm hay bói toán) sai, đó là phần sai của người đọc “đọc” sai Thiên Thư!

III.2. Đối Chiếu Thực Sử với Thiên Thư Định Phận

Chủ đích bài viết là chỉ ra cái định phận chính trị Bắc Nam với qui luật “Sinh Bắc tử Nam”! Nói rõ ra là qua Thiên Thư ta có thể khẳng định: **Trung Cộng sẽ thua trận và tan rã khi xâm lăng phương Nam và ngày đó đang đến gần, như là định phận, không thể sai sẩy!**

Ta có thể thống kê để kiểm chứng điều này qua thực sử:

@_ Nhà Tống chuẩn bị đánh Việt Nam bị Lý Thường Kiệt ‘PHÁ TỐNG’ cho tơi bời và bị suy tàn từ đó

@_ Nhà Nguyên: Quân Mông Cổ lớn mạnh chiếm trên 40 nước từ Âu sang Á cũng bị sụp đổ sau ba lần xâm lăng và thua trận vào thời nhà Trần ở VN.

@_ Nhà Minh với tên giặc ác hiểm Minh Thành Tổ Chu Nguyên Chương mở ra cuộc chiến diệt chủng sau khi chiếm được nước ta, với ba sắc chỉ:

1) Tịch thu sách và bắt nhân tài Việt về Tàu, trong đó có: Nguyễn Phi Khanh (Cha Nguyễn Trãi), Nguyễn An (sau xây thành Bắc Kinh), nhà sư Tuệ Tĩnh (chữa được bệnh lao), Hồ Nguyên Trừng (con của Hồ Quý Li, chế ra thuốc súng về sau được phong làm thủy tổ ngành pháo binh Trung Quốc)....

2) Đốt sạch, phá sạch, *“một mảnh giấy không cho, một mộ bia không để”* nhằm triệt tiêu nền văn hóa Nam tộc để trừ hậu họa về lâu dài.

3) Cho tình báo đến kiểm tra sau đó và thu hồi lại hết các sắc chỉ ban xuống nhằm phi tang những âm mưu thâm hiểm của ông ta.

Độc hiểm như vậy nhưng rồi cũng bị Lê Thái Tổ thời Lậu Lê đánh cho tan tành và suy vong từ đó

@_ Nhân vua Lê Chiêu Thống sang cầu cứu, Thanh triều đem quân sang xâm lấn nước Việt và bị Quang Trung Hoàng Đế đánh bại mở đầu cho thời kỳ xuống dốc của nhà Thanh.

@_ Ngay như Liên Bang Xô Viết vào cuối thế kỷ 20, LBXV cũng bị tan rã sau khi cho tay sai đánh thuê là CS Hà Nội tiến về phương Nam đánh chiếm Campuchia.

TẠM KẾT

Hôm nay, giặc phương Bắc đang đi trên vết xe đổ của quá khứ. Qui luật “*Sinh Bắc tử Nam*” như là định phận dành sẵn cho họ rồi! Rồi đây ‘châu lại về Hợp Phố’, đất biển phương Nam lại trở về với Nam quốc, đúng như bản đồ 1974 của siêu quyền lực được mạng www.toancauhoa.com/caodai của TS Phan Đình Diệm đã bạch hóa. Tất cả đều nằm trong định phận cả rồi!

Trở lại bài Phá Tống của LTK, để cho hợp với thời đại hôm nay và làm cho rõ nghĩa hơn, xin phỏng tác theo tinh thần bài thất ngôn tứ tuyệt trên, nhằm thay thay lời tạm kết:

Nước Nam là của người Nam

Đất Trời sẵn định tham lam được nào

Bao lần chưa tồn hay sao:

“Giặc sinh phương Bắc tử vào phương Nam”!

Cước chú:

(1): Nam Hải: Biển của người Nam nà nói Nam là để phân biệt với tộc dân du mục Bắc phương. Theo cổ sử, trước nhà Tần, lãnh thổ Hoa Lục bây giờ có nhiều tộc dân cư ngụ và Việt tộc là sắc dân có đông về người và chiếm lĩnh về đất đai rộng hơn cả. Việt tộc thời bấy giờ bao gồm nhiều bộ tộc gọi là Bách Việt có ranh giới: Bắc giáp tận Động Đình Hồ, Nam giáp Cù Tôn (về sau có tên là Chiêm Thành) Tây giáp Tứ Xuyên, Đông giáp Nam Hải. Về sau Bắc phương có ưu thế về quân sự, đánh thắng phương Nam, chiếm lĩnh đất đai và đồng hóa dân bản địa để theo thời gian mà thành nước Tàu như ngày nay Từ đó từ ngữ ‘Nam Hải’ không còn mang nghĩa là biển của người Nam mà là Biển phía Nam của người Tàu! Thật vậy, nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu vừa phát hiện một chi tiết mới cho thấy danh xưng South China Sea còn gọi là Biển Nam Trung Hoa có tên gốc là Giao Chỉ Dương, hay Đông Dương Đại Hải hay ngắn gọn nhất là Đông Hải có nghĩa là Biển Đông. Chi tiết quan trọng này xác định một lần nữa **Nam Hải là biển của người Nam!**

(2): “*Nước Nam từ thuở Hồng Bàng*

Đổi thay cuộc thế giang sang chuyển vận

Từ Đinh, Lê, Lý, Trần thuở trước

Đã bao lần vận nước đổi thay

Núi sông thiên định đặt bày

Đồ Thư một quyển xem ngay mới rành" Trạng Trình Nguyễn Bính Khiêm viết cho lời mở đầu Sấm Trạng

(3) Đạo tự: Chữ dẫn vào Đạo Lý Biến Dịch của sự vật

(4): Triết tự văn hóa: Từ ngữ này có trong kinh dền Hùng: "*Kinh Châu Dương Việt hai miền, triết tự văn hóa lưu truyền sử xanh*". Triết tự văn hóa chính là hai nét Dịch, gọi là hào Âm Đất Khôn (☷) và Dương Trời Càn (☰). Triết tự, không phải là chữ viết, mà là dấu hiệu (sign) và cũng vừa là biểu tượng (symbol): Chính sự vận hành vũ trụ là do bởi "signs and symbols": *Signs and symbols rule the world, not words nor laws! (Confucious)*

Chính nhờ lối xài "*triết tự văn hóa*" mà văn hóa Việt có được nền "Văn Hóa Thấy", khác hẳn với văn hóa "Nghe" qua ngôn ngữ, (*Trăm nghe không bằng một thấy*): Thấy sự vật và sự việc như chính nó là thay vì nói hay nghe nói về chúng. Vì thế Đông phương không có triết kiểu Tây phương mà có nó Minh Triết hay Đạo Lý khiến nó có Đạo gia hay Chất gia thay vì Triết gia kiểu phương Tây.

(5): Sách Ước Huyền Thoại: "*Sách Ước trình nguyên không một chữ, gậy thần đốt tríc có hai đầu*". Theo huyền thoại Sách Ước: Thần Tản Viên, thuộc nhóm con 50 ra biển theo CHA RA BIỂN (Huyền thoại chia con), nhớ mẹ trở về đất liền, được Long Vương tức Lạc Long Quân, tổ phụ dòng Việt, tặng Sách Ước, có 3 trang và Gậy thần đốt. Sách và gậy huyền thoại gợi ý khuyên chúng ta trở về với nền Việt Dịch Vô Ngôn, xin đọc: Văn Hóa Cổ Việt, phần viết về Nguồn gốc Kinh Dịch của TD Nguyễn Việt Nho.

(6): Xin xem thêm: HƯỚNG ĐI CHO VIỆT NAM QUA LÝ SỐ HÀ LẠC của Nguyễn Việt Nho trên www.anviettoancau.net post lên vào 2/4/09

(7): Trang 286, Văn Hóa Cổ Việt, dòng 24 đến 33

(8): Xin mời vào google search www.toancauhoa.com/caodai. Chọn Cao Dai: select attachments sẽ đọc nhiều bài có giá trị

(*) Trên cái nhìn quân sự, đập Tam Hợp có tượng quái là con Trạch Thủy Khốn, Khốn là nguy khốn, đây là quả bom nước khổng lồ được treo trên sợi chỉ mảnh, nếu bị vỡ Hoa Nam sẽ bị nhận chìm trong biển nước! Xin đọc thêm "Cứu Địa Cầu Với Phương Ấn Nữ Oa" của Nguyễn Việt Nhớ trên www.anviettoancau.net

TD Nguyễn Việt Nho

Tám ảnh ngày xưa

Chuyến tàu đêm đưa em về đâu
 Anh thấy trong tim một chuỗi sầu
 Mai một nghìn trùng ta có gặp
 Hay là muôn thuở tạ từ nhau !
 Hai năm trao gửi tình lưu luyến
 Hẹn một ngày mai ván đóng thuyền
 Thung lũng, nhà em sâu dưới núi
 Nhà anh, trên bãi cát đồi nghiêng,
 Nhà xa nhưng chẳng cách xa lòng
 Vẫn nhớ vẫn thương, em biết không
 Lội suối trèo non đâu quản ngại
 Mong ngày thuyền tách bến sang sông
 Bây giờ, em gửi tiếng chia ly
 Ngẹn đắng môi anh, biết nói gì
 Vì mộng vinh hoa nơi đất lạ
 Để người khóc hận kẻ ra đi !
 Anh đổi hương thơm lay đất trời
 Bình yên cho kẻ vượt ngàn khơi
 Xót xa, cay đắng mình anh chịu
 Nhìn ảnh em, chua chát nụ cười
 Ngày lại ngày qua vắng bật tin
 Bóng chim tăm cá, biết đâu tìm
 Em đi vào tiết trời giông bão
 Sợ quá em ơi lỡ đắm thuyền !
 Chiều ấy tin buồn đau đớn thay
 Xác em trôi giạt về đây
 Thôi rồi, hơi đóa trà mi đẹp
 Tôi khóc cho em lệ ứa đây
 Thương em suốt lệ mãi trào tuôn
 Mười tám xuân xanh thắm nụ hồng
 Tài sắc một thời ai sánh kịp
 Chiếc khăn tang lịm chết hồn đơn !
 Lũng sâu triền núi chẳng còn em
 Bãi cát đồi nghiêng ngập lá sầu
 Tám ảnh ngày xưa anh cất giữ
 Nhưng người yêu, muôn thuở còn đâu.

NGUYỄN PHAN NGỌC AN





Văn hóa Đồng Nai-Cửu Long

Prof. NGUYỄN THANH LIÊM

Đồng Nai Cửu Long là tên hai hệ thống sông lớn ở Miền Nam nước Việt. Khi nói vùng Đồng Nai Cửu Long là người ta muốn nói đến tất cả các tỉnh nằm trong vùng đất bao quanh hai hệ thống sông lớn này. Đó là các tỉnh Miền Đông và Miền Tây Nam phần, từ Bình Thuận vào đến Cà Mau. Dưới thời vua Gia Long và phần đầu của thời vua Minh Mạng, cả vùng này được gọi là Trấn Gia Định mà Tả Quân Lê Văn Duyệt là người hai lần được bổ nhiệm làm Tổng Trấn ở đây. Năm 1832 sau khi Lê Văn Duyệt mất, Gia Định Trấn mới bị bãi bỏ, Miền Nam được chia thành 6 tỉnh. Địa danh Nam Kỳ Lục Tỉnh có từ đó. Dưới thời Pháp thuộc, người Pháp gọi vùng này là Cochinchine hay Nam Kỳ. Đây là vùng thuộc địa của Pháp, và lục tỉnh được chia làm 21 tỉnh. Thời Việt Nam Cộng Hòa, vùng này là Miền Nam Việt Nam và bao gồm các tỉnh Miền Đông (Tây Ninh, Bình Long, Phước Long, Bình Dương, Biên Hòa, Long Khánh, Bình Tuy, Phước Tuy, Gia Định), và các tỉnh Miền Tây Nam Phần (Châu Đốc, Kiến Phong, Kiến Tường, Hậu Nghĩa, Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long, Định Tường, Long An, Chương Thiện, Phong Dinh, Vĩnh Bình, Kiến Hòa, Gò Công, An Xuyên, Bạc Liêu, Ba Xuyên). Chính phủ hiện thời dùng chữ Nam Bộ thay vì Nam Phần và cũng phân biệt Miền Đông (hay vùng Đồng Nai với các tỉnh Sông Bé, Đồng Nai, Tây Ninh, Long An) và Miền Tây (hay đồng bằng sông Cửu Long với các tỉnh Đồng Tháp, Tiền Giang, Cửu Long, An Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Minh Hải). Trong bài này chúng tôi dùng chữ Miền Nam (Việt Nam) để chỉ vùng Đồng Nai Cửu Long.

Nghiên cứu và viết về văn hóa xã hội vùng này từ trước tới giờ đã có nhiều người làm, khởi từ Trịnh Hoài Đức đến Sơn Nam, Nguyễn Đình Đầu, Vương Hồng Sển, Nguyễn Văn Hầu, Huỳnh Minh, v.v. . . 'Gia Định Thành Thông Chí' của Trịnh Hoài Đức chứa đựng nhiều sự việc và dữ kiện quý giá về Trấn Gia Định xưa. Sơn Nam với những quyển 'Đồng Bằng Sông Cửu Long hay Văn Minh Miệt Vườn', 'Lịch Sử Khẩn Hoang Miền Nam', 'Đình Miếu và Lễ Hội Dân Gian Miền Nam', và 'Đất Gia Định Bến Nghé Xưa' ghi lại nhiều nét đặc biệt về khu vực văn hóa miền Tây Nam Phần. Vương Hồng Sển lưu lại nhiều hình ảnh sống động của Sài Gòn Chợ Lớn hồi thuở nào qua các tác phẩm 'Sài Gòn Tả Pín Lù' và 'Sài Gòn Năm Xưa' của ông. Huỳnh Minh với một loạt các tác phẩm về các tỉnh xưa cho thấy sự sống của người dân miền Lục Tỉnh như thế nào. Nhưng nói chung, đó là những công trình nghiên cứu cá nhân, lẻ tẻ. Gần đây hơn, khởi sự từ năm 1979, chánh quyền Việt Nam đã cho thiết lập một chương trình nghiên cứu quy mô về vùng Đồng Nai Cửu Long. Năm 1981 một hội nghị về đồng bằng sông Cửu Long đã được tổ chức ở Sài Gòn. Kết quả của các công trình nghiên cứu đã được trình bày trong hội nghị này và được in thành sách năm 1982 với nhan đề 'Một Số Vấn Đề Khoa Học Xã Hội Về Đồng Bằng Sông Cửu Long'. Tiếp theo đó, năm 1984 quyển 'Mấy Đặc Điểm Văn Hóa Đồng Bằng Sông Cửu Long' được xuất bản ghi dấu công trình nghiên cứu quy mô này. Mấy năm sau, nhân kỷ niệm 300 năm thành lập thành phố Sài Gòn, bộ sách 4 quyển 'Địa Chí Văn Hóa Thành Phố Hồ Chí Minh' (với trên 2,000 trang giấy khổ lớn) ra đời. Nhiều tài liệu, dữ kiện về khảo cổ, và lịch sử văn hóa xã hội có giá trị khoa học về vùng Đồng Nai Cửu Long có thể tìm thấy trong đó. Tuy nhiên vì chủ trương của chính quyền là đặt nặng vấn đề tuyên truyền cho chủ nghĩa xã hội nên có một số những bài viết trong đó phải lấy chủ nghĩa xã hội làm triết lý căn bản, và phải hướng vào mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội hơn là nhằm mục đích khoa học nên phần giải thích các sự kiện cũng như phần kết luận các bài viết này thường thiếu vô tư và lúc nào cũng có những từ ngữ 'xã hội chủ nghĩa', 'Đảng' và 'Nhà nước' chen vào.

Ở đây chúng tôi chỉ làm công việc tìm hiểu một cách khách quan, khoa học chứ không phải làm bình luận văn chương (literary essay), để bênh vực, hay biện minh cho một chủ thuyết nào. Chúng tôi sưu tầm, nghiên cứu để có những hiểu biết trung thực về các hình thức sinh hoạt của những người đến định cư ở vùng đất mới ở Nam Việt Nam quen gọi là đất Nam Kỳ Lục Tỉnh (hay Đồng Nai Cửu Long).

Những câu hỏi chính mà chúng tôi đặt ra ở đây để hướng dẫn công cuộc nghiên cứu này là:

- (1) Nam Kỳ Lục Tỉnh thành hình ra sao, vào lúc nào?
- (2) Những người Nam Kỳ Lục Tỉnh này là những ai, thuộc hạng

người nào, và từ đâu đến ?

(3) Họ sinh sống thế nào nơi vùng đất mới này?

(4) Họ mang theo với họ di sản văn hóa gì? Họ phải va chạm, thích nghi với những văn hóa khác đã có từ trước trên vùng đất này như thế nào? Và kết quả của những va chạm, pha trộn, thích nghi đó là những gì?

Công việc nghiên cứu ở đây đáng lý phải tựa trên cách thức thường dùng trong các khoa học xã hội, nhất là khoa văn hóa nhân loại học (social cultural anthropology), mà quan trọng nhất là quan sát tại chỗ (field work). Nhưng vì vấn đề có tính cách lịch sử nhiều hơn và vì hoàn cảnh không cho phép thực hiện ngay trên khu vực nghiên cứu thành ra chúng tôi chỉ có thể tựa trên những tài liệu và dữ kiện đã có hoặc sự ghi nhớ của những người từng sống ở vùng này. Mục đích của việc nghiên cứu này là nhằm tìm hiểu và giải thích sự việc nhiều hơn là dùng kết quả nghiên cứu để thiết lập đề án xây dựng hay cải tiến xã hội/văn hóa theo một đường hướng định trước nào. Đối tượng nghiên cứu là văn hóa xã hội vùng Đồng Nai Cửu Long, tức là những sinh hoạt của con người ở vùng đất này trong vòng mấy thế kỷ nay, trong những lãnh vực quan trọng như xã hội (bao gồm kinh tế), tín ngưỡng, ngôn ngữ, nghệ thuật, v v. . . Với mục đích và tinh thần khoa học đã nói, chúng tôi xin bắt đầu đi vào những chi tiết trả lời cho những câu hỏi vừa được đặt ra ở trên.

Nam Kỳ Lục Tỉnh thành bình ra sao và vào lúc nào ?

Khi Nguyễn Hoàng được cử vào cai quản Thuận Hóa (1558) thì đất đai của nước Việt về phía Nam chỉ có đến Phú Yên. Từ đó đến Bình Thuận còn là lãnh thổ của Chiêm Thành hay Champa. Nhưng từ lúc xứ Đàng Trong (từ sông Gianh trở vào Nam) của Chúa Nguyễn bắt đầu thành hình thì là lúc Chiêm Thành khởi sự suy yếu dần. Xứ Đàng Trong càng lớn mạnh lên bao nhiêu thì xứ Chiêm Thành càng yếu đi và càng nhỏ lại bấy nhiêu. Cho đến cuối thế kỷ thứ XVII thì nước Chiêm Thành kể như không còn nữa và dân tộc Chăm trở thành người dân thiểu số trong cộng đồng người Việt. Biên giới phía Nam của nước Việt bấy giờ là vùng Bình Thuận, và nước láng giềng về phía này của Việt Nam là nước Chân Lạp (tức Kampuchea hay Cao Miên của người Khờ Me (tức người Miên như người trong Nam thường gọi). Vùng Đồng Nai Cửu Long lúc này thuộc về Chân Lạp.

Thật ra đất Đồng Nai Cửu Long chỉ có thuộc về Chân Lạp trên danh nghĩa thôi, trong thực tế người dân Khờ Me không có mặt nhiều trên phần đất này. Người dân Khờ Me chỉ sinh sống ở một vài nơi thưa thớt, rải rác trên vùng đất cao, hoang vu mênh mông ở vùng Hậu Giang của đồng bằng sông Cửu Long. Ở vùng Đồng Nai thì có các bộ lạc người Mạ và người Xtiêng sinh sống, cũng rải rác, cũng thưa thớt

trong vùng đất mênh mông hoang vu vậy. Triều đình Chân Lạp chưa có thiết lập các cơ quan hành chính cai trị hay những đồn binh quân sự trấn đóng để bảo vệ đất đai và dân chúng của họ trên vùng đất này. Chợ búa, thành thị cũng không có gì cả. Theo Huỳnh Văn Lang thì: 'Cuối thế kỷ 17, các nhà truyền giáo và thương nhân Bồ-đào-nha ước lượng nước Chân-lạp lúc đó với một diện tích bằng Kampuchea, Nam-phần và phần Hạ-Lào hiện giờ mà chỉ có một dân số chưa đến 700 ngàn, đang khi đó thì địa phận Đàng-trong, tức là thuộc địa của chúa Nguyễn, diện tích chỉ bằng 1/4 Chân-lạp mà dân số đã trên 100 vạn hay là 1,000,000 người. Gần 250 năm sau, tức là năm 1836-37 khi vua Minh-mạng cho lệnh tổng kê dân đình nước Chân-lạp, vừa bị sáp nhập vào địa đồ hay lãnh thổ V.N. thành Trấn-Tây, thì chỉ có 970,516 người, đang khi đó thì ruộng đất lên đến 4,036,892 mẫu. (Tài liệu: Minh-mạng chính yếu)' (Chuyện đường rừng, tr. 21-22). Đối với người dân Việt, những đất đai mênh mông hoang vu ở đây là đất vô chủ, không ai để ý tới, không ai dòm ngó, kiểm soát. Vả lại ranh giới giữa hai nước (Việt - Chân Lạp) không có gì rõ ràng, ranh giới giữa các sắc tộc sinh sống rải rác trên vùng đất này (xem như vùng trái độn) lại càng mơ hồ, co giãn, biến thiên hơn. (Xem bài 'Les données historiques de la limite territoriale au tracé frontalière' của Michel Blanchard trong Dòng Việt số 17, tr. 109-137). Trong tình huống đó, và với bản năng sinh tồn mạnh mẽ, với máu mao hiểm, nông nấy làm việc để sinh sống, người Việt không ngần ngại gì mà không vào vùng đất hoang vu mới mẻ này để phá rừng, dọn đất, trồng trọt, mưu sinh, lập nghiệp. Mô Xoài là nơi mà người Việt đã đến khai phá, định cư sớm nhất. Mô Xoài tức là Bà Rịa bây giờ. Các sách Gia Định Thông Chí của Trịnh Hoài Đức và Đại Nam Nhất Thống Chí triều Nguyễn cho rằng xứ Mô Xoài là vùng địa đầu của Biên Trấn, tức là vùng người lưu dân Việt đầu tiên đặt chân vào để khai phá mở mang Miền Nam nước Việt.

Đây chỉ là những bước đầu lẻ tẻ, chập chững của những người đi tiên phong trong công cuộc mạo hiểm vào vùng đất mới lạ. Phải đợi một cơ hội thuận tiện nào đó để việc mở rộng về phương Nam trở thành phong trào mạnh mẽ, có tính cách quy mô hơn. Cơ hội đó là sự cầu thân của vua Chân Lạp Chey Chetta II với Chúa Nguyễn Phúc Nguyên vào năm 1620. Sử Khờ Me ghi là sau khi lên ngôi vua Chey Chetta II cho xây cung điện nguy nga tại Oudong rồi cử hành lễ cưới long trọng với một nàng công chúa xinh đẹp của Việt Nam. Hoàng hậu Sam Đát (tức công chúa Ngọc Vạn) có đem nhiều đồng hương sang Chân Lạp. Có người làm quan trong triều, có người làm thủ công, có người buôn bán, vận chuyển hàng hóa. Theo hồi ký của giáo sĩ Chistoforo Borri, một người Ý đã sống gần Qui Nhơn từ 1618 đến 1622, thì chúa Nguyễn đã viện trợ cho vua Chân Lạp cả tàu thuyền lẫn binh lính để chống lại quân Xiêm. Borri cũng tả rõ phái đoàn quan

quân Việt Nam đưa công chúa Ngọc Vạn về Oudong như sau: ‘Sứ bộ gồm khá đông người, cả quan lẫn lính, vừa nam vừa nữ, chuyên chở trên những chiếc thuyền lớn có trang bị vũ khí và bày trí lộng lẫy. Khi sứ bộ tới kinh Oudong, thì dân chúng Khờ Me, thương nhân Bồ Đào Nha, Nhật Bản, Trung Hoa đã tụ hội đông đảo để đón tiếp và hoan nghênh’.

Về phương diện xã hội, việc công chúa Ngọc Vạn theo chồng về Miên có thể được xem như là một sự mở đầu cho những bành trướng lãnh thổ quy mô về phương Nam của dân tộc Việt. Theo chân Ngọc Vạn công chúa lưu dân người Việt càng ngày càng vào Nam lập nghiệp nhiều hơn. Với chính sách khuyến khích khéo léo của chính quyền, lần sóng vào Nam càng lúc càng bành trướng mạnh mẽ. Về phương diện chính trị ngoại giao, cuộc hôn nhân của công chúa Ngọc Vạn với vua Chey Chetta II là bước mở đầu cho mối liên hệ ngoại giao giữa hai dân tộc Việt-Khờ Me, một mở đầu hết sức quan trọng đối với triều Nguyễn và người dân Đàng Trong. Từ đây trở đi trước mắt người Đàng Trong mở ra một vùng đất mênh mông hoang vu để khai khẩn để biến thành kho lương thực và tài sản vô tận cho người dân và quốc gia. Cũng từ đây triều Nguyễn luôn luôn sẵn sàng để hoặc giúp đỡ/viện trợ, hoặc can thiệp vào nội tình Chân Lạp với những kết quả vô cùng thuận lợi cho người Việt. Cứ mỗi lần quân chúa Nguyễn tiến lên xứ Miên làm một công ơn gì đó đối với Chân Lạp là mỗi lần triều đình Chúa Nguyễn được đền đáp bằng một số đất đai để hợp thức hóa những nơi lưu dân người Việt đã từng vào khai phá. Những sự kiện lịch sử sau đây đánh dấu những bước tiến trong quá trình hoàn thành vùng đất Nam Kỳ Lục Tỉnh theo lối ‘đần đi trước chính quyền đến sau’:

Hai năm sau khi Ngọc Vạn trở thành hoàng hậu Chân Lạp, năm 1623, chúa Nguyễn sai phái sứ bộ tới Oudong yêu cầu vua Chey Chetta II cho chúa Nguyễn lập hai đồn thu thuế tại Prei Nokor (Sài Gòn) và Kas Krobei (Bến Nghé). Đây là vùng qua lại và nghỉ ngơi của thương nhân Việt Nam đi Chân Lạp. Từ khi có các đồn thu thuế của chúa Nguyễn, vùng này đã trở nên vùng thị tứ trên bến dưới thuyền rất là sầm uất.

Năm 1658 triều đình Chân Lạp có nội biến, thái hậu Ngọc Vạn đã khẩn cầu Chúa Nguyễn là Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần giúp quân đánh dẹp Nặc Ông Chân dành lại ngôi báu cho dòng họ Prea Outey. Chúa Hiền, cháu kêu thái hậu Ngọc Vạn bằng cô ruột, cho quan Khâm Mạng Trấn Biên dinh Phú Yên là Tôn Thất Yển đem 3,000 quân qua giúp bắt được Nặc Ông Chân giải về Quảng Bình. ‘Người Cao Miên khâm phục oai đức của triều đình đem nhượng hết cả đất ấy rồi đi lánh chỗ khác, không dám tranh trở chuyện gì.’ (Gia Định Thông Chí, trung, tr.7). Đất ấy đây là vùng Mô Xoài, chính thức

thuộc lãnh thổ Việt Nam từ đó.

.Sang năm 1674 Nặc Ông Đài lại liên kết với Xiêm La chống Đại Việt. Chúa Nguyễn là Hiền Vương cử cai cơ Nguyễn Dương Lâm đem quân đánh chiếm Sài Gòn và tiến lên Nam Vang. Chúa Nguyễn làm chủ tình thế cả vùng Đồng Nai.

.Năm 1679 trấn thủ Quảng Đông là Dương Ngạn Địch cùng với phó tổng binh Hoàng Tiến, và tổng binh các châu Cao, Lôi, Liêm là Trần Thượng Xuyên cùng phó tổng binh Trần An Bình đem 3000 quân Trung Hoa (nhà Minh) với 50 chiến thuyền trốn quân Thanh chạy sang Việt Nam xin làm thần dân của Chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn Phúc Tần dung nạp họ và cho người hướng dẫn họ đến vùng đất mới trong Nam để định cư sinh sống. Nơi đây đã có một số người lưu dân Việt khai phá. Dương Ngạn Địch vào Mỹ Tho, Trần Thượng Xuyên vào Biên Hòa khai khẩn đất đai, thiết lập phố xá bán buôn, phát triển nông nghiệp và thương nghiệp cùng với người lưu dân Việt ở hai nơi này. Cùng lúc đó ở Cà Mau, một cựu thần khác của nhà Minh là Mạc Cửu cũng trốn quân Thanh sang đây khai khẩn lập nghiệp.

.Năm 1698 Minh Vương Nguyễn Phúc Chu cử thống suất Nguyễn Hữu Cảnh làm kinh lược đất Chân Lạp. Năm 1699, Nguyễn Hữu Cảnh đem binh lên tận Nam Vang để can thiệp và trở về vào khoảng tháng Tư năm sau. Trên đường về ông cho quân sĩ theo dòng Tiền Giang, trú đóng tại Cái Sao (vùng chợ Thủ của Long Xuyên). Một số quân sĩ bị phát bệnh dịch và chính ông cũng bị nhiễm bệnh và mất hai ngày sau khi quân ông rút khỏi vùng này. Một số binh sĩ hoặc bị bệnh hoặc tình nguyện ở lại vùng Cái Sao khai khẩn đất đai sinh sống trước khi vùng này được vua Cao Miên nhường cho Chúa Nguyễn. Họ được gọi là người dân Hai Huyện, trực thuộc phủ Gia Định từ xưa. (Xem Lịch Sử Khẩn Hoang Miền Nam của Sơn Nam, tr. 23). Năm 1705, Nguyễn Cửu Vân hành quân sang Cao Miên đánh quân Xiêm, trên đường về trú quân ở Vũng Gò (nay là Tân An), khai khẩn đất hoang, cho lập đồn binh và cho đào kinh cho rạch Vũng Gò ăn thông sang rạch Mỹ Tho, nối liền sông Vàm Cỏ Tây qua Tiền Giang.

.Năm 1708 Mạc Cửu dâng cả vùng mới khai khẩn ở Cà Mau xin hàng phục Chúa Nguyễn. Vùng này gồm các ấp vừa lập từ Vũng Thơm, Trũng Kè, Cấn Vọt, Rạch Giá đến Cà Mau. Hà Tiên trở thành một thương cảng quan trọng trong vùng. Chúa Nguyễn Phúc Chu phong cho Mạc Cửu làm tổng binh, giữ đất Hà Tiên.

.Năm 1732 lưu dân người Việt bị quân Miên tấn công. Chúa Nguyễn là Ninh Vương cử Trương Phúc Vĩnh đem quân vào dẹp yên. Vua Chân Lạp là Nặc Tha nhường Me Sa (Mỹ Tho) và Long Hồ cho Chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn lấy đất Long Hồ lập thành châu Định Viễn (Vĩnh Long) và đặt dinh Long Hồ.



Những giai đoạn Nam tiến kể từ năm 939

Năm 1753 Nguyễn Cư Trinh đem quân sang đánh Chân Lạp. Vua Chân Lạp là Nặc Nguyên thua trận bèn dâng hai phủ Tầm Bôn và Lôi Lạp (Gò Công và Tân An) để cầu hòa. Bốn năm sau Nặc Nguyên mất, Chân Lạp có nội biến. Chúa Nguyễn cử Mạc Thiên Tứ đưa em họ của Nặc Nguyên là Nặc Tôn lên ngôi. Nặc Tôn dâng đất Tầm Phong Long (gồm An Giang và một phần Vĩnh Long) để tạ ơn Chúa Nguyễn và năm phủ ở vùng Hà Tiên cho Mạc Thiên Tứ. Năm phủ này được sát nhập vào trấn Hà Tiên.

Đến đây kể như vùng Đồng Nai Cửu Long đã trọn vẹn thuộc về Việt Nam, và thuộc về Đàng Trong của Chúa Nguyễn. Từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XVIII người Việt Nam mất 150 năm để tiến vào và mở mang vùng đất hoang vu mới mẻ này. Ai là những người có công trong việc hình thành và xây dựng nên kho lúa và những tài nguyên to tát này cho người dân Việt?

Ai là nh-ng ng̣©i có công trong v̄ic hình thành và xây dựng nên kho lúa và nh-ng tài nguyên to tát này cho ng̣©i dân Việt?

Người dân Đồng Nai Cửu Long buổi ban đầu là những ai ? Họ từ đâu đến ?

Trước khi người Việt đến vùng Đồng Nai khai khẩn thì nơi

đây còn là cả một vùng 'toàn rừng rậm mấy nghìn dặm' theo Phủ Biên Tạp Lục của Lê Quý Đôn. Vùng rừng rậm hoang vu này là vùng cư trú của nhiều nhóm dân tộc thiểu số mà người Việt gọi chung là người 'Man' theo tiếng Hán Việt hay nôm na là người 'Mọi'. Đó là các dân tộc thiểu số người Mạ, người Xtiêng, người Mnông, Người Cồho, người Churu, v v . . . Trong các nhóm này quan trọng hơn hết là người Mạ ở vùng Mô Xoài Bà Rịa, người Xtiêng ở vùng Biên Hòa, Bình Dương và người Khờ Me ở Tây Ninh. Dân tộc Mạ hay Châu Mạ (Châu theo tiếng Mạ có nghĩa là người) nói tiếng nói thuộc nhóm Môn - Khờ Me. Địa bàn sinh sống của Châu Mạ ngày xưa là cả vùng Đồng Nai xuống đến Mỹ Tho (theo Bình Nguyên Lộc). 'Tuy phải triều cống Cao Miên, Mạ vẫn là một tiểu quốc tự do. Tiểu vương Chê Mạ cai trị khắp vùng Tây Nam trên lưu vực sông La Ngà và, về mạn Bắc, trên cao nguyên Di Linh và Lâm Đồng nay.' (B. Bourotte. Essai d'histoire des populations montagnardes du Sud - Indochinois jusqu'à 1945. BSEI, Saigon, 1955, tr. 31). Dân tộc Mạ mà người Việt thường gọi là Mọi Bà Rịa, thạo nghề dệt vải có hoa văn đẹp, ở nhà sàn dài, có tục cà răng và xâu lỗ tai lớn. Họ rất hiền hòa, thường bị người Xtiêng và người Miên bắt đem bán làm nô lệ ở các nơi. Tệ nạn này chấm dứt khi người Việt đến cai trị, nhưng lúc đầu vì còn cần nhiều nhân công nên nạn mãi nó (thật ra là người làm, đây tốt hơn là nô lệ) còn tồn tại một thời gian như đã ghi trong Phủ Biên Tạp Lục của Lê Quý Đôn:

'Từ các cửa biển như Cần Giờ, Soài Rạp . . . đi vào toàn là những đám rừng hoang vu đầy cỏ rậm, mỗi đám rừng có thể rộng hơn nghìn dặm. . . Nhà Nguyễn cho dân được tự nhiên chiếm đất. . . Lại cho họ thuê nhận những người Mọi từ trên đầu nguồn xuống để mua làm đầy tớ, đừa ở, sai khiến, hầu hạ. . . ' (Về chế độ mãi nô này xin xem thêm bài của Bình Nguyên Lộc trong Dòng Việt, số 17, tr. 210-221). Dân tộc Mạ hiện có khoảng 20,000 người cư ngụ ở vùng cực Nam Tây Nguyên, phía Nam tỉnh Lâm Đồng, và một số ở Đắc Lắc.

Người Xtiêng cư trú trong vùng các tỉnh Tây Ninh, Bình Dương, Biên Hòa. Tiếng nói của họ có nhiều nét gần gũi với tiếng Mnông, Cồho, Mạ, nằm trong nhóm Môn - Khờ Me. Họ để tóc dài, búi đằng sau gáy, đeo bông tai bằng cây hay bằng ngà, xăm mặt, xăm mình, đàn bà mặc váy, đàn ông đóng khố. Địa chí Thủ Dầu Một ấn hành năm 1910 gọi dân tộc Xtiêng là Mọi hoang, Mọi Cà Răng, Mọi Việt hay Mọi Đồng Nai. Dân tộc Xtiêng hiện nay có khoảng 40,000 người quần tụ vùng biên giới Tây Nam, ở các tỉnh Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai.

Người Khờ Me (người Miên) có mặt rất ít ở vùng Tây Ninh. Họ rút đi về phía Tây của Tây Ninh, về vùng biên giới Miên Việt khi người Việt vào khai phá vùng Đồng Nai. Ở Hậu Giang, vùng Trà Vinh - Sóc Trăng có nhiều người Miên hơn ở Miền Đông Nam Phần. Những sóc

người Miên này sống cách biệt với triều đình Kampuchea. Khi người Việt vào khai khẩn vùng Hậu Giang thì người Việt và người Miên cùng cộng cư, và sau này khi toàn cõi Nam Việt thuộc về Chúa Nguyễn thì những người Miên này trở thành người dân thiểu số trong cộng đồng người Việt.

Vùng Đồng Nai, vùng cư trú của hai sắc dân Xtiêng và Mạ là vùng đệm giữa hai nước Chiêm Thành và Chân Lạp. Vào đầu thế kỷ XVII, đất đai vùng này quá rộng mà người thì quá ít cho nên dân cư quá thưa thớt, và phần lớn đất đai là rừng rú hoang vu đầy muôn thú. Khi người Việt bắt đầu vào khai khẩn đất hoang vùng này thì người Mạ, người Xtiêng và một ít người Khờ Me (ở phí Tây Tây Ninh) từ từ rút lui dần về vùng đất cao ở phí Bắc và phía Tây, nhường đất thấp ở phía Nam cho người lưu dân mới đến khai phá. Người Việt thành thạo hơn trong việc khai khẩn đất đai, trồng lúa nước ở đất thấp (gọi là thảo điền), trong khi người sắc tộc thiểu số thì thành thạo trong việc săn bắn và làm rẫy trên các ruộng cao hay giống (sơn điền). Đất rộng mênh mông hoang vu, và lại là đất thấp không mấy thích hợp với thổ dân, là hai điều kiện vô cùng thuận lợi cho người lưu dân Việt vào vùng Đồng Nai khai hoang sinh sống mà không gặp một sự chống đối nào.

Số ít người Việt đầu tiên vào đây khai phá không biết là ai, không biết họ bắt đầu vào làm công việc đó từ lúc nào, không có một ghi chép nào để lại tên họ gốc gác của những người đó. Theo các sách sử sau này thì chắc chắn họ đã vào vùng Đồng Nai khai khẩn sinh sống rất sớm, ngay từ lúc Nguyễn Hoàng vừa vào trấn thủ Thuận Hóa. Trịnh Hoài Đức cho là từ đời các 'tiên hoàng đế' tức là từ thời các chúa Nguyễn Hoàng, Nguyễn Phước Nguyên. Theo Huỳnh Văn Lang thì còn có thể trước đó nữa: 'Không phải đợi đến năm 1620 hay 21 người Việt mới vào khai hoang lập ấp ở vùng Mối-xuy Bà Rịa. Họ đã tự động đi vòng bờ biển Chiêm Thành vào đó khai hoang lập ấp có thể trước đó ba bốn thập niên.' (HVL, Công Chúa Sứ Giả, tr.243) .

Những người đầu tiên vào đây là những người tự nguyện chứ không phải là những người được chính quyền đưa đến hay bị lưu đày. Lúc này chính quyền chưa chính thức áp dụng biện pháp di dân vào Nam được. Lưu dân lúc này có thể là những người nghèo khổ, những kẻ bị áp bức, những người chạy trốn chiến tranh loạn lạc, những người không sống được trong xã hội đương thời, phải mạo hiểm tìm đường sinh sống ở vùng đất mới. Họ có thể đến từ Miền Bắc hay Miền Trung. Nhưng phần đông chắc là người Miền Trung, người Đàng Trong nhiều hơn, nhất là những người vùng Thuận Quảng. Sau đợt tình nguyện đầu tiên, nhất là sau sự kiện Ngọc Vạn công chúa, chúa Nguyễn bắt đầu áp dụng chính sách đưa dân quân vào Nam mỗi ngày một triệt để hơn. Trong quyển 'Việt Nam, hành trình một dân tộc',

Philippe Papin nhận xét:

‘Cuộc tranh chấp giữa hai phủ chúa thù nghịch đóng kín ranh giới, cho nên cuộc ‘Nam tiến’ trở thành một hiện tượng của riêng lãnh địa nhà Nguyễn ; nước Việt Nam ‘mới’ còn đi xa hơn nữa, nhưng từ nay là người miền Trung sẽ tiến vào miền Nam bao la của nước Việt, bắt đầu được khai thác đúng vào lúc nước Việt đứt đoạn. . . Mong muốn kiểm soát một không gian ngày càng rộng lớn, các chúa Nguyễn bèn áp dụng một chính sách cư dân triệt để: Các viên chức được lệnh tập hợp tất cả những người vô gia cư, tất cả những ai không có tên trong sổ bộ làng xã, đưa vào các tỉnh miền Nam mới chiếm được của Kampuchea. . .’(Nguyễn Khánh Long dịch, đăng trong Dòng Việt, số 17, tr. 76-77). Giáo sư Nguyễn Đăng Thục ghi lại lời của Jules Sion trong ‘L’Asie des Moussons’ về cuộc bành trướng của dân Việt về phương Nam như sau:

‘Cuộc bành trướng của dân Việt là một sự đồng hóa thật sự. Tính chất đó giải thích vì sao người Việt bành trướng chậm nhưng rất chắc chắn. Cao Miên và Lào quốc đánh nhau chỉ đem quân cướp lấy tù binh đem về làm nô lệ, lại có một giai cấp quý tộc thống trị cho nên có cướp được đất cũng để mất ngay.

Mục đích của người Việt lại khác. Họ không cần bắt nô lệ, họ làm lấy. Đối với họ thắng trận không phải là để có người làm, mà là để có đất cày.

Nhiều khi chiến tranh chỉ là để xác nhận một tình thế đã rồi. Dân Việt bành trướng một cách ôn hòa, sinh cơ lập nghiệp rồi sau binh lính mới tới. Trước khi Việt Nam sáp nhập đất Nam kỳ về mình, người Việt đã lập ở đây những tổ chức, những đám di dân đã xây dựng làng xóm hay là tới ở chung với người Mên, rồi lần lần nắm quyền chính.

Cuộc bành trướng thực hành bằng cách đưa đến những đám người liên tiếp, đủ các hạng: dân cày không có ruộng, tù tội, kẻ chống đối chế độ hay là quân cướp muốn chuộc tội. Cũng có khi chính phủ thu thập những người đó rồi đưa xuống những miền mới chiếm lãnh, hay là lập đồn điền nơi biên thùy để phòng bị lân bang tới đánh. Những người ấy có quan lại cai trị và họ lập thành làng mạc.’ (Dòng Việt, số 17, tr.68-69).

[Michel Blanchard trong bài ‘Les données historiques: De la limite territoriale au tracé frontalier’ viết:

‘Le delta du Mekong fut colonisé progressivement par les Vietnamiens, qui avancèrent peu à peu dans ces espaces peu peuplés, appliquant déjà la fameuse théorie de la ‘peau de léopard’. Les colons vietnamiens, encouragés par le pouvoir central et notamment la dy-

nastie des seigneurs Nguyễn établie à Hué à partir de la deuxième dé-cennie du 17^e siècle, occupaient les espaces vides entre les comptoirs khmers, souvent tenus par les Chinois d'origine. Une partie des ter-ritoires fut également obtenue par la guerre, comme dédommagement après chaque victoire sur le Siam, le grand ennemy et concurrent.

La colonisation encouragée par Hué portait notamment sur le dé-placement des 'individus ne jouant aucun rôle social', le petit peuple sans emploi. Le but avoué est de mettre en valeur le sol, résister à l'ennemi, et assimiler ou refouler les autochtones.' (Dòng Việt, số 17, tr. 109-110).]

Ngoài những người dân Việt từ vùng Thuận Quảng đến còn có người Trung Hoa vùng Quảng Đông - Quảng Tây, trốn chạy nhà Thanh, sang đây định cư lập nghiệp. Thành phần cư dân này rất quan trọng vì họ giúp phát triển mạnh về thương mại và công nghiệp, nhất là thương mại.

Trong số quân binh nhà Nguyễn đi chinh chiến ở Miền Nam hay trên Cao Miên cũng có nhiều người tình nguyện hay được chính quyền cho ở lại định cư, làm ăn với dân chúng. Dẫn lời bà Langlet, Michel Blanchard ghi:

'Pour la colonisation des terres du Sud, la cour de Hue utilisa notamment, selon Mme Langlet, les implantations des 'colonies mili-taires', qui passaient progressivement au stade civil, composés des soldats-paysans et des condamnés. Des facilités étaient accordés aux colons volontaires, notamment des exemptions d'impôts. La sécurité était établie par des postes militaires.' (Dòng Việt, số 17, tr.114)]

Nói chung thì phần đông người lưu dân là người Miền Trung thuộc đủ các thành phần xã hội cùng một số đáng kể người Trung Hoa. Họ là những người có công lớn lao trong việc bành trướng lãnh thổ, mở mang bờ cõi Việt Nam về phương Nam, biến vùng rừng rú hoang vu đầy muông thú thành vùng đất đai phì nhiêu màu mỡ nuôi sống và làm giàu cho cả nước.

Đời sống của người dân Đồng Nai Cửu Long

a) Đời sống vật chất, xã hội, kinh tế

Phần đông người dân ở vùng Đồng Nai Cửu Long sống ở nông thôn, sống với ruộng nương hay vườn tược. Họ sống giữa những biển lúa mênh mông, với đủ thứ loại từ 'lúa ma' hay 'lúa trời', đến 'lúa sạ' và 'lúa nước'. Lúa ma hay lúa trời là loại lúa mọc tự nhiên không do người ta trồng, thường chỉ có ở vùng Đồng Tháp Mười. Lúa sạ là loại lúa lên cao theo mực nước, và không phải cấy, loại này chỉ có ở vùng nước nổi ở Châu Đốc, Long Xuyên. Lúa nước là lúa cần có cày cấy ở

phần lớn các tỉnh miền Đông và miền Tây Nam Phần. Cũng có loại ruộng không phải cày gọi là ruộng chằm. Trong quyển 'Trần Tây Ký Lục', Doãn Uẩn mô tả việc làm ruộng chằm ở miền Nam như sau: 'Việc làm ruộng lúa đơn giản, phát cho lau sậy ngã rạp, cào cỏ hai ba lần rồi cấy, không cần phí sức nhiều. Như đã cấy rồi thì không cần phải trông nom tới, cũng khỏi lo thiếu nước' (Sơn Nam trích dẫn trong Đồng Bằng Sông Cửu Long, tr.46). Nguyên cả chu kỳ làm ruộng là bắt đầu phát cỏ, cày, bừa, trực, gieo mạ, nhổ mạ, cấy lúa, làm cỏ, gặt lúa, đập lúa, giã lúa, phơi lúa và đem vào bồ, hay lằm (kho) để chứa. Chu kỳ để biến lúa thành gạo để nấu cơm ăn thì bao gồm các công việc: xay lúa, quạt lúa, giã gạo, sắn gạo. Tất cả các hoạt động trên đây đều do những người nhà quê từ hạng trung nông trở xuống hạng làm công, làm mướn, đảm trách cùng với vợ con họ. Các công việc này đều phải dùng đến những dụng cụ đặc biệt tạo nên bởi một kỹ thuật còn thô sơ nhưng thực dụng, có cái đã có ở miền Bắc và miền Trung nhưng cũng có cái chỉ mới có ở miền Nam (vay mượn của người Chăm và Khơ Me). Phát cỏ thì dùng phỉng, cày thì dùng lưỡi cày, bừa và trực thì dùng máy bừa, máy trực. Đập lúa hay đập lúa thì có hai cách: đập là do người ta đập từng bó lúa vào một cái cộ có dưng bồ chung quanh kéo đi theo người đập, còn đập lúa là cho trâu giẫm lên lúa để trước sân nhà hay ở ngoài ruộng. Xay lúa thì có cối xay. Xay xong rồi phải quạt để tách rời trấu ra khỏi gạo. Có thể dùng chiếu để quạt trấu hoặc tốt hơn thì dùng máy quạt gió (xa gió). Giã gạo thì dùng cối chày tay hay cối chày đập. Sắn gạo thì dùng cái dưng sắn gạo để tách rời cám ra khỏi gạo. Những công việc trên đây bắt đầu mất dần khi có các nhà máy xay lúa dựng lên ở các nơi. Ở trong Nam người ta chỉ làm ruộng có một mùa, nhưng có thể có lúa sớm hoặc lúa muộn. Hết mùa lúa thì phải tìm công việc làm khác làm ăn sinh sống. Các chủ điền thường chứa lúa trong bồ hay trong lằm, chờ gần đến mùa mới bán ra cho có giá. Mua lúa thường là các chủ chành người Hoa. Lúa đong bằng giạ (40 lít), cho vào bao bố tời, hai hay ba giạ một bao. Ở những vùng đồng ruộng (gọi là miệt đồng) thường có những bờ đê trên đó người ta hay trồng cây tràm bầu. Gần nhà có người trồng cây sưa dừa, hay cây gòn, ngoài những cây dừa, cau hay chuối.

Những người làm vườn thì có thể trồng các loại cây ăn trái hay dừa khô. Vườn thường phải ở gần sông rạch để có đất phù sa. Cây ăn trái thì chỉ có huê lợi theo mùa, như vú sữa, dưa hấu, cam quýt thì chỉ có vào mùa xuân, còn bòn bon, lôm chôm, măng cụt, sầu riêng, xoài, mít thì có trái vào mùa hè. Chỉ riêng vườn dừa khô thì có trái quanh năm, nhưng có 6 tháng dừa mùa (nhiều trái), và 6 tháng dừa treo (ít trái), tháng nào cũng có thu huê lợi vào được. Muốn làm vườn dừa thì phải mướn người lên líp, biến ruộng thành vườn. Người ta phải đào mương lấy đất đắp lên líp. Cứ mỗi cái mương thì có một bờ vườn ở

liền cạnh nhau. Khi mới lên líp, đất còn phèn, người ta phải bắt đầu trồng mì và chuối trước, trong khi đó người ta ươm dứa. Chờ cho đất rõ hết phèn và dứa bắt đầu lên cây thì người ta mới trồng dứa và cau. Dứa thì thường phải 5 năm mới có trái. Khi mới có trái thì cây dứa còn thấp nhưng vài chục năm sau thì cây dứa lên rất cao. Lâu hơn nữa thì dứa lên thật cao và trở thành dứa lão. Muốn leo lên dứa hay cau người nhà quê thường dùng cái 'nài'. Ở những nơi có vườn dứa thật lớn và thật nhiều thì người ta phải 'giặt dứa'. Thường trong một vườn dứa có hai ba loại dứa cao thấp khác nhau cho nên người giặt dứa phải có nhiều cán hay sào giặt dứa với độ cao khác nhau, gọi là sào thấp - sào cao. Sào giặt dứa là một cây tre dài có gắn lưới liềm ở đẳng đầu. Người giặt dứa dùng lưới liềm đó để cắt đứt cả quày dứa. Mỗi tháng giặt dứa một lần. Khi giặt dứa thì phải có người lượm dứa, và gánh dứa. Nếu không gánh thì phải lùa dứa theo các mương vườn hay các con rạch nhỏ để đem dứa về sân nhà. Dứa đây phần lớn hay hầu hết là 'dừa ta' (trái to, không ngọt nước), không phải để ăn mà để bán làm dầu. Người ta chỉ trồng một ít 'dừa xiêm' (trái nhỏ, nước ngọt) hay 'dừa lửa' hoặc 'dừa tân quang' ở chung quanh nhà để ăn thôi. Dừa giặt xuống là dứa khô, bán ra cho những người lái dứa, thường là khách trú. Dừa mua xong là người ta mướn người lột dứa. Người lột dứa thường dùng cây nầm lưỡi sắt, cạy sâu xuống đất, rồi lột từng trái dứa một trên cây nầm đó. Lột xong liệng vỏ dứa qua một bên và gáo dứa qua một bên. Lái mua dứa chỉ chở gáo dứa mà thôi. Có khi nhà vườn tự mình cạy lấy ruột, phơi hơi khô rồi chở đi bán. Muốn bán cái dứa như vậy thì sau khi lột dứa xong, người ta phải đập (hay bổ làm đôi) gáo dứa. Nước dứa có thể thắng làm nước màu, không thì bỏ. Gáo dứa đập ra rồi đem phơi nắng. Khi nào cái dứa hơi khô thì người ta cạy ra, lấy cái dứa phơi tiếp cho khô hơn chút nữa rồi đem bán. Miếng gáo, tức vỏ cứng hay còn gọi là muống vùa, thì dùng để nhóm lửa lấy than đỏ.

Cá tôm càng về xưa càng nhiều. Trên ruộng, trong sông rạch, trong các mương vườn, các đìa, các ao, ngoài biển, ở đâu cũng có cá, tép, tôm, cua, ốc, rùa, cua đinh, lươn, rắn. 'Nhiều đìa cá ở xa đường giao thông, cá nổi đầu lên như mù u chín rụng, nhưng chẳng ai khai thác, gặp năm cá sục giá.' (Sơn Nam, Đồng Bằng Sông Cửu Long, tr. 47). Cá linh vào khoảng tháng 10 ta, hồi thập niên 1930 mỗi gạ chỉ có không đầy ba cắc bạc. Nói về cá linh, Nguyễn Hiến Lê ghi lại lời người dân Đồng Tháp Mười như sau: 'Tại phía trong Hồng Ngự, nó lội đầy rạch, chỉ việc lấy thùng thiếc mà xúc. Hồi lúa rẻ, mỗi thùng chỉ bán có một cắc. Ăn không hết, làm nước mắm và mắm cũng không hết, có khi, người ta phải đổ đi, hoặc dùng làm phân bón thuốc (thuốc lá).' (Nguyễn Hiến Lê, Bảy Ngày Trong Đồng Tháp Mười, tr.78). Người nhà quê Nam Việt không thiếu đồ ăn. Họ có nhiều cách bắt tôm cá. Câu, chĩa, nôm, xúc, đặng, đó, đặt nò, đặt gió, chài, lưới,

vở chà, tát mươn, tát đĩa, bắt cẳng, bắt hôi, v v . . . Chặn mương, đắp đĩa, bỏ chà ở bờ sông lớn, bỏ ốc ở bãi bùn bên cồn là những hình thức nuôi cá, tôm, ốc mà không phải cho ăn. Mắm, nước mắm, khô được sản xuất rất nhiều. Ai cũng biết mắm lóc, mắm sặc, mắm trên, mắm cá linh, mắm thái, mắm còng, mắm tôm. . . , cũng như khô lóc, khô sặc, khô tra, khô cá gộc, khô cá thiều. . . Nhà nào cũng có nuôi gà vịt, một số ít có nuôi heo. Gà vịt nuôi để ăn nhiều hơn là để bán. Ở làng quê thỉnh thoảng có chú 'chệch' đi qua thổi còi quảng cáo 'thiến heo'. Nhà nào nuôi heo nái để sanh heo con thì phải đi rước 'heo nọc' ở một nơi chuyên cho mươn heo nọc. Heo lớn lên thì bán cho một người làm thịt heo trong làng. Anh này thường làm heo, ra thịt, gán đi bán trong xóm, trong thôn ấp. Hoặc bán cho các lái heo người Hoa.

Ngoại trừ các đại điền chủ hay điền chủ, còn hầu hết đều phải làm lưng vất vả mới có miếng ăn. Có thể gọi là cực khổ nhưng dù sao thì sự cực khổ ở đây cũng không tệ hại như cuộc sống của những người nghèo khổ ở Miền Trung hay Miền Bắc. Nhất là ở đây không chết đói bao giờ. 'Nghèo tới mấy, suốt năm, họ cũng được ăn cơm với cá hoặc mắm, chứ không phải ăn khoai, ăn ngô (bắp) như ngoài Bắc'. (Nguyễn Hiến Lê, Bảy Ngày Trong Đồng Tháp Mười, tr.33). 'Chủ điền trong này là những ông vua nhỏ! Chánh Tham Biện vào nhà họ, thấy những thứ rượu của họ, mà thèm! Họ mua từng thùng để đãi khách quý. Cha kiếm dễ, thì con phải phá: trước hồi kinh tế khủng hoảng, các công tử Bạc Liêu (miền này hồi đó, mới phát, lúa chất cao như núi, tiền nhiều như ốc). Muốn khoe giàu với gái điếm, lấy giấy xăng (trăm) quán thuốc hút chơi! Quả thật là họ đã liệng tiền qua cửa sổ.' (Nguyễn Hiến Lê, sđd., tr. 91). Đó là trường hợp hiếm có của những đại điền chủ còn phần đông người dân quê thì như Sơn Nam diễn tả sau đây: 'Đời sống thường nhật thuở ấy chắc hơi giống những nét mà ông Việt Cúc mô tả lại. . .Hàng ngày sáng ra lót lòng cơm với muối mè, hoặc cháo, trưa và chiều hai bữa cơm đạm bạc cá mắm canh rau, quần bó áo vải, no bụng ấm thân thì thôi. Người được mạnh khỏe, ít hay ốm đau. Xóm thưa, dân số ít, hai ba năm mới nghe cái đám ma. . . Nhà cửa phần nhiều là nhà nghèo, cất bằng cây đốn nơi rừng, lợp tranh lá. Thật là bực đại phú mới làm nhà bằng cây điều mộc, nền xây đá ong, vách vắn, lợp ngói âm dương. Hai ba xóm mới thấy bóng một nhà ngói đồ lỏi, thiên hạ ghé mắt trằm trồ khen. . . '(Đồng Bằng Sông Cửu Long hay Văn Minh Miệt Vườn, tr. 57-58).

Miền Tây Nam Phần là vùng văn minh sông rạch. Đường sông, đường biển là mạch máu của người dân. Phương tiện di chuyển, giao thông quan trọng nhất là ghe, xuồng. Xuồng ba lá, ghe tam bản, ghe lườn, một số các nhà trong làng đều có sắm. Làng xóm mọc lên từng cụm dọc theo bờ sông, con kinh, con rạch. Làng này qua làng kia nối

tiếp nhau, không có một hàng rào ngăn cách nào. Ranh giới giữa hai làng chỉ có người địa phương quen thuộc mới phân biệt được. Đường đi trong làng thường phải qua rất nhiều những cây cầu, nhất là ở Miệt Vườn. Cầu dừa, cầu cau, cầu tre bắt qua các mương vườn, cầu dúc, cầu ván, cầu khỉ bắt qua các con rạch lớn hơn. Mỗi làng thường có cái chợ nằm bên bờ sông, mỗi ngày đều có nhóm để người trong làng tới bán buôn mua sắm. Chợ thường nằm bên con rạch và mang tên con rạch đó, như chợ Rạch Gầm, chợ Rạch Đình, hoặc lấy tên làng như chợ Vinh Kim, chợ ông Văn. Ở mỗi quận có chợ quận như chợ Cái Bè, chợ Gạo, chợ Bình Đại, chợ Sóc Sỏi, v v . . . Ở những nơi ghe thương hồ thường dừng lại nghỉ đêm, ở những chỗ gọi là vàm (như Vàm Kỳ Hôn, Vàm Cống), thường có những chiếc xuồng bán đồ ăn (chè, cháo, bánh ú, bánh ít, bánh tét, bánh dừa, khoai lang, xôi, bắp, v v . . .) của các cô gái bán vàm.

Nghề thủ công ở Miền Nam gồm một số những nghề truyền thống đem từ Miền Bắc và Miền Trung vào và một số những nghề mới. Nói chung nghề thủ công ở đây mang sắc thái văn hóa đặc trưng, hình thành và phát triển theo điều kiện địa lý và môi trường sinh sống, và từ thế kỷ 19 trở đi đã bước vào con đường kinh tế sản xuất với những xóm nghề hay làng nghề hay có khi cả khu vực như nghề trầu rang và cau khô, nghề làm trống, nghề đóng xe bò, nghề đóng ghe thuyền, nghề làm tàu hủ ky, nghề nắn nổi đất, nghề làm cần xé, v v . . . Trong 'Niên Giám Đông Dương' phát hành năm 1910, có ghi tình trạng nghề thủ công ở Nam Việt như sau: ' Người bản xứ chế tác một số ít kim hoàn, các vật dụng đan bằng tre (thúng, mủng. . .), chiếu và các loại túi bàng. Người Hoa hình như độc chiếm các nghề sành sứ và gạch ngói. . . Họ quản lý hầu hết các lò nung vôi, các xưởng nấu rượu và xưởng cưa.'

Thương mại phát triển mạnh, phần lớn là do người Hoa nắm. Thương cảng Sài Gòn đã trù phú, phồn thịnh từ thời Gia Long, và càng ngày càng phát triển mạnh thêm. Năm 1822 một phái đoàn Anh do ông Crawford dẫn đầu có đến yết kiến Tả Quân Lê Văn Duyệt, Tổng Trấn Gia Định . Trong dịp này Crawford thú nhận: 'Đây là lần đầu tiên tôi tới Saigon (Sài Gòn) và Pingeh (Bến Nghé). Và tôi bất ngờ thấy rằng nó không thua gì kinh đô nước Xiêm. Về nhiều mặt trông nó còn sầm uất hơn, không khí mát mẻ hơn, hàng hóa phong phú hơn, giá cả hợp lý hơn và an ninh ở đây rất tốt, hơn nhiều kinh thành mà chúng tôi đã đi qua. Tôi có cảm giác như đây là một vương quốc lý tưởng.' Sau đó ông còn ghi lại trong quyển nhật ký của ông về những sinh hoạt của thành phố Sài Gòn lúc đó và tiếng tăm của Ngài Tổng trấn như sau:

'Thành phố Saigon không xa biển, có lẽ cách độ 50 dặm; thành phố Pingeh (Bến Nghé) gần đó cách thành phố Saigon độ 3 dặm.

Dinh Tổng trấn khá đồ sộ và uy nghiêm. Các thành trì nằm ở bờ sông An Thông hà. Nơi đây buôn bán sầm uất. Dân xiêu tán tới đây được Tổng trấn cho nhập hộ tịch, qua một hai đời đã trở thành người Gia Định. Đông nhất nơi đây là dân Trung Hoa. Các dân tộc nơi đây được nhà nước bảo hộ và họ đều có nghĩa vụ như nhau. Tất cả đều được sống trong bầu không khí an lành. Trộm cướp không có. Người ăn mày rất hiếm. Tổng trấn rất nhân từ, tha cả bọn giặc, bọn phỉ, bọn trộm cướp ăn năn. Nhưng ông lại rất tàn bạo với bọn cố tình không chịu quy phục triều đình. Chưa ở đâu kỷ cương phép nước được tôn trọng như ở đây. Một vị quan nhỏ ra đường gheo gái cũng bị cách chức lưu đày. Một đứa con vô lễ chửi mẹ Tổng trấn biết được cũng bị phạt rất nặng.

Ở đây chúng tôi mua được rất nhiều lúa gạo, gà voi, sừng tê giác, các hàng tơ lụa, đồi thật đẹp. Từ các nơi, dân đi thuyền theo các kênh rạch lên bán cho chúng tôi. Nhìn dân chúng hân hoan vui vẻ, chúng tôi biết dân no đủ. Nhiều người rất kính trọng vị Tổng trấn của họ.

Con người này ít học. Nhưng lạ lùng thay là có được cái nhìn cởi mở hơn nhiều những đại thần và cả nhà vua học rộng, lâu kinh sử của Khổng giáo. Ngài sống thanh liêm, muốn mở mang đất Gia Định này trù phú hơn mọi quốc gia khác ở trong vùng biển Đông.'

Dưới thời Pháp thuộc, Sài Gòn và nhiều thành phố khác như Cà Mau, Cần Thơ, Mỹ Tho v v . . ở Nam Kỳ được phát triển thêm với nếp sống văn minh mới. Lớp người theo tân học ở thị thành càng ngày càng đông. Tỷ lệ người dân thành thị tăng thêm nhiều. Những hạng người mới trong xã hội thành hình, nhất là những công tư chức. Những lớp người này có đời sống tân tiến, gần với văn minh Tây phương hơn người nhà quê. Tuy có những đổi mới ở thành thị nhưng những đổi mới này không làm thay đổi nếp sống của người dân quê nơi ruộng vườn.

b) Đời sống tâm linh: Tư tưởng, Tín Ngưỡng, Tôn giáo.

Bao phủ bởi rừng rậm hoang vu với nhiều thú dữ, với sơn lam chướng khí, đe dọa bởi những hiểm nguy không lường trước được, người lưu dân trong cuộc mạo hiểm vào phương Nam lúc nào cũng sống trong sự kính nể, lo sợ, nhưng cũng mong mỗi được che chở bởi một thế lực siêu linh huyền bí. Họ phải tin, phải thờ cúng, nguyện cầu nhiều bậc thần linh mà họ nghĩ ra được hay tìm ra được trong tâm tư họ. Gần gũi với họ nhất là ông bà tổ tiên, những vong linh của những người thân trong gia đình. Thờ ông bà, tổ tiên là truyền thống tín ngưỡng/tôn giáo quan trọng của họ. Đi đến đâu họ cũng mang theo truyền thống tốt đẹp đó. Phần đông đều tin rằng vong hồn của người đã khuất vẫn còn sống ở một thế giới siêu linh nào đó, và ông

bà tổ tiên vẫn linh hiển theo dõi cuộc sống của con cháu, giúp đỡ hộ trì cho con cháu. Người ta cúng ông bà để tỏ lòng tôn kính, biết ơn, và cũng để nguyện cầu cho gia đình, con cháu được bình yên, làm ăn phát đạt.

Kế đó là các thần linh vốn là những người có thể là anh hùng có công khai phá, bảo vệ, phát triển nơi vùng đất người dân sinh sống. Các vị thần linh đó được thờ phượng trong các đình, miếu ở trong làng xã, hay trong các lăng miếu chốn đô hội thị thành. Anh hùng hay phúc thần cho cả vùng thì có Lăng Ông thờ Đức Tả Quân Lê Văn Duyệt ở Bà Chiểu, Gia Định. Gần như ở mỗi tỉnh đều có một vị anh hùng được dân chúng thờ phụng trong tỉnh của họ: Biên Hòa có Nguyễn Hữu Cảnh, Long An có Nguyễn Huỳnh Đức, Rạch Giá có Nguyễn Trung Trực, An Giang có Thoại Ngọc Hầu, Mỹ Tho có Nguyễn Hữu Huân, Gò Công có Trương Công Định, v v . . . Mỗi làng, mỗi xã thường có đình làng để thờ thành hoàng. Nhiều nơi ở mỗi ấp cũng có một cái miếu thờ thần địa phương. Nghi thức cúng đình rất được người dân và làng xã hay hương chức hội tề chú trọng rất nhiều. Làng nào cũng có ban tế tự bên cạnh ban hội tề. Tế tự thì có từ các vị bồi, bái đến ông kế hiền, trong khi ban hội tề thì gồm hương cả, hương chủ, hương thân, hương giáo, hương sư, hương trưởng, đến hương thôn, hương quản và chánh lục bộ. Khi cúng đình thì hương chức hội tề mỗi người phải cúng ít nhất là một mâm xôi. Cúng xong thường không dùng hết nên làng kiếng lại cho các viên chức hội tề. Ông cả được kiếng mâm xôi với phần thủ vĩ, ông chủ cũng với từng ấy xôi nhưng được cái nọng heo, v v . . . Cúng đình thì phải có hát bội. Làng mượn một gánh hát bội hát trong ba đêm. Các hương chức như cả, chủ thay nhau cầm chầu. Dân làng đi coi thí, không phải tốn tiền gì cả.

Người lưu dân Việt khi vào Nam đã tiếp nhận và Việt hóa một số thần linh của các dân tộc khác như sự thờ cúng Bà Chúa Xứ, Bà Mã Châu, Bà Đen, v v . . . Đồng bào Nam Việt hằng năm đi hành hương, cúng bái ở các miếu Bà Đen, Bà Chúa Xứ, Bà Mã Châu đông không biết bao nhiêu mà nói. Người thì cầu tài, mong mua may bán đắt, người thì mượn lộc, vay tiền của bà để làm ăn, người thì cầu phúc, cầu cho gia đạo tai qua nạn khỏi, hết cơn đau bệnh, sống bình yên hạnh phúc, cũng có nhiều người cầu xin cho tình duyên tốt đẹp, sung sướng, hạnh phúc. Sự tín ngưỡng của người dân miền Nam đối với các vị thần linh này, nhất là Bà Chúa Xứ, thật vô cùng mạnh mẽ. Người ta thấy gần như ở làng xã nào cũng có miếu Bà Chúa Xứ, và trong nhiều khuôn viên đình, chùa cũng đều có miếu thờ vị nữ thần này bên cạnh miếu Ngũ Hành, miếu Thổ Địa.

Về tôn giáo, người dân miền Nam vẫn tin ở Phật Nho Lão, nhưng tam giáo vào đây cũng biến thể khi được nhập vào tín ngưỡng tôn

giáo đặc biệt của địa phương như Cao Đài, Bửu Sơn Kỳ Hương và Phật Giáo Hòa Hảo.

c) Ngôn ngữ.

Tiếng Việt vùng Đồng Nai Cửu Long có những đặc nét đặc biệt của nó. Tuy cả ba miền đều sử dụng một thứ ngôn ngữ chung như nhau nhưng trên phần lớn ngữ vựng thông dụng cho cả ba miền còn có những tiếng địa phương đặc biệt chỉ xài cho một vùng hay một địa phương nào đó thôi. Có những danh từ để gọi những đồ dùng như cái 'phăng', cái 'nóp', hay những động từ chỉ định những hoạt động như 'bắt hôi', 'mót' mà chỉ ở vùng Đồng Nai Cửu Long mới có. Có khi cùng một từ ngữ nhưng ý nghĩa lại khác nhau tùy theo miền. Cái hòm đối với người miền Nam là cái hàng để tẩm liệm người chết trong khi người Bắc dùng chữ đó với ý nghĩa của cái rương đựng đồ dùng của người miền Nam. Củ sắn của người Bắc là củ khoai mì của người Nam. Những tiếng xưng hô trong gia đình họ hàng cũng có chỗ khác biệt. Tiếng cô, chú, bác giữa người Nam và người Bắc rất khác nhau cũng như những tiếng di dượng thì chỉ có người miền Nam và một số người miền Trung dùng đến. Khác biệt rõ ràng nhất là cách phát âm tiếng Việt của mỗi vùng, mỗi địa phương. Người miền Bắc phát âm đủ cả năm dấu, nhất là phân biệt được rõ ràng dấu hỏi và dấu ngã, phân biệt được phụ âm t và c ở cuối chữ (như phát và phác, phút và phúc...), nhưng lại không phân biệt được hai phụ âm tr và ch (trân châu và chân trâu chẳng hạn). Phần đông người miền Nam đều phân biệt các phụ âm tr và ch nhưng không phân biệt hỏi ngã và các phụ âm t và c ở cuối chữ. Đối với người bình dân miền Nam thì người Huế phát âm các dấu sắc hỏi ngã đều như dấu nặng, và người Quảng Nam/Quảng Ngãi thì phát âm những nguyên âm a như ơ và ơ như ô. Chỉ nói riêng về mặt phát âm, một số vẫn trong tiếng Việt Miền Nam đã có nhiều biến đổi so với âm chính của tiếng Đàng Trong, và Đàng Ngoài. Thí dụ: thì biến thành thời, chu thành ra châu, quý thành ra quới, vũ thành ra võ, v v . . .(Xem bài 'Một Số Từ Biến Âm Trong Tiếng Việt Miền Nam' của Nguyễn Việt Sơn trong Đồng Nai Cửu Long 2). Năm 1954 khi có cuộc di cư ở ạt của người Bắc vào Nam, thì đa số người Nam ở miền quê không hiểu được tiếng nói của người Bắc, và các bà mẹ quê miền Nam thường gọi những người Bắc di cư là 'người ngoại quốc' hay cho họ 'không phải là người Việt'. Người ở thành thị thì hiểu tiếng Bắc nhiều hơn, nhất là ở các học đường, khi các học sinh, sinh viên phải thường xuyên tiếp xúc với bạn bè và thầy cô người Bắc.

d) Nghệ thuật ca hát

Trương Vĩnh Ký ghi lại câu tục ngữ vào cuối thế kỷ 19 là 'Nam lý, Bắc thơ, Huế hò' và ông giải thích rằng người trong Nam hát lý hay hơn, còn ca, phú thơ vịnh thì phải nhường cho người ngoài Bắc, còn

về hò thì người Huế ở nơi kinh kỳ hay hơn cả. Theo nhận định trên đây của câu tục ngữ thì lý có thể xem như một thể loại dân ca tiêu biểu của miền Nam. Lý là gì? Huỳnh Tịnh Của định nghĩa: ‘Lý hát: Là kể và hát, có mau có chậm’, và ‘Hát lý: Hát bất nhịp, giọng cao, giọng thấp, lặp đi, lặp lại.’ Nhiều bài lý nổi tiếng như Lý Con Sáo, Lý Ngựa Ô đã được phổ nhạc lại gần đây và rất được nhiều người ưa thích. Thật ra không phải người miền Nam không thích hò. Ngược lại điệu hò miền Nam rất được người dân ở đây ưa thích và sử dụng thường xuyên trong sinh hoạt hằng ngày khi làm lụng ở ngoài đồng ruộng hay chèo ghe thuyền trên sông rạch.

Một hình thức diễn xướng ưa chuộng khác ở miền Nam là ‘nói’. Nói vè, nói thơ, nói truyện, nói tuồng. Đây là những hình thức diễn xướng khá quan trọng trong sinh hoạt nghệ thuật của người dân miền Nam. Vè của trẻ con như ‘Bắt Kim Thang’, ‘Tùm Nùm, Tùm Niệu’, ‘Chặt Cây Dưa’, ‘Tập Tầm Vòng’, rất phổ biến trong đám trẻ nhà quê. Vè thô sản như Vè Trái Cây, Vè Cá, Vè Chim Chóc, Vè Rắn U minh, vè lao động sản xuất như Vè Làm Ruộng, Vè Bán Quán, Vè Chấn Vịt, v v . . ., có hàng ngàn bài vè nói lên mọi khía cạnh sinh hoạt của người dân Nam (Xem Vè Nam Bộ của Huỳnh Ngọc Trảng). Nói thơ Lục Vân Tiên là một phong trào độc đáo ở miền Nam. Phần đông người miền Nam xưa kia đều thuộc nằm lòng thơ Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu. Nói thơ Vân Tiên là cả một nghệ thuật, với âm điệu bổng trầm, tiết tấu khoan nhặt làm cho người nghe bị quyến rũ lôi cuốn theo. Nói tuồng là một hình thức giản đơn mở đầu cho hát bội và cải lương sau này.

Trong ‘Trần Tây Kỳ Lược’, Doãn Uẩn viết : ‘ Từ chúa Hiếu Triết (1641-1678) đến chúa Võ Vương (1739-1765), trong non một trăm năm ấy, mở mang bờ cõi. . . ruộng đất màu mỡ, lúa thóc đầy dẫy, cho đến cây gỗ, cá tôm đều vô khối. Cho nên dân dễ làm ăn. Làng xóm an vui vô sự. Duy tính nhân dân thích ca vũ lắm, không ngày nào không’. Ca vũ nói ở đây là hát bội. Đại Nam Nhất Thống Chí ghi: ‘. . .Người gần thành thị chơi bởi biếng nhác, như con gái ở Mỹ Tho thì hay sửa soạn trang sức đi coi hát xướng. . .tật xấu chưa chữa’ (Tu Trai Nguyễn Tạo dịch, Phủ QVKD TVH xb, S, 1959, tập thượng, tr.103). Hát bội xưa kia rất phổ biến trong dân gian, người dân miền Nam rất mê hát bội:

‘Má ơi đừng đánh con đau,

Để con hát bội làm đào má coi.’

Trong giáo trình ‘Hát, lý, hò Annam’ Trương Vĩnh Ký viết: ‘Hát bội cũng đáng vô việc lễ nhạc, cho nên nơi đình miếu, chùa chiền đều có làm nhà võ ca để khi khấn vái một chầu thì kêu bầu gánh đem ban hát tới đó mà hát’. Hát bội cúng thần là một trong những nghi thức đã thành lệ với những lễ ‘xây chầu’, ‘tôn vương’ thường thấy ở trong các

buổi cúng đình. Hát bội suy tàn dần khi người Pháp củng cố nền đô hộ ở Nam Kỳ để dần dần nhường chỗ cho sân khấu cải lương.

Cải lương trước hết là danh từ chỉ chung cho phong trào cải cách xã hội được nhiều thức giả cổ xúy ở Nam Kỳ vào đầu thế kỷ XX. Trên báo chí Nam Kỳ trong thời gian này có nhiều bài viết bàn về việc cải lương trên nhiều lãnh vực. Nguyễn Chánh Sắt hô hào cải lương nông nghiệp; Hồ Biểu Chánh kêu gọi cải lương văn học và giáo dục; Nguyễn Tử Thức bàn về cải lương nếp sống của người phụ nữ. . . Một số người theo tân học thấy hát bội có nhiều điểm không còn thích hợp với xã hội mới. Họ kêu gọi cải cách sân khấu hát bội bằng cách đưa lên sân khấu những tuồng tích mới, với nghệ thuật trình diễn mới và đặc biệt là dùng cái 'mùi' của bài ca vọng cổ trong nhiều đoạn của một vở tuồng. Đó là sân khấu mới, được mệnh danh là 'cải lương' thành hình vào đầu thập niên 1920. Gánh hát đầu tiên có danh xưng 'Đoàn Hát Cải Lương' là gánh hát Tân Thịnh ra đời vào giữa năm 1920 tại Sài Gòn. Mục đích, tôn chỉ của gánh được ghi trong hai câu đối sau đây để trước cửa rạp :

'Cải cách hát ca theo tiến bộ,

Lương truyền tuồng tích sách văn minh.'

Bài ca vọng cổ, bài ca được ưa thích nhất trong tuồng hát cải lương, cũng được soạn vào khoảng thời gian này (1920) với cái tên hồi ban đầu là 'dạ cổ hoài lang' mà tác giả là Cao Văn Lầu (Sáu Lầu) ở Bạc Liêu. Bài hát được nhiều người mê thích và sau này được gọi là bài vọng cổ hoài lang hay bài vọng cổ. Hát cải lương và ca vọng cổ phát triển nhanh chóng, thay thế dần cho hát bội, trước hết là ở thành thị. Ở thôn quê những gánh hát bội vẫn còn tồn tại và còn lưu diễn ở các đình miếu và các chợ làng, nhưng cũng suy tàn nhanh chóng trước phong trào đờn ca tài tử lớn mạnh lên ở thôn quê với bài ca vọng cổ. Nhiều soạn giả cải lương nổi tiếng xuất hiện như Tư Trang, Năm Châu cho đến Hà Triều Hoa Phượng. . . sau này. Người ta mê tiếng hát và sự diễn xuất của nhiều nghệ sĩ cải lương nổi tiếng như Năm Phỉ, Phùng Há, cô Tư Sạn, cô Tư Bé, Ba Vân, Năm Châu, rồi Út Trà Ôn, Thành Được, Thanh Nga, Phượng Liên, v v. . . Bộ đĩa xưa San Hậu, Quan Âm Thị Kính, Lan và Điệp rất được người dân quê ưa chuộng. Đa số người miền Nam đều mê thích cải lương và nhất là bài ca vọng cổ. Giọng kể lể, giọng nói thơ, với những lời lẽ phổ thông nhưng nhiều gợi cảm, với điệu nhạc thể lương, ai oán, bổng trầm não nuột làm tê tái lòng người. Những đoạn nói lối lâm ly, lời lẽ bình thường, không cần nhiều trau chuốt rất dễ đi sâu vào tâm tư người dân miền Nam. Với bài ca vọng cổ, người dân ở đây có thể thưởng thức ngay, có thể mê say theo lời và giọng ca của người ca sĩ mà không phải đợi chờ suy nghĩ, không phải moi tìm trong ký ức xem điển tích đó nói gì, không bị vướng vấp bởi những khúc mắc,

khó hiểu.

e) Văn học.

Ở địa hạt văn chương thì văn chương chữ Hán và chữ Nôm chỉ xuất hiện ở miền Nam một thời gian rất ngắn, và có thể xem như ngèo nàn so với văn chương chữ Hán và chữ Nôm ở miền Bắc, là miền ngàn năm văn vật. Nhưng ở địa hạt văn học mới, thì văn chương chữ Quốc Ngữ đã bắt đầu ở trong Nam từ cuối thế kỷ 19 rồi, với những người mở đầu là Petrus Trương Vĩnh Ký và Paulus Huỳnh Tịnh Của. Báo chí theo kiểu báo chí Tây phương cũng xuất hiện ở đây trước trong khoảng thời gian này. Truyện Tàu dịch ra tiếng Việt và in bằng chữ Quốc Ngữ được phổ biến rộng rãi hồi đầu thế kỷ 20. Tiểu thuyết viết bằng chữ Quốc Ngữ theo kiểu Tây phương cũng bắt đầu xuất hiện sớm ở đây. Số người biết chữ Quốc Ngữ càng lúc càng đông, và báo chí và tiểu thuyết càng ngày càng có nhiều độc giả. Tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh rất được độc giả Nam Kỳ yêu chuộng. Cũng như cải lương bên sân khấu, tiểu thuyết bên văn chương cũng mang tính đặc biệt 'đặc sệt' giọng miền Nam, và nhờ vậy đã đáp ứng đúng nhu cầu giải trí của người dân bản xứ. Như đã thấy trên đây, văn hóa hay nếp sống của người dân vùng Đồng Nai Cửu Long có nhiều khác biệt so với nếp sống của người Việt ở miền Bắc, từ kinh tế, kỹ thuật, tín ngưỡng/tôn giáo, ngôn ngữ đến nghệ thuật. Điều đó cho thấy có sự biến đổi khá quan trọng trong văn hóa Việt Nam qua thời gian và nhất là qua không gian hay hoàn cảnh/môi trường sinh sống. 'Bận chân' hay vận xà rồng, ngủ nóp, lội sinh, ăn cơm nguội với mắm sống và bần chua, bơi xuồng, chèo ghe tam bản hoặc ghe lườn, thờ ông bà và đi cúng vái miếu bà Chúa Xứ, phát cỏ bằng phăng, quạt lúa bằng xa gió, đá gà, đá cá lia thia, hót me, hát lý, nói thơ Văn Tiên, đờn ca tài tử. . . là một số những điều không tìm thấy ở thôn quê miền Bắc nhưng lại rất thông dụng ở miền Nam. Nguyễn Hiến Lê có kể chuyện đưa một ông bạn từ Hà Nội mới vào Nam lần thứ nhất đi thăm Đồng Tháp Mười. Sau đây là một vài nhận xét đặc biệt của ông bạn trích trong tác phẩm nói trên. 'Tôi không thể nào đọc báo trong này được. . . In sai nhiều quá. Hỏi, ngã nhảm be bét, rồi ác, át, an, ang. . . không phân biệt, thật chướng mắt. Cây cau mà in là cây cao, thì có chết tôi không chứ? . . . Còn về nội dung thì bài vở tầm thường lắm. Ít bài xã thuyết có giá trị. . . Nói chung thì văn học Sài Gòn còn kém Hà Nội xa! Sài Gòn không có gì đẹp. Không có nhiều di tích củ như Hà Nội; không có thắng cảnh như Hồ Tây, hồ Hoàn Kiếm, cách ăn mặc của phụ nữ ở đây cũng không được nhã: Áo dài thì ngắn quá, màu thì lòe loẹt quá, và ra đường thì nhiều cô chỉ mặc áo bà ba, không quen mắt như tôi, thấy trơ trên lắm; hoa không có thứ quý: hải đường, trà, đào . . . đều thiếu, cuộc sinh hoạt thì ồn ào: người ta sống ở ngoài đường

nhều hơn ở trong nhà; quán ăn, tiệm nước đầy phố và lúc nào cũng chật những khách. . . .Sài Gòn không phải là một thành phố Việt Nam. . . Ở ngoài đường ta chạm trán với khách mọi phương: những ông Lục Cao Miên, áo vàng nghệ, che dù đen; những anh gác-dang Băng Ga Li, hút điếu bằng đồng, cần dài và cong, một bọn thủy thủ Anh, da đỏ như tôm luộc, mắt xanh như nước biển, những lính Ma Rốc tóc xoăn, mắt và răng trắng dã! Rồi người Chăm, người Mã Lai, người Nhật, người Pháp, người Huế Kiều ở Hải Nam, Quảng Đông, Triều Châu. . . , bao nhiêu giống người, bấy nhiêu tiếng nói, y phục, phong tục mà cũng sống chung trên mảnh đất này, làm cho Sài Gòn có những vẻ đặc biệt, khác hẳn với Hà Nội, Huế. Ban đêm, vào Chợ Lớn, thì ai mà không có cảm tưởng là đang đi ở Hồng Kông hoặc Thượng Hải. . .

Không khí tại đây là không khí giang hồ, tứ chiếng. . . . Sài Gòn không phải là một đô thị Việt Nam, nó là một thương cảng của thế giới. . . .’

Nhận xét trên đây chắc cũng là nhận xét của nhiều người quen sống ở Hà Nội khi mới đặt chân vào Sài Gòn. ‘Culture shock’ chắc sẽ làm cho người ta có liềm nhận định đó. Nó là một nhận định đúng, rất chính xác, đúng và chính xác ở chỗ có sự khác biệt rất nhiều và rất rõ rệt giữa văn hóa/xã hội miền Nam và văn hóa/xã hội miền Bắc. Nhưng khác biệt không có nghĩa là hay hơn hay dở hơn vì nhận định về giá trị hơn kém của mỗi miền không có cơ sở vững vàng. Khoa học cho phép ta chấp nhận sự khác biệt của người khác hay của xã hội/văn hóa khác, nhưng khoa học không khuyên ta đánh giá người khác hay nền văn hóa khác bằng những tiêu chuẩn hay bậc thang (standard hay scale) không cùng một loại. Ở đây chúng ta chấp nhận sự khác biệt để thấy có sự biến đổi quan trọng trong văn hóa Việt từ Bắc vào Nam nhưng chúng ta không làm công việc phê bình hay lượng giá một nền văn hóa khu vực nào cả. Từ sự biến đổi đó, một số câu hỏi được đặt ra. Tại sao người Việt không giữ được văn hóa truyền thống của họ khi họ vào Nam, trong khi người Bắc vẫn giữ được truyền thống đó? Tại sao có sự biến đổi về văn hóa như vậy?

Sự biến đổi trong văn hoá Việt Nam từ Bắc vào Nam

Trước hết sự biến đổi của văn hóa Việt Nam từ Bắc vào Nam cho thấy có khuynh hướng xa dần văn hóa Trung Hoa để đến gần văn hóa Ấn Độ hơn. Từ xưa, từ lúc bị Trung Hoa đô hộ cho đến đầu thế kỷ XVII, Việt Nam là một trong những nước ở Đông Nam Á ít nhận ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ nhất. Văn hóa Việt Nam xưa gần như là bản sao của văn hóa Trung Hoa. Khi văn hóa Đàng Trong, nhất là khu vực Đồng Nai Cửu Long thành hình thì khu vực văn hóa này một mặt giảm bớt ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa và mặt khác thu nhận phần nào ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ. Điều này không có nghĩa là văn

hóa Ấn Độ mạnh hơn hay tốt hơn văn hóa Trung Hoa, thật ra đây chỉ có nghĩa là văn hóa Ấn Độ có những nét (traits) khác hơn văn hóa Trung Hoa mà thôi. Nó cũng không có nghĩa là văn hóa Đồng Nai Cửu Long trực tiếp nhận ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ, đúng ra nó chỉ tiếp nhận một số nét đặc biệt của văn hóa Ấn Độ qua các nước chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn như Champa và Kampuchia hay Thái Lan. Văn hóa Đồng Nai Cửu Long đến gần văn hóa vùng Đông Nam Á hơn văn hóa truyền thống Việt Nam ở Thăng Long. Cái gì làm cho có sự thay đổi theo chiều hướng như vậy?

Chính trị đóng vai trò khá quan trọng ở đây. Từ danh xưng 'Đàng Trong' để đối lại với 'Đàng Ngoài' đến sự xác định nguồn gốc 'O Châu' của chúa Nguyễn Phúc Khoát, người ta có thể suy ra được quyết tâm của chính quyền ở phía Nam sông Gianh trong nỗ lực xây dựng một nước khác, độc lập đối với nhà Lê và miền Bắc, đi một hướng đi khác hơn hướng đi của Đàng Ngoài, có một cách làm người Việt Nam khác hơn là người miền Bắc. Tana Li trong bài 'An Alternative Vietnam? The Nguyen kingdom in the seventeenth and eighteen centuries' (Journal of Southeast Asia Studies; 3/1/1998) viết:

'From the seventeenth century, the Red River delta ceased to be the only centre of Vietnamese civilization: a new centre - Phu Xuan (Hue) - challenged Thang Long (Hanoi), and a second important socio-economic zone - Thuan Quang - took shape far from the Red River delta. This was more than a simple southern extension of the former Vietnamese economy and society. Rather, a new society developed, with a different cultural background and quite different political and economic circumstances. As residents of a region over which the hostile Le/Trinh northern government never formally renounced control, southern Vietnamese described their territory as the 'inner region' (Dang Trong), and characterized the northern Red River plains as the 'outer region' (Dang Ngoai). The terminology indicates clearly that they perceived the south as a distinct entity, and the emergence of marked dissimilarities between the two areas amounted to two different ways of being Vietnamese.'

Và:

'When proclaiming himself king in 1744, Nguyen Phuc Khoat declared proudly, 'our country rose and developed from O Chau', using a name with strong local colour for the place of origin of the royal family and many high officers. O Chau emphasized a perception of Dang Trong as a separate country that had developed since the early seventeenth century. This identification actually implied two meanings: a country equal to the north and a local rather than a foreign regime for the local people. The latter sense was related to legitimacy, and to the self-confidence of the Nguyen.'

(Từ thế kỷ 17, châu thổ sông Hồng không còn là trung tâm duy nhất của văn minh Việt Nam: một trung tâm mới - Phú Xuân (Huế) - tách thức Thăng Long (Hà Nội), và một vùng xã hội kinh tế quan trọng thứ hai - vùng Thuận Quảng - thành hình, ở xa châu thổ Hồng Hà. Đây là cái gì nhiều hơn là chỉ một mở rộng của xã hội, kinh tế Việt Nam cũ. Đây là một xã hội mới được phát triển với một bối cảnh văn hóa khác và những điều kiện chính trị, kinh tế khác. Là cư dân của một vùng mà chính quyền thù nghịch Lê/Trịnh không bao giờ muốn từ bỏ kiểm soát, người Việt miền Nam mô tả lãnh thổ của họ là Đàng Trong, và cho vùng châu thổ Hồng Hà là Đàng Ngoài. Cách sử dụng danh từ cho thấy rõ họ nhận thức rằng miền Nam là một thực thể riêng biệt, và những khác biệt khởi lên giữa hai vùng đưa đến hai cách thức làm người Việt Nam khác nhau.

Và:

Khi tuyên xưng mình là vua năm 1744, Nguyễn Phúc Khoát đã hãnh diện tuyên bố 'nước chúng ta dựng lên và phát triển từ Ô Châu', ông đã dùng một danh xưng rất có màu sắc địa phương để gọi quê hương, gốc gác của gia đình nhà vua và nhiều quan lại cao cấp của triều đình. Danh xưng Ô Châu nhấn mạnh sự nhân thức rằng Đàng Trong là một quốc gia riêng biệt đã được dựng lên từ đầu thế kỷ 17. Sự nhận diện này thật sự có hai ý nghĩa: một quốc gia ngang hàng với miền Bắc và là một chế độ ở địa phương của người địa phương chớ không phải ngoại lai. Ý nghĩa sau này liên hệ tới tính chính thống và sự tự tin của nhà Nguyễn).

Lý do quan trọng kể đó là môi trường sinh sống. Môi trường sinh sống mới và sự tiếp xúc với những nền văn hóa khác là những điều kiện cần yếu đưa đến những biến đổi. Trước hết là môi trường thiên nhiên vật lý: đất đai, khí hậu, ruộng nương, vườn tược ở đây cùng một loại với đất đai, khí hậu, ruộng nương vườn tược ở Kampuchia, Thái Lan, Mã Lai, thành ra các loại cây trái giống nhau, kỹ thuật làm ruộng, làm vườn, trồng cây trái cũng giống nhau. Cuộc sống vật chất ở nhà quê do đó cũng rất giống nhau. Người lưu dân Việt vào môi trường sinh sống này không thể không linh động thay đổi để thích ứng với môi trường sinh sống mới. Mặt khác ở trong hoàn cảnh sinh sống mới này họ lại gần gũi với những dân tộc khác với nền văn hóa khác mà lâu dần, quen dần, họ không thể không vay mượn một số nét đặc thù nào đó mà họ thấy cần yếu hay thích hợp với họ trong hoàn cảnh sinh sống mới. Thành ra từ khi Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa và các chúa Nguyễn nối tiếp, xây dựng nên Đàng Trong thì bắt đầu có một nhánh văn hóa Việt biến dạng dần dần trở thành một chi nhánh văn hóa (subculture) có phần khác biệt với văn hóa cổ truyền ở miền Bắc. Sự cắt đứt liên hệ chính trị giữa Đàng Trong (Chúa Nguyễn) và Đàng Ngoài (Chúa Trịnh), sự phân tranh Nam Bắc và chia đôi lãnh

thổ dã là cơ hội để tạo nên một chi nhánh văn hóa mới xa dần văn hóa cổ truyền. Đến thế kỷ XVII khi Họ Nguyễn chiếm hết cả miền Trung và rồi một số người miền Trung vào khai phá miền Nam khẩn hoang lập ấp xây dựng nên miền Nam thì một chi nhánh văn hóa khác nữa lại thành hình. Chi nhánh văn hóa mới này lại càng cách biệt với văn hóa gốc ở miền Bắc để đến gần văn hóa Đông Nam Á hơn (tức cũng có nghĩa xa dần văn hóa Trung Hoa và đến gần văn hóa Ấn Độ hơn).

Miền Nam là cả một vùng đất hoang mênh mông chằng chịt sông rạch với không biết là bao nhiêu cá tôm rau cỏ cây trái. Đất đai lại rất phì nhiêu do phù sa mang lại. Khẩn hoang lập nghiệp tuy có cực nhọc nặng nề nhưng kết quả thu lượm dễ dàng và khả quan, đời sống tự nhiên ung dung thoải mái. Điều kiện vật lý đó cũng dễ un đúc nên tính tình rộng rãi, phóng khoáng, hiếu khách, đối đãi tử tế với người từ xa mới đến của người miền Nam mà nhiều người công nhận. Vùng mới lập này tuy có ít nhiều liên hệ với Chúa Nguyễn nhưng triều đình ở xa, tổ chức cai trị không chặt chẽ tùy thuộc ở triều đình Huế (chế độ tổng trấn), thêm vào đó còn có những biến cố chính trị làm thay ngôi đổi chủ nhiều lần cho nên tương đối có nhiều tự do địa phương và tự do cho cá nhân nữa. Chỗ này ở không được, hoặc bị áp bức thì nhổ sào, chèo ghe đi chỗ khác làm ăn, không có gì ràng buộc họ được. Hoàn cảnh đặc biệt ở đây giúp người ta nuôi dưỡng tinh khí tự do phóng khoáng, không cần phải ép mình, chế ngự cái tôi để phụng sự cho một lý tưởng sách vở gì cả. Và lại nỗ lực chính của những thế hệ đầu tiên vào đây là khai khẩn đất đai, thiết lập đời sống mới nhiều hơn là trau dồi kinh sử để lãnh lấy mào áo chức tước của triều đình. Đời sống dễ dãi, tương đối thừa thãi về vật chất và tự do về tinh thần, đã không bắt buộc người dân Việt ở đây phải duy trì hay theo đúng những phong tục tập quán đã được mang vào Đàng Trong từ mấy thế kỷ trước. Sự lỏng lẻo của khuôn phép từ thế hệ này sang thế hệ khác đã tạo nên một nếp sống mới, một tính tình và nhân cách mới, rộng rãi và phóng khoáng, với tâm hồn chân thật, chất phác, mở rộng để đón nhận những cái mới lạ hơn là khép kín để duy trì những cái đã có. Ngoài hoàn cảnh địa lý nói trên, trong quá trình mở rộng đất đai về phương Nam chi nhánh văn hóa Đàng Trong đã phải tiếp xúc va chạm với những nền văn hóa khác tạo nên điều kiện rất cần cho sự biến đổi về văn hóa. Có tiếp xúc với văn hóa khác là có cơ hội để nhìn thấy lối sống, cách hoạt động, sự tín ngưỡng, lễ lối suy tư của một giống người khác. Từ đó có thể có những thích nghi với nhau hay vay mượn lẫn nhau ít nhiều từ tập quán, kỹ thuật, đến tín ngưỡng và nghệ thuật. Từ thế kỷ XVII người Đàng Trong đã có cơ hội gần gũi với văn hóa Chiêm Thành, đã nhìn thấy và hiểu biết lối sống của người dân Chăm. Sau đó sang thế kỷ XVIII người Việt khi bành trướng lãnh thổ về miền Nam lại có dịp sống bên cạnh người Miên

và người Trung Hoa (Minh Hương, Triều Châu). Và gần đây hơn từ thế kỷ XIX người Việt ở đây lại có nhiều dịp để biết đến đạo Thiên Chúa cùng văn minh Tây Phương do người Pháp mang đến. Thí dụ như ở Cà Mau (tỉnh lỵ An Xuyên), vào khoảng thập niên 1960, thống kê cho biết dân số là 270,643 người trong đó có 3,048 người Việt gốc Hoa, và 2,959 người Việt gốc Miên, với 22,000 Tịnh độ cư sĩ, 15,000 Công giáo, 3,700 Thiên Lâm, 3,200 Cao Đài, và 400 Tin Lành. Người Việt gốc Miên ở Trà Vinh, Sóc Trăng rất nhiều và người Triều Châu rất đông ở Bạc Liêu đến nỗi người dân Nam phải nói 'Dưới sông cá chớt, trên bờ Triều Châu'. Có thể nói miền Nam cũng na ná như xứ Mỹ, nó là một xã hội mới thành hình với nhiều chủng tộc sống lẫn lộn trong đó và với một nền văn hóa ít nhiều pha trộn đủ thứ. Nó như cái 'melting pot' hay cái 'salad bowl' của Việt Nam. Nó mang rất ít tính chất cổ truyền của nền văn hóa gốc.

Thật ra thì sự gặp gỡ, tiếp xúc giữa các nền văn hóa mới chỉ là điều kiện cần mà thôi chớ chưa phải là điều kiện đủ để cho sự vay mượn, học hỏi xảy ra. Điều kiện đủ để đưa đến vay mượn và thích nghi văn hóa là sự có mặt của những yếu tố sau đây: (1) tinh thần khai phóng của người vay mượn, (2) sự tự do chấp nhận cái mới lạ của người vay mượn, và (3) sự lợi ích của những gì được vay mượn học hỏi. Văn hóa không thay đổi nếu các thành phần trong nền văn hóa đó không có tinh thần cởi mở, không chấp nhận những cái mới lạ của nền văn hóa khác. Mặt khác dù các thành phần chấp nhận những cái mới lạ của văn hóa khác đi nữa nhưng không có tự do để học hỏi, thực hiện thì văn hóa cũng không có cơ hội thay đổi. Chẳng hạn như nếu luật lệ của quốc gia quá cứng rắn không cho phép người dân chấp nhận hay du nhập những cái mới lạ, hoặc giả nếu như phong tục tập quán trong xã hội quá khắt khe khiến người ta không thể đi ra ngoài những thói quen đã có thì sự thay đổi về văn hóa tất nhiên sẽ khó xảy ra. Phải có đủ tự do để học hỏi và thực hiện điều gì mới lạ trong cuộc sống thì sự biến đổi về văn hóa mới diễn tiến được. Sau hết người ta chỉ học hỏi vay mượn khi nào điều người ta muốn học hỏi vay mượn đó đáp ứng được nhu cầu sinh sống của con người.

Những điều kiện trên đây cần phải có đủ thì văn hóa mới có thể thay đổi được. Người Việt Nam trong quá trình bành trướng lãnh thổ và định cư vào Phương Nam đã có đủ những điều kiện ghi trên. Họ có tinh thần rộng rãi khai phóng, không mù quáng tôn sùng cổ nhân, không khép kín chật hẹp hay bế quan tỏa cảng. Họ có ít nhiều tự do chớ không bị chặt chẽ ràng buộc bởi luật lệ cứng rắn của triều đình hay tập quán khắt khe của xã hội. Khi đã có đủ những điều kiện cần và đủ thì tất nhiên văn hóa phải thay đổi theo lối sống thay đổi của con người ở vùng đất mới mẻ này. Những khác biệt này là những biến đổi tự nhiên của văn hóa Việt Nam qua bao nhiêu thế hệ và

qua quá trình bành trướng lãnh thổ, tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác. Biến đổi để thích ứng với môi trường và hoàn cảnh mới, đó là điều kiện cần yếu để một nền văn hóa sinh tồn và tiến bộ. Khi văn hóa biến đổi nó cũng làm cho con người ít nhiều biến đổi theo. Có sự tương quan khá mật thiết giữa văn hóa và nhân cách của con người. Người ta hay nói đến tính bộc trực, ăn ngay nói thật, tính rộng rãi chiêu khách, tính anh hùng ngang tàng của người dân miền Nam, kể cả tính bất cần và không thêm kiên nhẫn của người dân vùng này.

Văn hóa làm nên con người bởi khi sinh ra trong xã hội văn hóa nào thì con người sẽ được xã hội hóa (socialized) vào trong xã hội, văn hóa đó. Nhưng mặt khác cũng chính con người làm nên văn hóa, vì khi sống cùng những người khác con người có những sinh hoạt trong đời sống xã hội, và những sinh hoạt đó là văn hóa. Con người không thay đổi về phương diện sinh vật, cái gene của con người từ lúc có con người Homo sapiens tới ngày nay vẫn vậy, không có gì thay đổi. Nhưng văn hóa lại biến đổi theo thời gian và không gian vì văn hóa là những sinh hoạt nhằm thỏa mãn những nhu cầu sinh sống của con người. Ở đâu con người cũng có những nhu cầu ăn uống, che thân, muốn được sung sướng hạnh phúc, ở đâu cũng có tín ngưỡng, giáo dục, học hỏi, truyền thông, ở đâu cũng có nghệ thuật hát ca, nhảy múa, làm tình sinh con đẻ cái. Nhưng những sinh hoạt thể hiện những nhu cầu đó rất biến đổi tùy theo thời đại, tùy theo môi trường sinh sống. Những người làm chính trị cũng như những nhà làm văn hóa, hay nói rộng ra hơn, tất cả những ai thiết tha với văn hóa nhân loại hay văn hóa nước nhà, cần phải nhìn thấy sự khác biệt giữa những nền văn hóa hay khu vực văn hóa, cũng như những lý do đưa đến sự khác biệt đó. Nhận biết như vậy không phải để cố võ cho sự chia rẽ hay gây tinh thần kỳ thị địa phương mà là để có thể đi đến tinh thần đa nguyên đa văn hóa (cultural pluralism). Tinh thần này đòi hỏi người ta phải nhìn thấy và chấp nhận sự khác biệt giữa các nền văn hóa hay giữa các khu vực văn hóa với nhau. Từ sự chấp nhận khác biệt đó người ta mới có thể hiểu nhau và cộng tác với nhau trong tinh thần kính trọng lẫn nhau để sự cộng tác với nhau được lâu dài và hữu hiệu. Chấp nhận khác biệt của văn hóa khác hay người khác cũng có nghĩa là phải tôn trọng giá trị của văn hóa hay của người khác, vì cái nào cũng có giá trị của nó cả chứ không phải chỉ có cái gì của mình mới tốt. Nếu phủ nhận giá trị của những gì khác hơn mình thì không khỏi có cái nhìn thiên lệch mà hậu quả tai hại là sẽ bị rơi vào một hình thức nào đó của chủ nghĩa 'chủng tộc độc tôn' (ethnocentrism) và tinh thần kỳ thị chủng tộc hoặc một hình thức kỳ thị nào khác.

GS Nguyễn Thanh Liêm

Thất tuần hoài cảm

Kỷ niệm thất tuần

Tiếng gà giục nở nụ hoa xuân,
Gió thoảng song thưa buổi thất tuần.
Mực ướp hương lòng nuôi vọng tưởng,
Bút xây vườn mộng khép gian truân.
Chén quỳnh lắng đọng mùi dâu bể,
Sự nghiệp vơi đầy chuyện thế nhân.
Cánh nhạn về đâu trao gửi nhớ,
Đàn ai réo rắc giọng tri âm.

MỘNG BÌNH SƠN

Đường bút

*Họa bài "Thất Tuần Hoài Cảm"
của Nhà văn Mộng Bình Sơn*



Thênh thang đường bút mở trời xuân
Dòng chảy miên man vượt bách tuần
Thấp sáng hoa đèn đầu ngại khó
Giữ thơm lòng trúc sá gì truân
Sờn vai dâu bể dòn tâm sự
Lắng cuộc thăng trầm luận trí nhân
Lưu mãi với đời ba thước sách
Đi vào văn học điệu giai âm.

Sài Gòn, 15- 10- 1992

(Trong tập Làng Quê Tim Tôi)

VIỆT THAO

CHÙA HƯƠNG NGÀY XƯA CŨ



NGỌC ANH TRẦN ĐÌNH ĐỆ

Bức thư dưới đây, Nữ Sĩ Ngọc Anh viết từ hồi còn “con gái kiêu sa”, lúc đang là Nữ Sinh Ngành Thuốc Hà Nội, chưa trở thành Phu Nhân của bác Sĩ Trần Đình Đệ; tính đến nay đã quá 70 năm, bức thư cũng lắm “truân chuyên”, như theo lời kể của Nữ Sĩ Trúc Tiên:

“Ngày xưa những năm ở xa mẹ mỗi tuần đều viết thư hầu thăm. Mẹ cắt vào xách tay. Ngày 16 tháng 2, 1952, ngôi nhà lá mái cổ kính ven sông Vân, Diêu Trì bị thả bom Napalm cháy rụi, xách tay của Mẹ văng xa ra chợ Cây Đa, họ giao lại, thư viết tay của Ngọc Anh còn đọc được, nhưng giấy sắp rã hết, Mẹ Trúc Tiên của Ngọc Anh tự tay đánh máy lại và gửi ra ngoại quốc cho Anh Đệ và Ngọc Anh”.

Nội dung bức thư chính yếu kể chuyện chùa Hương, nhân đó chúng tôi ghi đầu đề như trên.

Ban Biên Tập.

Hanoi le 31/mars 1942

Thưa mẹ.

Con được thư mẹ đi Faifo về; con được thơ và mandat rồi, nhưng cứ lần lửa mãi, nay mới gửi thư cho mẹ, chắc là mẹ trông lắm.

Thời, trông nhiều đọc dài mới thích mẹ à!

Con đi Chùa Hương mới về vui quá!

Chiều Thứ Bảy 28 Mars, Tặng và con ăn cơm chiều ở trường rồi về nhà Oanh ngủ ở đấy, 5 giờ sáng dậy lên ga Hà Nội, đi tàu vào ga Phủ Lý. Chín giờ đến nơi, đi chân ra bến đò Phủ Lý. Khách thập phương đi lễ bãi rất đông, thiện nam tín nữ toàn là người nhà quê, đàn ông áo the khăn lượt, đàn bà áo sồi yếm thắm, thất lung hoa đào. Bến đò thật là ồn ào náo nhiệt: Hàng quà bánh nặng xanh hai bên đường, ăn mày ngồi từng dãy, lái đò lên đường rước khách, tán thuyền tốt chèo hay giá rẻ, inh ỏi lên cả. Trên sông, thuyền dò canot đậu san sát. Cả bọn chúng con mười người, thuê riêng một chuyến đò đi Chùa Hương.

Chúng con xuống thuyền chui vào khoang trải chiếu hoa ngồi ăn mía. Nói là thuyền cho oai chứ thực ra là một chiếc đò có mui, cũng tử tế. Đò dờn bến bờ lênh đênh trên giòng sông châu. Đò đi mới lâu làm sao chứ! Chúng con ngồi trong ngâm thơ ngắm cảnh. Sông rộng bằng rưỡi sông Hương, nước trong đục lấm, nhưng vốc lên lại thấy trong veo. Bờ sông không nghiêng thoai thoai mà lại là từng mảng đá to, hoặc là từng lùm tre rộng dựng đứng trên nước. Chốc chốc lại thấy những bậc đá xuôi xuống sông, người ta xuống lên gánh nước hoặc giặt quần áo. Thuyền lướt sóng một cách vô cùng chậm chạp, may mà chúng con có cơm nắm, xôi mía, và có phong cảnh lạ mắt để giết thì giờ mà cũng dễ quên say đò. Càng xa, phong cảnh càng đẹp hơn. Chúng con sẽ tưởng lạc vào chốn Bồng lai nếu các nàng “giáng tiên” hai bên bờ sông xinh hơn và sạch hơn tí nữa. Đàn trâu bơi lội dưới sông, trên lưng vùi đũa mực đồng, hoặc một đàn sáo trời thành thơ nhẩy nhót. Sáo đẹp quá, to bằng hai sáo xứ mình, chuyển qua chuyển lại trên lưng trâu, ngộ lạ!

Những lúc có gió, lái đò giương buồm lên; những chỗ bờ sông trống rộng dễ đi, hai bác lái leo lên bờ cầm giây kéo thuyền đi theo, thì biết là chậm đến bực nào! Bù lại, cảnh đẹp quá! Xa xa mấy cánh buồm nâu bạc trên như những cánh bướm in hình lên nền núi màu xanh thắm nổi bật giữa nền trời xanh mờ, như một bức tranh sơn thủy.

Chiều trời mát mẻ, con ra tập chèo, để bác lái gái nghỉ tay.

Mãi đến năm rưỡi chiều mới đến Bến Đục, một thứ bến đò không có cây đa, và không lặng lẽ, mà, chao ôi là ồn, là đông, “cửu mỹ kỳ duyên”, lên bờ gặp bao nhiêu là khách trên chùa về. Hai bên đường nào quán trọ, nào hàng đồ vật san sát.

Đi bộ được một quãng chừng một cây số thì đến Bến Đò Yến Vĩ, chúng con thuê một chiếc Đò Suối vào chùa Hương. Gọi là Đò Suối, vì đò này đi trên giòng suối Yến Vĩ.

Lúc này đã sáu giờ chiều, trời đẹp lắm, cảnh đẹp quá. Đò đi một quãng đến Đền Ngũ Nhạc, ghé vào làm lễ bái yết sơn thần, rồi lại ra đi. Nắng chiều tắt hẳn, trăng sáng mờ mờ, đò ngược giòng suối, nước vỗ mạn đò và mái chèo kêu lách tách, tung từng tia nước sáng bạc ra hai bên, giòng suối rộng bằng Sông Vân sau nhà mình. Hai bên suối là những ruộng lúa xanh um, nước lấp xấp không có bờ hẳn, trải dài đến chân núi.

Núi sao mà nhiều thế và đẹp thế, từng ngọn núi mọc đứng lên hai bên bờ suối. Ngồi trong đò nhìn ra bốn bề toàn núi là núi. Ngọn này chớm chỡ kế tiếp ngọn kia lờm chớm, núi gần màu xanh thẫm, núi xa xanh mờ, khuất sau màn sương trắng sữa. Có lẽ chị Hằng thấy nhiều mỹ nữ quá nên e thẹn, cứ nấp vào màn mây thỉnh thoảng vén màn ra cười tình với người trần tục một tí, thì chao ôi thật tuyệt trần! Trăng mờ thì đẹp huyền huyền ảo ảo, trăng sáng làm cho cảnh suối Yến Vĩ giữa mấy trăm ngọn núi trùng trùng điệp điệp một vẻ đẹp rực rỡ lạ lùng.

Đò đi, cứ gặp một chuyến đò là phải chào: “A Di Đà Phật”, mặc dù không quen biết nhau. Từ Phủ Lý lên cũng thế, mà từ Yến Vĩ vào chùa cũng thế. Vì đã đi trên con đường vào Chùa Hương tức con cháu nhà Phật cả nên phải “A Di Đà Phật”. Không giàu trí tưởng tượng người ta cũng hình dung được trước mặt núi Mâm Xôi, quả là một cái mâm khổng lồ đơm xôi vun lên, trên ngọn có chòm cây giống như con gà quay cắm lên mâm xôi vậy. Hai bên còn có núi Voi Phục y như là ông thanh tượng đang thả vòi xuống bến nước, lại có cả Núi Ông Sư, Núi Bà Vãi....

Bây giờ tối, con đò đến bến...

Chúng con leo lên núi, tuy đường đã đỡ cho dễ đi nhưng cũng thấm mệt. Núi cao và hiểm trở, nghe nói người ta phải dùng cốt mìn bắn đá làm giống như con đường đèo, tốn phí đến bạc vạn mới được như thế.

Đến gần tám giờ thì đến chùa Ngoài. Đường đi vào chùa bằng phẳng, sạch sẽ; leo lên 20 bậc tam cấp thì đến một cái sân xi măng, giữa có một cái lư đồng đen to lớn, hai bên hai con sư tư lớn cũng bằng đồng đen. Lại leo tam cấp nữa thì đến một cái sân khác. Hai bên sân này là nhà ngói, nhà gác, bán cơm, nước, phở, bún... và giường màn cho khách thập phương thuê.

Chúng con vào chùa. Chùa rộng quá, mà người đông vô số kể, nhiều người đã ngủ rồi. Họ nằm la liệt giữa đất, ngoài hè, gậm bàn, xó cửa...

Chúng con vào chào sư cụ. Sư cụ thân với nhà Oanh lắm, nên cho chúng con cái buồng, nước rửa mặt, nước uống. Trước mặt phòng

trưng bày chậu cảnh, từng dãy bát cổ trồng hoa thủy tiên lá xanh mướt, hoa tươi tốt ngát hương thơm. Có bể thả cá vàng, có hồ bán nguyệt tất tất thứ tự, gọn gàng, trông thật đẹp mắt.

Vào phòng ăn uống xong xuôi, chúng con lên lễ Phật. Nhà tổ thật là rộng, ở giữa là hàng dãy tượng Phật rất lớn, thép vàng chói lọi dưới ánh đèn sáng choang; đèn dầu có, đèn nến có bài trí rất mỹ thuật. Hoa quả đã nhiều lại trưng bày rất lạ mắt. Trên mấy sập đã rộng mà người lễ chật như nêm, tụng niệm như ri. Chúng con lễ xong đi xem chùa, nhiều chỗ thờ lăm, chỗ nào cũng cúng lễ đông quá; lên chỗ thờ Mẫu xem họ lên đồng bóng xong, chúng con dạo trăng một chốc rồi đi ngủ.



Ngày hôm sau, bốn rưỡi sáng đã thức dậy lên nhà thờ Mẫu xin thẻ. Con không biết chỗ đó là thờ Mẫu, con thấy người ta xin thẻ con cứ tưởng là nơi thờ Đức Quan Thánh. Thế là đến lượt con cầm lon

thẻ xóc xóc con cứ thành tâm niệm Đức Quan Thánh Đế

Quân, có lẽ ngài thương con đại đột, nên ngài cứ ứng cho một thẻ số 28. Xong chúng con lại phòng sư ông mua tám giấy quẻ số 28, giá 5 xu, quẻ con nhờ trời rất tốt, mưu vọng thỏa lòng. Quẻ dạy cái gì cũng nhờ Thánh, Phật, Trời và quý nhân phò hộ cả.

Quẻ Tặng cũng tốt lắm, xong rồi đi ăn uống sữa soạn cũng đến sáu rưỡi, chúng con mới từ chùa Ngoài (cũng gọi là chùa Trò) đi vào chùa Trong (tức là Nam Thiên Đệ Nhất Động), mua mỗi người một cái gậy để trèo núi. Con đường trèo bằng tam cấp, cứ như leo bậc tam cấp bằng đá to như thế. Cảnh trí thật hùng vĩ, chúng con đi giữa, xung quanh toàn là núi, dưới chân hang sâu hay là thung lũng. Người đi đông quá, họ cứ "A Di Đà Phật" với chúng con. Chúng con cũng "A Di Đà Phật" lại và bảo nhau: "Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát", để ngài phò hộ cho đỡ mệt, nhưng cũng mệt quá! Đi chốc lại ngoảnh nhìn cảnh mặt trời dưới chân trời, giòng suối Yến Vĩ uốn quanh dưới chân núi, ruộng lúa trải ra hai bên bờ dưới ánh ban mai, khiến người lữ khách lòng thấy lâng lâng nhẹ nhõm.

Bảy rưỡi thì trèo lên đến chùa Giải Oan, tam quan là nhân tạo,

còn chỗ thờ là thiên tạo. Đây là một hốc đá to, dưới là tảng đá bằng làm nền, thạch nhũ là trần, ở giữa thờ tượng Phật. Sư ông mời uống nước giải oan, thơm mùi chè mốc. Xong chúng con trèo vào động Thanh U, nơi có dấu bàn chân Phật. Đấy cũng là một cái hang đá to bằng cái phòng rộng, hương khói, hơi người quá ngột.

Chúng con lại trở xuống, trèo vào chùa Trong, là chùa Hương Tích, Thiên Nam Đệ Nhất Động, trèo mệt quá; đi vòng 3 quả núi, ăn mỳ ngổi bờ đường thật nhiều. Thử tính mỗi xu đổi ra 6 đồng tiền; Cô Vinh cho mỗi người ăn mỳ 1 đồng tiền, vậy mà vào chùa Trong hết 2 hào.

Lên đến chùa Trong, có cái cổng to bằng đá khắc chữ Nho, chắc là tên động Hương Sơn. Qua khỏi cửa phải xuống 187 bậc tam cấp thì trông thấy động. Trời ơi đẹp và lạ làm sao! Phía trên mảnh trời xanh làm trần, chung quanh đá lờm chờm, cây xanh tươi.

Xuống 157 bậc nữa trông vào động. Động Hương Sơn là nơi Phật Bà tu. Rộng lắm, hai bên có hàng quà bánh, nước non. Đi thẳng vào, thấy chính giữa thạch nhũ từ trên nhỏ xuống, tượng hình một quả phật thủ khổng lồ. Trên đầu chúng con là núi, vì chúng con đã chui vào chung quanh quả phật thủ, người ta sắp tượng và hương hoa trà quả. Hai bên quả phật thủ có đường đi vào; chúng con thấy trong cùng hàng là chỗ thờ chính. Bàn thờ là bệ đá thật to, tượng Phật Bà thếp vàng ngồi giữa. Hai bên sau trước, các thiện nam tín nữ cứ thứ tự mà ngồi, hương trầm mờ mịt, đèn sáng như sao. Người lễ thật đông, Sư ông Hội, trẻ và đẹp như “Chú Tiểu Lan” ra mời chúng con vào sập ngồi uống nước trà ướp thủy tiên. Xem các hang động một lúc rồi trở về.

Lúc xuống núi ít mệt, nhưng xuống xong lại phải trèo lên con đường khác đến chùa Tiên, vào chùa trong: Tiên Sơn Động; quả núi nứt ra hai bên cân nhau như hai đường luồng mà hai bên là tường đá theo lối vào động. Cũng đại khái như bên động Nam Thiên, nhưng có cái lạ là một chỗ thạch nhũ nhỏ xuống mà dùng làm chuông mõ. Hai mảnh đá chỗ thạch nhũ cứ đánh bên này rồi đánh bên kia là phát ra tiếng “booang cốc, cốc booang”.

Chúng con xuống núi mua mớ ăn rồi trở ra chùa ngoài tán chuyện với sư cụ.

Mười hai giờ trưa, đi dò Suối xuôi về đến đền Ngũ Nhạc, có một cái nhà giữa suối, tức là bến đò chùa Long Vân. Đò đi giữa lòng suối. Hai bên ruộng, có những cô đi cấy xinh quá, hát hay quá, lại hát trêu chúng con:

Các cô viếng cảnh chùa Hương,

Mặn mà yếu điệu biết vương cô nào?

Mai về sớm sẵn võng đào,

Dón người thực nữ cùng vào chùa trong.

Tiếng lanh lảnh vang xa trong khoảng trời mênh mông lẫn trong tiếng cười vui rúc rích.

Thuyền mơ (thuyền bán mơ) trên giòng suối. Hai bên ruộng ở bờ suối là núi. Núi trùng trùng điệp điệp, hoa mơ trắng xoá như phong lan; cành mơ xanh, quả mơ vàng ối, đẹp quá. Thật là tiên cảnh!

Hai giờ chiều đến bến chùa Long Vân. Lại một phen bỏ hơi tai mới đến chùa Ngoài. Ngoái nhìn xuống chân núi, thật là “dời chân đi hoá đứng”.

Lễ xong lại trèo núi vào chùa Trong. Lần này, đường đi hiểm trở, trèo lên đá núi gập ghềnh. Đường của trời làm, chứ không phải nhân tạo như ở chùa Hương. Nhưng có lẽ nhờ Phật độ, nên con leo khỏe nhất, lên trước ngồi chờ mãi bọn mới đến sau. Trong chùa chỉ có mỗi một ông sư. Cũng là chùa thiên tạo, như chùa Hương Trong, như chùa Giải Oan, và chùa Tiên vậy. Trên đầu con, tượng Phật có thạch nhũ như hình cá hoá rồng, bên trái có đàn voi châu Phật, bên phải có đá ngũ sắc, thiên tạo cả. Xuống hang dưới thì có thạch nhũ trông giống cây lá. Người ta bảo của Phật Bà hoá ra.

Ngắm hoài không biết chán, nhưng đành phải giã cảnh ra về; lại lên đò mơ buông theo giòng nước, ra đến bến Đục, thuê đò ngang sang Vân Đình, rồi đi ô tô về Hà Đông rồi về trường. Chúng con được nghỉ ngày Thứ Hai. Hôm nay con đi học, mai học, mốt gác. Thứ Sáu bắt đầu nghỉ Pâques được một tuần. Nghĩ chú Thượng ra đến Bắc mà chưa coi chùa Hương cũng đáng tiếc.

Con đi chơi thì đi cho vui một ít nhưng nao nao trong dạ, không được thích lắm vì thương mẹ và thương em quá. Thấy gì đẹp cũng muốn mẹ xem, em xem, và mẹ và em ở xa yếu đuối nên con buồn; con cứ niệm Phật, Trời, Thánh, Thần phò hộ cho mẹ mạnh khoẻ, chúng con mạnh khoẻ học hành tiến tới cho mẹ vui mừng. Nhớ mẹ quá mẹ à! Nhớ mà thương thật không biết nói thế nào cho hết và không biết làm thế nào cho vừa bụng. Con đi chơi cho biết rồi lại học lại ngoan như thường, Mẹ đừng tưởng con đua đòi chơi bởi mẹ nhé!

Thôi con kính chúc mẹ mạnh và vui. Con rất thương, học như thường. Mẹ đừng lo gì về con cả mà con không yên tâm.

Nhớ mẹ, chị và các em lắm.

Ngọc Anh.

Chiều thu

Tiếng thu nức nở ngân dài,
Sao lòng cũng thấy u hoài với thu.

Đều đều điệp khúc gió ru,
Nổi sâu đâu đó đưa thu về nguồn.

Lá thu úa cả nỗi buồn,
Heo may lành lạnh nghe lòng lạnh theo.

Chút tình thơ chút thương yêu,
Bóng ai hiu hắt cuối chiều bàng khuâng.

Lá vàng xao xuyến ngoài sân,
Nghe quê nhà gọi bước chân người về.

Hoài Hương Nguyễn Thị Thọ

Ru đêm

À ơi nước chảy về đâu,
Thuyền đi xa bỏ bến đau neo buồn.

Lung linh sao gọi đêm trường.
Làm sao hái tặng người thương thuở nào.

Thanh âm trong gió rì rào,
Tưởng người năm cũ phượng nao gọi về.

Dõi theo lối nọ đường tê,
Bóng ai diu vợi lê thê nổi sầu.

Nỗi niềm bền hạ còn đau,
Trải bao năm thắm tóc màu tuyết sương.

Ngỡ ngần chiếc bóng trong gương,
Có chia sót được nỗi buồn này không?

Chập chùng bư thật mênh mông,
À ơi lá rụng ngập lòng đêm sâu.

Hoài Hương Nguyễn Thị Thọ





Tem SÉDANG (1888-1889)

Prof. TRẦN ANH TUẤN

1. Vương quốc Sédang (1888-1890)

Sédang là tên một sắc tộc với địa bàn sinh hoạt là vùng Pleiku-Kontum bây giờ. Vào cuối thế kỷ XIX, một tay phiêu lưu quốc tế người Pháp lên vùng cao nguyên ấy, tiếp xúc với các già làng, và khuyến dụ họ thành lập một vương quốc. Đó là vương quốc Sédang, và chính người Pháp ấy, xuất thân là một sĩ quan, đóng vai “Hoàng Đế.”

Viên sĩ quan Pháp này, David Auguste Jean Baptiste Marie Charles, hay Marie de Mayréna, sinh ở Toulon ngày 31-1-1842, là đại úy trong quân đội viễn chinh Pháp lúc bấy giờ. Bản chất của Marie de Mayréna là một tay giang hồ từng phiêu lưu đến Thổ-nhĩ-kỳ, Phổ (tức là nước Đức sau này)... Năm 1861, de Mayréna có mặt trong đạo quân viễn chinh Pháp xâm lăng Nam Kỳ. Sau đó, de Mayréna về Pháp, rồi phiêu lưu sang Java, Sumatra bấy giờ thuộc đế quốc Hòa Lan.

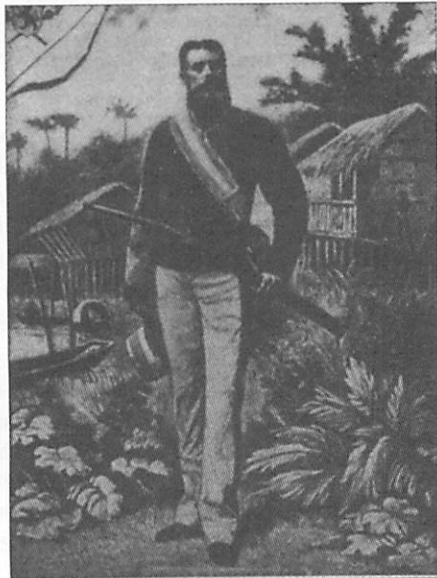
Năm 1885 de Mayréna trở lại Đông Dương, khai thác đồn điền ở vùng giáp ranh Nam Kỳ và Trung Kỳ. Năm 1888, de Mayréna tiếp xúc với các linh mục Thiên chúa giáo và được Toàn Quyền Đông Dương Pháp bấy giờ là Constans giao cho sứ mạng lên vùng cao nguyên Trung Kỳ, tiếp xúc với các sắc dân thiểu số nhằm thiết lập một con đường từ tỉnh Bình Định đến sông Mé Kông để đề phòng nước Phổ đang có tin lăm le bành trướng ảnh hưởng sang phía đông rặng Trường Sơn.

De Mayréna đến Qui Nhơn ngày 16-3-1888, liên lạc với Công Sứ Qui Nhơn và các linh mục để hoạch định công việc. Được sự giới thiệu của giám mục Qui Nhơn, de Mayréna lên gặp giám mục Kon-tum, rồi tiếp xúc và ký thỏa ước với các già làng người Sédang, Bà Na, và Rong Gao ở đó để thành lập một vương quốc độc lập, với chính de Mayréna được tôn làm hoàng đế ngày 1/6/1888.



"Ấn tín" của Marie Đệ Nhất, vua xứ Sédang 1888-1890

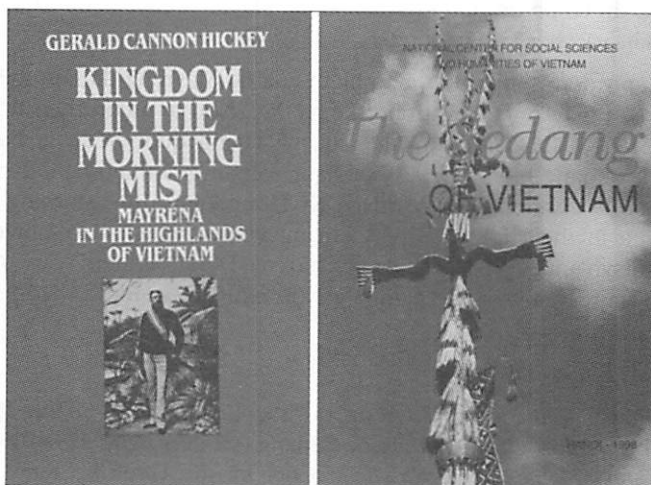
Trong tư cách ấy, de Mayréna lấy danh hiệu "Marie de Mayréna, Roi des Sédangs," ban hành "hiến pháp" 14 điều ngày 3/6/1888 (thành lập Liên Minh Bà Na Rong Gao, tức Union Bahnar-Rongao) sửa đổi thành "hiến pháp" 15 điều ngày 1-7-1888 (Liên Minh Bà Na Rong Gao đổi thành Vương quốc Sédang, tức Royaume Sédang), thiết lập quốc huy, ấn tín, định phẩm phục, vân vân.



Chân dung Marie de Mayréna, vua xứ Sédang, 1888-1890

Ngày 9-7 và 20-7-1888, de Mayréna ra hai “sắc lệnh” ấn định sự hình thành và tổ chức hệ thống bưu chính cho vương quốc. De Mayréna cũng cho phát hành bộ 7 tem chung một mẫu vẽ, chỉ khác mẫu gồm các giá mặt Moi Mouk, 1/2 Math, Moi Math, Ber Math, Pouen Math, 1/2 \$, và Moi \$. Bộ tem in lần thứ nhất này được giới chơi tem quốc tế mệnh danh là native issue, native prints, hay local prints, tức tem Sédang in tại địa phương (có thể là ở Hồng Kông).

Sau khi lên làm “hoàng đế Vương quốc Sédang,” de Mayréna làm một chuyến vòng quanh thế giới, đi Hải Phòng, sang Hồng Kông, trở về Âu Châu... Đi đến đâu, de Mayréna rộng rãi ban phát và hứa hẹn đến đó những huy chương, phẩm tước, hay quyền lợi cho bất cứ ai đóng góp tài chính cho đương sự. Trong thời gian ở Âu Châu, ngày 5-9-1889, de Mayréna ra “sắc lệnh” chỉ định một người ở Bỉ tên Camille Berleur làm Giám Đốc Bưu Chính, và lấy chính nhà của nhân vật này, số 43 Boulevard Anspeach, Brussels, làm trụ sở. Cũng chính thời gian ở Bỉ, de Mayréna đã cho in lại bộ tem Sédang 7 giá tiền. Bộ tem in lại, hay in lần thứ hai này, được giới sưu tầm tem quốc tế mệnh danh là Paris prints, tức là bộ tem Sédang in tại Paris, Pháp.



Sau khi in xong, bộ tem Sédang được giới sưu tầm tem quốc tế lùng mua ngay vì rất nhiều tạp chí tem quốc tế đứng đắn đưa tin và giới thiệu, như ở Pháp thì có các tạp chí Le Timbre-Poste 1889-91, và L'Écho de la Timbrologie 1889, ở Đức thì có các tạp chí Illustrietes Briefmarken Journal 1889, Illustriete Briefmarken Zeitung 1889, và Der Philatelist 1889-91, và ở Mỹ thì có các tạp chí American Journal of Philately 1889, The Philatelic Record 1889, Mekeel's Weekly Stamp

News 1894-1900, và Mekeel's Stamp Collector 1903. Hồi ấy, tức thập niên 1890, các tay chơi tem ở Mỹ phải tìm mua tem Sédang với giá trung bình US\$5.00/bộ.

Dĩ nhiên những hoạt động bất thường của de Mayréna làm chính quyền thuộc địa Pháp khó chịu, và họ đặt de Mayréna ra ngoài vòng pháp luật, rồi ra lệnh truy nã, khiến de Mayréna phải lưu lạc khắp nơi. Năm 1890, từ Âu Châu, de Mayréna đáp tàu thủy trở lại Viễn Đông. Nhưng nhà cầm quyền Đông Dương đã ngăn cản việc Mayréna trở lại vùng cao nguyên Trung Kỳ khiến de Mayréna khi đến Tân Gia Ba (Singapore) phải ở lại đây một thời gian. Rồi ngày 29-3-1890, de Mayréna rời Tân Gia Ba đến một hoang đảo tên Pulau Siribua ở Mã Lai, rồi cuối tháng Tư di chuyển đến một đảo khác, tên Pulau Tioman cũng thuộc phía tây Mã Lai. Ở đây, de Mayréna sống ẩn dật, không còn liên lạc với ai nữa. Ăn uống hàng ngày dựa vào việc đánh cá và săn thú.

Đột nhiên, ngày 11-11-1890, tin de Mayréna chết vì bị rắn độc cắn được chính thức phổ biến. Đó là theo tài liệu của nhà cầm quyền địa phương ở Mã Lai. Nhưng khi tin de Mayréna chết truyền đến Đông Dương, thì có ba tin đồn khác nhau: de Mayréna chết vì rắn độc, chết vì tự sát, và chết vì đấu súng.

Hành động phiêu lưu mạo hiểm của de Mayréna đã làm thế giới tổn nhiều giấy mực suốt trong thế kỷ XX. Nếu ai muốn theo dõi chi tiết về cuộc đời của nhân vật này, về vương quốc Sédang, hay về dân tộc Sédang hiện nay tại Việt Nam, tôi xin giới thiệu hai tác phẩm của Gerald Cannon Hickey ở Hoa Kỳ (Kingdom in the Morning Mist. Mayréna in the Highlands of Vietnam, Pennsylvania, nxb University of Pennsylvania, 1988, 221 trang) và của Đặng Nghiêm Vạn ở Việt Nam (The Sedang of Vietnam, Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1998, 190 trang).

2. TEM SÉDANG

Ngày 9-7-1888, de Mayréna ra "sắc lệnh" số 23, thành lập tổ chức bưu chính cho Vương quốc Sédang, và đến ngày 21-8-1888, ký "sắc lệnh" số 34, quy định các chi tiết kỹ thuật của bộ tem. Ngày nay, người ta chưa dứt khoát khẳng định được nơi in bộ tem. Có ba địa điểm được nói tới, là Hà Nội, Thượng Hải, và nhất là Hồng Kông, vì trong một bài báo đăng trên tạp chí tem Pháp L'Écho de la Timbrologie (số phát hành ngày 20-7-1889) mà bản dịch của bài này đăng trên tạp chí tem Mỹ American Journal of Philately (số phát hành tháng 9-1889), tác giả là Ch. de Solrac cho biết ở rìa của tờ tem có in hàng chữ "Hong Kong P. O." (P. O. là chữ viết tắt của Printing Office). Điều này phù hợp với một sự kiện xảy ra vào cuối năm 1888, là de Mayréna khi ấy có mặt ở Hồng Kông và được chính Thống Đốc Hồng

Kông tiếp đón trong một buổi dạ tiệc do sự giới thiệu của Lãnh Sự Pháp tại Hồng Kông. Vậy, trong thời gian ở Hong Kông, de Mayréna có thể đặt in tem luôn ở đó.

Về mẫu tem, giữa tem là nghi vệ hoàng đế: cái mộc (khiên) với hình sư tử. Bên trên cái mộc là chiếc vương miện lớn, chụp xuống. Đằng sau cái mộc là hai vương trượng bắt chéo nhau, vương trượng bên phải tận cùng bằng một bàn tay. Giới chơi tem cần chú ý đến bàn tay này. Ở lần in thứ nhất (1888), hai ngón trở và ngón giữa của bàn tay không chạm vào khung tem, còn ở lần in thứ hai (1889), hai ngón tay này chạm dính vào khung tem. Đó là một cách phân biệt tem nào in lần thứ nhất và tem nào in lần thứ hai. Hai bên cái mộc có chữ Deh (bên trái) Sedang (bên phải). “Deh Sedang” có nghĩa là “Vương quốc Sédang.” Tem có hai khung trên dưới để ghi giá mặt. Giá tem ghi bằng số thì nằm trong khung trên và giá tem ghi bằng chữ thì nằm trong khung dưới. Bốn góc tem là bốn vương miện nhỏ đặt chéo, hướng về trung điểm của mẫu tem. Bộ tem có 7 con, giá mặt được ghi theo hệ thống chữ số của người Sédang đương thời: “moi” nghĩa là “một;” “ber” nghĩa là “hai;” “pouen” nghĩa là “ba.”

Điều đáng chú ý nhất của bộ tem in lần thứ nhất này là bốn con tem Moi Math, Ber Math, Pouen Math, và Moi Mouk đều có dấu gạch nối giữa hai từ, tức MOI-MATH, BER-MATH, POUEN-MATH, và MOI-MOUK. Đó sẽ là dấu hiệu dễ nhận biết nhất khi ta muốn xác định con tem nào thuộc lần in thứ nhất (1888) và con tem nào thuộc lần in thứ hai (1889).



Bộ tem Sédang in tại địa phương, năm 1888

Một vấn đề quan trọng là tem Sédang in lần thứ nhất này có được sử dụng trong thư từ hay không? Tôi xác định là CÓ! Bằng chứng là nhà nghiên cứu bưu hoa người Pháp Jacques Desrousseau (1) cho biết là giữa thập niên 1940, chính ông đã thấy khoảng nửa tá phong bì có dán tem Sédang ở Huế. Trên những phong bì ấy, Desrousseau thấy tem Sédang không bị hủy bởi dấu hủy tem, mà bị hủy bởi một chữ “M” viết tay bằng bút máy. So sánh chữ “M” này với chữ ký của de Mayréna trong các “sắc lệnh” mà ông này “ban hành,” Desrousseau kết luận đó chính là chữ ký của de Mayréna, người tự xưng là “Marie 1er,” tức “Marie Đệ Nhất” của vương quốc Sédang. Theo Desrousseau, đó là những bức thư mà de Mayréna viết gửi cho công sứ Pháp ở Qui Nhơn, do các người Thượng đi bộ từ nơi de Mayréna ở (Kontum-Pleiku) xuống Qui Nhơn và bỏ vào thùng thư ở đó. Vì nhà cầm quyền thuộc địa Pháp không công nhận “vương quốc Sédang” và tem Sédang không có giá trị bưu phí ở Đông Dương, nên thư nào cũng bị đóng dấu phạt.

Đến ngày 6/6/1889, khi de Mayréna ở Âu Châu, đương sự ký một sắc lệnh về việc in thêm tem, theo mẫu in lần thứ nhất tại Viễn Đông. De Mayréna còn cho phổ biến chi tiết về bộ tem mới trong một thông cáo báo chí nhằm quảng bá và chào mời các nhà buôn tem quốc tế. Nhưng khi nhà in in xong lô tem Sédang thì không có ai trả tiền cho họ, khiến họ giữ lại lô tem ấy. Sau đó, họ đã tự động bán dần lô tem này cho các nhà buôn và giới chơi tem để lấy lại vốn in.



Tem Sédang bị hủy bởi một chữ “M” viết tay



Bộ tem Sédang in lần thứ hai, 1889. (Bộ sưu tập TAT)

Theo dõi tem Sédang từ lâu, tôi ngạc nhiên và thích thú được biết tem Sédang rao bán đấu giá ở Hòa Lan năm 1992. Liên lạc với công ty đấu giá ấy, D&O Trading ở Gouda, tôi tiếp xúc với giám đốc là ông Hendrik J. Oranje, được ông cho biết là trong một cuộc đấu giá tem ở Bỉ khoảng năm bảy năm trước đó, ông thấy giới thiệu một lô tem địa phương của Trung Quốc nên đấu giá cao và mua được. Nhưng khi có lô tem đó trong tay, Oranje mới biết là ông bị lừa: đó không phải là tem địa phương của Trung Quốc thời Mao Trạch Đông chưa thống nhất Trung Hoa như ông nghĩ, mà là tem của “xứ Sédang,” một cái tên hoàn toàn xa lạ với ông. Bất đắc dĩ có trong tay một số lượng lớn tem Sedang mà ngoài ông ra, không ai có nữa, Oranje bỏ công và bỏ thì giờ trong hơn ba năm để phân tích các mẫu tem Sédang ấy và hoàn tất một thiên nghiên cứu tỷ mỹ. Đó là tác phẩm Sedang, 48 trang, bằng tiếng Hòa Lan, xuất bản năm 1989.



Bản nghiên cứu tem Sédang của Hendrik J. Oranje dày 48 trang, xuất bản năm 1989 bằng tiếng Hòa Lan. (Tài liệu TAT)

Liên hệ giữa Ông Hendrik J. Oranje và tem Sédang không chấm dứt ở đó. Tháng 11 năm 1989, ông nhận được một lá thư từ một nhân vật ở Tân Tây Lan tự xưng là hậu duệ của Marie Đệ Nhất và đề nghị trao đổi tem Sédang in năm 1889 mà ông đang có với tem của “Đế Quốc Sédang” mà Norbert Ching -tên người này- đã và đang sản xuất từ năm 1934 (?). Dĩ nhiên, ông Hendrik J. Oranje thấy ngay đây là chuyện man trá nên đã thẳng tay từ chối việc trao đổi. Mặt khác, ông cũng lên tiếng báo động sự mạo danh của Norbert Ching cho giới chơi tem quốc tế.

Năm 1993, ông Hendrik J. Oranje ngỡ ý muốn bán toàn bộ tem Sédang ấy cho tôi. Quá bất ngờ, nhưng tôi vội nắm cơ hội để có trong tay lô vật phẩm bưu chính độc nhất: nguyên những tờ tem Sédang in tại Paris năm 1889 còn nguyên keo và dấu "Visa de Controle" mà tác giả Jacques Desrousseaux đã đề cập đến nơi trang 89-91 trong thiên nghiên cứu độc đáo và tỷ mỹ đầy 432 trang của ông nhan đề Post et Courriers Francais Etrême-Orient!



Thư của Norbert Ching ở Tân Tây Lan đề nghị trao đổi tem Sédang in năm 1889 của ông Hendrik J. Oranje để lấy tem Sédang do "hậu duệ" của vua Marie Đệ Nhất phát hành hiện nay. (Tài liệu TAT)



Một bộ tem Sédang 1889 với dấu do nhà in ở Paris đóng để bán cho người sưu tầm tem chết. (Bộ sưu tập TAT)

Tem Sédang in lần thứ hai này có được sử dụng trên phong bì thực như tem in lần thứ nhất hay không? Tôi xin xác định là **KHÔNG!** Vì nhà in không được trả tiền, nên họ đã không giao tem cho de Mayréna hay người đại diện của ông ta. Do đó, tem in lần thứ hai này đã không được phát hành.

Giới sưu tầm tem quốc tế thỉnh thoảng thấy tem Sédang in lần thứ hai có dấu hủy tem thì đó chính là những tem CTO (Cancelled To Order) mà thôi! Nguyên khi in xong,

vì không được ai trả tiền nên nhà in đã tự động bán tem Sédang cho những ai có nhu cầu mua, nhất là các nhà buôn tem ở Pháp và các nước Âu Châu, và để thỏa mãn nhu cầu mua tem sống (chưa đóng dấu) lẫn tem chết (đã đóng dấu), nhà in tem ở Paris còn làm con dấu "Bưu điện Sédang" để đóng lên tem theo thể thức CTO đã thành lệ của giới chơi tem quốc tế.

Con dấu này chỉ có một vòng tròn với hàng chữ "Deh Sedang" ở trên, và "Pelei-Agna" ở dưới. Pelei-Agna là tên của "thủ đô" xứ Sédang, nhưng không ai biết đích xác Pelei-Agna ở đâu trên vùng cao nguyên Kontum-Pleiku ngày nay. Giữa con dấu là hai gạch ngang, ở giữa là năm "1889."



Hai mẫu dấu CTO đóng trên tem Sédang in tại Paris, 1889



Mẫu một tờ tem Sédang in tại Paris năm 1889 còn nguyên keo và dấu "Visa de Controle" màu tím đóng ở trên. (Bộ sưu tập TAT)

3) Tem Sédang giả

A. Tem giả ở Việt Nam

Một ngày trong năm 2003, ông Nguyễn Bảo Tụng (nhà sưu tầm tem số một thời VNCH hồi ấy định cư tại thành phố Richmond, California, đã mất) báo cho tôi biết là ông vừa nhận được hai phong bì FDC tem Sédang của một người buôn tem ở Hà Nội. Tôi liền ghé thăm ông để cùng xem xét một vật phẩm khác thường mà cả hai chúng tôi đã chú ý từ lâu. Sau khi được xem hai phong bì này, tôi cho ông biết ngay đó là những cửa giả. Thật ra, không cần xem tận mắt hai phong bì này, tôi cũng đã biết trước là không bao giờ có FDC tem Sédang cả!



FDC Sédang từ Hà Nội gửi sang California năm 2003: tem giả, dấu giả, phong bì giả, chỉ có chân dung Marie Đệ Nhất trong phẩm phục Hồi Giáo là có phần đúng.

Có thể nói kẻ gian làm hai phong bì tem Sédang giả này đã khinh thường sự hiểu biết của giới chơi tem hết mực đến độ hấn ta làm của giả một cách thô thiển, trắng trợn, và có thể thêm là “ngu dốt” nữa! Thứ nhất, theo tài liệu về sự sản xuất và phát hành tem Sédang còn lại đến ngày nay thì làm gì có con tem Sédang “Ber \$” tức tem “2 \$!” Thứ đến, và quan trọng hơn là chữ Pháp trong con dấu “Phát hành đầu tiên” viết sai hết, rõ ra một kẻ mù chữ Pháp: “Émission” là danh từ giống cái, nên phải viết là “Première Émission” thì con dấu khắc là “Premier Émission.” Rồi chữ “tem” tiếng Pháp số nhiều viết là “timbres poste” (chỉ có chữ “s” trong từ “timbre” mà thôi) thì con dấu khắc là “timbres postes,” nghĩa là có cả chữ “s” trong từ “poste!” De Mayréna là một người Pháp chính tông, sinh trưởng ở Pháp, lại là sĩ quan trong quân đội Pháp, thì làm sao “dốt” chữ Pháp đến thế được?!

Thế mà người buôn tem gửi bản photocopy qua, và đòi giá ba ngàn đô-la Mỹ (US\$3,000.00) cho hai phong bì ấy. Tôi biết chắc là ông Nguyễn Bảo Tụng không mua, thành ra tôi nghĩ rằng hai phong bì ấy vẫn còn ở Hà Nội.

b. Tem “giả” trên thị trường quốc tế

Sau cái chết của Marie de Mayréna, tức Marie Đệ Nhất của vương quốc Sédang, nhiều người đã tự xưng là hậu duệ để tiếp nối mộng bá vương cũng đồng thời là bá láp và nương vào hơi hướm vua chúa để phát hành “tem” bán cho một số người thích sưu tập của lạ trong giới chơi tem. Cũng cần nói thêm ở đây là việc một tư nhân in “tem” rồi bán những tem ấy là chuyện bình thường ở những quốc gia dân

chủ như Hoa Kỳ, Gia-nã-đại, Pháp, Anh... vốn có tự do thương mại (free enterprise).

Tuy nhiên, những người tự xưng là hậu duệ của Marie Đệ Nhất hiện nay vẫn còn chút lương thiện ở chỗ họ không làm giả tem Sédang thật (tức những tem in trong hai năm 1888 và 1889), mà chỉ in "tem" nhân danh "hoàng gia Sédang" mà thôi! Đó là sự xuất hiện của dòng "tem Sédang" do một cá nhân tự xưng là "hoàng thái tử vương quốc Sédang" hay "nhiếp chính vương," tên là Derwin James Kah Wai Mak ở Toronto, Gia-nã-đại phát hành.

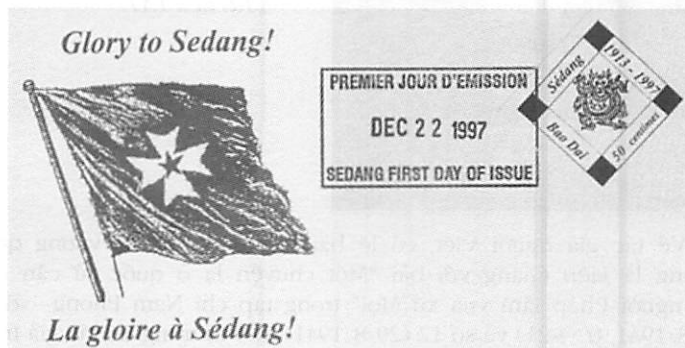
Bộ tem đầu tiên của vương quốc Sédang mà ấy được phát hành ngày 15-7-1996 với ba con tem in offset một mẫu, thiết kế thô thiển như sau:

- 1) Tem 25c hình phượng hoàng, màu đen
- 2) Tem 50c hình rồng cuộn, màu đỏ
- 3) Tem 1\$ hình sư tử, màu xanh lơ.

Sau bộ tem đầu tiên ấy, Derwin J.K.W. Mak còn tiếp tục in và bán nhiều bộ tem khác nữa. Tất cả đều là những hình ảnh thô sơ, in offset một mẫu. Ngoài tem, họ còn phát hành FDC, cùng những phong bì đặc biệt như phong bì kỷ niệm dịp "Hoàng Thái Tử" đi du lịch California từ 21-8 đến 3-9-1996, dịp "Hoàng Thái Tử" đi du lịch Las Vegas từ 15-12 đến 22-12-1996, hay dịp Bảo Đại mất ngày 22-12-1997, vân vân.

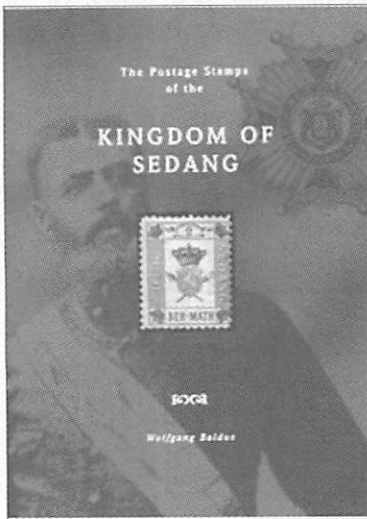


Bộ tem đầu tiên do "hậu duệ Marie Đệ Nhất" in tại Gia-nã-đại năm 1996. (Bộ sưu tập TAT)



FDC của "hậu duệ Marie Đệ Nhất" kỷ niệm ngày hoàng đế Bảo Đại mất, 22-12-1997. (Bộ sưu tập TAT)

Chuyện vương quốc Sédang (1888-1890) và tem Sédang (1888-1889) đã làm một số tác giả và một số người trong giới sưu tầm tem lão luyện tốn nhiều giấy mực. Thật vậy, một tay giang hồ quốc tế có nhãn hiệu -người Pháp, đại úy trong đoàn quân viễn chinh Pháp xâm lăng Nam Kỳ năm 1861- đã khuấy động giới thượng lưu bản xứ ở một số thủ phủ như Sài Gòn, Qui Nhơn, Hải Phòng, Hồng Kông, Paris, Brussels... trong ba năm 1888-1890, đã là đối tượng nghiên cứu của nhiều tác giả quốc tế như Pháp (Jean Marquet, Marcel Ner, 1927; Maurice Soulié, 1927; George Chapier, 1963; Jacques Desrousseaux, 1984, Michel Aurillac, 1986...), Bỉ (Dr. Grasset, 1978), Anh (W. S. Bristow, 1969), Hoa Kỳ (Harner F. Rooke, 1961; Jan Kindler, 1962; Eric Glasgow, 1971; Robert Werlich, 1975; Eugene Michel, 1977; Gregor Schwirtz, 1979; Geoff Wade, 1981; L. N. Williams, 1982; Gerald Cannon Hickey, 1988, Norman Williams, 1989; Derwin Mak, 1997...), Hòa Lan (Hendrik J. Oranje, 1989). Gần đây nhất là Wolfgang Baldus, người Đức, viết một thiên nghiên cứu tỷ mỉ về vương quốc Sédang và tem Sédang. Đó là quyển *History and Background Stories of Unusual Stamps. Booklet No. 4. The Postage Stamps of the Kingdom of Sedang*, tác giả tự xuất bản, 2005, 58 tr. Chưa kể hai tác phẩm tôi đã giới thiệu ở trên.



*Sách The Postage Stamp of the Kingdom of Sedang xuất bản năm 2005 tại Munich (Đức) là tác phẩm mới nhất nghiên cứu về tem Sédang của Wolfgang Baldus.
(Tài liệu TAT)*

Về tác giả người Việt, có lẽ bài viết đầu tiên về vương quốc Sédang là Liên Giang với bài "Một chuyện lạ ở quốc sử cận đại: Một người Pháp làm vua xứ Mọi" trong tạp chí Nam Phong số 11 (22/8/1941, tr. 4-21) và số 12 (29/8/1941) tr. 5-6 trong đó tác giả trình bày khá chi tiết về De Mayrena mà tác giả gọi là "Đại Đầu Vương, vua nước Xê Đăng!" Bài của Liên Giang cũng ghi đầy đủ nội dung của

Chú thích

(1) Cho đến bây giờ, Jacques Desrousseau (đã mất) vẫn được coi là một nhà nghiên cứu lịch sử bưu chính ba nước Việt-Miền-Lào có uy tín nhất thế giới. Uy tín ấy tạo được là do Desrousseau hoàn tất thiên nghiên cứu lịch sử bưu chính ba nước Việt-Miền-Lào từ năm 1860 đến năm 1975. Thiên nghiên cứu công phu ấy, hoàn tất năm 1984, đến nay vẫn chưa hề được in ấn. Nhưng trước khi mất, Desrousseau đã gửi tặng Thư Viện Viện Bảo Tàng Bưu Chính Pháp tập bản thảo ấy, dày 432 trang khổ lớn 81/2x11. Bản thảo do chính Desrousseau đánh máy trên một cái máy chữ cũ kỹ nên nhiều chữ khó đọc, và nhiều chỗ bôi, xóa, sửa lem nhem làm khổ người đọc phải đoán ý, nhưng mỗi dòng chữ trong tuyệt phẩm ấy là một chi tiết quý giá về lịch sử bưu chính thời Pháp thuộc, thời Nhật, thời VNDCCH, thời LKV, thời VNCH, thời MTDTGPMNVN, thời CHMNVN... Lý do Desrousseau có nhiều tài liệu và những vật phẩm bưu chính trong tay để phân tích và kết luận về lịch sử bưu chính ba nước qua các chính thể khác nhau là do địa vị đặc biệt của ông. Là Tổng Thanh Tra Hàm Mỏ Đông Dương dưới thời Pháp thuộc, Desrousseau là một viên chức cao cấp trong chính quyền, vì thế mà có thể lục, có nhiều tiền bạc, và có biết bao cơ hội thu đắc các vật phẩm bưu chính mà không một người sưu tầm tem thư hại nào có thể so sánh. Chẳng hạn, Desrousseau có được những phong bì thực gửi LKV và đó chính là những phong bì mà quân Pháp hành quân vào "Vùng Giải Phóng" đã tịch thu được, mà Desrousseau được bạn bè trong giới sĩ quan Pháp chuyển cho. Nhiều khi tôi tự hỏi những phong bì LKV thực gửi bấy lâu nay rao bán trên eBay ở Hoa Kỳ hay bất cứ một nơi nào khác có phải gốc từ đó mà ra? Và nếu đúng như thế, thì những ai cầm trong tay những chiếc phong bì ấy, có khi nào họ biết rằng vì chủ nhân của chúng đã bị giết chết nên họ mới có hay không?





NHÂM THÌN 2012

Con rồng trong dân gian

Nguyễn Quý Đại

Năm cũ trôi qua, năm mới đến, tuần báo Time là tờ báo đầu tiên có sáng kiến bình chọn nhân vật xuất sắc trong năm. Cứ gần đến cuối năm là dư luận lại xôn xao bàn tán, chờ xem Time chọn nhân vật nào? Đối với Cộng Đồng Người Việt Nam Tỵ Nạn thì chuẩn bị phát hành Đặc San Xuân, lo chương trình văn nghệ Tết mừng xuân. Năm 2012 cầm tinh con rồng nằm trong cung hoàng đạo, đứng vị trí thứ 5 trong số 12 con giáp, theo lịch Nhâm Thìn (壬辰) thuộc thứ 29 theo Thiên Can Địa Chi là: Giáp Tý, Ất Sửu, Bính Dần, Đinh Mão, Mậu Thìn, Kỷ Tỵ, Canh Ngọ, Tân Mùi, Nhâm Thân, Quý Dậu. Chu kỳ sáu mươi năm (60), năm 2012 Nhâm Thìn (thứ 29), năm 2024 Giáp Thìn (thứ 41) 2036 Bình Thìn (thứ 53) tới năm 2072 trở lại năm Nhâm Thìn.



Về đời sống, trong khoa học cũng như thi ca của 12 con giáp như: hổ, rắn, khỉ, chuột được nuôi trong sở thú, heo, gà, chó, mèo, trâu, ngựa được thuần hóa thành gia súc, nhưng con rồng không thể tìm

dâu ra trong thực tế. Rồng sống trong những câu chuyện thần thoại từ Á sang Âu trong các phim hoạt hình giả tưởng. Tuy nhiên con rồng là biểu tượng đặc biệt trong văn hóa, tín ngưỡng của dân tộc Việt Nam, liên quan đến truyền thuyết con rồng cháu tiên chuyện huyền thoại Lạc Long Quân lấy nàng Âu Cơ đẻ ra bọc trăm trứng và nở thành một trăm người con Rồng là biểu tượng của sự cao quý tốt đẹp, thăng hoa và thịnh vượng, rồng xuất hiện thể hiện cái đẹp chân, thiện, mỹ. Hình



ảnh con rồng đã ăn sâu vào tâm thức của người Việt, những di tích lịch sử, cổ vật có hình rồng bay phượng múa, (long-lân-qui-phụng) được sử dụng trong kiến trúc tôn giáo, điêu khắc và hội họa, hình rồng mang bản sắc riêng. Từ đời Lý rồi qua các triều đại rồng có những khác biệt, thân rồng uốn hình 12 khúc, đại diện 12 tháng trong năm. Thân mềm mại uốn

lượn thể hiện sự biến hóa. Trên lưng có vây nhỏ liền mạch và đều đặn. Đầu rồng có bờm dài, râu cằm, không sừng. Mắt lồi to, hàm mở rộng có răng nanh, bốn chân mỗi chân có ba, bốn móng cong nhọn. Đầu rồng ngẩng cao, há miệng rộng vờn đớp viên ngọc quý (ở Nhật Bản, Đại Hàn và Trung Hoa rồng hay cầm ngọc bằng chân trước). Rồng luôn tìm kiếm viên ngọc đó như một vật hình cầu lơ lửng ngay gần miệng rồng để diễn tả ý rồng nhả ngọc, rồng châu ngọc, hay rồng tranh ngọc

Rồng ở các nước Á châu có nhiều khác biệt với rồng ở Âu châu, rồng Á châu có mình rắn, vây cá, bờm sư tử, sừng hươu và biết bay, là con vật linh thiêng. Ngược lại các nước Âu châu rồng "Dragon" là một loài quái vật thân con khỉ long có cánh dơi là biểu tượng của cái ác và sự hung dữ đều phun ra lửa hay nước phá hủy tất cả. Sức mạnh của rồng ở trong miệng và đuôi của nó

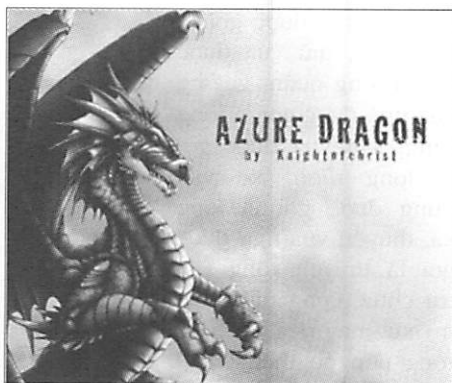


Những hình tượng đó đều sinh ra từ trí tưởng tượng của con người và là đặc điểm của mỗi nền văn hóa, nên rồng Đông phương có những nét khác rồng Tây phương.

-Fairy Dragon, rồng màu sắc sặc sỡ, có cánh chuồn chuồn hoặc cánh bướm, cổ dài, đuôi dài, mắt to .

-Azure Dragon, loại rồng thường có màu xanh lục hoặc xanh blue, sống rất thọ, hay gặp ở Bắc Cực .

-Chimera, loại rồng 3 đầu, hung ác, có sải cánh rộng, ở trong rừng núi cao, rồng mang sức mạnh của thiên nhiên là 4 yếu tố tạo nên vũ trụ: Gió, Lửa, Đất và Nước. Sự khác biệt về rồng của Đông phương cũng như Tây phương đều giúp con người nhận thức khám phá về thế giới thêm phong phú.



Hiện tượng vòi rồng hút nước.

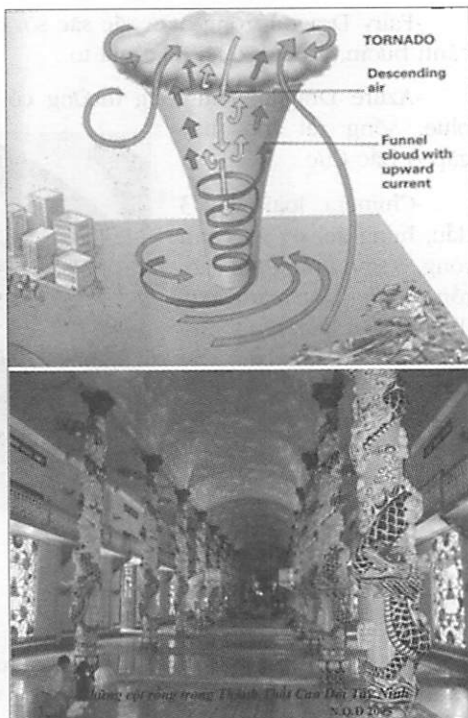
Vòi rồng hút nước là hiện tượng một luồng không khí lớn xoáy tròn mở rộng ra từ một đám mây dông xuống tới mặt đất. Lốc xoáy do có 2 luồng gió mạnh thổi ngược chiều và lệch nhau tạo nên xoáy mạnh cuốn nước lên cao giống như vòi rồng, sức hút ở trung tâm cơn lốc lên đến 100km/giờ. Do đó cơn lốc này có thể hút nước biển và cả những con cá đem lên trời, đường kính của vòi rồng có thể thay đổi từ 20m đến khoảng 50m. Người ta gọi vòi rồng âm Hán-Việt là "lục long quyển", tiếng Anh Tornado có nguồn gốc từ tiếng Tây Ban Nha là tornar.

Nhìn từ xa vòi rồng có thể có màu đen hoặc trắng, tùy thuộc những thứ mà nó cuốn theo, vòi rồng xuất hiện ở trên đại dương thường hút nước biển lên cao tạo thành các cây nước (waterspouts).



Rồng sống trong huyền thoại

Trong dân gian, rồng vẫn là sự kích thích trí tưởng tượng tạo cảm hứng sáng tác cho con người. Ở Việt Nam hình tượng rồng đại diện cho uy lực triều đình, rồng được thêu lên áo bào vua. Áo vua được gọi là long bào, mũ vua được gọi là long quân, giường vua ngủ được gọi là long sàng, sân vua được gọi là long đình, xe vua dùng được gọi là long xa, thuyền vua ngự được gọi là thuyền rồng Cột trụ chùa, cung điện, bia trụ xưa nay đều có hình rồng uốn éo theo chiều đứng, (loại rắn bò uốn éo theo chiều ngang)



Lý Công Uẩn lật đổ nhà tiền Lê năm Kỷ Dậu 1009, lên ngôi tức Lý Thái Tổ trị vì (1010-1028) có công lập nên nhà Lý. Tháng 7 năm 1010 vua dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra thành Đại La, có huyền thoại rằng khi vua đi thuyền đến Đại La thì rồng xuất hiện trên trời, báo điềm lành cho triều đại tốt đẹp nên vua đổi tên Đại La thành Thăng Long, có nghĩa là “rồng bay lên”. Từ đó bắt đầu một giai đoạn lịch sử mới đối với vận mệnh của dân tộc trên đất Thăng Long. Vua Minh Mạng (trị vì 1820-1841) đổi Thăng Long (821 năm) thành Hà Nội năm 1831, nhà thơ Huy Cận đã hoài cổ Thăng long với “đất ngàn năm văn vật”:

*Đây Thăng Long đất sắp tròn nghìn tuổi
Rồng bay lên ngày tháng tốt tàu vua
Lý Công Uẩn mắt thần nhìn nước non mở hội
Bốn phương trời Đại Việt lập kinh đô*

Trong thi ca, tục ngữ lưu truyền, hay các truyện thần thoại ly kỳ, hấp dẫn đều do trí tưởng tượng trong đời sống dân gian đó là những ước mơ và khát vọng của con người về rồng

*Phận gái lấy được chồng khôn
Xem bằng cá vược vũ môn hoá rồng.*

*Nghĩ con cá lý ngư cũng như thân thiếp
Chờ cho mãn kiếp tu hoá rồng
Thôi anh đừng mong vợ mong chồng
Để cho em xa lánh bụi hồng gió trăng*

*Nước lên khỏi vực tràn bờ
Thương thì nói vậy, biết chờ đặng không
Đặng không tôi cũng gắng công
Chừng nào ao cá hóa rồng sẽ bay.*

Trí tưởng tượng thật phong phú, rồng không ấp trứng nhưng nở ra rồng

*Trứng rồng lại nở ra rồng
Liu diu lại nở ra dòng liu diu
Trứng rồng lại nở ra rồng
Hạt thông lại nở cây thông rườm rà*

*Sông Trà sát núi Long Đầu
Nước kia chảy mãi rồng châu ngày xưa
Núi Long Đầu lưu danh hậu thế
Chùa Thiên Ấn ẩn để hậu hoàng
Ai về xứ Quảng cho nàng về theo*

Sự chệnh lệch về kiến thức trong tình yêu, tình vợ chồng xưa cũng như nay, quả là một trở ngại lớn lao trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình :

*Rồng nằm bể cạn phơi râu,
Mấy lời anh nói dẫu đầu bở đuôi.
Rồng vàng tắm nước ao tù,
Người khôn ở với người ngu bực mình.*

*Rồng giao đầu, Phụng giao đuôi,
Nay tui hỏi thiệt: Minh thương tui không mình?*

*Rồng châu ngoài Huế, ngựa tể Đồng Nai
Nước sông trong chảy lộn sông ngoài
Thương người quân tử lạc loài tới đây*

*Rồng đen lấy nước thì nắng,
Rồng trắng lấy nước thì mưa ...*

Cái đẹp phát xuất từ tâm tư con người, quan niệm của người bình dân thời xưa cho chúng ta thấy được một phần nhân sinh quan :

*Lỗ mũi em thì tám gánh lông
Chồng yêu, chồng bảo râu rồng trời cho
Đêm nằm thì ngáy o o
Chồng yêu, chồng bảo ngáy cho vui nhà.*

*Hôm qua anh đến chơi nhà
Thấy mẹ nằm võng, thấy cha nằm giường
Thấy em nằm đất, anh thương
Anh đi mua gỗ đóng giường tám thang
Bốn góc thì anh bịt vàng
Bốn chân bịt bạc, tám thang chạm rồng
Vi von rồng qua các câu đố về tàu cau và con gà trống
Đầu rồng đuôi phụng le te
Mùa đông áp trứng mùa hè đẻ con
Đầu rồng, đuôi phụng cánh tiên
Ngày năm bảy vợ, tối ngủ riêng một mình.*

Thực vật và động vật mang tên rồng

Các loại cây xương rồng tên khoa học: Cactaceae có từ 24 đến 220 chi, tùy theo nguồn (90 chi phổ biến nhất), trong đó có từ 1.500 đến 1.800 loài. Cây xương rồng có nguồn gốc từ vùng sa mạc Mỹ châu và một số mọc trong rừng nhiệt đới, xương rồng có gai và thân,

lá cây chứa nước dự trữ hai lá mầm và có hoa nở đẹp lâu tàn. Trái Thanh long (Dragon Fruit) của Việt Nam thơm ngon xuất cảng ra thị trường thế giới.



Nhiều loại cá gọi là cá rồng, cá rồng Á châu (tên khoa học: Scleropages formosus) Cá rồng được tìm thấy ở một số nước như: Thái Lan, Indonesia (Bocneo, Sumatra), Malaysia. Úc loại cá này theo màu sắc và hình dáng chia ra làm 4 loại chính là:

Kim long quá bối
Cross Back Goiden Maiaysia (giống này từ Malaysia):

Huyết long Super Red (giống này từ Indonesia)

Kim long hồng vĩ Red Tail Golden (giống này từ Indonesia)

Thanh long Green Arowana giống này có ở nhiều nơi trên vùng nhiệt đới. Cá vượt vũ môn theo truyền thuyết cho rằng loại cá chép vượt vũ môn để hóa rồng. Người Tàu đời nhà Hạ quan sát mùa vượt thác của cá Hồi về những dòng suối trên cao để đẻ trứng, họ không hiểu về tập tính đời sống loại cá này nên bịa ra lối giải thích rằng đoàn cá thi vượt qua các bậc cao gọi là vũ môn để hoá rồng bay đi, con nào không thành công thì chết.

Theo tài liệu dẫn chứng đó là loại cá Hồi Salmon/ Lachs dòng họ Salmonidae có 4 loại chính: Chinook, Coho, Sockeye và King Salmon. Đời sống hấp thụ cả cả hai môi trường đối nghịch là nước mặn lẫn nước ngọt. Cá Hồi được sinh trưởng tại vùng nước ngọt, nơi bắt nguồn của các con sông, suối, hồ. Sau đó chúng xuôi theo dòng ra biển sống tại các đại dương bao la. Đến mùa giao phối, chúng lại ngược dòng thời gian dài một vài tháng, quay về nguồn vượt thác để sinh sản rồi chết. Trứng nở ra thế hệ con cái lại tiếp tục quay ra biển sinh tồn duy trì nòi giống.

Những địa danh có hình tượng rồng

Sân rồng, thuyền rồng của ông kỹ sư Nguyễn Thành Nam (1909-1990), là người sáng lập Đạo Dừa; hay còn gọi là Hòa đồng Tôn giáo; Cuộc sống tu hành thức ăn chỉ là trái cây và dừa (nên người đời gọi Ông Đạo Dừa) ông thành lập đạo Dừa tại cồn Phụng ở Bến Tre vào năm 1963. Khu vực hành đạo của Đạo Dừa rộng khoảng 1.500m² hiện

vẫn còn “Sân rồng”, có hình 9 con rồng ôm thân cột, hình ông ồm nhỏ đứng giữa 9 bà vợ tượng trưng cho 9 con rồng (vợ nhưng không quan hệ tình dục?).



Sông chín rồng là sông Cửu Long, hay Cửu Long Giang (九龍江), là tên gọi chung cho các

phân lưu của sông Mê Kông chảy trên lãnh thổ Việt Nam. Bắt đầu từ Phnom Penh, nó chia thành 2 nhánh: bên phải là sông Bassac (sang Việt Nam gọi là Hậu Giang) và bên trái là Mê Kông (sang Việt Nam gọi là Tiền Giang), cả hai đều chảy vào qua đồng bằng châu thổ rộng 3,3 hecta ruộng lúa phì nhiêu, nước sông chảy ra biển có chín cửa. Từ Hậu giang các cửa: Định An, Ba Thắc, Tranh Đề. Từ Tiền giang các cửa: Tiểu, Đại, Hàm Luông, Cổ Chiêm, Cung Hầu, Ba Lai, nên sông Mê Kông còn được gọi là sông Cửu Long, tức “sông chín rồng”, ngày nay do môi trường thay đổi một cửa sông đã bị cát bồi biến mất một con rồng! nhưng trong lòng của nhân gian vẫn còn 9 con rồng

Sông Cửu Long chín cửa hai dòng

Người thương anh vô số

Nhưng anh chỉ một lòng với em

Ngoài ra còn có nơi mang tên long tức rồng: Vinh Long, Long Hồ, Bình Long, Long Bình, Hạ long, Phước Long, Long Mỹ, Long Hải, Long Xuyên, Long Khánh, Long An, Long Hồ, Long Đất, Long Thành, Long Biên

Những phim và sách mang tên rồng :

Các phim Tàu kiếm hiệp và võ thuật nổi tiếng như: Nga hổ tàng long, Mãnh long quá giang, Thiên long bát bộ, Long hổ đấu, các phim hoạt hình



của Nhật: Truyền thuyết về rồng, Tales From Earthsea, legen of the Millennium Dragon 2011, ngoài ra còn có các loại phim Dragonnica, Dragon and Elf Beauty wallpaper from Dragons wallpapers; D War, Dinosaur and Dragon

Loạt truyện Bảy viên ngọc rồng được phát hành với 3 loạt truyện, 17 phim hoạt hình, Video game. Năm 2008, hãng 20th Century Fox sản xuất bộ phim đầu tiên với người thật đóng trình làng năm 2009. Các tên tài tử điện ảnh võ thuật Tàu được nhiều người biết như Thành Long (Jackie Chang) Lý Tiểu Long (Bruce Lee) Địch Long, truyện Tam Quốc có Triệu Tử Long, Ngọa Long Khổng Minh Gia Cát Lượng, Đào Duy Từ có “Ngọa Long Cương Vân”. Tác phẩm “Con Rồng An Nam” của cựu hoàng Bảo Đại (1913-1997) hoàng đế thứ 13 là con “rồng nằm” cuối cùng của nhà Nguyễn đã qua đời và bị lãng quên trên xứ người. Tác giả Bill-Hayton viết “Vietnam Rising Dragon”.

Ngày ký “rồng rắn” của cố trung tướng Trần Độ (1923-2002) là tác phẩm cuối đời, niềm vui chưa trọn vẹn. Tác giả nói đến nỗi niềm cay đắng đã phục vụ dưới chủ nghĩa CS và bị khai trừ khỏi đảng. Ông viết để tặng “người đời và cuộc đời” những ai còn quan tâm đến tiền đồ của đất nước, ước mơ cuối cùng của ông chỉ có tự do, dân chủ cho dân tộc Việt Nam. Bốn câu thơ sau đã nói lên nỗi lòng của tác giả :

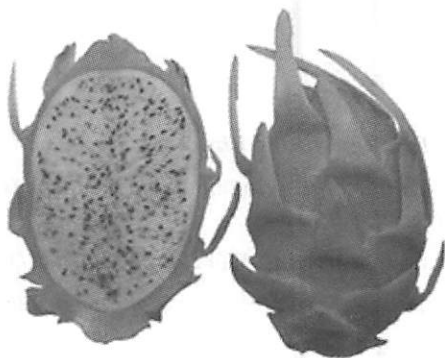
Những mơ xoá ác ở trên đời

Ta phó thân ta với đất trời

Ngỡ ác xóa rồi thay cực thiện

Ai bay, biến đổi, ác luân hồi.

Nhìn lại năm Tân mao đi qua thế giới thay đổi, những người hiền tài hay ác độc đều phải ra đi theo luật tạo hóa “sinh lão bệnh tử”. Osama bin Laden, xuất thân trong gia đình giàu có tại sao ông hận đời, cuồng tín tổ chức khủng bố quốc tế giết người và cuối cùng phải chết theo định luật “dùng gươm sẽ chết vì gươm”. Đại tá Gadhafi của Lybia, 42 năm quyền lực thao túng dầu mỏ đầu tư hơn 200 tỷ Mỹ Kim ra ngoại quốc sống giàu sang, tham lam thủ đoạn để rồi chết trong nhục nhã có



đơn, thân xác bị kéo lê trên đường phố, tất cả danh vọng tài sản đều bỏ lại, cát bụi trở về với cát bụi. Thế giới văn minh ngày nay loại bỏ người ác, cũng như chế độ độc tài ra khỏi quỹ đạo của trái đất, đây là bài học quý giá cho những ai còn tham quyền cố vị, muốn cầm quyền theo lối cha truyền con nối.

Thế giới thương tiếc Steve Jobs là thiên tài của thời đại, nhiều phát minh cho ngành điện tử làm thay đổi đời sống truyền thông, đóng góp một sự nghiệp vĩ đại cho nhân loại... Định mệnh đã thu ngắn sinh mệnh của ông, dù ông có tài sản 8 tỷ US\$ nhưng không mua được sự sống cho chính mình! Âu Châu khủng hoảng tiền tệ, Thái Lan Campuchia, Việt Nam bị ngập lụt. Tệ hại hơn nữa, nhà cầm quyền Việt Nam không tôn trọng nhân quyền, đàn áp các cuộc biểu tình chống Tàu xâm chiếm biển đảo của Việt Nam, bắt giam thành phần trí thức già- trẻ yêu nước bất đồng chính kiến vì họ muốn nhà cầm quyền phải tôn trọng quyền tự do của con người, như cố Thượng nghị sĩ Daniel Patrick Moynihan (1927-2003) đã nói: "If a person goes to a country and finds their newspapers filled with nothing but good news, there are goodmen in jail" (nếu bạn đến một nước mà bạn chỉ thấy trên báo toàn những tin tốt, thì những người tốt của đất nước đó ở trong tù)

Năm 2011 là năm Thìn, theo người Tây phương coi rồng là biểu tượng cho sự xấu xa, độc ác, là đối tượng mà con người cần phải chinh phục; thì ngược lại Đông phương xem rồng là biểu tượng cho sự tốt đẹp, may mắn và thịnh vượng. Dù quan niệm khác nhau nhưng năm Nhân Thìn đến mọi người dù Âu hay Á đều mơ ước một tương lai tươi đẹp hơn, đời sống vượt qua những khó khăn về kinh tế, có công ăn việc làm, tránh chiến tranh và mong ước thiên tai không xảy ra để con người bớt khổ đau nghèo đói. Riêng quê hương Việt Nam có tự do dân chủ, hy vọng tương lai kinh tế phát triển, như những con rồng tại Đông Nam Á Châu bay cao, để chúng ta có thể tự hào là Con Rồng Cháu Tiên.

Nguyễn Quý Đại

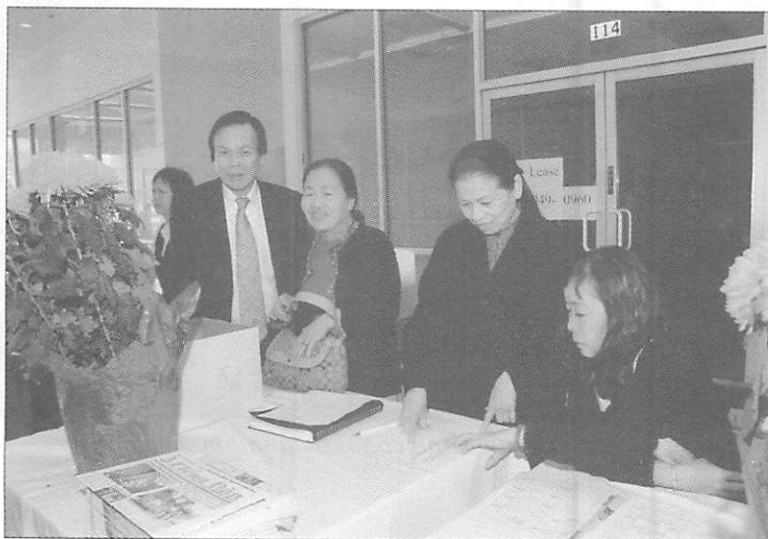
Tài liệu tham khảo.

Thi ca bình dân Việt Nam Ng. Tấn Long-Phan Canh NXB Sống Mới Saigon 1969

Ca dao trữ tình Việt Nam NXB Giáo Dục

Tài liệu, hình trên các Website và Wikipedia

Phông sự bằng hình
NGÀY HỘI XUÂN TÂN MÃO 2011



Quang cảnh buổi tiếp tân.



Quang cảnh chào cờ đầu năm.



Quang cảnh chào cờ đầu năm.



Quang cảnh chào cờ đầu năm.



Múa lân mừng Xuân Tân Mão 2011



Ông Phan Thanh Hùng, Hội Phó Ngoại Vụ Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali- Trưởng Ban Tổ Chức - tuyên bố khai mạc buổi lễ.



Quý vị cao niên của Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali đang niệm hương trước bàn thờ Tổ Quốc.



Ông Tony Đình, Hội Trưởng Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali đọc diễn văn chào mừng quan khách.



Mừng tuổi quý cụ cao niên Bình Định.



Mừng tuổi quý cụ cao niên Bình Định.



Quang cảnh phát quà cho các cháu thiếu nhi.



Một trong những màn hợp ca mừng Xuân.



Văn nghệ với màn đơn ca mừng Xuân.



Một màn song ca mừng Xuân sống động.



Đơn ca mừng Xuân.



Trình diễn dân ca



Trình diễn dân ca



Giới thiệu Đặc San Xuân Tân Mão 2011.

PHÓNG SỰ BẰNG HÌNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHẤP HÀNH NHIỆM KỲ 2011-2015



Bàn việc tổ chức Tiệc Tân Niên Nhâm Thìn 2012.



Thảo luận sôi nổi về việc tổ chức Tiệc Tân Niên.



Đóng góp ý kiến.



Đóng góp ý kiến.



Đóng góp ý kiến.



Đóng góp ý kiến.



Đóng góp ý kiến.



Đóng góp ý kiến.



Đóng góp ý kiến.



Đóng góp ý kiến.



Đóng góp ý kiến.



Họp mặt báo cáo tổng kết bài vở cho Đặc San Xuân.



Họp mặt báo cáo tổng kết bài vở cho Đặc San Xuân.



Họp mặt báo cáo tổng kết bài vở cho Đặc San Xuân.



Họp mặt báo cáo tổng kết bài vở cho Đặc San Xuân.



Chụp hình lưu niệm, liên hoan.



THƯ CẢM ƠN

Ban Chấp Hành Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California xin được chân thành cảm ơn Quý Mạnh Thường Quân, Quý Chủ Nhân các cơ sở thương mại, Quý Văn Thi Hữu đã hưởng ứng lời kêu gọi của chúng tôi bằng cách ủng hộ tài chánh, gửi các bài viết có giá trị để chúng tôi có thể thực hiện Đặc San Xuân Nhâm Thìn.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu đến Quý Đồng Hương và Thân Hữu các cơ sở thương mại này và mong Quý vị nhiệt tình ủng hộ khi hữu sự như là một sự biết ơn của chúng tôi.

Vì số lượng trang báo có giới hạn, thế nên một số bài không được đăng trong số Đặc San năm nay, xin phép được để dành cho số Đặc San năm tới.

Sau đây là danh sách các cơ sở thương mại và các ân nhân được ghi nhận cho đến lúc Đặc San được ấn hành:

DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ THƯƠNG MẠI ĐÃ ỦNG HỘ ĐẶC SAN

- | | |
|------------------------------|-----------------------------|
| - BS PHẠM VĂN NGÀ | - BS NHA KHOA JHON VU., DMD |
| - LS NGUYỄN NGỌC DIỆP | - PHỞ TẦU BAY |
| - BS NHA KHOA TỐNG DIỆU LIÊN | - BS NHA KHOA |
| & BS NHA KHOA CHÁNH VIỆT | TRONG T. TRAN D.D.S |
| - BS CẠI VĂN DUNG | - THUỐC BẮC DƯƠNG LAI CẢNH |
| - BS ĐẶNG PHƯƠNG TRẠCH | - REAL ESTATE BROKER |
| - BS NGUYỄN KIM PHỤNG | TRUNG NHƯ |
| - HIGH TECH DENTAL CARE | - REAL ESTATE AGENT |
| - TAC SOLUTION INC | LIEN KIM LU |
| - LUONG GARAGE | - BS NHA KHOA |
| - C.P.TAX, INC | NICK M. NGUYỄN D.M.D |
| - CHAU PHARMACY | - REAL ESTATE BROKER |
| - REAL ESTATE BROKER | ASSOCIATE VINH & HÀ |
| TONY DINH | - BS PHẠM ĐỨC VƯỢNG |
| - BẢO HIỂM TRẦN THU PHƯỢNG | - FARMER INSURANCE |
| - SENTER FOOD | - REAL ESTATE BROKER |
| - SAM CARPET | MONICA PHẠM |
| - PHỞ Ý | |
| - CARE INSURANCE | |
| - AAA INSURANCE | |
| - BS PHAN MỸ DUNG | |

DANH SÁCH AN NHÂN ỦNG HỘ ĐẶC SAN XUÂN NHÂM THÌN

- ÔNG ĐỖ HÙNG	(HAYWARD)	\$100.00
- ÔNG BÀ BS ĐẶNG PHƯƠNG TRẠCH	(SAN JOSE).....	\$100.00
- ÔNG BÀ TRẦN THÀNH.....	(HERCULES).....	\$50.00
- ÔNG BÀ BS TRƯƠNG THẾ PHIỆT	(SAN JOSE)	\$100.00
- ÔNG BÀ PHAN THANH HÙNG	(SAN JOSE).....	\$100.00
- BÀ VÕ THỊ TUYẾT NHẠN	(SAN JOSE)	\$100.00
- BÀ NGUYỄN THỊ ĐỂ.....	(SAN JOSE)	\$50.00
- ÔNG BÀ ĐỖ THÁI HÙNG	(OKLAHOMA)	\$100.00
- ÔNG BÙI ĐẮC BẢO	(SEATTLE)	\$ 50.00
- ÔNG TẠ CHƯƠNG TRĨ.....	(SAN PABLO)	\$50.00
- ÔNG CAO VĂN PHỔ.....	(SAN JOSE)	\$50.00
- ÔNG NGUYỄN ĐIỀU	(SAN JOSE)	\$50.00
- ÔNG CAO XUÂN THỌ.....	(HAYWARD)	\$50.00
- ÔNG NGÔ VĂN DŨNG	(N. CAROLINA)	\$20.00
- ÔNG BÀ HOÀNG NGHÊ	(SAN JOSE)	\$50.00
- ÔNG ĐOÀN BÌNH VIÊN	(SAN JOSE)	\$50.00
- ÔNG BÀ PHẠM HỮU ĐA.....	(AUSTIN, TEXAS)	\$100.00
- ÔNG BÀ LÊ ĐỨC HÙNG	(STOCKTON, CA).....	\$50.00
- ÔNG BÀ NGUYỄN BÌNH	(SAN JOSE).....	\$50.0
- BÀ BÙI THỊ TỬU	(LA MIRADA, CA)	\$50.00
- ÔNG PHẠM TIẾN MỸ.....	(NEW YORK).....	\$50.00



Nỗi nhớ tuổi thơ

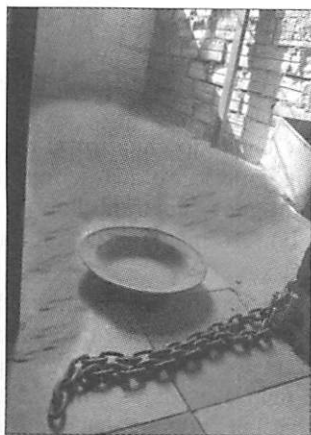
Những tàng hoa của một thời vọng tưởng.
 Gió xuân về mãi mãi cuốn trôi đi.
 Mầu quả khứ bay theo mùa dĩ vãng,
 Động hồn thơ giăng mắc trái tim gầy.
 Ta trở về theo lối cũ men say.
 Cùng bạn lứa của một thời trẻ dại.
 Buồng đầu chằm xuống trang đời con gái,
 Em trở thành nỗi nhớ tuổi thơ tôi.

Cây đa nào rồi mà chẳng mở côi,
 Dù bến nước có trái lòng đón lá.
 Bên miếu nhỏ bập bùng dăm gò mả,
 Đuốc ma trôi thấp thoáng một vùng trời.
 Chiều buông xuống bên đồi, đồi rắng nhỏ,
 Sụp tối dần sau dãy núi mờ xa.

Hương gió lạnh thấm qua làn áo mỏng,
 Em rung mình ôm chặt bóng hình tôi.
 Hai nhịp đập, đập dồn theo hơi thở,
 Phút đầu đời run sợ, thuở thơ ngây.
 Rồi từ ấy chiến chinh bùng lan tỏa,
 Em bỏ làng theo mẹ cha đi tản.
 Tôi ở lại với phương trời cô độc,
 Ôm nỗi nhớ gặm dần theo năm tháng.
 Bóng thời gian thanh thân lững lờ trôi,
 Giòng sông xưa giờ đã cạn mất rồi,
 Mà tuổi hạc chưa quên trang tình sử.

Thư Trang
 (Trong tập Về Quê mẹ)





Lời cầu nguyện trên rừng

BS. NGUYỄN TRÁC HIẾU

Đêm qua, một bạn tôi từ California gọi giục tôi viết bài cho báo Tết của hội anh ta. Bạn tôi khuyên, “Bạn không sáng tác được thì viết hồi ký, những hồi ký có liên quan đến y khoa cũng có người đọc.” Tôi lại hứa, “Ừ, sẽ gắng viết hồi ký trong tù Cộng Sản.”

Năm 1976, sau một trận mưa rừng thật lớn dài mấy ngày, trại tù của chúng tôi ở Đồng Ban, gần biên giới Miên Việt bị ngập nước. Chúng tôi phải đi bộ về Tây Ninh. Vài tháng sau, chúng tôi lại phải di chuyển về vùng kinh tế mới Long Khánh. Nơi đây, người dân bị ép đi kinh tế mới, đã đốt cả khu và bỏ về thành phố. Chúng tôi đến nơi nằm trong những căn chòi cháy đen, nhìn qua mái thấy mặt trời chói chang. Công tác khai quang rừng để trồng trọt thật nặng nhọc. Khu kinh tế mới lại không có nước. Có đêm chúng tôi ngủ với tro bụi đầy người, ngứa ngáy khó chịu.

Một đêm, tôi đang ngồi bên đống lửa thì có hai bạn tù quen thân đến gần. Một bạn mỉm cười chào tôi, bạn kia đi lom khom, hai tay cầm một viếng vải rách thấm đầy máu giữ lấy hạ bộ. Tôi giật mình nghĩ ngay đến chuyện anh bị tai nạn, té ngồi trên cây nhọn hay trên đá nhọn. Anh từ từ ngồi xuống trên tảng đá gần tôi và thì thầm:

- Đau quá anh Hiếu ơi! Hồi trưa tôi có chạy qua anh nhưng anh đi rầy chưa về.

Tôi vội vã hỏi nhanh chuyện gì đã xảy ra, có phải anh bị té ngồi trên cây hay đá nhọn không. Anh lắc đầu:

- Tôi bị đau lưng cả hai năm nay chưa kịp chữa trị thì bị bắt đi tù. Sáng nay, tôi đẩy một xe củi nặng lên dốc, xe quá nặng trượt dốc, tôi đưa vai cố sức giữ xe lại. Trong khi gắng sức, thỉnh thoảng tôi nghe đau nhói như có ai đâm dao vào hạ bộ. Có mấy anh vừa đi tới giúp tôi giữ xe củi lại và tôi đã ngã ra ngất xỉu.

Anh bạn vừa nói vừa run rẩy cho tôi xem hạ bộ của anh. Một chỗ sưng lớn nơi ống tiểu bên dưới dương vật mà khi tôi đụng vào anh đau đớn rên thành tiếng, mồ hôi vã ra tứa thì. Với triệu chứng đau lưng và vật cứng trong dương vật tôi nghĩ ngay đến sỏi thận. Tôi tính ra, từ lúc viên sỏi di chuyển xuống và kẹt ở dương vật đến lúc anh gặp tôi đã hơn 12 tiếng, anh chưa đi tiểu được. Tôi băn khoăn chưa biết giải quyết sao thì anh nói:

- Khi chiều một anh bạn cùng tổ đã cố gắng dùng ngón tay lần mò cố đẩy viên sỏi ra khỏi ống tiểu nhưng tôi chịu đau không nổi đã ngất xỉu và máu chảy rất nhiều.

Tôi nghĩ đến việc chuyển anh đi trạm xá hay bệnh viện. Người bạn tù đi theo anh lắc đầu:

- Trạm xá này chỉ có một y tá, tôi nghĩ hẳn không kham nổi trường hợp này. Mà nếu hẳn cương, rạch ống tiểu của anh ấy thì có mà chết vì xuất huyết hay nhiễm trùng. Giờ này, quân giáo CS đang ngủ, chưa chắc họ đã chịu chuyển anh ấy đến bệnh viện tỉnh. Anh ấy không tiểu được đã hơn nửa ngày, thật tội.

Tôi khám lại anh bạn và thấy bọng đái căng nước tiểu hay máu, viên sỏi nằm trong ống tiểu cách đầu dương vật khoảng 3cm. Viên sỏi khá lớn, hình thoi dài khoảng 2cm rưỡi và rộng khoảng 1cm rưỡi. Ngón tay tôi có thể cảm thấy độ nhám của viên sỏi có gai nhọn đang kẹt cứng trong ống tiểu. Một ý nghĩ thoáng xẹt qua óc tôi, hay là mình tìm cách làm bể viên sỏi rồi gắp ra từng mảnh.

Tôi bàn với anh bạn tù và mấy bạn thân vừa tụ lại. Ai cũng đồng ý làm bể viên sỏi nhưng làm bể cách nào. Tôi giải thích:

- Tôi sẽ dùng chiếc kéo nhỏ và bén mà tôi chế bằng thép từ mảnh máy bay Mỹ rút trong rừng, cố cắt một đầu của viên sỏi cho nó bể ra.

Giải thích xong với anh bạn tù, chính tôi lại chột dạ vì quyết định liều lĩnh của tôi. Nếu viên sỏi quá cứng, kéo cắt không bể và kéo trượt qua một bên thì chính tôi sẽ đâm thủng hay làm rách ống tiểu của anh và máu sẽ chảy như suối làm sao cầm máu được.

Trong tù, tôi vẫn lén lút giấu theo tôi một chiếc dao mổ, một chiếc kéo và một cây kim có lỗ xỏ chỉ để khi cần khâu vá, mổ xẻ

giúp bạn tù bị thương tích nhẹ.

Tôi do dự thờ người suy nghĩ. Nhìn khuôn mặt tái xanh vì đau đớn và ghệt tiếu của anh bạn, người đã từng chia cho tôi khi nửa củ khoai lùi, khi một ca nước sâm rừng, tôi thấy đau trong dạ. Tôi ôm vai anh nói nhỏ đủ cho anh nghe:

- Tôi sẽ cố gắng nhưng nếu có rủi ro nào thì anh cũng tha thứ cho tôi.

Trong đời y sĩ tôi bao giờ phải trải qua những quyết định quá khó khăn như đêm nay. Nếu tôi có dụng cụ và thuốc tê thì việc gấp viên sỏi ra khỏi ống tiếu của anh không phải là việc quá khó.

Một chút vui mừng lộ trên đôi mắt anh, anh thì thầm:

- Tôi biết lòng anh mà. Dù có gì xảy ra cho tôi, tôi cũng không dám trách anh đâu. Tôi rất sợ lọt vào tay mấy tên y tá CS. Như anh đã thấy có mấy bạn mình chết oan.

Mấy bạn thân của chúng tôi cũng khuyến khích tôi giúp anh bạn lấy viên sỏi thận ra khỏi ống tiếu. Họ dặn nhau và hứa sẽ ngậm miệng không cho bọn quản giáo biết việc tôi sắp làm. Tội "hành nghề y khoa bất hợp pháp trong tù" có thể bị giam trong thùng sắt đến chết lạnh hay nóng.

Tôi đi đun sôi chiếc kéo tự tạo, chiếc dao mổ và cây kim cùng mấy sợi chỉ lấy từ bao cát. Tôi thấy lo âu và bắt đầu cầu nguyện nho nhỏ như khi tôi bị kiết lỵ chảy máu ruột suốt 10 ngày mà không có thuốc chữa trên rừng. Một bạn tù cũng thì thầm cầu nguyện theo. Tôi không biết họ cầu gì riêng tôi thì tôi cầu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát giúp tôi và bạn tôi trong cơn hoạn nạn. Má tôi luôn luôn cầu Đức Quán Thế Âm mỗi khi mẹ con tôi gặp hoạn nạn. Có lần mấy bay Pháp bay sát mặt sông, bất ngờ bắt gặp chúng tôi mặc quần áo đen nằm bất lực chờ chết trên bãi cát trắng. Má tôi chồm lên người tôi, miệng liên hồi cầu Đức Quán Thế Âm che chở cho tôi. Phi công khu trục Pháp thường bay thấp trên đọt cây, trên mặt sông và họ bắn rất chính xác. Họ có lần đã bắn chết một con chó đang chạy bằng vài viên đại liên. Lần đó tôi nằm ngửa trên cát trắng nhìn thấy cả hai chiếc khu trục AD6 chúc mũi đại liên về phía chúng tôi nhưng lạ thay không phi công nào bóp cò. Khi máy bay Pháp bay khỏi, má tôi quỳ lạy tạ ơn Đức Quán Thế Âm ngay trên bãi cát. Tôi còn bé chẳng biết gì cũng lạy theo.

Người y sĩ trong trại tù CS vẫn thường cảm thấy bất lực và đau thương trước những bệnh tật, tai nạn của đồng đội mà không có phương tiện cứu chữa.

Đêm gần khuya. Tôi đặt anh bạn tù nằm trên chiếc chõng tre. Năm người bạn tù thân thiết khác giúp giữ chặt tứ chi và đầu anh bạn để phòng anh đau quá vùng vẫy. Một anh bạn nhét vào miệng anh một miếng vải rách để anh cắn chắc rằng không la hét vì đau đớn. Tôi hít thở sâu để lấy bình tĩnh. Tôi từ từ đưa mũi kéo nhọn vào

ống tiểu anh. Anh rên khe khẽ nhưng không vùng vẫy khi mũi kéo chạm viên sỏi. Tôi kẹp được một đầu của viên sỏi và cố nhích mũi kéo sâu hơn gần đến nửa viên sỏi. Máu tràn ra hai tay tôi. Tôi biết viên sỏi bị va chạm đã cửa vào ống tiểu anh hoặc mũi kéo của tôi đã làm tổn thương thành ống tiểu mong manh, căng cứng của anh. Mồ hôi anh vã ra trên thân. Anh rên từng cơn, bấp thịch hai chân anh gồng cứng nhưng anh gắng không động đậy hai chân như tôi đã dặn dò anh. Miệng tôi lẩm bẩm những lời khuyến khích anh. Tay tôi bóp dần trên đuôi kéo. Không suy suyển vì kéo quá nhỏ. Tôi không tạo được áp lực trên lưỡi kéo. Mồ hôi tôi cũng bắt đầu chảy ra trên trán. Trong một cố gắng cuối cùng, tôi tăng sức bóp trên đuôi kéo. Một tiếng bụp nhỏ vang lên và viên sỏi cứng đã bể làm hai. Tôi run run gấp nửa viên sỏi ra. Máu và nước tiểu tràn ra trên hai tay tôi. Nửa viên sỏi còn lại cũng được tôi kẹp đưa ra không mấy khó khăn. Anh bạn tù được đỡ ngồi dậy và đi tiểu ra nhiều máu. Hoàn hồn, anh ôm lấy tôi, nước mắt ràn rụa. Bạn bè thở ra nhẹ nhõm.

Đêm ấy tôi không quên niệm Phật tạ ơn Đức Quán Thế Âm. Tôn giáo đã là nơi nương tựa tâm linh vững chắc cho những người trai sa cơ thất thế, bất lực, gặp hoạn nạn như chúng tôi.

Vài hôm sau, anh trở lại thăm tôi với nụ cười thật tươi. Anh cho biết nước tiểu anh đã trở lại màu bình thường và chứng đau lưng cũng bớt dần. Anh dùng cơm dán hai mảnh của viên sỏi thận lại với nhau và kín đáo khoe với bạn bè. Viên sỏi trông giống như một hạt giẻ nhưng rất sắc sù. Có lần anh nói:

- Tôi sẽ giữ viên sỏi này làm kỷ niệm và sẽ khoe với vợ con tôi khi mãn tù.

Ba mươi lăm năm đã trôi qua, giờ này tôi không còn nhớ tên và cấp bậc của anh nhưng tôi vẫn nhớ rõ dáng dấp anh, mỗi khi tôi ăn khoai lang.

Khi tôi ra tù thì anh còn ở lại. Mong sao giờ này anh vẫn mạnh khỏe trên quê hương Việt Nam hay trên đất khách như tôi. Thời gian có qua, tốc chúng tôi có bạc đi nhưng kỷ ức đau thương về những ngày lao lý vẫn tồn tại.

Ngày mai, tôi có thể gửi bài hồi ký ngắn ngủi này của tôi đến ba người bạn đang cần bài làm báo Xuân gọi là giữ lời hứa góp phần. Chưa chắc bạn tôi đã lựa đăng vì bài không có những chi tiết tình tự, lãng mạn, đặc sắc. Kỷ niệm trong tù thì nhiều nhưng phải có chút thôi thúc hay khích lệ thì cảm hứng mới đến cho người viết nhất là viết lại những chuyện đã xa xưa trong một quá khứ buồn thảm của đời người.

BS. Nguyễn Trác Hiếu

Florida, đêm 30 tháng 10 năm 2011

Đình phư vân

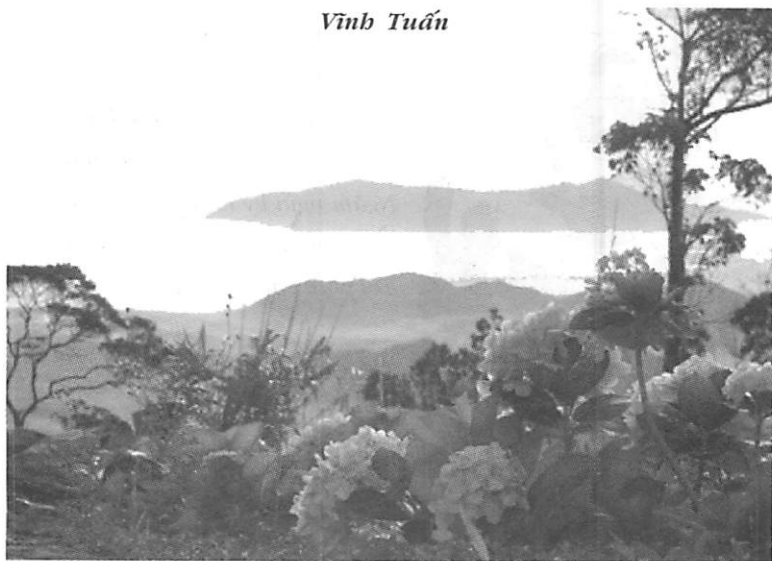
Thì thôi bốn bể xa gần
 Trời trăng mây nước xoay vần mà chơi
 Lên non gọi gió ru hồn
 Tìm trong mạch đá xanh rờn rong rêu
 Cũng như ánh nắng buổi chiều
 Cũng như ánh nguyệt tiếng tiêu bao gầy
 Đi đi cho hết kiếp này
 Hôm nay là mộng mai ngày sắc không
 Dầu rằng tim vẫn còn bông
 Đời nay đã thế còn mong nỗi gì?
 Dem cung đem kiếm bỏ đi
 Rằng diên rằng đại xin ghi tạc lòng
 Hồi ôi chiếc lá trên không
 Ngẩn ngơ bay lượn mấy vòng xanh xao
 Chim kia lạc lối phương nào
 Tiếng kêu với vợ tan vào bóng mây
 Chập chùng núi biếc ngàn cây
 Ru hồn vào mộng ngủ say tuyết với
 Tóc ai lộng gió rơi rời
 Cho ta gửi một trận cười xót xa

Vĩnh Tuấn

Hãy đừng

Đừng như là tình nhân
 Tình tan nát đập bầm
 Hãy như là huyền thoại
 Để tình đẹp trăm năm
 Cứ coi như cổ nhân
 Tình sẽ giữ thật gần
 Hãy như là nắng ấm
 Để tình trải mênh mông.

Vĩnh Tuấn



Chán đời

(Tâm sự của người bạn)

Đến Mỹ sao ta cứ mãi say ?
Cong lưng hai jobs vẫn trắng tay.
Tương lai mù mịt ai nào biết !
Lời hứa người yêu đã cao bay.
Lúc tỉnh lúc say giờ cách biệt,
Xứ người dâu dễ thật chua cay !
Tính hoài tính mãi cũng không lối,
Chịu nổi đến giờ thật còn may!

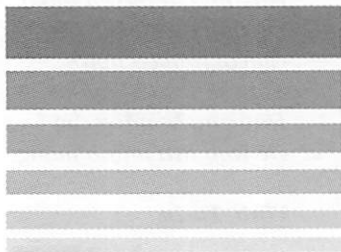
Trần Minh Triết

Ngâm Ngùi

Hơn bốn mươi năm nàng gặp tôi
Trông em duyên dáng còn yêu đời
Tuy già vẫn đẹp in bình cũ
Lúc trẻ như hoa tuổi lứa đôi
Bỏ ngõ mình vui giòng lệ nhỏ
Ngâm ngùi kỷ niệm thuở xa xôi
Bao nhiêu chuyện cũ chưa bày tỏ
Thì phải chia tay lại nữa rồi !!!

Trần minh Triết

Houston





Còn bảo cuối mùa

Hạo Nhiên Nguyễn Tấn Ích

Chân thành cảm ơn X. Phạm đã cho phép tôi ghi lại chuyện kể về đời mình.

- Con bảo đảm với má là Phương vừa đẹp vừa nét na, lại là sinh viên xuất sắc trong lớp con phụ trách. Cô ấy ăn nói lịch thiệp lắm, gái Hà Nội mà má. Còn bà nội của Phương thì rất mực chiều nàng. Hôm nào con gửi ảnh của Phương về cho má xem. Thế nào má cũng vừa ý... Đã đến giờ lên lớp, tạm dừng nghe má, con gửi lời thăm ba và cậu Hai. Chúc má ngủ ngon. I love you.

Bà Thuần gác máy, mỉm cười sung sướng sau khi nghe tiếng “ I love you” của con trai qua điện thoại gọi từ Việt Nam.

Bà nhìn lên bức ảnh của Nghĩa với nụ cười rạng rỡ chụp hôm lễ tốt nghiệp nhận bằng Master Electronic Engineer. Nghĩa là đứa con trai duy nhất của bà hiện giờ đang ở Việt Nam dạy trường đào tạo chuyên viên điện tử hợp đồng liên doanh với hãng MS của Hoa Kỳ.

Bà Thuần ngồi vào bàn nước rót một chung trà nhắm nhấp chờ chồng về ăn cơm tối. Bà nhớ lại ngày mới qua Mỹ, Nghĩa vừa tròn 12 tuổi còn nhút nhát khi xa mẹ. Giờ đây cậu ta đã 26 tuổi rồi, trở thành một kỹ sư đầy tự tin. Nghĩa tốt nghiệp ưu hạng tại Đại học UC David được hãng MS ký hợp đồng làm việc và được cấp học bổng theo Cao học nay trở thành giáo sư dạy chuyên ngành.

Bà nghĩ đến những ngày sau này khi con trai có vợ, có con với cuộc sống riêng rẽ còn lại vợ chồng bà sống thủ thỉ bên nhau. Nghĩ

đến Hiệp, chồng bà, bỗng dung một đoạn đời của quá khứ chợt hiện về...

*

Cha Thuần đã mất từ lâu. Mẹ có quầy bán hàng tạp hóa tại chợ Bà Chiểu nên cuộc sống bấy giờ của gia đình nàng khá sung túc. Người anh đầu thi vào Học viện Quốc Gia Hành Chánh khi anh vừa lấy xong bằng Tú tài Toàn phần. Ra trường anh được bổ nhiệm giữ chức phó quận trưởng tại quận Châu thành Bà Rịa.

Mùa Xuân 1975, Cộng sản miền Bắc hoàn thành cuộc xâm lăng miền Nam. Lúc bấy giờ cô bé Thuần mới 14 tuổi đang học lớp 9 trường Nguyễn Văn Học Gia Định. Đến năm 1977 thành linh mẹ lâm trọng bệnh qua đời. Thuần phải bỏ học nửa chừng để quán xuyến cái sạp bán hàng của mẹ để lại.

Theo con đường Xã Hội Chủ Nghĩa, chính quyền cách mạng dẹp bỏ thành phần tư thương. Các sạp ở chợ được quy hoạch vào Tổ hợp buôn bán lẻ. Dần dà tiến lên thành lập Hợp tác xã mua bán. Tất cả vốn liếng còn lại Thuần đóng góp vào Hợp tác xã với tính cách là một cổ đông. Vì có trình độ văn hóa khá , lanh lợi và bất thiệp, Thuần được ban lãnh đạo HTX để cử phụ trách khâu kế toán. Từ đó nàng trở thành cán bộ thương nghiệp.

Trung ury Huỳnh Trung Kiên, thuộc đơn vị bộ đội bảo vệ miền duyên hải thường đến liên hệ với cơ quan thương nghiệp của Thuần để trao đổi hải sản đánh bắt tự túc của đơn vị nhằm cải thiện thức ăn hàng ngày cho binh sĩ. Qua những lần tiếp xúc, Kiên đã dành tình cảm đặc biệt với cô gái miền Nam này. Đối lại, Thuần cũng có thiện cảm với anh bộ đội miền Bắc có tâm hồn khoáng đạt và chân chất. Từ chỗ cảm tình dần dần tiến đến tình yêu. Thời gian là mảnh đất ươm mầm cho hạt giống yêu đương đâm chồi nảy lộc. Trong hoàn cảnh đơn độc cô cút giữa cái xã hội đầy phức tạp, Thuần mong muốn có một tấm chồng để nương tựa. Nàng không có ý thức chính trị và không hề đặt tiêu chuẩn địa vị cho đối tượng hôn nhân. Với nàng, chỉ cần một tình yêu thủy chung và biết hy sinh cho nhau. Ở Kiên, chàng có ưu điểm nổi bật là thể hiện một tình yêu nồng nàn và chân thật. Có thể hoàn toàn tin tưởng vào người tình nên Thuần đã dâng trọn trái tim và trinh tiết của mình. Đối lại, Kiên cũng thể hiện tình yêu sâu đậm bằng sự chăm sóc và nuông chiều. Họ thật sự yêu nhau và chuẩn bị một đời sống vợ chồng trong tương lai. Kiên đã gửi thơ báo tin này cho mẹ chàng hiện sống ở Hà Nội. Ba chàng đã hy sinh trong trận Điện Biên Phủ. Mẹ đã nuôi chàng từ tấm bé vì vậy mọi quyết định đều tùy thuộc vào bà.

Kết quả của mối tình là Thuần có thai. Kiên vội vàng làm đơn gửi

lên Tổ chức xin phép kết hôn. Vị thủ trưởng đơn vị kiêm bí thư chi bộ đảng hứa sẽ giải quyết sớm sửa cho hai người.

Một tháng sau, Kiên nhận được lệnh về trình diện Trung đoàn bộ. Chàng hẹn Thuần sẽ quay trở lại nhưng Thuần chờ đợi Kiên đã mấy tuần nay, từ khi chàng tạm biệt nàng đến trình diện Trung đoàn bộ. Không thư từ, không lời nhắn, nàng nóng ruột lo sợ Kiên gặp tai nạn trên đường di chuyển. Cuối cùng nàng phải đến tận đơn vị của chàng để hỏi thăm tin tức nhưng không một ai biết rõ. Riêng anh bộ đội lái xe, vì có cảm tình với Thuần nên rỉ tai cho biết Kiên bị cấp trên thuyết chuyển đi nơi khác và đơn xin kết hôn đã bị Tổ chức từ khước.

Mất ăn mất ngủ suốt cả mấy tuần, có lúc Thuần muốn tự vẫn vì quá phần chí. Cuối cùng nàng quyết định bán nhà di chuyển lên thị trấn Buôn Hồ thuộc tỉnh Đắk Lắk tá túc tại nhà bà dì.

Nàng cũng biên thư cho người anh ruột hiện đang định cư tại Hoa Kỳ để bày tỏ nỗi đau buồn vì sự lầm lỡ của mình.

Nhận được thư của em gái, Hậu hồi âm ngay:

"Đọc thư em anh cũng buồn lắm, nhưng biết làm sao bây giờ. Hoàn cảnh xã hội đất nước mình như thế, anh không hề trách móc em, mà chỉ xem đó như là một tai nạn, hay sự an bài của thượng đế. Hãy quên đi mối tình ngang trái đó, đừng tự trách mình nữa, cố gắng vượt qua giai đoạn khó khăn này. Anh sẽ cung cấp tiền cho em đủ sống để nuôi con em. Sau này, anh sẽ giúp cho em một số vốn để làm ăn. Mong em giữ gìn sức khỏe để bảo vệ thai nhi. Hãy quý trọng mạng sống con người dù đó mới chỉ là mầm sống."

Anh của em

Trần Quốc Hậu

Đọc thơ Hậu, vừa thương anh vừa tủi thân, Thuần khóc suốt đêm. Nàng nhớ kỷ niệm thời niên thiếu với người anh ruột hơn nàng đến gần chục tuổi. Mắt anh không lúc nào rời cặp kiếng cận dày cộm khiến khuôn mặt anh vừa nghiêm trang vừa hiền hậu.

Thuở Thuần lên năm, anh thường công nàng bằng qua dòng suối cạn ra ruộng bắt cá lia thia. Con nào đẹp nhất là nàng dành lấy phần mình. Những lần thi đá cá lia thia với đám bạn, anh bị thua liên miên nhưng đến khi cá của Thuần thả vào là nó đánh địch thủ của anh trầy vi tróc vảy chỉ còn nằm phơi bụng thoi thóp thở. Thường thường nàng là kẻ chiến thắng sau cùng gỡ danh dự cho anh. Hậu tự hào về tay nuôi cá của em gái. Anh tuyên bố trước lũ bạn: "Con bé Thuần là nữ thần chiến thắng". Nhờ vậy mà trong các trò chơi nào Thuần cũng được anh dẫn theo.

Nàng ngậm ngùi: “Ngày xưa, anh luôn ở bên em chẳng có đũa nào dám chọc ghẹo. Bây giờ dù bên kia trời xa cách anh vẫn chăm sóc và lo lắng cho em”.

Nhờ quà của anh từ Mỹ gửi về và sự an ủi chở che của bà dì họ nên ngày sinh nở của Thuần được mẹ tròn con vuông. Thằng bé bụ bẫm và giống Kiên như hai giọt nước. Để nhớ về người anh yêu kính của mình, Thuần đặt tên con là Trần Hậu Nghĩa và theo họ mẹ.

*

Cuối năm 1985, theo chân Liên Số, chính quyền Việt Nam cho phép kinh doanh cá thể, Hậu gửi cho Thuần một số tiền đủ để nàng mở tiệm bán cà-phê tại thị trấn Buôn Hồ.

Dù bị đóng thuế rất cao, nhưng quán của Thuần mỗi ngày mỗi phát đạt nhờ kỹ thuật pha chế cà-phê độc đáo của nàng. Buổi sáng tiệm có bán thêm bánh mì thịt phết bơ mayonnaise làm bằng dầu ăn và trứng do bà dì của Thuần phụ giúp nên khá đông khách hàng.

Trong số khách của Cà-phê Thuần, có một công nhân thường xuyên đến dùng điểm tâm thật sớm. Ông chọn một chiếc bàn đặt ngoài đầu hồi nơi vắng vẻ nhất, kêu một ly cà-phê phin, vài miếng thuốc và ổ bánh mì. Đúng một giờ sau là ông lên xe đạp ra đi. Buổi tối, ông là người rời tiệm muộn nhất lúc chủ quán bắt đầu thu dọn bàn ghế. Trước thái độ lạnh lùng và tính chùng mực của người khách đã khiến cho Thuần để ý.

Cái dáng người cao lổng khổng, khuôn mặt chữ điền gầy hóp má chứng tỏ cuộc sống của ông đã trải qua một thời khổ lụy. Duy chỉ vầng trán ông là thể hiện một con người kiên nghị. Có lẽ chưa vượt quá tuổi bốn mươi mà mái tóc người khách đã lấm tấm sợi bạc. Nổi bật nhất là cặp mắt to đen và sâu thẳm mang nỗi buồn vời vợi. Người ta có thể đọc được tâm trạng chất chứa ưu phiền trong đáy mắt ấy.

Cả mấy tháng trời ông khách cứ âm thầm đến rồi âm thầm đi không hề tiếp xúc với ai. Ngồi một mình cô quạnh nhìn khói thuốc bay lững lờ trong bầu khí lạnh ban mai, đếm từng giọt cà-phê rơi trong đáy cốc hoặc phóng tầm nhìn đến tận cuối chân trời.

Một hôm, Thuần sơ ý làm ngã đổ phin cà-phê lên cánh tay ông khách lấm lỳ ấy. Nước sôi làm bỏng da nhưng ông vẫn ngồi điềm nhiên. Lấy kem đánh răng thoa lên chỗ phỏng, Thuần xit xoa lo lắng và ân hận nhưng người khách nhỏ nhẹ: “ Chẳng đáng gì để cô quan tâm”.

Từ đó, Thuần ân cần thăm hỏi ông khách, xem chừng vết phỏng. Đôi khi vắng khách nàng đến ngồi cùng ông trò chuyện. Nỗi đau nào lại không được vơi đi bởi đôi bàn tay của người đàn bà vượt ve an

úi. Sự dịu dàng và tính đa cảm của Thuần đã khiến cho trái tim Hiệp (tên người khách cô đơn) mở cửa và tâm sự thâm kín của hai người được trao đổi với nhau.

Là sĩ quan của chế độ cũ, Hiệp bị tập trung cải tạo suốt mười năm. Người vợ mới cưới của chàng đã bị sức ép của gia đình bỏ chàng để lấy người cán bộ cùng cơ quan của cha nàng từ Hà Nội vào. Ngày ra tù, Hiệp không còn được phép cư trú tại địa phương nên xin về đây làm công nhân cạo mũ cao su.

Hiệp đến quán cà-phê đều đặn. Những lúc sau này, đặc biệt nhất là vào những ngày cuối tuần, người ta thường thấy chú bé trai lên năm, con của bà chủ quán nắm tay Hiệp đi sâu vào rẫy cà-phê để bắt những con dế mèn trốn dưới gốc cây mục. Chú bé thích thú khoe với mẹ con dế có đôi cánh đen bóng như loại vải sa-tanh. Dế chạy loanh quanh trong cái lọ thủy tinh chớp cánh, vểnh râu trông như một võ sĩ ngựa tay ngựa chân chạy trên võ đài, thật vui mắt. Thỉnh thoảng nó gáy vang lên như thách thức gọi mời đồng loại thi đấu. Hiệp vui với cái vui của thằng bé. Thuần ôm con vào lòng, nở nụ cười rạng rỡ đưa ánh mắt biết ơn nhìn chàng.

Hai người có cùng chung nỗi đau của cuộc tình tan vỡ nên họ dễ cảm thông và gần gũi nhau. Trong cuộc sống lẻ loi, nhu cầu nương tựa vào nhau cũng cấp thiết vì vậy mà Thuần và Hiệp quyết định tổ chức đám cưới là điều không ai ngạc nhiên.

Từ ngày có Hiệp, Thuần đỡ phần vất vả. Mọi công việc bên ngoài đều do chàng lo liệu. Nàng chỉ lo điều hành tiệm cà-phê.

Rồi một hôm, khách hàng đến quán xôn xao bàn tán về bản tin của đài Tiếng Nói Hoa Kỳ làm nức lòng những anh em cựu tù cải tạo:

“Ngày 30 tháng 7 năm 1989, một văn kiện lịch sử đã được ký kết giữa Hoa Kỳ và chính phủ Hà Nội. Chính quyền VN đã cam kết sẽ phóng thích những tù nhân chính trị và chính phủ Hoa Kỳ cam kết sẽ tái định cư số cựu tù này tại Hoa Kỳ.”

Vợ chồng Thuần vẫn dè dặt trước lời đồn đại, nhưng rồi ước mơ thành sự thật. Vào năm 1990 đợt HO đầu tiên lên đường định cư tại Hoa Kỳ và những đợt kế tiếp lần lượt ra đi, trong số đó, có gia đình của Hiệp Thuần.

Từ ngày lấy nhau, đôi vợ chồng Thuần Hiệp sống rất hạnh phúc, chỉ ân hận một điều là nàng không sinh được cho Hiệp một đứa con. Sau một năm ngày cưới, nàng đã thụ thai, nhưng rồi thay, cái thai bị sảy vào tháng thứ ba rồi lặn thình lộn. Đến Mỹ, nàng đã vài lần đi

khám sản phụ khoa, bác sĩ cho biết ống dẫn trứng không được bình thường. Sau khi Hiệp tốt nghiệp đại học ngành Accounting và có việc làm vững chắc, chàng không cho vợ đi làm nữa vì sức khỏe của nàng không được khá lắm.

Đã mấy lần Nghĩa gọi điện thoại nằng nặc đòi mẹ về Việt Nam để coi mắt người vợ tương lai của mình và đến thăm nhà bà nội của nàng.

Rút từ kinh nghiệm đau thương của mình, Thuần luôn luôn nhắc nhở với con trai là phải giữ gìn sự trong trắng cho người yêu. Hậu và Hiệp cũng hối thúc Thuần phải về thăm quê nhà một chuyến để xem tình hình trước khi quyết định cuộc hôn nhân của con. Tuổi trẻ thường hay nóng nổi và hối hả trong tình yêu. Chính Hiệp là người lấy vé máy bay cho nàng.

* * *

Chiếc Airbus giảm dần cao độ rồi từ từ hạ cánh xuống phi trường Nội Bài. Thời tiết bên ngoài se lạnh, bầu trời âm u xám đục, bà Thuần sửa lại chiếc khăn quàng cổ, kéo chiếc va-li nhỏ cùng với hành khách đi vào khu nhận hành lý. Sau khi làm xong thủ tục nhập cảnh, bà Thuần đi sau người lao công đang đẩy chiếc xe chất hai va-li lớn chạy dọc theo hành lang ra ngoài. Bất chợt, tiếng kêu "Má" rõ to của Nghĩa rồi chàng nhào ra ôm chèo vai mẹ. Một người con gái mảnh khảnh có khuôn mặt trái soan đến trước mặt bà cúi đầu lễ phép:

- Con chào bác ạ.

Nghĩa nắm tay nàng giới thiệu:

- Đây là Phương, Huỳnh Mai Phương, bạn gái của con, còn đây là má anh. Bà Thuần tươi cười bắt tay Phương :

- Bác rất vui mừng được gặp con.

Một hướng dẫn viên đến mời hành khách chuyển bay lên xe buýt về Hà Nội. Phi trường Nội Bài nằm về phía Bắc và cách Hà Nội khoảng 25 miles. Xe chạy bon bon trên con đường cao tốc. Đồng ruộng hai bên đường đều ngập nước có lẽ đang là mùa mưa. Nhà cửa thưa thớt trên đoạn đường này. Qua cầu Chương Dương, xe vào thành phố Hà Nội và chạy thẳng tới khách sạn Hanoi Hotel nằm cạnh khu Giảng Võ thuộc quận Ba Đình mà Nghĩa đã giữ phòng trước cho mẹ.

- Thưa Bác, đây là khách sạn nổi tiếng vào đầu thập niên 90, nhưng bây giờ thì thua xa khách sạn Hanoi Tower được xây cất trên nền nhà tù Hỏa Lò. Còn Hanoi Deawoo Hotel và Hanoi Horizon Hotel cũng đồ sộ lắm.

Cô bé Phương giải thích cho bà Thuần khi nàng kéo hành lý vào khu tiếp khách.

Nghĩa xen vào :

- Con chọn hotel này là vì nó nằm cách xa trung tâm thành phố, nơi đây yên tĩnh và thoáng mát hơn.

Tắm rửa xong, ba người lên taxi đi Hồ Tây ăn tối trên thuyền. Xe chạy ngang qua quảng trường Ba Đình. Lăng Hồ chí Minh lộng lẫy sáng rực do những dây đèn pha chiếu vào. Nó phản ánh sự cách biệt khá lớn so với những con đường tối tăm bẩn thỉu mà nàng đã đi qua từ lúc rời phi trường.

Lúc uống trà và ăn tráng miệng, bà Thuần hỏi thăm sức khỏe bà nội của Phương và việc học hành của nàng ra sao. Cô bé trả lời rất lịch thiệp, còn giữ được phong cách của người Hà Nội. Ở Phương, nổi bật nhất là đôi mắt đen láy và nụ cười cởi mở khiến người đối diện có cảm tình ngay. Bà Thuần dặn dò Phương:

- Sáng mai, khoảng 10 giờ, bác và Nghĩa sẽ đến vấn an sức khỏe bà Nội, con nhớ trình với Nội như thế.

Bà quay sang con trai :

- Nghĩa kêu xe cho Phương về nhà còn má con mình về khách sạn.

Sáng hôm sau, trước khi ăn điểm tâm, bà Thuần soạn số quà đem biếu bà Nội và tặng cho Phương mà bà mua sẵn từ bên Mỹ. Bà cũng hỏi ý kiến của con trai những món hàng đó có hợp với bé Phương hay không. Tất nhiên là anh chàng kỹ sư xít xoa vui mừng lắm.

Một giờ sau, mẹ con bà Thuần đến nhà bà nội của Phương. Hai bà cháu ra tận ngoài cổng đón khách. Bà cụ đã gần tám mươi tuổi mà trông còn sắc sảo :

- Kính chào Bác và anh ạ.

- Dạ, con kính chào cụ , cháu kính chào bà Nội, cả hai mẹ con bà Thuần cùng đáp lễ.

Có lẽ bà cụ được cháu gái cho hay về ý định của Nghĩa muốn kết hôn với nàng và chuyển về Việt Nam của bà Thuần là để xem mặt cô dâu tương lai. Tuổi đã gần đất xa trời mà cháu gái bà có được người chồng trí thức, quốc tịch Hoa Kỳ. Không bao lâu sau, cháu bà sẽ được qua Mỹ, một đất nước văn minh và giàu nhất thế giới thì có niềm vui nào lớn hơn. Nhìn nụ cười luôn nở trên môi, nghe cách ăn nói kiêu cách và sự tiếp đón niềm nở của bà là thấy được lòng quý khách như thế nào.

Sau một hồi trao đổi xã giao, bà Thuần đi thẳng vào vấn đề :

- Thưa cụ, hai cháu Nghĩa và Phương thương nhau và muốn đi đến xây dựng tương lai, cháu xin được nghe ý kiến của cụ :

- Cháu Phương chưa là đảng viên nên thủ tục kết hôn không lệ thuộc vào Tổ chức. Tôi thì già rồi, chúng nó yên bề gia thất thì mình cũng yên lòng nhắm mắt.

- Thưa cụ, để được thuận thảo trong việc kết hợp cho hai cháu, tôi mong được gặp mặt bố mẹ của cháu Phương có được không ạ ?

- Nuôi nó từ lúc 3 tuổi vì vậy chúng tôi có quyền quyết định tương lai của nó. Bố nó hiện giờ sống với bà vợ sau ở mãi tận Hải Phòng.

Mặc dù được Nghĩa cho biết là Phương không có mẹ nhưng nàng vẫn hỏi :

- Thế Mẹ ruột của cháu Phương bây giờ ở đâu ?

- Ôi, chúng nó ly dị nhau từ lúc con bé này mới lên ba, loài quý dữ có bao giờ thương con đâu mà bác hỏi. Thành bố nó bỗng về đây giao cho già này chăm sóc để lo chạy gạo.

Bà cụ lấy chiếc khăn lau đôi mắt rưng rưng ngấn lệ, rồi than thở:

- Bác nghĩ xem, thời kỳ kinh tế khó khăn, tiền hưu trí của tôi chẳng thấm vào đâu nên phải làm thêm trong HTX mảnh trúc mà ngày ngày phải nách cháu theo. May là Đảng và Nhà nước ta sáng suốt đổi mới chính sách nên cuộc sống có phần khá hơn.

Bà cụ bưng chén trà mời bà Thuần. Nhìn cô cháu gái bà bảo:

- Phương à, ngày mai con điện thoại mời bố đến khách sạn chào bác và anh Nghĩa nhé.

- Thưa Nội, vâng ạ.

Phương lễ phép trả lời.

Sau buổi gặp gỡ, bà Thuần mời cả nhà đi nhà hàng. Mọi người rất vui vẻ trong bữa cơm gia đình.

* * *

Ngày hôm sau, bà Thuần chuẩn bị ít quà biếu cho bố của Phương. Bà định sau khi gặp nhau tại khách sạn sẽ mời ông đi nhà hàng để dùng bữa cơm thân mật. Vì vậy bà sai Nghĩa chọn nhà hàng và đặt bàn sẵn.

Đợi mãi mà chẳng thấy khách đâu. Phương ra tận bến xe đón bố. Nghĩa nóng ruột chạy ra chạy vào. Bà Thuần mỗi một định thay đồ nằm nghỉ, chợt Phương đẩy cửa bước vào :

- Con chào bác. Bố con đã tới rồi ạ.

Người đàn ông tấm thước mặc bộ đồ công nhân màu xanh đã phai màu, rụt rè bước vào phòng. Bà Thuần đứng dậy đón khách.

Người đàn ông lấy nón cúi đầu:

- Kính chào bà.

Bà Thuần sững người, cứng miệng không thốt được lời chào đáp lễ. Một khắc sau bà kêu lên "Ông Kiên" rồi quy xuống.

Nghĩa đứng bên đỡ mẹ rồi dìu bà nằm vào chiếc ghế sô-pha. Chạy ra ngoài hiên, người đàn ông hai tay nắm chặt vào thành lan can. Ông cúi đầu như kẻ tội phạm đứng trước vành móng ngựa. Toàn thân ông rung lên từng đợt trong cơn uất nghẹn.

Hai trẻ hết nhìn nhau lại nhìn đến cha mẹ, chẳng hiểu việc gì đã xảy ra. Nghĩa chưa hề biết tên bố của Phương. Còn Phương thì chưa bao giờ nói về bố với người yêu. Thế sao bà Thuần lại gọi Kiên, tên cha của nàng chính xác như vậy. Họ có quan hệ với nhau như thế nào trong quá khứ? Tâm trạng của hai trẻ rối bời.

* * *

Bà Thuần tỉnh dậy. Nghĩa đỡ mẹ ngồi vào ghế, rót cho bà chén nước trà. Phương đứng nhìn Nghĩa với ánh mắt đầy âu lo.

Bà Thuần nói với Phương :

- Gọi ba con vào đây.

Ủ rũ bước vào phòng, người công nhân không đợi mời, ngồi vào chiếc ghế đối diện. Bà Thuần bảo con trai và Phương đến đứng trước mặt của hai người, rồi đồng dục tuyên bố:

- Hãy nghe đây, Nghĩa và Phương là anh em cùng cha khác mẹ, có liên hệ tình cốt nhục, nghe rõ lời má nói chứ ?

Bất giác, Phương ôm vai của Nghĩa khóc òa. Toàn thân của Nghĩa cứng đờ bất động như tượng đá. Bầu không khí chết lặng, chiếc đồng hồ trên tường bình thản gõ mười hai tiếng như những giọt nước lạnh thấm vào từng tế bào làm thức tỉnh mọi người.

Bà Thuần chậm rãi bảo:

Anh em con hãy ngồi vào ghế để nghe chính ba các con kể vì sao có cảnh ngang trái thế này.

Ông Kiên sửa lại thế ngồi ngay ngắn, hai tay đặt lên thành tựa của chiếc ghế sô-pha. Đầu ngẩng lên, ông cất tiếng với giọng nghẹn ngào:

- Trước tiên, xin bà thứ lỗi cho tôi về những gì mà tôi đã làm cho

bà phải chịu đau khổ. Với Nghĩa, xin cậu tha thứ cho tôi, một người cha vô trách nhiệm, yếu đuối và hèn nhát. Như bà biết đó, khi bà có triệu chứng cần thai là tôi gọi đơn lên Tổ chức xin phép kết hôn. Nhưng đơn bị bác với lý do: “Đối tượng có người anh ruột là nguy quyền vượt biên ra nước ngoài mang tội phản quốc.” Ngày trình diện Trung đoàn bộ là ngày tôi bị thuyền chuyển lên Tây nguyên phục vụ trong đơn vị bộ đội sản xuất. Lệnh trên cấm tôi tuyệt đối không được liên lạc với bà bằng bất cứ phương tiện nào. Tuy nhiên, sau khi đến đơn vị vài tháng, tôi đã lên gọi cho bà hai bức thư nhưng không được hồi âm.

Một thời gian sau, chi bộ đơn vị giới thiệu cho tôi một nữ đồng đội có tuổi đảng cao, có thành tích chiến đấu. Họ đứng ra tổ chức lễ cưới tại đơn vị. Cháu Phương ra đời trong hoàn cảnh như thế. Nhưng chẳng may, vợ tôi phát hiện tập nhật ký mà tôi cất giữ nó rất kín đáo. Trong đó, tôi đã viết về kỷ niệm mối tình của chúng ta, về đứa con ruột thịt của mình mà phải đành đoạn rời xa. Và nhất là tôi trách cứ đảng đã phân biệt đối xử quá khắc nghiệt. Do đó, tôi bị kiểm điểm trước Đảng bộ, bị áp dụng kỷ luật nặng nề là khai trừ khỏi đảng và cho tôi giải ngũ sớm. Vợ tôi cũng không chấp nhận một người chồng chống lại đường lối của đảng nên làm đơn xin ly dị. Vì vướng bận công tác, bà ấy không thể nhận con để chăm sóc. Tôi phải bồng bé Phương trở lại Hà Nội nhờ mẹ tôi nuôi dưỡng. Mười năm sau, lúc Phương đã 13 tuổi tôi mới tái lập gia đình, hiện nay chúng tôi sinh được hai cháu với người vợ sau này.

Tường thuật đến đây, dường như ông Kiên bị hụt hơi, người ông rũ ra như con chim vừa bị đạn. Ông ngã đầu vào thành ghế, hai tay buông thõng, nước mắt tuôn đầy trên đôi gò má trũng sâu.

Đứng nhìn cảnh hai đứa con quỳ hai bên thành ghế gục đầu vào ngực cha, bà Thuần buông tiếng thở dài não ruột. Lòng đầy thương cảm, bà bước vào trong nhẹ nhàng đóng cánh cửa phòng lại.

Tâm thần rã rượi, bà có cảm tưởng như có cơn bão vừa thổi qua.

* * *

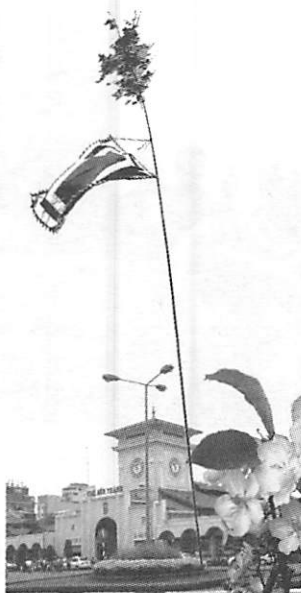
Trên chiếc máy bay Boeing trở lại Hoa Kỳ, kỹ sư Trần Hậu Nghĩa nói với Mẹ :

- Tuổi trẻ rất tha thiết với quê hương. Nhưng kẻ cai trị đất nước mà đặt quyền lợi của đảng lên trên cả tổ quốc và nhân dân sẽ làm tiêu vong mọi nhiệt huyết của họ.

Hạo Nhiên Nguyễn Tấn Ích

Hoài mơ

Từ khi cất bước vượt Thái Bình Dương,
Thấm thoát mười lăm năm sống viễn phương,
Hằng đêm xứ lạ luôn hoài mơ mộng,
Quê cũ chôn nhau, cứ mãi vấn vương,
Tang bồng hổ thỉ, thân trai chưa vẹn,
Vận nước chưa nhòa, tóc đã bạc sương
Tuổi già sức kém, chí vẫn kiên cường
Đẽ có một ngày sống lại cố hương
Hoa dân chủ đơm bông đang nở rộ
Xoá độc tài, đoàn kết biết yêu thương
Dân Việt một khối, chống kẻ bắc phương
Chúng đã xâm lược đất liền, biển, đảo.
Dựng lại oai phong, dân tộc hùng hào.
Giữ truyền thống chống xâm lăng Hán tặc.
Bảo vệ trọn vẹn giang sơn gấm vóc.
Tổ tiên bồi đắp đã bốn ngàn năm./



Đỗ Hùng

Xuân nhớ

Rỗng lại về đây viếng mọi nhà.
Trải màu tươi thắm khắp gần xa.
Di dùng pháo Tết khoe xanh đỏ.
Rực rỡ tranh Xuân diện gấm hoa.
Đèn trụ trước sân tưng ánh sáng.
Cây nêu bên ngõ khử tà ma.
Quê hương luống nhớ thời niên thiếu.
Hơn hử muôn người rộn tiếng ca./

Mỹ Vân





Dựng Nghiệp: Ý Nghĩa của Little Saigon-San Jose

ĐOÀN BÌNH VIỄN

Khi nói tới nước Pháp ở Âu châu, người ta nghĩ tới thủ đô Ba Lê, kinh đô ánh sáng. Nơi có tháp Eiffel tân kỳ, có nhà thờ Đức - Bà cổ kính bên dòng sông Seine thơ mộng.

Khi bàn bạc về Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ ở Mỹ châu, người ta liên tưởng tới thủ đô cổ kính New York. Nơi có trụ sở Liên Hiệp Quốc, có Tượng đài Nữ Thần Tự Do uy nghi ngạo nghễ.

Khi thảo luận về Việt Nam ở Á châu, người ta hình dung ngay ra Hòn Ngọc Viễn Đông, thủ đô Sài Gòn, viên kim cương của Á châu. Nơi có đền thờ Đức Quốc Tổ Hùng Vương, đền thờ những danh tướng như Đức Trần Hưng Đạo, đánh tan quân xâm lược Nguyên-Mông giữ yên bờ cõi.

Dân chúng Sài Gòn thờ cúng Tổ tiên, ông bà nhiều đời, giữa con cháu đang sinh sống và ông bà đã khuất núi có sợi dây linh thiêng mầu nhiệm kết nối; đồng thời biết dung hợp tinh hoa của các tôn giáo du nhập Việt Nam như Phật giáo, Khổng giáo, Lão giáo, Thiên Chúa

giáo, phong phú hóa nền văn hóa nhân bản, đạo Thờ Cúng Ông Bà của dân tộc Việt, un đúc con người khí phách, trọng lễ, nghĩa, yêu thương giống nòi, bảo vệ quê hương.

Luôn luôn hành diện là Con Rồng Cháu Tiên, dân chúng Sài Gòn còn hành diện hơn nữa là tổ tiên mình là Dân tộc Việt hiền hòa, khác với Hán tộc hung dữ ở phương bắc, khởi nguyên một nền văn minh nông nghiệp cổ nhất định cư ở phương Đông và đã mở nền văn minh kim loại đầu tiên ở Phương Đông. Trống Đồng là một biểu tượng. Nhiều nhà khảo cổ đã tìm ra gốc tích Trống Đồng từ thời tiền sử thuộc nền văn minh Đông Sơn, và năm 1924 người ta đã đào được Trống Đồng ở làng Đông Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa, Trung Phần Việt Nam.

Và đối chiếu với lịch sử thế giới vào cuối thế kỷ thứ mười tám, với tinh thần yêu Tự Do, chống bất công, chống bóc lột, nhân dân Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ nổi dậy làm cuộc cách mạng giành độc lập, dưới sự lãnh đạo của danh tướng Washington, George (1732-1799) đánh đuổi thực dân Anh năm 1783.

Năm 1784, ở Việt Nam, danh tướng Nguyễn Huệ cầm quân đánh tan quân Xiêm La do Nguyễn Ánh cầu viện tại Xoài Mút bên Rạch Gầm, đuổi quân Xiêm la ra khỏi biên giới phía Nam.

Năm 1789, Hoàng Đế Quang Trung (1752?-1792) lại đốc thúc quân, dân đánh tan quân xâm lược Mãn Thanh tàn bạo (200,000 quân) ngay tại thủ đô Thăng Long.

Cầm đầu đoàn quân xâm lăng, Tôn sĩ Nghị phải lội qua sông Nhị Hà chạy trốn về Tàu!

Cùng thân dân, Hoàng Đế Quang Trung đánh đuổi quân xâm lược Mãn thanh hung hiểm nhất thế giới ra khỏi biên cương phía bắc Tổ quốc Việt Nam.

Gần đây, sau Hiệp định Genève, ký ngày 20/7/1954, tạm thời chia đôi đất nước, gần 1,000,000 người dân Miền Bắc, không chấp nhận sự cai trị hà khắc của Cộng sản, ở ạt di cư vào Miền Nam. Đủ mọi thành phần: Lao động, trí thức, Giáo sư, sinh viên và các trường trung học, như Chu văn An, Nguyễn Trãi, đại học như Luật Khoa, Y Khoa, Văn Khoa từ Hà Nội di cư vào thủ đô Sài Gòn tiếp tục đào tạo nhân tài kiến thiết đất nước.

Trong cuộc chiến Quốc -Cộng, tiếc rằng nhà cầm quyền Cộng sản Việt Nam xé bỏ Hiệp Định Đình Chiến Genève, bằng mọi thủ đoạn gian xảo, lập ra Mặt trận Giải Phóng Miền Nam làm công cụ xâm lăng và không thi hành Hiệp định Ba-Lê ký ngày 27/3/1973, vay nợ, mua chịu vũ khí, đạn dược của Liên xô và Trung cộng để cưỡng chiếm Việt Nam Tự Do, để rồi đưa cả nước Việt Nam vào vòng nô lệ

Trung cộng.

Sau khi cưỡng chiếm Việt Nam Tự Do, nhà cầm quyền Cộng sản cai trị một cách vô nhân đạo, nuốt lời hứa "*Hoà Hợp Hoà Giải Dân Tộc*", lưu đày hàng triệu Quân, Cán, Chính Việt Nam Cộng Hoà vào rừng thiêng nước độc, trong số đó hàng chục ngàn người đã chết vì đói, lạnh, lao động quá mức, không có thuốc men chữa trị.

Họ ăn cướp tài sản nhân dân bằng cách đổi tiền để bán cùng hóa nhân dân.

Ngày 2/5/1975 nhà cầm quyền đóng cửa tất cả các trường, đốt phá thư viện đại học luật khoa Sài Gòn, gián tiếp báo hiệu sự cai trị vô luật pháp sẽ bao trùm cả nước.

Họ quyết tâm xóa bỏ nền văn hóa nhân bản của cha ông, mà Việt Nam cộng hòa quyết tâm bảo vệ, bằng một chiến dịch đại quy mô thu, đốt, thiêu hủy tất cả văn hóa phẩm, kinh sách, báo chí bị quy chụp là "*văn hóa đồi trụy Mỹ Ngụy*."

Họ ngang nhiên xóa bỏ tên thủ đô Sài Gòn.

Bây giờ mới biết bộ mặt lường gạt, dã man của Cộng sản, hiểu sự cai trị bằng lừa đảo và bạo lực, nên dân chúng Sài Gòn tạm dời quê hương tìm nơi Tự Do xây dựng lại cuộc đời, hy vọng tạo lập những khu vực Sài Gòn Nhỏ để cùng nhau ôn lại những trang sử oai hùng, giữ gìn hồn dân tộc Việt và giúp nhau xây dựng tương lai.

Little Sài Gòn-San Jose biểu lộ nỗi niềm thương nhớ quê cha đất tổ.

Không chấp nhận sự cai trị bằng lừa đảo và bằng bạo lực, dân chúng Sài Gòn tạm lánh nạn mà vẫn hướng về quê hương, Sài Gòn thân thương. Đã 30 năm dựng lại cuộc đời, đóng góp vào quê hương thứ hai cả kinh tế lẫn văn hóa. Gần 100,000 người Mỹ gốc Việt với 8,000 cơ sở thương mại, hàng ngàn kỹ sư, bác sĩ và những người hành nghề lao động khác đã đóng góp hàng triệu dollars thuế vào ngân sách thành phố San Jose. Thị trưởng Ron Gonzales và nghị viên Terry Gregory trước đây cảm nhận sự đóng góp của người Mỹ gốc Việt vào thành phố, nên có ý định vinh danh Cộng Đồng Việt Nam bằng cách đặt tên cho một khu phố thương mại.

Tiếp nối ý định đặt tên để "*tán dương cộng đồng người Mỹ gốc Việt về các đóng góp quý báu của họ cho sự tăng trưởng của thành phố*", trong phiên họp của Hội Đồng thành phố ngày 20-11-2007, Hội Đồng thành phố đã mời cư dân San Jose, người Mỹ gốc Việt tới tham dự và góp ý kiến. Hơn 1,000 người đủ mọi lớp tuổi từ 70 tuổi, 80 tuổi đến em bé 10 tuổi, thuộc mọi ngành nghề, đại diện cho nhiều đoàn thể, đại diện cho hàng ngàn gia đình đến tham dự trong đêm đông mưa, giá, gió lạnh thấu xương. Hơn 90% trong số 200 người được vào

phòng họp phát biểu xin đặt tên Little Sài Gòn. Em bé trên 10 tuổi con cháu của gia đình Thuyền Nhân xin đặt tên Little Sài Gòn. Khoa học gia Nguyễn xuân Vinh đã đóng góp cho quê hương thứ hai rất nhiều, xa thủ đô Sài Gòn trên 40 năm mà luôn hướng về quê hương đến tham dự, xin đặt tên Little Sài Gòn. Luật sư Đỗ văn Quang Minh dời xa Sài Gòn lúc 11 tuổi, sống và làm việc ở đây trên 50 năm, tha thiết xin đặt tên Little Sài Gòn.

Tiếc rằng chỉ vờ nghe ý kiến của người Mỹ gốc Việt, một thứ dân chủ giả hiệu, Hội Đồng thành phố ngầm quyết định trước và đặt tên Saigon Business District!!!

Little Saigon-San Jose mang biểu tượng Tự Do, Dân Chủ và Hạnh Phúc.



Nó là sợi dây linh thiêng kết nối những người Việt Nam cùng chung lý tưởng yêu chuộng Tự Do, Dân chủ, từng chiến đấu bên nhau chống lại sự xâm lăng khát máu Cộng sản, lâu dài 20 năm.

Vì muốn bảo vệ Tự Do, Dân chủ cho nhân dân Việt Nam Tự Do mà 264,000 chiến sĩ Việt Nam đã hy sinh thêm vào 58,000 quân nhân đồng minh Hoa kỳ đã hy sinh trên chiến trường Việt Nam.

Little Sài Gòn gắn bó hàng ngàn Thuyền nhân và gia đình của họ lại với nhau. Biết bao kỷ niệm thân thương từ đêm đen lên thuyền nhỏ bỏ lại gia đình và mồ mã thân thương, giữa Biển Đông sóng to gió lớn, đầy hiểm nguy bất trắc, thập tử nhất sinh sống sót giờ đây quây quần bên nhau.

Little Sài Gòn là sợi dây mầu nhiệm gắn bó hàng ngàn Cựu Tù Nhân Chính Trị lại với nhau, để ôn lại tuổi trẻ hào hùng, hiên ngang chiến đấu bảo vệ hạnh phúc của toàn dân, đánh bật quân xâm lăng Cộng sản ra khỏi Cổ Thành Quảng Trị trong "mùa bè đở lửa", đánh đắm chiến hạm chỉ huy quân Trung Cộng xâm lăng Hoàng Sa ngày 19-1-1974.

Little Sài Gòn mang ý nghĩa cuộc tỵ nạn Cộng sản của người Việt Nam lớn nhất trong thế kỷ 20 trên thế giới.

Năm 1957, khi người Cộng sản Fidel Castro cướp được chính quyền, thì hàng ngàn người dân Cuba vượt biển tỵ nạn Cộng sản.

Năm 1959, sau khi quân Trung cộng xâm lăng nước Tây Tạng vào năm 1951, dưới sự lãnh đạo của Đức Đạt Lai Lạt Ma hàng trăm ngàn người Tây Tạng đã vượt biên sang Ấn Độ tỵ nạn Cộng sản.

Sau năm 1975, Việt Nam Tự Do bị Việt cộng cưỡng chiếm, gần 2,000,000 người Việt quyết tâm vượt biển tỵ nạn Cộng sản. Theo tài liệu của Phủ Cao Ủy Tỵ Nạn Cộng sản của Liên Hiệp Quốc thì hơn 900,000 Thuyền Nhân được cứu vớt và người ta ước lượng khoảng hơn 500,000 Thuyền Nhân kém may mắn không đến bến bờ Tự Do, uất nghẹn bị vùi thân xác dưới lòng Biển Đông sâu thẳm!

Cuộc tỵ nạn bi hùng này đã đánh động lương tâm nhân loại, Phủ Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc đã kêu gọi thế giới Tự Do mở từ tâm và khuyến khích các quốc gia thi hành Hiến Chương Nhân Quyền thế giới, mà các nguyên thủ các quốc gia đã ký tên. Do đó nhiều Thuyền Nhân Việt Nam được nhiều quốc gia đón nhận và giúp đỡ, như các nước: Đức, Canada, Úc, Bỉ, Hoà Lan, nhất là Hiệp chủng Quốc Hoa Kỳ.

Little Sài Gòn mang ý nghĩa của sự biết ơn, sự chung thủy của dân tộc Việt.

Người Việt Nam tỵ nạn cộng sản, dù là Thuyền nhân hay là Cựu Tù Nhân Chính Trị đều biết ơn và mang ơn những nhà hảo tâm, những tổ chức thiện nguyện, và nhân dân Hoa Kỳ đã mở rộng vòng tay, với từ tâm giúp đỡ hàng trăm ngàn nạn nhân cộng sản. Đặc biệt là hai vị Tổng Thống: Tổng Thống Jimmy Carter đã ký The Refugee Act of 1980 để trở thành đạo luật cho phép người tỵ nạn cộng sản, đa số là người Việt Nam, được nhập cư Hoa Kỳ vì lý tưởng Tự Do. Tổng Thống Ronald Reagan với tinh thần trách nhiệm quốc tế, đã can thiệp với nhà cầm quyền Hà Nội cho Cựu Tù Nhân Chính Trị được ra đi, định cư ở Hoa Kỳ.

Để đền đáp ơn nghĩa, người Mỹ gốc Việt ở khắp các tiểu bang như California đã tích cực đóng góp: "*vào lịch sử, văn hoá, giáo dục và nền kinh tế thịnh vượng của California*" như Thống Đốc Arnold

Schwarzenegger đã công nhận trong ngày 5-8-2006 tại buổi lễ vinh danh Lá Cờ Di Sản Việt Nam Tự Do.

Tóm lại, Little Sài Gòn là một danh xưng danh dự, là lý tưởng Tự Do, Dân Chủ và Hạnh phúc của người Việt quốc gia Tự Do, là sợi dây linh thiêng mầu nhiệm nối kết những người Việt Nam nạn nhân cộng sản, sống sót, là nỗi niềm thương nhớ quê cha đất tổ, giới thiệu cho thế giới biết cuộc tỵ nạn cộng sản bi hùng vĩ đại của người Việt Nam, và là gương biết ơn, chung thủy.

Bằng cờ: Trong buổi lễ khánh thành khu phố Việt Nam mang tên Little Saigon (*dù tạm thời trong ba năm vì nghị viên Madison Nguyễn không thích tên Little Saigon có âm hưởng chống Cộng và bà vận động một số đồng viện chống lại danh xưng Little Saigon.*) tại thành phố San Jose, do Ban Đại Diện Cộng Đồng Việt Nam/Bắc California phối hợp với Phong trào Cử Tri San Jose Đòi Dân Chủ tổ chức ngày 11-10-2008 trước sự hiện diện của hàng ngàn đồng hương Việt Nam với nét mặt hân hoan, vui mừng, Phó Thị Trưởng thành phố San Jose, ông Dave Cortese đã tuyên bố: "Những điều mà các "banners" này tượng trưng: Đó là họ đã đến, sau ba thập niên, đã tự thiết lập cơ sở tại nơi này và tái thiết các giá trị của họ: Tự Do, Nhân Quyền, Dân chủ, chủ nghĩa tư hữu và những giá trị căn bản của gia đình."

Giám sát viên quận hạt Santa Clara, ông Peter Mc Hugh đã nhiệt tình ủng hộ, phát biểu: *"I thank you for making Democracy work in San Jose. You stood up for what you believed in. I am extremely proud of you."* Tạm chuyển dịch lời phát biểu của ông Giám sát Peter Mc Hugh như sau: *"Tôi cảm ơn các bạn đã khơi động nền Dân chủ ở San Jose. Các bạn đã bảo vệ điều mà các bạn tin tưởng. Tôi vô cùng hạnh diện về các bạn."*

Danh chính thì ngôn thuận, thêm vào sự kiên trì đấu tranh liên tục của tổ chức LITTLE SAIGON SAN JOSE FOUNDATION mà đại diện như ông Đỗ Hùng, cô Hoàng Lan, ông Nguyễn mộng Hùng nên bia đá monument WELCOME TO LITTLE SAIGON đã được tạo dựng trên đường STORY, trong thành phố San Jose ngạo nghễ như tượng Nữ Thần Tự Do, Little Saigon San Jose được chào mừng Vòng Hoa Chiến Thắng.

Ban Đại Diện Cộng Đồng Việt Nam/ Bắc California mà chủ tịch là ông Nguyễn ngọc Tiên phối hợp với tổ chức LITTLE SAIGON SAN JOSE FOUNDATION tổ chức lễ khánh thành bia đá monument WELCOME TO LITTLE SAIGON, vào ngày 21 tháng 5 năm 2011, với sự vui mừng vô bờ bến của hàng trăm đồng hương người Việt tỵ nạn cộng sản và sự tham dự của các vị đại diện chính quyền Tiểu bang California, của thành phố San Jose và vùng phụ cận.

Đoàn bình Viên.



Nơi một thửa mùa Xuân

*Anh ngồi đó mơ thiên đường hạnh phúc,
nắng nhung nhem rõ nét dáng hình em.
Với em, anh muốn nói điều rất riêng
bên chông sách chợ chiều đang phủ bụi.*

*Chưa gió nổi mà nghe lòng bối rối,
vì tình em trôi nhẹ nhẹ như mây.
Có thể nào ràng buộc được chân mây,
nơi một thửa mùa Xuân còn ở đó.*

*Anh sẽ về để nghe em nói nhỏ,
chuyện tình yêu - những chuyện ngắn,
chuyện dài.*

*Và đặt nhẹ bàn tay trên bờ vai,
năm tháng đi mà tình không chia cắt.*

*Sương nơi ấy như triền mây trắng đặc,
anh vẫn chờ em trắng một bến sương.
Tưởng đã thân, mà ánh mắt hoang đường
Em có nhìn anh như người lạ mặt?*

*Những con chim khoác áo màu hồng nắng,
tiếng bót bay cao rất đổi lạ lùng.
Với anh, từ sâu thăm thẳm đáy lòng,
lời em nói như vẫn còn âm vọng...*

VIỆT BĂNG

Có một giấc mơ

Có một giấc mơ
 Có một sự đợi chờ
 Từ thời xưa Huyền Thoại
 Của Mẹ nào buổi khỏ phải chia con
 Rồi tháng ngày bỗng trẻ đứng đầu non
 Mất vọng biển mỗi mòn bao niên kỉ...
 Mẹ vẫn mơ,
 Vẫn một lòng bền chí
 Mãi vẫn còn giữ kĩ Chúc Thư Cha (1)
 Bao ngàn năm
 Bao khỏ nhọc trôi qua
 Giấc mơ mãi vẫn không nhòa trong Mẹ...

Có một giấc mơ
 Làm nức lòng con trẻ
 Con ghi tâm rằng sẽ quyết quay về
 Nửa theo cha chỉ sống tạm xa quê
 Vì nghĩa cả giữ lời thề sử mạng (2)...
 Đám con khỏ cho tương lai tươi sáng
 Vì Rồng Tiên,
 Vì muôn vạn sinh linh,
 Vì anh em còn sống ở quê mình,
 Vì nghĩa cả,
 Con giữ tình đồng bọc (3)
 Sao quên được buổi chia tay Mẹ khóc:
 "Thôi chia tay con nhớ lấy con nghe"!
 Rồi từ buổi chia tay, chân bước xuống ghe
 Con của mẹ mãi vẫn mơ vẫn mộng
 Giờ trời Tây, nơi tạm dung, tạm sống
 Con gửi hồn bay "Về Lộng Trời Xanh" (4)
 Và nơi đây: Vẫn nuôi chí tung hoành
 Ngồi ngiên ngắm năm canh chông Sách Ước

NGUYỄN HÒE

- (1) Chúc Thư Cha: Âm chỉ bình Hà Đồ, nằm chượng đầu của Sách Ước. Xin xem bình trên Thiên Thư Định Phận, cũng trong Đặc San này
- (2) Nửa con theo Cha có sử mệnh lịch sử (Sử mệnh) là đem kiến thức học hỏi được để trở về hợp nhất cùng nửa theo Mẹ ở nhà mà mở ra một chu kỳ phát triển mới.
- (3) Tình đồng bọc: Còn có tên khác là tình đồng bào, là tình của đám con trăm trứng của Cha Rồng Mẹ Tiên
- (4) Về Lộng Trời Xanh: Tựa đề bản nhạc của anh Nguyễn Khiết, cũng là người uyên thâm Dịch Lý





Các mắt mùa Xuân

NGUYỄN PHAN NGỌC AN - CALI

Người đàn bà tay bế đứa con còn đỏ hỏn, tay xách giỏ đi lẫn vào đám đông, nước mắt ràn rụa trên mi, nàng không biết đêm nay nàng sẽ về đâu? Trời đất xứ người sao cay nghiệt quá, bao la mà nàng không có chỗ dung thân, cơn đói vật vã, mồ hôi ướt lạnh toàn thân, nhìn đứa con vô tội lòng Mai đòi đoạn từng cơn, không lẽ nàng tự vận, ai chăm sóc con thơ vừa tròn ba ngày tuổi? Cuộc đời Mai là một khối đau thương, tình yêu đã mất, cuộc đời Mai cũng đã hết, Mai không còn thiết tha chi cuộc đời tận cùng ô nhục này nhưng nghĩ đến đứa con thơ, kết quả của tình yêu oan nghiệt, Mai đành nuốt đắng cay chịu nhục nhã mà sống lê lét trên cõi đời này.

Cách nay một khoảng thời gian rất dài, thời điểm mà quê hương Việt Nam vào những ngày mới đổi thay, dấu tích chiến tranh vẫn còn hằn nét trên những con đường, trên làng mạc xóm thôn nơi làng quê hẻo lánh miền Tây thuộc tỉnh Đồng Tháp, có hai vợ chồng người chiến binh lính nạn, thay họ đổi tên sống ẩn nấp nơi đây chờ ngày sinh nở – ba tháng sau họ hạ sinh một bé gái, đặt tên bé Phương Mai, trong hoàn cảnh lính nạn, hai vợ chồng không dám đi làm xa, chỉ lẩn quẩn làm thuê làm mướn trong thôn xóm. Một ngày kia, khi bé Phương Mai được 5 tuổi, trong

lúc cha mẹ đi làm ruộng dẫn công bỏ bé ở nhà một mình, khóa trái cửa ông bà yên tâm đi gặt lúa cho hàng xóm – Bé ở nhà tinh nghịch lục lọi gặp chiếc thẻ bài của cha lấy đeo vào cổ vừa đúng lúc có cô bé hàng xóm đến rủ đi chơi – Mai tìm mọi cách ra khỏi nhà bé leo cửa sổ phóng đại ra ngoài cùng cô bé bạn thông dong ra lộ lớn – hai cô bé đi được một hồi lâu thì gặp một chiếc xe hơi, họ tò mò dừng lại nhìn hai cô bé rồi làm quen, chở hai bé đi ăn phở cách đó khoảng nửa giờ xe chạy – Khi họ phát giác ra trên cổ bé Mai có một tấm thẻ bài, họ lăn la hỏi:

- Bé ơi, cho bác xem một tí nhé! Cái này của ai mà bé có vậy?

Mai trả lời:

- Cái này của cháu

- Bậy nào, cháu là con nít không thể có cái này, cái này của người lớn, nói đi ngoan nào, bác cho tiền ăn bánh.

Mai khờ dại thú thật:

- Dạ cái này của Ba cháu, cháu thấy ngộ lấy đeo chơi, cái này gọi là gì hả bác?

Người đàn ông không trả lời bé, suy nghĩ đôi giây, cái tên trong thẻ bài nếu ông ta không lầm thì là một tên thiếu tá biệt kích đã xung kích đánh úp căn cứ bảo mật của ông ta vào năm 1967 tại Hàm Rồng – Tên họ của hắn rất lạ không lẽ có người trùng tên, mối thù này ông ta chưa có ngày trả – không lẽ là tên H. này – không lẽ hắn không đi trình diện cải tạo? Phải tìm cho ra sự thật vì khi hắn đánh úp cơ sở bí mật hắn đã bắt sống mình, mình không thể quên mặt hắn – hắn đã tặng mình hai quả đấm vào mặt nhốt mình hơn hai tuần trong hầm sâu, và một đêm mưa bão lớn trời tối đen mù mịt mình tìm cố đau bụng phải đi cầu và đã trốn thoát. Thế mà đã gần 10 năm rồi, cái tuổi xuân của mình cũng theo chiến tranh mà tan biến, nhớ lại thời chinh chiến người cán bộ không khỏi ngậm ngùi!

- Nhà cháu ở đâu, bác sẽ đưa về dùm – người đàn ông hỏi bé Mai.

- Dạ nhà cháu ở xa đây lắm – nhờ bác đưa hai tụi cháu về chớ không thể đi bộ nổi đâu – Nghe thế ông ta mừng ran trong bụng, được rồi phen này gặp mặt nhà người, nếu quả đúng ta sẽ thịt nhà người cho hả trận thù xưa.

Chiếc xe hơi chuyển bánh đi dần về hướng mặt trời lặn, chẳng bao lâu thì đến nhà, Mai và cô bé bạn nhanh nhẩu cảm ơn và chạy ù vào nhà vì thấy bố đang đứng ngoài sân trông ngóng, về mặt lo lắng tốt độ – người cán bộ đã nhìn ra mặt mũi bố của Mai, hắn mỉm cười trong bụng, quả không sai, đúng là tên H rồi, mấy sẽ không thoát

được tử thần đầu con ạ!

Ngày đêm đó, họ bố trí người tới bắt cả hai vợ chồng người chiến binh lán nạn, người vợ than khóc trong khi người chồng bình tĩnh chấp nhận sự trả thù vì đã nhận diện được tên Thượng Úy Đặng Trần Khâm mà 8 năm trước hắn bị bắt và bị giam cầm trong vòng vây biệt kích của quân đội Cộng Hòa! Tất cả là số mạng, người chiến binh lặng lẽ buồn vì không ngờ có cái ngày đại họa hôm nay.

- Nay tên H. hẳn anh còn nhớ cái đêm tại Hàm Rồng, tôi tưởng đã mất mạng vào tay anh – nay ân đền oán trả, hãy quỳ xuống nhận tội với nhân dân trước khi về bên kia thế giới.

- Không bao giờ, người chiến binh dững cảm trả lời: Hãy giết tôi đi vì giữa tôi và anh là hai chiến tuyến, kẻ bại là phải chấp nhận sự hy sinh để giữ tròn khí tiết – chỉ xin các người tha cho vợ tôi để trở về nuôi dạy con thơ – nợ máu riêng tôi, xin hãy đòi một mình tôi – nói xong người chiến binh nghiêm trang nhắm mắt lại chờ chết!

- Ta sẽ cho vợ chồng anh được trùng phùng trọn kiếp, còn con gái anh ta sẽ là người nuôi dạy nó. Nào hai người chuẩn bị tinh thần đi, ta chúc phúc cho hai người đó!

Một tràng súng nổ vang hai vợ chồng người chiến binh ngã gục trên vũng máu, trời đang lặng gió bỗng đổ trận mưa tầm tã, có lẽ trời cao cũng xót thương vợ chồng chiến binh chết thảm nên đổ lệ chẳng - Hai xác người ướt sũng nằm lẩn trên mặt cỏ, máu và nước mưa chan hòa thành một khối màu đỏ loang trên thảm cỏ xanh rì thế là xong một oan tình – cha mẹ hy sinh cho con được sống, đâu biết vì con mà cha mẹ phải mất mạng như thế này! Người cán bộ hỉ hả cười vì đã trả được mối thù riêng, ông ta cho tài xế nổ máy xe chở ông về hướng nhà bé Phương Mai với quyết định bất luận đưa bé về nuôi để có dịp dày dọ thặng tay.

Phương Mai sau thời gian bị bắt buộc theo về sống trong nhà ông cán bộ, bé buồn và bé khóc thật nhiều – hồi về cha mẹ thì được biết cha mẹ bị ông cán bộ bắn chết vì tội làm giặc xâm lăng – Ngày tháng trôi qua trong gian khổ, Phương Mai bị hành hạ sai khiến như một tội tử trong gia đình người cán bộ thắm thoát đã mười năm dư Mai sống nhờ gia đình ông cán bộ, một hôm bà vợ cán bộ nói với nàng:

- Mấy lớn rồi, phải lấy chồng thôi! Ông nhà đã tính chỗ cho mấy dựa nương – nhà ông Bình có đứa con trai bị thương tật từ chiến khu ra, ông ta giàu có, mấy về đó sẽ sướng một đời nghe rõ chưa?

Mai lặng im không trả lời, nàng thừa biết gia đình ông Bình giàu có thật nhưng là gia đình ác ôn nhất nơi đây – còn người con trai thì bị chiến tranh nên đã thành tàn phế thành thử chẳng ai chấp nhận lấy cậu ta – Mai nghe chút gì ghen đấng trong cổ họng, chả lẽ cuộc

đời mình rơi vào ngõ tối như thế này sao? Thân gái lẻ loi cô độc, nàng biết tìm ai để dựa nương, để chở che bảo bọc?

Sáng hôm sau lúc nàng còn đang quét dọn nhà cửa thì nghe tiếng ông cán bộ nói vọng vào:

- Ra đây biểu Phương Mai

Nàng vội vàng chạy ra và cúi đầu chờ lệnh :

- Đây là ông Bình và đây là con trai ông ta, tuần sau sẽ tổ chức đám cưới cho mày với cậu Lẽ đây – rần mà ăn ở cho đàng hoàng nghe chưa?

- Dạ, Mai lí nhí trong miệng, con chưa muốn lập gia đình vì con còn nhỏ quá, xin cho con khát một thời gian nữa, thưa ông ! nói xong nàng nhìn người thanh niên tàn phế mà mai đây phải gọi là chồng, anh ta ngồi trên chiếc xe lăn với một tay bị cụt, một chân bị cụt, mặt đầy những sẹo của chiến trận để lại, lòng Mai trĩu nặng cơn buồn khó tả.

- Không được – tao nuôi mày chẳng qua để có ngày hôm nay – tao nói thẳng cho mày biết, tao đã bán mày với giá 10 triệu bạc để mày về hầu hạ cả cha và con ông Bình đó, liệu mà làm dâu làm vợ nghe chưa, từ bây giờ lo sửa soạn tinh thần cho một cuộc sống mới, không nói năng gì nữa hết! vào trong làm công việc đi.

Phương Mai bật khóc, trời ơi một ông già có tiếng ác ôn hung dữ, một người con trai tật nguyền nàng phải sống sao đây? Có đau khổ đến thế nào Mai cũng phải chấp nhận số phận đã an bài và ngày ấy đã đến một đám cưới diễn ra trong bầu không khí gia đình, vốn vẹn chỉ có vài chục người tham dự, vì nàng dâu phải là con gái của ông bà cán bộ, nàng chỉ là người ăn kẻ ở trong nhà mà thôi, họ bán nàng chứ nào thương yêu mà gã chồng cho nàng đâu!

Hàng ngày Mai phải làm không biết bao nhiêu là việc nặng nề, lại còn phải hầu cơm nước cho hai cha con, vậy mà chẳng yên thân, ông Bình cứ kiếm chuyện đánh đập nàng hoài, người chồng tật nguyền càng khó tính hơn, bắt nàng hầu hạ mọi sinh hoạt cá nhân mà lúc nào cũng cộc cằn chưởi rủa nàng – Được 8 tháng, Mai không còn chịu đựng nổi, nàng trốn đi, nàng không mang theo được một món gì, không của cải, không tiền bạc vì cha con ông Bình là kẻ ác ôn, từ ngày về với gia đình Lẽ nàng chỉ biết làm việc và hầu hạ, nàng chỉ biết bị đòn roi chứ chưa bao giờ được biết tới đồng xu nhỏ nào – Đêm nay Mai quyết định bỏ đi, ngoài trời tối đen như mực, thỉnh thoảng lóe lên vài tia chớp, nàng nhờ vào chút ánh sáng ấy mon men ra đường cái, đi được một quãng xa bỗng hai bên đường có hai tên đạo tặc xuất hiện, chúng nhào tới ôm cứng lấy Mai định giở trò khốn nạn, Mai la toáng lên, một thanh niên từ xa chạy tới vùng tay nắm

thẳng vào hai thằng đạo tặc, tiện thể đôi chân đá vút vào cả hai tên té lăn quay ra đất, chúng hoảng vía ù té chạy.

Mai suýt xoa: Trời ơi, người có võ và nòng lính quỳnh: Thưa xin cảm ơn ông thật nhiều, ông đã cứu mạng tôi.

Chàng thanh niên cười vui và nói:

- Cô đi đâu giữa đêm thanh vắng như vậy, nguy hiểm lắm, nhà cô ở đâu tôi đưa cô về nhà?

- Thưa tôi không có nhà, tôi không có gia đình, tôi là kẻ mồ côi không cha mẹ, thưa ông! nói xong nàng bật khóc nức nở – người thanh niên lấy làm lạ, vội an ủi nàng:

- Cô hãy bình tĩnh lại, nếu thật sự hoàn cảnh cô như thế, giúp được gì cô tôi sẽ không từ chối, xin cô tin lời nói của tôi.

Phương Mai lần lượt kể lại cuộc đời nàng từ khi lên 5 tuổi, những gì nàng còn ghi nhớ trong đầu, nàng không quên kể rõ tình trạng gặp ông cán bộ và đêm đó cha mẹ nàng bị ông cán bộ bắt và đem đi bắn chết thảm thương, nàng mang lòng thù hận tên cán bộ đã dụ nàng chờ đi ăn phở lúc gặp ngoài đường khi nàng mới lên 5 tuổi rồi theo về nhà bắt giết cha mẹ nàng, mãi đến nay nàng vẫn không hiểu được nguyên nhân gì mà hấn giết cha mẹ nàng người thanh niên hỏi tên ông cán bộ Phương Mai cho chàng biết tên họ ông ta là Đặng Trần Khâm, đồng thời đưa cho chàng xem một tấm ảnh ngày đám cưới chụp chung với vợ chồng ông cán bộ! Người thanh niên có vẻ tự lự trầm ngâm giây lát rồi hỏi nàng:

- Tôi có thể giúp cô chỗ ở và giới thiệu cô đi làm cho một hãng chế tạo đồ nhựa ở gần trung tâm thành phố, cách đây hơn 10 cây số cô đồng ý không?

Mai mừng thầm và đồng ý ngay – Chàng tự giới thiệu tên chàng là Trung, Mai hỏi họ gì thì Trung chỉ cười không nói, Trung nói nhà cũng ở gần đây và cũng đang làm việc cho hãng chế tạo đồ nhựa trên tỉnh.

Đêm ba mươi nên bầu trời đen thẫm không có một vì sao, ngoại trừ chút ánh sáng của những tia chớp liên hồi, Trung có sẵn cây đèn pin nên hai người nhìn mặt nhau rất rõ trong đêm, Phương Mai lớn lên nàng rất đẹp dù cuộc đời trải qua lắm chông gai gian khổ, Trung cảm giác một niềm hạnh phúc len nhẹ vào hồn, chàng ao ước được cùng Mai nắm tay nhau mãi mãi đang nghĩ thế, bỗng dưng Trung thở dài, ai biết được trong lòng chàng đang gặp cơn bão tố làm giết mòn mơ ước tương lai.

Hai người quan hệ thân thiết từ sau đêm hôm đó, và sau một thời gian tìm hiểu họ đã chấp nhận sống chung một nhà. Một hôm

Phương Mai trần trọc không ngủ được, cứ nhắm mắt là thấy hình ảnh mẹ cha hải hùng trên bãi cỏ đầy máu đỏ nàng trở dậy ra phòng khách ngồi suy tư trong lúc Trung đang ngủ say – Trên chiếc sofa Trung vắt chiếc quần tây dài ngược xuống vô ý rút ra ngoài ghế chiếc bóp nhỏ của chàng, Mai nhặt chiếc bóp đem trả lại trong túi quần chàng, tự dung nàng muốn tò mò xem chiếc bóp của chồng, lòng tự trọng từ nhỏ nàng không muốn làm thế, nhưng không hiểu có một ma lực nào xui khiến tay nàng từ từ rút cái bóp trở ra và nhẹ nhàng mở xem bên trong mà nghe trái tim đập thình thình vì hồi hộp sợ Trung dậy bất ngờ bắt gặp thì danh dự nàng cố giữ bấy lâu nay sẽ bay vù vào gió bụi!

Mai giật mình hoảng hốt, một tấm ảnh chụp ba người, Trung ngồi giữa, hai ông bà ngồi hai bên ôm sát lấy Trung, người đàn bà thì rất lạ nàng chưa từng gặp, nhưng người đàn ông rõ ràng là tên cán bộ đã giết cha mẹ nàng! Không lẽ, không lẽ. Mai tái mặt lấm bầm, nàng cầu mong đây không phải là một gia đình mà là người thân quen chụp ảnh chung, nhưng sao Trung giữ gìn tấm ảnh rất kín gấn tận bên trong còng của ngăn chiếc bóp? Lòng Mai dâng lên nghẹn nghẹn muốn khóc, trời ơi, nếu quả thật anh là con trai ông cán bộ thì chúng ta đành phải xa nhau, em đâu thể là vợ của con trai kẻ thù đã giết mẹ cha em!!! Nàng lật vội phía sau lưng tấm ảnh để mong tìm một lối thoát, nhưng dòng chữ ác nghiệt ghi quá rõ ràng: Kỷ niệm tấm hình Đặng Trần Trung chụp chung với cha là Đặng Trần Khâm và mẹ là Cao Cự Liễu năm 1990 – Nàng đọc đi đọc lại như sợ mình đọc lầm chữ, nhưng sự thật đã hiển nhiên rồi, Mai đau đớn thở dài, không còn hy vọng gì cho tương lai hạnh phúc, áng mây đen đã bao phủ bầu trời! Trung ơi, mấy tháng qua mình chung sống trong tình chồng nghĩa vợ, sự thật trở trêu mà anh vẫn giấu em, vì sợ mất nhau chăng? làm sao em có thể tiếp tục chung con đường hạnh phúc bên nhau khi đã tận tường sự thật, cha anh đã giết cha mẹ em một cách tàn độc và em đã thể không đội trời chung với ông ta.

Đêm đó Mai âm thầm lặng lẽ như không có điều gì xảy ra, đợi tới sáng Trung đi làm, nàng mới thu xếp ra đi và viết cho Trung mấy dòng vĩnh biệt! Mai lang thang thất thểu như người bị bệnh tâm thần, nàng ghé một quán cà phê ngồi nghỉ mệt, một tên ma cô đến làm quen và hỏi nàng cần gì? Mai đáp ngay: Tôi cần việc làm – Hấn bảo theo hấn lên gặp ông chủ – Họ đưa Mai vào một phòng có sẵn 4 cô gái ngồi đứng lối nhỏ bên trong, Mai thắc mắc thì họ không trả lời, xô nàng vào phòng ập cửa lại. Mai lo sợ không biết việc gì sẽ xảy ra, các cô gái kia thì kẻ lạnh lùng, người hớn hờ, chẳng ai nói với ai một lời! Đến sáng bọn nàng bị dẫn lên xe buýt bùng đưa ra sân bay chờ thẳng về Đài Loan – Tối đây nàng mới biết số phận không may của mình, nàng đã bị bán cho lũ Đài Loan khát vợ, khát đàn bà! Mai càng

đau đớn hơn khi biết mình đã mang thai với Trung, bụng càng ngày càng lớn, bọn đàn ông Đài Loan càng xử tệ với nàng, chúng đánh đập nàng tàn nhẫn đôi lúc tưởng hồn lìa khỏi xác! Xứ lạ quê người, thân tàn ma dại, Mai hối hận đã bỏ Trung mà ra đi vào con đường vô định. Nhiều lần Mai định quyền sinh nhưng nghĩ tới đứa con trong bụng đành cắn răng chịu đựng, bọn đàn ông Đài Loan biết là không xử dụng nàng được nữa vì cái thai đã lớn nên càng tàn ác hơn với Mai – Nàng đỡ sống đỡ chết nơi đất người, rồi một đêm nàng chuyển bụng sanh con, không người săn sóc, không tiền bạc, nàng vào nhà thương thí của chính phủ Đài Loan nhờ lòng nhân đạo cứu giúp sinh nở – Bệnh viện chỉ cho nàng ở được ba hôm thì đuổi về nhà, nàng không nhà cửa, không người thân, biết về đâu bây giờ?

Con dói làm Mai mệt lã người, phải chi ở quê mình nàng sẽ còn nhờ được sự trợ giúp của người chung chủng tộc, chung ngôn ngữ, cùng ngành nghề, cùng nghề nghiệp, mà cũng chẳng ai thèm nhìn nàng để chia xẻ miếng cơm manh áo, ban bố chút tình người! Nàng đau đớn nhìn đứa bé vừa tròn ba ngày tuổi miệng khô không giọt nước thấm hơi, nàng bật khóc giữa chốn đông người, họ vẫn thản nhiên nhìn nàng rồi đi thẳng không ai hỏi han một lời! Mai biết làm sao để gọi chút lòng hảo tâm của họ đây chỉ cần có một số tiền đủ mua vé máy bay để về quê hương. Mai cũng đành bó tay, một đồng một chữ cũng không, nói với họ thì ngôn ngữ dị đồng nàng cũng không mở miệng được, mà người nước này thiếu lòng thương người khi nhìn nàng với đứa trẻ còn đỏ hồng họ cũng chẳng hề xao xuyến lương tâm! Trung ơi, chắc em và con chết mất! Giờ này anh ở đâu? Em hối hận vô vàn khi bỏ anh ra đi, phải chi em không có thai với anh thì em còn xoay sở đi làm kiếm tiền về nước, đàn ông này Mai khóc ngất. Xung quanh nàng tiếng pháo nổ rân từng đợt, từng đợt, Mai giạt mình hoảng hốt nhìn về hướng đèn sáng rực đàn ông kia, một đoàn người quần áo đỏ xanh đủ màu sắc, bày biện cúng vái giữa ngoài lộ, trước cửa nhà, họ ca hát tưng bừng những âm điệu của đất nước họ, Mai không hiểu gì cả nhưng với trí thông minh còn ngy trị nàng thừa hiểu đã đến tết rồi và đêm nay là giao thừa, giờ này là giờ giao thừa của họ cũng là giao thừa của đất nước Việt Nam vì cùng là dân Châu Á, ôi, thế thảm cho ta, mùa xuân đã chết !!! Những giọt nước mắt thi nhau lăn dài, lăn dài trên đôi mắt thâm quầng vì vừa bán đi sức lực để sanh con, Mai gục đầu vào đứa nhỏ và thầm cầu mong trời phật cho nàng và con được chết một cách nhẹ nhàng bình an nơi đây vì không còn đất sống, nàng quá đuối sức và bất tỉnh giữa tiếng pháo giao thừa đang nổ dồn tan chào đón mùa xuân mới trên đất lạ quê người.

NGUYỄN PHAN NGỌC AN - CALI

Trở về

Trở về Mỹ Quốc phương xa.
Cố hương vút theo tà áo bay
Miệng cười, tay lại rời tay.
Chao ôi! Phi căng chiều nay thật buồn

Người về nung nấu đầu trường
Những đêm sấm biển, mửa nguồn động tâm
Người đi biển biệt xa xăm,
Nhớ trăng - Trái chiếu - Đêm rằm - Tuổi thơ.



Khóc cha mẹ viếng thăm mồ,
Thương con mẹ ấm mộng hồ vông đũa.
Quyện hồn theo tiếng gà trưa
Bờ tre cước gọi, buồn xửa nảo lòng.

Bây giờ sóng dậy Biển Đông,
Mẹ theo cát bụi phiêu bồng về đâu.
Chưa tàn một trận Bể Dâu
Con thân viễn xứ, mái đầu bạc phơ

Gặp nhau vô tận bến bờ.
Thương ai mắt nhắm mộng hồ nổi trôi
Sương che phủ kín Đất Trời
Tôi đi trong cái "cửa tôi" Một mình

Nguyễn đình Hình

(Tháng 12-2011)



Giống hồ tiên ốc

THỊNH NGUYỄN

Tôi ở cái thành phố này cũng gần 10 năm có. Vẫn độc thân một mình, bà con anh em họ hàng gì cũng không. Ngày ngày đi làm rồi về nhà ôm cái tivi hay đọc báo chợ. Cái check lương tháng nào là xài bay tháng nấy. Có vợ con gì đâu mà lo xa cho mệt, bạn bè cũng không nhiều, thật thân thiết lại càng không. Ở cái nơi người Việt nhiều nhưng kiếm được người đồng hương cùng quê thì như mò kim đáy bể. Ấy vậy mà tôi cũng gặp được một người, tình cờ thôi, đang đi chợ lựa mua thùng mì gói thì nghe cái giọng bèn bệt không chạy đi đâu được: "Chú quơ, chú lấy cái thùng mì này nè, ăn ngon hơn!". Hỏi qua hỏi lại mới đúng là đồng hương thứ thiệt. Từ đó về sau, tôi mới có bà con xa, mới có con cháu gọi mình bằng chú từ trên trời rơi xuống!

Chú cháu thiệt à nha! Mặc dầu khác họ nhưng hoàn toàn là chú cháu thứ thiệt, không có chuyện "Đừng gọi anh bằng chú!". Từ khi có con cháu bà con xa này, cái điện thoại di động của tôi mới biết reng reng, cái bill trả tiền mới dài dài thêm một tí. Nó mới từ Việt Nam qua nên cái gì cũng lạ lẫm, tôi đương nhiên lên chức cố vấn cuộc đời cho con nhỏ. Giấy tờ cũng tôi, sửa xe cũng tôi, đến cả cái chuyện đi cái lộn giùm cũng là tôi.

Ở đâu cũng vậy, cái ưu tiên trước mắt là công ăn việc làm. Con nhỏ mới nhờ tôi cố vấn nên kiếm việc gì làm. Con nhỏ ở Việt Nam là giáo viên lớp một, nghề này qua đây là bỏ xó. Tôi mới hỏi nó:

- Thế thì ở VN ngoài nghề dạy trẻ, con còn biết làm gì nữa không?

Con nhỏ nhú mày suy nghĩ hồi lâu mới nói:

- Con biết nấu cơm.

- Thôi đi! Bên này nấu cơm dễ ẹt, ai cũng làm được, không cần mày. Cái nghề nào ít người biết thì may ra.

- Con còn biết may đồ. Quần áo của con ở Việt Nam con đều may hết đó!

Biết may quần áo, cái này có thể dùng được đây. Hôm sau tôi mới dẫn nó tới cái tiệm giặt gần nhà xin việc. Ông chủ tiệm đang lúc cần người, nhận ngay con nhỏ vô làm, công việc là nhận đồ giặt ủi và sửa chữa lên lai quần áo. Có việc làm kiếm tiền lại hợp với khả năng, con nhỏ thích lắm, cứ gọi điện thoại kể chuyện công việc làm mới, khen khách hàng lịch sự tử tế với nó. Nghe nó kể, tôi cũng vui lây.

Đầu được chừng một tháng, con nhỏ tới gặp tôi mặt làu bàu vừa nói vừa muốn khóc:

- Chú kiếm cho con việc khác đi. Con vừa bị đuổi việc, thấy con mới qua là họ xí gạt liền. Có cái con mẹ đem đồ tới tiệm gửi giặt cứ khen con đẹp, nhỏ nhắn dễ thương, rồi lò dò hỏi thăm chuyện gia đình, chuyện bên Việt Nam. Con cứ tình thật mà kể say kể sưa quên cả kiểm lại cái áo đầm bà gửi giặt. Hôm sau bà tới lấy, chỉ ngay cái chỗ có vết hư, dữ dằn chửi bới đòi bồi thường cái áo. Con bị bay mất tuần lương, ông chủ thì lại không thông cảm còn hùa theo bà lớn tiếng với con. Sao trên đời lại có cái hạng người ghê gớm như vậy hở chú, con cũng không hiểu nổi!

Tôi chỉ biết an ủi con nhỏ, bảo có người này người nọ, đâu phải ai ai cũng vậy, rồi lò dò đọc báo kiểm cho nó cái chân giữ trẻ. Nó đã dạy lớp một bên Việt Nam, giữ giữ trẻ là hợp quá rồi. Tôi gọi lấy hẹn xong đưa cái địa chỉ và số điện thoại cho nó bảo ngày mai tới xem sao. Nghe thấy giữ con nít, con bé mới tươi tươi một chút.

Ít ngày sau, tôi gọi con nhỏ hỏi thử công việc thế nào thì nghe trong điện thoại có tiếng con nít oang oang. Nó đã làm chỗ mới được ba ngày nay, công việc cũng nhẹ nhàng, chỉ coi hai đứa con nít 5 và 7 tuổi, một trai một gái. Nó khen hai đứa bé dễ thương, ông bà chủ lịch sự tử tế, tôi nghe cũng yên tâm.

Đúng một tháng sau, đi làm về vừa lò mò tính mở cửa thì thấy con nhỏ ngồi một đống dưới bệ xi măng. Nhìn thấy bộ mặt thiếu não chán đời này là tôi biết có chuyện gì rồi. Mở cửa cho nó vào, để nó ngồi yên đầu đó, rót cho nó ly nước cam lạnh ngắt để cho nó hạ hỏa bớt rồi tôi mới hỏi:

- Có chuyện gì nữa đây? Sao thấy bộ mặt mày tao cũng quái quá đi!

- Cái số con nó sao sao đó chú ơi. Cái job giữ trẻ tưởng đâu êm xuôi ai ngờ con lại gặp hai đứa con nít ranh. Cha mẹ nó dặn con không cho tụi nó coi tivi với chơi game. Tụi nó lừa con sơ hở nằm trên sa lông ngủ, hai đứa chụp hình xong bắt chẹt ra điều kiện phải

cho tụi nó coi tivi với chơi game, nếu không nó đưa cái hình con ngủ cho cha mẹ nó coi. Chú nghĩ thử coi con phải làm gì đây. Dấu giếm được tuần lễ là nội vụ đổ bể, con bị mất việc mà còn bị cha mẹ hai đứa con nít quỷ sứ chửi cho một trận. Con giận quá chú ơi là chú!

Con nhỏ vừa nói vừa hươu quơ tay, mặt mày hầm hầm. “Đó là lỗi của con, ai biểu đi làm mà ngủ làm chi cho nên nổi!”. Trong đầu thì nghĩ như vậy, nhưng tôi không dám nói ra sợ đổ thêm dầu vào lửa, chỉ biết an ủi con nhỏ:

- Sao lúc đó không gọi cho chú ngay để chú kiểm cho việc khác mà làm.

Con nhỏ òa lên khóc nức nở, nước mắt nước mũi lòng thòng, vừa nói vừa tức tưởi:

- Mới làm có một tuần lại bị đuổi con đâu dám gọi cho chú. Con mới lấy báo đọc kiểm việc làm khác. Chú ơi là chú! Con tránh vỏ dưa lại gặp vỏ dừa. Con xin được chân bán hàng cho tiệm tạp hóa..

- Mà y lơ ngơ mà đòi làm nghề này.

- Con đâu có biết! Thấy con lanh lẹ mới chỉ sơ qua đã làm được, ông chủ giao tiệm cho con một mình rồi bỏ đi mua hàng. Ông vừa đi xong, khách ra vô nườm nượp, con tính tiền bỏ bao cho khách mà cái tay muốn ê ẩm luôn. Đang bán thì thỉnh linh ông về, con cười toe toét tính khoe với ông là con có giang buôn bán, chưa kịp mở miệng là ông đã la um sùm..

- Cái ông gì mà cà chớn vậy, tại sao lại la con?

Con nhỏ hạ giọng thiếu nảo:

- Con lại bị xí gạt. Thấy con ma mới, tụi nhỏ choai choai chưa tới tuổi mua bia thuốc lá ào ào sắp hàng vô mua. Đông khách là vậy! Ông chủ xanh mặt đưa tiền công cho con xong nói “Cảm ơn! Xin đừng trở lại”. Chú ơi là chú! Con hết bị người lớn gạt, con nít bắt chẹt giờ lại bị cái đám choai choai thừa nước đục thả câu. Con sợ con người quá chú ơi!

Con nhỏ nói xong òa khóc hu hu. Nhìn nó khóc tôi chỉ biết ngồi im không nói được câu nào. Tội nghiệp con nhỏ, mới hạ sơn hành hiệp đã gặp ngay giang hồ hiểm ác!

Chở con nhỏ về nhà, trên đường về tôi lấy đường tắt để né mấy con đường kẹt xe, chạy lòng vòng ngang qua khu hăng xường. Cái bảng cản người làm đập ngay vào mắt. Tôi dừng xe thẳng gấp. Vào hỏi thăm xong lấy bộ đơn điền nộp tại chỗ cho con nhỏ. Nghe nói hy vọng hơn 90%, công việc lại dễ dàng chỉ đứng coi máy chạy. Con nhỏ hiển quá cứ bị con người ăn hiếp, cho nó làm việc với cái máy là khỏi phải lo. Tôi về nhà gọi cho con nhỏ biết xong mới yên tâm mà đánh một giấc. Nó chắc cũng vậy, nghe lại cái giọng yêu đời hơn hử trên điện thoại là biết ngay.

Con nhỏ hình như có duyên làm việc với máy móc. Tôi thỉnh thoảng có gọi hỏi thì nó lúc nào cũng trả lời “Vẫn thường vẫn thường”, có khi thì hơi há cúp máy nói “Con phải đi sắp tới giờ rồi, phải đi ngay không trễ”. Lâu ngày gặp lại thì nó hình như có hơi hơi khác, mắt cứ láo liên nhìn lên nhìn xuống, nhìn phải nhìn trái, cái bàn chân phải thỉnh thoảng đập đập, hai tay đôi lúc cứ như bóp bóp nhấn nhấn trong không khí. Tôi có cảm thấy là lạ trong đầu, nhưng lúc đó chú cháu ít thì giờ nói chuyện, không kịp hỏi cho tới khi con nhỏ nghỉ việc.

Lần này thì có khác hơn mấy lần trước, nó tự động xin nghỉ chứ không bị đuổi việc. Mặt mày không thiếu nào buồn bã, trông nó rần rỏi hơn, không khốc lóc rầu rĩ mà như đã nhất quyết một điều gì đó, nó nhìn tôi nói:

- Con lại bị người ta ăn hiếp nữa rồi! Tưởng đầu làm với máy là yên, ai ngờ mấy người làm chung với tay xếp thấy con còn trẻ có sức, hòa nhau mà đùn việc làm khó cho con. Ma cũ ăn hiếp ma mới chú ơi! Chú thấy đấy! Từ khi làm chỗ này con không có thì giờ rảnh, làm riết tay chân con cứ phản xạ tự động nhịp nhịp bấm bấm như robot. Con suy nghĩ kỹ rồi chú ơi, trong tay mình mà không có gì hết thì luôn luôn bị người ta ăn hiếp. Kỳ này con đã quyết rồi!

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Con đã quyết làm gì?

- Con sẽ ghi tên đi học để có một cái gì đó. Có rồi con sẽ phục hận, con sẽ trả thù. Sao con cảm thù con người quá chú ơi. Con hận quá đi. Con thể sau này có cơ hội thế nào con cũng báo thù. Con sẽ báo thù!

Nhìn cái mặt đăm đăm dữ dằn của con nhỏ, tôi đâm sợ. Không dám nói gì thêm chỉ biết nói theo:

- Con tính vậy cũng được. Con còn trẻ, cũng nên đi học lại. Con người có người tốt người xấu, không phải ai ai cũng vậy đâu. Thỉnh thoảng nhớ liên lạc với chú.

- Có gì con sẽ nhờ chú. Con hận quá chú ơi!

Đó là lần cuối cùng tôi gặp nó. Nói thì nói vậy nhưng nó không gọi cho tôi. Tôi cứ sợ nó nghĩ ông chú này cũng giống như những con người giang hồ hiểm ác nó gặp. Cái con cháu ngày thơ yêu đời của tôi ngày nào sao lại ra nông nổi như thế này. Càng thương cho nó tôi lại càng bị nhiễm lây cái tính của nó, nhìn ai ai chung quanh tôi cũng đăm đăm nghĩ ngờ dè dặt.

Bẵng đi một thời gian dài, trong lúc đang lui cui lựa mấy cái DVD ca nhạc on sale tính mua về nhà coi cho đỡ buồn thì có người nào đó đập vai la lớn: “Chú Dzi ơi là Chú Dzi!”. Quay đầu lại coi ai thì té ra

là con nhỏ Hồng. Lúc này nó trông khác ơ là khác, tóc hi lite tí đỏ tí nâu, ăn bận mốt miết khỏi chê. Nhất là cái gương mặt thì ôi thôi tươi như hoa, không còn cái vẻ giận người đen bạc như lần cuối cùng gặp nó. Con nhỏ miệng mồm tía lia:

- Chú Dzi có bận gì hông? Đi ăn phở với cháu. Kỳ này cháu đãi!

Ngồi vào bàn xong con nhỏ gọi bồi kêu món ăn một cách điệu nghệ, không quên kêu thêm cho ông chú ly cà phê sữa đá. Nhìn nét mặt hơn hử của nó, tôi thấy hình như nó chẳng còn nhớ một chút xíu nào hết cái thời gian làm công bị đày đọa ăn hiếp ngày nào. Lâu ngày gặp lại, con nhỏ này đưa tôi hết từ ngạc nhiên này tới ngạc nhiên khác. Cái gì làm cho nó thay đổi mau chóng như vậy? Có trời mới biết được!

Biết tôi tò mò ghê lắm nhưng nó không chịu nói ngay, chờ cho người bồi đem hai tô phở với ly cà phê sữa đá ra rồi mới thông thả hả hê vừa cười vừa nói:

- Con trả được thù rồi chú ơ. Mấy người hồi xưa bắt nạt con, mấy con Mỹ lựu đạn lườm gạt, mấy ông già mắc dịch, mấy bà ngồi lê đôi mách, mấy đứa con nít ranh, mấy thằng choai choai cà chớn giờ muốn gặp con là phải ngồi đó mà chờ. Chờ con kêu mới được tới, con hỏi mới được trả lời. Ngồi yên không dám mở miệng hó hé một tiếng. Con bảo gì làm nấy. Con trả được thù con sướng ơ là sướng.

Quá đổi ngạc nhiên tôi mới hỏi:

- Bộ mày trúng số lotto, hay lấy thằng chồng tỷ phú người ăn kê ở đây nhà, hay mày đang làm cảnh sát chìm chuyên thẩm vấn tra tấn phạm nhân đây?

Con nhỏ trở mắt nhìn tôi kinh ngạc, hình như chê cái đầu óc không được thông minh lắm của ông chú, rồi mới thông thả trả lời:

- Chú ơ là chú ! Đâu cần phải trúng số hay lấy chồng tỷ phú mới trả được thù. Chú biết mà, con thì làm sao mà thành cảnh sát được, với lại cái nghề này con ghét ơ là ghét.

Thấy con nhỏ dài dòng lý sự, không kiên nhẫn được nữa, tôi mới cắt ngang:

- Thế thì mày làm cái gì mà trả được thù?

Con nhỏ trả lời tỉnh bơ:

- Giờ con đang làm nghề hớt tóc! Già trẻ lớn bé đàn ông đàn bà con nít choai choai gì gì đi nữa con cũng dè đầu, lột da, rút móng tay được hết. Con đã dè là phải ngồi yên, đừng có léng phéng cục cựa càm ràm mà chết với con!

*Thịnb Nguyễn,
tháng 10 năm 2010.*

America was chanting

1*

America was chanting
during the Vietnam war
in the sixties
from antiwar movement
with reckless call for solidarity
union leftists alongside with long-haired hippies
agitatedly roaming American streets

Those social militia
from the peace coalition
the brothers and sisters in arms of collective lyrics
lullaby by Red China and Soviet Union
during cold war era
they spread communist propaganda
ready for the global revolution in red
with hammers and sickles
slashing the throat of US capitalism
in its own home.

Side by side
the dirty and lazy beatniks
crying for peace
flooded Greenwich Village in New York City
on San Francisco's Haight-Ashbury district
stuffing their ears with psychedelic rock
taking psychoactive drugs
to enhance the mind-altering experience
for bloodless sexual revolution
serving the world peace

2*

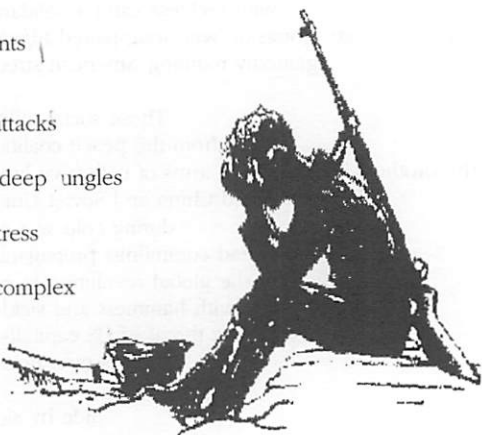
America was chanting
during massive protests
in late sixties 'n early seventies
on the Capitol Hill of the United States
its young soldiers were fighting
an ideological war in South Vietnam
against the communist bloc
for freedom and peace
in support of anti-war activists at home
violently roaming the streets of Washington D.C.
'n those hippies
safely enjoying sex,
psychedelic rock, LSD and marijuana
shouting "make love not war".



3*

America was chanting
a restless chorus
malicious stab in the back
of bravery young American soldiers
fighting in the Vietnam War
encountered terrible hardships
blood shed and living hell

Days and nights
at Khe Sanh
and other fierce battle fronts
mortar shells and rockets
raining on their heads
under guerrilla hit-n-run attacks
and sharp shooters
on the rocky hills and in deep jungles
on the Avenue of Horror
in Quang Tri Ancient Fortress
facing suicide attacks
in snack bars and living complex
even on streets of Saigon
the famous Far-East pearl
Capital of South Vietnam



4*

America was chanting
a shameful chorus disrespectful to young soldiers
returning home from the Vietnam War
physically injured and psychological wounded
greeted with jeers and taunts
those peace protesters
spat on them in airports and on public streets

5*

America was chanting
a disgraceful tune
for its withdrawal
leading to the fall of South Vietnam
into the bloody hands of the communist bloc

6*

US did not lose the war on the fierce battles in Vietnam
but defeated on its own streets
crushed by those ruthless peace protesters
coalition of social militia, hippies and communal activists

7*

Shame on America
for always chanting the wrongful chorus.
Thao Chuong (Tran Quoc Viet)



Người trí thức Việt Nam và danh từ chính trị

Hà Thúc Hùng

Mới đây có người bạn gọi điện thoại thăm hỏi tôi. Vì lâu quá rồi, chúng tôi chưa có lần nào gặp nhau. Anh ta trước đây cũng là một thuyền nhân tỵ nạn. Bỏ của chạy lấy người trong một cuộc hải hành thập tử nhất sinh. Và cũng trải qua những cuộc phỏng vấn vô cùng khó khăn ở trại tỵ nạn, giữa phái đoàn Cao Ủy Liên Hiệp Quốc và phái đoàn Hoa Kỳ để chấp thuận được tái định cư tại nước Mỹ, một quốc gia tượng trưng cho tự do và nhân quyền.

Trong lúc nói chuyện qua điện thoại, anh có hỏi tôi là bây giờ đã nghỉ hưu rồi, có dự định mua nhà ở đâu đó tại Sài Gòn để sống trong tuổi về già không? Anh nói rằng với tiền lương hưu của tôi, có thể sống thoải mái và rằng bây giờ đã đổi mới. Đờ lăm rồi, không phải như thời kỳ bao cấp. Tôi không do dự gì và trả lời ngay với anh rằng: Tôi đã đánh đổi bằng cả sinh mạng của mình và của cả gia đình để rời khỏi đất nước ngục tù, thoát khỏi thảm họa Cộng sản. Cái giá của tự do quá đắt thì tôi sẽ không bao giờ trở về khi bọn CSVN và còn ngự trị trên quê

huơng tôi. Và rằng có ai đó bảo tôi về, mỗi tháng sẽ cho tôi 50 nghìn đô la để tiêu chơi, tôi cũng xin trả lời rằng không, nhất định không. Anh lại còn nói thêm rằng: chiến tranh đã chấm dứt từ lâu, sao các anh vẫn còn thù hận dữ vậy. Tôi đánh trống lảng, không nói thêm gì nữa. Vì tôi cho rằng đó là nhân sinh quan của mỗi người khác nhau.

Và cũng cách đây không lâu, có vài người bạn mang nhân hiệu trí thức cũng xách gói về Việt Nam để xin VC được dạy học ở một vài trường Đại học mới mở ở trong nước. Các anh ấy đang tìm mua nhà, đất ở Việt Nam. Coi như phần lớn thời gian là sống ở quê nhà. Thỉnh thoảng nghỉ phép hay nghỉ hè mới về Mỹ, Canada. Có người thắc mắc tại sao các anh lại trở về phục vụ cho một bạo quyền gian ác, phi nhân, tước đoạt tất cả mọi quyền tự do căn bản của con người. Một bạo quyền đang trấn áp thô bạo những người khác chính kiến, tranh đấu cho tự do dân chủ một cách ôn hoà. Một bạo quyền vô thần đang tìm cách tiêu diệt các tôn giáo, cướp bóc tài sản của Giáo hội. Cướp bóc tài sản, nhà đất của nhân dân. Tham nhũng, hối lộ công khai, vô liêm sỉ mà dân chúng trong nước gọi là bọn cướp ngày và thể sẽ trừng trị chúng trong một ngày không xa. Một tập đoàn hèn mạt đang làm tay sai và bán nước cho Tàu cộng và tuân lệnh quan thầy ra sức trấn áp thô bạo những người dân yêu nước muốn bảo vệ sự toàn vẹn của đất nước. Tập đoàn cầm quyền của Đảng VC đang bị tất cả các tổ chức nhân quyền trên thế giới đang chỉ trích và lên án nặng nề.

Để trả lời cho những thắc mắc này, các anh bảo rằng *"tôi không làm chính trị, tôi về là để giúp cho nước Việt Nam thôi!"*. Ý tưởng này đã trùng hợp với nghị quyết 36 của Trung ương đảng Cộng sản VN. Hiện nay bọn Cộng sản trong nước cũng như bọn tay sai nằm vùng ở hải ngoại đang ra sức tuyên truyền, chiêu dụ kiều bào Việt Nam khắp nơi hãy mang tiền bạc trở về đầu tư, làm ăn, mua nhà đất, đi du lịch VN. Đem chất xám về phục vụ cho đất nước. Hãy bỏ lại sau lưng quá khứ, nhìn về tương lai, vì đất nước đang phát triển giàu mạnh. Đã có khá nhiều những người Việt nhẹ dạ, nghe lời mang tiền bạc về đầu tư, làm ăn. Một thời gian sau khi cơ sở doanh nghiệp đã phát triển, lợi nhuận tăng cao. Lúc bấy giờ Việt cộng muốn lấy không, chúng chỉ cần áp dụng một chiêu thức dễ dàng nhất là gán cho cái tội trốn thuế. Bắt doanh nhân nhốt vô tù và tịch biên toàn bộ tài sản. Thế là xong, thật ngon ơ !. Đã biết bao nhiêu kẻ dính vào trường hợp đó, phải bỏ cửa chạy lấy người. Ngay cả những nhà dân chủ đấu tranh cho tự do nhân quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ. Muốn trấn áp và bỏ tù những người này, đôi khi chúng cũng dùng chiêu thức trốn thuế, như trường hợp blogger Điếu Cày Nguyễn văn Hải là một bằng chứng. Đã hết thời gian thụ án khá lâu, CSVN vẫn không trả tự do cho anh.

Chúng giam anh ở đâu biệt tích mà gia đình và bạn bè đều không hề biết anh còn sống hay đã chết và nghe đâu trong thời gian giam giữ anh, chúng đã chặt mất của anh một bàn tay. Thế mà những người mang nhãn hiệu trí thức vẫn chưa mở mắt để nhìn thấy. Thật là u tối. Với hiện tình đất nước hôm nay mà một số ít người mang danh trí thức vẫn u tối như vậy, thì ta phải hiểu rằng họ là những người không thành công ở nước ngoài. Ở hải ngoại họ không có đất dụng võ. Họ quan niệm rằng ở một xứ mà toàn là những thằng mù thì thằng chột sẽ làm vua. Do đó họ trở về Việt Nam phục vụ cho ngụy quyền Cộng sản, họ sẽ được trọng vọng và sẽ được mang danh là Việt kiều yêu nước. Thật sự thì bọn CSVN rất ghét thành phần trí thức mà chúng gọi là trí thức tiểu tư sản, không phải từ gốc gác bản cố nông và xuất thân từ cái lò tôi luyện của Cộng sản. Vì vậy chúng phân biệt hai loại trí thức: trí thức tiểu tư sản và trí thức xã hội chủ nghĩa. Chúng đã ví trí thức tiểu tư sản không bằng cục phân dùng để bón cho hoa màu xanh tốt. Còn trí thức tiểu tư sản đã không dùng được lại còn chống đối. Sở trường của Cộng sản là gian trá, lừa bịp. Chúng chỉ có thể lừa bịp những người dân quê ít học. Còn những người trí thức thì đã hiểu biết bản chất lưu manh của chúng quá rõ. Và họ cũng quá hiểu rằng chủ thuyết Cộng sản là một thảm họa lớn nhất của nhân loại. Thế nhưng hiện nay với chủ trương của nghị quyết 36, nếu Cộng sản chiêu dụ được thành phần trí thức, thì các thành phần khác chúng sẽ lôi cuốn một cách dễ dàng hơn. Vì qua kinh nghiệm những biến thiên của lịch sử và những cơn bão tố của thời cuộc trên thế giới từ xưa đến nay. Người trí thức bao giờ cũng đi tiên phong, dẫn đầu các cuộc cách mạng để thay đổi nền móng xã hội cho phù hợp với trào lưu tiến hoá của nhân loại. Vậy mà có một thiểu số những người trí thức bảo rằng *"tôi không làm chính trị, chỉ về giúp nước mà thôi."* Thật đáng buồn. Nhưng cũng may là số đó quá ít, không đáng kể. Thiếu số này chỉ có kiến thức chuyên môn, không có kiến thức về chính trị. Vì vậy họ chẳng hiểu gì về hiện tình đất nước và bản chất lưu manh của Cộng sản.

Đã lâu, từ khi loài người bắt đầu có trí tuệ, chúng ta đã từng nghe nói: "Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách". Mọi người đều có trách nhiệm với đất nước. Người trí thức, giai cấp sĩ phu của thời đại lại càng có trách nhiệm nặng nề hơn đối với tương lai của đất nước, tiền đồ của dân tộc. Không thể phủi tay bảo rằng: Tôi không làm chính trị. Có nghĩa là chết sống mặc bay, tiền thầy, thầy bỏ túi. Làm chính trị không chỉ có nghĩa là bon chen để tìm một chức vụ trong chính quyền, hoặc để có môi trường thực hiện chính kiến của mình hoặc để được vinh thân phì da mà còn là một hành động sẵn sàng dấn thân vào đại cuộc tranh đấu cho quê hương xứ sở, dân chúng

được an cư lạc nghiệp, tự do dân chủ. Người trí thức không thể sống ích kỷ để ngồi nhìn kẻ thù của dân tộc muốn làm gì thì làm.

Nếu chúng ta yên lặng trước hành động phi nhân của kẻ bạo ác, đang trấn lột nhân dân, tước đoạt mọi thứ quyền tự do căn bản của dân tộc là chúng ta đã mặc nhiên đồng lõa với kẻ tội ác. Nếu chúng ta trở về phục vụ cho kẻ thù của dân tộc dù với bất cứ một phương diện chuyên môn nào là chúng ta cũng đã góp sức với kẻ thù để gây tội ác với nhân dân. Chúng ta đã mặc nhiên đứng vào hàng ngũ của kẻ thù dân tộc và chính chúng ta đã khuyến khích cho kẻ thù càng ngày càng gây thêm tội ác. Và như vậy, chúng ta có tội với lịch sử và nhân dân.

Những người dân đen nghèo khó trong nước đang biểu tình đòi lại đất đai, nhà cửa đã bị Cộng sản cướp đoạt. Giáo dân tập trung ngồi cầu nguyện để đòi hỏi nhà cầm quyền Việt cộng trả lại tài sản của Giáo hội mà chúng đã cướp đoạt và quyền tự do tín ngưỡng cho mọi người dân. Đó là họ đang làm chính trị. Các sinh viên, học sinh, công nhân, đồng bào đang biểu tình chống Trung cộng xâm lăng Hoàng sa và Trường sa, chống Việt cộng làm tay sai và bán nước cho Tàu cộng. Họ cũng đang tham gia chính trị. Cộng đồng Việt nam hải ngoại đang biểu tình hỗ trợ cho cuộc đấu tranh của đồng bào trong nước và cảnh báo cho Thế giới Tự do biết rằng dân tộc Việt Nam đang lâm nạn, để nhờ thế lực bên ngoài áp lực cho Việt cộng bớt hung hăng. Hay quyền góp tiền bạc giúp đỡ cho gia đình nạn nhân đang bị CSVN cầm tù vì tranh đấu cho tự do, nhân quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ. Họ đang làm chính trị để thay đổi một chế độ xấu xa bạo ác.

Vì trách nhiệm trước dân tộc và lịch sử và cũng vì liêm sỉ, người trí thức, giai cấp sĩ phu của thời đại không thể phũ tay trách nhiệm của mình, để trở về bắt tay hùn hạp làm ăn với Cộng sản. Ngoại trừ 3 triệu đảng viên Cộng sản, còn lại 80 triệu người dân quốc nội và 3 triệu người Việt hải ngoại đều mong muốn lật đổ chế độ đi ngược với lòng dân hầu cứu nguy cho dân tộc đang quần quai trong nghèo đói và bị áp bức, và cũng để giữ cho sự toàn vẹn của đất nước.

Cuộc cách mạng Hoa lai ở Bắc Phi sẽ bay ào đến Việt Nam và số phận của bọn cầm quyền Cộng sản gian ác, độc tài, tham nhũng, cướp bóc, khát máu và bán nước sẽ được nhân dân Việt Nam định đoạt trong một ngày tương lai không xa. Người trí thức phải nhìn xa thấy rộng và hiểu biết điều đó. Nó như một quy luật tất yếu của lịch sử.

Hà Thúc Hùng
Virginia, Tháng 11 Năm 2011

DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

Thường liên lạc với Hội Tây Sơn Bình Định

Andy Lê

2937 Silverland St, San Jose, CA 95121 (408) 223-2118

Văn An

3770 Mc Kee Rd, # 17 San Jose, CA 95127 (408) 254.1914

Trần Vĩnh Anh

1723 Pine Hollow Cir San Jose, CA 95133 (408) 258.3215

Từ Thị Ba

19231 Monte Vista Dr. Saratoga, CA 95075 (408) 395.2617

Đình Thành Bài

661 Waddell Way, Modesto, CA 95357 (209) 529.2354

Nguyễn Đình Bá

2960 Sunwood Dr. San Jose, CA 95111 (408) 365.9534

Bùi Thúc Bảo

644 N. Abbott Ave. San Jose, CA (408) 945.8655

Đặng Đức Bích

4045 Chamberer Dr. San Jose, CA 95135 (408) 274.8699

Nguyễn Hoà Bình

2651 Luciana Dr., San Jose, CA 95131 (408) 621.2969

Nguyễn Bình

1518 Roberts Ave, San Jose, CA 95122 (408) 259.8364

Nguyễn Bình

4477 Rue Le Man, San Jose, CA 95112 (408) 578.2843

Nguyễn Bường

2828 Brook Way, San Pablo, CA 94806 (510) 222.7140

Võ Ngọc Bửu

3079 Seafield Ct, San Jose, CA 95148 (510) 668.4255

Phan Minh Châu

2725 Klen Rd., San Jose, CA 95148 (408) 528.8311

Nguyễn Tường Chi

5101 Discovery Dr., San Jose, CA 95111 (408) 362.4515

Nguyễn Chuẩn

1758 Bevin Brook Dr., San Jose, CA 95112 (408) 294.6683

Phạm Chương

1341 Vance Rd., San Jose, CA 95132 (408) 923.6734

Đào Đức Chương

1519 Ivy Creek Cir., San Jose, CA 95121 (408) 238.5900

Lê Chúc

1616 Troon Ct., San Jose, CA 95116 (408) 929.4948

Trần Chu

2620 Alvin Ave. #213 D San Jose, CA95121..... (408) 239.0560

Nguyễn Doãn Cung

5270 Snow Dr. San Jose, CA95121..... (408) 408.3621

Đặng Thị Kim Cúc

2744 Whispering Hills Dr. San Jose, CA..... (408) 238-54355

Nguyễn Cự

1468 Pomeroy Ave. San Jose, CA 95051..... (408) 985.2661

Nguyễn Thị Danh

5318 Surrey Ct., Newark, CA 94560..... (510) 713.2019

Trần Danh

1311 Eldamar Ct., San Jose, CA 95121 (408) 281.7640

Nguyễn Diệu

1520 E. Capital Exp. #50, San Jose, CA 951..... (408) 224.6807

Huỳnh Hữu Dụng

1182 Theoden Ct., San Jose, CA95121 (408) 972.1339

Phạm Đình

1623 Jupiter Dr., Milpitas, CA 95035..... (408) 262.4833

Phạm Hữu Độ

1683 Hillsdale Ave., San Jose, CA 95124..... (408) 486.2029

Võ Đại

1409 Bird Ave.# 6, San Jose, CA95125 (408) 393.2050

Đường Anh Đồng

2744 Whispering Dr. San Jose, CA 95148 (408) 238.5435

Nguyễn Thị Đàm

2342 William Dr., San Jose, CA 95050..... (408) 243.5435

BS Cai Văn Dung

259 Meridian Dr., San Jose, CA 95126..... (408) 294.5151

Đoàn Hữu Đức

1572 Virginia Pl., San Jose, CA 95116..... (408) 254.2832

Vũ Thị Đôn

4248 Silver Berry, San Jose, CA 95136..... (408) 227.6794

Trần Đình Giáp

172 Echo Ave., Campell, CA 95008 (408) 866.4143

Võ Bá Hà

3990 Mount Wilson Dr., San Jose, Ca..... (408) 251.0490

Nguyễn Thu Hà

5748 Halleck Dr., San Jose, CA 95123 (408)..... (408) 972-4581

Bùi Ngọc Hải

1301 Marry Carry Ln. San Jose, CA 95136..... (408) 436-9349

Phạm Ngọc Hải

1881 Quimby Rd., San Jose, CA 95122..... (408) 397-4298

Trương Hạnh

473 Cedro St., San Jose, CA 95111..... (408)281.4451

Phan Văn Hàm

155 Loehr St, Apt F, San Francisco, CA..... (415) 656-1781

Võ Hân

206 Turner Ct., San Jose, CA 95139..... (408) 226-3272

Lý Hào

2810 Cramer Cir, San Jose, CA 95110..... (408) 287-7008

Trương Thị Hậu

752 Vine Ct. # 7, San Jose, CA 95110 (408)997-1686

Đặng Thị Hiền

1092 Topaz Ave. # 1, San Jose, CA 95117 (408) 985-1246

Nguyễn Thế Hiệp

2206 Country Manor, Riverbank, CA 95367..... (209) 869-5961

Nguyễn Hiệp

1113 Stinton Ct., Modesto, CA 95358..... (209) 536-2316

Nguyễn Hoà

1703 24th Ave. # A, Oakland, CA 94601..... (510) 533-9259

Nguyễn Hoà

43541 Greenhills Way, Fremont, CA 94539..... (510) 657-2074

Thái Văn Hoà

1455 E. Calaveras # 10, Milpitas, CA (408) 771-5146

Nguyễn Hoàng

3834 Brigadoon Way, San Jose, Ca 95121..... (408) 270-7806

Nguyễn Hoè

5418 Duesenberg Dr. San Jose, CA 95123..... (408) 225-8754

Hoàng Huân

2811 Glauser Dr., San Jose, CA 95133 (408)972-4581

Nguyễn Huệ

4595 Pearl Ave, San Jose, CA 95136 (408) 445-2633

Đỗ Hùng

22168 Prealta St., Hayward, CA 94541..... (408) 732-6846

Nguyễn Hùng

3001 Stevens Ln, San Jose, CA 95148..... (408) 292-8957

Phan Thanh Hùng

2077 Wendover Ln., San Jose, CA 95121..... H. (408) 940-7812

..... C. (408) 387-3784

Nguyễn Hùng

1302 Isengard Ct., San Jose, CA 95121 (408) 292-8957

Phạm Hùng

420 Live Oak Ct., Milpitas, CA 95035 (408) 956-8412

Võ Bá Hùng

1105 Cantara Ct., San Jose, CA 95127..... (408) 254-2030

Lê Đức Hùng

5323 Heinessy Dr., Stockton, CA 95217 (209) 473-3093

Võ Hùng

3416 Blue Mountain Dr., San Jose, CA (408) 251.3741

Joseph Huỳnh

4264 Christian Dr., San Jose, CA 95135..... (408) 270-7482

Đình Thành Hưng Manteca

1636 Image Dr. Antiochia, CA 95337..... (408) 520-4336

John Trần

2987 Almond Dr., San Jose, CA 95148 (408) 270-6964

Trần Trọng Khiêm

1624 Hollenbeck Ave. #2, Sunnyvale, CA (408) 720-9677

Nguyễn Khoa

2071 sheraton Dr., Santa Clara, Ca 95050 (408) 243-3806

Trần Khôi

1863 Andrew Pl., San Jose, CA 95132 (408) 251-3035

Hà Khôi

781 Feller Ave., San Jose, CA 95127..... (408) 259-5456

Thiếu Tướng Huỳnh Văn Lạc

3220 Carver Rd., Modesto, CA 95350..... (209) 523-0869

Huỳnh Ngọc Lan

2155 Lanai Ave # 108, San Jose, CA 95122..... (408) 937-7840

Lê Từ Như Lâm

399 Spence Ave., Milpitas, CA 95035 (408) 262-6260

Nguyễn Lân

942 Valencia Dr., Milpitas, Ca 95035 (408) 946-2758

Võ Lang

2855 Senter Rd. # 102, SanJose, CA 95122..... (408) 224-1530

Lê Lợi

15203 Shinning Star Ln., San Leandro, CA (510) 351-4204

Trần Minh Lợi

3153 Via Venezia Dr., San Jose, CA 95127..... (408) 580-7586

Nguyễn Kim Loan

563 Rudd Ct., San Jose, CA 95111 (408) 365-1126

Nguyễn Long

532 Fifth Ave. # 6, San Francisco, CA (415) 831-7064

Võ Thu Lương

5207 Sturla Dr. San Jose, CA 95148 (408) 274-8186

Phan Minh Lượng

340 Grey Ghost Ave. San Jose, CA 95111 (408) 291-9361

Bùi Mai

3278 Flintmont Rd., San Jose, CA 95148 (408) 531-1570

Nguyễn Mai

2566 S. King Rd. # 138, San Jose, CA (408) 532-0114

Nguyễn Cẩm Mậu

6283 Narcissus Ave., Newark, CA 94560 (408) 518-1707

Lê Văn Minh

2933 Glencrow Pl. San Jose, CA 95148 (408) 274-5853

Nguyễn Mỹ

518 Hillbright Pl., San Jose, CA 95123 (408) 365-1750

Võ Thị Nga

1129 Shaffield Ct., Stockton, CA 95210 (209) 476-1638

Đặng Thu Nga

2863 Reidel Dr., San Jose, CA 95135 (408) 238-6971

Huỳnh Văn Ngọc

882 Water Walk Milpitas, Ca 95035 (408) 941-9689

Đặng Văn Ngọc

29285 Lassen St., Hayward, CA 94544 (510) 264-9369

Võ Tuyết Nhạn

2979 Castleton Dr., San Jose, CA 95148 (408) 238-8302

Trần Nghiêm

5973 Surl Ct, San Jose, CA 95138 (408) 227-8302

Trần Văn Ngô

1694 Tully Rd # 1, San Jose, CA 95122 (408) 223-1150

Phan Quang Nghiệp

469 Ezc Dr., San Jose, CA 95148 (408) 578-2938

GS Nguyễn Văn Nhuận

2654 Bonbon Dr., San Jose, CA 95148 (408) 274-2804

BS Trương Thế Phiệt

1670 Goldenrain Dr., San Jose, CA 95136 (408) 281-4067

Nguyễn Phong

247 Clareview Ct. San Jose, CA 95127 (408) 258-5524

Nguyễn Văn Phú

424 Los Encinos Ave. San Jose, CA 95134 (408) 324-1773

Lê Vĩnh Phúc

1555 Hill Top Ct., Milpitas, CA 95035 (408) 942-9527

Vĩnh Phúc

1197 Angmar St., San Jose, CA 95111..... (408) 269-7017

Trần Thị Phúc

5919 Liklisk Ln # 104, San Jose, CA 95119 (408) 365-7729

Dương Phụng

411 Lewis Rd # 372, San Jose, CA 95111 (408) 629-7428

Nguyễn Phước

778 S. Fifth St # C, San Jose, CA 95112..... (408) 293-8281

Nguyễn Bá Quảng

2008 Danderhall Way, San Jose, CA 95121 (408) 238-5010

Nguyễn Đình Sang

P.O. Box 51017 San Jose, CA 95151 (408) 454-2889

Lê Lam Sơn

340 Martil Way, Milpitas, CA 95035 (408) 454-2889

Giã Minh Sơn

5065 Bengal Dr., San Jose, CA 95111 (408) 281-0724

Nguyễn Tân

2382 Bowers Ave # 4, Santa Clara, CA..... (408) 247-4562

Trần Thanh

1835 Canyon Dr., Pinole, CA 94564..... (510) 274-5225

Trần Minh Thanh

3775 Kawai Dr., San Jose, CA 95111 (408) 227-5466

Lê Xuân Thạnh

1625 Hermocilla Way, San Jose, CA 95116 (408) 259-2802

Nguyễn Văn Thành

1510 Mayfield St., Sacramento, CA 95835..... (916) 419-7227

Võ Thật

2517 S. King Rd., San Jose, CA95122..... (408) 274-8210

Nguyễn An Thọ

1875 Saint Andrews Pl., San Jose, CA (408) 580-7586

Đoàn Hữu Thạnh

2066 Sierra Rd, San Jose, CA 95131 (408) 272-1817

Huỳnh Lương Thiện

774 Geary St., San Francisco, CA 94109..... (415) 215-3794

Đỗ Chí Thoại

275 El Cajon Dr., San Jose, CA 95111 (408) 972-9694

Đặng Đức Thông

2744 Whispering Hills Dr., San Jose, CA (408) 238-5435

Nguyễn Bá Thư

1048 S. 10th St., San Jose, CA 95112 (408)293-4091

Lâm Sanh Thư

218 Goldernrain Ct., San Jose, CA 95111 (408) 281-4451

Ngô Thương

1112 Park Willow Ct., Milpitas, CA 95035..... (408) 263-6012

Nguyễn Thường

2586 Declaration Dr., San Jose, CA 95116..... (408) 394-2056

Nguyễn Văn Thường

1832 Rock Spring Dr. #2 San Jose, CA (408)297-7514

Trương Thụy

259 Meridian Ave #18 San Jose, CA 95126 (408) 259-2394

Trần Thị Tính

3199 Teddington Dr., San Jose, CA 95148 (408) 259-6762

Đỗ Hữu Tín

4811 Plainfield Dr., San Jose, CA 95111 (408) 972-8080

Bảo Tố

421 Giannotta Way San Jose, CA 95133 (408) 678-9126

Nguyễn An Toàn

2231 Emerald Hill Dr., San Jose, CA 95131 (408) 259-6239

Trương Toại

3565 Sunnydays Ln, Santa Clara, Ca 95051 (408) 423-8552

Phạm Trước

968 Coventry Way, Milpitas, CA 95035..... (408) 946-5686

Nguyễn Trai

1500 Virginia Pl # 153, San Jose, CA95116 (408) 272-4636

Lê Trần

753 Terra Bella Dr. Milpitas, CA95035..... (408) 946-2344

Tạ Chương Trí

259 14th St. San Pablo, CA 94806 (510) 215-9465

Nguyễn Văn Trợ

1067 Amberly Ln, San Jose, CA 95121..... (408) 528-6673

Truman Như

3111 Mc Laughlin Ave., San Jose, CA..... (408) 781-3181

Trần Trực

2866 Las Plumas Dr. San Jose, CA 95121 (408) 227-2818

Lê Doãn Trưng

3016 Oak Bridge Dr., San Jose, CA 95121 (408) 223-6322

Đoàn Ngọc Trường

4958 Wagonwheel Way, Richmond, CA (510) 222-6675

Nguyễn Thiện Trường

427 S. 5th St # 7, San Jose, CA 95112 (408) 920-0919

Trần Cẩm Tú

243 San Lion Dr. Vaccaville, CA 95688 (707) 451-8048

Quách Tử

1822 Praire Ln, Stockton, CA 95209..... (209) 598-9053

Bùi Tú

2976 Glen Crow Ct, San Jose, CA 95148..... (408) 270-4507

Phan Văn Tựu

812 Kyle St, San Jose, CA 95127 (408) 929-5263

Huỳnh Bích Vân

1182 Theoden Ct., San Jose, CA 95121 (408) 972-1542

Nguyễn Thái Vinh

422 Coloney Crest Dr., San Jose, CA 95123 (408) 224-3621

Dương Quang Vinh

1509 Platt Ave. Milpitas, CA 95035 (408) 956-1365

Nguyễn Vinh

2987 Almond Ave., San Jose, CA 95148 (408) 270-6964

Đinh Văn Xuân

3111 Mc Laughlin Ave., San Jose, CA (408) 224-7100

Đặng Ngọc Yến

1539 Callo Creek Dr., San Jose, CA 95127 (408) 347-1335

Trong danh sách địa chỉ và số phone của Đồng Hương Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali có những người đã thay đổi nhưng chưa kịp thông báo cho chúng tôi. Kính xin Quý Đồng Hương xin vui lòng cho chúng tôi biết mỗi khi thay đổi địa chỉ hoặc số phone để có thể có những địa chỉ và số phone chính xác vào những lần phát hành kế tiếp. Danh sách này được xem như một bản niên giám nhỏ mà bạn bè, anh em thường dựa vào để thăm hỏi nhau.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Đồng Hương.

Muốn thay đổi địa chỉ và số phone xin liên lạc email:

Taysonbinbdinh2012@yahoo.com



TỔNG KẾT THU CHI TRONG NĂM 2011

Sau đây là tổng kết thu chi của Hội trong năm 2011:

- TỔNG THU:

- Tiền thu tại tiệc Tân niên: \$8775.00
- Tiền quảng cáo & ủng hộ Đặc san: \$3275.00
- Tiền cho mượn xe: \$300.00
- Tiền còn tồn quỹ trong năm trước: \$688.07

- TỔNG CHI:

- Nhà hàng : \$6,585.00
- Múa Lân: \$200.00
- Âm thanh: \$200.00
- Quảng cáo radio & báo: \$390.00
- Đăng đức Bích mailing báo: \$185.00
- Hoa & Thái mua hoa và trái cây: \$255.00
- Giấy & Bì thơ: \$140.00
- Ban nhạc: \$100.00
- Tiền in Đặc san: \$2350.00
- Phúng điếu Đ/Tá Tường: \$300.00
- Tiền trả cho CPA Khai thuế 2010: \$260.00

Như vậy số tiền còn lại trong account để bàn giao là: \$2073.07

San Jose, ngày 3 tháng 1 năm 2012

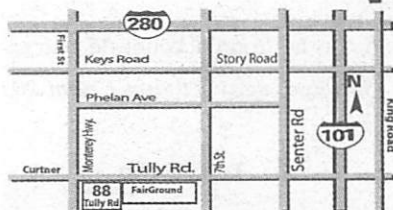
Tony Đình



Trong T. Tran, DDS

88 Tully Road, Suite 108
San Jose, CA 95111

Kính chúc
quý thân chủ
một năm mới
An Khang,
Thịnh Vượng.



Tel: (408) 292-5888



Bác Sĩ

PHẠM VĂN NGÀ, M.D.

Diplomate American Board of Internal Medicine

1569 Lexann Ave., #112, San Jose Ca 95121

TEL: (408) 532-0105

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG TỔNG QUÁT

- ◆ **URGENT CARE CENTER:** CHO VALLEY HEALTH PLAN - SCCIPA & PMG (NHẬN KHÁM BỆNH CẤP TÍNH, KHÔNG CẦN ĐỔI BÁC SĨ GIA ĐÌNH)
- ◆ **BÁC SĨ GIA ĐÌNH:** SĂN SÓC BỆNH NHÂN KHI NHẬP VIỆN, CHÍCH NGỪA.

CHỮA TRỊ:

- * BỆNH NGƯỜI LỚN, NGƯỜI GIÀ
- * BỆNH PHỤ NỮ
- * BỆNH TRẺ EM

Giờ làm việc: Thứ 2-6 : 9:00AM - 6:00PM
Thứ 7: 9:00AM - 3:00PM

NHẬN MEDICAL - MEDICARE & BẢO HIỂM



Cung Chúc Tân Xuân



Văn Phòng Luật Sư



NGUYỄN NGỌC DIỆP, LLB, BA, MS, JD
PATRICK VALENCIA, BS, JD

KINH NGHIỆM - TẬN TÂM - NHANH CHÓNG

Tel. (408) 528-0151

Chuyên đảm trách các vấn đề:

TAI NẠN THƯỜNG TÍCH

- Tai nạn xe cộ.
- Tai nạn đi bộ, đi xe đạp, hay xe gắn máy.
- Tai nạn máy bay, xe lửa.
- Tai nạn chó cắn.

TAI NẠN SỞ LÀM

- Mở hồ sơ chữa bệnh.
- Bồi thường tàn phế tạm thời.
- Bồi thường tàn phế vĩnh viễn.
- Huấn nghệ.

LUẬT HÌNH SỰ

- Trộm cắp siêu thị, trộm cướp nhà hay hàng.
- Bạo hành trong gia đình.
- Áu đả, mưu sát.
- Say rượu lái xe, dụng xe bỏ chạy

Khi bị tai nạn xe cộ, tai nạn tại sở làm, bị bắt bố, xin liên lạc ngay văn phòng chúng tôi để được đại diện hữu hiệu, tận tâm và nhanh chóng.

Xin quý độc giả đón nghe chương trình **TÌM HIỂU PHÁP LUẬT** phát thanh trên đài 1430 AM mỗi buổi sáng Thứ Hai từ 8:00AM-8:20AM

King Rd	Silver Creek Rd	Capitol Expy
Downtown San Jose	Lexann Ave	
N	Tower Ln	



1569 Lexann Ave, Suite 110, San Jose, CA 95121 - Fax. (408) 528-0153



Cung Chúc Tân Xuân

BÁC SĨ NHA KHOA

SPECIALIST IN CROWN & BRIDGE, DENTURE & IMPLANT

CHÁNH VIỆT, D.D.S **DIỆU LIÊN TỔNG, D.D.S**

(Prosthodontics)

(General Dentistry)

**CHUYÊN KHOA VỀ RĂNG GIÀ
HÀM GIÀ & IMPLANT**

**NHA KHOA GIA ĐÌNH
TỔNG QUÁT & THẨM MỸ**

- Tốt nghiệp chuyên khoa răng già và Implant tại University of California, San Francisco.
- Giáo sư ủy nhiệm (Assistant Clinical Professor), chuyên khoa răng già, hàm giả, Implant University of California San Francisco (UCSF).
- Hội viên Hội Răng Giả và Implant Hoa Kỳ.
- Tốt nghiệp ưu hạng Bác Sĩ Nha Khoa University of The Pacific, San Francisco.
- Nguyên Bác Sĩ giảng huấn Đại Học Nha Khoa, Sài Gòn.

CHUYÊN:

- Porcelain veneer
- Răng giả & cầu răng, hàm giả (Crown & bridge & denture)
- Hàm giả gắn liền (immediate rehabilitation)
- Sửa chữa hàm giả, nhai không hiệu quả, kém thẩm mỹ, (hở, móm), đau khi mang hàm giả, nhận các trường hợp đã thất bại về hàm giả.
- Implants thay thế răng đã mất.

- Khám răng tổng quát, định kỳ, nhập học.
- Phòng ngừa sâu răng bằng Flouride & Sealant.
- Nhổ răng và chữa các bệnh răng, nướu, miệng.
- Chữa tủy răng - Tiểu giải phẫu răng và nướu
- Nha khoa nhi đồng & ngăn ngừa răng mọc lệch lạc cho trẻ em.

**TẬN TÂM - CHU ĐÁO - NHẸ NHÀNG
VĂN PHÒNG MỚI - DỤNG CỤ TỐI TÂN
PHƯƠNG PHÁP KHỬ TRÙNG TÂN TIẾN**

KINH NGHIỆM HÀNH NGHỀ LÂU NĂM

- Nhận Medical, Bảo Hiểm, Trả Góp (không tính lãi)
- Giá giúp đỡ cho quý vị không có bảo hiểm, medical

2360 McKee Rd. Suite #3,
San Jose, CA 95116
(408) 729-9999



228 N. Jackson Ave #10
San Jose, CA 95116
Xin vui lòng gọi để lấy hẹn:

Tel: (408) 254-3333
(408) 254-3394

GIỜ LÀM VIỆC: Thứ Hai - Thứ Sáu: 9AM-6PM
Thứ Bảy: Làm theo hẹn

BÁC SĨ

CAI VĂN DUNG *M.D., F.A.C.O.G.*



CHUYÊN MÔN SẢN VÀ PHỤ KHOA
CERTIFIED AND RECERTIFIED OBSTETRICIAN & GYNECOLOGIST



Trưởng khu Sản & Phụ Khoa tại bệnh viện O'Connor, San Jose

(408) 294-5115

- THĂM THAI, ĐỠ ĐẸ, MỔ ĐẸ, CHỮA BỆNH ĐÀN BÀ VÀ HIẾM MUỘN.
- DÙNG LAPAROSCOPY ĐỂ CỘT ỐNG DẪN TRỨNG.
- ĐẶC BIỆT LẤY BƯỚU BUỒNG TRỨNG CHỮA BỆNH CÓ THAI NGOÀI TỬ CUNG VÀ CẮT TỬ CUNG BẰNG LASER LAPAROSCOPY.

259 MERIDIAN AVENUE, SUITE 5 - SAN JOSE, CA 95126



Bác Sĩ Y Khoa

ĐẶNG PHƯƠNG TRẠCH, M.D.

NHI KHOA VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

- Tốt nghiệp chuyên môn Nhi khoa tại King Drew Medical Center tại Los Angeles, CA.
- Hội viên Hội Hàn Lâm Nhi Khoa Hoa Kỳ (American Academy of Pediatrics)

CHUYÊN TRỊ

- * Bệnh trẻ sơ sinh, trẻ em và thanh thiếu niên. Khám định kỳ, nhập học, chủng ngừa, giới thiệu chương trình WIC.
- * Bệnh tổng quát người lớn: Bệnh tim và mạch máu, phổi và đường hô hấp, tiêu hoá, thận và đường tiểu, nội tiết và biến dưỡng, bệnh thần kinh, bệnh mắt, tai, mũi, họng, bệnh nhiễm trùng, phong thấp, bệnh máu, bệnh ngoài da, bệnh dị ứng Allergy
- * Khám sức khoẻ định kỳ, truy tầm ung thư, chích ngừa
- * Thử máu và thử nước tiểu tại phòng mạch

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH

NHẬN MEDICAL- BẢO HIỂM

SENER MEDICAL OFFICE

2114 Senter Road. Suite 24 San Jose, CA 95112

(Đối diện Costco wholesale tiện đường xe bus 73)

Tel. (408) 293-2188

GIỜ LÀM VIỆC: Thứ Hai-Thứ Sáu: 9AM-6PM

Thứ Năm: 9AM-12 PM; Thứ Bảy: 9AM-2 PM

2114 SENTER DENTISTRY



NGUYỄN KIM PHỤNG, D.D.S.

2114 Senter Rd # 25, San Jose, CA 95112
(Đối diện Costco, cạnh phòng mạch BS Đặng Phương Trạch)

Tel: (408) 279-2114

CHUYÊN MÔN

NHA KHOA TỔNG QUÁT
NHA KHOA THẨM MỸ

Phòng mạch mới, dụng cụ tối tân, kỹ lưỡng, nhẹ nhàng
Nhận medical, bảo hiểm, giá discount, đặc biệt cho cash.

Giờ làm việc:

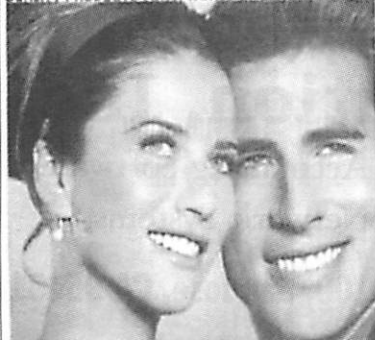
Thứ Hai, Thứ Ba, Thứ Tư, Thứ Sáu: Từ 9:30 am-6:30 pm

Thứ Bảy: Từ 9:30- 2:00 pm

Thứ Năm, Chủ Nhật: Nghỉ.

Chung Chức Tân Xuân

QUALITY PRODUCTS FOR A WORLD OF BEAUTIFUL SMILE



HI-TECH DENTAL SPA

General Dentistry for Adults & Children

*Một Trạng Tâm/Nha Khoa uy tín, hiện đại,
nổi tiếng nhất vùng Bay Area.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT NGƯỜI LỚN & TRẺ EM:

- Chỉnh nha orthodontic braces
- Nha Khoa Implant
- Nha Khoa và Periodontic (Giải Phẫu Nướu Răng)
- Chuyên Thẩm Mỹ Nha Khoa (Veneer, Lava, Copied, Empress)
- Các bác sĩ Nha Khoa kinh nghiệm và nổi tiếng, đã làm hội viên Nha Khoa Quốc Tế và Hoa Kỳ.

**3161 Senter Road, Suite G
San Jose, CA 95111**

408.363.1787

Open: Monday - Sunday

COUPON

Time limited ONLY

**FREE
TẮY TRẮNG
RĂNG
16 minute**

Ưu đãi dành riêng và
hết trước và phải đi
nha khoa sớm \$100

COUPON

Time limited ONLY

**ONLY
\$70
TEETH
WHITENING**

Chỉ ưu đãi \$200
Take home \$26.95

COUPON

Time limited ONLY

**Hãy gọi ngay hôm nay
chương trình X-RAY
EXAM & CONSULTANT
\$1
CASH PATIENT**

Chỉ ưu đãi \$100

FAÇADE

LONDON - PARIS - NEW YORK

NATURE OF BEAUTY



COSMETICS

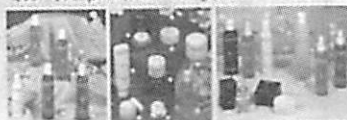
1-888-FAÇADE or 1-888-322-2331



NATURE OF BEAUTY

Mỹ phẩm nổi tiếng và được khen ngợi với những sản phẩm sau đây:

- * Hair Care: Dầu gội đầu trị rụng tóc và gàu
- * Skin Care: Kem làm sáng mịn da, kem trị nám, tàn nhang, đổi mới
- * Body Care: bath gel trị ngứa da
- * Cosmetic phân, son không phải





TAC Solution, Inc.

Solutions for Tax, Accounting Software
and Computer Network Systems

1590 Oakland Rd.,# B-100, San Jose, CA 95131

Tel: (408) 453-2068

Fax: (408) 453-2089

www.samtrinh@tacsolution.com

Sam Trinh

Enrolled Agent



LUONG GARAGE DOOR SERVICES

Cung Chúc Tân Xuân

CA STATE LIC. # 692107 AND BOND



- * Professional installed sectional doors and automatic openers cho thương mại và gia cư.
- * Bất tất cả cái loại openers như: Lift master, Chamber land, Genee, Craftman, Jackshaft opener cho garage thấp
- * Sửa opener và thay lò xo gãy
- * Quality Workmanship at affordable price

Xin liên lạc:

LUỘNG

Business: (408) 858-0851

Cell: (408) 207-8363

Home: (408) 281-9361

C.P. TAX.

**CÔNG TY THUẾ VỤ, KẾ TOÁN
& CỔ VẤN THƯƠNG MẠI CHUYÊN NGHIỆP**

NGO V. TRAN

B.S. Business Administration (Accounting)

Active Member National Society Tax Professionals

Active Member National Society Accountants

LAINA TRAN, B.S.

Tax Specialist, Realtor, Loan Officer

Active Member National Society Tax Professionals

TAX RETURNS

**** Sole Proprietorships, Partnerships and Corporations ****



FAST REFUNDS

- * Bảo Mật Tuyệt Đối.
- * Tiết kiệm (lệ phí phải chăng)
- * Hoạt động quanh năm
- * Thành Tín
- * Chuyên Nghiệp
- * Tham khảo miễn phí

**GIÚP QUÍ VỊ GIỮ SỔ SÁCH, KHAI CÁC LOẠI THUẾ
ĐÚNG TIÊU CHUẨN KẾ TOÁN VÀ THUẾ VỤ
GIÚP THÂN CHỦ ĐỠ LO VỀ AUDIT**

Office Hours: 9AM-8PM

Monday to Sunday.

1694 Tully Rd., Ste. F

San Jose, CA 95122

(Góc Tully & King)

Bus: 408-223-1150

Fax: 408-528-0918

Toll Free: 888-NGO-9900

Email: ngotran99@aol.com



Cung Chúc Tân Xuân



CHAU PHARMACY

Dược sĩ NGỌC-HOÀ THỊ CHÂU

**2559 S. KING RD., #10, SAN JOSE, CA 95122
(SUN PLAZA)**

*** Tiện đường xe Bus 22 - 26 - 70 - 77**

Tel: (408) 532-1490

Fax: (408) 532-0899

- ◆ **BÁN THUỐC THEO TOA BÁC SĨ.**
- ◆ **NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM.**

Giờ làm việc: Thứ 2 - Thứ 6 : 10:00AM - 7:00PM

Thứ 7: 10:00AM - 6:00PM

Chủ Nhật: đóng cửa



CARPET & FURNITURE, INC.

2298 Quimby Rd., San Jose, CA 95122
(góc Capitol Expwy., đối diện Eastridge Shopping Center)

Tel: 408-238-2298

Fax: 408-238-2223

Mở cửa 7 ngày trong tuần từ 9:00AM-7:00PM

Tin chân động, khách đồng hương tại San Jose và các vùng phụ cận
những vị cần mua bàn ghế, giường tủ. Nhiều kiểu mẫu mới,
phẩm chất tốt, giá rẻ không ngờ

- Sam's Carpet & Furniture đang đại lý cho các hãng nổi tiếng trên thế giới hiện nay về kỹ nghệ bàn ghế, giường tủ bằng gỗ tốt, bền, chắc, đẹp, thời trang.
- Ngoài ra, Sam's Carpet & Furniture còn chuyên cung cấp thảm, sàn gỗ, laminate, ceramic tile,...
- Tất cả mặt hàng hiện có tại Sam's Carpet & Furniture đều giảm giá từ 30%-70%. Giá mua gần như quà tặng.

Kính mời Quý đồng hương đến xem hàng mẫu và chọn cho mình một sản phẩm thích hợp nhất mà tại Sam's Carpet & Furniture đang có và đại lý.

#1 NOODLE HOUSE
OPEN 7 DAYS A WEEK
1660 E. Capitol Expwy.
San Jose, CA 95121
408/ 274-1769

2050 Concourse Dr.
San Jose, CA 95131
408/526-0880



Lic #0731046

CARE INSURANCE AGENCY, INC.

900 N. First St., Suite E * San Jose, CA 95112

Tel: (408) 292-2925

Fax: (408) 292-2950

GIÁ RẺ - TẬN TÂM - KÍNH ĐÁO - BỒI THƯỜNG NHANH CHÓNG



Đặc biệt bảo hiểm thường mọi: Hair & Nail, Restaurant/Coffee Shop, Auto Repair/Body Shop, Furniture Store, Supermarket, Machine Shop, Contractor, etc...



PROGRESSIVE

KAISER PERMANENTE



Beauty Salon/Supplies		Restaurant	
Liability	\$1,000,000	Liability	\$1,000,000
Property	\$50,000	Property	\$75,000
Deductible	\$500	Deductible	\$500
Premium from	\$500	Premium from	\$847

Coverage available for Hair & Nail only
 * Add Professional Liability for only \$30
 per operator

Quote based on No prior Loss
 * Add Liquor Liability coverage
 \$500,000 for only \$500

Chuyên bảo hiểm: Xe Cộ, Nhà Cửa, Sức Khỏe, Nhân Thọ

Tin mừng cho quý đồng hương, CARE INSURANCE AGENCY là văn phòng bảo hiểm của người Việt Nam duy nhất ở vùng Bay Area được chọn làm đại diện chính thức cho hãng bảo hiểm MERCURY INSURANCE CO., rated "A" by Best.

Mercury California Automobile Insurance Premium Survey

Company	Santa Clara (95050)	Fremont (94536)	San Jose (95127)
Allstate	\$784	\$801	\$857
CSAA	\$761	\$823	\$912
Farmers	\$949	\$1,088	\$1,149
Geico	\$806	\$874	\$983
State Farm	\$966	\$1,027	\$1,261
Mercury Ins. Co.	\$660	\$732	\$763

Hiện đang có nhiều chương trình giảm giá

- AGENTS**
- **Giang X. Nguyễn**
 - **Calvin H. Đoàn**
 - **Michael H. Nguyễn**
 - **Can X. Nguyễn**

(*) With superior homeowners insurance policy discount
 Criteria: 6 month premiums: Married couple age 34/32, with no accidents or citations.
 Vehicles: 1988 Chevrolet Suburban Silverado, 12K miles, and 1998 Dodge Caravan, 12K miles
 Coverage: 100/300/100 BI-PD, 30/60 UMBL CDW, 5K medical payments.
 Deductibles: Comp/Collision \$250 cash.
 Disclaimer: Quotes obtained June, 2001, and are from reliable sources we believe are accurate; but we can not be responsible for their accuracy. Premiums for companies other than Mercury do not reflect any rate adjustments after these quotes were obtained. All quotes are based on the criteria above. Mercury quotes are based on drivers insured the past 5 years with no more than one loss.

Hãy gọi số (408) 292-2925 để được tham khảo giá bảo hiểm miễn phí

BÁC SĨ NHA KHOA VÙNG WINCHESTER/SAN JOSE

WINCHESTER DENTAL PLACE



BÁC SĨ JOHN VU, D.M.D.

- ❖ *Tốt nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa University of Pittsburgh*
- ❖ *Hội viên Nha Sĩ Đoàn Hoa Kỳ*
- ❖ *Nha khoa tổng quát và gia đình*
- ❖ *Nha khoa thẩm mỹ (trồng răng, làm cầu răng, làm trắng răng)*
- ❖ *Nhận Medi-cal, Bảo Hiểm, Visa*
- ❖ *Kinh nghiệm, tận tâm, kỹ lưỡng, nhẹ nhàng*

**1399 S. WINCHESTER BLVD., #120
SAN JOSE, CA 95128**

(408) 370-7767

Johnvudmd@gmail.com

WINCHESTER-DENTAL-PLACE.COM

PHỞ TÀU BAY NOODLE HOUSE

454 Keyes Street (Góc số 10th, đối diện chợ Thiên Thanh)

Với các món ăn nổi tiếng như:

- PHỞ BÒ
- PHỞ GÀ ĐI BÒ
- BÚN BÒ HUẾ
- CƠM GÀ HẢI NAM

Tại địa điểm mới còn tăng cường các món ăn độc đáo như:

- BÚN CHẢ HÀ NỘI
- CƠM GÀ XỐI MỠ
- PHỞ ÁP CHẢO VÀ CÁC MÓN XÀO

*Bún Bò Huế, Phở Tàu Bay,
Đậm đà hương vị cay cay nhớ hoài!*

Xin lưu ý! PHỞ TÀU BAY CHÍNH GỐC chỉ có 3 địa điểm mà thôi!

Ⓞ. 1628 HOSTETTER RD
TRONG KHU 99 RANCH MARKET
441-7261

Ⓞ. 454 KEYES STREET
GÓC SỐ 10th
999-0345

Ⓞ. 3005 SILVER CREEK RD., #168
TRONG KHU SHOPPING PALOMA
223-2304

Cả ba địa điểm PHỞ TÀU BAY mở cửa đến 12 giờ khuya
mỗi ngày để tiếp đón quý khách.

PHỞ TÀU BAY KÍNH MỜI

Chúc Mừng Năm Mới Nhâm Thìn 2012



LIEN KIM LU
DRE# 01472998



Gould Shopping Center
1047 E. Capitol Expy.,
San Jose, CA 95121

MUA NHÀ - BÁN NHÀ SHORT SALE, BANK OWNED

Tel: (408) 518-2257
Email: lukimlien@yahoo.com

Nhân dịp Xuân về, Liên K. Lữ xin kính chúc quý vị thân chủ
quý đồng hương một năm mới An Khang, Thịnh Vương.



Nhà mới 6 tuổi South San Jose
4PN, 2PT, 2 lầu, 2 xe garage, rộng
2259 sf., đất 3131 sf., mái ngói, sàn
gạch, có lò sưởi, dual pane windows,
central AC., walk in closet mỗi
phòng ngủ. **Giá \$675,000**



Nhà đẹp khu North Valley
4PN, 2PT, 2 lầu, rộng 1806 sf., đất
6300 sf., mái ngói mới thay, sàn
gạch, có lò sưởi, dual pane
windows., phòng gia đình rộng,
trường học tốt. **Giá \$551,000**

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM



Chúc Mừng
Năm Mới



Vinh Dinh
Broker Associate
408-887-1563



Gould Shopping Center
1047 E. Capitol Expwy.,
San Jose, CA 95121

Email: homes@vinhdinh.com
Website: www.vinhdinh.com



Ha Le
Loan Officer
408-667-1590
(NMLS# 336918)

Nhân dịp Xuân về, Vinh Dinh và Hà Lê xin kính chúc quý vị thân chủ
quy đồng hương một năm mới An Khang, Thịnh Vượng.

MUA NHÀ

- Bảo đảm quyền lợi tối đa cho thân chủ.
- Tận tâm tham khảo từng ưu khuyết điểm của căn nhà sắp mua.
- Mua nhà tốt với giá rẻ.
- Cung cấp danh sách nhà mới nhất trên thị trường.

BÁN NHÀ

- Free định giá nhà bán trên thị trường.
- Bán nhà với lệ phí thật nhẹ nhàng.
- List nhà trong MLS listing.
- Tận tâm làm Open House để bán nhà nhanh.

LOAN

- Có nhiều chương trình cho vay với lệ phí thấp, tiền lãi suất rẻ.
- Lãi suất đang rất thấp, quý vị muốn trả tiền nhà hàng tháng rẻ hơn, có thể mở hồ sơ trước.
- Xin liên lạc Hà Lê để biết thêm chi tiết.

Khi bị đau nhức, tai nạn xe cộ, trượt té, bong gân:

Xin hãy đến với:

Bác Sĩ



Bác Sĩ Phạm Đức Vượng, D.C.

Liên lạc lấy hẹn ngay trong ngày:

(408) 937-1400

* Bằng hành nghề Liên-Bang và Tiểu Bang Cali *Nguyên Bác-sĩ hướng dẫn, huấn luyện sinh viên sắp tốt nghiệp, Bác sĩ (intern) tại Community Chiropractic Clinic. Đại Học nổi tiếng Dalmer West. *Cựu Sĩ Quan Quân Lực VNCH (HO 14)

CHUYÊN TRI

* Chấn thương do tai nạn xe cộ, thể thao, trượt té, bong gân, đau khớp xương * Nhức đầu, đau nhức vùng cổ gáy, đau nhức tê, mỏi vai, tê tay, tê chân, đau cùi chỏ, cổ tay, gót chân bị thốn.* Mệt mỏi tê cứng bắp thịt do làm việc nhiều hay tay chân khó cầm nắm

ĐẶC ĐIỂM

* Tận tâm, kinh nghiệm, uy tín, trách nhiệm, chu đáo, kỹ lưỡng.
* Phương pháp điều trị hiệu quả, nhẹ nhàng, thích hợp cho riêng từng người - Trang bị máy quang tuyến X ray, máy vật lý trị liệu, máy tập phục hồi chức năng. - Quan tâm săn sóc đến các đồng hương gặp khó khăn, không bảo hiểm sức khoẻ, các chiến hữu QI/VNCH, lực lượng Cảnh Sát QLVNCH, các bạn cựu tù HO cùng thân nhân và gia đình.- Có nhân viên kinh nghiệm hướng dẫn giấy tờ cần thiết đòi bồi thường bảo hiểm.- Tham khảo miễn phí, giải thích rõ ràng. - Cấp giấy chứng thương khi bị tai nạn xe cộ, tai nạn lao động để xin nghỉ việc có lương, bị đụng xe chỉ phải trả tiền chữa bệnh sau khi được bồi thường.- Nhận bảo hiểm, PPO, POS, bệnh phí nhẹ nhàng khi trả cash, tương trưng với quý vị không có bảo hiểm hay lợi tức thấp

Vùng North San Jose: 2380 Montpellier Dr. #100 San Jose, CA 95116

Vùng South San Jose: Lewis Senter Chiropractic: 485 Lewis Dr. San Jose, CA 95111

Giờ làm việc: Thứ 2-6: 9 am-8:00 pm

Thứ Bảy: 9:00 am - 3:00 pm Chủ Nhật & Ngày Lễ: Làm hẹn



FARMERS'

VĂN PHÒNG BẢO HIỂM PHAN THỊ

559 E. SANTA CLARA ST. SAN JOSE, CA. 95111

TEL: (408) 298.3562 * FAX: (408) 298.3563

CHUYÊN CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ VỀ BẢO HIỂM



Insurance Agent

Lic. # 0C75026

SỨC KHỎE - XE CỘ - NHÀ CỬA - NHÂN THỌ - THƯƠNG MẠI

- ☞ Giải đáp mọi thắc mắc về bảo hiểm
- ☞ Chúng tôi có giả thất rẻ cho good driver. có discount cho người lái 2 xe trở lên, có bằng cấp đại học
- ☞ Có chương trình tem life 10 năm chỉ có \$15.88/tháng cho người 45 tuổi
- ☞ Bảo hiểm sức khỏe của Blue Cross chỉ có \$60/tháng cho người từ 19-29 (basic Hospital plan)
- ☞ **Gửi vị sẽ được hái lòng khi đến với chúng tôi**

Có chương trình
Low Cost Insurance
\$262/năm
cho người hội đủ
điều kiện

Phan Thị Xuân

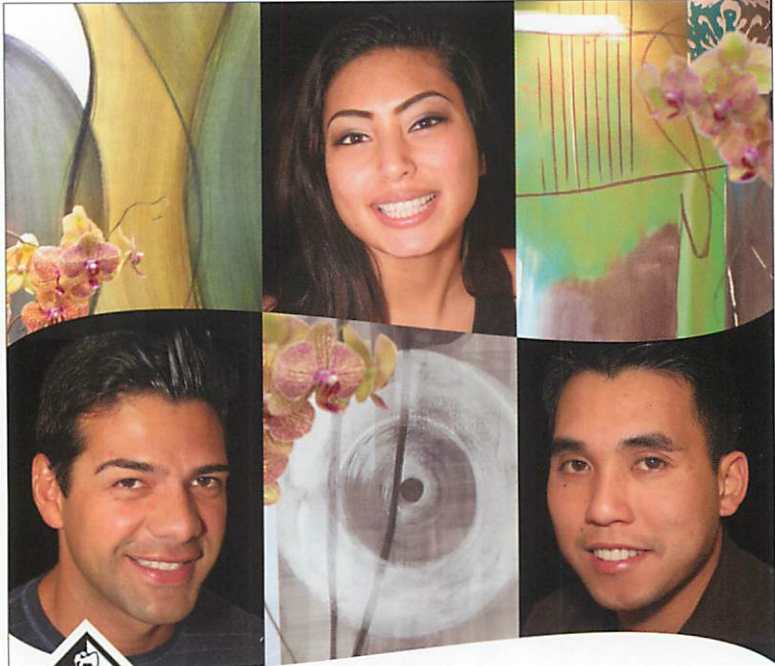
MONICA PHAM

MONICA PHAM
408.705.0919
PhamMonica@gmail.com

You may not be deciding to sell right now, but perhaps you're curious to see how much your home could be worth. Let me help you find the answers you need. I will find you the analysis you need to see how much your home is worth in today's market. Important decisions require important information, and I'll work hard to make sure you get that information.

**Give us a call today
and discover the difference
we can make for you!**

Intero Real Estate - Top 5%
Real Estate Broker, MBA.
DRE# 01386567



Specialist in Dental Implants,
Crowns and Bridges, Dentures,
Veneers, and Complete Rehabilitation

NICK M. NGUYEN, DMD
Prosthodontics and Implant Dentistry

1645 Willow Street, Suite 200
San Jose, California, 95125

www.nicknguyendmd.com (408) 269-6570

**You've got a family DOCTOR and
a family ATTORNEY.
But do you have a family
REAL ESTATE PROFESSIONAL?**

**Call TRUMAN today
for your
free copy of this
important
special report!
There is no
obligation!!!**

YOUR FAMILY'S CONCERNS are, no doubt, of utmost importance to you. After all, what's more important than the well-being of those you love? When a medical emergency arises, you consult a specialist. When you face a legal issue, you turn to a trusted professional with the experience and skill to handle your needs. It's the same when it comes to real estate.

BUYING OR SELLING a property is one of the most important steps your family can take. Why trust those crucial decisions to chance? The time to choose a real estate professional is before you need one. That's where Truman can help. He's been one of Century 21 A-1 Network leading agents for the better part of a decade. Helping families like yours isn't just his job, it's his commitment. Before you buy or sell your next property, don't you owe it to yourself and your family to at least find out how his unique brand of personal service and extraordinary results can make a difference?

CALL FOR YOUR COPY of Truman's personal brochure. He'll also include his free special report: **"How to avoid the most common error when selling your investment property."** Whether or not you decide to work with Truman, he simply wants to make sure you experience the kind of real estate service you deserve - the very best,
Call him today. You'll be glad you did.



Truman Nhu
408-225-2125
trumannhu@onebox.com

DRE# 01110101



Allstate
You're in good hands.

Allstate Insurance Company
Allstate Life Insurance Company

TRẦN THU PHƯỢNG

510 N FIRST St., #224, SAN JOSE, CA 95112

(Góc E. Empire St.) Parking miễn phí.

Tel: (408) 993-9898 Fax: (408) 993-1358



TRAN THU PHUONG
Senior Account Agent
Lic. #0081929



Catherine CUC TRAN
Sales Producer
Lic. #08 72168

GIỜ LÀM VIỆC:

THỨ HAI - THỨ SÁU
9:00 AM-6:00PM
THỨ BẢY
9:00 AM-1:00PM



XE CỘ

- Good driver discount
- Distinguished driver discount
- Home and Auto discount
- Multicar discount
- Good student discount

NHÀ CỬA

- Chúng tôi nhận bảo hiểm nhà cửa toàn tiểu bang California. Policy được issued từ văn phòng và bảo đảm gửi tới Title Companies hay Mortgages trong 10 phút
- Không cần gắn valve cho động đất

NHÂN THỌ

- Discount khi bạn có xe hoặc nhà bảo hiểm với hãng Allstate
- Perfect health discount
- Non smoker discount
- Lấy trước 50% (Call for information)

THƯƠNG MẠI

- Bảo hiểm xe thương mại rẻ nhất vùng
- Bảo hiểm tiệm, wholesale, retail, building, office, service đủ loại

SỨC KHỎE

- "Anthem BlueCross" cho cá nhân và đoàn thể

TOP AGENT FOR MORE THAN 20 YEARS!



WING HOANG
Life Producer
Lic. #7G 40050



EDWARD NGUYEN
Sales Producer
Lic. #0D 30767



Nathan NHUT BUI
Sales Assistant

THUỐC BẮC DƯƠNG LAI CẢNH

2449 ALVIN AVENUE, SAN JOSE, CA 95121 *TEL : (408) 532 - 6982

Viagra thiên nhiên !!!

Bảo An Hoàn thuốc cường dương thiên nhiên loại mạnh uống trước khi sinh lý 40 phút, giúp cương cứng và kéo dài thời gian giao hợp, tốt cho người yếu sinh lý và cao máu và bị tiểu đường, 10 viên \$50, 1 viên \$7

Draoq Power thuốc VIAGRA thiên nhiên loại mạnh, uống trước khi sinh lý 30 phút, dành cho người yếu sinh lý và bị xuất tinh sớm rất hay, ông uống là khen hay!!! hộp 2 viên \$20

Tibet Babao Thuốc Viagra thiên nhiên uống trước khi sinh lý 30-45 phút, cho ai bị yếu sinh lý, cương không cứng, bị xuất tinh sớm, không phản ứng phụ, 1 hộp 8 viên \$25

Con Kiến Đen Phi Châu Thuốc cường dương thiên nhiên dùng cho người cao máu, tiểu đường, uống 1 viên trước khi sinh lý 30 phút, cho ai bị yếu sinh lý, cương không cứng, bị xuất tinh sớm, không phản ứng phụ, 6 viên \$20

Kim Linh Chi dược bào chế từ 6 loại Linh Chi hoa: Linh Chi màu đỏ, tím, xanh, trắng, đen, vàng, chuyên trị bệnh như bệnh tim mạch, cao máu, tan mỡ trong máu, tiểu đường, viêm gan mãn tính, mất ngủ, viêm kết mạc, tiểu diện ung thư, chóng mặt, chai 90 viên \$135

#146 Happy Smile Chuyên trị mất ngủ, giúp giảm stress, buồn phiền lo lắng, giúp trị nhò vò song, ã tai, mồ hôi trộm, mồ hôi tay, tim đập khồng đều, hồi hộp, hụt hơi, tức ngực, 120 caps \$40, 201 caps \$55

Bổ thân, mạnh sinh lý 100%

RED DRAGON Thuốc bổ thân cao cấp, cường dương thiên nhiên, chuyên trị liệt dương, yếu sinh lý, tiểu đêm, tiểu nhiều lần, đau thắt lưng, mệt mỏi trí óc, bổ khỏe giúp làm việc không mệt mỏi, mạnh sinh lý 100%, 1chai/ \$100

#63 Hải cầu tinh hoàn là thuốc bổ thân, mạnh sinh lý 100%, cường dương thiên nhiên, bổ khỏe giúp làm việc không mệt mỏi, đau thắt lưng, tiểu nhiều lần, tiểu đêm, có tinh, hiếm muộn. 1chai/ \$100

#81 Tam bản hải cầu hoàn là thuốc giúp mạnh sinh lý, bổ thân, bổ dương cho những người bị cao huyết áp, tiểu đường, đã uống nhiều thuốc tây cao máu nên dùng Tam Bản Hải Cầu để bảo vệ thận khỏi bị hư. 1chai/ \$70

Xuất tinh sớm, mộng tinh

Yellow Dragon chuyên trị xuất tinh sớm, bổ tinh, có tinh, đi tinh, mộng tinh, bổ xuất tinh, bổ tủy, nước tiểu có bọt, trị hiếm muộn rất hay, 1chai/ \$100 kết quả tốt nhất uống chung với Rồng xanh hay Volume Pills

Volume Pills Thuốc bổ cho phái nam giúp tăng số lượng tinh trùng cho những người bị hiếm muộn hay bị yếu sinh lý, tăng độ cương cứng và sự ham muốn, 1 hộp 60 viên \$70

Sự sung sướng tăng theo kích thước

LIGN làm tăng kích thước dương vĩ TO HƠN, LỚN HƠN và DÀI HƠN từ 1-3 inches trong vòng 3 tháng, ngoài ra VIGN còn giúp bạn cương cứng hơn, cương lâu hơn, mạnh sinh lý hơn và tránh bị xuất tinh sớm, 1chai/ \$70, 3 chai \$190

Tan mỡ xuống cân 5-10 lbs/tháng

EZSlimdia 30 Thuốc tan mỡ xuống cân thiên nhiên, giúp tan mỡ cổ, mỡ bụng, mỡ tay, mỡ eo, mỡ đùi, 1 tháng xuống 6-20 lbs, an toàn, không phản ứng phụ, 1 chai 30 viên \$60

Slim Expert thuốc tan mỡ xuống cân thiên nhiên loại mạnh, ngày 1 viên, 1 tháng xuống 5-25lbs, tan mỡ bụng, mỡ eo, mỡ đùi, mỡ toàn thân, an toàn, không phản ứng phụ, có kết quả trong vòng 7 ngày, hộp 30 viên \$50

Slim Quick Thuốc tan mỡ xuống cân loại mạnh, 1 tháng xuống từ 6-20 lbs, giúp tan mỡ bụng, mỡ eo, mỡ toàn thân, an toàn, không phản ứng phụ, ngày uống 1viên, 1 hộp 30 viên \$50

Super Fat Burning thuốc tan mỡ xuống cân thiên nhiên loại mạnh, tan mỡ bụng và mỡ toàn thân, an toàn, xuống nhanh, ngày 1 viên, 1 tháng xuống 5-18 lbs, 30 viên \$30

Nằm tử cung, huyết trắng

Lafem thuốc tẩy độc tử cung, làm sạch tử cung, giúp thu hẹp âm đạo, nắn, sa tử cung, lõ tử cung, ngứa ngứa tử cung, huyết trắng, huyết vàng, 120 caps \$59.99, thuốc đặc 100 viên \$59.99

Nữ ngọc mà không cần giải phẫu lớn tử

Newcurves là loại thuốc và kem thiên nhiên làm nở ngực không cần giải phẫu lớn tử 1-3 cup ngay trong vòng 3 tháng, không có tác dụng phụ. 1chai + 1hũ kem/ \$98

Viêm đường tiểu, tiểu đau, tiểu gắt

#77E WOOLLY là thuốc trị sưng và viêm tiểu tiện tuyến, bị tiểu, phù người, sạn thận, sạn mắt, thông đường tiểu, viêm đường tiểu, tiểu đau, tiểu ra máu. 1chai \$40

Mất ngủ kinh niên, hồi hộp, mất gan

#46H Không phụ tử hoàn chuyên trị mất ngủ kinh niên, bổ tim, giúp trị mất ngủ, dễ ngủ, hồi hộp, mồ hôi tay chân, 100 caps \$25, 300 caps \$65

Mỹ Trần Yến giúp cho làn da trắng mịn, da nhẵn, đi đng da, mụn, nám da mất ngủ, nứt da, bao tử, ngứa mắt, ngứa miệng, phòng ngừa bướu dục và ung thư, sáng mắt, tăng hệ thống miễn nhiễm, hen suyễn, chai 40 viên \$40.

#03 Tam thảo lục trà giúp mát gan, tiêu nhiệt độc, đẹp da mặt, mụn, ngứa các loại ung thư, cảm máu các loại, đi cầu ra máu, chảy máu cam, 120 caps \$35

Rụng tóc, đen tóc, bạc đầu

#99 Cúc chử hạ thủ ô là thuốc trị rụng tóc, hồi đầu, giúp đen tóc trở lại, trị nám da, đẹp da mặt, đau đầu kinh niên và mất ngủ, bổ máu. 1chai \$40

Bổ thân, hiếm muộn, tiểu nhiều lần

Female Performance là thuốc bổ thân cho phái nữ, trị đau thắt lưng, tiểu nhiều lần, tiểu đêm, bổ khỏe toàn thân, liên cảm, hiếm muộn rất hay. 1chai/ \$100

Provestra thuốc bổ khỏe ngày 1 viên giúp phụ nữ lành cảm có sự ham muốn trở lại, làm tăng cảm nhận như âm đạo để lúc giao hợp không còn đau đớn, tim lại cảm giác lúc trẻ, 1 hộp 30 viên \$60

Thuốc nhỏ mắt thiên nhiên của Thụy Sĩ chuyên trị mắt bị đỏ, mắt bị dị, mắt bị nhạy cảm với ánh sáng, 1 chai \$12

Phong ngứa, mê đay, vẩy nến

#107E Sủu dộc há ứng hoàn chuyên trị dị ứng ngoài da, phong ngứa, mê đay, chàm, vẩy nến, dị ứng thực phẩm, 1chai 120 caps \$40

Hen suyễn kinh niên, viêm cổ họng

#07 Định suyễn hoàn chuyên trị ho kinh niên, suyễn, tiêu đau, viêm cổ họng, bổ phổi, bổ hơi, 180 caps \$40

#42 Vị trường hoàn chuyên trị lở loét bao tử, đầy hơi, sinh bụng, ăn không tiêu, ợ chua, bị hôi miệng, táo bón. 600 viên \$40, 180 caps \$40

Trị nội, trị ngoại, đi cầu ra máu

#47 Trường phong trị hoàn chuyên trị trị nội, trị ngoại, tiêu ra máu, số độc đường ruột, cảm máu, 180 caps \$40

Đau nhức, phong thấp, viêm khớp

#117 Thần công độc hoàn chuyên trị đau nhức, phong thấp, tiêu độc, đau nhức kinh niên, viêm khớp xương, đau thắt lưng, đau thần kinh tọa, vop bê, giúp khí huyết lưu thông, gai cột xương sống, thông phong (gout), 600 viên \$65

#139 Thông phong hoàn chuyên trị đau nhức phong thấp, tiêu độc nhập cốt, yếu những chân, tê khớp, viêm khớp xương, đau thắt lưng, vop bê, đau thần kinh tọa, giúp khí huyết lưu thông, gai cột xương sống, 60 caps \$50, 120 caps \$90

Viêm gan abc

#107VG chuyên trị viêm gan abc, trị phong ngứa, dị ứng ngoài da, mê đay, mụn độc, bi viêm gan công hiệu hay uống chung với Pilosa 2 450 viên \$50, 900 viên \$90

Khỏi u, Bướu Đục, Ung thư

107C Hàm Tiểu Hoa tiêu các loại độc, mai độc (HIV), trị các loại độc, bệnh chét, đương mai, da, đxn xúi, vẩy nến, chàm, ngứa ngoài da viêm mạnh, 240 viên \$80

107L Xúi Thả Lão tiêu các khối u, bướu phổi, ung thư phổi (Lung Cancer), ho 100 ngày, ho ra máu, suyễn, viêm yết hầu, hạch đờm, phổi có nước, phổi có mủ, 240 viên \$80

107B Ung thư xương (bone cancer), xương mềm gại, đau nhức xương từ sự nạo đến gột chân, đau nhức toàn thân, đau lưng, chân tay vô lực, đau gối và cài tay không đưi liên dục, 240 viên \$80

107UB Lục Thảo thảo tiêu các khối u và bướu thực, bướu tử cung, bướu buồng trứng, ung thư ngực, ung thư tử cung, 240 viên \$80

#107A Linh Chi Thảo tiêu độc, bướu mô, tiêu khối u thịt, ngăn ngừa ung thư, ung thư ruột già, ung thư gan, 240 viên \$80

#107LF Thần Kỳ Thảo Dược Ngăn ngừa và tiêu các loại độc Giang Mai, phong cầu, vò danh độc, bướu đường ruột, bướu hao tử, bướu gan, ung thư da, sưng óc, ung thư phổi, ngăn ngừa và trị bá bệnh, 270 viên \$100

#107RN Rejuvenate tiêu các loại độc và các loại ung thư trong ngũ tạng lực phụ, đê não, 270 viên \$100

Dược Biệt: Chuyên trị bướu buồng trứng, bướu tử cung, bướu ngực, ung thư tiền liệt tuyến, và các loại ung thư

Chức Năng Năm Mới !!!
 Check hay money order để trả cho ANH, mail order nhớ kèm theo \$8 chức phí, số 1.800.628.5020

Chúc Mừng Năm Mới Nhân Thân 2012



TONY DINH

REAL ESTATE & MORTGAGE BROKER

DRE# 00949765 - NMLS# 303018

Toll free: 1-800-398-9612

Bus (408) 224-7100 | Cell (408) 590-2774

Fax: 408-226-2782

E-mail: Tonydinh@aol.com

Website: www.C21A1network.com



at Gould Shopping Center
3111 McLaughlin Ave
San Jose, CA 95121

Nhân dịp Xuân về, Tony & Kim Dinh và toàn thể nhân viên công ty địa ốc Century 21 A-1 Network và công ty tài trợ địa ốc City Financial Network kính chúc quý thân chủ, quý đồng hương một năm mới An Khang - Thịnh Vượng.

Đồng thời chúng tôi xin chân thành cảm tạ sự ủng hộ của quý thân chủ trong nhiều năm qua



NHÀ MỚI 6 TUỔI

Nhà tri-level, có 4PN, 3.5PT, rộng 2411 sf., 2 car garage, mới 6 tuổi, nằm trên đồi, khu vực yên lặng, điều kiện nhà hoàn hảo, gần trường học, shopping, dễ dàng ra freeway. Giá \$579,950



CĂN NHÀ XINH XẸN - KHU EVERGREEN

Nằm ở trên đồi khu "The Ranch" - Evergreen có view đẹp, corner lot, 5PN/4.5PT, rộng 3188 sf. mới 6 tuổi, điều kiện nhà hoàn hảo, có nhiều upgrade. Short Sale. Giá \$849,950



APARTMENT TRUNG TÂM EAST OAKLAND

Building có 13 units, 3 units 2PN/1PT và 10 units có 1PN/1PT. Khu vực tốt, thuận tiện, ở ngay khu trung tâm East Oakland. Tổng cộng income \$9,550/tháng. Giá \$1,199,950



CITY FINANCIAL NETWORK

◆ RESIDENTIAL LOAN SPECIALIST ◆

3111 McLaughlin Ave., San Jose, CA 95121

Bus: (408) 227-8110 - Fax: (408) 224-7812

NMLS# 303018



Tony Dinh
Mortgage Broker
(NMLS# 303018)
408-590-2774

CHUYÊN:

- > Mượn Nợ - Đổi Nợ.
- > Lấy Tiền Từ Căn Nhà Ra Để Đầu Tư Hoặc Làm Thương Mại.



Ha Le
Loan Officer
(NMLS# 336918)
408-667-1590

VIỆC LÀM THẬN TRỌNG - KÍN ĐÁO - BẢO ĐẢM TIỀN LỜI THẤP